A-na-tô-li I-va-nốp

TIẾNG GỌI VĨNH CỬU





A-na-tô-li I-va-nốp nói về cuốn tiểu thuyết của mình

Tôi cho rằng bất kỳ một tác phẩm nào cũng đều được ra đời do kết quả những suy tư của nhà văn đối với cuộc sống, đối với các quá trình đang diễn ra trong xã hội.

Thời đại của chúng ta là thời đại của những sự đổi thay và cải biến khổng lồ, triệt để.

Lịch sử của chúng ta giàu chất anh hùng và cũng có cả bi kịch. Toàn bộ chân lý — kể cả chân lý thông thường, hàng ngày, nhất là chân lý xã hội — đến được với con người đôi khi cũng không phải là dễ dàng gì lắm. Tất nhiên cũng có những con người không rõ bằng cách nào đó có thể nhận thức được ngay những hiện tượng lịch sử xã hội thậm chí rất phức tạp. Nhưng đối với nhiều người thì chân lý đó chỉ có thể đến được do kết quả của những cơn sốc và những cuộc thử thách nghiêm túc. Và cũng có những trường hợp muốn nhận thức được chân lý con người buộc phải trả bằng cái giá đắt nhất — sự sống của chính mình.

Và những suy tư thuộc loại đó đối với thực chất sự tồn tại phức tạp của chúng ta cũng chính là nguyên nhân thúc đẩy việc viết tiểu thuyết «Tiếng gọi vĩnh cửu».

Con người sinh ra đời để làm gì? Con người sống để làm gì? Ý nghĩa của cuộc sống là ở đâu? Đâu là sự thật, đâu là chân lý, và đâu là sự giả dối?

Với niềm tin cực kỳ sâu sắc và giàu tính nghệ thuật «Tiếng gọi vĩnh cửu» cho thấy rằng đối với những «câu hỏi tinh thần» mà sự bùng nổ chưa từng có của xã hội đã biến thành những câu hỏi hoàn toàn cụ thể và cấp thiết thì không phải bao giờ và bất kỳ ai cũng có thể trả lời đúng được còn là vì những sự kiện của cách mạng, của cuộc nội chiến, của công cuộc tập thể hóa và của cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại đã đặt mọi người vào những tình huống phi thường, những tình huống đã trở thành những bước ngoặt bất ngờ nhất trong số phận của mỗi cá nhân con người.

ISBN 5—05—000742—9
ISBN 5—05—000744—5

A-na-tô-li I-va-nốp

TIẾNG GỌI VĨNH CỬU

Tiểu thuyết hai tập

Tập 2



Nhà xuất bản Cầu vồng
Mát-xcơ-va 1986

In theo bản dịch của Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội

Người dịch: *Đoàn Tử Huyến*
Người biên tập: *Cao Giang*

А. Иванов
ВЕЧНЫЙ ЗОВ
Роман в двух томах, том 2
На вьетнамском языке

In tại Liên Xô

И $\frac{4702010200-372}{031(05)-86}$ 111-86

ISBN 5—05—000742—9
ISBN 5—05—000744—5

PHẦN THỨ HAI

Vết rạn thời trẻ, miếng mẻ lúc già

Tháng Chín trôi qua êm ả, ấm áp, và rất may là không có mưa.

Từ sau dãy núi Dve-nhi-gô-ra, mặt trời hiện lên, chiếu lấp lánh trên những chùm lá cây ướt đẫm sương nặng trĩu, chậm chạp xua tan làn sương sớm hơi lành lạnh.

Ngọn những cây dương hoa bị băng giá ban mai làm cháy sém đã trở nên thưa thớt lá, trên cành các cây dương trắng cao lớn gió thổi đung đưa những túm lá vàng đã bắt đầu chớm mốc.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, mặt phờ phạc, thiếu ngủ, cầm lấy dây cương ngựa từ tay ông già Ép-xây, rồi nặng nề ném tấm thân bắt đầu trở nên đẫy ra của mình vào thùng xe.

— Đến nhà máy à? Hay ra ga? — ông già Ép-xây hỏi.

— Đến cả hai nơi... Và còn phải trên hai chục chỗ khác.

— Đừng bỏ roi lại trên xe. Chúng cuỗm ngay đấy.

Từ chiếc loa phóng thanh đặt trên sân, vẳng đến giọng phát thanh viên mệt mỏi:

«Trong mấy ngày gần đây, chiến sự ác liệt đang diễn ra ở ngoại vi thành phố Ki-ép. Quân đội Đức, mặc dù bị thiệt hại nặng về người và vũ khí, vẫn tiếp tục tung vào trận những đơn vị chiến đấu mới. Quân địch đã chọc thủng được một điểm trên tuyến phòng thủ Ki-ép của ta và đang tiến đến gần thành phố...»

Cru-gi-lin chậm chạp cho xe đi theo con đường đã lác đác những chiếc lá vàng đầu tiên của mùa thu. Giọng phát thanh viên xa dần ở phía sau.

«Quân Đức đang cố sức tiến đến Mát-xcơ-va, — Cru-gi-lin không vui nghĩ thầm. — Mấy ngày trước Lê-nin-grát đã bị quân địch bao vây dày đặc. Min-xcơ, Lơ-vốp đã mất từ lâu. Và bây giờ lại Ki-ép... Va-xi-li đang ở Pê-rê-mư-slơ, gần Lơ-vốp. Từ ngày đầu chiến tranh đến nay không có tin tức gì về con cả. Không biết nó giờ ở đâu, có còn sống không?»

Bỗng nghe một cơn đau nhói trong tim, Cru-gi-lin nhăn mặt giật mạnh dây cương. Con ngựa Các-ca-Xô-côn nhảy chồm lên, nhưng chỉ nửa phút sau nó đã lại đủng đỉnh từng bước một.

«Gần một tháng trước đây, dường như quân đội Xô-viết đang chuẩn bị một đòn giáng trả mạnh mẽ ở vùng Xmô-len-

xcơ, — những suy nghĩ của Cru-gi-lin cứ tự chúng đan kết vào nhau. — Trên báo chí xuất hiện nhiều lời phỏng đoán hoặc thậm chí khẳng định đầy lạc quan hy vọng rằng sự tan rã của quân đội xâm lược Đức phát-xít đã bắt đầu, rằng lực lượng quân sự chủ yếu của Đức quốc xã đã bị nghiền nát, đè bẹp trong các trận phòng ngự, rằng chẳng bao lâu nữa sẽ bắt đầu chiến dịch tấn công quyết định của quân đội Xô-viết. Mọi người chờ đợi những thay đổi căn bản trên các mặt trận. Loa phóng thanh phát suốt ngày đêm. Và quả thật, cuối tháng Tám, Hồng quân bắt đầu tấn công, tiến lên phía trước, những trận đánh ác liệt nổ ra ở phía bắc và phía nam thành phố Xmô-len-xcơ. Đầu tháng Chín thành phố En-nhi-a được giải phóng. Nhưng ít lâu sau, các hướng tiến công của Hồng quân đều bị dừng lại, rồi im hẳn...»

Con ngựa thiến được chăm nom chu đáo, no căng, nhẹ nhàng kéo chiếc xe dọc theo các phố San-ta-ra. Cru-gi-lin nhớ lại hai tháng rưỡi trước đây, khi công bố lệnh động viên tất cả những người sinh từ năm 1905 đến năm 1918, các đường phố này vang lên inh ỏi những giọng hát say rượu và tiếng khóc của phụ nữ. Hầu như nhà nào cũng có tiếng hát và tiếng khóc. Và rồi vào một buổi sáng cả cái mớ hỗn độn tiếng hát và tiếng khóc đó bò ra sau thị trấn, theo con đường nhựa đến nhà ga và ở lại đó mãi tận trưa, cho đến khi đoàn tàu quân sự chở những người được động viên chuyển bánh rời ga.

Cho đến tận chiều, những nỗi đau buồn của mọi người như những đợt sóng lan truyền khắp thị trấn; nhưng cùng với đêm xuống, tất cả lắng lại, im lìm. Cả thị trấn lớn thiếp đi như người bệnh trong cơn ngủ chập chờn, đầy lo âu.

Và buổi sáng ngày hôm sau đến với một vẻ khác thường. Những đường phố vắng vẻ, những ngôi nhà trống trải, và những hàng cây cũng như đứng im lặng. Tất cả đều mang một vẻ côi cút, tất cả đều như bị xúc phạm, toát lên một sự oán trách và một câu hỏi không nói ra lời: cái gì đang xảy ra thế này? Tai sao lại để đến nỗi như vậy? Cru-gi-lin cảm thấy như chính mình cớ lỗi trực tiếp trong cái tai họa mà cả thị trấn này và tất cả mọi người đang phải hứng chịu.

Những công việc, lo toan, bất ngờ và mới mẻ, hết cái này đến cái khác, liên tiếp đổ lên đầu ông.

Ba tuần sau lệnh động viên, hai đoàn tàu chở dân tản cư lần lượt từ các vùng gần mặt trận đến San-ta-ra. Và cả thị trấn lập tức biến thành một trại Di-gan. Trên sân ga, trên sân vận động của huyện, trên các đường phố chính mọc lên san sát những túp lều bằng bạt, cạnh đó đêm đến người ta đốt lên những đống lửa bập bùng. Dọc các phố từ sáng đến tối, người đi bộ, đi xe, xách túi, xách va-li hoặc đi tay không thành từng đám, áo quần nhàu nát, bẩn thỉu sau nhiều tuần phải chịu khổ cực, vất vả.

Bảo đảm nơi ăn chốn ở cho ngần ấy những người già, phụ nữ, trẻ em đói khát, mệt mỏi tưởng như là việc không thể giải quyết nổi. Huyện ủy và ủy ban huyện trong một thời gian khá dài biến thành các phòng nhà đất tìm chỗ ở cho dân tản cư. Mỗi ngày mấy bận phòng làm việc của Cru-gi-lin bị tấn công; những người từ nơi khác đến yêu cầu bất kỳ một chỗ nào có thể ở được; còn đám đông phụ nữ địa phương ra sức chứng minh rằng không thể nào nhận cho ở thêm dù là một người nữa. Không hiếm những lúc trong phòng làm việc vang lên tiếng khóc lóc, chửi rủa.

Nhưng dần dần rồi mọi người cũng được phân về các gia đình trong thị trấn, một số khác được gửi về sống ở các làng, các nông trang, nông trường trong huyện.

Phần lớn mọi người đều nhẫn nhục im lặng cam chịu số phận — thôi thì chỉ cần có mái che trên đầu và một công việc gì đó để kiếm sống, — nhưng cũng có những trường hợp có người không chịu đi về các nông trang.

Một lần, một phụ nữ trạc trung niên, mặc chiếc áo khoác ngoài đắt tiền nhưng nhàu nát, miếng rách ở vai được khâu lại một cách vụng về bằng chỉ đen, xông vào phòng. Chị ta trước đây chắc cũng béo tốt, khỏe mạnh, nhưng vì đi đường nên gầy tóp, da trên cổ và ở cằm nhăn nheo gấp xếp lại, đôi má sệ xuống nhuốm một màu hồng bệnh hoạn.

— Tôi không thể về nông trang được! Ở đó tôi không chịu được, tôi không sống nổi! — Chị ta vật người xuống chiếc ghế dựa, la lên.

Pô-li-pốp, lúc đó đang ở trong phòng làm việc của Cru-gi-lin, im lặng rót cho chị ta một cốc nước.

— Tôi là người mê nhạc. Các anh hiểu không, tôi bị bệnh,

tôi bị bệnh mê âm nhạc không chữa khỏi. Tôi không thể thiếu âm nhạc, tôi không sống nổi...

Tất cả những chuyện này có lẽ thật buồn cười, nhưng Cru-gi-lin và Pô-li-pốp nhìn người đàn bà với một vẻ thương hại:

—Đầu tiên chị hãy bình tĩnh đã,—Cru-gi-lin đặt tay lên vai chị ta, nói. Người đàn bà giật bắn người lên như bị đánh, lảo đảo lùi lại.—Chúng tôi biết làm gì được, khi ở San-ta-ra chúng tôi cũng không có nhà hát giao hưởng... Chúng tôi cũng phải nghe nhạc qua ra-đi-ô. Mà ở nông trang cũng có ra-đi-ô.

Không biết vì cái tin về ra-đi-ô làm cho người đàn bà yên tâm hay vì cuối cùng rồi cũng ý thức được hoàn cảnh của mình, chị ta không nói gì thêm, đứng dậy ra về.

Lần khác, một ông già gân guốc, gầy đét, rụt rè gõ cửa, rồi bước vào phòng làm việc của Cru-gi-lin.

—Tôi... Xin lỗi, làm phiền các anh... Tôi được gửi về một nông trang... Nhưng, xin lỗi, tôi nghe nói rằng ở đó đến trường cấp một cũng chẳng có...

Một tay ông già xách chiếc túi bằng vải sơn dùng để đi chợ, tay kia cầm cây can đầu bịt bạc. Và chiếc can quý giá này hoàn toàn không hợp với cái vẻ ngoài của ông. Ông ta mặc chiếc áo khoác bằng vải da dày, một bên hông bị cháy thủng, sợi dây thừng thắt ngang lưng—vì áo không còn lấy một chiếc cúc nào nữa. Chiếc quần dài đã sờn treo thùng thình trên người, đầu đội một vật thảm hại với những mép vành sổ thõng xuống trông hao hao giống mũ. Mắt hình như bị lòa nặng, vì khi nói ông ta ngoảnh mặt nhìn không phải về phía Cru-gi-lin đang đứng.

—Chắc bác là giáo viên phải không ạ?—Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích hỏi.

—Vâng, cũng gần như vậy...—Ông già quay về phía có giọng nói. Và ông rụt rè tiếp, dường như sợ người khác không tin:—Tôi, anh thấy đấy, là tiến sĩ toán lý.

Cru-gi-lin đã nhẵn mặt với tất cả mọi loại người, nhưng chưa được gặp một tiến sĩ khoa học nào trong số những người đi tản cư về đây.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nghe tim thắt lại, đau nhói—càng ngày những nỗi đau khổ lớn lao của dân tộc trong cơn

tai họa khủng khiếp này càng mở ra trước mắt ông với các chiều sâu của nó.

Ông mời vị tiến sĩ già ngồi xuống chiếc ghế đối diện và xoa cằm rất lâu nghĩ cách giải quyết.

— Bác có một mình thôi ạ? Có ai đi cùng bác nữa không?

— Sao ạ? À, còn Ma-sa... Tàu của chúng tôi bị ném bom, lúc còn ở bên kia sông Vôn-ga... Tôi đi tìm Ma-sa rất lâu, nhưng chỉ thấy cái này. — Và ông già giơ chiếc túi bằng vải sơn lên. Rồi ông đặt túi xuống sàn, rút ra một chiếc khăn tay nhàu nát. Ông không khóc, chỉ hỉ mũi rất lâu, những sợi râu thưa thớt, rối bù và cả hàm dưới khẽ run run.

Cru-gi-lin bắt đầu gọi điện về tỉnh cho ban phụ trách tản cư vừa mới được thành lập.

— Có lẽ tôi quá làm phiền các anh, — ông già nói như xin lỗi: — Thực ra với tôi thì không sao, tôi cũng muốn tò mò xem nông trang một tí. Nhưng tôi có thể làm được việc gì có ích? Suốt đời tôi dạy dỗ thanh niên...

Một tuần sau, có mấy cán bộ của một trường đại học nào đó từ tỉnh về đưa vị bác học già đi.

Cru-gi-lin buông lỏng dây cương, ngồi gà gật trong tiếng vó ngựa gõ đều đều, khô khốc. Những đoạn hồi tưởng về vị tiến sĩ toán học già, về người đàn bà mắc bệnh mê âm nhạc, về đoàn tàu toa đỏ chở những người được động viên ra mặt trận và giờ chất đầy phụ nữ và trẻ em, — chúng hiện ra rồi tan đi trong bộ não đã mệt mỏi của ông như một đám khói. Và thay vào chỗ của chúng là ba hàng dài những túp lều bằng vải đủ cỡ.

Không, đây không phải là những túp lều bạt mà cách đây không lâu dựng đầy ở nhà ga, ở quảng trường của huyện gần bên tượng đài kỷ niệm. Đây là những chiếc lều khác... Chúng vừa mới xuất hiện, cách đây khoảng hai tuần, đứng thành ba hàng ở ngoại vi San-ta-ra, cạnh những ngôi nhà gỗ lợp giấy dầu của xí nghiệp liên hiệp công nghiệp huyện. Sống trong những túp lều bạt này là công nhân của nhà máy cơ khí nông nghiệp vừa sơ tán đến đây.

Nhà máy này đến hoàn toàn bất ngờ.

Cuối tháng Tám, phần lớn những người tản cư đã được bố trí tạm ổn chỗ ăn chỗ ở. Cru-gi-lin thở dài nhẹ nhõm, dự

định sẽ tập trung bắt tay vào việc thu hoạch mùa. Nhưng khuya mồng một tháng Chín trong phòng bí thư huyện ủy bỗng vang lên tiếng chuông điện thoại.

— Chưa ngủ à? — Xu-bô-tin hỏi. — Nếu thế thì, chào anh.

— Chào anh, I-van Mi-khai-lô-vích. Bây giờ thì ngủ nghê gì...

— Vất vả lắm à?

— Kinh khủng, — Cru-gi-lin thành thực nói. — Nhưng hình như cũng sắp xong rồi, nhờ Chúa...

— Thế-ế-ế... — đầu dây đằng kia bí thư tỉnh ủy kéo dài giọng và dường như thờ ơ đáp lại. — Nhưng... tôi sợ sự kinh khủng đối với anh chỉ mới bắt đầu thôi...

— Anh nói sao?! Chúng tôi không thể nhận thêm một người nào nữa đâu! Không còn nhà ở, không còn việc cho họ làm... Chúng tôi có phải là thành phố đâu.

— Về chuyện việc làm thì bây giờ anh sẽ dễ dàng hơn. Một nhà máy đang được chuyển về San-ta-ra.

— Nhà máy? Ở đây có liên quan gì đến nhà máy? Nhà máy nào? — Cru-gi-lin ngạc nhiên hét vào ống nghe.

— Nhà máy cơ khí chế tạo máy nông nghiệp.

— Anh đùa đấy chứ?

— Rất tiếc là tôi không đùa, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ...

Và chỉ đến lúc đó Cru-gi-lin mới hiểu ra rằng bí thư tỉnh ủy quả là không nói đùa. Bất giác ông buông thõng bàn tay đang cầm ống nghe xuống.

— Nhưng tại sao nhà máy lại chuyển về chỗ tôi? Cả nhà máy à? — cuối cùng ông lên tiếng hỏi.

— Đường dây cao thế chạy qua gần San-ta-ra. Vì vậy tại sao đến chỗ các anh, chắc đã rõ.

— Không, không được đâu. Chúng tôi không thể... Chúng tôi không đảm đương được đâu...

— Nếu thế, anh hãy gọi điện về Mát-xcơ-va cho Hội đồng tản cư, cho đồng chí Svéc-nhích hay Cô-xư-ghin. Đây là lệnh của họ, — Xu-bô-tin gay gắt nói rõ từng tiếng một. Rồi ông tiếp: — Tôi rất hiểu anh, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ. Nhưng đang chiến tranh, biết làm sao... Nửa tháng trước, Hội đồng Chính phủ đã duyệt kế hoạch kinh tế quốc phòng cho quý bốn.

Trong kế hoạch, mồng một tháng Mười Một nhà máy này đã phải có sản phẩm.

—Tức là chỉ có hai tháng?! Mà nhà máy thì vẫn chưa tới.

—Những đoàn tàu đầu tiên chở thiết bị và công nhân sau hai ngày nữa sẽ tới. Ngày mai kỹ sư trưởng của nhà máy sẽ có mặt ở chỗ anh. Các anh hãy cùng nhau nghĩ xem nên chọn mặt bằng ở đâu, bốc dỡ thiết bị ra sao, xếp vào chỗ nào...

—Nhưng chúng tôi biết làm sao mà bốc dỡ và để thiết bị vào đâu bây giờ?—Cru-gi-lin vẫn chưa chịu thôi, tuy vẫn biết rằng sự bướng bỉnh của mình nếu không là ngớ ngẩn thì ít ra cũng vô ích. Có những sự cần thiết do chiến tranh gây ra, và sự cần thiết đó không đếm xỉa đến, không công nhận bất cứ một cái gì, tất cả đều phải lùi bước hàng phục nó, kể cả cái không có thể.—Cần... cần phải có xưởng, tóm lại, cần phải có khu vực để sản xuất. Nhưng ở chỗ chúng tôi thì có gì? Chẳng có gì cả! Để công nhân ở vào đâu được bây giờ?

—Cùng với kỹ sư trưởng, các anh hãy suy nghĩ tự giải quyết lấy.—Giọng của Xu-bô-tin lại trở nên kiên quyết.—Một tuần nữa, các anh phải gửi lên tỉnh ủy dự án với số liệu chính xác về thời gian lắp ráp và ngày bắt đầu sản xuất của nhà máy. Thế thôi, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, thế thôi, ta sẽ không thảo luận về vấn đề này nữa,—ông nói thêm khi cảm thấy Cru-gi-lin còn muốn phản đối.—Và chắc cũng không cần phải nhắc anh rằng, trách nhiệm về những thời hạn đó, về sự khôi phục lại nhà máy, cũng như về mùa màng và về những chuyện khác nữa, huyện ủy phải chịu trước hết. Còn nói đơn giản hơn, thì chính anh, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, phải chịu.

Kỹ sư trưởng của nhà máy là một người nhỏ bé, hơi béo và không bao giờ tỏ vẻ buồn rầu chán nản.

—Tôi là I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp,—ngày hôm sau, anh ta bước vào phòng làm việc của Cru-gi-lin, thản nhiên ném mạnh chiếc cặp da lên bàn, tự giới thiệu. Nhưng khi gặp cái nhìn của Cru-gi-lin, anh bối rối nhặt cặp lên.—Xin lỗi anh... ở tỉnh ủy người ta bảo rằng anh đã biết tình hình. Nhà máy của chúng tôi không lớn lắm, chừng nghìn rưởi công nhân. Sản xuất máy quạt, máy gieo hạt và những máy móc khác cần thiết cho nhân loại hòa bình. Tháo dỡ và bốc xếp phải

làm dưới bom, nhưng chúng tôi đã kịp đưa đi hết, cho đến tận chiếc máy cuối cùng. Thôi, không thể chậm trễ, chúng ta sẽ bố trí thiết bị nhà máy và chỗ ở cho công nhân vào đâu đây?

—Tôi cũng không biết nữa,—Cru-gi-lin nhếch mép nói.

—Anh không biết nghĩa là thế nào?! Sao anh lại không biết?—Khô-khơ-lốp tròn mắt lên nhìn Cru-gi-lin.

—Thì thế đấy—tôi không biết. Chúng tôi vừa tiếp nhận xong hai đoàn tàu chở dân tản cư, hiện nay không thể lấy đâu ra một mét nhà ở cho công nhân của nhà máy các anh nữa... Một nghìn rưởi, còn gia đình, tất cả là bao nhiêu người?

—Tất cả gần năm nghìn người.

Cru-gi-lin chỉ cười khẩy.

—Anh cười cái gì hả? Anh cười cái gì? Vâng, gần năm nghìn người... Chúng tôi cũng đã dự tính trước những khó khăn về chỗ ở ở nơi mới đến... Trong thời gian đầu, mọi người có thể ở trong các lều bạt. Chúng tôi có mấy trăm chiếc lều.

—Ở đây không phải là châu Phi. Tháng Chín bắt đầu sương giá, tháng Mười đã có mưa lẫn tuyết. Nửa cuối tháng Mười trời thường lạnh đến âm ba mươi độ.

Khô-khơ-lốp thậm chí thôi cả chớp mắt.

—Cái gì? Ba mươi độ âm? Không thể thế được...—Rồi anh bỗng chộp lấy chiếc cặp của mình, hấp tấp nói.—Thôi được, thôi được... Bây giờ cần phải bắt đầu từ cái quan trọng nhất—chọn mặt bằng cho nhà máy, xem qua những căn nhà hiện có sẵn. Trên tỉnh người ta nói với tôi rằng ở chỗ các anh có xí nghiệp liên hiệp công nghiệp. Ở đó có một số nhà có thể dùng làm xưởng cho nhà máy.

—Thì mời anh đến xem nhà của xí nghiệp liên hiệp công nghiệp chúng tôi,—Cru-gi-lin nặng nhọc thở ra.

Nửa giờ sau, Khô-khơ-lốp đã im lặng đi dọc theo các dãy nhà thấp lè tè kiểu lán gỗ của xí nghiệp liên hiệp—xưởng mộc, xưởng tiện, và vừa cắn chặt cặp môi hồng đầy đặn, vừa gõ gõ—không hiểu để làm gì—lên những bức tường gỗ. Và rồi, vẫn im lặng như vậy, anh xem xét công trình bằng gạch duy nhất—ngôi nhà kho của xí nghiệp. Ra khỏi nhà, anh ngước nhìn bầu trời tháng Chín quang đãng phất phơ những tấm lưới nhện, nhìn những hàng cột gỗ của dòng điện cao thế chạy

vòng qua làng rồi mất hút phía chân trời, hầt đầu chỉ hầm chứa rau được phủ một lớp đất mọc đầy cỏ ở phía trên:

—Cái gì trong ấy?

—Đó là nơi cửa hàng thương nghiệp huyện chứa khoai tây, cải bắp.

—Ta xuống xem đi...

Leo lên khỏi hầm chứa rau, Khô-khơ-lốp hỏi:

—Thế là hết rồi à?

—Chưa đâu... Đấy, còn căn nhà cạnh kho. Chúng tôi làm nước quả ép ở đó.

—Vâng...—Khô-khơ-lốp kéo dài giọng và sau khi đi khắp khu vực xí nghiệp liên hiệp một lần nữa, anh ngồi xuống một chiếc thùng gỗ không, rút từ trong cặp ra một tờ giấy và bắt đầu vạch ra những hình vuông.

—Chỗ này là thuận tiện nhất cho trạm biến thế. Chúng ta sẽ đặt nó ở đây. Nơi này sẽ xây khu nhà chính cho xưởng cơ khí. Còn đây sẽ là xưởng rèn. Xưởng mộc vẫn để nguyên tại chỗ. Và chắc anh cũng đã biết rằng ngay trên đường tới đây, Xa-vê-li-ép đã được điện Chính phủ gọi về Mát-xcơ-va rồi chứ?

—Xa-vê-li-ép nào?

—Giám đốc mới của nhà máy chúng tôi. Từ tháng Tám đến nay, chúng tôi có giám đốc mới, ông ta đến mang theo lệnh sơ tán.

—Nhưng rồi sao nữa?

—Không biết liệu ông ta trở về có mang theo quyết định thay đổi chuyên môn của nhà máy chúng ta không?—Khô-khơ-lốp lấy đầu bút chì gãi gãi cằm.—Đã có tin đồn như vậy từ khi còn đang tháo dỡ nhà máy. Chiến tranh mà, có cái bây giờ còn cần hơn máy móc nông nghiệp.

Cru-gi-lin chỉ nhún vai.

—Thôi được, để xem, để xem,—Khô-khơ-lốp hấp tấp nói.—Thế này, anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, cái khoảnh đất này, chừng bốn chục héc-ta, việc đầu tiên là phải rào lại... Bằng gì à? Chắc chúng ta sẽ kiếm được ít gỗ chứ?

—Chúng tôi có một nhà máy gỗ nho nhỏ. Nhưng với số lượng gỗ như thế...

—Vâng, vâng... Và ngoài ra, đây là một công việc vất vả,

tốn nhiều thời gian, sức lực. Mà ngày kia những đoàn tàu đầu tiên đã đến rồi. Lối thoát duy nhất — trước mắt phải rào khu vực nhà máy tương lai bằng dây thép gai... Mặc dù việc này cũng không thực tế. Lấy đâu ra dây thép gai? Đành phải bằng dây thép thường vậy. Có kiếm được không?

— Có lẽ cũng kiếm được ít nhiều. Cần bao nhiêu?

— Hơi nhiều đấy, hơi nhiều đấy... — Khô-khơ-lốp lắc đầu. Anh viết vội những con số ra giấy, tính toán số dây thép cần thiết phải có. Rồi anh ngẩng đầu lên nhìn những ngôi nhà xấu xí của xí nghiệp liên hiệp, nhìn đồng cỏ trơ trọi phía sau chúng và mỉm cười. — Này, đồng chí Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích thân mến, chỉ còn một vài tuần nữa là cái chỗ này của thị trấn các anh sẽ không ai còn nhận ra nữa...

* * *

Và bây giờ quả không còn có thể nhận ra khu vực ngoại vi của thị trấn này được nữa. Một khoảng đất lớn, được rào ngăn lại bằng những chiếc cọc cao giăng mấy hàng dây thép, bị đào đi bới lại ngổn ngang, những ngọn núi đất cồn lên, gối đầu vào nhau như những đợt sóng đen khổng lồ. Mấy ngôi nhà của xí nghiệp liên hiệp đứng tận trong góc xa như bị những đợt sóng này xô dồn tới đó và giờ bị bỏ quên, không ai cần đến, trông chúng càng thảm hại bé nhỏ giữa những núi đất ngổn ngộn này.

Khắp nơi trên bãi đất, tiếng máy xúc gầm rú đào các hố chân móng; những đống gạch ngói, gỗ ván, gỗ cột, những thanh rầm thép chữ I, những cuộn dây thép nằm chất đống ngổn ngang giữa các gò đất. Và đâu đâu cũng người và người với xẻng, cuốc chim, xà beng trong tay. Từ nhà ga, những chiếc xe tải, xe kéo rơ-moóc nặng chạy đi chạy về không ngớt, chở gạch, gỗ, xi-măng, sắt, thép, máy cho công trường xây dựng nhà máy. Lúc đầu, trừ máy móc, tất cả mọi thứ đều được dỡ xuống xếp bên trong khoảnh đất đã được rào lại; nhưng dần dần, vì quá chật chội, nên những khu vực giáp liền xung quanh với địa phận của nhà máy tương lai cũng chất đầy các loại vật liệu xây dựng. Những cỗ máy cái và các thứ thiết bị khác của



nhà máy được bốc xuống một chỗ riêng và xếp lên những tấm ván đặt ngay trên mặt đất.

—Chúng mày cũng thật vất vả,—khi những chiếc máy cái đầu tiên được chở đến, Khô-khơ-lốp lấy tay vuốt ve mặt thép lạnh của một cỗ máy phay, thở dài nói.—Cũng phải lặn lội như người. Kiếm đâu được cho chúng cái mái che bây giờ?!

—Chúng làm bằng thép, không bị cảm lạnh đâu mà lo,—một người râu đã lâu không cạo, mệt mỏi và thờ ơ nói.

—Phải lấy vải bạt phủ lên từng chiếc máy một! Từng chiếc một! Phê-đô-tốp, anh nghe rõ chưa? Bản thân anh sẽ chịu trách nhiệm về việc này.

—Tôi lấy đâu ra chừng ấy vải bạt? Anh hãy cấp cho tôi vải bạt, tôi sẽ che không chỉ máy thôi, mà cả công trường nữa.

—Không có bàn cãi! Phải che—và chấm hết. Lấy ở đâu ra là việc của anh...

Cru-gi-lin nhớ lại chi tiết nhỏ này khi cho xe đi đến gần công trường. Ông nghĩ về Khô-khơ-lốp và anh chàng Phê-đô-tốp mà sau đó ông chưa lần nào gặp lại với một thiện cảm ấm áp.

Đến nơi, ông thấy tất cả các cỗ máy đã được xếp thành từng hàng thẳng tắp và phủ vải bạt cẩn thận. Và ông lại nghĩ về Phê-đô-tốp: «Tay này khá lắm!..»

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích dừng xe lại, ném cho con ngựa thiến một túm cỏ, tháo dây chằng yên ra.

—Này, ông kia!—Ông nghe có tiếng gọi và trông thấy một người mặc áo bông, bao súng ngắn treo lủng lẳng trên chiếc thắt lưng da rộng bản.—Không được dừng lại đây. Ông không trông thấy tài sản của nhà máy đấy à? Đánh xe ra chỗ khác đi.

Khi quyết định dỡ máy móc và thiết bị xuống đây, mọi người muốn rào cả khu đất này lại bằng dây thép, nhưng sau thấy rằng đặt một trạm gác thì sẽ đơn giản hơn.

—Tôi là bí thư huyện ủy Cru-gi-lin. Khô-khơ-lốp đâu?

—À, vâng,—người mặc áo bông trả lời, kéo dài giọng.—Có mà quỷ biết anh ta ở đâu. Chỗ nào cũng thấy đến.

Khi Cru-gi-lin bước đi, anh ta chạy theo nói:

—Đồng chí bí thư, xin lỗi, cho tôi xin hỏi một tí... Chúng tôi làm thế nào để qua đông đây?—và anh ta chỉ về hướng những dãy lều bạt dài.—Đêm nghe đã lạnh lắm rồi. Trẻ con

bắt đầu ho...

— Qua đông ấy à? - Cru-gi-lin dừng lại. — Sẽ qua được thôi. Bắt đầu từ ngày mai sẽ xây nhà.

— Xây là thế nào? — người bảo vệ ngạc nhiên hỏi. — Làm thế nào mà xây kịp được khi chỉ còn một tháng nữa đã là mùa đông?

— Sẽ kịp thôi, — Cru-gi-lin nhếch mép mỉm cười một cách khó khăn.

Đúng, nhà ở, nhà ở... Đầu như bị vỡ tung vì lo lắng: làm sao mà giải quyết được vấn đề nhà ở? Sau khi gửi được một số người tản cư đến trước đây về các nông trang, phải vất vả lắm mới bố trí được chỗ ở gọi là cho chừng năm trăm gia đình — chọn những gia đình đông con nhất. Nhưng còn hơn một nghìn gia đình — trên ba nghìn con người — từ ngày đến đây vẫn phải sống trong các túp lều bạt.

Tất nhiên có thể dùng biện pháp chính quyền để đưa thêm nhiều người tản cư về các nông trang, nông trường. Nhưng chính Khô-khơ-lốp lại phản đối việc này.

— Còn nhà máy? Chỉ bằng lực lượng công nhân chúng tôi thì làm thế nào để có thể kịp khôi phục nhà máy trong tháng Mười? Lúc đó người ta sẽ lấy đầu chúng tôi đi! — Và anh lắc lắc tập giấy đầy những con tính. — Chỉ riêng đất cũng đã phải đào hàng nghìn, hàng nghìn mét khối rồi.

Và anh nhấn mạnh:

— Phải tìm cho ra chỗ ở cho công nhân! Tôi không tin là cả một thị trấn lớn như thế này mà không tìm đủ chỗ ở cho thêm ba nghìn người nữa. Tôi, tự tôi sẽ đi từng nhà, tôi sẽ kiểm tra lại.

Và một lần, vào ban đêm, anh cùng với đại diện công an và ủy ban huyện, đi kiểm tra thật. Sáng hôm sau anh đến huyện ủy dáng mệt mỏi, cau có.

— Đúng là tất cả các nhà đều chật cứng, — anh làu bàu trả lời câu hỏi không nói ra lời của Cru-gi-lin. — Phải nằm ngổn ngang cả ra đất ngủ. Có một bà già còn túm lấy chúng tôi xô ra khỏi nhà: «Tốt hơn là chở sống tôi ra ngoài nghĩa địa, sẽ được thêm chỗ của tôi trên lò sưởi...» Nhưng dù sao cũng cần phải tìm được chỗ ở cho công nhân! — im lặng một lát, anh kết luận:

— Dựng xong nhà máy, chúng ta sẽ lo đến nhà ở. Sẽ làm nhà trại cho nhanh. Còn bây giờ thì gỗ lạt, thời giờ, nhân công, đều không có.

Nhưng công nhân không biết ở vào đâu.

Cru-gi-lin đi qua dãy lều bạt. Đây đó, một vài đống lửa mọi người nấu cơm sáng hãy còn bốc khói. Lũ trẻ con chạy đuổi nhau giữa những túp lều, hò hét, cười đùa. Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích biết ngay là chúng đang chơi trốn tìm. Ở đây không thiếu nơi để chúng có thể trốn rất kín.

Ông tìm thấy Khô-khơ-lốp ở cạnh trạm biến thế điện đang xây dở. Ở đây, chiều qua đã kết thúc xong việc đào hố móng, trong một đêm đổ xong chân móng và đã bắt đầu xây tường. Lúc Cru-gi-lin đến, bức tường gạch đã vượt lên trên mặt đất hơn nửa mét.

Khô-khơ-lốp, người lấm bùn bê bết, râu ria không cạo, nhưng vẫn nhanh nhẹn và vui vẻ như thường, đang quát tháo một người đàn ông mặc áo lao động liền quần dính đầy vữa:

— Đêm hôm qua anh hứa gì với tôi, hả? Tôi hỏi anh, anh hứa đến sáng sẽ đặt được bao nhiêu mét tường, hả? Thế đã xây được bao nhiêu? Hay là không có gạch? Hay là vữa không đủ?

— Tất cả đều có đủ...

— Tất cả đều có đủ! Chính tôi đã lo chạy cho tất cả đều có đủ! Thế mà các anh làm ăn như vậy đấy, hả?

— Mọi người kiệt sức cả rồi. Vừa làm vừa ngủ gật.

— Vừa làm vừa ngủ! Anh bỏ cái kiểu ấy đi — vừa làm vừa ngủ! — Và bỗng nhiên anh đổi giọng, nói như van xin, cầu khẩn: — Anh Pê-tơ-rô-vích, anh đừng chơi xỏ tôi nữa nhé? Một tuần nữa phải xây xong khung tường của trạm biến thế. Pê-tơ-rô-vích, anh có nghe tôi nói không? Đấy, ngày hôm nay giám đốc sẽ đến. Tôi biết nói sao với ông ta bây giờ? Làm sao dám nhìn mặt ông ta bây giờ?

— Thì chúng tôi cũng hiểu chứ, — Pê-tơ-rô-vích nói khàn khàn như bị cảm. — Tôi nghĩ, chúng ta sẽ làm kịp.

— Hãy làm đi, làm đi, anh bạn thân mến ạ. Chúng ta không thể không làm xong. Anh hiểu không, không thể!.. A, chào anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích! — Khô-khơ-lốp trông thấy Cru-

gi-lin. — Đêm qua anh có ngủ được không? Không à? Đấy, nhìn mắt biết ngay mà, chắc lại họp suốt đêm.

Mắt Khô-khơ-lốp cũng đỏ ngầu, sưng mọng lên.

— Thì anh cũng có ngủ đâu?

— Chập chờn được đôi chút... Thôi, ta ra đằng kia đi, sau đống gạch ấy, hút điếu thuốc, nghỉ ngơi một tí.

Họ ngồi xuống sau bức tường gạch. Gần như toàn bộ công trường hiện ra trước mặt hai người. Mặt trời đã lên, tưới những tia nắng yếu ớt, như bị pha loãng, lên những đống đất nằm ngổn ngang, chiếu lấp lánh bên các cửa kính ca-bin của mấy chiếc máy xúc đang quay tròn, chạy đi chạy lại, ánh lên như tia chớp trên những chiếc xẻng bóng loáng của những người đào đất — chủ yếu là phụ nữ. Già có, trung niên có, trẻ có — tất cả đều đang vung xẻng dọn nền cho những khu xưởng tương lai của nhà máy. Một số xưởng đã được thành hình giữa bốn bức tường bằng gạch nâu đỏ cao chừng mét — mét rưỡi. Phụ nữ đẩy xe, khiêng gạch, cát, vôi, xi-măng, cũng phụ nữ trộn vữa trong các máng bằng gỗ, rồi đổ vào xô và mang cái chất lỏng nặng như chì đó cho những người thợ xây. Khắp nơi phụ nữ, phụ nữ phải làm cả những việc nặng nề, vất vả nhất.

«Còn bao nhiêu những việc như vậy phụ nữ phải làm, nếu chiến tranh kéo dài thêm một năm nữa? — những ý nghĩ nặng nề và nhức buốt trăn trở trong đầu Cru-gi-lin. — Còn nếu như hai năm nữa? Bởi vì, ngoài họ ra, chẳng còn ai. Chiến tranh đã ba tháng nay, số đàn ông trong huyện giảm đi đến ba phần tư — nếu không hơn. Chỉ có một số ít các chuyên gia nông nghiệp và thợ máy được hoãn để lại theo diện ưu tiên đặc biệt. Mà có lẽ cũng không lâu. Nghĩa là toàn bộ nền nông nghiệp sẽ nằm... — mà còn sẽ gì nữa! — đã nằm trên vai những người phụ nữ...»

— Anh thấy thế nào? — giọng Khô-khơ-lốp vang lên bên tai. — Công việc chạy đấy chứ. Chẳng bao lâu nữa nhà máy chúng ta sẽ nhả khói! Còn anh, trước đây anh nói sao?!

— Vâng, — Cru-gi-lin buồn buồn đáp. — Nếu như không chuyển nhà máy sang Bộ dân ủy quân khí, thì tôi cũng không biết rồi sẽ ra sao... Anh nhớ lại xem, đến dây thép cũng không có để rào khu vực công trường lại. Rồi gạch, rồi xi-măng, rồi

gỗ, lấy đâu? Ngoài máy móc của nhà máy và mấy chiếc máy xúc, các anh có mang theo gì đâu...

Nghe bên cạnh bỗng vang lên tiếng ngáy, Cru-gi-lin quay sang nhìn. Khô-khơ-lốp, lưng tựa vào bức tường gạch, đầu hơi ngoẹo sang một bên để ưỡn cục yết hầu lởm chởm râu, đã ngủ thiếp đi từ lúc nào.

* * *

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích im lặng hút nốt điếu thuốc và nhớ lại những ngày công việc túi bụi vừa qua...

«Tôi sợ rằng sự kinh khủng đối với anh chỉ mới bắt đầu», — hôm đó Xu-bô-tin đã nói với anh như vậy. Và sự kinh khủng đó đã bắt đầu. So với nó, việc bố trí chỗ ở cho những người tản cư trước đây chỉ là một điều vặt vãnh, đơn giản. Huyện ủy chỉ thị cho tất cả các nông trang, các cơ quan trong huyện phải kiểm kê tất cả số vật liệu xây dựng hiện có, cho đến tận từng chiếc đinh một, chứ không nói tới gạch hoặc xi-măng, và chở tất cả về thị trấn để phục vụ việc khôi phục lại nhà máy. Nhưng bằng cách này cũng chỉ mới góp nhặt chưa nổi một phần nghìn số lượng cần thiết. Từ tỉnh ủy, hàng ngày điện thoại gọi xuống: công việc tiến hành ra sao? Bao giờ thì các anh nộp bản kế hoạch thời gian cho ra sản phẩm của nhà máy?

— Bản kế hoạch nào?! Hiện nay chúng tôi không thể lập được kế hoạch nào cả! — một lần, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích bị hành hạ đến mệt lử, hét vào máy. Ông nghĩ: «Muốn ra sao thì ra!» — Chúng tôi không thể kịp xong nhà máy trước tháng Mười Một được! Vâng, vâng, đang đào hố móng, chúng tôi huy động tất cả lực lượng có thể lao động được của thị trấn. Nhưng lấy gì mà đặt móng? Cấp cho chúng tôi vật liệu xây dựng, lúc đó hãy yêu cầu... Cát, sỏi à? Vâng, lấy ở bờ sông Grô-mô-tu-kha. Còn gạch, xi-măng? Chúng thì làm gì có trên bờ sông! Sao? Các anh không thể lấy từ kho của tỉnh vài cân xi-măng à? Thế thì... ai đưa nhà máy đến chỗ chúng tôi? Hội đồng tản cư à? Gọi đến đấy? Đã gọi rồi. Họ bảo: hãy thử hỏi Bộ dân ủy chế tạo máy trung quy mô. Chúng tôi đã gọi đến đấy, họ bảo: hỏi tỉnh. Bây giờ các anh lại bảo hỏi Hội đồng tản cư...

Thực ra, bản kế hoạch khôi phục và đưa nhà máy vào hoạt

động đã có rồi, do Khô-khơ-lốp lập ra. Nhưng Cru-gi-lin vừa liếc qua khối lượng công việc và thời hạn thực hiện, đã hốt hoảng hỏi:

— I-van I-va-nô-vích, anh nghiêm chỉnh đấy chứ?

— Đúng như thời hạn yêu cầu, — Khô-khơ-lốp đáp.

— Tất cả các kỹ sư, bí thư chi bộ Đảng các xưởng... đều tham gia vào việc lập kế hoạch chứ?

— Không phải tất cả... Bí thư đảng bộ nhà máy Xáp-tsúc có biết.

— Thế... mời tất cả họ hôm nay đến huyện ủy.

Tối hôm đó, phòng làm việc của Cru-gi-lin trở nên chật chội. Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nhìn khắp lượt những khuôn mặt phờ phạc, không quen. Trong số có mặt, Cru-gi-lin chỉ biết Khô-khơ-lốp và Xáp-tsúc — một người cao to với chiếc mũi hơi tẹt và chiếc cằm nhọn. Họ làm quen với nhau ở nhà ga, khi đoàn tàu đầu tiên chở công nhân và thiết bị nhà máy vừa mới đến.

— Ta bắt đầu, các đồng chí ạ, — Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nói. — Tôi là Cru-gi-lin, bí thư huyện ủy. Đây là Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích Pô-li-pốp, chủ tịch ủy ban huyện. Còn đây là các ủy viên thường vụ huyện ủy. Trong quá trình làm việc, chúng ta sẽ quen nhau hơn. Còn bây giờ xin bắt đầu vào việc chính. Chúng ta cần phải trình lên tỉnh ủy bản kế hoạch khôi phục và sản xuất của nhà máy. Bản kế hoạch đã lập xong, các anh đều đã biết rồi đấy. Bỏ vào phong bì và gửi đi là việc hết sức đơn giản. Theo ý các anh thì thế nào? Gửi đi à? Chúng ta có kịp khôi phục xong nhà máy trước ngày mồng một tháng Mười Một không?

Mọi người im lặng.

Xáp-tsúc đứng lên, bắt đầu nói bằng một giọng trầm, hơi rè rè:

— Tôi không hiểu tại sao đồng chí lại hỏi chúng tôi về điều này. Thời hạn khôi phục nhà máy là cái không thể bàn cãi. Bản kế hoạch được lập ra dựa theo thời hạn đó. Còn bây giờ thì cần phải làm gì? Phải có một số rất lớn vật liệu xây dựng và hai chục nghìn công nhân làm mỗi ngày hai ca. Nhưng hiện nay bao nhiêu người đang làm? Bảy nghìn người một ca. Vật liệu xây dựng — số không. Đề nghị đồng chí Cru-gi-lin cho biết:

khi nào sẽ có vật liệu xây dựng và số công nhân cần thiết?.. Rồi nữa, chỗ ở sẽ giải quyết ra sao? Mùa đông đang đến. Trong lều bạt lạnh cóng, đã có nhiều người ốm. Lương thực, thực phẩm không cung cấp đủ. Tuần đầu tiên của tháng Chín sắp hết, mà trẻ con chúng tôi vẫn chưa được đi học. Năm nay chúng có đến trường được không?

Cru-gi-lin có thể giải thích được gì đây? Không có gì cả! Thời hạn khôi phục nhà máy bị phá ngay từ đầu. Bệnh viện duy nhất của huyện chậtních. Các trường học không thể tiếp nhận nổi một nửa số trẻ em đột ngột có mặt ở San-ta-ra... Tất cả đều đúng như vậy. Nhưng ông có thể làm được cái gì? Ông đã cố gắng hết sức để tổ chức lại các cơ quan, xí nghiệp ở San-ta-ra nhằm phục vụ việc khôi phục nhà máy. Ông chỉ để một mình Pô-li-pốp không phải dính vào chuyện giải quyết người tản cư trước đây, và bây giờ là công việc khôi phục nhà máy. «Hiện nay anh chỉ có một việc là lo thu hoạch mùa,—ông nói với Pô-li-pốp.—Nhớ luôn luôn cho tôi biết tình hình, sau tôi sẽ bắt tay vào...» Đúng là tất cả đều tập trung lo cho nhà máy, nhưng vẫn không đạt được kết quả gì. Như vậy có nghĩa là ông ngồi không đúng chỗ?—một câu hỏi cay đắng đã nhiều lần thoáng qua trong đầu. Có nghĩa là ông không có khả năng làm gì cả? Nếu là người khác thì chắc họ đã làm được một việc gì đó, xoay xở được một cái gì đó rồi. Đấy, Xáp-tsúc đã nói trắng ra đấy... Và ông ta nói đúng, đáng ra không cần phải triệu tập cuộc họp ngớ ngẩn này. Không cần thiết... Vậy thì cần cái gì? Cái gì?

Cru-gi-lin không còn nhớ đã để cho mọi người ra về từ bao giờ, ông ngồi im lặng, hai tay ôm chặt lấy thái dương đang giật giật. Trong phòng làm việc không còn một người nào khác ngoài Pô-li-pốp. Chủ tịch ủy ban huyện đứng bên cửa sổ và nhìn những cành phong đung đưa ngoài lớp kính.

—Còn nghĩ ngợi gì nữa, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích? Kế hoạch đã có rồi, cần phải gửi gấp đi thôi,—Pô-li-pốp nói.

—Sao?—Cru-gi-lin ngẩng chiếc đầu nặng trịch lên.—Nhưng nó không thể thực hiện được!

—Thế ở trên đó họ không biết là không thể thực hiện được chắc?

—Nhưng rồi sau sẽ trả lời ra sao? Sau mồng một tháng

Mười Một?

— Rồi sau... — Pô-li-pốp nhếch mép cười nhạt. — Rồi sau ai biết những cái gì có thể xảy ra... Nhưng ít ra thì sau này sẽ dễ giải thích hơn là bây giờ.

— Dễ hơn? — Cru-gi-lin nhíu mày hỏi.

— Tất nhiên, — Pô-li-pốp nhún đôi vai rộng. — Những khó khăn đã qua bao giờ cũng dễ dàng giải thích hơn, dễ nhìn tổng quát hơn... một cách hoàn toàn khách quan. Còn bây giờ thì không ai hiểu cho rằng anh không thể khôi phục xong nhà máy trước tháng Mười Một được. Nhưng sau rồi họ sẽ thấy, họ sẽ hiểu rằng không thể kịp. Hơn nữa...

— Sao nữa? — Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích gay gắt hỏi.

— Hơn nữa cũng chẳng ai còn hơi sức đâu mà đào bới những việc đã qua... Lúc đó lại sẽ có những nhiệm vụ mới, còn phức tạp hơn. Cần phải hiểu tâm lý, như người ta vẫn nói...

— Ra thế... — Cru-gi-lin cười nhạt. — Tâm lý à? Tôi thấy anh thông minh đấy. — Ông đứng dậy, nặng nề bước đi trong phòng làm việc. — Chỉ có điều, Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích ạ, chúng ta vẫn phải khôi phục xong nhà máy trước tháng Mười Một.

— Nhưng chính anh sáng nay nói chuyện với tỉnh ủy lại hét vào ống nói, chứng minh rằng thời hạn đó không thể kịp được.

— Thiếu gì cái tôi hét, tôi chứng minh!

— Nhưng quả thực là không thể... không có khả năng...

— Không thể, nhưng cần thiết.

— Bằng cách nào?

— Tôi không biết.

Và mấy ngày sau Cru-gi-lin vẫn chưa biết phải bằng cách nào. Để khỏi phải trả lời những tiếng chuông điện thoại từ tỉnh gọi về, suốt ngày ông mất hút ngoài công trường. Suốt thời gian đó ông cũng chỉ gặp Pô-li-pốp hai ba lần. Ông ta không nói gì, không hỏi gì, chỉ chau mày im lặng. «Nhưng trong bụng mừng lắm đấy...» — mỗi lần như vậy, Cru-gi-lin lại nghĩ. Và ông cảm thấy trong lòng bắt đầu nảy sinh ra một cảm giác khó chịu đối với con người này.

Một lần, vào ban đêm, khi đã hoàn toàn kiệt sức, người phờ phạc, trống rỗng, ông gọi điện về nhà riêng của Xu-bô-tin ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ.

— Chào anh I-van Mi-khai-lô-vích, — Cru-gi-lin nói, rồi im lặng không biết tiếp tục ra sao. Bí thư tỉnh ủy kiên nhẫn chờ. — Xin lỗi anh vì tôi gọi cho anh hơi khuya. Cũng chẳng phải để bàn công việc đâu, mà chỉ muốn nói chuyện với anh, thế thôi.

— Ấy, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, anh nói dối rồi.

— Vâng, tôi nói dối, — Cru-gi-lin ngoan ngoãn đồng ý ngay. — Nhưng tôi gọi điện cho anh không chính thức, không phải cho bí thư tỉnh ủy... Như vậy được chứ? Anh biết không, tôi chẳng biết nói chuyện với ai nữa... Một cách chân tình, thật lòng...

— Nghĩa là bở hơi tai ra rồi à?

— Từ này chưa hẳn đã đúng... Bở hơi tai là khi làm một cái gì đó, vượt qua một quãng đường nào đó... Còn tôi quay chong chóng như sóc trong bánh xe. Quay mãi, quay hết sức mà vẫn đứng tại chỗ. Phải làm gì bây giờ?

— Quả thế... — Xu-bô-tin im lặng một lúc mới đáp. — Đây không phải là câu chuyện điện thoại, anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ... Nếu như tôi nói với anh rằng ở đây chúng tôi cũng như... sóc trong bánh xe, thì sao? Anh có tin không? Cũng quay hết sức, nhưng hầu như bánh xe vẫn đứng một chỗ. Đã gần ba chục nhà máy các loại sơ tán về tỉnh. Cỡ như của các anh cũng có, có cái bé hơn, có cái lớn hơn. Lại còn khoảng một tá đang trên đường đến... Rồi sau tá này sẽ là bao nhiêu nữa? Anh vẫn nghe đài chứ?

— Thế rồi ra sao bây giờ?

Cru-gi-lin nói xong mới hiểu rằng câu hỏi hơi ngây thơ và không đúng chỗ. Ra sao à? Làm như chính mình không hiểu ấy! Bọn Đức tấn công ồ ạt, mạnh không cản nổi. Hồng quân để mất hết thành phố này đến thành phố khác. Chính phủ quyết định sơ tán tất cả những gì có thể. Và tất cả đều sang miền Đông, sang miền Đông, sang miền Đông! Còn biết đi đâu nữa?!

— Nghĩa là cái gì đang xảy ra — tôi hiểu. Nhưng bao giờ nó sẽ kết thúc?

— Nó sẽ kết thúc, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ. Chúng ta sẽ chặn bọn Đức lại. Chặn lại và đuổi chúng đi...

Hai người cùng im lặng.

— Thế nhưng tôi phải làm gì với nhà máy đây?

— Tôi cũng đang mong được ai trả lời cho tôi câu hỏi đó, — Xu-bô-tin mệt mỏi nói.

— Tôi hiểu rồi... Nghĩa là điều Pô-li-pốp khuyên tôi là đúng?

— Anh ta khuyên gì?

— Gửi bản kế hoạch «ma» về thời hạn khôi phục và đưa nhà máy vào hoạt động lên tỉnh.

— Nghĩa là... — Xu-bô-tin dừng lại một thoáng. — Anh ta, Pô-li-pốp ấy, cũng không đến nỗi ngốc lắm.

— Vâng, chắc là thông minh hơn tôi.

— Anh đừng tự tăng giá mình lên, — giọng Xu-bô-tin ra vẻ tức giận. — Tôi không nói «thông minh hơn». Tôi nói «không đến nỗi ngốc».

— Tức là, gửi đi chứ gì?

— Thế anh còn để làm gì nữa? — Và Xu-bô-tin một lần nữa thoáng dừng lại rồi nói thêm, dường như để giải thích tại sao Cru-gi-lin cần phải gửi về tỉnh bản kế hoạch, dù đó là bản kế hoạch «ma», không thể thực hiện được: — Nếu không thì... bây giờ ở đây cũng đã có người nói rằng anh đang cuống lên, không thể làm được gì cả.

— Thì cũng đúng đấy chứ, — ông nghe đã nóng lên từ lâu, đốt bỏng tai. — Tôi không thể làm được gì cả.

— Thế ai trong hoàn cảnh này, có thể? — Câu hỏi vang lên một cách gay gắt, đến nỗi Cru-gi-lin phải giật mình.

— Anh nói gì vậy? Anh thử nghĩ xem, anh nói gì với tôi vậy?

— Vâng, có thể tôi nói không phải lắm, — Xu-bô-tin dịu hơn. — Ngày mai thì tôi sẽ không nói như vậy với anh. Nhưng hôm nay anh muốn thân mật, chân tình mà. Thì đây, tôi nói với anh một cách chân tình: những khó khăn đổ lên đầu chúng ta là chưa từng có, quá sức. Hàng ngày, anh, tôi, và tất cả mọi người chúng ta, vấp phải những nhiệm vụ, mà rất nhiều trong số đó, nếu nhìn thẳng vào sự thật mà nói, không thể, hoặc hầu như không thể giải quyết nổi trong hoàn cảnh và thời hạn như hiện nay. — Giọng ông bỗng đã dịu hẳn đi, hết sức giản dị và thân mật, chân tình: — Nhưng, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, nếu như tự chúng ta cho rằng, tin chắc rằng chúng ta hoàn

toàn kiệt sức, bất lực, không có khả năng khắc phục... thì lúc đó sẽ ra sao? Anh thử nghĩ xem.

— Vâng... Vâng, vâng, — Cru-gi-lin thốt lên ba lần.

— Cố lên, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích! — Xu-bô-tin vẫn nói bằng giọng thân mật như cũ. — Chặn được quân phát-xít lại, chúng ta sẽ đỡ hơn... Còn với nhà máy của anh, chắc sắp tới cũng sẽ có cách...

— Cách gì? Cách nào? — Cru-gi-lin ép chặt hơn ống nghe vào tai.

— Xa-vê-li-ép, giám đốc nhà máy của các anh, vừa gọi điện từ Mát-xcơ-va về... Hình như nhà máy được chuyển giao cho một cơ quan quân sự nào đó. Nếu vậy thì vật liệu xây dựng và nhân lực sẽ ưu tiên số một cho các anh...

— Khoan, khoan nào... Nhưng đây là nhà máy chế tạo máy nông nghiệp cơ mà.

— Thôi, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, — Xu-bô-tin khô khốc cắt ngang. — Chuyện này không phải để nói qua điện thoại. Chúng ta cũng đã nói quá những điều không nên rồi... Này, thế anh có biết rằng giám đốc nhà máy Xa-vê-li-ép là người vùng San-ta-ra của các anh không?

— Sao lại của chúng tôi? — Cru-gi-lin không hiểu.

— Anh ta sinh ở vùng các anh, ở San-ta-ra đấy mà.

— Đợi tí, đợi tí... Xa-vê-li-ép nào nhỉ? Ở chỗ chúng tôi có một Xa-vê-li-ép, tên là Phê-đô, lái máy gặt liên hợp. Anh ta có hai anh em trai. Em là I-van, hiện cũng đang sống ở đây. Còn anh cả là... tên anh ta là gì nhỉ? Không phải An-đrây, cũng không phải... Này, có phải tên anh ta là An-tôn không? An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích?

— Đúng đấy, An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích. Một người rất tốt, tôi cùng anh ta đã hoạt động bí mật với nhau ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ.

— Ra thế đấy... — Và bỗng nhiên, bất ngờ với cả chính mình, Cru-gi-lin hỏi: — Và hình như anh cũng hoạt động bí mật với cả Pô-li-pốp phải không?

— Vâng, với cả anh ta. Hồi đó cả bọn phải trải qua khá nhiều... Nhưng anh có chuyện gì với Pô-li-pốp thế?

— Có phải anh ta thông báo cho tỉnh ủy rằng tôi ở đây cuống lên không làm được gì cả không? — Cru-gi-lin hỏi thẳng.

—Anh... —Xu-bô-tin húng hắng ho, —anh dựa trên cơ sở nào mà đưa ra những kết luận... hoặc giả thiết như vậy?

—Anh ta tự ái vì bị đưa ra khỏi ghế bí thư.

—Này, anh bạn ạ... Anh suy luận quá vội vã, và có thể... không nghiêm chỉnh đấy, —Xu-bô-tin nói, rồi chào tạm biệt, kết thúc câu chuyện. Nhưng những chỗ ngắt quãng trong giọng nói của bí thư tỉnh ủy, câu hỏi vội vã, «anh có chuyện gì với Pô-li-pốp thế?», và mấy lời ngập ngừng cuối câu chuyện «và có thể...» — tất cả những cái này cho phép Cru-gi-lin hiểu rằng chính Xu-bô-tin cũng có vẻ như không phủ nhận những suy luận của ông.

Đêm hôm đó, Cru-gi-lin không ngủ, cứ trăn trở mãi, suy nghĩ về nhà máy, về Pô-li-pốp, nhớ lại từng chi tiết nhỏ và phân tích kỹ lưỡng toàn bộ câu chuyện với Xu-bô-tin. Gần sáng, tiếng chuông điện thoại bỗng vang lên đột ngột.

—Xa-vê-li-ép đây... A-lô! Có ai nghe đấy không? Đồng chí là bí thư huyện ủy phải không?

—A... Đợi đồng chí mãi! Vâng, tôi là bí thư huyện ủy đây... Đồng chí mất hút ở đâu mãi vậy? Tôi đang hoàn toàn không biết làm sao với nhà máy của đồng chí đây. Đồng chí từ đâu gọi về thế?

—Từ Mát-xcơ-va.

—Từ Mát-xcơ-va... —Cru-gi-lin lặp lại và lắng nghe tiếng ngân của từ này. —Từ Mát-xcơ-va... Thế ở trên ấy, ở Mát-xcơ-va, tình hình ra sao?

—Bình thường. Chỉ có hơi tối. Cả Mát-xcơ-va nằm trong bóng tối, không ở đâu có lấy ánh lửa.

—Chúng có ném bom không?

—Chắc các anh đọc báo biết trên bầu trời Mát-xcơ-va ác liệt ra sao rồi chứ? Nhưng thỉnh thoảng máy bay bọn phát-xít cũng lọt vào được. Xin lỗi anh nhé, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, vì đã đánh thức anh dậy... Chúng tôi hãy còn chưa đi ngủ, ở Mát-xcơ-va bây giờ mới nửa đêm. Vừa có quyết định của Chính phủ về nhà máy của chúng ta xong.

—Vâng, tôi biết rằng sẽ có quyết định. Đêm qua, tôi đã nói chuyện với tỉnh ủy.

—Càng tốt. Thế nhưng tình hình nhà máy hiện nay ra sao rồi?

— Tồi lắm. Chúng tôi đã chở hết thiết bị từ ga về, tìm và dọn sạch mặt bằng, hiện đang đào móng. Huy động tất cả mọi người có thể làm việc được, chủ yếu là phụ nữ, thậm chí cả thiếu niên. Đưa hết những ai có thể được từ tất cả các cơ quan, xí nghiệp ra công trường. Nhưng vẫn không đủ người. Ở chỗ chúng tôi, cũng như khắp nơi trong cả nước, lệnh động viên đã lấy đi hết.

— Vâng, điều này cũng dễ hiểu thôi.

— Chưa có gì để xây các xưởng cả. Mọi người sống trong các lều bạt, không tìm đâu ra chỗ.

— Tôi hiểu rồi, — Xa-vê-li-ép lại nói. — Người sẽ còn đến nữa.

— Sao? Anh nói sao?

Xa-vê-li-ép dường như không nghe thấy tiếng kêu của Cru-gi-lin, vẫn tiếp:

— Ở trên chuyển cho chúng ta thêm một phần thiết bị và nhân lực của một nhà máy khác, nhà máy quốc phòng. Hiện đang trên đường tới, đã điện cho chỉ huy các đoàn tàu biết là cần phải đến đâu. Đồng thời vấn đề vật liệu xây dựng cũng đã được giải quyết. Sau ba — bốn ngày nữa, gạch, xi-măng và các thứ khác sẽ bắt đầu được chở đến chỗ các anh. Nhiệm vụ chủ yếu là phải bốc dỡ ngay tức khắc, không làm chậm các đoàn tàu lại. Hiện Khô-khơ-lốp đang ở đâu? Còn Xáp-tsúc?... Anh chuyển lời hộ, bảo họ lấy người từ công trường ra để bốc dỡ hàng. Lấy bao nhiêu đủ số cần thiết thì thôi. Và tất nhiên phải chuyển về hết. Sẽ có thêm vài chục xe vận tải tới. Ở đó các anh hãy huy động hết toàn bộ phương tiện giao thông, đến chiếc xe ngựa cuối cùng.

— Tôi hiểu rồi, — Cru-gi-lin đáp không vui vẻ lắm.

— Tôi sẽ còn phải nán lại một vài ngày ở đây, sau về Nô-vô-xi-biếc-xcơ để xoay cho được các vật liệu xây dựng.

— Thế người... còn bao nhiêu người sẽ tới?

— Chừng nghìn rưởi nữa... Giờ cứ để họ sống tạm trong các lều bạt cho đến đầu tháng Mười một. Sau đó ta sẽ nghĩ cách... — Và ông nói tiếp một cách đột ngột, hầu như không có sự chuyển tiếp: — Thế còn cậu em Phê-đô của tôi hiện nay sống ra sao ở chỗ các anh? Anh biết không, tôi sinh ở San-ta-ra đấy.

—Tôi biết rồi. Phê-đô vẫn... sống bình thường. Hiện đang thu hoạch lúa mì ở nông trang Mi-khai-lốp-ca.

—Vâng, hình như Phê-đô lái máy gặt liên hợp thì phải. Thế về cậu em khác của tôi anh có nghe tin gì không? I-van ấy mà. Anh có biết chú ấy không?

—Tại sao lại không? I-van cũng ở đây, ở Mi-khai-lốp-ca.

—Ở đây à?—An-tôn vội hỏi lại.—Nghĩa là chú... chú ấy đã về rồi à?

—Vâng, đúng vào hăm hai tháng Sáu, ngày bắt đầu chiến tranh.

—Thế... Thế đấy...—Xa-vê-li-ép kéo dài giọng.—Thôi được, nghĩa là chúng tôi sẽ gặp nhau. Đã lâu tôi không gặp họ, ba chục năm rồi còn gì? Cũng muốn biết mấy chú ấy trông bây giờ ra sao... Thôi nhé, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, tạm biệt anh.

Cru-gi-lin liếc nhìn đồng hồ. Chiếc kim ngắn vừa mới chỉ qua con số bốn. Ngoài cửa sổ còn tối, bầu trời đen kịt, chỉ có một chỗ, phía sau làng, nơi mọi người đang làm việc suốt đêm dưới ánh đèn pha, là bầu trời có màu xám đục trong một vầng sáng nhạt. Vầng sáng đó đêm nào cũng có, suốt từ đầu hôm cho tới tận sáng mới tắt. Đúng ra là không tắt, mà ngược lại, mỗi buổi sớm càng cháy sáng hơn, xua tan bóng đêm, chiếu khắp bầu trời. Rồi sau đó mặt trời mọc lên.

Đêm đó Cru-gi-lin không đi nằm nữa. Phương tiện vận chuyển à? Sẽ có phương tiện vận chuyển—ông vừa đi lại trong phòng, vừa nghĩ. Tạm thời phải rút bớt một số xe tải, thậm chí cả máy kéo đang gặt mùa về. Còn tất cả những gì có thể, sẽ chuyển bằng ngựa. Ngựa ở trong huyện thì nhiều. Xe ngựa, xe bò... Ngay sáng mai sẽ triệu tập tất cả các cán bộ phụ trách các cơ quan trong huyện, tất cả các chủ tịch nông trang, để cùng với lãnh đạo nhà máy hình dung ra nhiệm vụ mới một cách cụ thể từng chi tiết và tìm cách thực hiện.

Mục tiêu vẫn còn rất xa xôi, và vẫn như trước, rất khó đạt tới. Nhưng bây giờ đã xuất hiện những khả năng để đạt tới. Tất cả vấn đề còn lại sẽ phụ thuộc vào con người, phụ thuộc vào việc tổ chức họ lại. Và đây đã là chuyện khác, về việc này có thể—và cần thiết phải—đòi hỏi ở huyện ủy, ở chính bản thân ông, Cru-gi-lin.

Cru-gi-lin đi xuống bếp, vã nước lạnh lên mặt, trở lại phòng làm việc, lấy ra một tờ giấy trắng và bắt đầu thảo bức điện báo bằng điện thoại gửi các chủ tịch nông trang và những người phụ trách tất cả các cơ quan của huyện...

* * *

Nhớ lại tất cả những chuyện trên, Cru-gi-lin thở dài.

Mặt trời tuy không gay gắt lắm, nhưng cũng đủ nóng, không khí sau bức tường gạch khá oi bức, những hạt mồ hôi như những giọt sương rịn ra trên trán Khô-khơ-lốp đang ngủ.

Xung quanh là tiếng gầm rú, tiếng loảng xoảng, tiếng la hét, chửi rủa. Những người đi ngang qua ném về phía Cru-gi-lin và Khô-khơ-lốp những cái nhìn bực tức: hai cái lão nào đang ngồi mà say sưa khoái lạc ở đây thế này?!

Đầu Khô-khơ-lốp khẽ ngoẹo sang một bên, để lộ chiếc cổ gầy, mọc đầy lông lá cáu bẩn không cạo. Chiếc cổ của anh gợi lên trong Cru-gi-lin một sự thông cảm, thương mến.

Cru-gi-lin đã cần phải đi từ lâu, nhưng ông không muốn đánh thức Khô-khơ-lốp dậy. Ông khẽ rút một điếu thuốc mới, đánh diêm. Tiếng rồng của máy kéo, máy húc không thể làm cho Khô-khơ-lốp thức giấc — nhưng tiếng xoẹt của que diêm bắt lửa lại làm cho anh giật mình, mở cặp mắt lo lắng, rồi khoan khoái thốt lên:

— A-a-a...

— Ngủ được một ít chứ?

Khô-khơ-lốp mỉm cười ngượng nghịu.

— Thế mà tôi cứ tưởng bom cháy xì. Nó cũng kêu y như bật diêm, chỉ có to hơn mà thôi. — Anh giơ bàn tay run run lau mồ hôi trán. — Và cả tiếng thét trẻ con nữa.

— Tiếng thét trẻ con?

— Vâng. Tôi... ở nhà... có đứa con gái bị cháy... chết. Nó mới bảy tuổi. Tôi chưa kể cho anh nghe...

Quả là Khô-khơ-lốp chưa lần nào kể rằng anh có gia đình hay không, hiện nay đang ở đâu, ra sao. Không hiểu sao Cru-gi-lin cứ nghĩ rằng anh ta sống độc thân.

— Nếu không thì nay cũng đã đi học rồi, — Khô-khơ-lốp vẫn tiếp tục kể, mắt nhìn xuống mũi giày bám đầy bùn. — Thế

mà nó chết mất. Nhớ lại thật khủng khiếp... Lần ấy chúng ném bom, ban đêm... Chúng tôi từ trong nhà chạy ra sân. Đứa bé bị vấp ngã. Vừa lúc đó chúng ném bom cháy. Một quả rơi xuống, quay tròn ngay trên mặt đất cạnh con tôi. Chiếc áo trên người nó lập tức bốc cháy. Nó còn chồm dậy, thét lên... Nhưng liền đó lại ngã xuống, lăn... vào ngay quả bom lửa đang cháy... Tất cả chỉ xảy ra trong một giây, ngay trước mặt vợ tôi. Một tí nữa thì vợ tôi cũng lao mình vào quả bom cháy đó, khó khăn lắm mới giữ lại được.

Khô-khơ-lốp nói xong ngồi im, mắt vẫn nhìn xuống mũi giày trước mặt. Nhưng hình như anh không trông thấy gì cả. Đôi mắt anh đờ đẫn, lạnh lẽo và không phản ánh một điều gì cả.

— Vâng, tôi hiểu, — Cru-gi-lin khẽ nói.

— Không, — Khô-khơ-lốp lắc đầu. — Điều này ai không trải qua thì không hiểu được. Không thể!

— Thế vợ anh... gia đình anh giờ cũng ở đây à?

— Thì còn ở đâu được nữa... Đằng kia, — anh hất đầu chỉ về phía lều bạt, — vợ và con gái. Đứa đầu. Và cũng là đứa cuối. Vợ tôi, tôi đã nghĩ, chắc là không sống nổi. Nhưng rồi cũng qua dần. Bây giờ chỉ im lặng. Như một người câm. Nhưng tôi nghĩ, rồi cũng sẽ nói thôi. Đau khổ là đau khổ, nhưng cũng cần phải sống. Đã bắt đầu đi làm. Thế là tốt rồi. Vợ tôi tốt nghiệp kinh tế kế hoạch, còn bây giờ đi làm vữa xây trạm biến thế.

Cru-gi-lin nhớ lại cuộc gặp gỡ đầu tiên với con người này. Anh bước vào phòng làm việc một cách sảng khoái, thản nhiên ném chiếc cặp lên bàn và nói về công việc bằng một giọng nhẹ nhàng, không hề buồn chán. Thế mà trong lúc đó, vợ anh bị mất trí vì đau khổ, đang đi trên một đoàn tàu quân sự nào đó, dưới sự trông nom, chăm sóc của con gái. Con người như vậy phải có một lòng yêu đời mãnh liệt và một nghị lực lớn lao biết chừng nào?!

Họ còn ngồi im lặng thêm chừng hai — ba phút.

— Thế này, I-van I-va-nô-vích ạ, tôi muốn nói với anh về chuyện lều bạt... Đến tháng Mười một đã bắt đầu lạnh. Đêm qua thường vụ chúng tôi đã họp và quyết định...

— Vâng, tôi cũng đã biết rồi — xây nhà đất... Xáp-tsúc đã nói với tôi. Sao các anh không mời tôi đến họp với thường vụ?

— Chúng tôi có mời đấy chứ...

— À, vâng, hình như có mời, — Khô-khơ-lốp lau chiếc cằm mọc đầy râu. — Quỷ thật, trong đầu cứ quay cuồng, lẫn lộn. Chiều hôm qua tôi còn nhớ. Nhưng tối qua đặt máy biến áp, tôi phải trực tiếp theo dõi... Nhà đất, nhà đất...

— Chúng ta không còn cách nào khác. Xa-vê-li-ép cũng đồng ý như vậy. Mùa đông, chúng ta sẽ dần dần xây nhà...

— Xa-vê-li-ép vẫn đang còn ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ à? Tôi cũng có việc cần bàn với ông ta. Dù sao thì tôi cũng chỉ là kỹ sư chế tạo máy nông nghiệp. Còn bây giờ thì vẫn chưa rõ là chúng ta sẽ sản xuất cái gì.

— Đạn pháo. Sao lại chưa rõ?

— Đạn pháo! Nhưng tôi không biết làm đạn pháo như thế nào! Tôi không học. Bây giờ cần phải nghĩ cách lắp ghép các xưởng, bố trí máy móc, thiết bị. Nhưng tôi không biết cái gì để vào đâu. Và cũng không ai biết cả. Chưa có một chuyên gia nào của nhà máy quốc phòng đến cả.

— Hình như hôm nay họ sẽ đến cùng với Xa-vê-li-ép.

— Thế à? Cứ đợi mãi! Còn nhà đất, — Khô-khơ-lốp lấy ra một quyển sổ đã nhàu nát. — Hình như trong cuộc họp thường vụ tối qua các anh có nói đến cái hố đất khổng lồ này. Sáng nay tôi có đến xem, có một vài con tính đây. Nhưng đây là cái hố gì vậy?

— Tôi cũng không biết. Khi tôi còn nhỏ, các cụ già bảo rằng đấy là một cái đầm lớn, nước từ Grô-mô-tu-kha, một con sông chạy qua làng, theo những ống bằng gỗ chảy thông vào. Rồi những ống đó mục hết, đầm khô cạn.

— Rất tốt là nó đã cạn khô. Bờ của cái hố này khá dốc, và như vậy cũng rất tốt. Chúng tôi sẽ cho máy xúc đào khoét vào mép hố... Đây, anh xem...

Trong sổ của Khô-khơ-lốp vẽ một chiếc hố dài với những ô vuông nhỏ xung quanh. Hình vẽ giống như một chuỗi ngọc và trông cũng khá đẹp.

— Chỉ cần chừng chục gầu xúc — và về cơ bản đã được một căn hầm làm nhà. Chỉ còn phải che phía trên lại. Gỗ dùng cho việc này, tôi nghĩ có thể tìm được. Cửa vào nhà sẽ ở đây, từ phía dưới. Tuy không tiện lắm, nhưng biết làm sao. Thế khi tuyết tan, hố có nước không?

— Không. Thường chỉ có một ít dưới đáy khi lớp đất trên mặt chưa tan hết.

— Rất tốt. Thậm chí còn đẹp nữa chứ: những biệt thự sang trọng đứng xung quanh hồ... — Khô-khơ-lốp lật một trang sổ. — Còn đây là một vài con tính. Trong nửa tháng, năm chiếc máy xúc đào là đủ. Còn người, tất nhiên là cần để sửa, dọn lại. Cũng đơn giản thôi, hàng ngày sẽ điều chừng năm trăm người đến đây. Việc chính là che mái và làm cửa cho kín. Còn bên trong thì tùy theo thị hiếu từng người mà sắp xếp. Nhưng nguyên tắc thiết kế chung, theo tôi là như thế này...

Khô-khơ-lốp lật thêm một trang giấy, và Cru-gi-lin thấy sơ đồ nhà hầm vẽ bằng bút chì.

— Lối ra vào, như anh thấy đấy, ở bên dưới, phía đáy hồ, — Khô-khơ-lốp giải thích. — Đây là cánh cửa, hai bên là cửa sổ nhỏ. Đây vừa là bếp, vừa là phòng ăn. Tiếp đến là vách ngăn, bên kia là buồng ngủ. Buồng ngủ sẽ tối, phải có điện. Nhưng bù vào đó lại ấm, mọi người sẽ dễ ngủ. Còn đây là lò sưởi, cho cả hai phòng trong và ngoài. Thế nào?

«Bếp, phòng ăn, phòng ngủ» — những từ này ở cửa miệng Khô-khơ-lốp nói ra một cách tự tin, nghiêm chỉnh, dường như anh đang trình bày thiết kế một ngôi nhà ở thật sự chứ không phải căn hầm đất sơ sài.

— Hoặc cũng có thể ghép hai ba gia đình vào một hầm, có được không? — Khô-khơ-lốp vẫn tiếp tục nói. — Cần phải suy nghĩ, như vậy sẽ tiết kiệm được không phải vật liệu, mà thời gian. Đây, tôi có sơ đồ loại hầm như thế đây...

— Tất cả những cái này anh kịp làm bao giờ thế, I-van I-va-nô-vích? — Cru-gi-lin hỏi hơi buồn buồn.

— Những cái này đơn giản thôi, tranh thủ một lúc thôi mà, — Khô-khơ-lốp gấp sổ lại. — Có cái còn phức tạp hơn nhiều. Hôm qua một xe hàng bị mất cắp.

— Vâng, đồn trưởng công an có gọi điện cho tôi. Đang tìm.

Trên các xe hàng lưu động này người ta đem hàng hóa, áo quần, giày dép bán cho công nhân của nhà máy. Nói chung, hàng hóa gì ở San-ta-ra có đều ưu tiên đem đến đây. Mới rồi, liên hiệp hợp tác xã tiêu thụ huyện vừa nhận về một đợt khá nhiều vải, len và ủng lao động. Chủ nhiệm liên hiệp liền cho xếp ngay lên hai chiếc xe lưu động và đem đến bán

ở khu lều bạt.

Xe hàng đến từ chiều, bán được chừng gần hai tiếng thì bắt đầu tối, mọi người đem niêm phong lại, rồi giao cho người bảo vệ như thường lệ. Trong khu lều bạt ngay từ đầu đã có người bảo vệ riêng của mình. Để khôi phải mất công đem xe đi về, người ta để chúng lại ở khu lều bạt và ông già bảo vệ nhận trông coi với một ít tiền bồi dưỡng.

Sáng hôm nay, cả ông già bảo vệ cùng một chiếc xe vải và ủng đã biến mất. Anh công an Ê-li-da-rốp từ mờ sáng đi kiểm tra xem tình hình ở khu lều bạt có yên ổn không đã phát hiện ra điều này.

Người ta tìm thấy ông già bảo vệ bị một vật gì đánh vào đầu nằm bất tỉnh cạnh một chiếc lều. Khi đưa ông về, ông sờ tay lên chiếc đầu bị đánh dập đầm đìa máu và rên rỉ:

— Quỷ tha ma bắt cái trò bảo vệ của các anh đi! Cả tiền của các anh nữa! Cho tôi thôi ngay cái chức này đi! Ôi, cái đầu tôi vỡ ra rồi!

— Ai đã lấy cắp xe hàng? Ông có nhận ra những người nào không? — Ê-li-da-rốp gặng hỏi.

— Tôi không biết gì hết. Các anh hãy tìm một thằng bé khoảng mười — mười hai tuổi.

— Thằng bé nào? Nó ra sao?

— Làm sao mà tôi biết được nó ra sao? — Ông già hét lên. — Trời tối đen, làm sao mà nhìn thấy được? Nó bảo, hình như có cái gì lột sột ở trong xe. Tôi liền áp sát tai vào thành xe... Chúng đứng ở phía sau nện vào đầu...

... — Tôi nghĩ là sẽ tìm ra xe hàng này thôi. Chúng giấu đi đâu được, có phải là cái kim đâu, — Cru-gi-lin im lặng một lát rồi nói, rút đồng hồ trong túi ra nhìn. — Như vậy là giải quyết xong vấn đề nhà đất... Tôi ra ga đây. Anh có đi đón Xa-vê-li-ép không?

— Cũng nên đi, nhưng tôi lại đang phải lo mấy cái máy biến áp. Xáp-tsúc đang ở ngoài đó, ông ta sẽ đón...

* * *

Nhà ga ở cách thị trấn San-ta-ra chừng ba ki-lô-mét. Tuyến đường sắt phải chạy cách ra như vậy vì hàng năm về mùa xuân

con sông Grô-mô-tu-kha cạnh San-ta-ra lại dâng nước lên ngập bờ bên trái, có khi rộng đến một hai ki-lô-mét. Những người xây dựng chắc sợ rằng nếu làm đường gần thị trấn thì nước lũ sẽ bào cuốn hết đá dăm rải đường đi.

Cru-gi-lin gò cương con ngựa thiến đang muốn lồng lên. Con đường nhựa trong mấy tháng gần đây bị bánh xe tải, xích xe máy kéo xéo nát, lật tung. Pô-li-pốp ra lệnh cho Ma-lư-ghin lấy sỏi đá dăm liên tục lấp các hố rãnh, ổ gà, và anh chàng Ma-lư-ghin tài xoay xở với các tay «bợm» của mình đã giữ cho con đường luôn luôn tốt. Mới cách đây không lâu Ma-lư-ghin được gọi ra trận, Cru-gi-lin và Pô-li-pốp thì không còn thời gian nào mà nghĩ tới đường sá, nên nó lại ở trong một tình trạng thảm hại. «Cần, rất cần phải sửa đường lại trước mùa mưa. Không thì nó hóa lầy ra mất... Nhưng bây giờ thì Xa-vê-li-ép cũng phải cùng đau đầu ít nhiều về việc này chứ...»

Những chiếc xe tải, xe kéo rơ-moóc chở đầy tài sản của nhà máy đi ngược lại không ngớt.

Một chiếc máy kéo khi đi ngang qua bỗng dừng lại, từ trên ca-bin một thanh niên còn rất trẻ nhảy xuống, vừa chạy đến vừa vẫy tay. Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích gò cương dừng lại.

— Cháu cần gì thế?

— Cháu muốn làm quen thôi, — anh thanh niên nói. — Có phải bác là bí thư huyện ủy Cru-gi-lin không?

Đôi mắt xám của anh thanh niên nhìn điềm tĩnh nhưng hơi lạnh lùng và có vẻ hoài nghi, những mớ tóc rối bù rủ xõa ra ngoài chiếc mũ lưỡi trai.

— Đúng bác là Cru-gi-lin đây. Thế cháu là ai?

— Cháu là Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép.

— À, tức là con trai của Phê-đô Xa-vê-li-ép phải không? Cháu lớn thế rồi đấy, — Cru-gi-lin lại nhìn chàng trai với một vẻ tò mò.

— Lớn rồi. Thậm chí cháu còn định cưới vợ nữa kia.

— Cháu đến mời bác đi dự phải không?

— Không ạ. Cháu muốn gặp bác về chuyện người ta hoãn, chưa cho cháu đi bộ đội.

— Ra thế đấy. Thế cháu muốn ra mặt trận à?

— Chẳng lẽ cháu lại kém hơn người khác hay sao? Trước đây cháu đã được hoãn nghĩa vụ quân sự vì trạm máy kéo đang

thiếu người. Lúc đó, thậm chí cháu mừng là khác. Nhưng bây giờ...

Xê-mi-ôn bỏ mũ xuống, lấy bàn tay vuốt mớ tóc xõa ra sau, rồi lại đội mũ đè lên.

— Xê-mi-ôn ạ, chính bác cũng đang muốn ra mặt trận đây. Và người ta cũng không cho.

— Bác lại khác. Bác ở đây cũng đã bao nhiêu việc.

— Thế cháu không có việc hay sao?

— Cái này thì gọi gì là việc? — Xê-mi-ôn hất đầu chỉ về phía chiếc máy kéo của mình. — Tất nhiên cháu hiểu... Phải thu hoạch lúa mì này, phải xây dựng nhà máy này... Cháu đã ba tuần nay đi chở hàng cho nhà máy. Nhưng dạy cho bất cứ đứa con gái nào chỉ cần hai tháng là nó có thể lái được rồi.

— Thì cũng còn cần phải dạy. Nhưng nhà máy có chờ đâu?

— Cháu rõ rồi... — Xê-mi-ôn xịu mặt xuống. — Thế nghĩa là bác không giúp cháu được à?

— Khi nào cần thì người ta sẽ gọi, không cần bác giúp.

— Tức là bây giờ thì chưa cần ạ?

— Hiện nay thì cháu ở đây có lẽ cần hơn.

Xê-mi-ôn đứng im lặng nhìn ngang qua vai Cru-gi-lin ra ngoài đồng cỏ trống trải đã bắt đầu trở nên buồn tẻ, nhổ một bãi nước miếng xuống dưới bánh xe và bỏ về máy. Nhảy lên ca-bin, anh dận ga đến nỗi chiếc máy kéo rú lên, giật mạnh, rồi lao đi. Và Cru-gi-lin, cảm thấy mặt đất rung lên, ông mỉm cười với một điều gì đấy.

Những đoàn tàu bụi bặm đứng chật cứng trên những đường tránh ở nhà ga, bên cạnh là đủ các loại xe tải, máy kéo, xe ngựa, xe bò dồn nhau chen chúc không theo một trật tự nào. Những chiếc xe đã được xếp đầy tài sản của nhà máy nặng nề bò ra con đường cái rải nhựa, và đi ngược lại với chúng là một dãy dài nối đuôi nhau những chiếc xe không, tiếng rú của động cơ ô-tô, máy kéo, tiếng còi tàu xe lửa, tiếng sắt thép loảng xoảng, tiếng ngựa hí và tiếng người la hét, chửi rủa — tất cả hòa vào nhau thành một tiếng ồn ào kéo dài không dứt.

Nhưng mặc dù những đoàn tàu đã đứng chậtních đến thế, vẫn còn một đoàn tàu nữa đến chen được vào giữa. Chiếc đầu máy ám khói kéo đến tận ke ga chừng ba chục toa tậu chất đầy máy móc, gạch đá và những chiếc thùng gì đó. Từ cửa toa hàng

có trần che duy nhất của đoàn tàu, một người đàn ông mặc áo đi mưa, tay cầm chiếc mũ lưỡi trai bằng da, nhảy xuống.

Cru-gi-lin nhận ngay ra ông ta: giống hệt Phê-đô, cũng vầng trán rộng hơi dô, cũng cặp lông mày mọc khít vào nhau. Chỉ có không để ria, và tóc màu tro xám chứ không đen.

— Chào anh An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích!

— Anh là Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích Cru-gi-lin?

— Vâng, tôi đây.

An-tôn Xa-vê-li-ép không chìa tay ra ngay, ông thoáng chậm lại một vài giây, chăm chú nhìn kỹ người đứng trước mặt. Rồi sau đó ông cũng không buông tay ra ngay.

— Thế nghĩa là chúng tôi đã đến nơi rồi đấy. Còn đây là các kỹ sư của nhà máy. Các đồng chí làm quen với nhau đi...

Từ cửa toa bước xuống thêm chừng mười lăm người nữa, tất cả đều đã đứng tuổi, vẻ ngoài đĩnh đạc. Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích lần lượt bắt tay tất cả mọi người, lắng nghe từng giọng nói của họ, nhưng trong đầu nghĩ: kiếm đâu ra chỗ ở cho ngần này cán bộ chuyên môn? Họ đến cùng với gia đình hay một mình đây?

— Nào, chúng ta thử ngó xem ở đây có những gì, tình hình ra sao? — Xa-vê-li-ép nhìn quanh nhà ga, nói. — Việc bốc dỡ thế nào?

— Chúng tôi làm tất cả những gì có thể.

Từ phía dưới đoàn tàu, Xáp-tsúc chui ra đột ngột. Đã hơn tuần lễ nay, bí thư đảng ủy nằm lỳ suốt ở nhà ga để chỉ đạo việc bốc dỡ hàng. Ông mặc một chiếc áo bông dính đầy dầu mỡ, và trông ông giống hệt một người lái xe hoặc lái máy kéo.

— Chúng tôi cứ đợi mãi! — Ông kêu lên, bắt tay An-tôn Xa-vê-li-ép và mọi người. — Thế nào, bắt đầu báo cáo từ đâu?

— Mất thời gian làm gì? Các đồng chí, chúng ta đi quanh ga một lượt, sẽ thấy hết. Chỉ mất chừng mười phút thôi... — Và ông quay sang Cru-gi-lin: — Còn chiều nay tôi muốn được nói chuyện với anh. Bây giờ hình như anh đang định đi xa thì phải? — ông đưa mắt nhìn ngọn roi ngựa trong tay Cru-gi-lin.

— Vâng, đang mùa. Cũng cần phải ngó qua xem tình hình ruộng đất ra sao.

— Đúng đấy.

— Còn về chỗ ở — ở ủy ban huyện sẽ có người bố trí tạm.

Sau rồi ta sẽ nghĩ cách... Các anh đến cùng gia đình chứ?

— Hiện đang ở đâu đó trên đường đi... Thôi, đến chiều gặp nhau nhé.

...Mơ màng trong tiếng vó ngựa lốc cốc, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nghĩ về Xa-vê-li-ép. Tinh thật, biết ngay là mình đang định ra đồng. Và mới gặp đã cởi mở, thân thiết ngay... Giản dị, không khách sáo...

Phía sau xe, bụi bốc lên một lớp, trắng như khói gỗ bạch dương. Chúng không bốc lên cao, nhưng cũng không lắng xuống, mà bay là là trên mặt đường, rồi dần dần tan đi như làn sương sớm.

Hai bên đường, lúa mì mọc dày, như những bức tường cao, những bông lúa đã quá chín, trĩu nặng rủ xuống sát đất. Đã tháng Chín mà lúa mì còn chưa gặt hết! Trước đây chưa bao giờ như vậy. Còn bây giờ lúa vẫn đứng đó, chín rụng dần. Cầu trời đừng có gió lớn, không thì rụng hết.

Hai ba con diều hâu vẻ lười biếng, no nê đang lượn tròn trên cánh đồng cỏ. Chắc là chúng đang chọn tìm những con cun cút béo nhất. Mặt trời đã lên cao, cần cù, hào phóng tỏa ánh nắng mùa hè xuống khắp nơi.

* * *

Gần tối, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ghé đến sân đập lúa của nông trang «Bông lúa đỏ». Chung quanh sân, khá nhiều, chừng mười hai đụn lúa mì lớn, trải bóng dài trên mặt đất.

Trên sân, những chiếc xe ngựa loại nhỏ chạy tới chạy lui lộn xộn. Xung quanh sân, mọi người đang đập lúa bằng máy ngựa kéo, tiếng máy quạt gõ lách cách, tiếng người giục ngựa inh ỏi. Hơn chục chiếc xe lớn đã thắng ngựa đứng tách ra một quãng. Những chiếc xe nhỏ chất đầy những bao lúa mì đã đập rồi.

Chủ tịch nông trang Pan-crát Na-da-rốp ngồi sau một chiếc bàn dài có mái che. Nhô đôi vai xương xẩu, ông cúi xuống chiếc bát đặt trước mặt. Cuối bàn đằng kia, một người đàn bà má bánh đúc đang cẩn thận nắn nót kẻ từng chữ cái một bằng bút lông lên tấm vải đỏ.

—A-a,—Na-da-rốp kéo dài giọng một cách không thân thiện lắm thay cho lời chào.—Gla-phi-ra, cho thêm bát miến. Anh ngồi xuống đây ăn tối luôn.

Người đàn bà ném bút lông vào chiếc cốc đựng phẩm màu loãng, mang đến một bát miến, một chiếc thìa gỗ đã bị gặm mòn và một miếng bánh mì to tướng, rồi lại cầm lấy bút vẽ.

—Ở đây chị ta vừa là cấp dưỡng, vừa là tuyên truyền viên, vừa là họa sĩ đấy. Kiêm luôn cả,—Pan-crát nói.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, qua một ngày đã khá đói, vừa ăn, vừa nghĩ rằng trong mấy năm ông sống ở Ôi-rô-chi-a, Pan-crát Na-da-rốp đã già nhiều, sút hẳn đi. Ông có vẻ như không gầy đi, mà chỉ khô héo, còng xuống và đen thêm, như tấm ván gỗ thông bị phơi lâu ngoài nắng.

Pan-crát húp xong bát xúp của mình, lấy vỏ bánh mì cạo vét đáy bát.

—Thế này thì chẳng cần phải rửa bát nữa. Pê-tơ-rô-van đâu?!

Một ông già rậm râu, đôi mắt màu xanh nhìn tư lự, bình thản, bước đến chào hỏi. Cru-gi-lin vẫn còn nhớ người nông trang viên này. Bộ râu của ông rộng như lưỡi xẻng đã điểm bạc từ lâu, chỉ có đôi mắt là vẫn trong sáng như thời còn trẻ.

—Thôi, ngừng lại đã,—Pan-crát bảo ông.—Thắng cả những con này vào nữa. Còn lại sẽ đập nốt bằng đòn đập.—Chủ tịch nông trang quay lại phía Cru-gi-lin.—Chúng tôi cho chở lúa đến kho đấy.

Không cần phải nói, Cru-gi-lin cũng biết rằng ở đây đang chuẩn bị chở lúa đến kho.

—Nhưng trời sắp tối,—Gla-phi-ra lẩm bẩm.—Ngựa thì đã mệt lử rồi!

—Chị kia, biết gì!—chủ tịch nông trang quát.—Giống mẹ như đúc, quỷ tha chị đi! Anh còn nhớ Va-xi-li-xa Pô-xcô-nô-va không? Ở làng tôi có mụ ta là ranh ma quỷ quái, những chuyện ngồi lê mách lẻo ở đâu cũng biết trước nhất.

—Mẹ cháu thì việc gì đến bác?

—Đấy, đấy, giống như đúc. Đúng là con gái, không trệch đi đâu được. Vla-đi-mia!

—Có ngay ạ!—một cậu bé mặc áo vá, đi chân đất, người đầy bụi, tay cầm nạng gảy rơm, chạy đến.

— Dựng nạng vào đống lúa kia — và về nhà ngay! Không ngày mai lại ngủ gật trên lớp. Pê-tơ-rô-van, thắng ngựa đi, gì mà chậm chạp thế? Khi về, thả cho chúng ăn trên đồng cỏ một lúc. Tôi bảo đừng chất quá mười lăm pút* lên một xe mà! Để ngựa sáng mai còn phải đập lúa nữa đấy.

Chủ tịch nông trang nói tất cả những điều này mà vẫn ngồi yên một chỗ. Bây giờ ông ngồi quay lưng vào bàn, đôi chân đi ủng đã mòn vẹt giang rộng.

Gla-phi-ra viết xong, đem tấm vải trải ra trước mặt chủ tịch nông trang và Cru-gi-lin. Trên tấm vải những chữ cái còn ướt xiêu vẹo ghép vào nhau: «Lúa mì — cho mặt trận!»

— Được không?

— Được. Ban đêm, cũng chẳng thấy gì đâu. Đem treo lên chiếc xe đi đầu, — Pan-crát không nhìn đến tấm vải, nói.

Gla-phi-ra đi ra sân.

— Pan-crát Gri-gô-ri-ê-vích ạ, năm nay anh đóng lúa hơi muộn đấy, — Cru-gi-lin nói. — Hình như hôm nay mới có chuyến đầu.

Rất lâu, Pan-crát vẫn không trả lời, ông ngồi nhìn các nông trang viên đang thắng ngựa, xếp bao lúa mì lên xe.

— Vội vã — tội vạ cho thiên hạ cười!

Chủ tịch nông trang đang bực bội. Ông không bằng lòng với việc bí thư huyện ủy hôm nay về đây.

Hàng ngày xem bảng theo dõi tình hình nộp lúa ở huyện ủy, Cru-gi-lin ngạc nhiên vì thấy trong cột đối diện với nông trang «Bông lúa đỏ» bao giờ cũng chỉ có một gạch ngang. Pô-li-pốp đã mấy lần báo cáo: Na-da-rốp không chịu nộp lúa mì cho Nhà nước... «Ông ta cố ý không chịu nộp. Mà thời buổi này, cần phải hiểu rằng, đâu còn là thời bình nữa...» — lần cuối cùng mới đây Pô-li-pốp giận dữ nói. Cru-gi-lin thì không tài nào dứt ra được để tự mình đi đến nông trang, chỉ gọi điện xuống. Na-da-rốp im lặng nghe Cru-gi-lin nói, rồi hứa sẽ bắt đầu nộp thóc. Nhưng rồi vẫn chưa nộp.

Những chiếc xe đã xếp đầy lần lượt cót két rời khỏi những đống lúa mì, nhường chỗ cho những xe không. Các bà nhanh nhẹn dùng xô, dùng đấu đổ đầy lúa mì vào các bao tải.

* Pút — đơn vị đo trọng lượng Nga bằng 16,38 ki-lô-gam.

Cuối cùng, tất cả các xe đều đã xếp đầy. Pê-tơ-rô-van Gô-lốp-lép lại đi đến bên chủ tịch nông trang, nhưng ông già xua tay:

—Thôi đi đi, mong Chúa giúp cho anh!

Pê-tơ-rô-van không nói một lời nào, quay đi, và liền đó có tiếng những cỗ xe kêu cót két và đoàn xe bắt đầu chuyển bánh.

—Thế mỗi xe mười lăm pút có ít quá không?—khi đoàn xe đi khỏi, Cru-gi-lin hỏi.

—Ngựa mệt quá rồi. Ngày mai lại còn phải đập lúa nữa.

—Tức là ngày mai các anh sẽ không chở thóc đi nộp nữa à?

—Tại sao lại không? Tối mai lại chở đi một chuyến nữa.

—Thêm hai chục xe, mỗi xe mười lăm pút. Tất cả, kể cả hôm nay, sẽ là sáu trăm pút. Gần một trăm tạ. Bây giờ đã nửa tháng Chín rồi. Anh có thấy quá ít không?

—Chúng tôi sẽ nộp chừng nào có thể nộp được!

—Pan-crát, tôi thấy anh đang bày trò...

Na-da-rốp, suốt buổi ngồi bất động, bỗng vụt đứng dậy.

—Anh nghe đây!—Và ông vung cả hai tay.—Anh nghe đây, bây giờ tôi sẽ chửi nhau với anh. Như một con thú. Nhưng đây có người. Vì vậy, hãy ra chỗ khác. Anh đi đâu bây giờ, về San-ta-ra hả?

—Về đấy.

—Thì đi. Tôi cũng cùng đường, đến sân kho đội hai. Dọc đường ta sẽ chửi nhau. Đồng cỏ vắng vẻ.

Nhưng trên «đồng cỏ vắng vẻ», Na-da-rốp lại không chửi. Đi khỏi sân một quãng, Na-da-rốp, lúc đó đã nguôi cơn nóng, bình tĩnh nói:

—Nếu như tôi có bày trò, thì cũng theo chỉ thị của các anh.

—Thế nghĩa là thế nào?

—Cũng dễ hiểu thôi... Huyện ủy có chỉ thị phải thu hoạch mùa không được để rơi vãi, mất mát không? Có. Ngay trong ngày đầu tiên của chiến tranh. Còn tôi thì đang làm gì? Anh có thấy những đống lúa chưa đập ở sân không? Tất cả lúa mạch đen của chúng tôi ở đấy. Còn các nông trang khác thì sao? Một nửa đang còn chưa gặt ngoài đồng. Lỡ trời mưa gió thì sao? Đấy, đấy. Ở chỗ chúng tôi sẽ không có rơi rụng

đi đâu hết. Hiện nay tiểu mạch cũng đang chín. Chúng tôi tập trung sức gặt, đập. Chỉ có hai máy gặt đập của trạm máy kéo. Chừng ấy thì kịp làm sao được. Hơn nữa, những người đàn ông được việc nhất thì đã ra trận. Một nửa số ngựa đã bị huyện huy động cho nhà máy vừa sơ tán về. Nửa còn lại tôi sợ cũng có thể bị trưng dụng cho quân sự. Đúng không?

—Cũng có thể.

—Đấy... Thế tôi biết phải làm gì? Nếu tôi để rơi vãi lúa mì thì sao? Anh sẽ xoa đầu tôi hay cho nắm đấm vào gáy? Vì vậy mà bọn tôi phải xoay. Đấy, anh nhìn xem...

Cách đường chừng bốn trăm thước, một toán chừng ba chục phụ nữ khăn áo đủ màu sặc sỡ đang dùng liềm gặt lúa tiểu mạch và bó lại từng lượm. Mặt trời sắp lặn chiếu vàng lên ruộng rạ, và những túm lúa bó chặt cũng lấp lánh lên như những thỏi vàng ròng.

—Anh thấy không, chúng tôi phải tìm cách để thu vén. Gặt, bó thành lượm, rồi đánh đống. Sau sẽ đập từ từ. Còn thóc chúng tôi sẽ nộp đủ. Trốn đi đâu mà không nộp?

—Thì ra là như vậy đấy...

—Thì có cái gì là không như vậy?

Nhưng Cru-gi-lin không trả lời câu hỏi của Na-da-rốp.

Họ im lặng đi chừng nửa ki-lô-mét. Chú ngựa thiến Các-ca-Xô-côn sau một ngày vất vả giờ không còn tìm cách lộn ra khỏi càng nữa. Pan-crát lại quay sang nhìn những người đàn bà đang gặt, nói:

—Cái chị A-ga-ta, vợ I-van Xa-vê-li-ép này, tôi càng biết bao nhiêu càng phục, không đủ lời để khen.

—Chị ta đấy à?

—Đấy. Tập hợp các bà già lại, và bắt đầu! Một ngày mà gặt được bao nhiêu! Giúp tôi được nhiều lắm.—Ông ngừng lại một thoáng, rồi tiếp:—Về khoản này thì I-van thật tốt số. Tóm lại—đúng là một cô vợ «chuông khánh!»

—Tại sao lại «chuông khánh»?

—Con người cũng như những chiếc chuông nhà thờ. Có cái dường như được đổ bằng đồng nguyên chất, để dưới mặt trời cháy rực lên như hổ phách, bề ngoài thì không tìm đâu ra cái khác đẹp hơn. Nhưng đánh một dùi—kêu rè rè,

như bị han gỉ, chẳng khác gì đánh vào cái chảo gang. Nhưng lại có cái bề ngoài trông xấu xí, mốc xanh. Nhưng chỉ mới chạm nhẹ một cái, nó sẽ ngân nga lên như bình minh trôi trên bầu trời buổi sáng trong lành. Đấy, chính là thế đấy.

Na-da-rốp cố rướn đôi lông mày rậm bám đầy bụi bặm của đồng cỏ, nghiêm nghị nhìn vầng mặt trời vàng khè đang từ từ tụt xuống phía sau dãy núi đá Dve-nhi-gô-ra lởm chởm. Mép đĩa mặt trời đã bị mỏm đá hoa cương ép dẹt, tan ra thành một suối ánh sáng đỏ rực chảy tràn theo các vách núi.

Những đám sương chiều đã bắt đầu từ trong các khe sâu tối đen của dãy Dve-nhi-gô-ra trườn ra. Nhìn chúng, có cảm giác như đó không phải là sương, mà là những suối ánh sáng mặt trời chảy vào các khe núi ẩm ướt, và từ đó hơi nước bị đun nóng bốc lên...

—Còn I-van bây giờ ra sao?—Cru-gi-lin hỏi.

—Ra sao à? Bình thường,—Na-da-rốp trả lời, mắt vẫn không rời những mỏm núi đá Dve-nhi-gô-ra sáng rực.—Chăn bò. Tôi muốn đưa sang làm chỗ máy xay đang xây, nhưng anh ta bảo: cháu muốn được ở một mình trong đồng cỏ, hít thở mùi hương cỏ dại, nghe tiếng lá bạch dương... Thế mà tôi, cái gốc gỗ mục này, không đoán ra...

—Còn Phê-đô làm việc ở đây ra sao?

—Phê-đô ấy à? Làm việc thì như trâu. Một ngày chỉ ngủ hai—ba tiếng.

—Vâng, Pô-li-pốp rất khen anh ta.

Pan-crát Na-da-rốp nhếch mép cười khẩy, những ngón tay thô cứng vân vê xoắn bộ râu đã từ lâu chưa cạo, không nói gì.

—Anh em họ có thường gặp nhau không?—Cru-gi-lin hỏi.

—Hình như không. Không nghe nói. Mà cả hai người cũng chả ai cần gặp để làm gì.

—Hôm nay, người anh cả của họ, An-tôn, về đấy.

—An-tôn à?—Đôi mắt Na-da-rốp vụt sáng lên.—Thế cơ đấy! Tôi không nhớ anh ta nữa. Quên hết rồi, chỉ còn loáng thoáng nhớ có một cậu bé tóc trắng nhạt, suốt ngày chạy nhảy ở sân nhà Xa-vê-li-ép. Khoảng mươi—mười hai năm trước cách mạng, ông già Xi-lan-chi gửi cậu ta đến nhà

người em ruột ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Hai ba năm sau thì nghe nói anh chàng An-tôn này đã lang thang khắp các nhà tù Nga hoàng. Và một lần — tôi còn nhớ rất rõ là năm chín trăm mười — có mấy tên hiến binh ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ về tìm An-tôn vừa vượt ngục... Anh ta ở đâu về? Về làm gì?

— Anh ta được cử làm giám đốc nhà máy vừa sơ tán đến huyện ta.

— Thế cơ đấy! — Pan-crát lại ngạc nhiên thốt lên.

Mặc dù ban ngày có nắng gay gắt đến mấy, trước lúc hoàng hôn xuống, không khí cũng dịu đi rất nhanh, hơi lạnh buổi chiều kéo về từng đợt.

Con ngựa Các-ca-Xô-côn kéo chiếc xe lên một ngọn đồi nhỏ. Trước mặt họ liền hiện ra bóng những đỉnh núi đá của dãy Dve-nhi-gô-ra trải dài loang lổ trên mặt đất. Bóng núi bò lan rất nhanh theo những đám rạ, những ruộng lúa mì chưa gặt, mỗi lúc một lớn thêm, như những chiếc răng đen khổng lồ ngoạm vào đồng cỏ. Khoảng không gian bị bóng che cũng tối dần, như mỗi lúc một thu nhỏ lại, và có cảm tưởng như không phải bóng những ngọn núi đá bò trên mặt đất, mà chính dãy Dve-nhi-gô-ra đang rời chỗ tiến đến gần.

— Dừng lại, — Pan-crát nói. — Tôi đến gần đây thôi...

Chủ tịch nông trang bước xuống xe, đứng chờ một lúc xem bí thư huyện ủy có nói thêm gì không. Nhưng Cru-gi-lin vẫn im lặng hút thuốc.

— Anh hãy quát tháo ầm ĩ đi chứ, như Pô-li-pốp sáng nay ấy. Hắn đến đây, chạy xộc vào như gió bão, làm ầm ầm. Thóc thì đúng là đến nay chúng tôi chưa có nộp.

— Tôi chẳng quát tháo như thế đâu. Nhưng dù sao, Pan-crát Gri-gô-ri-ê-vích ạ, việc nộp thóc cũng nên cố lên một tí.

— Thế... nghĩa là trên tỉnh người ta dồn anh à?

— Họ quan tâm, — Cru-gi-lin nói lấp lửng.

Chủ tịch nông trang cọ rất lâu bàn tay chai cứng vào thành xe như tay ông bị ngứa.

— Thôi được, chúng tôi sẽ cố. Chỉ có điều phải trả giá hơi đắt đấy. Nhưng biết đâu, nhờ trời... vì anh đấy, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, tôi mới cố... Và cũng chỉ tạm thời thôi.

Còn nói chung năm nay chúng tôi sẽ nộp thóc cho Nhà nước khá đấy. Mùa này được to, anh thấy đấy... — và người chủ tịch nông trang già đưa cánh tay dài vụng về chỉ quanh một vòng, thở dài. — Chà, giá như tất cả đều là lúa mạch đen!

Đây là một vấn đề khá đau đầu từ lâu của cả vùng này. Bao đời nay ở đây, giống lúa mạch đen bao giờ cũng thu hoạch nhiều gấp ba - bốn lần so với tiểu mạch. Trước cách mạng, những nhà giàu ở địa phương chỉ gieo lúa mạch đen thôi. Chính lão Cáp-ta-nốp với trên ba trăm đê-xi-a-ti-na * đất, thóc gặt về nhiều đến không biết để đâu cho hết. Gặp khi được mùa, hàng chục đụn lúa của hắn phải để đến một — hai năm sau mới đập hết. Thường xuyên có một khối lượng thóc dự trữ vô tận như vậy, Cáp-ta-nốp không cần tăng thêm diện tích đất trồng — chỉ chừng ấy cũng đã quá đủ.

Những năm đầu tiên sau cách mạng, các hợp tác xã ở đây hầu như cũng chỉ gieo có mỗi giống lúa mạch đen. Nhưng dần dần, các tổ chức cấp trên bắt đầu tích cực can thiệp vào việc phân vùng cho các giống cây lương thực. Bị sức ép của họ, trước khi chuyển sang Ôi-rô-chi-a, Cru-gi-lin cũng đã buộc phải hạn chế bớt một ít diện tích gieo giống lúa mạch đen. Và bây giờ, sau khi trở lại San-ta-ra, ông kinh hoàng thấy khắp cả huyện tổng số diện tích của lúa mạch đen không nổi nghìn rưởi héc-ta.

Những chiếc răng nhọn khổng lồ của bóng núi đá ngoạm đến ngọn đồi, nơi Cru-gi-lin và Na-da-rốp đứng. Pan-crát vẫn cọ bàn tay vào thành xe.

— Anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, sang năm chúng ta sẽ gieo thêm giống mạch đen chứ? — ông hỏi khẽ. — Hồi mùa xuân anh đã hứa...

— Sang năm hãy còn xa. Để lúc đó ta hẵng xem sao.

Đầu tiên, cặp lông mày rối bù, đầy bụi của Na-da-rốp khẽ nhảy lên, rồi tiếp đó đôi môi khô, nhợt nhạt, méo xệch lại.

— Cứ để xem, để xem suốt! Chúng ta cứ như đi trên một chiếc cầu khỉ ấy, chỉ sợ sẩy chân. Mà người ta có để cho chúng ta thở đâu, — ông nói một cách cáu kỉnh. — Chúng ta đã mất bao nhiêu với cái giống tiểu mạch này rồi?!

---

* Đê-xi-a-ti-na — đơn vị đo diện tích ruộng đất Nga bằng 1,09 héc-ta.

Pan-crát Na-da-rốp ném ra từng từ một, nặng nề, như hất những súc gỗ xuống đất, rồi vụng về, ì ạch giẫm chân lên mặt đường đầy bụi.

— Gì mà anh trách mắng tôi thế? — Cru-gi-lin vô tình cũng cao giọng. — Chẳng lẽ tất cả là lỗi tại tôi à?

— Thế còn ai nữa? — người chủ tịch nông trang già kêu lên và đôi mắt lấp lánh một cách dữ tợn. — Hay là chỉ một mình Pô-li-pốp? Hay I-a-cốp A-lây-nhi-cốp? Cả anh nữa! «Sang năm hãy còn xa. Để lúc đó hẵng xem sao...» Anh nhát quá đấy!

— Trong việc này quyền hành của tôi ít lắm.

— Tôi còn ít hơn! Thế mà, đấy, tôi dám nhận I-van Xa-vê-li-ép vào nông trang. I-a-cốp A-lây-nhi-cốp về nhảy nhót quanh tôi một buổi, rồi bỏ về không. Có thể là như vậy tôi đã không để gãy cái cốt lõi con người trong I-van, giúp anh ta đứng vững được. Vậy mà anh thì lại không giúp tôi.

Những lời cuối cùng quất vào lòng Cru-gi-lin đau buốt, rớm máu, vì rằng chúng bất công, làm ông phật lòng.

— Tôi không giúp à? Nhưng, thứ nhất là tôi về đây chưa được một năm... — Cru-gi-lin xúc động và cảm thấy không nói lên được điều mình muốn nói. — Thứ hai là anh không biết rằng người ta sẽ quay anh và tôi như thế nào, nếu như chúng ta thay diện tích gieo tiểu mạch bằng giống lúa mạch đen?

— Có thể là người ta sẽ quay! — chủ tịch nông trang kêu lên. — Nhưng nếu như có thêm hai ba người cùng gieo nữa — họ sẽ khó mà quay hơn. Lại còn ở nơi khác, người khác nữa... Tóm lại, như bá tước Lép Tôn-xtôi nói...

— Ai, ai? — Cru-gi-lin ngạc nhiên thốt lên.

— Bá tước Lép Nhi-cô-lai-ê-vích Tôn-xtôi. Anh đừng nhìn tôi như thế, tôi không thạo chữ lắm, những quyển sách dày cộm của ông ta từ bé đến giờ tôi chưa bao giờ đọc hết được. Nhưng thỉnh thoảng cũng có đọc. Trong một quyển sách, ông ta viết những câu thật thông minh: nếu như những người xấu biết tập hợp lại với nhau, thì người tốt cũng cần phải làm như vậy, đấy là tất cả sức mạnh và bí quyết bảo đảm. Thí dụ như thế. Và vì rằng những người tốt dù sao cũng nhiều hơn... Mà tôi bảo, anh đừng nhìn tôi như thế!

— Thế anh cho ai là những người tốt, Pan-crát Gri-gô-ri-ê-vích?

— Anh chẳng hạn, cũng chẳng đến nỗi xấu.

— Cám ơn anh. Thế còn những cán bộ của các cơ quan nông nghiệp huyện và tỉnh, những người bắt phải gieo tiểu mạch thay cho giống mạch đen, thì sao?

— Thế anh nghĩ về họ ra sao? — Thay cho câu trả lời, Na-da-rốp hỏi.

— Tôi ấy à? Tôi nghĩ rằng họ hoàn toàn không phải là kẻ thù của chính quyền Xô-viết và họ cũng muốn làm điều tốt.

Na-da-rốp cúi đầu khẽ húng hắng ho.

— Tôi cũng không biết nữa, — cuối cùng ông lên tiếng. — Tôi không biết. I-van Xa-vê-li-ép cũng nói với tôi rằng cả I-a-cốp A-lây-nhi-cốp cũng làm tất cả vì điều tốt, vì chính quyền Xô-viết. Nhưng anh ta lại sai lầm... Và bây giờ, anh cũng nói vậy. Có thể là các anh đúng. Nhưng nếu như những sai lầm như vậy quá nhiều, như tóc trên đầu ấy, thì sao?

— Rất khó khăn, anh Pan-crát ạ. Nhưng biết làm sao? Tôi cũng nghĩ nhiều, rất nhiều, về những sai lầm của chúng ta, về những sự bất công đủ loại: chúng từ đâu, tại sao?

— Và anh nghĩ đến đâu?

— Và tôi nghĩ đến... Đúng hay không, tôi không biết, nhưng tôi nghĩ rằng... Chính quyền chúng ta mới giành được cách đây không lâu. Những vết chai do quai súng để lại trên vai, có thể nói, còn chưa bong hết, thì nay chúng ta lại buộc phải mang súng tiếp. Cuộc sống mới chúng ta xây dựng một cách mò mẫm. Thử cách này, thử cách khác, và nhìn lại xem được cái gì. Nhưng nhiều khi không phải có thể nhìn lại và hiểu ngay được, thậm chí không phải chỉ mất một, hai năm mới nhìn ra. Những người cầm quyền — ở mọi cấp, cao cũng như thấp — có đủ các loại. Điều này là tất nhiên, dễ hiểu thôi. Có người thông minh, có người kém thông minh hơn, cũng có người ngu dốt hoàn toàn. Và anh không phải dễ dàng thấy ngay được rằng họ là những kẻ ngu dốt. Đến lúc đó, họ đã kịp làm bao nhiêu là điều xấu, điều ác? Nhưng họ làm không phải cố ý, chính họ lại nghĩ rằng họ đang làm điều thiện. Thế nào, bắn họ vì những sai lầm của họ à? Tất nhiên, vẫn có những kẻ thù thật sự của nhân dân và sự nghiệp chúng ta.

—Cái này thì tôi hiểu... Chúng thì đi đâu mất? Đấy, như Ma-ca Cáp-ta-nốp chẳng hạn. Nghe nói hình như vừa ở tù về.

—Nhưng đấy chỉ là một thằng ăn trộm bình thường. Tù hình sự. Hôm nay một chiếc xe chở hàng ở công trường xây dựng nhà máy bị mất. Đây có lẽ cũng lại do tay của hắn. Đang kiểm tra.

—I-van Xa-vê-li-ép nói rằng hắn không phải là kẻ trộm đâu. Nghĩa là trộm, nhưng là loại trộm đặc biệt. Hắn trả thù cho cha. Vì cái tài sản bị tước mất.

—Thế sao?—Cru-gi-lin cau mặt.—Cũng có thể như vậy. Đấy, anh thấy đấy, tất cả đều phức tạp, rối rắm. Cứ lấy anh và tôi làm thí dụ. Anh cho tôi thuộc loại người không đến nỗi xấu. Nói thực với anh, tôi cũng tự cho mình không phải là loại người quá xấu. Mà cũng không phải quá tốt. Tôi đang làm một cái gì đó ở huyện này, và tôi nghĩ rằng tôi làm đúng, làm tốt. Nhưng cũng có thể là sau một vài năm, cuộc sống sẽ chỉ ra rằng không phải mọi cái đều tốt và đúng cả đâu.

Cru-gi-lin nói khe khẽ, không vội vã, dường như đang suy nghĩ với chính mình. Na-da-rốp nghe, lông mày nhíu lại, và qua nét mặt của ông không thể hiểu được rằng ông có đồng ý với Cru-gi-lin hay không.

—Đấy, với những sai lầm thì như thế đấy. Tôi chỉ nghĩ đến vậy thôi... Cùng với thời gian, chúng sẽ ít dần, ít dần đi, vì rằng chúng ta sẽ học được cách làm kinh tế tốt hơn.

—Hiện nay cũng có thể còn nhiều điều ta chưa làm,—Na-da-rốp vẫn bướng bỉnh nói.—Chuyện lúa mạch đen này chẳng hạn. Đến kẻ mù cũng thấy...

—Cũng thấy à? Có những năm ở đồng ta tiểu mạch cũng thu hoạch khá đấy chứ?

—Thỉnh thoảng. Năm sáu năm một lần.

—Nhưng ấn tượng về vụ mùa ấy lại giữ lâu. Và người ta tưởng rằng gieo tiểu mạch tốt hơn. Vì ai cũng biết rằng bánh mì làm bằng bột tiểu mạch ngon hơn. Đấy, anh thấy chưa, lại vì ý định tốt mà họ bắt phải gieo tiểu mạch. Nào, bây giờ anh thử nói xem, đâu là người tốt, đâu là người xấu.

Na-da-rốp im lặng.

— Thế nghĩa là việc thực hiện những lời khuyên của Lép Tôn-xtôi như anh hiểu đâu phải dễ dàng. Hoặc nói rõ hơn — không thể thực hiện chúng được theo ý muốn của anh cũng như ý muốn của tôi. Chỉ có cuộc sống mới thực hiện được. Thời gian!

Những chiếc răng nhọn của bóng núi mỗi lúc một bò trùm lên ngọn đồi. Mặt trời hầu như đã khuất hẳn sau dãy Dve-nhi-gô-ra, chỉ còn để lại trên đỉnh nhọn đầy đá một mẩu con bằng miếng dưa hấu mọi người vẫn ăn hằng ngày.

— Thôi, anh đi đi, — Na-da-rốp nói. — Còn có thể nói chuyện này, chuyện nọ. Và có thể chứng minh điều mà anh muốn. Lời nói sinh ra chính là vì vậy. Còn tôi thì tôi nói với anh thế này, anh Pô-li-các-pơ ạ: năm nay một nửa diện tích tiểu mạch tôi đã gieo giống mạch đen rồi.

— Sao?! — Cru-gi-lin ngước ánh mắt nặng như chì lên nhìn Na-da-rốp.

— Thế đấy. Hoặc là anh nhảy tròn quanh tôi như I-a-cốp A-lây-nhi-cốp trước đây, rồi bỏ về không, hoặc là cắt đầu tôi đi — tôi cũng mặc. Còn nông trang sang năm sẽ được mùa to. Chiến tranh — tôi cứ lo nó còn kéo dài... Dân sẽ còn khổ nhiều. Tuy bánh bột mạch đen không được như bánh tiểu mạch, nhưng cũng là bánh mì.

— Nhưng anh kịp gieo bao giờ thế? — Cru-gi-lin thở ra, hỏi.

— Kịp đấy. Khi các anh còn chưa huy động hết ngựa cho nhà máy.

— Thê-ê... Pô-li-pốp có biết không?

— Biết nhiều, đêm càng mất ngủ. Cứ để cho hắn giữ gìn lấy sức khỏe. Còn anh, thì tôi cần phải báo cáo, như với đại diện tổ chức Đảng.

— Thế... Thế, tôi biết làm gì bây giờ?

— Đấy là chuyện của anh... — Im lặng một lát, ông nói tiếp: — Tốt nhất là không làm gì cả. Tôi không nói gì với anh, anh không biết gì hết.

— Nghĩa là anh khuyên tôi lừa dối?

Na-da-rốp nhún đôi vai khoác hờ chiếc áo vét và không nói thêm một lời nào, đi xuống đồi. Nhưng ông bước chậm dần, rồi quay trở lại, nói:

—Mấy lần tôi định hỏi thăm: thằng Va-xi-li của anh có tin gì không?

—Không, tôi không biết gì cả.

—Thế đấy. Ngay từ đầu, nó cùng với thằng Mắc-xim nhà tôi rơi ngay vào chính cái lò Pê-rê-mư-slơ này. Chúng thật là không may.

—Thư cuối cùng của thằng Va-xi-li viết từ hồi còn mùa xuân...

—Thế đấy,—Na-da-rốp lặp lại.—Tôi thì còn không sao. Nhưng bà già nhà tôi vật vã quá. Ban ngày im lặng, còn ban đêm về cứ rên rỉ qua kẽ răng như chó con... Tờ báo nào cũng bắt mang về, im lặng tìm tên con trong danh sách những người được khen thưởng, còn ban đêm cứ rên la...

Và Pan-crát bỏ đi không chào. Ông đi, lưng còng xuống, chân kéo lê nặng nhọc.

* * *

Từ nhà ga, An-tôn Xa-vê-li-ép, người kỹ sư trưởng mới Nhê-tsa-ép và các cán bộ khác, đi nhờ một chiếc xe tải cùng đường về nhà máy. Dọc đường họ im lặng ngồi ngả nghiêng trong thùng xe, chỉ khi ô-tô dừng lại ở cổng công trường, Xa-vê-li-ép nói:

—Trời mưa xuống là con đường này cắt cổ chúng ta đấy.

Phê-đô Phê-đô-rô-vích Nhê-tsa-ép, một người gầy, cao lêu nghêu, khuôn mặt thanh nhỏ, bộ râu để kiểu Đơ-déc-gin-xki, khi mới gặp lần đầu dễ gây nên một cảm giác khó chịu. Mặc dù người ta rất ca ngợi Nhê-tsa-ép với Xa-vê-li-ép, khi gặp nhau ở Mát-xcơ-va, An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích thất vọng với cái vẻ ngoài của ông ta và cảnh giác đề phòng cái con người lầm lì ít nói này. Nhưng vẻ ngoài thường hay lừa người, và chỉ sau một tuần lễ, sự lo lắng đề phòng đó chẳng để lại một tí dấu vết nào. Không cần phải tất bật, quát tháo, trong vòng vài ngày, ông đã, như người ta nói, moi được ở Bộ dân ủy quân khí một số lượng nhiên liệu và vật liệu xây dựng cho nhà máy đến nỗi Xa-vê-li-ép phải kinh ngạc. Là một nhân viên của Ủy ban đặc biệt trước đây, đã từng làm việc với chính Đơ-déc-gin-xki, Nhê-tsa-ép có một ý chí kiên quyết

sắt đá và một bộ óc sắc sảo như chính người chỉ huy kiệt xuất của mình trước đây.

Và bây giờ Nhê-tsa-ép không vội vã nhìn quanh khu vực của nhà máy tương lai, nơi ngoài những núi đất ngổn ngang và đây đó một vài bức tường gạch đang xây dở, chưa có một thứ gì khác, rồi lạnh lùng nói:

— Việc của tôi là làm sao để nhanh chóng bố trí máy móc thiết bị và bắt đầu cho sản xuất. Việc của anh — bảo đảm mọi thứ cần thiết cho tôi, kể cả đường sá.

— Sẽ cho một xe tải và một máy san đất thường xuyên làm việc trên đường, liên tục đổ sỏi và đá dăm lấp các hố rãnh. Cái chính là giữ được đường cho đến khi có băng. Mùa xuân năm sau sẽ rải nhựa. Còn bây giờ thì chưa làm được.

I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp bé nhỏ, mặt đỏ gay chạy đến, bắt tay tất cả mọi người rất lâu. Rồi anh đi tách riêng ra, người như co rúm lại, trông càng tròn trịa thêm. Anh rút khăn tay, ngoảnh mặt đi lau mãi chiếc cổ ướt đẫm mồ hôi và bụi đất. Xa-vê-li-ép là người đầu tiên hiểu được tâm trạng của anh, vỗ vai bảo.

— Tôi với anh sẽ còn làm máy gặt và máy quạt nữa đấy.

— Vâng, vâng, tất nhiên. Sau chiến tranh sẽ cần bao nhiêu là máy...

Chừng nửa giờ họ cùng nhau đi giữa những đống đất, gạch, gỗ ngổn ngang. Những người đào đất, thợ nề, lái xe — tất cả đều tò mò nhìn đoàn người lạ lùng này. Mỗi người ăn mặc mỗi kiểu: áo bành-tô, áo bông, có cả mấy chiếc áo khoác dài rất đắt tiền, nhưng đã nhàu nát, bê bết bùn đất và dầu mỡ.

— Đây, tôi đã phân chia khu vực cho các xưởng, — I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp, như một quả dưa hấu nặng đã lên nước bóng nhoáng, lăn đi trước mọi người, nói. — Tất nhiên là xuất phát từ yêu cầu chuyên môn của nhà máy chúng tôi. Ở đây tôi định đặt xưởng cơ khí, còn ở đây là xưởng rèn... Và đây là xưởng đúc. Còn bây giờ thì tôi không biết... Như người ta nói, đến lượt bài vào tay anh... — anh quay lại nói với Nhê-tsa-ép.

Trong thời gian đi thăm khu vực công trường, Nhê-tsa-ép không nói lời nào. Cắn chặt đôi môi mỏng, ông cau có nhìn quanh, đôi mắt xanh nhạt lấp lánh dưới vành mũ lưỡi trai.

Thỉnh thoảng ông lại lấy tay lau cằm. Xa-vê-li-ép và những người khác cũng im lặng.

—Còn đây, như các anh thấy đấy, là trạm biến thế,—Khô-khơ-lốp dẫn đoàn người đến khung sườn nhà bằng gạch, nói.—Trạm biến thế là cái cần trước hết, nên chúng tôi quyết định lắp ráp trước khi xây xong nhà bốt.

Lần đầu tiên trong suốt thời gian đó, Nhê-tsa-ép ngước đôi mắt bỗng trở nên bớt lạnh lùng lên nhìn Khô-khơ-lốp.

Trong «văn phòng nhà máy»—một căn nhà kho bằng gỗ rộng thênh thang, không có vách ngăn, trống trải—một ông già cổ quấn khăn đang đào bới trong đống giấy tờ. Quanh bàn ông ngồi, trên sàn nhà, trên giá máy ngổn ngang hàng núi giấy, thứ thì nằm từng tờ lẻ, thứ thì được đóng lại thành quyển. Xa hơn, dọc theo bức tường, còn có thêm mấy chiếc bàn cũng chất đầy giấy tờ như thế.

—Tất cả của chúng ta ở đây hết: nào phòng tài vụ, phòng đảng ủy, phòng giám đốc... tóm lại, toàn bộ bàn giấy các phòng ban,—Khô-khơ-lốp nói.—Bây giờ mọi người đang đi ăn sáng.

—Tất cả đã rõ rồi,—Xa-vê-li-ép nói và ngồi vào một chiếc bàn trống.—Ngồi xuống, các đồng chí.

Tất cả ngồi xuống, người thì lên ghế, người thì lên các đống giấy tờ.

—Như vậy là chúng ta đã đến nơi và tự mắt mình thấy toàn bộ tình hình.—Xa-vê-li-ép nói tiếp.—Thiết bị chủ yếu đã được chở về. Nguyên liệu đã có một ít và đang tiếp tục về thêm. Nhiệm vụ của chúng ta cực kỳ đơn giản: sau hai tuần phải cung cấp cho mặt trận một nghìn quả đạn pháo đầu tiên...

Khô-khơ-lốp ngẩng phắt đầu lên, cả người nhô ra phía trước như bị ai xô mạnh, anh đứng vụt dậy, vung cả hai tay lên trời. Tất cả mọi người đều quay lại nhìn anh, nhưng Khô-khơ-lốp không nói gì.

—Có gì thế, I-van I-va-nô-vích?—Xa-vê-li-ép hỏi.

—Xin... xin lỗi... Anh nói sao? Sau bao nhiêu thời gian, xin lỗi... phải có nghìn đạn pháo đầu tiên?

—Sau hai tuần, anh I-van I-va-nô-vích ạ,—Xa-vê-li-ép thản nhiên nói.— Phê-đô Phê-đô-rô-vích, mời anh nói vài lời.

Nhê-tsa-ép đứng dậy, bỏ chiếc mũ lưỡi trai xuống, để

lộ những sợi tóc màu hung lơ thơ trên lớp da đầu đỏ hồng như của trẻ con.

—Trước hết, tôi thấy cần phải đánh giá cao công lao đóng góp của chính quyền địa phương, mặc dù không có đại biểu của họ ở đây. Việc bốc dỡ thiết bị tiến hành nhanh chóng. Và nói chung, trước đây tôi nghĩ sẽ gặp phải tình hình xấu hơn. Đồng chí Xa-vê-li-ép, tôi đề nghị đặc biệt báo cáo điều này không chỉ cho tỉnh ủy mà cả Bộ dân ủy quân khí nữa. Sau đó, tôi cần đánh giá cao công sức của đồng chí I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp và những người cùng làm việc trong việc chọn rất đạt mặt bằng nhà máy, và nói chung, tất cả những gì anh đã làm được trong vẻn vẹn có mấy ngày ở đây.

I-van I-va-nô-vích không đợi nghe những lời như vậy. Và anh lại nhô người lên phía trước, nhưng lần này không đứng dậy, chỉ ngạc nhiên lắc đầu.

—Tôi đề nghị báo cáo cả điều này cho các tổ chức đảng và Bộ dân ủy quân khí,—Nhê-tsa-ép tiếp tục nói.—Nhiệm vụ chung của chúng ta, tôi chỉ tóm tắt trong vài lời. Đến chiều, tôi cùng ban giám đốc và kỹ sư trưởng của nhà máy cũ sẽ phải xem xét toàn bộ nhu cầu và khả năng hiện có của đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân, xuất phát từ nhiệm vụ chuyên môn mới của nhà máy chúng ta. Sáng mai sẽ ra quyết định bổ nhiệm các xưởng trưởng và người phụ trách các bộ phận, phòng ban—tức là toàn bộ cơ cấu lãnh đạo sản xuất. Và cũng ngay sáng mai bắt đầu lắp ráp và ổn định thiết bị cho các xưởng...

—Xin lỗi... Xin lỗi...—Khô-khơ-lốp lại đứng bật dậy.—Bắt đầu lắp ráp thiết bị ngay ngoài trời?

—Vâng, ngoài trời,—Nhê-tsa-ép nhìn Khô-khơ-lốp, nói.—Một số nền của các nhà xưởng sẽ cần phải mở rộng thêm. Tất nhiên, giá như anh, I-van I-va-nô-vích, đoán trước được mà làm rộng hơn thì thật là lý tưởng. Nhưng vì anh không biết rằng nhiệm vụ của nhà máy sẽ thay đổi, cho nên ở đây anh hoàn toàn không có lỗi. Trạm biến thế, theo tôi, vài ngày nữa sẽ bắt đầu làm việc được chứ?

—Tất nhiên, tất nhiên...—Khô-khơ-lốp bối rối thốt lên.

—Rất cám ơn anh, I-van I-va-nô-vích, vì trạm biến thế

này. Nó đã cứu chúng ta đấy. Chỉ cần có điện, sau hai tuần nữa chúng ta sẽ cho ra đạn.

Nhê-tsa-ép cau có nhìn những người ngồi xung quanh, đầu khẽ cúi sang một bên như cố xem có gì cần nói nữa. Rồi bỗng nhiên ông ngượng nghịu mỉm cười, lấy bàn tay vuốt nhẹ lên mấy sợi tóc lơ thơ trên đầu.

— Thế thôi, các đồng chí ạ. Tất cả những người mới tới được nghỉ đến sáng mai. Các đồng chí sử dụng thời gian đó để bố trí chỗ ở và những việc riêng khác. Còn ở đâu và như thế nào — thì đến ủy ban huyện, có người sẽ hướng dẫn.

An-tôn Xa-vê-li-ép biết con người khắc khổ này đã bốn tuần nay, nhưng đây là lần đầu tiên trông thấy ông ta với nụ cười giản dị và ngượng nghịu, ngây thơ như trẻ con. Bất giác, tự mình không hiểu vì sao, ông cũng mỉm cười. Và có lẽ cũng là lần đầu tiên sau ba tháng đầy những chuyện lạ lùng, khác thường mà ông vừa phải trải qua.

* * *

Trong suốt ba tháng qua, An-tôn Xa-vê-li-ép cảm thấy một sự kinh tởm đến buồn nôn đối với chính bản thân mình. Cảm giác đó nảy sinh ra trong cái khoảnh khắc, khi trên bãi rừng trống ở ngoại vi Pê-rê-mư-slơ, ông trông thấy sát trước mặt mình một nòng súng máy đen ngòm, khi trong ngực, trong bụng ông có một cái gì ớn lạnh cuộn lên, bò khắp toàn thân, trong đầu máu giật choáng váng như trống gõ bên tai, và đôi tay bắt đầu từ từ giơ lên trời. «Ta đang làm cái gì đây? Ta đang làm cái gì đây? Thằng hèn, thằng hèn, mày đang làm cái gì đây? Thà chết còn hơn là nhục nhã đến thế!..» — trong đầu những ý nghĩ quay cuồng như muốn làm nổ tung cả bộ não. Còn đôi tay, nặng trịch, cứng đờ như gỗ, đôi tay không còn chịu sự điều khiển, như của người khác, cứ giơ dần, giơ dần lên cao. Rồi sau đó, bằng cảm giác nhiều hơn là trông bằng mắt, ông thấy bọn lính Đức xúm quanh bốn phía, một đứa sờ nắn, lộn tất cả các túi áo quần của ông ra và thúc một vật gì nhọn — chắc vẫn là nòng khẩu súng máy — vào lưng, giữa hai xương bả vai.

—Côm-mơ, côm-mơ... Sne-lơ, sne-lơ! * —ông nghe một giọng nói xa lạ vang lên bên tai, và họ bị dẫn đi theo con đường rừng từ lâu không người qua lại.

An-tôn vừa lê đi vừa vấp, trong đầu một ý nghĩ cứ vang lên, gõ mãi, gõ mãi vào thành não: «Sao bị bắt một cách ngu xuẩn quá... Ngu xuẩn quá...» Ngoài ra, không có một ý nghĩ nào khác.

Va-xi-li Cru-gi-lin, gập người lại dưới sức nặng của thân thể viên đại úy, đi phía trước. Phía sau, bọn Đức no nê và thỏa mãn, đang to tiếng nói chuyện với nhau. Chúng có chừng bốn—năm thằng. Có tiếng kèn ác-mô-ni-ca. Xa-vê-li-ép ngoảnh lại nhìn. Tên lính Đức với bộ mặt béo tròn, chính tên đã nhặt hai khẩu súng của ông từ dưới đất lên, đang thổi. Vũ khí tước được hắn khoác vào vai, còn khẩu súng máy của mình tên Đức treo lủng lẳng trên cổ. Mấy đứa còn lại súng cầm lăm lăm trong tay.

—Côm-mơ, côm-mơ!—khi thấy Xa-vê-li-ép vừa ngoái lại nhìn, tên Đức đi gần nhất giương súng lên, sủa to hai lần. Qua vẻ mặt của hắn, An-tôn hiểu rằng chỉ thêm một giây nữa là thằng này sẽ cho ông ăn ngay một băng đạn súng máy.

«Nhưng dù sao cũng phải chạy... Phải chạy. Phải chạy ngay! Đấy, đến gốc thông kia là nhảy sang bên...»—đầu óc Xa-vê-li-ép căng thẳng như trong cơn sốt. Nhưng vừa lúc đó Cru-gi-lin vấp mạnh và ngã sấp xuống ngang đường. Tấm thân bất động của viên đại úy đè lên người chiến sĩ và An-tôn thấy Va-xi-li nằm dưới đang thở dốc lên nặng nhọc.

—Stét au-phơ! Stét au-phơ! ** —bọn Đức chạy tới gào lên và dùng gót giày bịt sắt thúc mạnh vào hai người. Rồi một tên lùi lại mấy bước và giương súng lên.

—Không được! Không được bắn, đồ chó đẻ!—Xa-vê-li-ép thét to và nhảy bổ đến bên viên đại úy đang nằm đè lên người Cru-gi-lin, gắng sức xốc anh ta lên vai.—Còn con, dậy ngay đi, không chúng bắn đấy...

Cru-gi-lin bò dậy. Lồng ngực anh phập phồng lên xuống

---

* Côm-mơ—cứ đi đi *(tiếng Đức trong nguyên bản)*. Sne-lơ—nhanh lên *(tiếng Đức trong nguyên bản)*.

** Stét au-phơ!—Đứng lên! *(tiếng Đức.)*

gấp, từng dòng mồ hôi bẩn chảy ròng ròng trên mặt.

Và bọn Đức đứng nhìn việc xảy ra với một vẻ tò mò, nhưng không hạ súng xuống.

Rồi họ lại tiếp tục đi trong rừng, tên lính Đức ở phía sau vẫn thổi kèn ác-mô-ni-ca. Không biết họ đã đi được bao lâu. Xa-vê-li-ép tưởng như thời gian đã qua là vô tận.

Cuối cùng, một ngôi làng hiện ra trước mặt. Làng đã bị đốt cháy, chìm trong những đám khói đen đặc. Xa-vê-li-ép bị mồ hôi chảy nhòa cả mặt, chỉ loáng thoáng thấy mọi vật xung quanh.

Ông há hốc miệng đã khô đắng ra cố hớp lấy không khí, nhưng không khí xung quanh làm gì còn.

Rồi, gập người lại dưới tấm thân mềm nhũn đã trở nên nặng quá sức của viên đại úy, Xa-vê-li-ép còn kịp nhận thấy mình bị bọn lính dùng báng súng đẩy vào một cánh cổng chằng dây thép gai. Bị thúc mạnh, ông không còn đủ sức gượng lại, bắt đầu ngã, thì một người nào đó kịp giữ ông lại, không để ngã xuống đất và đỡ lấy viên đại úy.

— Đưa anh ta đây... Đấy, đặt xuống đấy, — An-tôn nghe những giọng nói không quen biết, và ông không còn hiểu là người ta nói về đại úy Mắc-xim Na-da-rốp hay là về mình. Rồi họ đỡ lấy cánh tay ông, đưa đến một nơi nào đó. Ông khoan khoái ngã vào một vật gì mềm mềm — hình như là cỏ — và nhắm nghiền mắt lại.

Ông nằm và nghe tiếng xe tải rú ở đâu đây rất gần, những giọng nói xa lạ, đứt đoạn và thỉnh thoảng những tràng súng máy lại nổ dài. Nhưng tiếng nổ của những tràng súng máy lúc này không có gì đáng sợ cả, chúng chỉ như tiếng ai xé một tờ giấy đã khô cong ngay sát bên tai.

Khi ông mở mắt nhìn, có hai ba đám mây bông trắng nõn đang lơ lửng trên trời. Thẳng ngay trước mặt, cạnh chúng là một cột khói đen xiêu vẹo từ mặt đất bốc lên cao ngút tận trời xanh. Hình như cột khói cố ý đi tránh vòng qua mấy đám mây để không làm vấy bẩn cái màu trắng tinh nguyên của chúng.

Xa-vê-li-ép nhỏm dậy và thấy xung quanh chừng một trăm chiến sĩ Hồng quân. Rách rưới, sạm đen, họ ngồi, nằm ngổn ngang trên mặt đất, đủ mọi tư thế, và im lặng. Một

sự im lặng nặng nề. Hình như mọi người không những chỉ sợ phải nhìn vào mắt nhau, mà không dám cả cử động nhúc nhích.

Xa-vê-li-ép nhìn quanh. Hướng nào ánh mắt ông cũng gặp phải hàng rào dây thép gai chăng mấy tầng trên những thân cây mọc quanh bãi rừng trồng. Chỗ nào cây thưa, bọn Đức cho trồng thêm cọc. Đất xung quanh cọc còn mới, chưa bị nén xuống. Bên ngoài hàng rào dây thép gai, bọn lính Đức đi đi lại lại, tay cầm súng máy áp sát vào trước bụng.

—Thế... hiểu rồi,—trông thấy Na-da-rốp nằm bất động bên cạnh, Xa-vê-li-ép thốt lên không thành tiếng.

Ông đưa tay sờ—người viên đại úy mềm nhũn và âm ấm. Na-da-rốp khẽ cựa mình, đôi môi khô, sưng vù mấp máy. Và Xa-vê-li-ép đoán ra nhiều hơn là nghe thấy: «Uống... nước...»

—Ai có nước không? Các đồng chí, ai có nước không?—Xa-vê-li-ép hai lần lặp lại câu hỏi.

Một chiến sĩ Hồng quân đầu quấn băng thấm đầy máu, nói:

—Không ai còn nước đâu. Chúng tước đi hết cả rồi...

Hình như Na-da-rốp nghe thấy và hiểu được nên nằm im. Anh không rên, chỉ thỉnh thoảng lại liếm đôi môi khô nẻ.

«Còn Cru-gi-lin? Va-xi-li đâu rồi?»—Xa-vê-li-ép chợt nghĩ và liền đó ông trông thấy anh. Cru-gi-lin ngồi ngay bên cạnh, hai tay ôm lấy mái đầu kẹp giữa hai đầu gối! Xa-vê-li-ép khẽ chạm vào người anh, Va-xi-li từ từ quay khuôn mặt sạm đen lại. Da trên gò má anh căng đến mức tưởng như chỉ thiếu chút nữa là rách toạc ngay. Trong đôi mắt trũng sâu có một cái gì như tia lửa ngưng đọng lại.

—Cái gì thế này? Tại sao lại thế này?—Cru-gi-lin nói, đôi môi gần như không cử động.—Thà... ở bờ sông Xan, để cho xích xe tăng nghiền nát còn hơn là...

Anh không nói hết câu, rùng mình ngã úp mặt xuống đất. Lưng anh run lên.

Xa-vê-li-ép đặt tay lên vai anh, xoa nhẹ. Cru-gi-lin dịu dần. Anh nằm như vậy cho đến tận chiều tối.

Chốc chốc, bọn Đức lại đẩy vào trại từng người một hoặc từng nhóm tù binh mới. Hai lần những chiếc máy bay ném bom Đức nặng nề bay ngang qua đầu họ. Gần tối, một

đoàn xe tải chạy qua ngôi làng bị đốt cháy. Chỉ thế thôi, ngoài ra trong ngày không xảy ra thêm chuyện gì nữa cả. Những tên lính Đức cầm súng máy vẫn chậm rãi đi lại ngoài hàng rào dây thép gai.

Đây đó, một số chiến sĩ Hồng quân bị thương hoặc bị đánh đau kêu rên, la hét trong cơn mê sảng. Lúc mặt trời lặn, một người nhỏm dậy, bò đến bên hàng rào dây thép gai, bám leo lên và thét to:

—Quân khốn nạn! Lũ phát-xít bẩn thỉu! Nước! Đưa nước đây!

Một tên lính canh im lặng đi đến giơ chiếc xẻng công binh quật thẳng xuống người anh qua hàng rào. Đầu bị toác đôi, người chiến sĩ chết vẫn nằm treo trên dây thép gai. Tên lính Đức cẩn thận lau xẻng lên áo anh, rồi bỏ đi.

Khi trời bắt đầu tối, Va-xi-li Cru-gi-lin ngồi nhỏm dậy, phủi đất bám trên chiếc áo quân phục. Tia lửa nguội lạnh, ngưng đọng lại ở trong mắt anh đã biến mất, chỉ còn lại một nỗi buồn rầu và thất vọng.

—Khô-ông...—anh thì thầm nói.—Các người thế nào, chứ tôi... Trời tối hẳn... là tôi lấy răng cắn đứt hàng rào bò đi.

Xa-vê-li-ép không nói gì.

Khi bóng tối bắt đầu ập xuống trên trái đất, một đoàn xe tải xuất hiện. Từ bốn phía, chúng bò đến bên trại và gần như ép sát những ngọn đèn pha sáng rực vào hàng rào dây thép gai. Khắp trại sáng như ban ngày. Một tên lính Đức trèo lên xe và hét lên bằng một thứ tiếng Nga trọ trẹ:

—Tao báo trước—tất cả phải nằm! Tất cả phải nằm! Ai ngồi, bò, đi, làm bất cứ một cử động nào để đến bên hàng rào, chúng tao sẽ *phai-e*, nghĩa là bắn! Bắn không báo trước! Nằm xuống, nằm xuống, những con lợn Nga...

Và hắn bắn hai, ba phát vào những người ngồi gần chiếc xe hắn đang đứng.

Tiếng ồn ào nổi lên khắp trại, nhưng ở một nơi nào đó bên cạnh rộ lên mấy tràng súng máy, và mọi người vội ngã sấp, ép sát người xuống đất.

—Thế đấy, con ạ,—nằm úp bụng trên mặt đất, Xa-vê-li-ép buồn bã nói.—Đừng có nghĩ tới chuyện bò đến bên hàng rào. Tự giết mình và giết cả người khác đấy.

Đêm ấp áp, yên tĩnh. Chỉ có tiếng rên của những người bị thương vang lên phá vỡ sự yên tĩnh đó. Suốt đêm, những ngọn đèn pha từ ngoài hàng rào chiếu từng luồng ánh sáng ngang dọc khắp trại. Bóng những tên lính gác thấp thoáng đi lại bên ngoài hàng rào.

Đêm trôi qua không một tiếng súng. Thậm chí Xa-vê-li-ép đã bắt đầu chợp mắt thiếp đi. Ông giật mình tỉnh dậy bởi một tiếng sột soạt nào đó. Vội quờ sang phía Cru-gi-lin nằm, ông bỗng nghe tim thắt lại — Va-xi-li không còn ở đây nữa.

— Va-xi-li! — ông thì thào gọi, và ngay lúc đó, một tràng súng máy bỗng vang lên, nổ rất giòn trong sự yên lặng của đêm. Từ phía cách xa nơi Xa-vê-li-ép nằm, một đợt sóng người dồn đến, với tiếng la hét, lăn sang góc đối diện. Trong một giây, cả trại nhảy chồm dậy, và Xa-vê-li-ép cũng bật dậy theo bản năng. Tiếng người la hét, tiếng súng nổ hòa vào nhau thành một thứ tiếng gào rú hỗn độn khủng khiếp. Mọi người xô nhau chạy từ góc này sang góc kia, bị những loạt đạn chì phạt ngang, gục xuống. Những người sống giẫm lên họ mà chạy.

— Nằm xuống! Nằm xuống! Chúng bắn chết hết bây giờ! — Xa-vê-li-ép thét to, nhưng ông không nghe thấy giọng của mình nữa. Để ngăn Na-da-rốp khỏi bị những con người đã mất trí giẫm nát, ông túm lấy vai một người nào đó quật ngã xuống đất. Rồi người thứ hai, thứ ba... Và việc này hình như làm cho mọi người tỉnh lại, tất cả liền nằm ngay xuống cỏ. Lập tức tiếng súng cũng im bặt. Chỉ có tiếng rên la của những người bị thương bây giờ lại nổi lên to hơn khắp trại.

Và những ngọn đèn pha xe hơi lại thản nhiên cháy sáng cho đến lúc mặt trời sắp mọc mới tắt. Những chiếc xe rú máy bò tản đi.

Ngôi làng nằm cạnh trại tù binh tạm thời này đã cháy rụi hết ngay từ chiều hôm qua. Mặt trời, bao giờ cũng mới mẻ, tươi mát sau một đêm nghỉ ngơi, đang lên cao, chiếu nắng xuống những đống than còn âm ỉ cháy đây đó, xuống những ống khói lò sưởi ám khói đen thui.

Buổi sáng đã đến từ lâu, nhưng những con người ở trong hàng rào dây thép gai kinh hoàng trước sự việc xảy ra lúc rạng đông vẫn còn nằm bất động trên mặt đất ẩm ướt. Nhưng

cuối cùng họ cũng bắt đầu cựa mình, một người nhổm dậy, rồi người thứ hai, tiếng thì thầm cố nén lại truyền đi khắp trại...

Không hiểu từ đâu, Va-xi-li Cru-gi-lin im lặng đi đến, nằm ngả lưng xuống cỏ và bắt đầu nhìn lên bầu trời xanh cao buổi sớm. Dường như anh không nghe thấy tiếng rên của đại úy Na-da-rốp nằm bên cạnh, không thấy cả bầu trời mà anh đang nhìn lên không chớp mắt. Khuôn mặt anh tóp xuống, xám như đất, gò má càng nhọn thêm ra.

— Con có bị thương không? — Xa-vê-li-ép hỏi.

— Không. Con vẫn còn sống, — một lúc sau Va-xi-li mới đáp. — Nhưng còn Len-ca. Len-ca bây giờ ở đâu?

Đôi mắt trũng sâu của anh bỗng thoáng ướt rồi vụt chốc đã đầy nước mắt. Anh không lau, thậm chí cũng không chớp.

— Mắc-xim Pan-cra-chi-ê-vích? Anh có nghe thấy tôi không? — Xa-vê-li-ép cúi xuống người viên đại úy hỏi.

— Không nghe thấy. Anh ấy thật may, chẳng nghe thấy gì cả, — Cru-gi-lin vẫn nằm yên như cũ, nói. — Còn con thì thế nào cũng sẽ trốn...

— Im ngay! — Xa-vê-li-ép giận dữ nói. — Chạy cũng phải cho khôn. Đã giết chết bao nhiêu người rồi đấy...

Như bị điện giật, Va-xi-li phắt một cái lật sấp lại, cả người run bắn lên như chiều qua, đầu đập liên tiếp lên mặt đất mềm. Và cũng như chiều qua, Xa-vê-li-ép lại đặt tay lên vai anh.

Đã hai ngày đêm, An-tôn Xa-vê-li-ép chưa có gì vào bụng, nhưng ông không muốn ăn. Chỉ muốn uống. Người chiến sĩ Hồng quân chiều hôm qua đòi nước vẫn nằm nguyên chỗ cũ trên hàng rào dây thép gai.

Thêm một giờ trôi qua, mà cũng có thể là hai hoặc ba, — Xa-vê-li-ép đã mất đi cái cảm giác thời gian. Từ phía ngôi làng bị đốt cháy, một chiếc xe ô-tô con, đen như bọ hung, chạy đến. Theo sau là chiếc xe tải chở đầy lính. Bọn canh trại chạy rối lên. Một tên sĩ quan Đức cao lêu đêu, gầy đét, từ xe bước xuống. Chiếc thắt lưng thít chặt ngang hông như cắt người hắn ra làm đôi, và vì vậy trông hắn chẳng khác gì một con kiến càng đứng dựng ngược.

Bọn lính nhảy xuống xe, chạy xộc vào trại, dùng chân đá dựng mọi người dậy. Không hiểu chúng muốn gì, những

người tù binh tránh giạt ra xa bọn lính, vấp giẫm lên cả người chết và bị thương nằm dưới đất.

Tên sĩ quan cũng đi vào trại, hét lên một câu gì đó, và bọn lính bỗng đứng im như phỗng.

—Thưa các ngài! Tôi không thích lộn xộn. Xếp thành bốn hàng ngang. Nhanh lên! — tên sĩ quan nói bằng tiếng Nga rất chuẩn.

Những người tù binh bắt đầu xếp thành hình vòng cung cạnh hàng rào dây thép gai. Cru-gi-lin và Xa-vê-li-ép đỡ lấy hai cánh tay Na-da-rốp.

—Để những đứa chết nằm tại chỗ, — tên Đức ra lệnh.

—Người này không chết, chỉ bị thương, — Xa-vê-li-ép nói.

—Ô, ô... Xin hỏi, anh là ai? Tại sao mặc thường phục?

—Vì rằng tôi không phải quân sự.

—Ô-ô... — tên sĩ quan lại kéo dài giọng. Hắn còn trẻ, trên dưới ba mươi tuổi, và, như Xa-vê-li-ép đã kịp nhận ra, mặt đỏ hồng, mỉm cười thân thiện. — Thôi được, sẽ giải quyết sau. Anh đứng vào hàng đi.

Trong lúc những người tù binh đang xếp hàng, bọn lính lôi xác những người chết hồi đêm và bị bắn chết lúc gần sáng ném lên xe tải như những khúc gỗ.

Những người tù binh, người khỏe đỡ người bị thương, đứng thành mấy hàng hình vòng cung và chờ đợi số phận của mình. Bọn lính Đức cũng xếp thành một hàng thưa đứng đối diện, sẵn sàng dùng súng máy bắn gục tất cả trong vòng một phút. «Chẳng lẽ thế là hết? — Xa-vê-li-ép buồn rầu nghĩ. — Đôi khi cuộc đời người ta kết thúc một cách ngu ngốc làm sao. Và quá rẻ mạt...»

Nhưng họ không bị bắn. Trong khi bọn lính chất xác chết lên xe, tên sĩ quan thản nhiên đứng hút thuốc. Rồi hắn búng tay vứt mẩu tàn còn lại xuống đất.

—Do Thái và Di-gan — bước một bước lên trước.

Các chiến sĩ đứng im lặng, bất động. Một phút, hai phút. Tên sĩ quan cởi mũ, xem xét phía bên trong và lấy khăn tay lau.

Hai người miễn cưỡng bước lên.

—Thế nào, không còn Di-gan hoặc Do Thái nữa à? — Tên Đức từ từ đi dọc hàng tù binh, kỹ lưỡng nhìn mặt

từng người một. Hắn đưa ngón tay chỉ vào ngực một người, rồi người thứ hai, thứ ba... Hai tên lính to lớn đi theo hắn liền lôi họ ra khỏi hàng, đẩy đến chỗ hai người đã đứng riêng trước.

Rồi tên sĩ quan trở về chỗ cũ, khoát tay. Mấy tên lính xô những người xấu số ra ngoài hàng rào dây thép gai, dẫn đến xe. Nhưng giữa đường, chúng bỗng giương súng máy bắn chết tất cả.

Mấy hàng tù binh nhốn nháo.

— Xin các ngài bình tĩnh, — tên sĩ quan giơ tay lên. — Chỉ chừng ấy thôi. Những người còn lại chúng tôi sẽ không bắn ai nữa. Đảng viên cộng sản và sĩ quan Hồng quân — bước lên một bước.

Tất cả lại đứng không nhúc nhích. Chiếc xe tải chở xác chết rú ga, rồi chuyển bánh chạy đi.

Ở khoảng rừng trống, khi Xa-vê-li-ép và Cru-gi-lin bị bắt làm tù binh, bị lục soát, lộn ngược hết túi áo, túi quần, An-tôn Xa-vê-li-ép nhìn thấy trong tay tên Đức không hiểu sao chỉ có một tấm hộ chiếu. Thẻ đảng không thấy. «Thế nó ở đâu mất rồi?» — Xa-vê-li-ép thầm nghĩ. Ông nhớ rất rõ là ở gần Pê-rê-mư-slơ, khi viên chính ủy trung đoàn kiểm tra xong trả lại giấy tờ, ông đã bỏ cả hộ chiếu lẫn thẻ đảng vào túi trong của áo vét. Thế mà bây giờ hộ chiếu còn, mà thẻ đảng thì lại đâu mất...

Mãi tới đêm vừa rồi ông mới tìm thấy nó. Hoặc là trong thời gian đánh nhau ngày hôm kia, hoặc là sau đó, khi cõng Na-da-rốp trên vai, đường chỉ ở đáy túi bị bục đứt, và tấm thẻ đảng rơi xuống nằm trong thân áo giữa hai lớp vải. «Thế đấy! — Xa-vê-li-ép mừng rỡ nghĩ thầm. — Hóa ra đôi lúc cũng có những sự tình cờ thật may mắn...»

Ông rút tấm thẻ đảng ra khỏi miếng bìa các-tông cứng mà ông vừa mới mua ở Lơ-vốp hai ngày trước khi đến Pê-rê-mư-slơ, nghĩ một lát, rồi cởi chiếc ủng lấm bùn, lộn trái ống ủng ra, dùng răng cắn thủng miếng da lót trong, mùi mồ hôi chua lòm lòm, và nhét tấm thẻ vào đó. Xong xuôi, ông lấy một nhúm đất hòa nước miếng xát lên chỗ da thủng cho nó có vẻ không còn mới nữa.

Giấu như thế thực ra chẳng lấy gì làm chắc chắn lắm.

Xa-vê-li-ép hiểu như vậy, nhưng ông không thể nghĩ ra cách nào hơn.

—Thế nào, trong số các ngài không có đảng viên và sĩ quan à?—tên sĩ quan Đức với chiếc thắt lưng thít chặt ngang hông nói.—Nhưng tôi đâu có mù. Ít ra tôi cũng thấy có sĩ quan.—Hắn bỗng rút súng ngắn rồi gào lên bằng giọng kim the thé, như gà trống mới lớn.—Bước lên đi, đồ lợn!

Chừng mươi người bước ra khỏi hàng.

—Thế nào, còn thương binh của anh thì sao?—tên sĩ quan bước đến bên Xa-vê-li-ép và Cru-gi-lin.—Hình như là đại úy Hồng quân?—Hắn bỗng giật mạnh Na-da-rốp đang treo trên tay hai người. Viên đại úy ngã vật xuống dưới chân tên Đức như một bao đất. Tên sĩ quan Đức chăm chú nhìn anh một lúc, lấy mũi giày lắc lắc đầu Na-da-rốp, đưa súng lên.

—Khoan đã!—Cru-gi-lin thét to, nhảy bổ đến bên viên đại úy, ngồi sụp xuống, gần như là chui hẳn xuống dưới người Na-da-rốp, vác tấm thân mềm nhũn, không còn cảm giác đó lên vai của mình và bước đến đứng cạnh những người sĩ quan Xô-viết.

Tên sĩ quan Đức đứng nhìn, rướn đôi lông mi bạc thếch, cụt thun lủn lên chớp chớp, đút súng vào bao, cười khẩy.

—Ô-ô, déc gút*!.. Rất đáng khen!

Bọn Đức vây lấy các sĩ quan Xô-viết, dồn ra ngoài cổng trại. Những người còn lại đứng nín thở nhìn theo. Ai cũng nghĩ rằng, ngay bây giờ, khi ra khỏi cổng, họ sẽ lại bị bọn Đức bắn chết.

Nhưng ra ngoài cổng trại, các sĩ quan Xô-viết bị bọn lính súng máy vây dày đặc bốn phía và dẫn về phía ngôi làng cháy.

—Tôi đã nói với các ngài là sẽ không bắn thêm ai nữa mà,—tên sĩ quan Đức lại lên tiếng.—Họ được đưa đến trại dành cho các tù binh sĩ quan Xô-viết. Còn các ngài hôm nay sẽ được đưa đến một trại khác. Ở đó người ta sẽ cho các ngài ăn, uống... tất nhiên, nếu như các ngài khai báo tất cả các đảng viên cộng sản. Tôi cho rằng trong số các ngài có rất nhiều đảng viên cộng sản. Nhưng để làm rõ chuyện này ở

---

* Déc gút!—Rất tốt! *(Tiếng Đức.)*

đây, rất tiếc là chúng tôi không có thì giờ. Au-phơ-vi-đéc-dê-in *, tạm biệt các ngài...

Và, lắc lư chiếc đầu bé tí đội mũ nhà binh cao vành, hắn đi ra cổng, ngồi vào ô-tô. Chiếc xe nhẹ nhàng, gần như không nghe tiếng máy, rời chỗ.

Các hàng tù binh xao động, tất cả mọi người chạy xô về góc bên kia của trại, từ đó trông rõ hơn những đống tro tàn của ngôi làng cháy. Tưởng như mọi người sắp xô đổ cọc, phá đứt dây thép gai. Nhưng những tràng súng máy đã xé không khí, ngay dưới chân Xa-vê-li-ép đang chạy dẫn đầu đám người, đất bị đạn đào lên bắn tung tóe. Mọi người đứng lại và nhìn theo các cán bộ chỉ huy của Hồng quân đang bị giải đi mỗi lúc một xa.

— Thế nào rồi chúng cũng bắn. Chúng dẫn đi xa xa một tí, rồi bắn chết! Ôi! — một người nào đó thốt lên, giọng khản đặc, rồi kiệt sức ngồi bệt xuống đất.

Xa-vê-li-ép đứng nhìn theo các sĩ quan Xô-viết cho đến khi họ còn chưa khuất hẳn, nhận ra Cru-gi-lin với đại úy Na-da-rốp trên vai. Trước khi khuất sau một ngôi nhà gạch bị cháy trụi, Cru-gi-lin ngoái nhìn về phía trại. Xa-vê-li-ép trông thấy tên lính áp giải đi gần nhất liền vung báng súng lên, — mà cũng có thể hắn đã đánh xuống người anh. Cru-gi-lin hình như hơi khuỵu xuống hoặc bị vấp, nhưng không ngã; anh bước nhanh lên phía trước và khuất hẳn...

* * *

— ...Chỉ có thế thôi. Sau đó tôi không gặp lại Va-xi-li lần nào nữa, — Xa-vê-li-ép kết thúc câu chuyện không vui. Ông ngồi đối diện với bí thư huyện ủy, tay siết chặt cốc nước chè đã nguội tanh từ bao giờ. — Tôi hiểu là đã mang đến cho anh một tin như thế nào... Nhưng tôi không thể không nói... vì rằng... vì rằng tốt nhất là nói hết ngay tất cả.

A-na-xta-xi-a Lê-ôn-chi-ép-na, vợ của Cru-gi-lin, cũng ngồi bên bàn, thân hình dong dỏng cao, dáng thẳng, cân đối,

---

* Au-phơ-vi-đéc-dê-in — Tạm biệt *(tiếng Đức)*.

bất động như đã hóa gỗ. Trong suốt câu chuyện, bà không thốt lên một lời nào, chỉ có mặt cứ tái dần, tái dần.

Khi Xa-vê-li-ép kết thúc, bà chậm chạp đứng dậy, và thốt nhiên khẽ nấc lên, ngả vào cánh tay chồng.

— A-na-xta-xi-a, A-na-xta-xi-a... Sao lại thế? — Cru-gi-lin kêu lên yếu ớt và dìu vợ sang căn phòng khác. Đầu A-na-xta-xi-a Lê-ôn-chi-ép-na nặng nề ngoẹo sang một bên, đôi chân nhũn ra. — Em của anh dũng cảm lắm kia mà. Va-xi-li vẫn còn sống, còn sống, vì chúng ta đâu có biết... Con sẽ trốn thoát... Hoặc quân ta sẽ cứu...

Cru-gi-lin dìu vợ đi rồi, Xa-vê-li-ép ngồi lại một mình chừng mươi phút, im lặng nhìn những ngôi sao cháy rực rỡ ngoài cửa sổ. Sau khi kể xong, không giấu điều gì, Xa-vê-li-ép rất hiểu tâm trạng của vợ chồng Cru-gi-lin, nhưng dù sao ông cũng cảm thấy nhẹ nhõm vì đã nói hết tất cả.

Cru-gi-lin từ phòng ngủ bước ra, nhẹ nhàng khép cửa lại.

— Không sao, không sao cả... — ông nói, không hiểu để làm gì. — Tôi đã cho uống mấy viên an thần.

Kéo lê chân trên sàn nhà, ông bước đến bên cửa sổ, đứng nhìn rất lâu vào bóng tối.

— Cảm ơn anh, An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích, — ông nói rất khẽ. — Nó còn sống hoặc đã chết, tôi bây giờ cũng đã biết... đã biết rằng con tôi... rằng nói chung tôi đã không uổng công nuôi dạy nó. Nó không phải là thằng hèn nhát.

— Vâng, cháu Va-xi-li rất dũng cảm. — Xa-vê-li-ép nói.

— Thế còn anh... làm thế nào mà thoát được?

— Đến chiều chúng tôi bị giải đi. Dọc đường được quân ta cứu thoát. Số còn lại của đơn vị Va-xi-li đã phá được vòng vây và gặp đoàn tù binh chúng tôi. Nói chung, một sự ngẫu nhiên.

— Vâng, ngẫu nhiên... Cũng có thể... Va-xi-li... lại gặp được một đơn vị nào cũng nên? Hả? — Trong giọng nói của Cru-gi-lin lộ ra một tia hy vọng yếu ớt, ngây thơ và không hiện thực. Nhưng nó cần được ủng hộ.

— Vâng, có thể lắm, — Xa-vê-li-ép nói. — Chiến tranh mà. Mà trong chiến tranh thì cái gì cũng có thể.

Những ngôi sao ngoài cửa sổ khẽ nhấp nháy, không tiếng

động, như an ủi, làm dịu lòng người. Tiếng đồng hồ trong hộp gỗ màu vàng treo trên tường kêu tích tắc đều đặn. Và ngoài những âm thanh này ra, trong cả ngôi nhà không có một thứ tiếng động nào khác.

* * *

Như thường lệ, Xê-mi-ôn dậy sớm, bước qua người Đi-ma và An-đrây đang ngủ lăn trên sàn nhà, đi ra bờ sông Grô-mô-tu-sca rửa mặt.

Trong bếp mẹ đã nhóm lò, chuẩn bị bữa sáng, cố làm nhẹ nhàng không khua bát đĩa. Cửa vào căn phòng ngủ trước kia của bố mẹ đóng chặt: một gia đình tản cư đông người — hai ông bà già, một người phụ nữ chừng bốn lăm tuổi nhưng trông còn trẻ và bốn đứa con — giờ sống ở đó. Đứa con gái đầu, tên là Gan-na, mới mười ba — mười bốn tuổi, còn đứa út hãy chưa thôi bú.

Một lần buổi chiều, chính mẹ đã dẫn cả cái gia đình ồn ào, đủ các cỡ tuổi này về nhà và mở toang cửa căn buồng ngủ của mình, nói:

— Các bác vào đây. Chúng tôi chỉ có một giường thôi.

Bà cụ già người khô đét, xương xẩu, mặc chiếc áo khoác đàn ông bẩn thỉu, buông tay nải xuống sàn, ngồi phịch xuống ghế, rồi òa ra khóc.

— Cảm ơn cháu lắm, con người tốt bụng ạ.

— Mẹ, sao lại thế... Nước mắt bây giờ mặn và hiếm hoi lắm, — người phụ nữ nói và quay lại phía chủ nhà. — Đến chết chúng tôi sẽ nhớ lòng tốt của chị. Thế còn cả nhà ta sẽ ở đâu? Nhà này tôi thấy chỉ có hai phòng và bếp...

— Nhà tôi hiện đang ở nông trang cho đến khi tuyết xuống mới về, còn tôi với các cháu tạm ở phòng này... Đến lúc đó tính sau. Nhà ngang của chúng tôi cũng rộng và ấm lắm. Chỉ cần đặt thêm lò sưởi.

— Hay là để chúng tôi ở nhà ngang?

— Các bác cứ ở đây thôi, — mẹ nói.

Đám trẻ tản cư sợ sệt bước vào phòng, đứng túm tụm lại với nhau trên sàn gỗ sơn sạch sẽ. Đứa con gái lớn nhất ngó

qua một cửa sổ, cửa thứ hai, rồi quay lại, nhìn Xê-mi-ôn bằng đôi mắt đen như than, nói:

—Em tên là Gan-na. Nhà em là người Nga cả, nhưng sống ở U-cra-i-na, gần thành phố Vin-nhít-xa. Ở đây có táo mọc không ạ?

—Không có,—Xê-mi-ôn đáp và bước ra đường.

Sau đó người đàn bà—tên thím là Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na—vào làm ở công trường xây dựng nhà máy sơ tán. Thỉnh thoảng Xê-mi-ôn cũng trông thấy thím đang dùng xẻng xúc đất ở hố móng hoặc nhào vữa. Đến tháng Chín, Gan-na đi học, hình như cùng vào một lớp với Đi-ma. Nhưng nói chung Xê-mi-ôn ít gặp họ. Anh thường về nhà muộn, khi tất cả đã ngủ, sáng dậy lại đi làm sớm.

Mẹ đang im lặng lúi húi bên bếp lò. Kể từ khi chiến tranh bắt đầu, An-na càng trở nên ít nói, khắc khổ hơn.

—Mẹ ơi, mẹ sao thế? Trông mẹ làm sao ấy... Mẹ có đau gì không?—một lần, Xê-mi-ôn hỏi.

—Không đau gì cả,—mẹ trả lời miễn cưỡng.

Một lần, vào buổi sáng, khi Xê-mi-ôn như thường lệ, đi ra sông rửa mặt, anh thấy mẹ đang đứng cạnh hàng rào. Ma-ca Cáp-ta-nốp đứng ở phía bên kia.

—Cậu đừng có dọa tôi, Ma-ca ạ, tôi không sợ đâu,—mẹ buồn rầu và thong thả nói.—Với tôi, mọi cái đều trở nên chán ngắt, đến nỗi có lẽ được chết đi cũng sướng... Thậm chí tôi còn muốn xin cậu điều đó nữa đấy...

—Thế là thế nào?—Ma-ca lúng túng hỏi.

—Cậu thì hiểu thế nào được. Vì đầu của cậu là đất sét. Cậu là thằng kẻ trộm đáng thương. Sao cậu không xấu hổ?

—Chị nói hay nhỉ! Trước đây tôi là kẻ trộm, còn bây giờ... có lẽ... đã được thả ra hợp pháp rồi.

—Thì mau mau mà vào tù lại đi. Không tôi thấy trong mắt cậu đang buồn...—Và trông thấy Xê-mi-ôn, An-na rời hàng rào bước đi.

Xê-mi-ôn không hiểu gì qua câu chuyện của họ, nhưng một nỗi lo lắng mơ hồ về mẹ cứ mỗi ngày một lớn lên.

Một buổi chiều vào giữa tuần, cha từ ngoài đồng về. Ông giậm chân thình thịch đi qua căn nhà bếp, đẩy tung cánh

cửa vào phòng ngủ, dừng lại một vài giây nhìn những người lạ trong đó.

—Thế đấy,—trở ra bếp, ông bắt đầu cởi bộ áo quần đầy bụi đất.—Người ta phân cả về nhà mình nữa à?

—Phân cả về nhà mình nữa,—mẹ thản nhiên đáp.

—Thế mà An-phi-xa nói với Ki-ri-an rằng cô tự dẫn họ về.

—Thì tự dẫn về,—mẹ vẫn nói bằng một giọng thản nhiên như cũ.

—Hiểu rồi. Thôi, đốt lò nhà tắm đi. Tôi bẩn lắm.

Sau khi tắm xong, Phê-đô im lặng ngồi trong bếp uống mấy cốc nước chè nóng, rồi đứng dậy.

—Thôi, khô người rồi. Ở đây chật quá. Anh đi đây. Ra đón xe ở kho thóc. Còn mấy người... ở nhờ này... cho chuyển sang nhà ngang. Xê-mi-ôn, con đi chở đất sét về làm lấy cái lò sưởi.

Và ông bước ra, nặng nề đi qua phòng ngoài. Xê-mi-ôn hỏi mẹ:

—Chuyện nhà ngang thế nào đây? Con sẽ chở đất sét về...

—Chở về đi. Họ bảy người trong một phòng cũng chật,—mẹ cau có trả lời.

Xê-mi-ôn im lặng một lúc rồi dè dặt hỏi:

—Nhưng... mẹ đang bị một cái gì giày vò... Có thể, con giúp mẹ được gì không?

—Đem những lời của anh bước đi cho khuất mắt!—Mẹ giận dữ thốt lên, nhưng rồi liền bước đến bên cạnh, ôm ghì đầu anh vào ngực, vuốt ve mái tóc anh như hồi còn nhỏ.—Tha lỗi cho mẹ nhé, Xê-mi-ôn. Cái gì giày vò mẹ? Chiến tranh, có thể người ta sẽ lấy con ra trận...

—Đang mong họ lấy cho! Cứ hoãn, hoãn...

—Con nói gì vậy? Chẳng lẽ ở nhà ít lâu là xấu à?

—Thế ăn nói với mọi người ra sao? Với thím Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na này?

Mẹ chỉ thở dài không nói gì.

Nhưng dù sao mẹ cũng là người tốt, mẹ ạ.

...Viền trời trên dãy Dve-nhi-gô-ra đang xanh dần. Trời còn chưa có giá, nhưng những bụi khoai tây đã héo rũ xuống,

nằm sát mặt đất, không trông rõ trong bóng tối lờ nhờ. Đám hướng dương ở phía sau nhà tắm đứng sát vào nhau như một bức tường cao màu sẫm và khe khẽ xao động như đang thì thầm một điều gì, mặc dù không có gió.

Nước sông Grô-mô-tu-sca trong, mát lạnh, thậm chí hơi buôn buốt. Xê-mi-ôn khoan khoái vỗ nước lên khắp mặt, lau khô, tìm quả tạ nặng hai pút vẫn để ở chỗ quen thuộc và tập một lúc. Rồi anh trải khăn lên cỏ, ngồi xuống hút thuốc.

—Chào anh, Xê-mi-ôn! —có tiếng thét vang ngay bên tai.

—Cái gì mà rống lên thế, thằng điên?!

—Chẳng có gì cả...—Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin cũng bắt đầu vốc nước rửa mặt.

—Thế nào, mày đã học được cách nhảy qua hàng rào không tiếng động đấy à?

—Đang tập luyện mà. Cà chua của vườn bên bao giờ cũng chín sớm hơn. Đấy, nhà này lại còn dưa. Chín vàng, thơm phức. Anh muốn không, em đi lấy cho. Chắc họ còn chưa hái...

—Rồi tao lấy cho! Sao không ngủ?

—Vê-ra nằm cứ cựa quậy suốt, hệt như ngứa ghẻ. Còn em lại rất tỉnh ngủ. Cho em rít một hơi. Em chỉ rít thế thôi, không nuốt khói đâu.

—Này...

Nhi-cô-lai định giơ tay ra đón lấy điếu thuốc lá, nhưng cậu bị Xê-mi-ôn cho một cú búng rất kêu vào ngay trán còn chưa khô nước.

—Anh... sao thế?

—Còn muốn rít nữa không? Cũng học đòi! Tao cắt ngay mõm...

—Thôi được...—Nhi-cô-lai tự ái nói.—Còn anh ngốc lắm, sẽ để mất chị Vê-ra cho mà xem.

—Tại sao?

—Tại vì... ông I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, cái ông công an có vết sẹo trên má ấy mà, hôm trước đến nhà làm lễ hỏi chị ấy.

—Cái gì-ì?!

—Ngồi đấy mà cái gì! —Nhi-cô-lai đắc chí nói. Rồi im lặng một lát, cậu vừa cười vừa kể: —Đúng y như là trong phim ấy. Đầu tiên là phim câm. Ông ta đến và im lặng ngồi

mãi bên bàn. Mẹ thì tái xanh mày mặt, nhìn trân trân vào ông ta quên cả chớp mắt. Vê-ra không hiểu sao, miệng cứ mở ra, rồi mím lại, ngồi nép vào tít trong góc như thể sắp bị người ta cù. Còn cái ông A-lây-nhi-cốp cứ ngồi lau mãi vết sẹo trên má. Ngồi im. Thật buồn cười. Rồi sau đó bắt đầu phim có tiếng... Ông A-lây-nhi-cốp nói: «Xin lỗi... Tôi đến đây chỉ là về chuyện cô Vê-ra»... Hì-hì... Chị Vê-ra kêu lên như thể bị cù thật... Còn ông ta tiếp: «Tôi thì tất nhiên chẳng còn trẻ trung gì nữa, nhưng từ lâu chú ý tìm hiểu con bà...» Đấy là ông ta nói với mẹ em. «Hôm nay tôi đến đây, — ông ta nói, — vì tôi mến Vê-ra. Tán tỉnh và những việc tương tự như người ta vẫn làm, không phải là vào tuổi của tôi nữa, và cũng không tiện. Vì vậy, tôi quyết định đến ngay đây và nói hết... Còn gia đình, xin suy nghĩ kỹ đi, tôi cũng không vội phải được trả lời ngay...» Em ngó sang, thấy tai chị Vê-ra đỏ lựng như cà chua vườn bên, má phụng phịu, phồng lên. Rồi chị ta chạy vội về phòng của mình! Thế đấy, hiểu chưa?

— Rồi... sau nữa ra sao? — Xê-mi-ôn khàn khàn hỏi.

— Sau ra sao em không biết. Mẹ đuổi em ra khỏi nhà, — Nhi-cô-lai tiếc rẻ nói và cậu lại tiếp với vẻ đắc chí. — Từ đó đêm đêm chị Vê-ra nằm cứ cựa quậy suốt. Hiểu chưa?

Điếu thuốc đốt bỏng đầu ngón tay, nhưng Xê-mi-ôn không cảm thấy gì cả. Anh ngồi nghe con sông Grô-mô-tu-sca róc rách chảy. Còn trong đầu, không hiểu sao, chẳng có một ý nghĩ nào cả. Anh không thể hiểu được việc A-lây-nhi-cốp đến hỏi Vê-ra như vậy tốt hay không tốt, và anh đang vui mừng hay tự ái vì một điều gì đó.

— Mày không nói dối đấy chứ?

— Nói dối làm gì... Này, anh tính sao về chuyện đi bộ đội? Anh đã kiện lão Gri-gô-ri-ép, trưởng phòng quân vụ với bí thư huyện ủy chưa? Anh nói anh sẽ kiện cơ mà?

— Yên nào!

— Yên cái gì? Em cũng sẽ kiện, ông ta vô cớ đuổi em ra khỏi phòng quân vụ.

Về chuyện người ta «vô cớ đuổi» cậu ra khỏi phòng quân vụ, Nhi-cô-lai kể đi kể lại luôn. Chuyện xảy ra chừng một tuần lễ sau lần tiễn đưa những người được động viên ra mặt trận. Từ sáng, Nhi-cô-lai đã đến phòng quân vụ, len lỏi giữa

đám người chen chúc ngoài hành lang, thò chiếc mũi khoặp vào cánh cửa bọc vải sơn xanh. Trong phòng, một người mặt rỗ đậu mùa với hai gạch trên ve áo đang ngồi sau bàn, mấy người mặc quân phục đứng túm tụm xung quanh.

— Chào các chú, — Nhi-cô-lai nói, lấy ngón tay quệt ngang mũi. — Cháu đến, muốn hỏi ai là trưởng phòng quân vụ Gri-gô-ri-ép...

— Cứ cho là chú chẳng hạn, — người có hai gạch ngang trên ve áo nói.

— Họ tên cháu là I-nhi-u-chin Nhi-cô-lai. Cháu đến về chuyện xin ra trận. Tình nguyện. Cháu muốn biết bao giờ thì sẽ có tàu quân sự. Và nếu được, cho cháu ghi tên vào kỵ binh.

— Hiểu rồi. Tốt lắm, Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin ạ. Cháu bao nhiêu tuổi?

— Cháu ấy à? Mười tám... sắp mười chín rồi. Cháu lớn người.

— Cái này thì các chú thấy rồi. Thế nhà cháu ở đâu?

Nhi-cô-lai nói địa chỉ.

Gri-gô-ri-ép đứng dậy, đi đến bên cạnh đặt tay lên vai cậu.

— Nói chung, Nhi-cô-lai ạ, cháu là một chàng trai tốt. Chỉ có nói dối là không tốt thôi. Đến lúc ra trận, cháu còn phải lớn thêm ba - bốn tuổi nữa. Chúng ta thỏa thuận thế này nhé: cháu về trường học cho tốt, còn chú, chú sẽ nhớ đến cháu. Được chứ?

— Thế tức là các chú không lấy cháu đi à? — Nhi-cô-lai hỏi.

— Nghĩa là bây giờ thì chưa lấy được. Chiến tranh đâu phải là chuyện trẻ con, đồng chí I-nhi-u-chin Nhi-cô-lai ạ!

— Cháu mà là trẻ con à?

— Thôi được, thôi được, thỏa thuận rồi mà. Cháu về nhà đi. — Và Gri-gô-ri-ép khẽ đẩy Nhi-cô-lai ra cửa.

— Cháu sẽ kiện, hiểu chưa! — Cậu vừa bước giật lùi, vừa hét to. — Cháu sẽ viết thư cho Clim Vô-rô-si-lốp! Hoặc cho chính Xta-lin! Hoặc cháu sẽ kiện lên huyện ủy.

Những lời sau cùng cậu hét tướng lên khi đã đứng ngoài hành lang, trước cánh cửa đóng chặt. Cậu cáu kỉnh nhổ nước

miếng xuống sàn, rồi thất thểu đi về nhà.

Mấy ngày đầu sự bất bình của Nhi-cô-lai quả không có giới hạn.

— Cái đồ ăn hại ấy, chả trách gì rỗ chằng rỗ chịt! Đậu mùa nó chỉ nhằm những người ác như vậy mà ăn! Lão ta bảo phải lớn thêm bốn tuổi nữa! Đúng là đồ ngoại tộc độc địa! — Cậu nổi nóng lên trước mặt Đi-ma và An-đrây.

— Thế ngoại tộc là cái gì? — An-đrây hỏi.

— Ngoại tộc ấy à? Cái này nói chung... — cậu khoát tay một cách khinh bỉ. — Lão ta thậm chí còn tồi hơn thế nữa kia.

Đi-ma thường nghe những lời ba hoa của Nhi-cô-lai một cách im lặng, cúi chiếc đầu to xuống như đang tìm một cái gì dưới đất. Chỉ có hai ba lần gì đó cậu cắt ngang lời bạn:

— Cậu im đi! Cũng đòi làm kỵ binh! Sẽ đến lúc người ta bắt cậu đi, mà không thèm hỏi. — Và, không hiểu để làm gì, bao giờ cậu cũng nói thêm. — Còn cậu quên chuyện con ngựa của huyện ủy nó cắn cho như thế nào rồi à?

An-đrây thì cứ hỏi đi hỏi lại tỉ mỉ, cặp mắt lấp lánh:

— Thế ông ta không tin rằng anh đã mười chín tuổi rồi à?

— Không tin.

— Ông ta nói không phải việc trẻ con à?

— Ừ, nói thế.

— Ông ta bảo bốn năm nữa à? Ông ta nói thế à? — Và vừa ngoáy ngoáy tay trong lỗ mũi, cậu bước tránh sang một bên, dáng như đang suy nghĩ một điều gì.

Một lần, cậu nói:

— Anh ngốc lắm, Nhi-cô-lai ạ. Hỏi lão Gri-gô-ri-ép ấy làm gì... Ông ta thì biết gì! Đêm cứ ra bám vào một đoàn tàu nào đó — và tếch!

— Sao? Làm sao?

— Thế đấy... Bao nhiêu là tàu từ nhà ga của ta đi. Nhiều kinh khủng! Em đã ra xem rồi. Thế nào cũng có tàu đi đến mặt trận.

Xê-mi-ôn vừa đi đến. Nghe những lời trên của An-đrây, anh im lặng túm lấy tai em.

—Này, này, mày nói cái gì thế? Tàu nào? Mặt trận nào? An-đrây kêu thét, nhảy cẫng lên vì đau.

—Tao sẽ cho mày biết thế nào là mặt trận, đồ nít ranh! Tao lại cởi thắt lưng cho mày biết tay bây giờ... —Rồi Xê-mi-ôn thả tai em ra, quay lại phía Nhi-cô-lai. —Còn mày, thôi đừng có ba hoa những chuyện ấy nữa. Tao mà còn nghe thấy thì liệu đấy!

Ngày tháng cứ trôi đi, Nhi-cô-lai đã ít nhắc đến chuyện Gri-gô-ri-ép đuổi cậu ra khỏi phòng quân vụ. Nhưng không hiểu sao hôm nay nỗi bất bình cũ lại trở lại trong lòng cậu.

Màn sương xám lạnh lẽo của buổi sáng dần dần trở nên trắng nhợt, để lộ những ngọn dương đen thẫm. Trong lòng Xê-mi-ôn những phút này nghe sao trống trải, buồn bã và cô đơn.

Bỗng nhiên một giọng đàn bà thất thanh vang lên phá tan sự yên tĩnh.

—Ma-ca! Con tôi!

Xê-mi-ôn ngẩng đầu lên nhìn. Nhi-cô-lai, chân vướng trong những luống khoai tây héo, chạy vội về phía nhà Ca-sca-rô-va.

—Ma-ca bị bắt! —cậu thì thầm khi Xê-mi-ôn cũng đi đến bên hàng rào vườn rau. —Hắn lại vào nhà đá! Em đã biết mà...

Qua hàng rào, Xê-mi-ôn trông thấy cạnh nhà Ca-sca-rô-va có mấy bóng người lờ mờ, anh chỉ nhận ra A-nhi-cây Ê-li-da-rốp. A-nhi-cây vừa mới đây xin thôi việc ở trạm máy kéo và bỗng nhiên trở thành công an. Anh ta mặc áo ca-pốt, đội mũ lưỡi trai và hình như tay cầm súng ngắn.

—Đừng có xô! —Ma-ca kêu khàn khàn. —Đừng xô đẩy! Tôi cũng đã bị còng lại rồi...

—Đừng có rống lên với tôi! —Ê-li-da-rốp quát dọa. —Đi đi!

—Vì sao, lũ khốn nạn? Trả lời đi...

—Đi đi! Vì xe hàng. Tớ đã tìm ra nó, ở bờ sông Grô-mô-tu-kha, anh bạn thân mến ạ... Tiếc là bọn mày đã kịp tẩu tán sạch.

—Thế tôi có can hệ gì? Tôi không thể lấy cắp xe hàng được. Thậm chí tôi không biết cái xe.

— Đến đây rồi sẽ biết có can hệ hay không. Và hàng hóa để đâu. Bước!

Mấy bóng người chuyển động, rồi khuất sau chỗ ngoặt.

— Chúng lấy xe hàng khéo thật... Anh biết chúng làm sao không? — Nhi-cô-lai hấp tấp nói. — Ma-ca bắt Vi-chi-a: «Mày đi đến chỗ lão bảo vệ, nói rằng có cái gì sột soạt trong xe ấy». Vi-chi-a không muốn đi, nhưng Ma-ca gí nắm đấm vào mặt «Bước!»... Còn bọn chúng thì trốn vào sau xe...

— Có những ai?

— Em không biết. Vi-chi-a kể rằng Ma-ca và một tay thanh niên lạ mặt nào nữa. Khi ông bảo vệ đến bên xe, chúng nện cho ông một cú vào đầu! Ma-ca kéo ông già ra sau lều, còn tay thanh niên kia mở cửa xe, lao vào ca-bin và lái xe đi. Thế đấy. Cái bọn cướp này chìa khóa xe nào cũng có.

— Khoan nào. Từ đâu mà mày biết chuyện này?

— Vi-chi-a kể. Khi Ma-ca lôi ông già bảo vệ đi, Vi-chi-a bỏ chạy. Rồi suốt ngày nó ngồi run như con thỏ trong bụi cây ở bờ sông Grô-mô-tu-kha. Chiều hôm qua nó đến chỗ em, bảo: «Mày có gì ăn không?» — «Thế ở nhà thì sao?» — «Tao sợ Ma-ca». Dần dần em hỏi, nó phải nói hết. Bây giờ Vi-chi-a đang ngủ ở nhà em. Mẹ đi làm ca đêm ở nhà máy — nghĩa vụ lao động mà. Chỉ có em, chị Vê-ra và Vi-chi-a ở nhà.

— Thế chị Vê-ra có biết chuyện này không?

— Không... Kể với chị ấy làm gì? Đàn bà mà, lại sẽ đi khai Vi-chi-a ra... Còn anh, cũng đừng nói lộ ra đấy. Ma-ca đã bị bắt là đúng thôi. Còn Vi-chi-a, nó không có tội. Nó bị cưỡng bắt phải đi...

Suốt bữa ăn sáng, Xê-mi-ôn im lặng.

— Người ta vừa bắt Ma-ca đi xong, — cuối cùng anh nói.

Mẹ không đáp.

— Người ta bảo hắn và một người nào nữa ăn cắp xe chở hàng.

Mẹ vẫn không nói gì.

Ăn sáng xong, Xê-mi-ôn ra khỏi nhà. Lại suốt ngày anh phải chở xi-măng, gạch, sắt, thép và các cỗ máy gì đó từ nhà ga về công trường.

Đang bước trên đường phố còn chưa có người đi lại —

không phải theo hướng đến nhà máy mà là đến đồn công an, — anh gặp Ê-li-da-rốp ở ngõ ngoặt.

— Ô-ô, Xê-mi-ôn! Chào cậu! — Ê-li-da-rốp kêu to, chìa tay ra. Nhưng Xê-mi-ôn làm ra vẻ không trông thấy. — Hiểu rồi, cậu khinh tớ vì tớ vào công an chứ gì?

— Không, không phải vì vậy đâu.

— Tớ biết mà. Chắc cậu nghĩ: đấy, A-nhi-cây lại tìm cách trốn ra trận rồi... Còn tớ, nói thực, hàng ngày phải mạo hiểm tính mạng đấy. Vừa bắt một tên cướp xong...

— Ma-ca chứ gì? Tôi có thấy.

— Đúng, họ hàng của cậu đấy, — Ê-li-da-rốp nói có vẻ hăm dọa. — Hắn có súng lục để dưới gối. Phải chật vật lắm tớ mới tước được.

— Về chuyện súng lục anh đừng nói khoác. Ma-ca chẳng ngốc đến nỗi không có chuyện gì lại đem bỏ súng dưới gối đâu. Hắn được ra tù hợp pháp.

— Hắn thì bao giờ cũng hợp pháp. Thế cậu bảo chữa cho hắn đấy à?

— Không... Tôi chỉ nói chuyện súng lục là anh nói khoác.

— Nhưng cái đó không quan trọng. Cái chính là tớ đã cho hắn biết tay. Bây giờ phải đánh hơi xem hàng hóa chúng đem giấu ở đâu...

— Đánh hơi đi. Hỏi em hắn, thằng Vi-chi-a xem. Có thể thằng bé biết...

— Không có cậu chúng tớ cũng biết vậy. Có lẽ nó chính là đứa bé mà ông già bảo vệ nói... Nhưng không biết thằng nhóc trốn đi đâu. Thế nào tớ cũng tóm được!

Xê-mi-ôn quay trở lại đi về hướng nhà máy.

* * *

Hai tuần sau khi An-tôn Xa-vê-li-ép về, hố móng những công trình chính của nhà máy đã đào xong, nền các xưởng đã được đổ bê-tông và đặt các cỗ máy cái lên. Hai tuần qua, Xa-vê-li-ép, Nhê-tsa-ép, Khô-khơ-lốp, Xáp-tsúc và các chuyên gia kỹ thuật khác suốt ngày đêm có mặt ở nhà máy để lãnh đạo việc lắp ráp và ổn định thiết bị cho các xưởng. Người bẩn thỉu,

gầy rạc đi, râu ria mọc bờm xờm, họ chạy từ đầu này đến đầu kia của nhà máy, ra lệnh, chỉ trỏ, giảng giải. Tiếng động cơ máy kéo, tiếng còi cần cẩu, tiếng rít dây tời, tiếng rú ga, tiếng còi hiệu của xe tải suốt ngày đêm inh ỏi khắp thị trấn San-ta-ra, tưởng như sự hỗn loạn này sẽ không khi nào kết thúc, sẽ không bao giờ có được cái nhân tố mang tính tổ chức, hợp lý.

Nhưng rồi trên một khu của công trường, tiếng búa hơi của xưởng rèn bắt đầu nện thình thịch chuyển cả mặt đất, ở khu thứ hai tiếng máy tiện chạy đều đều, tia lửa bắn tung tóe, còn tại khu thứ ba các tổ hợp máy hàn cắt rít chói tai. Những âm thanh quý hóa này làm dịu, làm tắt đi các tiếng động hỗn tạp, và lúc đó những bức tường gạch của các xưởng máy mới bắt đầu mọc cao lên.

Nhưng chúng mọc rất chậm, vì việc cung cấp gạch cho nhà máy bỗng đột ngột ngừng lại. Những bức điện báo bay tới tấp về tỉnh ủy, về Bộ dân ủy quân khí, ở đó họ trả lời rằng gạch sẽ lại có trong thời gian ngắn sắp tới. Còn hiện nay mọi người vẫn phải làm việc ngoài trời.

Cuối tháng Chín, buổi sớm đã bắt đầu có những cơn băng giá, thời tiết mỗi ngày một xấu hơn. Những đám mây thấp bay ngang trời, rắc thứ mưa bụi khó chịu xuống. Đôi khi cũng có những cơn mưa to không kém gì hồi tháng Bảy, gió nổi lên lạnh buốt. Nhưng các cỗ máy vẫn chạy đều, bắn ra những tia lửa xanh; những con người ướt sũng vẫn cúi xuống bên máy, bàn tay cứng đờ vì lạnh nhặt từ trong bàn kẹp ra những đầu đạn pháo vừa mới tiện xong còn nóng bỏng. Mọi người sưởi tay lên mẩu kim loại ướt đang bốc khói.

Việc xây dựng nhà hầm cho công nhân cũng được tiến hành hết sức gấp rút. Ở đó, tiếng cưa rít, tiếng rìu chém, tiếng máy xúc vục gầu vào lòng đất vang lên không lúc nào ngừng.

Trong thời gian này, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích Cru-gi-lin ít khi đến nhà máy, ông cũng ít khi ghé về nhà, suốt ngày mất hút ở các nông trang, mặc dù ông cảm thấy rằng, lúc này hơn lúc nào hết, ông cần phải có mặt ở bên cạnh vợ nhiều hơn. Nhưng hoàn cảnh còn mạnh hơn điều cần thiết đó. Năm nay huyện được mùa, nhưng việc thu hoạch kéo dài, thời tiết bắt đầu mưa lạnh đã ít nhiều ảnh hưởng tới lúa, số thóc đập

được giảm xuống đột ngột. Và một khả năng xấu xuất hiện: huyện có thể không hoàn thành kế hoạch giao nộp lương thực.

Đầu tháng Mười, Cru-gi-lin triệu tập một cuộc họp thường vụ để bàn về vấn đề thu hoạch mùa và giao nộp thóc. Nhưng tính đi tính lại mãi, số thóc hiện có vẫn không đủ để hoàn thành kế hoạch. Cru-gi-lin mỗi lúc một sầm mặt lại.

Sau cuộc họp, Pô-li-pốp — ông ta cũng chẳng vui vẻ gì — nói:

— Đấy, hôm nay người ta đã chở đi mẻ đạn đầu tiên. Thế mà, chắc anh còn nhớ, anh đã định làm liều với bản kế hoạch khôi phục nhà máy. May mà nghe tôi đấy. Anh thấy chưa, mọi việc... thật bất ngờ.

— Vâng, nhưng phải trả bằng giá nào?!

— Thì chiến tranh mà... — Pô-li-pốp im lặng nhìn vào khung cửa sổ tối sẫm, nói tiếp: — Còn tôi với An-tôn Xa-vê-li-ép là người quen cũ. Còn hơn thế nữa — là bạn thời thơ ấu. Rồi cùng ngồi tù với nhau.

— Tôi cũng có nghe nói.

— Ai nói? — Pô-li-pốp vội hỏi. — Chắc là Xu-bô-tin?

— Vâng. Thế anh đã gặp Xa-vê-li-ép rồi chứ?

— Tất nhiên... Tôi bố trí nhà cho anh ta và gia đình mà. Vợ cùng con trai. Con anh ta đã lớn, gần ba chục tuổi. Thợ tiện. Còn vợ hơi bị điên.

— Điên thế nào?

— Thực ra cũng không điên hẳn. Nói chung, cô ta sống lặng lẽ, sầu muộn... Năm 1918 cô ta bị bọn hiến binh bạch vệ tra tấn.

Pô-li-pốp ngừng lại lấy tay lau má.

— Vâng, thời gian... thời gian làm mờ đi tất cả. Gặp nhau, hai người đều cảm thấy hình như không có chuyện gì để nói. Chỉ hơi ngạc nhiên rằng đã già đi và thay đổi nhiều... Còn vợ anh ta có vẻ như không còn nhận ra tôi. Cô ta nhìn tôi như nhìn qua một chỗ trống...

— Thế anh biết chị ấy chứ?

— Tất nhiên, — Pô-li-pốp nhếch mép cười nhạt. — Chúng tôi cùng lớn lên ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, cùng sống trên một đường phố... — Và ông ta đứng dậy. — Anh đừng quên

tuần sau có cuộc họp ủy ban huyện đấy. Nhiều vấn đề cần giải quyết.

—Tôi sẽ nhớ... Này, trong chương trình hội nghị của anh có mục: «Về chủ tịch nông trang «Bông lúa đỏ» Na-da-rốp», nghĩa là thế nào?

—Anh quan tâm à? Thế là tiến bộ đấy!

—Anh nói kiểu gì lạ vậy?

Pô-li-pốp nhún đôi vai thẳng và rộng, dường như không hiểu câu hỏi gay gắt ấy là để làm gì.

—Thế anh có biết Na-da-rốp tự động gieo một nửa diện tích bằng giống lúa mạch đen không? Anh có chú ý đến việc này không?

Họ nhìn thẳng vào mắt nhau mấy giây.

—Tới giờ ông ta là người nộp thóc cho Nhà nước ít nhất trong huyện. Điều này lại xảy ra trong tình trạng giao nộp lương thực như hiện nay... Và nói chung, còn phải chịu đựng, dây dưa với ông ta bao nhiêu nữa? Đã đến lúc cần dứt khoát, phải cách chức ông ta.

—Thôi được, sẽ cách chức ông ta,—Cru-gi-lin thở dài uể oải nói, mệt mỏi nhắm mắt lại. Nhưng bỗng nhiên ông ném sang chủ tịch ủy ban huyện một cái nhìn hằn học không che giấu.—Thế anh sẽ đi gieo lúa thay ông ta chứ? Anh sẽ đi quản lý nông trang chứ? Đấy, anh hãy tiếp nhận lấy nông trang!

Cru-gi-lin quẳng chiếc bút chì lên bàn. Chiếc bút văng mạnh xuống đất. Cru-gi-lin nhặt lên và lại ném vào đống giấy tờ.

—Thế đấy. Tất cả hình như đang rõ dần. Tức là anh muốn lặng lẽ đẩy tôi đi khỏi huyện chứ gì? Thôi được, cảm ơn sự thẳng thắn của anh.—Đôi môi Pô-li-pốp trông giống như cặp móng ngựa.—Nếu như Đảng cần, tôi sẵn sàng nhận bất cứ công việc gì, kể cả việc về nông trang. Và tôi sẽ quản lý nông trang không kém Na-da-rốp.

—Không kém à? Sau một năm, năm rưỡi, anh sẽ làm phá sản nông trang,—Cru-gi-lin nói, giọng đã bình tĩnh hơn.

—Ra thế! Nghĩa là tôi về nông trang cũng không làm được gì. Thế anh định đưa tôi đi đâu?

—Không đi đâu cả. Tạm thời bây giờ hẵng cứ làm việc nơi anh đang làm.

—Tạm thời nghĩa là thế nào?

—Anh thấy không, bây giờ sẽ chẳng ai hiểu chúng ta, nếu chúng ta bắt đầu mâu thuẫn với nhau...

—Tại sao lại «chúng ta»? Cứ nói thẳng là tôi đi! —Pô-li-pốp húc chiếc đầu tròn, nặng vào không khí. Khóe miệng bên phải của ông ta giật giật, ông lấy tay che lại. —Còn nói chung... một lần nữa, xin cảm ơn sự thẳng thắn của anh. Khi biết đối phương có quân bài gì thì thắng bao giờ cũng dễ dàng hơn. Đấy, anh thấy chưa, tôi cũng rất thẳng thắn.

—Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích, tôi không phải là người chơi bài, —Cru-gi-lin cố kìm mình lại, nói. —Vì vậy, tôi không che giấu quân bài của mình... Chính tôi đã cho phép Na-da-rốp gieo một nửa diện tích bằng giống lúa mạch đen đấy.

Pô-li-pốp rướn cặp lông mày màu vàng ợt, trên chiếc trán rộng hằn lên những đường nhăn mờ và dài.

—Thế anh cho là trên tỉnh sẽ đồng ý à?

—Năm nay chắc là không. Nhưng vụ mùa tới sẽ cho thấy thực tế... Tôi cho phép ông ta với tư cách là để thí nghiệm. Mặc dù hình như cũng chẳng có gì phải thí nghiệm cả. Chỉ cần chú ý đến những con số hết sức đơn giản: năm nay bao nhiêu lúa mạch đen thu được trên một héc-ta, bao nhiêu lúa tiểu mạch...

—Chẳng lẽ anh không hiểu rằng lúa mạch đen không phải là tiểu mạch à?

—Thế anh không hiểu rằng lúa mạch đen cũng là lương thực, là bánh mì à? Rằng có năm chiếc bánh bằng bột mạch đen còn hơn một chiếc bằng bột tiểu mạch à? Nhất là trong thời buổi chiến tranh này. Nói chung, anh hãy bỏ mục về Na-da-rốp khỏi chương trình cuộc họp của ủy ban huyện đi. Năm nay ông ta sẽ nộp thóc nhiều hơn những người khác. Mùa ông ta đã gặt xong rồi, lúa đã đánh đống xong cả rồi. Còn những nông trang khác, nơi hàng ngày bị anh thúc phải nộp thóc cho Nhà nước, đến giờ vẫn còn đang gặt và gặt. Bây giờ thì gặt gì? Rơm! Đấy, anh thử nghĩ xem, bao nhiêu lúa mì đã rơi vãi mất vì anh.

—Vì tôi à? Anh khôn khéo lắm. Tôi đã chạy khắp huyện...

—Cả vì tôi nữa. Nhà máy thì nhà máy, nhưng đáng lẽ ra tôi không nên buông lỏng việc thu hoạch mùa. Tôi đã sai lầm.

Bỗng nhiên Pô-li-pốp nổi khùng lên.

— Thế đấy! Trước hết là vì tôi, sau mới đến anh! Rất lô-gích! Rất công bằng! Thế anh chẳng hiểu gì hay sao? Nếu như đến giờ chưa nộp thóc cho Nhà nước... nếu như huyện, nếu như tất cả các nông trang đều nộp với nhịp độ như cái lão Na-da-rốp của anh... thì người ta đã cho anh và tôi xuống bùn từ lâu rồi... Chúng ta, có thể, phải nộp lại thẻ đảng rồi. Mà, đầu tiên là anh, sau đó mới đến tôi! Vào thời bình thì có lẽ cũng không sao, nhưng hiện nay...

— Không sao. — Cru-gi-lin chen vào. — Sợ gì những chuyện quỷ tha ma bắt đâu đâu ấy.

— Sao? — Pô-li-pốp ngừng lại, đưa cặp mắt khẽ giật giật nhìn quanh. — Anh nói sao? Nghĩa là thế nào?

— Nghĩa dân gian, trong dân gian có một câu tục ngữ như vậy.

Pô-li-pốp bước đến bên bàn, ném người xuống chiếc ghế tựa.

— Tục ngữ thì nhiều lắm... Ôi, Cru-gi-lin, Cru-gi-lin... Anh có muốn tôi nói thẳng ra nữa không?

— Nói đi.

— Anh không làm được công tác Đảng.

Cru-gi-lin chỉ ngước nhìn Pô-li-pốp vẻ dò hỏi.

— Không hiểu à? Về chuyện nộp thóc cho Nhà nước, tôi đã giải thích cho anh rồi đấy. Tất nhiên, trong thực tế, theo những chỉ thị như vậy chúng ta để mất mát không ít lúa mì. Nhưng đâu phải tôi ra những chỉ thị này?

— Thế nghĩa là những chỉ thị không đúng.

— Còn đúng hay không, đó cũng là vấn đề. Chính quyền Xô-viết đã hơn hai chục năm tồn tại, các nông trang thì mười hai - mười lăm năm. Hy vọng vào ý thức tự giác của mọi người còn hơi sớm. Chỉ cần buông lơi việc nộp thóc cho Nhà nước, bao nhiêu lúa sẽ trôi tuột ngay vào những chiếc bồ không đáy của các nông trang viên, còn kho Nhà nước thì trống huếch trống hoác.

— Như thế tức là chúng ta không tin vào mọi người chứ gì?

— Còn sao nữa? Có tin đồn rằng cũng chính cái lão Na-da-rốp nhà anh lén lút gieo trộm thêm diện tích thóc về đem

chia cho nông trang viên... Chỉ có cái lão ta khôn lắm, tôi chưa bắt được tận tay. Nhưng tôi biết rằng nhà tù đang chờ lão ta... Thế đấy... Vậy thì lối thoát ở đâu? Thóc Nhà nước cũng phải nộp ngay từ ngày thu hoạch đầu tiên, gặt hái cũng phải xong đúng thời hạn! Tất cả đều phải khẩn trương, kịp thời, mùa màng phải thu hoạch xong trước khi có mưa bão.

—Còn nếu như không kịp? Không đủ người thì sao?

—Cần phải kịp. Các chỉ thị đều xuất phát từ đấy. Và như vậy nghĩa là chúng đúng.

—Vâng, anh quả là nhà lý luận.

—Không thể thiếu nó được,—Pô-li-pốp nghiêm giọng nói.—Còn anh không phải là nhà lý luận, rất đáng tiếc! Tất cả mọi việc anh đều xuất phát từ tinh thần, lề lối nông dân. Nó có thể hại anh đấy. Hoặc như câu tục ngữ vừa rồi của anh. Nó để làm gì? Lời nói có nhiều nghĩa lắm. Có thể cho nó có nghĩa nào cũng được. Còn anh, tôi nghe đâu như đã có lần mang họa vì lời nói của mình...

Cru-gi-lin nhìn chủ tịch ủy ban huyện với một vẻ thương hại. Pô-li-pốp cảm thấy cái nhìn đó, nhưng vẫn ngồi yên, không nhúc nhích, mắt cắm xuống đôi đầu gối rộng bè bè của mình.

—Thế nào, anh dọa tôi đấy à?

—Khô-ông, đâu dám... Cái thời ấy có lẽ đã qua rồi. Tôi đã hỏi anh có muốn tôi nói thẳng không kia mà? Tôi chỉ đơn giản muốn khuyên anh,—Pô-li-pốp ngả người ra thành ghế.—Còn nói chung, anh cũng là tay chơi đấy. Chỉ có điều anh chơi bằng linh cảm mà thôi.

—Điều này tôi cũng muốn biết, anh thử giải thích xem.

—Anh bảo rằng đừng động đến Na-da-rốp chứ gì? Tất nhiên, bây giờ chắc là anh còn có thể bảo vệ được ông ta. Uy tín, địa vị của anh ở tỉnh bây giờ chắc lắm—nhà máy đã bắt đầu sản xuất. Khó mà tưởng tượng được, nhưng quả là nó đang cho ra đạn pháo. Mặc dù đấy là công lao của Xa-vê-li-ép, đặc biệt là của Nhê-tsa-ép. Nói chung, bây giờ ở tỉnh người ta ủng hộ anh... Nhưng chính lão Na-da-rốp sau này sẽ làm cho anh phải nấc nghẹn lên đấy,—Pô-li-pốp nói thêm.

—Bằng cách nào?

— Anh thử nghĩ xem nhé. Cứ cho rằng tôi vẫn để vấn đề về ông ta lại trong chương trình cuộc họp. Chuyện lúa mạch đen sẽ có tiếng vang lớn ở tỉnh. Còn sau đó tôi tiếp tục làm căng: về mặt lập trường tư tưởng, lão Na-da-rốp này là người như thế nào? Việc gieo trộm — thôi được, đó chỉ là tin đồn. Nhưng lão ta chứa chấp đủ các loại người đáng nghi ngờ về mặt xã hội. Chẳng hạn, lão ta nhận vào nông trang I-van Xa-vê-li-ép, một tay phỉ bạch vệ chính cống. Sau này hắn lại bị tù vì tội phá hoại. Na-da-rốp lại còn giúp đỡ, lo lắng cho gia đình của hắn ta. Thế đấy... Mà anh lại đi bảo vệ một con người như vậy...

Pô-li-pốp bây giờ mới bình tĩnh, chậm rãi, cân nhắc. Và Cru-gi-lin cũng bình tĩnh, chăm chú nghe. Pô-li-pốp ngồi quay sườn về phía Cru-gi-lin, mắt nhìn vào một nơi nào đó trong góc phòng. Vành tai nhỏ, hơi nhọn, khẽ ngọ nguậy. Lần đầu tiên Cru-gi-lin nhận thấy nét đặc biệt đó của ông ta.

— Này, Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích, anh có lẽ là một con người thật đáng sợ. — Ông bỗng nói. Và chỉ khi đã nói ra lời, hiểu được ý nghĩa của chúng, Cru-gi-lin mới nghĩ rằng đáng ra không nên nói câu đó.

Vành tai của Pô-li-pốp thôi không ngọ nguậy nữa, nằm chết lặng. Ông ta chậm chạp quay đôi vai rộng về phía Cru-gi-lin, và Cru-gi-lin nhận thấy mặt Pô-li-pốp bị co giật liên tiếp, ông ta cố nặn ra một nụ cười để che giấu những cơn co giật đó.

— Đâu có... cũng chẳng đáng sợ hơn người khác, — ông ta thốt ra.

— Tôi hoàn toàn không hiểu anh.

— Vâng. Nhiều người trong số chúng ta hiểu được nhau đâu phải dễ dàng. Chúng ta có cùng một mục đích chung, cùng xây dựng xã hội mới. Chúng ta hình dung ra cái xã hội đó về cơ bản giống nhau, nhưng chúng ta đấu tranh vì... — Pô-li-pốp mãi vẫn không kìm được những cơn giật trên mặt, ông hơi cúi người xuống, — nhưng chúng ta đấu tranh vì nó, tôi muốn nói — bằng những phương pháp khác nhau và hiểu bản chất những con người làm việc cùng với chúng ta cũng khác nhau.

— Anh nói mờ mịt lắm, — Cru-gi-lin cười khẩy.

—Đấy, Na-da-rốp chẳng hạn, chúng ta cũng hiểu khác nhau.—Mặt Pô-li-pốp cuối cùng cũng thôi giật, trở lại vẻ bình thản.—Còn giữa chúng ta, ai đúng...

Có tiếng cánh cửa lớn của ngôi nhà mở ra rồi đóng mạnh vào, một người nào đó bước đi ngoài hành lang làm sàn gỗ kêu cót két.

—Tôi chỉ rõ một điều, anh Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích ạ,—Cru-gi-lin nhìn thẳng vào mắt Pô-li-pốp nói,—đến nay ít nhất cũng đã rõ là chúng ta sẽ khó làm việc với nhau. Rất có khả năng là ít nữa, cùng với thời gian, chúng ta sẽ trở nên không thể làm việc cùng nhau được.

Những nếp nhăn lại in hằn trên trán Pô-li-pốp.

—Tại sao? Lần đầu tiên chúng ta nói chuyện thẳng thắn với nhau, làm rõ ra được ít nhiều điều của nhau... Có những cái chúng ta không thống nhất với nhau. Chẳng lẽ đấy lại là tai họa? Như tôi đã nói, cuộc sống sẽ chứng minh ai đúng. Còn cãi nhau bây giờ, chính anh đã nói, là sẽ không ai hiểu.

—Nhưng chính anh định cãi nhau về Na-da-rốp chứ ai! Và tôi nói thẳng, nó sẽ nghiêm trọng đấy, chứ chẳng phải chuyện đùa đâu...

Cửa phòng bật mở, Xa-vê-li-ép bước vào.

—Vào được không? Chào các anh... Tôi không làm phiền chứ? Tôi đi ngang qua thấy còn đèn...—Xa-vê-li-ép ồn ào bước đến bên bàn bắt tay hai người.—Pi-ốt, sao tay cậu mồ hôi thế này? Bắt đầu rồi, các bạn ạ! Tôi vừa mới cầm trong tay quả đạn pháo thứ một nghìn năm trăm. Nhê-tsa-ép đang cho đóng hộp, ông ta gần như tự tay mình bỏ từng viên vào thùng. Sáng mai, trước lúc gửi đạn đi, sẽ có mít-tinh... Chưa có điện về à?

—Chưa về.

—Giá mà về kịp trước sáng mai thì tốt quá!—Và ông quay sang phía Pô-li-pốp.—Nào Pi-ốt! Tớ đã bắt đầu quên cậu rồi đấy... Đúng ra là quên hoàn toàn rồi, đã mười năm nay không còn nhớ đến cậu nữa. Thế mà bỗng nhiên lại gặp nhau! Chẳng còn thời gian nào để nói chuyện nữa. Về chuyện nhà cửa, cảm ơn cậu nhé. Ở cứ như vua ấy. Đối với anh em công nhân cũng hơi bất tiện...

—Không sao. Giám đốc mà lại.

— Thế thời gian qua cậu sống và làm việc ở đâu?

— Còn ở đâu nữa?! Sau khi trốn khỏi nhà tù bọn bạch vệ — chắc cậu còn nhớ thằng Xvi-ri-đốp chứ? — tớ phục vụ trong Hồng quân cho đến tận năm ba mươi. Rồi sau đó ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ suốt. Mới chuyển đến đây ít lâu. Thế thôi. Một cuộc đời thầm lặng, — Pô-li-pốp cười khẩy.

— Giá có lúc rỗi mà ngồi nói chuyện, nhớ lại ngày xưa nhỉ!

— Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na thế nào?

— Thường thôi. Tuy nhiên, sức khỏe cũng có hơi yếu...

Lại có tiếng đập cửa. Mọi người đều quay đầu nhìn ra.

— Chắc là điện đã về? — Xa-vê-li-ép nói.

Một hai phút trôi qua, trong hành lang vẫn im lặng. Rồi nghe có tiếng chân bước vội vã. Cả ba người đứng dậy, hiểu rằng bây giờ quả thật điện đã về.

Trực ban của huyện ủy, một phụ nữ còn trẻ phụ trách phòng thống kê, chạy vội vào, mặt đỏ gay lộ vẻ xúc động.

— Đây, anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, điện mừng! Một từ Mát-xcơ-va, của Chính phủ. Một từ tỉnh ủy.

Cru-gi-lin mở một bức điện.

— «Gửi bí thư huyện ủy huyện San-ta-ra Cru-gi-lin, chủ tịch ủy ban huyện Pô-li-pốp, giám đốc nhà máy Xa-vê-li-ép, kỹ sư trưởng Nhê-tsa-ép...» — không hiểu sao, Cru-gi-lin bắt đầu đọc từ tên họ người nhận.

— Thôi, tôi đi đây, — Pô-li-pốp đột ngột đứng dậy. — An-tôn, xin chân thành chúc mừng cậu... Ngày mai sẽ gặp nhau ở buổi mít-tinh. — Rồi ông quay sang Cru-gi-lin. — Thế tức là cắt bỏ mục về Na-da-rốp trong chương trình họp của ủy ban huyện à?

— Tôi đã nói với anh cả rồi.

Pô-li-pốp bước ra, đóng chặt cửa lại.

Khi đã đọc xong các bức điện, Xa-vê-li-ép và Cru-gi-lin im lặng nhìn nhau.

— Thế đấy, Pô-li-các-pơ... — Xa-vê-li-ép mệt mỏi nói. Lời của ông rời rạc, uể oải. — Đến giờ tôi vẫn không tin được là ta có thể...

Xa-vê-li-ép đã lâu không cạo râu, ở chỗ đôi mắt là hai hố đen sâu trũng, má hóp lại, nhợt nhạt.

—Hai tuần qua, anh ngủ được bao nhiêu?

—Vâng, vâng, giờ tôi sẽ đi nghỉ một tí. Cũng cần phải cạo râu nữa. Để thế này trông thật xấu hổ...

Ông lắc mạnh đầu, nhấc tay ra khỏi bàn, nặng nhọc đứng dậy và bắt đầu đi lại trong phòng. Cru-gi-lin hiểu rằng Xa-vê-li-ép đang sợ mình gục xuống thiếp đi.

—Chắc anh đã nghe tin quân ta hôm nay phải bỏ thành phố Ô-ri-ôn,—An-tôn bước đến bên tấm bản đồ cắm đầy những lá cờ nhỏ xíu treo trên tường, khẽ nói. Toàn bộ phần phía Tây của lãnh thổ Liên Xô chằng chịt những đường gạch xanh—ranh giới những nơi mặt trận chạy qua trước đây. Bây giờ đường gần nhất về phía đông bắt đầu từ Lê-nin-grát chạy xuống dưới, vòng qua Mát-xcơ-va, Ô-ri-ôn, Cuốc-xcơ và Khác-cốp đến Đnhe-prô-pê-tơ-rốp-xcơ, và tiếp đó hơi chếch sang phía tây, đến eo đất Pê-rê-cốp. Ở một nơi rất sâu trong lòng hậu phương quân địch, thành phố Ô-đét-xa được khoanh lại bằng một vòng tròn đỏ. Ở đó, trong vòng tròn đỏ này, đã gần tám tuần nay, hàng ngàn, hàng vạn con người, bộ đội và dân thường, đang đổ máu để bảo vệ thành phố khỏi bàn tay quân thù.

Ô-đét-xa không thể thoát được. Điều này khắp nước ai cũng hiểu. Và Xa-vê-li-ép hiện đang nhìn lên tấm bản đồ, cũng hiểu. Ông nhắm mắt, những đường nhăn hằn trên trán, và suy nghĩ về điều đó, cố tưởng tượng ra cảnh gì đang xảy ra trong thành phố này. Đối với ông, việc này không khó lắm. Trước mắt ông, ngay lập tức hiện ra bầu trời đỏ rực lửa trên thành phố đang bốc cháy, rồi những ngôi nhà đổ sập xuống trong những cột bụi, khói khổng lồ và tiếng đàn bà rú thất thanh cùng tiếng kêu khóc của trẻ con inh ỏi.

Không hiểu có phải vì tiếng kêu khóc đó hay là vì mùi đám cháy ông bỗng cảm thấy rất rõ ràng, mà Xa-vê-li-ép chao người lảo đảo. Để khỏi ngã, ông vội vịn tay vào tường.

—An-tôn?!—Ông nghe tiếng Cru-gi-lin và thấy ông ta đứng ngay bên cạnh.

—Không sao, không sao... Mà bản đồ của anh không còn chính xác nữa rồi. Đường mặt trận giờ đã khác...—Và ông cắm lá cờ nhỏ hơi dịch sang phía đông thành phố Ô-ri-ôn.

— Vâng... mỗi ngày nó mỗi khác rồi, — Cru-gi-lin nói, giọng đầy chua xót, đau khổ.

Đứng cạnh Xa-vê-li-ép, ông im lặng nhìn rất lâu lên tấm bản đồ.

— Anh An-tôn, tôi vẫn muốn hỏi anh một điều... Tại sao bọn Đức lại dễ dàng đè bẹp những tuyến phòng thủ của ta, dường như chúng không có trên đường biên giới mới của ta như vậy? Mùa thu năm 1939, các tỉnh phía Tây của U-cra-i-na và Bê-lô-ru-xi-a đã được sát nhập với Liên Xô, và nghe nói dọc theo đường biên giới mới này ta đã xây dựng được những phòng tuyến rất kiên cố. Thế mà bọn Đức cứ như chẻ tre. Tại sao lại như thế được? Anh đã ở những vùng ấy...

— Đúng là tôi đã ở đấy, nhưng tôi không phải là nhà quân sự... Còn Pi-ốt Pô-li-pốp đâu rồi? Đi rồi à? Con lái buôn đấy! Anh biết không, cậu ta xuất thân là lái buôn, bố cậu ta buôn bán ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ khá phát đạt.

Cru-gi-lin hiểu rằng Xa-vê-li-ép muốn nói sang chuyện khác. Ông bước đến bên bàn.

— Tôi có biết. Điều này anh ta có khai trong lý lịch tự thuật. Chính tôi, cũng có thể nói, xuất thân từ dân buôn đấy, thời trẻ đã làm quản lý cửa hàng. — Im lặng một lúc, ông tiếp. — Nếu như có thể, anh kể xem hồi đó anh ta là người như thế nào...

— Người như thế nào à? Đầu tiên là một cậu học sinh trung học bình thường... Sau đó tham gia công tác cách mạng, trở thành một người bôn-sê-vích thực sự. Rồi bị bắt, bị tù... Trong tình bạn tỏ ra chung thủy. Chỉ ở một điểm tôi và anh ta là kẻ thù của nhau mà thôi: trong tình yêu.

— Thế nào? — Cru-gi-lin quay người lại. Xa-vê-li-ép nhìn vào mắt bí thư huyện ủy. Trong mắt ông ta có một cái gì đó khiến An-tôn không thích.

— Vâng, cả hai chúng tôi cùng yêu một cô gái — Ê-li-da-vê-ta, bây giờ là vợ tôi... Nhưng, anh hỏi như vậy để làm gì?

— Thế nghĩa là cuối cùng anh đã thắng keo quyết định? — Cru-gi-lin dường như không nghe thấy câu hỏi cuối cùng của An-tôn.

— Cũng không hiểu sao lại như thế nữa. Hồi nhỏ, tôi là một thằng ngỗ ngược. Lớn lên, tuổi thanh niên cũng vậy.

Có thể vì thế chăng? Con gái, anh biết không, thường lúc mới quen nhau hay thích những tay như vậy. Hồi đó, tôi ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ với gia đình người chú ruột Mi-tơ-rô-phan I-va-nô-vích. Chú tôi hoạt động bí mật ngay từ năm 1902, gần như là người đầu tiên tổ chức ra chi bộ Đảng Xã hội - Dân chủ. Con chú ấy là Gri-gô-ri, cũng hoạt động bí mật. Cả cô Ê-li-da-vê-ta này cũng thế. Tất nhiên là họ không nói cho tôi biết về những công việc của họ. Tôi bực lắm. Tôi buồn và bực vô cùng! Và, tôi còn nhớ, tôi cứ nghĩ: bằng cách nào để chứng tỏ cho họ biết rằng mình không phải là thằng ngu, là thằng vứt đi như họ tưởng?

Xa-vê-li-ép nói mà mắt đã nhắm díp lại.

—Thôi, anh đi ngủ đi một chút, —Cru-gi-lin nói.

—Vâng, vâng... Rồi có lúc rỗi tôi sẽ kể cho anh nghe về Pô-li-pốp, về cuộc đời của tôi, nếu như anh thích...

* * *

Phê-đô Xa-vê-li-ép đón tin về sự xuất hiện của người anh cả ở San-ta-ra với một vẻ ngoài thản nhiên. Ông chỉ ngước đôi mắt nặng trịch vì mệt mỏi lên nhìn Pan-crát Na-da-rốp, người đưa tin này, và cặp lông mày rậm mọc khít vào nhau khẽ nhíu lại.

Buổi sáng, khi bình minh lạnh lẽo bắt đầu ửng hồng nơi chân trời đông, Phê-đô, không nói một lời nào, giật chiếc chăn lấm mỡ, đã thủng nhiều chỗ, từ trên người Ki-ri-an I-nhi-u-chin xuống, và hai người im lặng đi đến chỗ để máy loay hoay chừng ba phút—I-nhi-u-chin ở trong buồng chiếc máy kéo, còn Phê-đô bên động cơ máy gặt đập liên hợp,—phút thứ tư Xa-vê-li-ép bấm còi và họ bắt đầu làm việc.

Chiều về, khi sương xuống, Phê-đô lại bấm ba hồi còi ngắn. Đấy là hiệu lệnh kết thúc công việc trên đồng, chứ chưa phải kết thúc ngày làm việc. Hai người còn lúi húi gần một tiếng nữa bên máy của mình, lau chùi bụi bặm, siết lại ốc, vít. Phê-đô rất khó tính, nghiêm khắc trong việc bảo dưỡng kỹ thuật máy móc. Rồi họ đi về trại nghỉ đêm—Phê-đô đi trước, Ki-ri-an theo sau cách năm - mười bước chân. Và vẫn im lặng, im lặng...

Gần hai tuần lễ sau, khi một cơn mưa nhỏ, khó chịu, như đang cố sức lách qua những đám mây sũng nước rách tả tơi để dai dẳng, suốt cả ngày trời, rắc xuống mặt đất, Ki-ri-an I-nhi-u-chin ngồi trong toa xe lưu động nhìn qua cửa sổ tối mờ ra cánh đồng buồn tẻ, nói:

— Nếu chiều nay mà có ngớt thì đến ngày kia cũng chưa làm được. Hay là ta về San-ta-ra đi?

— Thế nào, nhớ vợ rồi à? — Trong giọng nói khàn khàn của Phê-đô nghe có vẻ nhạo báng.

Suốt đời chưa bao giờ dám nói một lời trái ý Phê-đô, lần này I-nhi-u-chin cảm thấy như máu dồn lên đầu, thốt lên.

— Thì anh... cũng thế chứ gì!

Tiếng phản nằm rít lên cót két, Phê-đô ngồi nhỏm dậy. Không ngoảnh mặt khỏi cửa sổ, Ki-ri-an vẫn cảm thấy ánh mắt nảy lửa của Phê-đô đang nhìn mình. Tay anh bỗng đau nhức lên. Ki-ri-an hiểu rằng chỉ cần một lời nói nhạo báng hoặc bóng gió nữa của Phê-đô là anh, Ki-ri-an, sẽ không còn kìm được mình, sẽ nhảy xổ vào người bạn cũ của mình mà nghiến răng cấu chặt vào chiếc cổ bẩn thỉu đầy lông lá của anh ta. I-nhi-u-chin đem hết sức bám chặt vào rầm cửa, móng tay cào vào các thớ gỗ ẩm ướt lạnh lẽo. Và để hãm Phê-đô lại, không cho anh ta nói ra lời nói đó, Ki-ri-an tiếp:

— Cũng nên về gặp ông anh một tí.

— Gặp, chưa gặp cũng chẳng đi đâu mất.

Tiếng phản lại rít lên cót két. I-nhi-u-chin hiểu rằng Phê-đô đã nằm xuống.

...Người báo tin cho I-van Xa-vê-li-ép về việc ông anh cả đã về San-ta-ra không phải ai khác, mà chính là I-a-cốp đang đi đến một nơi nào đó trên chiếc xe ngựa không mui, — giống hệt như chiếc xe mà vào một ngày không thể quên mấy năm về trước đã đưa I-van từ chỗ cắt cỏ đi (mà biết đâu cũng chính là chiếc xe ấy!). I-van đứng trên một bãi cỏ cạnh đàn bò đang lang thang gặm cỏ.

— Này, đến đây xem nào, — A-lây-nhi-cốp dừng lại, gọi...

I-van mặc áo mưa, chân đi ủng. Giẫm nát những búi cỏ đã bắt đầu héo, anh bước đến bên vệ đường. Chiếc roi dài vắt qua vai, kéo lê phía sau như một con rắn, kêu sột soạt trên cỏ.

Họ nói chuyện với nhau không lâu, bằng những câu ngắn, đứt quãng. Nếu có một người ngoài nào đứng nghe thì cũng khó mà hiểu được họ nói gì.

—Chào anh,—A-lây-nhi-cốp nói.

—Chào anh,—I-van trả lời.

—Nhận ra tôi à?

—Tôi có quên đâu. Trong chiêm bao cũng thấy anh.

—Hiểu rồi, anh thù tôi chứ gì,—A-lây-nhi-cốp nói bằng một giọng dường như đang nói về một chuyện gì hết sức vặt vãnh. Thậm chí ông còn thở dài một cách thông cảm, tiếc rẻ.

I-van nhìn đàn bò, không trả lời ngay.

—Không đâu...

A-lây-nhi-cốp liếc sang I-van một cái nhìn sắc nhọn từ dưới đôi lông mày rậm và ngay lập tức khép mắt lại bằng cặp mi mỏng, rồi nhìn sang phía khác.

—Thôi được. Giờ đi chăn bò à?

—Tôi muốn được ở một mình. Mình với chính mình.

—Hiểu rồi.

A-lây-nhi-cốp định cho ngựa chạy, nhưng I-van hỏi:

—Thế anh không sợ tôi bắt một đôi bò đem đi bán mất à? Đấy, chúng bao nhiêu...

—Không,—A-lây-nhi-cốp đáp khô khốc.

—Thế thì cảm ơn anh. Nhưng còn... Ác-ca-đi Môn-tsa-nốp nay ở đâu?

—Đâu à? Đang ngồi tù...

—Vì sao?

A-lây-nhi-cốp nhìn rất lâu lên bầu trời thu có những đám mây thấp đang lặng lẽ trôi. Và ông không trả lời câu hỏi. Rồi không hiểu vì sao, ông gọi I-van bằng cả họ tên đầy đủ, hỏi:

—I-van Xi-lan-chi-ê-vích, thế người ta chưa gọi anh đến phòng quân vụ à?

—Chưa. Và tự tôi cũng không đòi hỏi. Gọi thì tôi đi.

—Thôi được. Tôi đi đây... À, ông anh An-tôn của anh nhờ khi nào gặp, chuyển lời hỏi thăm.

—Ai? Ai?—I-van loạng choạng bước đến bên xe.

—An-tôn. Chẳng lẽ anh chưa biết là anh ấy được cử làm giám đốc nhà máy vừa sơ tán về huyện ta? Anh ấy vừa mới đến...



— An-tôn à?!

— Vâng, An-tôn Xa-vê-li-ép.

— Cảm ơn anh đã cho tôi biết tin này!

A-lây-nhi-cốp đi khỏi, I-van vẫn đứng nguyên một chỗ rất lâu...

— Em có biết ai được cử làm giám đốc nhà máy mới về San-ta-ra không? — buổi tối, anh hỏi vợ. — An-tôn, ông anh cả đấy!

A-ga-ta vụt hất đuôi sam tóc, quay người lại. Trên mặt chị thoáng hiện không hẳn là vẻ ngạc nhiên, cũng không hẳn là sự sợ hãi, — hình như chị, trong giây phút đầu tiên, không thể hiểu được điều đó tốt hay xấu, nó có đe dọa gì I-van hay không.

— Thế... Làm thế nào bây giờ? Anh cần phải gặp anh ấy chứ?

— Tất nhiên rồi. Ít ngày nữa phải xin phép Pan-crát Na-da-rốp.

Một buổi sáng mấy ngày sau I-van quả nhiên đi đến San-ta-ra, nhưng không gặp An-tôn ở nhà. Vợ của An-tôn, Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na, một người đàn bà héo hon, im lặng, như đang lo lắng điều gì, nhìn I-van bằng đôi mắt xanh nhạt như bị bạc màu, nhưng lại chào hỏi rất cởi mở.

— Mời chú vào. Anh An-tôn đến mười giờ sẽ phải về ăn bữa sáng.

I-u-ri, con trai của An-tôn, một thanh niên trông bề ngoài mới chừng hai mươi tuổi, tuy thực ra anh đã hăm tám, người cao gầy, nhanh nhẹn, đôi mắt giống y như của mẹ, kêu lên:

— Ô! Đúng là chú! Không cần giấy chứng minh cũng nhận ra ngay — hệt như bố cháu! Bố cháu đang ra ga, chú cháu ta tạm uống chè nhé. Rồi cháu đi làm, chú ngồi đợi bố cháu về.

I-u-ri vừa mới tắm xong, anh đi lại trong phòng, mình mặc áo may-ô và quần đùi, lấy khăn lau mặt và ngực.

Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na vừa rót chè, vừa hỏi thăm về vợ con I-van. I-u-ri thỉnh thoảng lại ngắt lời mẹ, kể tỉ mỉ về việc anh sống ở Khác-cốp ra sao, vào ngày đầu tiên của chiến tranh đi về Lơ-vốp như thế nào.

— Còn bây giờ chúng cháu đang gò lưng làm ở nhà máy,

ngay ngoài trời. Nhê-tsa-ép, kỹ sư trưởng bảo: «Không sao, các bạn ạ, gắng chịu ít lâu. Trước mùa đông ta sẽ xây xong xưởng». Nhưng khó mà xây xong được. Bây giờ thì còn chưa sao, nhưng khi bắt đầu lạnh, cháu không thể tưởng tượng được là sẽ làm việc như thế nào. Bọn thợ tiện chúng cháu biết thế nào là kim loại lạnh. Tay cứ bị dính cứng lại.

Nói chung, I-van có cảm tình với vợ của An-tôn, con trai thì không thích lắm. Từ những câu chuyện ba hoa không đầu không đũa của I-u-ri, từ cái cách xưng hô thân mật, tự nhiên đến suồng sã của đứa cháu — tất cả đều làm đọng lại trong I-van một cảm giác khó chịu.

Uống xong vài chén nước, I-u-ri nhảy bật dậy.

— Thôi chào chú nhé... Cháu đi gò lưng đây.

Và tiếng «chú» vang lên nghe khó hiểu — vừa có vẻ như cách xưng hô theo quan hệ họ hàng, vừa như có một cái gì mỉa mai, nhạo báng.

Có tiếng chuông điện thoại. Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na cầm lấy ống, nghe một người nào đó một lúc lâu, rồi nói:

— An-tôn, anh cứ đi đi, đừng lo. Chỉ có điều... em ruột của anh, chú I-van, đến tìm anh đấy...

I-van hồi hộp cầm lấy ống nghe. Nhưng câu chuyện của họ lại rời rạc, khó hiểu. Giọng của người trong ống nghe xa lạ, không quen biết. Và không hiểu vì ống nghe ù hay tai I-van ù, anh chỉ hiểu được rằng An-tôn từ nhà ga cần phải đi gấp ngay đến Nô-vô-xi-biếc-xcơ và một tuần sau mới về.

— Không sao, không sao, em sẽ xin phép ông chủ tịch nông trang một lần nữa... — I-van thét vào ống nói.

— Cả vợ, đưa cả vợ đến nữa nhé, — I-van nghe qua tiếng ồn, tiếng rít trong ống nghe.

— Vâng, vâng...

Nhưng phải rất lâu sau anh mới đến được San-ta-ra lần thứ hai. Chiều hôm đó, chủ tịch nông trang đến trại bò và đợi I-van cho con bò cuối cùng vào chuồng, hỏi:

— Thở chán gió đồng cỏ rồi chứ? Ngày mai Vla-đi-mia của anh sẽ ra chăn thay anh.

— Thế còn học thì sao?

— Ngày đầu — Vla-đi-mia, ngày thứ hai — em khác, ngày thứ ba — lại em khác nữa...

I-van ngồi xuống khúc gỗ cạnh hàng rào chờ chủ tịch nông trang nói tiếp.

— Tất cả những ai có thể, tôi đã cho đi đập lúa và chở thóc nộp. Năm nay ta phải nộp nhiều, gần hết lúa mì đấy... Tôi đã nhất định không nộp thêm ngoài kế hoạch, nhưng Cru-gi-lin yêu cầu giúp huyện... Lại còn đang chiến tranh nữa... Như vậy là mùa đông tới, ta sẽ phải sống bằng khoai tây, nên phải cố mà thu hoạch cho hết. Bây giờ thì còn nhẹ nhàng, nhưng trời mưa xuống là khổ sở với nó đấy. Tóm lại, anh phải chịu trách nhiệm về chuyện thu hoạch khoai tây. Cho anh một tổ chừng mươi phụ nữ. Các em cũng sẽ giúp phụ thêm vào. Tôi sẽ đề nghị nhà trường cho một ngày chừng hai chục em thay nhau. Nhưng chúng cũng cần phải học nữa chứ, — ông thở dài, rồi nói thêm.

Khoai tây năm nay được mùa, phải đào dỡ mãi đến tận giữa tháng Mười, bỏ vào xô, vào sọt gánh đổ thành đống rồi lấy rơm, cành lá hoặc vải bạt che lại. Không có gì để chở về kho chứa vì tất cả ngựa đều bận vào việc đập lúa và chở thóc đi nộp cho Nhà nước.

— Đến bị lạnh hỏng mất thôi, — có lần I-van nói với chủ tịch nông trang khi ông ghé qua thăm đống khoai tây.

Na-da-rốp nhìn những đống khoai tây và đám đàn bà, trẻ em lấm lem bùn đất, ho khàn khàn, nói:

— Có thể thế lắm.

Từ khi Na-da-rốp biết được — hình như qua Cru-gi-lin — những tin tức gì đó về người con trai, mặt ông càng ngày càng sạm đen lại, người khô héo, gầy mòn đi trông thấy. Chiếc áo mưa bằng vải bạt đã cũ kỹ, sờn rách càng rộng thêm ra trên người ông. Một lần sau cơn ho, Na-da-rốp nhổ xuống đất, I-van thoáng thấy những vệt đỏ trong bãi đờm. Người chủ tịch nông trang già vội lấy chân xoa đi.

— Bác bớt đi lại đi, những nơi nào có thể thôi thì đừng đến nữa, — I-van nói. — Bác nên giữ gìn hơn, kẻo không...

— Tất cả đều có thể lắm, — Na-da-rốp nói, vẫn bằng cái giọng khàn khàn và thản nhiên như thường ngày.

Trong thời gian đó, I-van không dám nhắc đến chuyến đi mới về thị trấn. Anh biết rằng ở một nơi nào đó ngoài cánh đồng của nông trang, Phê-đô đang gặt lúa trên chiếc máy gặt đập liên hợp của mình. Nhưng chưa bao giờ I-van trông thấy

anh, mà cũng không muốn tìm gặp anh. Khi còn đang đi chăn bò, thỉnh thoảng I-van trông thấy từ xa chiếc máy gặt đập và nhận ra bóng người anh trên buồng lái. Và mỗi lần như vậy anh lại đuổi đàn bò đi tránh ra xa hơn.

Cuối cùng, Na-da-rốp dành cho việc chuyển khoai tây được sáu chiếc xe ngựa. Ông tự mình đi đến cùng đoàn xe, nhảy xuống đất và hét bảo I-van:

— Đấy, chở nhanh đi. Biết đâu trời còn gắng cho thêm một ít, chưa rét vội.

Có lẽ trời đã cố gắng hết sức. Trên cao, những đám mây xám xịt, nặng nề và lạnh lẽo đang đe dọa sẽ trút cả mưa lẫn tuyết xuống cánh đồng. Những cơn gió giá buốt quất tàn nhẫn, cuốn những túm lá bạch dương khô từ khu rừng con bên cạnh ném tung ra khắp cánh đồng khoai tây đang đào dở, lấp đầy những hố đất nông.

— Lúa mì gặt xong chưa? — I-van hỏi.

— Coi như xong rồi... Chỉ còn lại một ít, Phê-đô sẽ gặt xong trong tuần tới.

— Anh ấy ở đây thế nào? — lần đầu tiên kể từ khi trở về, I-van hỏi về anh.

— Không sao cả, — Pan-crát cười khẩy. — Làm việc rất cố gắng.

Đám phụ nữ và thiếu niên nhanh chóng đổ khoai tây vào đầy các xe. Những chú ngựa mệt lử đứng, đầu cúi xuống gần như sát đất.

— Năm nay đến con vật cũng khó nhọc, — Pan-crát nói. Rồi ông tiếp: — Hôm qua tôi cho một toán đàn ông cầm hái, đàn bà cầm liềm đến chỗ ruộng lúa còn lại cuối cùng. Tôi nghĩ, chỉ loáng cái là gặt xong thôi. Còn Phê-đô thì lại chửi ầm lên. Anh ta hét: «Đừng động vào, để tôi sẽ gặt hết!» Vẫn cứ tham lam làm cho được nhiều công. Con người tham lam như vậy để đi đến đâu? Thôi được, cứ để cho anh ta gặt. Lúa ở đây thì cũng chẳng ăn thua gì nữa, bị gió đánh rụng hết rồi, không việc gì mà phải hành hạ mọi người. Còn đối với Phê-đô thì gặt lúa này sẽ dễ hơn. Anh ta sẽ được tính tiền công theo số héc-ta gặt được.

Gió lật sột soạt những cọng khoai tây khô, thổi bay lất phất tà áo mưa cũ kỹ của Na-da-rốp.

— Thế ai lái máy kéo cho anh ta? Vẫn Ki-ri-an I-nhi-u-chin à? — I-van hỏi.

— Vẫn anh ta. Họ im lặng làm việc suốt cả mùa thu. Mặt ai cũng càu cạu như cú. Không khéo chỉ chực xông vào cấu xé nhau.

— Tại sao họ lại như vậy?

— Có quỷ sứ mới biết được tại sao.

Những chiếc xe đã chất đầy khoai tây. I-van định cho chuyển bánh, thì chủ tịch nông trang nói:

— Anh cũng về làng đi. A-ga-ta ở nhà đang nhóm lò nhà tắm hơi. Tắm rửa cho sạch sẽ, rồi hai người đi San-ta-ra. Ông anh cả An-tôn gọi điện về mời tối nay đến đấy. Có một chiếc xe tải chiều sẽ đến kho lúa, anh tìm hỏi mà đi nhờ. Còn ở đây tôi sẽ lo hộ. Ngày mai anh về.

— Thôi, thế cũng được.

— Đi đi, đi đi... Anh em gặp nhau mà nói chuyện, — Pan-crát ho, rồi tiếp. — Anh ta cũng cho gọi cả Phê-đô nữa.

— Cả Phê-đô à?

— Thì đã sao? Sợ anh ta ăn tươi đi à? Thôi đi đi! Đi mà nhìn nhau một tí. — Và thấy I-van lưỡng lự, ông nghiêm khắc nói tiếp, gần như quát lên: — Đi đi! Đi đi!

* * *

— Thì ra chú như thế đấy, I-van à! — An-tôn ôm chặt lấy I-van, nói. Ông khẽ đẩy I-van ra một quãng, nhìn thẳng vào mắt em, rồi lại ôm ghì vào ngực. — Còn đây là A-ga-ta, vợ của chú phải không? Anh cũng hình dung ra vợ của chú I-van gần gần giống như vậy đấy. Thôi, cởi áo ngoài ra. Ê-li-da-vê-ta, em giúp hai người bỏ áo ra đi.

Bốn người đứng trong căn buồng bếp quá chật. Ngọn đèn điện không có tán che chiếu sáng trắng cả gian buồng, và A-ga-ta cảm thấy mình trong làn ánh sáng này như vừa tắm xong mới từ dưới nước bước lên chưa kịp mặc quần áo, mà xung quanh lại đầy người.

— Ôi, thời gian, thời gian, I-van ạ, biết làm sao được bây giờ! — An-tôn vẫn đứng nhìn em, hơi buồn buồn nói. — Anh

vẫn nhớ chú là một đứa bé có mái tóc trắng nhợt. Anh trông thấy chú lần cuối cùng vào khi nào nhỉ?

—Khi đang ở Mi-khai-lốp-ca, rồi sau đó anh vào núi Dve-nhi-gô-ra để trốn bọn hiến binh.

—Đúng, đúng rồi, khi đó là năm nào nhỉ? Yên nào... Bốn năm sau năm 1905 thì phải. Đúng rồi, năm 1906 anh ngồi tù. Năm 1909 lại ngồi tù...

—Lúc đó là năm 1910...

—Đúng là năm 1910. Ba mươi mốt năm về trước.

A-ga-ta đứng nhìn hai anh em, tim khẽ thắt lại, mắt hơi cay cay, ngọn đèn điện nhòe đi thành những vệt sáng trắng lung linh, và trong đầu một ý nghĩ lo lắng quay cuồng: «Còn Phê-đô thì sao? Bây giờ I-van sẽ phải gặp Phê-đô đây...»

Khi còn ở nhà ở Mi-khai-lốp-ca, vừa là áo sơ-mi cho chồng, A-ga-ta vừa nói đi nói lại, có lẽ phải đến hàng chục lần:

—Hay là em ở nhà, anh I-van? Em đến đó để làm gì?

—Không sao đâu, cứ đi thôi...

Lúc đó, A-ga-ta nhìn ra cửa sổ, phập phồng hai cánh mũi nhợt nhạt, nói:

—Anh còn chưa biết em đấy. Đến đó, nếu như Phê-đô nói gì anh... em có thể dùng răng mà cắn cổ hắn ra.

—Em làm sao thế?—I-van sợ hãi cúi xuống sát mặt vợ, hỏi.

A-ga-ta giật mình và bình tĩnh trở lại.

—Thôi được, thì đi... có thể, em sẽ kìm được...

—Tên gọi theo bố của thím là gì, A-ga-ta?—chị bỗng nghe tiếng vợ An-tôn hỏi. Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na đứng ngay bên cạnh, khẽ mỉm cười.

—Không... à... chị cứ gọi là A-ga-ta thôi ạ.

—Thế cũng được. Còn tôi, thím cứ gọi đơn giản là Ê-li-da-vê-ta... Rất mừng là cuối cùng chúng ta đã được gặp nhau. Ta vào đi!—Ê-li-da-vê-ta mở rộng khung cửa hai cánh dẫn vào phòng lớn.—Bạn bè của anh An-tôn đang ngồi trong đó. Chú Phê-đô chắc cũng sắp đến.

Nghe nói Phê-đô còn chưa đến, A-ga-ta cảm thấy nhẹ nhõm, mạnh dạn bước qua ngưỡng cửa vào gian phòng rộng rãi.

Một chiếc bàn đã bày sẵn thức ăn đứng giữa phòng, cạnh tường, hai người lạ ngồi trên chiếc đi-văng, còn người thứ ba

mà A-ga-ta quen biết là bí thư huyện ủy Cru-gi-lin. Ông đang đi lại trong phòng và kể về một điều gì đó. Khi họ vào, ông im lặng nhìn thẳng vào mặt I-van một lúc, rồi mỉm cười chìa tay ra cho anh:

—Chào anh, I-van Xi-lan-chi-ê-vích,—ông nói.

Hai người kia cũng đứng dậy chào hỏi. Người cao gầy tự xưng là Nhê-tsa-ép, còn người thấp, béo tròn, là I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp. Cả hai, Nhê-tsa-ép và Khô-khơ-lốp, đều tò mò nhìn I-van. «Họ biết, họ biết rằng anh ấy đã ngồi tù!—tim chị thắt lại.—Lạy Chúa, họ lại sắp hỏi vì sao đây?..» Và chị bất giác bước đến bên chồng, dường như có thể ngăn cho anh tránh khỏi những câu hỏi của họ.

Nhưng cả Khô-khơ-lốp lẫn Nhê-tsa-ép đều không hỏi gì cả.

—Nào, mời ngồi vào bàn đi,—An-tôn xếp lại ghế, nói.

—Anh An-tôn à, vợ chồng chú Phê-đô còn chưa đến,—Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na lên tiếng.

—Thời buổi chiến tranh này, không thể đợi được. Ai đến chậm sẽ bắt uống phạt, thế thôi...

—Thì ra chúng tôi không phải là khách quý lắm ở đây nhỉ,—một giọng nói oang oang vang lên từ trong bếp. Phê-đô, mặc chiếc áo bông đã cởi cúc, tay cầm chiếc mũ lông cừu đứng trên bậc cửa, đôi lông mày mọc khít nhau khẽ nhíu lại. Sau lưng anh là một người phụ nữ dong dỏng cao khoác chiếc áo bành-tô màu xanh thẫm. Vì tiếng nói chuyện ồn ào và tiếng xô đẩy bàn ghế, nên không ai nghe thấy họ vào từ bao giờ.

Mấy giây An-tôn đứng nhìn chằm chằm người em thứ của mình qua cánh cửa mở rộng. Phê-đô cũng nhìn An-tôn không chớp bằng một ánh mắt xa lạ, dò hỏi.

—Phê-đô đấy à?—An-tôn thốt lên hỏi dường như còn nghi ngờ về điều đó, rồi ông bước nhanh ra cửa.

Hai anh em ôm nhau. Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na chạy đến cởi áo ngoài cho An-na.

Một phút sau An-tôn đã dẫn Phê-đô đến bên bàn, sôi nổi và không có vẻ gì là trách móc, nói:

—Thế nào mà chú lại cư xử với anh như vậy? Anh về đây đã hơn tháng nay mà chẳng thấy chú ló mặt đến San-ta-ra lần nào cả. I-van thì còn có đến, nhưng lại không gặp anh...

— Bận lắm. Đang mùa. — Phê-đô oang oang nói. — Hơn nữa anh cũng chẳng nhớ gì đến tôi.

Vào phòng, Phê-đô bắt tay Cru-gi-lin rất chặt, chào một cách thân mật: «Chào anh, Pô-li-các-pơ». Rồi anh chào Khô-khơ-lốp và Nhê-tsa-ép. Đầu tiên anh đưa cặp mắt khuất lấp dưới hàng lông mày mọc khít nhau quan sát kỹ lưỡng hai người, rồi sau mới chìa bàn tay to tướng và cứng như thép ra.

— Tay của anh khiếp quá! — Nhê-tsa-ép mỉm cười thốt lên. — Anh có khi nào bẻ cong móng ngựa không đấy?

— Có thể, — Phê-đô đáp gọn và đưa mắt nhìn quanh như thể tìm xem có ai trong phòng cần phải chào nữa không. Ánh mắt cau có của Phê-đô lướt qua I-van như qua một chỗ trống không người. An-tôn nhận thấy cục bướu trên gò má của I-van khẽ nổi bạnh ra, cặp lông mày của A-ga-ta khẽ nhảy lên, và Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin vừa rít thuốc, vừa im lặng nhìn mấy anh em, hết người này đến người khác. Chỉ có Nhê-tsa-ép và Khô-khơ-lốp không nhận thấy trong thái độ của Phê-đô có điều gì là kỳ quặc và họ nghĩ rằng chắc Phê-đô và I-van hôm nay đã gặp nhau nhiều lần, nên không nhất thiết phải chào hỏi nhau nữa.

An-na bước vào phòng khẽ cất tiếng chào chung tất cả mọi người, không phân biệt ai cả. Rồi từ từ quay mặt về phía I-van, chị đứng nhìn anh, những ngón tay khẽ run run hết đan vào nhau, lại gỡ ra.

— Chào chị, An-na... — A-ga-ta lên tiếng chào. — Đấy, anh I-van nhà tôi đã về rồi đấy...

— Tốt lắm! Có thế chứ, đợi mãi! Chào chú, I-van. — Và chị bước đến giơ cả hai tay cho anh.

An-tôn có cảm giác như Phê-đô sắp sửa nhảy xổ vào vợ, túm lấy cổ áo, lấy tóc mà kéo ra khỏi I-van, — đôi mắt giấu rất sâu sau cặp lông mày rậm của Phê-đô ánh lên những tia dữ dội, nảy lửa, — vì vậy, ông vội vã nói:

— Vào bàn, vào bàn đi! I-van, chú đến bên cạnh anh đây. Và Phê-đô, chú ngồi cạnh đây. Vì chú là anh, nhiều tuổi hơn I-van, nên chú sang ngồi bên phải anh...

— Chúng ta say sưa thật đấy à?! — Khô-khơ-lốp xoa tay kêu lên, ngồi vào bàn trước nhất và rót rượu ra cốc. — Không

thì tôi đã quên mất mùi rượu như thế nào rồi. Theo luật lệ, cốc đầu tiên dành cho chủ nhà.

—Thôi được,—An-tôn nâng cốc lên,—có nhiều điều muốn uống chúc lắm, các bạn ạ. Trước hết—vì chiến thắng của chúng ta. Mong sao có thể nhanh chóng đuổi lũ phát-xít bẩn thỉu khỏi đất nước chúng ta. Các bạn ạ, chắc các bạn không tưởng tượng được bọn phát-xít thú vật đến như thế nào đâu! Còn tôi, ít nhiều đã nếm qua nên cũng đã biết... Rồi xin uống vì anh em chúng ta cuối cùng đã gặp được nhau. Như người ta thường nói, không có bất hạnh thì cũng không có hạnh phúc. Tôi rất mừng là chúng ta lại đoàn tụ về đây với nhau. Xin nâng cốc vì tất cả...

Mọi người nâng cốc uống cạn. Còn Phê-đô không hiểu sao cứ nhìn mãi cốc rượu trong suốt sóng sánh trong tay

—Nhưng, tôi nghĩ, chúng ta đoàn tụ cũng sẽ chẳng lâu đâu,—ông nói.

Những lời này chẳng làm ai ngạc nhiên cả: đang chiến tranh, và ai biết đâu, ngày mai ngày kia mỗi người trong bọn họ đều có thể đã ở một nơi khác cách xa San-ta-ra. Nhưng Phê-đô dừng lại một lát, đưa mắt nhìn tất cả mọi người, tiếp:

—Mà cũng chẳng có gì đáng tiếc cả...

—Phê-đô!—An-na buột miệng kêu lên.

Phê-đô uể oải làm cử chỉ khoát tay gạt vợ ra và hất cốc rượu vào miệng, uống cạn một hơi, như thể đổ hắt nó qua vai ra khoảng trống sau lưng.

Tất cả bỗng trở nên im lặng. Đến tiếng thìa, dĩa chạm nhau lách cách cũng dừng lại. Cru-gi-lin ngồi đối diện với An-tôn, và An-tôn lại thấy ông hơi nheo mắt nhìn tất cả các anh em nhà Xa-vê-li-ép một lượt.

—Các anh làm sao thế? Ăn đi chứ, xin mời,—Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na hơi nhổm dậy, nói:—An-tôn, rót thêm rượu ra đi anh.

—Thì rót,—An-tôn cầm lấy chai, nói.—Có câu tục ngữ, thằng say thì sẽ còn tỉnh, chứ thằng ngốc thì không bao giờ...

—Thôi, thôi, tôi đủ rồi,—I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp từ chối.—Tôi nổi tiếng là người không uống được rượu mà.

Quả nhiên, mới một cốc, mặt anh đã đỏ như bốc lửa, đôi mắt hiền lành bỗng trở nên lờ đờ nháy liên tục. Anh luôn tay lấy khăn lau trán đẫm mồ hôi.

—Không sao, còn có thể thêm một chén nữa,—Cru-gi-lin nói.—Còn bây giờ tôi muốn nâng cốc.—Ông cầm chén rượu lên tay.—Cuộc đời thực là kỳ lạ. Đôi lúc hiểu được nó, đôi lúc lại không thể hiểu nổi...

—Nhưng anh thì bao giờ cũng phải hiểu. Theo trách nhiệm,—Phê-đô nói.

—Tôi ấy à? Tôi sinh ra đã được đánh dấu sẵn hay sao? Cũng là người như tất cả mà thôi. Như An-tôn, như I-van, như anh, Phê-đô ạ,—ông nhấn mạnh.—Và thường thường, rất đáng tiếc là không hiếm những lúc vì không hiểu được cái bản chất cốt lõi, cái ý nghĩa của cuộc đời mà con người ta làm những việc có ma quỷ biết là việc gì, gây ra những chuyện xằng bậy, làm cho tâm hồn mình tổn thương, suốt đời đầy những vết tím bầm, những chỗ đau rỉ máu.

Cru-gi-lin nói chậm, rõ ràng từng tiếng một. Càng nghe, I-van — anh nghĩ là Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nói về mình — càng cúi đầu thấp xuống. Bàn tay anh đặt trên bàn giật nảy lên. I-van vội thu ngay tay xuống dưới bàn, để lên đầu gối của mình, và anh cảm thấy những ngón tay nóng hổi, ướt đẫm mồ hôi của vợ ngồi cạnh đặt vào lòng bàn tay anh. Những ngón tay của A-ga-ta cũng hơi run run.

Phê-đô lúc đầu ngồi nghe Cru-gi-lin nói với một nụ cười có vẻ trịch thượng. Nhưng nụ cười đó dần dần trở nên méo mó, bộ ria ướt khẽ giật giật và đôi mắt trở nên khô lạnh như ánh thép.

—Nhưng rất may là con người ta còn có trí tuệ,—Cru-gi-lin nhìn thẳng vào mặt Phê-đô nói tiếp.—Chính vì thế nên mới được gọi là con người. Và sớm hay muộn, rồi anh ta cũng phải bắt đầu suy nghĩ về ý nghĩa, về thực chất của cuộc sống, của cuộc đời những người xung quanh, của xã hội và về những hành động, những việc làm của chính mình. Anh ta phải làm điều này vì cái tiếng gọi vĩnh cửu và đầy quyền lực đến với cuộc sống, vì cái khao khát muôn đời tìm cho ra chỗ đứng con người của mình giữa nhân loại bắt buộc anh ta. Và tôi nghĩ, kể từ giờ phút ấy, anh ta, dù trước đấy có

phạm phải những sai lầm như thế nào đi chăng nữa, sẽ trở thành người công dân, và sau đó là người chiến sĩ đấu tranh cho sự công bằng, cho nhân cách và cho những niềm vui hạnh phúc của con người. Vì vậy, chúng ta hãy cạn chén, chúc cho tiếng gọi vĩnh cửu và cao thượng đó, chúc cho mỗi một con người đều luôn luôn nghe thấy, cảm thấy nó ở trong mình.

I-van cảm thấy những ngón tay A-ga-ta đang vỗ về vuốt ve tay anh. Phê-đô lần này cũng không uống ngay, ông bóp chặt chiếc cốc mỏng manh trong lòng bàn tay hộ pháp và nghĩ về một điều gì đó. Nhưng hình như mọi người đã quên ông đi, họ nói với nhau đủ mọi thứ chuyện.

—Cảm ơn chị Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na nhé. Tôi cũng rất muốn được ngồi lại lâu hơn, nhưng giờ phải đến nhà máy, sắp bắt đầu ca đêm rồi,—Nhê-tsa-ép bỗng nói và đứng dậy, suýt nữa thì chạm đầu vào bóng điện mắc trên trần.

Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na đưa tiễn ông ra bếp. Nhê-tsa-ép mặc áo, nói một câu gì đó, rồi cúi xuống hôn tay bà chủ nhà. Phê-đô ngồi ngoảnh mặt ra cửa nhìn việc đó với một vẻ nghiêm khắc và phê phán.

—Nhưng nếu như con người sẽ chẳng bao giờ suy nghĩ về những chuyện đó thì sao?—Phê-đô bỗng lên tiếng, mắt nhìn vào Cru-gi-lin.—Nếu như anh ta chẳng cần suy nghĩ về ý nghĩa và thực chất của cuộc đời mình? Anh ta cứ sống như anh ta thích, thì sao?

—Thì sao à?—Cru-gi-lin không trả lời ngay. Một sự im lặng nặng nề kéo dài bao trùm lên mọi người. Và Phê-đô cảm thấy rằng không chỉ mình ông, mà tất cả mọi người đều đang chờ xem bí thư huyện ủy sẽ trả lời ra sao.—Lúc đó, sẽ như câu tục ngữ: «Vết rạn thời trẻ—miếng mẻ lúc già».

—Thế đấy,—Phê-đô nói ra vẻ thỏa mãn và bây giờ tự mình cầm lấy chai rượu.

—Phê-đô...—An-na thốt lên.

—Cái gì!—không chú ý đến ai cả, ông rót cho mình một cốc rượu và uống cạn.

An-na ngượng nghịu mỉm cười với Cru-gi-lin, rồi đưa mắt nhìn đi nơi khác. Đôi vành tai của bà đỏ lựng lên như hai quả anh đào chín.

Một giờ rưỡi trước đấy, Phê-đô từ ngoài đồng về nhà, người lấm lem bùn đất và râu tóc rối bù. Vừa đến cửa, không chào hỏi, ông đã ra lệnh:

—Chuẩn bị tắm rửa. Nhanh lên...

Ông im lặng cạo mặt, và chỉ đến khi thở phì phò xuýt xoa bên chậu nước, mới hỏi:

—Cô xong chưa? Chắc cô cũng được mời đến nhà Antôn chứ?

—Anh Phê-đô ạ, anh về cũng nên chào hỏi lấy một câu đã chứ.

—Để làm gì? Thứ nhất là cô đang đợi ngày đợi đêm để người ta đưa tôi ra trận. Thứ hai là để cho chúng giết tôi ở đó... Thế tức là cô với tôi chỉ là những người dưng mà thôi.

—Người dưng gặp nhau cũng còn chào hỏi nhau chứ.

Phê-đô đứng trước gương mặc chiếc áo sơ-mi mới, loay hoay mãi với mấy cái cúc.

—Bị đưa ra trận hay bị giết—chuyện này cũng còn chưa biết sẽ ra sao. Nhưng sớm muộn gì tôi với cô cũng phải ly dị nhau thôi—cái này thì dứt khoát rồi... Vì chính cô muốn vậy.

—Chính anh thì có!.. Chính anh...

—Thôi đủ rồi! Tôi chính thì cô cũng chẳng chuyên...—Và ông bỗng nói sang chuyện khác.—Khi chủ tịch nông trang Na-da-rốp báo An-tôn mời đến nhà, tôi đã muốn nhổ toẹt...

—Tại sao ai anh cũng muốn nhổ toẹt cả? Biết được cũng hay... Dù sao cũng là anh ruột! Từ nhỏ đến giờ không gặp nhau...

—Cái thằng tù phản động kia cũng sẽ đến đây,—Phê-đô không chú ý đến câu nói của vợ, tiếp tục.—Nhưng sau lại nghĩ, thôi được, cứ đi xem... Nhìn anh em ruột một tí, thử ngồi với thằng phản động dù chỉ một lần cùng bàn xem sao. Chắc chẳng lây bẩn đâu... Mặc áo vào đi.

—Tôi không đi...

—Lại còn gì nữa đấy! Nhanh lên! Dù sao bây giờ hãy còn là vợ tôi. Định gây chuyện hay sao? Trong nhà này lại còn những người lạ nữa...

Vừa khinh ghét mình vì một điều gì đó—vì sự yếu đuối,

thiếu cương quyết, cũng có thể vì sự phục tùng của mình lúc bấy giờ, — An-na vừa mở hòm lấy ra một chiếc áo mới.

— Nhưng vì Chúa, anh đến đó đừng làm bậy đấy...

— Cô không phải sợ cho I-van của cô...

Và thế là họ đi đến nhà An-tôn.

...Phê-đô thỉnh thoảng lại liếc sang đôi tai đỏ lựng của vợ, rồi nhìn I-van đang ngồi im lặng, nhưng không nói thêm một lời nào. Ông ngồi im lặng và hờ hững nghe An-tôn, Cru-gi-lin và Khô-khơ-lốp đang nói về công việc của nhà máy, về việc xây dựng nhà hầm cho công nhân, về chuyện có lẽ cả ba người họ chắc phải cùng nhau về tỉnh để xin thêm gạch gỗ, vật liệu làm nhà. Ê-li-da-vê-ta hết quay sang An-na lại A-ga-ta, gắp thức ăn cho họ. Chốc chốc Phê-đô lại rót rượu ra cốc của mình, nhưng ông vẫn không say.

Cuối cùng, Cru-gi-lin nhìn đồng hồ.

— Chà! — Và ông đứng dậy ngay. — Như anh nói đấy, An-tôn ạ, thằng say thì còn có thể tỉnh, chứ thằng ngốc thì không bao giờ... Dù ta không phải là lũ ngốc, nhưng cũng cần thời gian để ngủ một tí...

Khô-khơ-lốp và An-tôn cũng đứng dậy, họ ồn ào đi ra bếp. I-van và Phê-đô cũng định đứng dậy, nhưng An-tôn nói:

— Các chú ngồi đấy đã. Chúng ta còn nhiều chuyện muốn nói...

Phê-đô nghe nói chỉ cười khẩy và lấy dĩa vạch vạch lên tấm khăn giải bàn.

Tiễn khách xong, An-tôn ngồi vào chỗ của Cru-gi-lin lúc nãy, thân mật mỉm cười nhìn Phê-đô, I-van, An-na và A-ga-ta. Mỉm cười và im lặng.

— Anh phí thời gian cho những nụ cười làm gì? — Bộ ria ướt của Phê-đô mấp máy. — Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích đã làm một bài giảng giáo dục cho tôi, bây giờ anh bắt đầu đi.

— Lạ lùng thật, khó mà tin được là bỗng nhiên chúng ta lại gặp nhau, — An-tôn nói. — Ê-li-da-vê-ta, em có thấy kỳ lạ không? Cứ như là trong chuyện cổ tích ấy! Thế mà đây, I-van ngồi đây, Phê-đô ngồi đây. Anh vẫn còn nhớ hai chú hồi nhỏ như thế này: I-van nhỏ gầy mà linh lợi, mũi suốt đời tấy đỏ như cà chua, còn Phê-đô thì chín chắn, kỹ lưỡng và

đẹp trai hết ý. Chắc con gái phải chạy theo Phê-đô hàng đàn, phải không An-na?

An-na mỉm cười gượng gạo, không đáp. Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na thu dọn những chiếc cốc đĩa thừa trên bàn lại.

—Còn bao nhiêu chuyện muốn nói mà không thể nói hết được,—An-tôn thở dài cầm lấy chai rượu.—Nay ta sống trong một làng rồi, sẽ gặp nhau luôn. Còn bây giờ muốn nâng cốc cạn chén này mừng chú út nhất trong chúng ta—mừng chú I-van. Cru-gi-lin nói đúng—cuộc đời thật là kỳ lạ, và không phải ai cũng nắm được ngay cái cốt lõi thực chất của nó. Và đấy, cuộc đời đã bẻ gục I-van, rồi ném từ bên này sang bên nọ, cuốn xô đi như thác nước trên sông Grô-mô-tu-kha cuốn đá... Nhưng bây giờ, anh nghĩ rằng mọi việc rồi sẽ ổn cả. Phê-đô vừa có nói điều gì đó về trách nhiệm... Nếu như con người ta theo trách nhiệm của mình đúng là con người, thì nhất định, sớm hay muộn, mọi việc rồi đều sẽ ổn, sẽ tốt đẹp cả... Uống mừng chú, I-van!

—Cám ơn anh An-tôn,—I-van thốt lên khàn khàn.

—Còn tôi sẽ không uống mừng thằng phản động đâu,—Phê-đô xẵng giọng nói.

A-ga-ta tái người đứng thẳng dậy túm chặt lấy vai I-van. Còn An-na, lần thứ ba trong buổi tối hôm đó, kêu thốt lên:

—Phê-đô?!

—Cái gì?! Phê-đô với Phê-đô!—ông gầm lên, rồi lắc lư người bước đến bên vợ.—Tôi chẳng động đến con người yêu dấu của cô đâu, đừng sợ! Nhưng rồi sẽ đến lúc chính Chính quyền Xô-viết lại nhét hắn vào một xó xỉnh nào nữa. Và hy vọng rằng lần này, lần thứ ba, sẽ là vĩnh viễn! Còn uống mừng hắn—tôi xin phép! Ngồi cùng bàn với hắn đã là quá lắm rồi...

An-na đứng dậy, lảo đảo tránh xa chồng, bà xô đổ một chiếc ghế.

—An-na... An-na!—Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na vội vã chạy theo An-na vào bếp.

Trong bếp, An-na vừa khóc vừa vội vã quấn khăn lên quanh đầu và gần như xô vợ An-tôn ra, thét lên với một sự căm ghét:

—Không! Không! Không!

An-tôn đứng im lặng nhìn sự việc xảy ra trong phòng, I-van cũng đã đứng dậy, nhưng lại ngồi xuống, chỉ có Phê-đô không có phản ứng gì.

Khi An-na chạy ra khỏi nhà, Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na lấy ngón tay xoa xoa lên thái dương như đang cố nhớ lại một điều gì.

—Vâng, nước chè... Ngay bây giờ...

—A-ga-ta, giúp Ê-li-da-vê-ta một tí,—An-tôn nói.

A-ga-ta đứng dậy đi ra khỏi phòng, khép cửa lại.

—Cuộc gặp gỡ của chúng ta, phải nói thẳng là vui vẻ lắm,—An-tôn cười nhạt nói.

—Thế anh muốn sao?—Phê-đô hỏi lại.—Muốn tôi phải xông đến ôm hôn thằng I-van à? Về thái độ của tôi đối với hắn, chắc anh cũng đã biết. Nếu chưa biết thì giờ biết.

—Thế làm sao mà chú lại có thái độ như vậy?

—Ôi, ông anh thân mến ơi! Tôi đã đổ máu vì Chính quyền Xô-viết, đã không tiếc đời mình...

—Và tôi hình như cũng không tiếc...

—Anh... Nhưng anh không tiếc nó ở nơi khác, xa quê này. Còn tôi thì ở đây. Và thằng I-van cũng làm phỉ ở đây. Và cũng ở đây, ở làng Mi-khai-lốp-ca này, cha mẹ bị chúng giết... Còn thằng I-van, mặc dù vậy, vẫn đi theo chúng. Thế mà tôi có thể tha thứ hắn chuyện này được à? Còn anh, hình như anh tha thứ cho hắn thì phải. Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin cũng vậy. Lại còn nâng cốc nói những lời thông thái—con người cần phải hiểu cái cốt lõi của cuộc đời, và lúc đó con người sẽ trở thành con người! Tất cả đều để bào chữa cho thằng I-van. Thì cứ bào chữa đi! Đấy là việc của các anh! Còn hắn, anh tưởng là hắn sẽ hiểu đấy à?

—Và có thể, những lời đó không phải chỉ nói với I-van, mà cả nói với chú nữa cũng nên?—An-tôn hỏi khẽ.—Để chú cố đi mà tìm cho ra cái cốt lõi của cuộc đời?

—Còn đối với tôi, thì... Tôi hiểu chứ, có phải ngốc đâu. Chỉ có điều tôi có đánh mất nó đâu mà tìm...

—Có thể chú đã để mất rồi thì sao? Chú đi, đi, và đánh rơi ở một nơi nào không biết?

—Anh thì biết lắm đấy!—Phê-đô đứng vụt dậy, từ dưới

cặp lông mày rậm nhíu lại, đôi mắt ông hết nhìn An-tôn lại I-van. — Mà nói chung, nói làm gì cho vô ích?! — Và ông bỏ ra bếp.

An-tôn không nói gì, cũng không giữ ông lại. Một phút sau, có tiếng cửa ngoài đóng sập mạnh.

— Còn chú, sao suốt buổi cứ im lặng thế? — An-tôn hỏi I-van.

— Thì em biết làm gì? Phê-đô buộc tội em là đúng, em chẳng có gì để bào chữa cả. Đời em nó ra sao, anh biết đấy. Em đã gửi cho anh hai — ba lá thư, A-ga-ta hình như cũng có viết. Mà chắc anh cũng đã nghe người khác nói nhiều...

— Nhưng anh muốn nghe chú. Chú kể hết mọi chuyện đi. Kể tỉ mỉ về mình, về Phê-đô. Anh muốn hiểu được cả hai chú.

— Về mình thì em có thể. Nhưng về Phê-đô thì em biết nói gì? Chính em cũng không hiểu được anh ấy.

— Chú hiểu sao thì chú kể vậy. Rồi anh sẽ kể đời mình cho chú nghe.

...Đêm đó, hai anh em ngồi nói chuyện cho tới tận sáng.

* * *

Ra khỏi nhà An-tôn Xa-vê-li-ép, Phê-đô dừng lại một lúc cạnh bậc thềm lên xuống. Đêm mùa thu tối đen như đè gí cả làng San-ta-ra xuống sát mặt đất. Đây đó, chỉ một vài vệt vàng của những cửa sổ có ánh lửa thấp thoáng xuyên qua bóng tối.

Một giờ hoặc giờ rưỡi trước đó, khi ông cùng An-na đi đến nhà An-tôn, bầu trời đã phủ đầy những đám mây nặng màu xám xịt. Nhưng lúc đó mây còn bay trên cao, còn bây giờ Phê-đô cảm thấy như chúng đã hạ xuống sát mặt đất, phả hơi lạnh ra khắp nơi. «Chẳng lẽ lại sắp có tuyết à? — ông chợt nhớ lại khoảnh ruộng chưa gặt xong, nghĩ. — Nếu lúa bị lấp dưới tuyết, cả mùa đông người ta lại sẽ nói ra nói vào: — đấy, đáng lẽ ra phải cố sức mà gặt cho kịp trước khi tuyết xuống, hắn lại đi rượu chè...»

Và ông rảo bước bỏ đi.

Gió thổi lắc lư những ngọn cây đã trụi lá, những cành

khô ngả nghiêng kêu rít lên buồn thảm. Dường như những đám mây đen nặng kia đang cày sát trên những ngọn cây, làm chúng cọ vào nhau sắp gãy.

Ngoài cái cảm giác khó chịu, thù địch đối với người anh cả An-tôn, và nhất là đối với I-van, Phê-đô không cảm thấy gì hết. «Cả An-na cũng lải nhải: «Tại sao ai anh cũng muốn nhổ toẹt cả? Biết được cũng hay...» Miệng thì nói ai, nhưng trong bụng thì nghĩ về I-van trước hết!.. Mà cái thằng tù gầy còm này đối với cô ta là cái gì mới được chứ? Bao nhiêu năm qua rồi, mà cô ta vẫn nghĩ đến hắn... Hay quả đúng là mọi người phủ phục trước Chúa Giê-su vì những đau khổ của ông ta?.. Và cả Pô-li-các-pơ lẫn An-tôn cũng định dạy mình!»

Đường phố rất tối — không một ngọn đèn trong các cửa sổ, không một ánh sao trên đầu. Ngôi nhà riêng của ông cũng chìm trong bóng tối. «Đấy, không thèm đợi nữa, — ông nghĩ về An-na với một sự giận dữ. — Còn trước đây thường để đèn đợi đến sáng...» Và ông cảm thấy như đầu sắp nổ tung ra vì cáu giận.

Bước vào sân, Phê-đô nhận thấy một cửa sổ nhà I-nhi-u-chin còn sáng. Một tấm màn che kín nửa khung cửa sổ, trên đó thấp thoáng một bóng người. «An-phi-xa hay là Vê-ra?»

Phê-đô bỗng cảm thấy trong mình một nỗi buồn và một sự trống trải. Ngực nghe buôn buốt khó chịu, Phê-đô ngồi xuống chiếc ghế dài cạnh nhà. Tựa lưng vào tường, ông ngạc nhiên thấy tim như bị một cái gì đó đè nặng và nó khẽ rên rỉ. Trước đây ông chưa bao giờ có cảm giác như vậy cả. Không hiểu sao, ông bỗng nhiên lo lắng nghĩ: «Lại còn cái gì thế này? Có lẽ, một thứ bệnh gì đây...»

Trong cửa sổ nhà I-nhi-u-chin, bóng người khẽ lay động, vươn dài ra — An-phi-xa hoặc Vê-ra đang cởi áo. Đôi tay trần thấp thoáng hiện ra phía trên tấm màn cửa, rồi ánh sáng trong cửa sổ vụt tắt. «An-phi-xa» — cuối cùng, Phê-đô đã nhận ra. Máu trong người ông khẽ nóng lên, những cảm giác khó chịu trong ngực lập tức biến mất. Tự nhiên, ông tưởng tượng ra cảnh An-phi-xa chép miệng như trẻ con, khi bắt đầu ngủ thiếp đi. Khi ngủ, bao giờ An-phi-xa cũng chép miệng như vậy. Rồi ông nhớ đến đôi vai nhọn, nóng hổi luôn luôn run rẩy dưới bàn tay ông, đến chiếc lưng gầy, đến thứ tiếng âm vang trong ngực

An-phi-xa làm cho tim ông bao giờ cũng phải đập mạnh hơn để đáp lại. Và trong những phút ấy, An-phi-xa đốt cháy ông bằng một ngọn lửa đen của đôi mắt, một ngọn lửa thèm thuồng không bao giờ thỏa mãn. Thậm chí, trong bóng tối, ông cũng cảm thấy, nhận ra cái ngọn lửa thiêu đốt đó...

Còn với An-na, với vợ của mình, thì lại khác. Trước đây, đã rất lâu, lâu lắm, An-na cũng cháy bỏng, cũng nồng nàn như An-phi-xa. Nhưng không bao giờ An-na gợi dậy được trong Phê-đô sự đáp lại nồng nhiệt, mong muốn. Có lẽ vì ông không tin vợ. Ngay từ đầu, ông đã không tin, ngay từ đêm tân hôn, khi ông biết rằng An-na đã không còn trinh nữa. Ông nhớ mình như bị giội một thùng nước sôi, ngồi xuống bên cửa sổ, hút hết điếu này đến điếu khác, nhớ lại cái ngày một năm về trước, khi I-van đưa An-na cùng với xác cha cô từ một nơi nào không rõ về làng Dát-cô-va Ban-ca. Cuối cùng, ông lên tiếng hỏi, giọng khản đặc.

— Ai đã... thử cô? I-van à?

— Không, không! Anh Phê-đô thân yêu, không!

— Thế thì ai?

— Em không có tội, anh Phê-đô... Em không thể nói được. Nhưng em trung thành với anh! Nghìn lần anh sẽ thấy là em trung thành! Em sẽ xứng đáng với sự tha thứ của anh, em nguyện là miếng vải lót giày cho anh, em sẽ sẵn sàng chết vì dù chỉ là một sợi tóc của anh! Anh còn chưa biết là em yêu anh đến chừng nào đâu! Nhưng anh đừng hỏi, anh Phê-đô, anh hãy quên đi nhé?

Đêm hôm đó, An-na bò dưới chân Phê-đô, khóc lóc hết nước mắt, nhưng rồi vẫn không nói ai là thủ phạm trong việc nhục nhã này. Và sau đó cũng không bao giờ chịu nói. Còn Phê-đô thì không thể quên, không thể tha thứ. Dần dần, càng ngày An-na càng trở nên nguội đi, ít nói, sống như thu mình lại, và già rất nhanh — không phải về thể xác, mà về tinh thần, — mỗi đêm một thêm lãnh đạm, lạnh lùng. Không bao giờ từ chối Phê-đô, nhưng phận sự đàn bà của mình An-na thực hiện một cách không có hứng thú, vì nghĩa vụ, — và như Phê-đô cảm thấy — với một sự ghê tởm càng ngày càng tăng thêm. Đến bây giờ, ông đã trở nên hoàn toàn xa lạ đối với An-na.

Phê-đô ngả người tựa lưng sát hơn vào bức tường gỗ, thở

dài. Trong đầu ông bỗng vang lên những lời nói của Cru-gi-lin: «Và thường thường... vì không hiểu được cái bản chất cốt lõi, cái ý nghĩa của cuộc đời mà con người ta làm những việc có ma quỷ biết là việc gì, gây ra những chuyện xằng bậy, làm cho tâm hồn mình tổn thương, suốt đời đầy những vết tím bầm, những chỗ đau rỉ máu...» Và chỉ đến bây giờ những lời nói này mới thực sự làm cho ông tức giận. «Hóa ra... hóa ra là ta không hiểu ý nghĩa và cốt lõi của cuộc đời, làm những điều xằng bậy?! — ông điên tiết nghĩ. — Ta, ta, thằng đã từng đi du kích, từng không sợ chết, từng không tiếc máu xương! Và sau đó đã làm việc như trâu bò, không bao giờ để mang tiếng xấu!..» Trạm máy kéo đã tồn tại bao nhiêu năm thì bấy nhiêu năm anh, Phê-đô Xa-vê-li-ép này, là thợ lái máy gặt đập liên hợp xuất sắc nhất! Chính anh ta, Cru-gi-lin, phải biết rất rõ điều này! Vậy thì anh ta có quyền gì mà ăn nói như vậy?! Nhất là câu... câu: «Vết rạn thời trẻ — miếng mẻ lúc già...» Vết rạn nào? Vết rạn ở đâu kia chứ? Còn miếng mẻ, miếng mẻ nào bây giờ?

Những ý nghĩ trên quay cuồng trong đầu đã át đi tất cả — cả An-tôn, cả I-van, cả An-na, — át đi và xóa nhòa hết những hành động và quan hệ của ông, Phê-đô, đối với những con người này, dường như ông không làm một điều gì đáng chê trách trong quan hệ với họ hoặc với bất kỳ một người nào khác. Và ông cảm thấy mình bị những lời nói của Cru-gi-lin, bị toàn bộ buổi tối hôm đó và tất cả mọi người — Cru-gi-lin, An-tôn, I-van... thậm chí cả vợ của mình nữa, — làm nhục một cách bất công và nặng nề.

«Đối với bọn họ, mình là một kẻ xa lạ, hoàn toàn xa lạ», — ông nghĩ.

* * *

Phê-đô lớn lên thành một đứa trẻ hiền lành, nhút nhát, chậm chạp. An-tôn, người con trai cả của gia đình Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép suốt đời thiếu thuế, một cậu bé liều lĩnh, nghịch ngợm và ương bướng, khinh Phê-đô ra mặt, thường đánh đập, và nói chung, dường như không coi Phê-đô là em ruột của mình. Không bao giờ cậu bỏ lỡ cơ hội để trêu chọc — khi thì lấy than vẽ đầy mặt Phê-đô đang ngủ, khi thì nhét những quả kỳ nham

đầy gai nhọn tua tủa vào giày em, khi thì đi tắm ngoài sông Grô-mô-tu-kha đem quần Phê-đô buộc túm chặt ống lại và nhúng ướt nước.

Khi Phê-đô vừa khóc, vừa chạy về mách mẹ, bà U-xchi-nhi-a Xa-vê-li-ê-va, một người đàn bà nhỏ bé với bộ ngực héo hon và đôi tay to, chai sạn vì công việc, liền túm lấy roi, cán chổi hoặc que cời bếp:

— Trời ơi, quỷ tha ma bắt nó đi! Cho mộc nó đè chết cái đồ ngỗ ngược ấy đi! — Và bà chạy đi tìm An-tôn.

Nếu như những lúc đó An-tôn rơi vào tay mẹ, thế nào bà cũng quất cậu con cả một trận nên thân. An-tôn không tránh những đòn đánh, chỉ tìm cách túm bắt lấy roi hoặc cán chổi, miệng nói:

— Nhưng cái thằng đần ấy vừa đi vừa ngủ. Đến ruồi cũng ỉa được vào mồm nó. Cả tiếng xe ngựa cũng sợ... Hắn lớn lên làm cái bao đựng phân...

— Đồ ngoại đạo! Cứ làm ầm ĩ cả lên, mong cho chúng mày chết rấp đi vào một ngày! — bà gần như khóc, kêu to lên và dần dần nguôi dịu đi, — Thế mày lớn lên thành cái gì? Mày đáng ra phải đến trường thêm ít nhất một vài năm nữa, khi nhà còn có thể thở được, thế mà mày lại cứ chạy lêu lổng. Mày làm cho thằng bé đến gầy mòn đi rồi đấy. Mày lớn hơn nó những năm tuổi kia mà... Đợi đấy, tao cho mày đến thành phố, đến Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, rồi tha hồ mà lêu lổng. Đến đó thì không có bố mẹ cặp kè bên cạnh nữa đâu. Chú Mi-tơ-rô-phan sẽ cho mày biết tay. Ở đó hoặc là người ta sẽ bẻ cổ mày đi, hoặc là mày sẽ khôn hơn ít nhiều, đồ quỷ sứ chết tiệt ạ...

Một lần, vào mùa thu, khi những cây bạch dương bắt đầu trụi lá, An-tôn hỏi Phê-đô:

— Mày muốn xem xiếc không? Tao sẽ chui vào Khe Rắn và về không việc gì.

— Nói khoác! — Phê-đô khinh khỉnh cười khẩy. — Ở đó toàn rắn độc...

— Thì đi xem... — Và An-tôn lôi em vào dãy Dve-nhi-gô-ra.

Cái khe mà An-tôn nói đến là chỗ hoang vắng đáng sợ nhất của khắp cả dãy Dve-nhi-gô-ra. Đúng ra đây không phải là khe, mà là một cái lũng nhỏ và không sâu lắm, mọc đầy dã anh, sơn

tra, đũm hương, kim ngân và táo dại. Khe bắt đầu từ chân núi phía nam của dãy Dve-nhi-gô-ra và kéo dài chừng một ki-lô-mét rưỡi dọc theo những bức tường đá dốc.

Lũng này được gọi là Khe Rắn vì ở đó quả thật có vô số rắn độc. Không hiểu cái gì quyến rũ chúng về đây? Có thể là những chùm đũm hương và những loài cỏ dại khác, cũng có thể là vì chỗ này thường xuyên ẩm ướt — một mạch nước ngầm chảy ở phía trên lũng, nước tràn xuống dưới, rịn ra giữa những tảng đá và những lùm cỏ dại cao bằng đầu người mọc trải dài cho đến tận bờ sông Grô-mô-tu-kha từ hướng nam chảy vòng qua dãy Dve-nhi-gô-ra. Rắn treo từng chùm trên các cành cây, những ngày nắng, chúng cuộn tròn phơi mình trên đá. Nhưng những ngày nắng rất hiếm, vì ở đây, những đám sương mù hăng hắc và dày đặc suốt bốn mùa trườn theo đáy lũng, liếm ướt sũng cây, đá trong khe.

Mùa xuân, Khe Rắn rực rỡ nhiều màu như cầu vồng. Khắp lũng, hoa dã anh, hoa táo dại; giữa các kẽ đá ở những chỗ cao ráo hơn thấp thoáng hoa điểm tuyết cuối mùa màu trắng và màu vi-ô-lét; trên những bãi đất ẩm ướt mà trống trải, hoa mao lương cháy rực lên từng chùm dày đặc y như có người ném vung ra khắp lũng những chiếc khay khảm vàng. Nhưng nhiều nhất vẫn là hoa lưỡi rắn — một loài hoa sặc sỡ đến trơ trẽn, màu đỏ chói, với những cánh hoa to chẻ đôi ở giữa. Chúng nở không lâu nhưng rất mãnh liệt, sum suê, để rồi sau đó rắc đầy những cánh hoa héo rụng khắp đáy lũng, trên đá, trên cỏ. Người ta bảo rằng chính mùi hương của loài hoa này đã thu hút tất cả rắn của dãy Dve-nhi-gô-ra về đây. Chúng ăn những cánh hoa rụng, — chỉ những cánh hoa rụng thôi, vì theo như lời đồn, chính trong những cánh hoa héo tàn nhợt nhạt này mới tích tụ lại thứ chất độc chết người làm cho loài rắn trở nên đáng sợ.

Trong Khe Rắn suốt bốn mùa hoang vắng. Chim chóc không bao giờ bay tới đây, đến ngọn gió cũng hiếm hoi lắm mới ghé qua một lần vào cái lũng đá ẩm ướt này.

Mùa thu, khi các loài rắn bò về hang, vào các kẽ đá để ngủ đông, trong khe hoàn toàn không có gì là nguy hiểm cả. Mọi người chắc cũng hiểu được điều đó, nhưng khe này đáng sợ, đến nỗi chỉ có một vài người dám cả gan đến đây chốc lát để nhổ một bụi sơn tra hay ngắt một chùm kim ngân. Nhưng vào sâu

hơn trăm rưởi xa-gien *, thì quả là chưa có ai dám. Hơn nữa, hoa quả hái ở Khe Rắn về mọi người cho rằng nếu không độc thì cũng bẩn thỉu, uế tạp.

An-tôn có lẽ là một trong những người đầu tiên khám phá ra rằng mùa thu Khe Rắn không có gì nguy hiểm. Ba - bốn năm liền, cậu mang từ Khe Rắn về những xô đầy quả sơn tra ngọt lịm, to tướng, những túi kim ngân đỏ như lửa và táo dại chua đến kinh người.

—Ở đâu thế này?—U-xchi-nhi-a ngạc nhiên hỏi.—Mày lấy ở đâu ra thế?

—Ở trong rừng,—An-tôn khoát tay lấp lửng.

—Ở Khe Rắn phải không?—cha cậu nghi ngờ hỏi.—Coi chừng đấy, ở đó toàn là đồ uế tạp cả đấy.

—Cha nói gì vậy,—An-tôn làm ra vẻ phật lòng.—Chẳng lẽ con không biết đấy là chỗ bẩn thỉu sao?!

Táo dại đem nấu nước quả chua, quả sơn tra và kim ngân dùng làm bánh ngọt. Mọi người ăn, khen ngon.

—Thế này mà bẩn thỉu à?—An-tôn nói.—Ngon hết ý.

...Khi hai anh em đến chân núi Dve-nhi-gô-ra, Phê-đô đứng lại phía dưới, trên bờ sông Grô-mô-tu-kha, còn An-tôn thì chui vào lũng.

—Chắc anh lại trốn vào một bụi cây nào gần đây, rồi trở ra thôi,—Phê-đô đoán.

—Thì mày đứng đây mà nhìn—tao sẽ leo lên cái mỏm đá trông như quả dưa chuột kia kìa, tao sẽ huýt gió, vẫy tay cho mày thấy.

Mỏm đá mà An-tôn nói đến ở cách rất xa, tận phía trong của Khe Rắn. Quả nhiên một chốc sau, Phê-đô nghe tiếng huýt gió và thấy An-tôn đứng trên mỏm đá.

Phê-đô hết sức kinh ngạc, thán phục.

—Anh An-tôn, anh làm sao được thế?—trên đường về nhà, cậu rụt rè hỏi anh.—Anh không sợ rắn à?

—Chính chúng phải sợ tao chứ.

—Tại sao?

—Tại tao không phải thằng đần, thằng độn như mày.

—Anh cứ nhạo em mãi,—Phê-đô tự ái.

---

* Xa-gien—đơn vị đo chiều dài Nga bằng 2,134 mét.

Mấy ngày sau Phê-đô lầm lì, như đang nghĩ ngợi một điều gì. Rồi cậu bỗng nói:

— Anh biết không, em cũng không sợ... vào khe.

— Đi mà nói với thằng đần khác ấy! Lại chẳng bĩnh ra đấy cả quần ấy à?

— Em ấy à? — Phê-đô giận dữ kêu lên. — Anh là đồ... Lại còn cười nhạo nữa... Đi đến đó xem!

Và hai anh em lại vào núi. Nhưng lần này, trước con mắt ngạc nhiên của An-tôn, Phê-đô mạnh bạo chui vào khe đá. Cậu đi, không ngoảnh nhìn lại, nhảy qua những hòn đá, luồn qua các bụi cây chắn đường, lội ủng bì bõm dưới đáy lũng lổn nhổn. Chỉ có đầu hơi rụt vào vai. Cậu đi đến tận mỏm đá nơi An-tôn đứng huýt gió lần trước.

— Thấy chưa... — cậu dừng lại, nói, trán nóng bỏng, ướt đẫm. — Không thì anh cứ bảo đần độn, đần độn mãi... — Và cậu nấc lên.

— Anh sẽ không thế nữa, Phê-đô... Em giỏi lắm.

Nhưng Phê-đô bỗng ngồi bệt xuống mỏm đá và òa ra khóc. Có lẽ, nỗi sợ hãi bị nén xuống, bị sự bướng bỉnh kìm lại, giờ thoát ra, chảy thành nước mắt.

— Còn gì nữa đấy! — An-tôn cau mặt. — Im đi! Tao bảo... Thôi!...Tao sẽ cho mày xem cái này nữa.

— Cái gì? — Phê-đô ngước bộ mặt đẫm nước mắt lên.

— Ngay bây giờ... Đi theo tao...

Đỉnh của mỏm đá tròn và nhọn, còn chân lại hình vuông, có những chỗ lồi ra. Một loài kim ngân mọc ngay dưới những hòn đá lớn, đầy những quả nho nhỏ màu đỏ chói. Mọi người trong vùng gọi là quả chó sói. Loài quả này đắng và độc.

Giữa đám kim ngân có một bụi sơn tra đã già, rất lớn, gai dài bằng ngón tay. An-tôn luồn xuống dưới bụi gai, nhảy lên một bậc đá lồi ra, rồi lên bậc thứ hai.

— Đi lên đây. Cẩn thận kẻo bị gai đâm.

Phê-đô theo sau An-tôn nhảy lên ba bốn bậc đá, đến đứng ngay dưới một khối đá lớn treo lơ lửng trên đầu. Bây giờ những bậc đá, như một cầu thang, dẫn xuống phía dưới, hai bên hai bức tường đá cứ ép sát lại, hẹp dần. Bỗng nhiên, tường biến mất, và Phê-đô thấy trước mắt mình là một khoảng trống đen ngòm. Dưới chân vẫn là hòn đá ấy, nhưng cậu nghe tim nhói lên, liền

dừng lại. Phê-đô có cảm tưởng rằng chỉ cần thêm một bước nữa là cậu sẽ rơi tõm vào vực tối đen ngòm như vào một chiếc giếng không đáy.

— A-ai vào-o nhà-à của ta-a-a đâ-ây? — cậu nghe một giọng nói rùng rợn kéo dài và trong ngực lại nhói lên. Cậu muốn chạy ngược trở lại nơi có ánh sáng mặt trời, có gió. Nhưng phải bằng một sự cố gắng ngang bướng ghê gớm, Phê-đô mới kìm lại được.

— An-tôn, anh đừng có dọa em, hiểu chưa? — cậu nói, giọng khản đặc. — Anh ở đâu đấy?

Một ánh lửa lóe lên bên cạnh — An-tôn vừa bật diêm — và Phê-đô trông thấy một cái hang rất rộng, như chiếc túi bằng đá, tối tăm và ẩm ướt.

...Ra khỏi hang, hai anh em nằm trên một phiến đá mịn, sưởi dưới ánh nắng mặt trời mùa thu yếu ớt.

— Anh làm thế nào mà tìm ra được cái hang này thế? — Phê-đô hỏi. — Đứng ở dưới thì chẳng trông thấy nó.

— Leo đi leo lại mãi rồi thấy. Tuyệt không?

— Vào đó thấy sờ sợ.

— Mày nói thật đi, khi vào đây sợ rắn lắm phải không?

— Vâng, — im một lát, Phê-đô mới đáp. — Rất sợ. Ở dưới đất thì không sao, em nghĩ còn có ủng. Nhưng nếu có con nào ở trên cây nhảy xuống thì làm thế nào? Nó chui ngay vào cổ áo...

— Thế mà cũng dám đi?

— Còn sao nữa? Để anh khỏi cười nhạo... Em nghĩ, thà để cho rắn cắn còn hơn...

An-tôn phá ra cười và lại nói:

— Em giỏi lắm, Phê-đô ạ... Sống phải như thế, không sợ gì cả. Còn bây giờ anh lộ cho em biết bí mật nhé: mùa này ở đây không có rắn.

— Sao lại không? Chúng đi đâu mất?

— Ở trong khe này chúng chui vào hang ngủ sớm hơn lũ rắn trong rừng.

— Hay nhỉ, — Phê-đô nói. — Thế trong làng không ai biết cả à?

— Có lẽ có người biết. Nhưng theo thói quen họ vẫn sợ không dám đến đây...

— Hay nhỉ, — Phê-đô lặp lại. — Em... em sẽ dọa cho I-van và Ki-ri-an một trận ở đây... Cứ đợi cho chúng lớn thêm một ít. Em sẽ làm cho chúng há hốc mồm... như anh vừa rồi dọa em ấy.

— Nhưng mày phải nhớ kỹ rằng, — An-tôn nghiêm giọng nói, — nếu bạch dương còn chưa vàng hết lá thì không được thò mặt đến đây. Chết ngay đấy. Lũ rắn độc nhất định sẽ cắn. Hiểu chưa?

— Em hiểu rồi. Khi bạch dương chưa vàng hết lá...

— Thế - thế... còn bây giờ đi, tao chỉ cho xem lũ rắn ngủ như thế nào. Chúng cuộn lại thành từng cục đến hai người thật khỏe cũng không nhấc nổi. Mà khoan, chặt mỗi đứa một chiếc gậy đã...

Một tuần sau, ông chú Mi-tơ-rô-phan, người mà mẹ thường hay nhắc đến, về thăm làng Mi-khai-lốp-ca. Ôm hôn bố mẹ xong, chú Mi-tơ-rô-phan nghiêm khắc nhìn Phê-đô và cậu bé I-van bốn tuổi, cho hai anh em hàng đống bánh ngọt và thậm chí cả kẹo bọc giấy đẹp — đúng hệt như thứ mà An-na, con gái của lão Cáp-ta-nốp chủ hiệu buôn trong làng, thường mút khiến bọn trẻ đứa nào cũng phát thèm. An-na, cũng như I-van, mới bốn tuổi, ăn mặc lôi thôi, mũi thò lò suốt ngày. Có lần An-na cho Phê-đô một chiếc kẹo, và cậu nhớ mãi mùi vị của nó. Sau đó, Phê-đô thường cố tình đón gặp An-na, nuốt nước miếng đứng nhìn cô bé mút kẹo, nhưng An-na không chú ý đến những cái nhìn đó nữa.

Mân mê đống tài sản bỗng nhiên được hưởng, đổ kẹo từ tay này sang tay khác, Phê-đô nghĩ đến đứa con gái lão chủ hiệu: «Bây giờ không cần nó cho nữa, mình cũng có cả đống. Hôm nay mình sẽ cho nó một nắm — này, ăn đi, tao không phải là đứa tham ăn như mày đâu...»

Chú Mi-tơ-rô-phan chơi ở Mi-khai-lốp-ca dăm ngày rồi đi, mang theo cậu bé An-tôn mười bốn tuổi, thay vào đó, để lại hai hay ba chiếc ghế đẩu đóng rất khéo. Phê-đô không buồn vì anh cả của cậu bị mang đi. Khi con ngựa màu hung khỏe mạnh kéo chiếc xe ra khỏi làng, An-tôn, vẻ hơi lo lắng sợ sệt, ngồi trên xe nhìn bố, mẹ và nhìn Phê-đô, dường như muốn xin em tha thứ cho những trò đùa nghịch độc ác mà cậu, An-tôn, đã bày ra để trêu chọc em. Phê-đô thốt lên, tuy không có vẻ giận dữ:

— Thế mới đáng đời cái đồ quý tóc trắng.

—Im đi, đồ chó con! —người cha quát to. —Không có mày, tao cũng đã nẫu ruột lắm rồi.

Phê-đô sợ cha. Người cao lớn, những khuỷu tay gầy xương xẩu, bộ râu bạc trắng suốt đời rối bù, cha cậu bao giờ cũng cau có, giận dữ. Ông ít khi ở nhà, hàng tháng trời mất hút ngoài những thửa ruộng của cha cô bé An-na.

Khi chiếc xe đi khuất, cha mẹ đã vào nhà, cậu em út I-van, thọc lút nửa ngón tay vào lỗ mũi, hỏi:

—Anh An-tôn mà là quỷ à, hở anh Phê-đô?

—Thế mày nghĩ sao? Ai đem quần tao ra nhúng nước, rồi buộc thắt ống lại với nhau? Lại còn bao nhiêu trò khác nữa?

—À, à... —Nhưng nghĩ một lát, I-van kết luận: —Không, anh An-tôn là người tốt.

Đến ngày chú Mi-tơ-rô-phan và An-tôn đi, bánh ngọt của Phê-đô đã hết nhẵn, và kẹo cũng chỉ còn hơn chục chiếc. Cậu đếm đi đếm lại, suy nghĩ, rồi quyết định: «Thôi được, sẽ cho An-na ba chiếc, thế nó cũng đủ lắm rồi». Ngày hôm sau: «Ba cái quá nhiều đấy, một cái thôi». Và ngày hôm sau nữa: «Mà cho nó làm gì? Không có, nó cũng đã ăn chán rồi. Trong hiệu nhà nó bao nhiêu là... Bụng thì bao giờ cũng căng phồng lên vì kẹo. Không phải vì kẹo thì làm sao bụng nó lại căng như thế được?» Thế là cậu bỏ nốt chiếc kẹo cuối cùng vào miệng.

An-tôn đi khỏi và biệt tăm luôn, rất lâu, sáu năm trời không có một tin tức nào cả. Trong suốt thời gian đó chỉ có một lần, hình như hai năm sau, Phê-đô nghe nhắc đến tên của anh cả. Sự việc là thế này. Một lần chập tối, mẹ bảo Phê-đô:

—Trời tối rồi mà thằng I-van còn mất mặt đi đâu. Mày chạy đến đằng nhà I-nhi-u-chin xem, có khi nó ở đó. Cha của Ki-ri-an vừa từ ngoài mặt trận về, họ uống rượu say lại trêu chọc thằng bé nữa.

Phê-đô thỉnh thoảng nghe người lớn nói rằng ở đâu đó có cuộc chiến tranh với Nhật Bản, không biết còn hay đã kết thúc. Và cậu cũng biết rằng Đê-mi-an, cha của Ki-ri-an đã bị bắt ra trận. Nhưng việc Đê-mi-an đã trở về thì Phê-đô còn chưa biết, vì suốt ngày cậu mất hút ở ngoài sông Grô-mô-tu-kha. Hôm đó vào đầu mùa xuân năm 1906, suốt ngày gió thổi mạnh, Phê-đô đi câu cá về bị rét cóng, nhưng cậu không nói gì, thất

thểu đi về cuối làng, nơi có căn lều của gia đình I-nhi-u-chin với hai cửa sổ tối mờ mờ.

Ở nhà I-nhi-u-chin quả là mọi người đang chè chén. Trong lều chật ních người, khói thuốc lá che kín cả mảng trần nhà thấp tịt. Đê-mi-an, mặt đỏ gay, đầu tóc rối bù, ngồi ở mép bàn, một đôi nạng gỗ dựng sát bên cạnh. Bước vào lều, Phê-đô vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi nhìn chằm chằm vào chiếc chân duy nhất của ông ta — chân thứ hai bị cắt cụt lủn.

— ...chúng tôi đã nện nhau thế đấy! — I-nhi-u-chin đang lè nhè kể về một điều gì đó, hai tay vung loạn xạ. — Thằng Nhật Bản khôn ra phết. Chúng lại có các đạn pháo... Nhưng tất nhiên chúng tôi cũng không phải ngốc, — Ông ta ghé miệng vào tai ông già Xi-lan-chi (đến bây giờ Phê-đô mới nhìn thấy cha), hạ thấp giọng, gần như nói thầm: — Tôi nói riêng, bí mật cho ông nghe, cái tụi xã hội chủ nghĩa rất đông trong bọn lính.

— Bọn xã hội chủ nghĩa? — ông già Xi-lan-chi cũng đã chếnh choáng say, người đẫm mồ hôi, hỏi lại.

— À-ha... chúng tuyên truyền đủ chuyện. Bảo: các anh đừng đánh nhau nữa, cứ để cho Nga hoàng thất bại...

Đê-mi-an ngừng lại nhìn quanh mọi người bằng đôi mắt đờ đẫn.

— Những đứa ngu mới nghe chúng. Còn tôi thì không. Đây, tôi có mề-đay đây! Được thưởng vì lòng dũng cảm! — Và ông ta ưỡn ngực, phô ra một chiếc mề-đay Ghê-oóc-ghi * ánh lên màu vàng đùng đục dưới ngọn đèn dầu.

I-van và Ki-ri-an, con trai Đê-mi-an, ngồi trên bậc cửa ra vào, đang chấm bánh mì vào một đĩa mật. Ki-ri-an cùng một tuổi với I-van đôi má dính đầy mật loáng lên dưới ánh đèn, cặp mắt linh lợi của cậu cũng lấp lánh vui mừng, kiêu hãnh.

— Mề-đay này... bằng thật đấy, — cậu lắp bắp nói và giật giật tay áo Phê-đô: — Cậu muốn ăn mật không? Cầm lấy miếng bánh kia kìa. Bố mang mật về đấy...

Phê-đô liền cầm ngay lấy một mẩu bánh mì khoắng vào đĩa mật.

---

* Tức là Huân chương Ghê-oóc-ghi — huân chương hạng bốn của nước Nga trước Cách mạng tháng Mười dùng để tặng cho các quân nhân và đơn vị quân đội thể hiện lòng dũng cảm trong chiến đấu.

—Thế họ là ai, Đê-mi-an? Những người xã hội chủ nghĩa ấy... —Xi-lan-chi hỏi.

—À... đấy, như thằng em của ông, Mi-tơ-rô-phan chẳng hạn.

—Sa-ao?! —Mắt Xi-lan-chi mở tròn xoe.

—Thế ông không biết à? Không biết à?! —Đê-mi-an hét lên bằng một giọng thù địch, tay vung mạnh chạm cả vào nạng của mình. Đôi nạng rơi xuống sàn đầy bùn bị những bước chân giẫm nát. Đê-mi-an đã cúi xuống, định nhặt chúng lên, nhưng rồi lại thôi. Ông ta ưỡn thẳng người, đặt hai tay lên bàn và khóc nấc lên một cách cay đắng, như bị ai làm nhục.

—Anh làm sao thế, Đê-mi-an? Đê-mi-an... —Xi-lan-chi lay ông ta.

—Ông không biết thật à?! —Đê-mi-an lại hét to, ngẩng phắt đầu lên. —Ông không biết gì về em của ông? Về thằng con An-tôn à?

—Không... Chẳng thấy thư từ gì cả.

—Thư à? Tôi sẽ kể cho ông nghe, chẳng cần thư. Tôi phải nằm ở bệnh viện Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ đến một năm, họ cắt mất một chân của tôi, phải điều trị mãi. Mùa thu năm ngoái, bọn xã hội chủ nghĩa này bắt đầu xúi giục dân làm loạn. Mi-tơ-rô-phan, em của ông là một. Rồi con của ông, An-tôn, cùng một bọn.

—An-tôn?! —Xi-lan-chi thốt lên.

—Cái lũ khốn kiếp toàn làm những chuyện tầy trời. Chúng tôi phải lăn dưới mũi tên hòn đạn vì đức vua, vì Nga hoàng, vì nước Nga, không tiếc đời mình! Đấy, một chân của tôi bây giờ đâu rồi? Thiếu một chân thì tôi biết đi đâu?! Thế mà ở đây chúng làm gì? Chúng xúi dân làm loạn chống chính quyền!..

—Cái gì không biết thì đừng có nói mò! —hương trưởng Pan-crát Na-da-rốp, ngồi cuối bàn đằng kia, lên tiếng. Đó là một nông dân mới chừng trên dưới ba chục tuổi, người cao lớn, ngực nở nang, râu quăn, cổ lực lưỡng cũng đầy những vòng tóc quăn rủ xuống che kín.

—Tôi không biết nghĩa là thế nào?

—Nghĩa là... Chúng ta không ai biết những người xã hội chủ nghĩa là ai, họ làm cái gì, —Na-da-rốp nói. —Tôi chỉ biết riêng Mi-tơ-rô-phan là người đứng đắn. Thợ giỏi.

—Đứng đắn à? Thế thì tại sao họ lại phải ngồi tù?—Đê-mi-an say líu lưỡi hét lên.—Cả Mi-tơ-rô-phan, cả thằng An-tôn nhà ông,—ông ta hất bộ mặt ướt đẫm về phía Xi-lan-chi.

—Cả thằng An-tôn à?—Xi-lan-chi hỏi, giọng yếu ớt.—Nhưng tội gì, nó tù vì tội gì? Tại sao lại như vậy được?

Xi-lan-chi chợt trông thấy mấy đứa con liền cau mặt lại.

—Chúng mày đến đây làm gì? Đi về nhà ngay!

Về đến nhà, vừa bước vào cửa, Phê-đô đã hấp tấp nói bằng một giọng lắp bắp:

—Mẹ, An-tôn bị... người ta bỏ tù rồi!

Mẹ đang lúi húi với mấy chiếc chảo gang, ngồi phịch ngay xuống cạnh bếp lò.

—Cái gì? Vì sao? Mày nói nhảm cái gì thế, hở thằng vô lại?!

—Con không biết...—Phê-đô bây giờ mới thực sự hoảng sợ, hốt hoảng nói.

...Cha ở nhà I-nhi-u-chin trở về rất khuya, đi lại mãi trong phòng suy nghĩ về một điều gì đó, tay giật giật chòm râu rối.

—Thằng An-tôn làm sao thế hả ông?—mẹ mấy lần gạn hỏi.—Sao ông cứ im lặng như thế? Lạy Chúa...

—Làm sao, làm sao... Làm sao mà tôi biết làm sao! I-nhi-u-chin bảo đang ngồi tù...

Nằm đắp chiếc áo lông rách nát, Phê-đô tưởng tượng nhà tù như căn nhà kho của lão chủ hiệu buôn Cáp-ta-nốp, được xây bằng những khúc gỗ lớn, dày, mốc đen với cánh cửa đầy những khóa sắt. Sự khác nhau chỉ ở chỗ là nhà tù thì nhiều khóa hơn, lại còn một người coi ngục cầm roi đứng canh.

Phê-đô nằm nghe cha mẹ thì thầm một lúc, mặc dù không thể phân biệt được mọi lời. Thỉnh thoảng mẹ lại sụt sịt, nấc lên.

—Thôi, đủ rồi!—cha nói to nhưng không có ý giận dữ, thở dài trở mình, chiếc giường gỗ kêu cót két, não nuột.

Rồi Phê-đô ngủ thiếp đi. Đêm hôm đó, cũng như mọi đêm khác, cậu ngủ say và không có chiêm bao gì cả...

* * *

«Đối với bọn họ, mình là một kẻ xa lạ. Hoàn toàn xa lạ...—Có lẽ là lần thứ mười, Phê-đô nhìn lên những khung cửa sổ tối đen của nhà I-nhi-u-chin, nghĩ thầm.—Chỉ có đối với An-phi-xa mình mới không xa lạ...»

Phê-đô lại nghĩ rằng, đấy, An-na đã già đi nhiều, còn An-phi-xa thì dường như thời gian không động đến. Mười năm, thậm chí hai mươi năm về trước, cô ta vẫn trẻ trung, tươi mát như bây giờ. Đối với Phê-đô, An-phi-xa bao giờ cũng rất tiện lợi sẵn sàng. Và bây giờ, nếu ông gõ nhẹ vào cửa sổ, An-phi-xa vốn rất tinh, lập tức tỉnh dậy và ngoan ngoãn đi theo ông đến bất cứ nơi nào, và sau đó úp khuôn mặt nóng bừng vào bộ ngực đầy lông của ông mà ngủ một cách bình yên, ngon lành, chép chép đôi môi mọng ướt trong chiêm bao ngọt ngào. Chỉ có đôi lúc thật lạ lùng khó hiểu: cô ta là vợ của ai, của Phê-đô hay Ki-ri-an? Và một điều khó hiểu nữa: làm sao An-phi-xa có thể khéo léo sinh được hai đứa con với Ki-ri-an?

—Có thể, đây là con của anh?—đã hai lần Phê-đô hỏi, khi An-phi-xa sinh Vê-ra, và sau đó, Nhi-cô-lai.

—Khô-ông, không đâu, Ki-ri-an là chồng của em, và em cần phải sinh con với anh ấy,—hai lần An-phi-xa trả lời như vậy.

Và quả nhiên, hai đứa trẻ càng lớn bao nhiêu, chúng càng có nhiều nét giống Ki-ri-an bấy nhiêu.

Trời sáng dần, những mái nhà bắt đầu hiện ra trong ánh bình minh. Phê-đô vẫn ngồi bên tường ngôi nhà của mình, và chính ông cũng không biết, không hiểu tại sao ông lại ngồi ở đây suốt cả đêm, để làm gì.

«An-na bây giờ sẽ dậy, cần phải vắt sữa cho bò»,—Phê-đô hờ hững nghĩ, lắng nghe xem có tiếng động nào từ trong nhà vọng ra không. Quả nhiên, ông nghe có tiếng then cửa lách cách.

Chừng hai phút sau, An-na bước ra sân, tay xách xô đi qua vườn đến bờ sông Grô-mô-tu-sca. Vừa ra khỏi cửa, bà đã thấy ngay Phê-đô ngồi trên ghế cạnh tường, nhưng bà không nói gì, chỉ nhìn lướt qua và đi xuống sông. Phê-đô đoán ra nhiều hơn là nhìn thấy rằng mặt An-na sưng mọng lên vì khóc.

Khi An-na từ sông trở về, Phê-đô gọi:

—Đi đến đây bảo.

An-na đặt xô xuống đất định bước đến bên ghế, nhưng dừng lại cách Phê-đô chừng năm bước.

—Cô ngồi xuống đây.

An-na lưỡng lự một chút, rồi ngồi xuống, đôi mắt không chớp nhìn lên ô cửa sổ tối của nhà I-nhi-u-chin.

—Chắc cô nghĩ rằng tối qua tôi đi với An-phi-xa chứ gì?

An-na không trả lời.

—Không đâu. Suốt đêm qua tôi ngồi ở đây này. Còn bây giờ, hoặc là không bao giờ tôi còn đến với An-phi-xa nữa, hoặc là tôi sẽ đến với cô ta, vĩnh viễn đi khỏi đây. Chỉ có thế thôi. Tôi quyết định thế nào thì sẽ như thế ấy.

—Thế anh quyết định thế nào rồi?

Trong giọng nói khe khẽ của An-na, Phê-đô nghe như có sự giễu cợt.

—Tôi chưa biết,—Phê-đô cau có nói.

Trời mùa thu sáng chậm, vất vả. Mặt trời còn ở một nơi nào xa lắm, tít tận cùng trái đất, những tia nắng của nó chưa chạm đến mặt đất, và có lẽ trong ngày hôm nay sẽ không chạm tới được vì một lớp mây xám xịt dày đặc bao phủ khắp bầu trời.

—Thế đấy, An-na ạ,—Phê-đô nói và đứng dậy.—Còn bây giờ tôi ra đồng đây.

Không nói thêm một lời nào, ông bước ra đường. Tiếng cổng vườn rít lên như rên rỉ, như cứa vào tim An-na. Đôi môi run lên, bà cảm thấy những giọt nước mắt to nặng chảy nóng bỏng dọc theo hai bên má.

—Ôi, phận đàn bà cay đắng!..—An-na nghe giọng của Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, người đàn bà tản cư trọ nhờ nhà bà, nói.

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na đi đến ngồi xuống chiếc ghế dài; An-na không đủ sức để kìm mình lại, òa lên khóc nức nở, gục đầu lên vai thím. Chiếc khăn trùm tuột khỏi đầu.

—Thôi đi, thôi đi nào,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na vuốt lên mái tóc ấm của An-na.—Tôi trông chị kiệt sức mất thôi. Tôi nghe chị cứ khóc suốt đêm. Khổ lắm à?..

—Khổ, khổ lắm, giá có ai biết được cho!—An-na đáp qua nước mắt.—Không hiểu con người sinh ra để làm gì? Để chịu đau khổ à?

—Nhưng sự việc là thế này, An-na ạ,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na trầm ngâm nói.—Nếu chẳng có đau khổ thì cũng không có hạnh phúc. Khi đó chắc con người chẳng hiểu được nó đâu...

—Nhưng nó, hạnh phúc ấy, ở đâu! Ở đâu? Dù chỉ là một niềm vui bình thường, đơn giản? Cái mùi vị của nó ra sao?

—Điều này thì chị lại nói dối rồi,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nghiêm giọng nói.—Trong cuộc đời, chị đã có lần có hạnh phúc. Con người ai cũng phải có. Không thể không có, dù là rất nhỏ.

An-na đứng dậy, sửa lại khăn, thở dài.

—Tôi cũng không biết nữa. Có thể là như vậy. Nhưng nó quá bé nhỏ. Và đã quá lâu rồi. Quá nhỏ và quá lâu đến nỗi dường như không có. Tất cả đã quên hết rồi.

—Quên thế nào được khi chính chị đang đau khổ về nó? Chưa quên đâu.

Đêm đã qua—một đêm yên tĩnh, hoang vắng. Vài giờ trước đây, người ta có cảm tưởng rằng đêm sẽ không bao giờ kết thúc, rằng bóng tối sẽ nằm vĩnh viễn trên trái đất, làm tắt mọi màu sắc âm thanh, làm tắt cả cuộc sống. Nhưng kìa, bình minh đã dậy, tuy đang còn nhợt nhạt, buồn tẻ—và cửa sổ các nhà đã bật sáng, các ống khói bắt đầu nhả khói.

Cửa sổ nhà I-nhi-u-chin cũng lóe lên, rồi hắt ánh sáng ra ngoài. Và, cũng như mấy giờ trước đây, một bóng người—trông rõ là phụ nữ—thấp thoáng sau lần cửa kính.

—Thế anh Phê-đô nhà chị đi lại với tình nhân à?—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na hỏi thẳng, giọng chân tình. An-na rùng mình.—Tôi thấy hết mà. Đâu còn trẻ con nữa.

—Kia kìa. Nó bám lấy anh ấy suốt đời,—An-na hất đầu chỉ về phía bóng người trong cửa sổ.

—Thế... cô ta hơn chị à?

—Tôi không biết. Chị làm gì mà tra khảo tôi vậy,—An-na thốt lên giận dữ.

—Không biết là thế nào! Nhất định chị đã nghĩ nhiều về điều này,—dường như không nghe thấy giọng của An-na, không hiểu tâm trạng của bà, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nói tiếp.—Bởi vì tất cả chúng ta đều nghĩ về điều này. Tôi đến bây giờ vẫn còn nhớ hồi trẻ yêu một người... Tôi khờ dại, yêu đến nỗi không biết gì nữa. Và cũng không còn biết hắn đã biến tôi thành đàn bà từ lúc nào và như thế nào. Rồi hắn bỏ tôi, chạy theo tán tỉnh đứa khác. Trời ơi, không biết bao nhiêu nước mắt tôi đã khóc! Hàng giờ liền cứ đứng trần truồng trước gương, so sánh mình với con bé ấy. Tôi rình xem khi con bé tắm và sau đó đem so sánh nó với mình. Không,—tôi nghĩ,—người mình, chân mình

cân đôi hơn, ngực vú nở hơn, mặt cũng xinh hơn... Và tôi lại nằm khóc, cảm thấy mình bị nhục. Thế đấy...

Và thật kỳ lạ, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na càng nói, An-na càng thêm nguôi lòng lại. Có thể là do sự thẳng thắn đến tột cùng của người đàn bà này chăng?

—Tôi không biết, chị Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na ạ! — An-na thở dài. —Trước đây thì quả là tôi hơn An-phi-xa. Đẹp hơn thì chắc chắn rồi. Và khỏe hơn. Nhưng tất nhiên... Tôi héo hon đi rồi. Phê-đô hành hạ, làm cho tôi đến kiệt sức mất rồi.

—Thế nghĩa là anh ta là người chẳng ra gì cả, —Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na trầm ngâm nói.

—Làm sao mà chị biết ra gì hay không ra gì? — An-na bỗng cảm thấy mếch lòng thay cho Phê-đô, nói.

—Tôi biết là chẳng ra gì cả, —Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nhắc lại một cách tự tin. Im lặng một lát, thím nói tiếp. — Con người ta đủ loại khác nhau. Sau việc ấy tôi đi lấy chồng. Không yêu mà chỉ để che bớt sự nhục nhã. Làm lễ cưới xong, đi nằm. Tôi nghĩ: anh ta chỉ cần nói tôi một câu là tôi sẽ nhảy qua cửa sổ, dù trên người chỉ mặc độc áo lót. Còn nếu đuổi theo, tôi sẽ dùng răng mà cắn xé. Tôi biết anh ấy sẽ đuổi theo vì rất yêu tôi, nhưng chị biết không, anh ấy cứ nằm và nhìn lên trần nhà. Cứ nằm và nhìn như vậy. Còn tôi thì cũng cứ nằm chết lặng. Tôi đã chờ đợi mọi chuyện có thể xảy ra, nhưng trừ có chuyện này là không nghĩ đến. Rồi anh ấy thở dài, nói: «Tất nhiên là tôi đau buồn lắm, Ma-ri-a ạ. Nhưng tất cả những gì trước đây, tôi không phải là người xét xử. Còn nếu sau này có gì xảy ra — tự tôi sẽ xét xử». Chỉ thế thôi. Cho đến tận bây giờ không nhắc lại một lời nào nữa. Chúng tôi sống với nhau đã hai chục năm nay nhưng không một lời.

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na im lặng.

—Thế còn chị thì sao? —An-na thận trọng hỏi.

—Tôi thì sao? Tôi rất hạnh phúc. Tôi không bao giờ, dù là trong ý nghĩ, phản bội lại Ghê-ra-xim của tôi. Và giờ dù có cắt cổ tôi đi, tôi cũng không bao giờ làm điều đó. Tại sao? Tại vì rằng đến giờ tôi vẫn còn nhớ cái thở dài của anh ấy à? Tất nhiên là tôi còn nhớ! Nhưng cái chính là ở chỗ khác. Anh ấy là người tốt. Và khi đó thì tôi thà đâm dao vào tim, còn hơn là nhìn vào mắt anh ấy.

—Nghĩa là chị yêu anh ấy?—An-na lại thận trọng hỏi.
—Vâng, tôi yêu. Nhưng không yêu ngay lúc ấy. Anh ấy không phải là người có gì nổi bật, thấp lùn. Nhưng bây giờ tôi yêu hết lòng.
Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na sửa lại váy, thở dài.
—Không biết Ghê-ra-xim của tôi bây giờ đang ở đâu? Anh ấy đi đánh nhau ngay từ ngày đầu tiên. Đúng là chỉ nửa ngày sau khi chiến tranh bắt đầu, anh ấy bị gọi đi. Còn chúng tôi thì phải sơ tán đến đây, và anh ấy cũng không biết giờ vợ con ở đâu. Chỉ cần sống sót là chúng tôi sẽ lại tìm được nhau. Nhưng nếu anh ấy nằm lại ở một nơi nào đấy, không biết tôi rồi sẽ ra sao... Tôi sẽ không chịu nổi, sẽ chết mất thôi.
Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nói khe khẽ, giọng run run. Trong giọng nói này bao nhiêu là đau khổ, là chân thành, và An-na tin rằng—nếu như Ghê-ra-xim không trở về, thì người đàn bà này quả là sẽ chết mất.
—Chắc chị phải là người tốt lắm, Ma-ri-a ạ.
Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na chăm chú nhìn vào mắt An-na. Và An-na, không hiểu sao, bây giờ mới nhận thấy lần đầu rằng đôi mắt của thím rất hiền, ấm áp, trong đáy sâu có một ngọn lửa huyền bí như đang vẫy gọi đến một nơi nào đó. An-na chợt hiểu vì sao mà Ghê-ra-xim «không có gì nổi bật» đã yêu và đến giờ vẫn yêu người đàn bà này.
—Chị nói thế, tôi thì tốt gì mà tốt,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na bối rối.—Tôi chỉ đơn giản là một người đàn bà thôi. Ghê-ra-xim của tôi mới là người tốt, tôi nói thật đấy. Còn người đầu tiên ấy thì tôi đã quên từ lâu rồi.
Trời đã sáng rõ, mọi người đi ngoài đường ngạc nhiên nhìn hai người đàn bà không còn trẻ nữa đang ngồi sau bờ giậu trên chiếc ghế đặt cạnh tường. An-na dáng nghĩ ngợi, mắt nhìn vào một điểm nào đó xa xôi.
—Chị Ma-ri-a ạ, chị có một điều thật là may mắn: cái con người đầu tiên của chị hiện ngay nguyên hình là một kẻ không ra gì. Chị lúc đó còn trẻ, chưa có con. Còn tôi bây giờ ra sao? Nhưng nói chung... Chị kể tất cả những chuyện này để làm gì? Để giày vò tôi thêm à?
Những lời cuối cùng An-na gần như thét lên một cách thù địch, mặt bà méo xệch dữ tợn, trông xấu xí hẳn đi.

—Nào, nào... —Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na dịu dàng vỗ về. — Đừng thế. Được ích gì? Tôi nói vậy, chị bỏ quá cho. Tự tôi cũng không biết để làm gì nữa... Nhưng chị sống như vậy chịu sao nổi? Đấy, lại khóc rồi. Sao mà đàn bà chúng mình nhiều nước mắt đến thế! Nào, lau đi.

An-na ngoan ngoãn lấy ngón tay lau khô nước mắt trên má.

—Nhưng thực ra, chẳng lẽ tôi phải xin li dị à?

—Ai dám khuyên chị trong những việc như thế này? Tự chị suy nghĩ lấy, An-na ạ, xem như thế nào tốt hơn. Hôm qua tôi nghe Xê-mi-ôn suốt đêm trằn trọc không ngủ. Cậu ta thấy chị bỏ dở chuyến đi thăm ông anh chồng chạy về như thế, nên không ngủ. Mấy đứa nhỏ, An-đrây và Đi-ma, thì còn chưa biết gì, nhưng anh chàng này thì thấy hết. Cũng cần phải nghĩ: bọn trẻ sẽ ra sao, sẽ lớn lên như thế nào khi hàng ngày nhìn thấy cuộc sống như vậy của cha mẹ. Và nếu như li dị thì chúng sẽ ra sao? Ở đây cần phải nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ trước lúc quyết định, làm sao cho các con được lợi hơn cả. Là người mẹ thì phải nghĩ đến con trước hết.

—Vâng, riêng tôi thì bây giờ cũng chẳng thiết gì nữa.

—Hoàn toàn không thiết thì cũng không nên. Chị chưa phải là bà già, hạnh phúc vẫn còn có thể tìm thấy được. Còn có thể sinh nở được.

An-na từ từ ngước mắt lên nhìn rất lâu, chăm chú, vào mặt Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, định hỏi: «Tôi không hiểu chị, Ma-ri-a ạ. Rốt cuộc chị khuyên tôi ra sao?» Nhưng An-na lại hỏi về chuyện khác.

—Chẳng lẽ vẫn còn có thể tìm thấy được ư?

—Cuộc sống đôi lúc thật bất ngờ.

—Không, không tìm thấy được đâu...

—Nhưng nói như vậy để làm gì? Trên đời này cũng có hiếm gì những người tốt...

—Khô-ông, —An-na lắc đầu. —Có thể không hiếm, nhưng họ sẽ không tìm đến tôi... Và... tôi, có lẽ, không có cái quyền như vậy.

—Tại sao?

—Cuộc đời của tôi rồi bòng bong lên rồi. Tan nát cả rồi. Tôi là con một cu-lắc... Còn thằng em ruột của tôi là kẻ trộm, một tên phỉ thật sự, suốt đời ngồi trong tù. Nó vừa mới về đây

ít lâu... Chắc chị cũng có nghe mọi người nói về chuyện Ma-ca Cáp-ta-nốp vừa bị công an bắt?

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na ngẩng đầu lên. Ngọn lửa huyền bí trong đôi mắt nằm giữa những đường nhăn mờ khẽ vụt lóe lên, lung linh, rồi lại cháy đều như cũ.

— Họ tôi lúc con gái là Cáp-ta-nô-va. Nhưng tôi đi du kích, cùng Phê-đô trong thời kỳ nội chiến... Rồi sau đó... sau đó...

Những giọt nước mắt lại trào lên trong đôi mắt sưng mọng của An-na. Bà tựa vào vai của Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na; và cảm thấy biết ơn thím vì mình không bị đẩy ra. Bà vừa nức nở vừa nói ngắt quãng.

— Giá chị biết được lòng tôi như thế nào khi nghe câu chuyện của chị về Ghê-ra-xim! Tôi có lẽ cũng đã gặp một người như thế, như Ghê-ra-xim của chị... Đã gặp, nhưng anh ấy lại đi ngang qua... Vì tự tôi đã đẩy anh ấy đi. Anh ấy cũng tha thứ cho tôi việc tôi bị người ta biến thành đàn bà trước lúc... Không phải Phê-đô đâu, người khác... Điều này tôi không thể nói cho ai nghe được. Không một ai. Trời ơi, tại sao lúc đó tôi lại không chết đi?! Để bây giờ khỏi phải chịu một đau khổ nào nữa.

— Nín đi, bình tĩnh lại, An-na... Chị sao lại thế, trông kìa, mọi người đang nhìn, thôi, ta vào nhà đi, — Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na đứng dậy, nói. — Không thể thì đừng kể. Ở người ta cũng thường có những chuyện cần phải giữ kín cho đến lúc xuống mồ... Thôi, đứng dậy đi.

An-na nặng nề đứng dậy, lấy một góc khăn choàng đầu lau mắt và môi.

— Bỏ quá cho tôi nhé, Ma-ri-a, tôi đã để mình quá yếu đuối, — An-na nói bằng một giọng đột nhiên trở nên bình tĩnh, khô khan. — Tôi sống đau khổ không phải chỉ vì Phê-đô. Mà vì tất cả. Vì tôi là con gái cu-lắc, và em ruột tôi là kẻ trộm... — Bà xách lấy xô nước, rồi bước đi, nhưng đến cửa dừng lại, nói. — Còn người đã tha thứ cho tôi tất cả, người giống Ghê-ra-xim của chị, tôi có thể nói cho chị biết. Đó là I-van, em ruột của Phê-đô.

— I-van à?! Người mới ở tù ra ấy à?! — Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na kinh ngạc kêu lên.

— Anh ấy, — An-na chùi những giọt nước mắt cuối cùng trên má, nói. — Nhưng chị đừng nghĩ rằng anh ấy cũng giống

như thằng em Ma-ca của tôi. Anh ấy giống Ghê-ra-xim của chị. Chỉ có điều tôi hiểu ra điều này quá muộn. Cũng có lẽ vì vậy mà đời anh ấy đắng cay đến thế.

* * *

Đến gần mười hai giờ Phê-đô mới đến được trại tạm trú của đội gặt, vì ở kho thóc thị trấn mãi không có ô-tô đi cùng đường. Đói, mệt, và có lẽ vì thế mà ông càng thêm cáu kỉnh. Ông đứng nhìn cỗ máy gặt đập liên hợp nằm bất động đằng xa, giữa cánh đồng vắng, bên cạnh nó là chiếc máy kéo màu đen thẫm của I-nhi-u-chin, rồi co chân đá mạnh mở cánh cửa của toa xe lưu động.

—Ngủ đấy à?!—Ông bước vào quát ầm lên, giận dữ hất tung một chiếc xô đựng gì đó nằm vướng dưới chân.—Nào, dậy ngay! Ki-ri-an đâu rồi? Có gì ăn được không? Nhanh lên!

Đến lúc đó ông mới nhận thấy những tấm phản, nơi Ki-ri-an và mấy người giúp việc vẫn nằm ngủ thường ngày, trống không.

—Lại còn tiết mục gì thế này nữa? Này, có ai ở đây không đấy?

Từ phía sau tấm màn che, chị cấp dưỡng Tô-nhi-a bước ra. Đó là một phụ nữ đẫy đà, người sệ ra trước tuổi, được mọi người đặt cho tên «Tô-nhi-a-đừng mò vào» vì chị ta luôn luôn dửng dưng trước những lời nói đùa tục tĩu của bọn đàn ông, không thèm để ý đến những lời bóng gió trắng trợn của họ, dùng trục lăn đưa tiễn tất cả những ai dù đùa hay dù với một hy vọng nào đó tìm cách mò vào sau tấm màn che của chị.

—Gì mà anh làm ầm lên thế?—chị hỏi.—Có bánh mì và sữa đấy. Lấy thêm miếng mỡ kia kìa. Thức ăn nóng không còn gì đâu. Không có ai cả, tôi không nấu.

—Sao lại không có ai? Ki-ri-an đâu? Ở ngoài máy kéo à?

—Về San-ta-ra rồi. Chắc là về nhà. Ngay từ tối hôm qua, liền khi anh vừa đi.—Tô-nhi-a uể oải nói.

—Sao lại về San-ta-ra? Sao lại về nhà?

—Thế đấy. Anh ta nhổ một bãi nước bọt và bỏ về.

—Thế là thế nào?—Phê-đô không kìm được mình nữa, hét lên hỏi.

— Thế nào, thế nào... «Tôi không muốn làm việc với Phê-đô một phút nào nữa !» Anh ta văng tục, rồi bỏ đi. Sao mà những người chửi tục không đứt cuống họng hết đi...

Rồi chị ta ngáp một cái, bỏ vào sau tấm màn che. Vừa leo lên chiếc phản kêu cót két, chị ta vừa tiếp tục nói:

— Ki-ri-an còn nói: cứ để cho Phê-đô xin ở trạm máy kéo một thợ máy khác. Cả những người giúp việc cũng đi — họ nói đi tắm ở trong làng. Tôi còn lại một mình với chó sói. Hình như lũ khốn kiếp đó cũng đánh hơi thấy tôi còn lại một mình không có đàn ông, nên mò đến tận toa. Anh đến gặp Na-da-rốp, bảo ông ta nếu đến tối mà không có ai ra, tôi cũng về làng. Ở một mình sợ lắm.

Không nghe hết lời chị cấp dưỡng, quên cả đói, Phê-đô nhảy xuống toa xe và rảo bước về phía làng Mi-khai-lốp-ca.

Gặp chủ tịch nông trang cạnh kho thóc, Phê-đô hét ầm lên.

— Cái trò gì thế này hả?! Ông chủ tịch, mắt ông để đâu? Ki-ri-an làm bậy cho tôi cái gì thế này?

— Làm sao mà tôi biết được Ki-ri-an làm bậy cho anh cái gì? — Na-da-rốp khẽ nói, làm dịu bớt cơn bực tức của Phê-đô. — Gì mà anh làm ầm lên với tôi thế? Anh và Ki-ri-an không dưới dưới quyền tôi, mà thuộc quyền của trạm máy kéo.

Đến giờ Phê-đô mới chợt nhớ ra rằng Na-da-rốp quả là không có quan hệ gì trong việc này, và hơi dịu đi.

Một đám dăm người đàn ông và phụ nữ đứng cạnh kho, tay cầm liềm và cào. Một chiếc xe ngựa đi đến; ông già coi kho mang ra nửa bao bột mì, hai chiếc bánh nướng to tướng vừa lấy từ trong lò ra, xếp tất cả vào xe.

— Thôi đi đi, — Na-da-rốp nói. — Qua ruộng khoai tây, các anh cần bao nhiêu cứ lấy cho đủ, nhưng gốc nhớ lấp lại như cũ. Thịt thì hôm nay còn có một ít ở chỗ Tô-nhi-a, ngày mai tôi sẽ cho mang đến thêm...

— Thế các anh định đi gặt đám lúa ấy à? — Cuối cùng, Phê-đô cũng đã đoán ra.

— Thế anh ra lệnh phải chờ đến khi các anh cùng với Ki-ri-an thôi làm xiếc chắc?! Để lúa lấp dưới tuyết à?

— Nhưng tôi đi là đã được sự đồng ý của anh kia mà. Mà cũng chỉ có một đêm.

— Còn Ki-ri-an thì không cần tôi đồng ý. Lại cả ngày. Còn trời, anh xem đấy, đã nặng trĩu xuống rồi.

Phê-đô nhổ một bãi nước miếng và chạy đến văn phòng. Ở đó, vừa thở hổn hển, ông vừa quay số điện thoại như điên.

— A-lô, tổng đài đâu? Cho tôi trạm máy kéo! Cho tôi giám đốc, nhanh lên...

Như trêu ngươi, cả giám đốc, cả kỹ sư trưởng đều không có mặt ở trạm. Những nhân viên khác thì không thể nói được một điều gì rõ ràng về chuyện I-nhi-u-chin. Họ chỉ cho biết rằng chưa thấy I-nhi-u-chin về trạm máy kéo.

Chạy vụt ra khỏi văn phòng như một viên đạn, Phê-đô trong cơn cáu giận bất lực đứng giậm chân cạnh thềm nhà. Giá như I-nhi-u-chin, nhờ có phép lạ, lúc ấy có mặt ở đó, hẳn sau đấy anh ta phải rịt thuốc rất lâu vào nhiều chỗ trên người mình.

Chửi rủa một lúc, Phê-đô chạy ra phía sau làng, đến sân đập lúa gần nhất. Ở đó người ta nói với ông rằng mấy chiếc xe chở lúa vừa mới về kho thị trấn một giờ trước đây, họ khuyên ông nên thử ghé đến kho đội hai xem — ở đó người ta cũng đang chở thóc về San-ta-ra. Nhưng chạy đến đội hai cũng chỉ tổ mất công thêm. Rít lên qua kẽ răng, Phê-đô bước vội ra con đường lớn. Gần một tiếng đồng hồ, ông đi bộ trên con đường vắng vẻ về thị trấn. Chỉ khi đến gần dãy Dve-nhi-gô-ra, mới có một chiếc xe ngựa đuổi kịp ông.

Phê-đô đến San-ta-ra lúc mặt trời suốt ngày bị mây che bỗng bất ngờ hiện ra và đang khuất dần xuống núi. Đến đây Phê-đô lại không gặp may: ông già đánh xe cho ngựa rẽ đến ngôi nhà đầu làng và gò dây cương đứng lại, còn trụ sở của trạm máy kéo lại ở cuối làng.

Mặt trời đã lặn, đường phố chìm dần vào bóng tối màu xanh tím.

«Đi đâu bây giờ — đến trạm máy kéo, đến huyện ủy hay đến ủy ban huyện? — Phê-đô rảo bước trên con đường nhỏ, sốt ruột nghĩ. — Chắc có lẽ hết giờ, mọi người về cả rồi. Mà họ sẽ giải quyết được gì? Không, đầu tiên phải đến gặp Ki-ri-an, hỏi tại sao hắn, cái thằng lười chảy thây này, lại bày trò ra như vậy... Không hiểu sao mấy tuần nay mặt hắn cứ quàu quạu như con gà tây, ra vẻ nghĩ ngợi một điều gì... Đấy, nghĩ ra trò như vậy đấy...»

Khi Phê-đô đi ngang qua nhà mình xộc vào vườn nhà I-nhi-u-chin, đây đó những ngọn lửa vàng vọt đã bắt đầu thấp thoáng. Ông nhảy lên thềm, nặng nề đi qua gian nhà ngoài tối và đẩy cửa vào phòng ăn.

Ki-ri-an I-nhi-u-chin đang ngồi sau chiếc bàn không, mặc áo lót, quần dài giặt sạch, nhưng chân đi đất. Tay anh cầm chiếc thìa gỗ vạch lên mặt bàn bằng gỗ sơn. An-phi-xa đứng cạnh lò sưởi, hai tay khoanh trước ngực. Cặp mắt đen xinh đẹp nhìn đăm chiêu, trên khuôn mặt nhợt nhạt in vết một sự nghiêm nghị mà trước đây chưa từng thấy ở chị, thậm chí cả một sự lo lắng, sợ hãi. Hình như họ đang nói về một điều gì rất quan trọng đối với cả hai người, họ nói đã lâu và chắc sẽ còn nói rất lâu nữa, nếu như không bị Phê-đô cắt ngang.

Tất cả những điều này Phê-đô thấy bằng mắt và hiểu bằng óc chỉ trong một giây và cũng trong giây đó ông còn nhận thấy rằng sự xuất hiện của ông làm cho An-phi-xa sợ hãi: chị hơi lùi lại phía tường, liếc nhìn nhanh qua phải, rồi qua trái, như đang tìm đường để chạy trốn, biến mất. Nhưng không thể biến đi đâu được; đôi lông mày của An-phi-xa gãy khúc lại, má trở nên tái nhợt. Còn Ki-ri-an chỉ ngừng tay vạch thìa gỗ lên bàn.

—Thế-ế... đấ-ấy...—Phê-đô thốt lên, đứng ở cửa, nặng nề thở ra.

I-nhi-u-chin vứt thìa xuống bàn.

—Anh đến hơi sớm đấy, Phê-đô ạ. Tôi hãy còn chưa đi nằm.

—Ki-ri-an?!—An-phi-xa khẩn khoản thốt lên và gập gối quỳ xuống trước mặt chồng, ôm lấy chân anh... Không nghe thấy tiếng, nhưng chắc An-phi-xa đang khóc vì rằng lưng và vai chị run lên từng đợt. Mái tóc dài sổ xuống che kín cả đôi chân trần của Ki-ri-an. I-nhi-u-chin đặt tay lên vai vợ, khẽ xoa nhẹ.

—Đủ rồi. Đứng dậy. Đừng thế.

Tất cả những điều này—cả hành động của An-phi-xa, cả cử chỉ của Ki-ri-an, cả lời nói và sự dịu dàng trong giọng nói của anh—đối với Phê-đô đều lạ lùng, thậm chí làm cho ông sửng sốt, lo ngại.

An-phi-xa đứng dậy, vén lại tóc, mặt hơi ngoảnh đi tránh nhìn cả Phê-đô lẫn chồng.

—Cậu làm cái trò gì thế, hả?—Phê-đô hỏi, giọng khàn

khàn. — Tại sao cậu... bỏ máy kéo lại mà về?! Tuyết xuống thì sao? Cậu không hiểu bây giờ đang chiến tranh à? Nói nghe xem nào!

— Nói cho anh nghe thì dài lắm, — Ki-ri-an không vội vã lên tiếng. — Mà tôi cũng không nói được. Không tìm ra từ. Còn bây giờ anh đi khỏi đây đi.

— Không muốn làm việc với tôi thì thôi — không cần. Cứ đi mà tìm người khác, biết đâu kiếm được lắm tiền hơn. Nhưng có thể đợi thêm vài ba ngày chứ? Năm sau thì cứ việc tìm người khác. Còn tự động bỏ việc thì phải hỏi tội.

— Hỏi tội à? Thế lỡ anh không hỏi được thì sao?

— Khoan đã, khoan đã... — Phê-đô ngọ nguậy bộ ria trong không khí. — Đáng ra tớ phải đoán ngay là cậu lại mò đến phòng quân vụ... Thế nào, được rồi chứ? Ghi tên tình nguyện à?

— Cũng muốn vậy, nhưng không có giấy. Bảo phải chờ.

Phê-đô bĩu môi khinh bỉ.

— Tình nguyện... chỉ là trò cười... Thế khi đang chờ tìm giấy, hãy đi mà gặt cho xong mảnh ruộng còn lại. Sớm mai tớ sẽ gõ cửa sổ, phải sẵn sàng đấy. Trời sáng là có mặt ở đây rồi. Còn bây giờ tớ đi nằm một tí, từ chiều qua đến giờ chưa ngủ.

— Từ giờ đến sáng thì ai biết còn chuyện gì sẽ xảy ra, — Ki-ri-an trả lời một cách khó hiểu, mập mờ. Và anh cười khẩy, tiếp: — Nếu anh muốn thì gõ. Bây giờ, tôi bảo, anh đến hơi sớm, nhưng sáng mai sẽ vừa. An-phi-xa sẽ mở cửa...

Và thấy An-phi-xa vội vã quay người lại muốn nói một điều gì đó, Ki-ri-an liền vỗ tay xuống bàn.

— Nào!

Phê-đô cố gắng đoán xem Ki-ri-an nói gì, nhưng không đoán nổi.

Vê-ra chạy xô vào phòng, lấy vai ẩy Phê-đô sang một bên.

— Ở nhà ga cũng không thấy đâu cả, tìm hết mọi ngóc ngách rồi. Có lẽ nó đã kịp đi theo một đoàn tàu nào đó, — cô nói nhanh, tay gỡ khăn choàng trên đầu xuống. Rồi cô áp tay lên đôi má ửng hồng vì lạnh và im lặng.

— Cái gì mà cuống lên thế? — Phê-đô, tay đã cầm lấy then cửa, tò mò hỏi. — Ai đi đâu?

— Thế bác không biết à? — Vê-ra vung hai tay lên. — Thằng An-đrây nhà bác trốn ra mặt trận rồi!

—Ai?—Phê-đô bước một bước đến bên Vê-ra.—Cô nói gì thế? Trốn là thế nào?

Và không đợi được trả lời, ông lao ra cửa.

* * *

Trong nhà I-nhi-u-chin, mọi người im lặng một lúc lâu. Rồi An-phi-xa lấy tấm chắn cửa lò xuống, bắt đầu dọn bữa tối ra bàn.

Họ im lặng ngồi ăn.

—Nhi-cô-lai đâu rồi?—I-nhi-u-chin hỏi Vê-ra.

—Còn ở ngoài ga. Đang tìm. Cả Đi-ma, cả Xê-mi-ôn nữa. Mọi người bảo có thể nó còn trốn đâu đó. Ở ngoài đấy hàng nhà máy chất đống như núi.

Một lúc sau Ki-ri-an lại hỏi con gái:

—Thế nào, mày quyết định dứt khoát là lấy cái lão A-lây-nhi-cốp này đấy à?

Thìa xúp trong tay Vê-ra đổ ra cả bàn, nhưng cô không để lộ thêm tâm trạng của mình.

—Để rồi còn xem đã,—cô nhìn vào đĩa, đáp.

An-phi-xa nhìn con gái, nhưng không nói gì.

—Thế còn Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép? Đá sang bên à?

—Bố lạ nhỉ... Con đã bảo là để xem đã mà.

—Thế nghĩa là mày với lão I-a-cốp còn chưa đi đến đâu cả à?

—Còn đi đến đâu được? Ông ta đến huyện ủy chỉ im lặng đứng nhìn con...

—Mày nói láo. Mẹ mày bảo ông ta thường xuyên tiễn mày về sau giờ làm.

—Đâu mà thường xuyên? Hình như chỉ hai lần tất cả. Dọc đường đi—im lặng. Đưa đến cổng—im lặng. Chia tay nói được một tiếng: «Chào cô!»—rồi đi thẳng.

—Thế Xê-mi-ôn có biết không?

—Thằng Nhi-cô-lai đã kể hết với anh ấy rồi.

—Thế hắn bảo sao?

—Chẳng nói gì cả. Im lặng. Con cũng đã lâu không gặp anh ấy. Từ sáng đến tối, anh ấy chở hàng từ ga về nhà máy...

—Thế đấy...—Ki-ri-an đặt thìa xuống, gạt chiếc đĩa sang

một bên. — Tao cũng không biết là mày ra sao nữa, Vê-ra ạ. Hoặc là một đồ vô lại hạng nhất, hoặc là một thứ gì đó còn xấu xa hơn.

— Đã bao nhiêu lần con nghe bố nói về điều này rồi, — Vê-ra cười nhạt. — Chán ngấy lên rồi. Con chưa phải là đồ gì cả.

Và cô đứng dậy khỏi bàn, lấy áo bành-tô khoác lên vai, bỏ đi.

Xong bữa ăn, An-phi-xa im lặng thu dọn bàn. Ki-ri-an ngồi hút thuốc trên chiếc ghế con đặt cạnh cửa. Rồi anh đứng dậy đi ủng, mặc áo sơ-mi, áo vét-tông, và cuối cùng là chiếc áo khoác ngoài đã cũ. Anh chuẩn bị như để đi làm. Chỉ có chiếc quần anh mặc không phải là quần lao động, mà là chiếc quần diện ngày lễ.

— Đưa chiếc túi đây, — anh bảo An-phi-xa.

An-phi-xa lấy dưới gậm giường ra một chiếc túi đựng đồ. Nhưng chị không trao cho anh, mà để rơi túi xuống sàn nhà, và ngã gục đầu vào ngực chồng.

— Ki-ri-an! Anh nghĩ lại đi! Mọi việc rồi sẽ tốt đẹp mà, sẽ khác...

— Tôi không tin, — Ki-ri-an cộc lốc nói.

— Thật mà, thật mà... Ki-ri-an! — Ngước khuôn mặt ướt đẫm, An-phi-xa van lơn nhìn vào mắt chồng.

— Mà việc cũng không phải là ở đấy... Nói chung, tôi không còn thể... Tôi thấy tôi thiếu một cái gì đó trong bản thân tôi... Nhưng là cái gì — tôi không biết. Tôi sẽ đi tìm. Còn cô cứ sống như cô muốn. Con đã lớn rồi... Sau chiến tranh, nếu còn sống, tôi sẽ trở lại đây thăm. Thăm cô và nói chung... Còn ra sao lúc đó hẵng hay... Còn cô, tôi tha thứ cho cô hết.

— Anh nghĩ lại đi, anh đang định làm gì đấy? Trốn ra trận như một thằng con nít nào đó, như thằng An-đrây?! Nhưng nó còn bé, chưa biết nghĩ. Còn anh, họ sẽ cười chết! Đời nào lại có chuyện một người đã đứng tuổi lại trốn ra trận bao giờ? — An-phi-xa hấp tấp, lộn xộn, nói.

— Không sao, cứ mặc cho họ cười.

— Nhưng em nghe nói bây giờ đi tàu không dễ đâu. Đến ga đầu tiên anh sẽ bị bắt xuống ngay.

— Thì cứ để xem đã... Tôi sẽ chẳng lên ga ở ta đâu. Tôi sẽ đi đến một ga xép, bám vào một toa hàng nào đó... Hoặc là tìm

một cách nào khác... An-đrây làm hỏng việc của tôi, bây giờ khắp nơi người ta đang đi kiểm tra tàu. Nói chung, để xem.

— Ki-ri-an, anh yêu! Thì anh cứ ở nhà, rồi người ta sẽ gọi đi...

— Thôi, đủ rồi, — Ki-ri-an đã bắt đầu nổi cáu, đẩy vợ ra, nói. — Bây giờ tôi không cần sự trung thành của cô, cũng không cần gì của cô cả, chỉ trừ một điều... Cô không được nói, cả hôm nay, cả ngày mai, cả một tuần sau, là tôi đi đâu, ở đâu. Tôi chỉ yêu cầu cô có vậy... Và để cho mọi người ở đây khỏi nghĩ rằng tôi trốn không ra trận, sau này tôi sẽ viết về cho cô... nếu như đến nơi được... Để người ta khỏi quấy rầy cô. Thế thôi!

Ki-ri-an nhấc túi lên, đi ra cửa. An-phi-xa càng kêu to hơn, nức nở túm chặt lấy chồng. Anh cố gỡ, xô vợ ra, nhưng không được. Gần như kéo vợ xềnh xệch theo, anh bước ra cửa ngoài. Ở đây anh gỡ được vợ ra một thoáng, nhảy vội xuống sân, đóng sập cửa và kéo chốt khóa trái lại.

— Ki-ri-an! — tiếng An-phi-xa từ trong cửa vọng ra. Chị cố kéo cánh cửa vào trong để mở ra.

«Vê-ra đi hò hẹn về sẽ mở... Hoặc Nhi-cô-lai cũng sắp về...» — Ki-ri-an nghĩ bụng và bước ra khỏi sân.

* * *

Nhảy hai bước, Phê-đô đã về đến nhà mình, xô tung cửa.

— Sao?

An-na chân đi ủng lao động, mặc chiếc áo bông cáu bẩn đang quay tròn trong phòng như hóa điên. Gan-na, tay cầm cốc nước đi theo sau, nhắc đi nhắc lại:

— Cô An-na, cô An-na ơi! Cô uống nước rồi nằm nghỉ đi. Sẽ tìm thấy thôi, chạy đi đâu được, cô An-na này...

An-na dừng lại, nhìn chồng bằng đôi mắt đờ đẫn. Rồi bà từ từ đưa tay lên mặt và khuỵu xuống sàn. Nếu như Phê-đô không kịp đỡ, chắc bà đã ngã xuống đất. Ông đặt vợ nằm xuống giường.

— Cô An-na, cô uống đi, — Gan-na lại chìa cốc nước ra.

An-na cầm lấy cốc nước uống cạn.

— Việc xảy ra như thế nào? — Phê-đô hỏi.

Việc xảy ra như thế nào — không ai biết. Buổi sáng như thường lệ, An-đrây cầm chiếc xắc đã sờn cũ của mình đi đến

trường. An-na đang làm việc ở nhà máy theo chế độ lao động nghĩa vụ. Một giờ chiều, bà về nhà ăn trưa và lo cho mấy đứa nhỏ ăn uống. Nhưng cả An-đrây, cả Đi-ma đều không có nhà. Đi-ma đang học lớp bảy, đôi khi về nhà rất muộn, nhưng An-đrây thì đáng lẽ phải về rồi... «Hôm nay sao nó lại thế nhỉ?» — An-na nghĩ bụng và bắt đầu dọn bàn, tin rằng cả hai sẽ về ngay bây giờ. Đợi một lát nữa, bà ra sân nhìn dọc theo đường — các con trai đã về chưa? Và quả nhiên, từ cuối đường, hình như Đi-ma đang chạy đến. «Thế thằng quỷ kia đâu?».

An-na chợt nhận thấy một cuốn sách thòi ra dưới bậc thềm gỗ. Bà cúi xuống kéo ra. Đó là cuốn số học của An-đrây. An-na thò tay xuống dưới bậc thềm và kéo ra thêm mấy cuốn sách giáo khoa và vở ghi chép của đứa con trai út. «Lại cái gì thế này nữa?» — Bà nghĩ, lặng người đi vì một linh cảm không lành, tay vẫn giở đi giở lại mấy quyển sách và vở. Bà chợt nghe tiếng kêu của Đi-ma đang chạy đến.

— Mẹ ơi, mẹ! Thằng An-đrây... Đây, — cậu chìa ra một mẩu giấy.

— Cái gì? Cái gì thế?

Trên giấy, những nét chữ nguệch ngoạc của An-đrây viết:

«Đi-ma, anh bảo với Nhi-cô-lai là anh ấy ngốc lắm. Đến phòng quân vụ để làm gì? Cứ làm như em đây này. Anh nói với mẹ rằng em ra mặt trận đây, để mẹ đừng lo. Nhưng sau ba ngày hãy nói. Em hy vọng là anh không nói ngay, được chứ? Em của anh. An-đrây».

— Cái gì, cái gì thế này? — An-na vẫn chưa hiểu, hỏi.

— Cái gì nữa? Nó trốn ra trận rồi! Nó chỉ sợ hôm nay con sẽ nói với mẹ nên đút giấy vào quyển vật lý. Mà hôm nay vật lý là giờ cuối. Khôn thật. Con nói với cô giáo, cô bảo: «Em chạy nhanh về nói với nhà đi...»

Đến giờ An-na mới hiểu được ý nghĩa mẩu giấy của An-đrây.

— Ôi, cái đồ quỷ rỗng đầu! — Bà tái mặt, kêu to. — Nó chết mất, chết đói mất... Làm sao bây giờ, Đi-ma? Cần phải chạy ra ga ngay, biết đâu nó còn ở đấy. Thế Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn có biết không?

— Chưa chắc... Làm sao anh ấy biết được?

— Đi-ma, con chạy ngay ra ga, gặp Xê-mi-ôn, nói với anh

ấy... Còn mẹ đến báo công an... Khoan, khoan đã nào! — Thấy Đi-ma chạy liền đi, chị gọi lại. — Con đang đói, cầm lấy miếng bánh mì...

Đi-ma nhảy vào nhà, vơ mấy lát bánh mì trên bàn và phóng như một mũi tên ra ga.

Ở đồn công an, An-na chưa kịp nói lời nào.

— Chúng tôi biết rồi. Ở trường gọi điện đến. Đã thi hành các biện pháp, đã báo cho Cục công an đường sắt biết. Chị đừng lo, chúng tôi sẽ tìm thấy. Con người chứ có phải... phải...

Từ đồn công an, An-na chạy vội ra ga.

Phần ngày còn lại, An-na, Xê-mi-ôn, Đi-ma và Nhi-cô-lai cùng Vê-ra I-nhi-u-chi-na không biết từ đâu tới, với cả cô bé Gan-na chân dài đi lục lọi mọi ngóc ngách của nhà ga, kiểm tra tất cả các toa của những đoàn tàu sắp rời ga, đi lại quanh quẩn giữa những đống gạch, sắt, gỗ... Nhưng vô ích, không thấy tăm tích của An-đrây đâu cả.

— Mất rồi, thằng bé đi mất rồi! — An-na như người mất hồn, thì thầm. — Lớ ngớ ở đâu lại bị đánh cho... hay rơi vào dưới bánh tàu...

— Mẹ đi về nhà đi, — khi trời bắt đầu tối, Xê-mi-ôn nói. — Sẽ tìm thấy thôi, nó chẳng mất đi đâu đâu. Vê-ra, Gan-na, đưa mẹ về đi.

Nhưng phải để đến lúc trời tối mịt, An-na mới chịu về nhà.

— Con với Đi-ma cứ tìm đi nhé. Biết đâu nó còn trốn ở đâu đây, — chị bảo Xê-mi-ôn.

— Vâng, tất nhiên. Chúng con sẽ tìm ra, mẹ ạ...

Tất cả những điều này Phê-đô nghe An-na và Gan-na kể lại một cách lộn xộn. Ông đứng nghe, không cởi áo ngoài. An-na ngồi trên giường, vừa kể vừa khóc.

— Nhỏ nước mắt thế đủ rồi. — Phê-đô cởi áo bông, nói: — Có gì ăn được, đưa ra đây. Từ buổi làm khách hôm qua đến nay chưa có tí gì vào miệng. Họ tìm thì sẽ thấy, có phải cái kim đâu. Bây giờ tôi đến công an xem họ tìm kiếm ra sao...

Và trong lúc đợi vợ dọn mâm, ông đặt khuỷu tay lên bàn, rồi gục mái đầu nặng trịch vào lòng bàn tay.

Ăn tối xong, Phê-đô đi đến đồn công an. Trở về, ông im lặng bắt đầu cởi giày và áo quần, chân không rón rén đi trên sàn gỗ

sơn của nhà bếp, nơi An-na đang nằm ngủ, nằm xuống giường, quay mặt vào tường.

—Ngoài đó họ bảo sao?—An-na không nhịn được, lên tiếng hỏi.—Có tin gì về An-đrây không?

—Chưa có tin gì cả. Ngủ đi.

Một phút sau, ông nằm ngửa ra, nói:

—A-nhi-cây Ê-li-da-rốp bảo sắp tới sẽ xử thằng em của cô, thằng Ma-ca. Chính hắn đã... xoáy chiếc xe hàng. Còn ai vào đấy nữa? Hắn và thằng Gvô-dơ-đi-ép nào đó. Thằng Gvô-dơ-đi-ép là thằng nào, tôi không còn nhớ nữa. Và thằng Vi-chi-a Ca-sca-rốp giúp chúng. Chuyên gia ăn trộm, lại lừa cả trẻ con. Giờ đâu phải thời bình nữa, tha hồ Ma-ca ăn vạc dầu...

Phê-đô ngáp, rồi im bặt. Nửa phút sau, ông đã thở đều đều.

An-na liếc sang chồng với một sự căm ghét. Bà có cảm tưởng như miệng của Phê-đô vẫn đang mở ra để ngáp, trên mặt ông, một hố đen rộng đang há hốc...

* * *

Mùa hè năm 1910, vào một ngày tháng Sáu nóng nực, Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép từ trại của Cáp-ta-nốp về, ném chiếc roi ngựa vào góc nhà, ngồi xuống cạnh bàn và hai tay ôm lấy đầu.

—Lạy Đức mẹ đồng trinh, người cứu tinh...—U-xchi-nhi-a làm dấu thánh.

—Phê-đô đâu?

—Đang tưới rau. Ông làm sao thế?

—Làm sao, vứt mẹ cái đời chúng ta xuống vực Grô-mô-tu-kha cho rồi! Lão Cáp-ta-nốp đòi cho thằng Phê-đô vào coi trại cho hắn...

—Lạy Chúa tôi!—U-xchi-nhi-a ngồi phịch xuống ghế.—Chúng làm hỏng thằng bé mất. Mới mười lăm tuổi...

—Thôi! Hoặc làm hỏng, hoặc chết đói... Chọn trong hai lấy một...

Những năm gần đây, nhà Xa-vê-li-ép bị chèn ép, trói buộc càng ngày càng chặt hơn. Tất cả bắt đầu từ khi Đê-mi-an I-nhi-u-chin về làng. Mấy ngày liền hắn ăn uống túy lúy, rồi cưa một khúc gỗ hoàn diệp liễu ra làm hai, nhắc từng khúc một trên tay, đem cân thử. Một khúc hắn vứt đi, khúc kia đem bào nhọn một

đầu, phần trên đục một lỗ rộng, lấy dây da có khóa móc luồn qua.

—Thế là chân đã xong, —hắn nói với Xi-lan-chi lúc đó đi qua ghé vào thăm. —Gỗ hoàn diệp liễu nhẹ lắm. Có gỗ gì nhẹ hơn không hả?

—Ai biết được. Tôi có thử bao giờ đâu, chẳng là không cần mà.

—Anh thì cần vào nhà tù mà ngồi, —Đê-mi-an nói, đôi môi trắng nhợt, bong cả da vì uống quá nhiều rượu, méo xệch lại.

—Anh nói gì vậy?! Có thể thằng bé vì dại dột...

Những sự thay đổi của con người đôi lúc thật kỳ lạ. Trước chiến tranh, Đê-mi-an là một người nhút nhát, khiếp nhược và nghèo xơ xác, chẳng khác gì Xi-lan-chi. Thời trẻ họ cùng nhau chạy theo tán tỉnh lũ con gái, cùng nhau còng lưng trên những vạt đất cày nhà Cáp-ta-nốp. Nhưng từ chiến tranh trở về với một huân chương Ghê-oóc-ghi, hắn đã trở thành một con người khác. Ngay lập tức từ ngày đầu hắn đã xử sự như xem mình cao hơn Xi-lan-chi, cao hơn những người khác một cái đầu.

Thực ra, cả Xi-lan-chi, hoặc bất cứ một người nào khác, đều chưa biết, đều chưa đoán ra những sức mạnh nào, những khát vọng nào lâu nay ấp ủ trong con người này khi hắn được nhận huân chương Ghê-oóc-ghi, những dự định kế hoạch nào hắn nghiền ngẫm khi đang nằm trong quân y viện, trên chiếc giường bệnh thô cứng.

—Lạy Chúa, cầu người giữ cho con cái chân! —hắn rít lên trong cơn đau đớn. —Bây giờ con là người được thưởng huân chương duy nhất của cả làng. Không còn chân thì con biết làm sao?

Khi cuối cùng rồi cũng phải cưa chân đến ngang đầu gối, hắn khóc vì đau buồn thất vọng chán rồi căm ghét, nguyền rủa cả thế giới, hắn thầm nhắc đi nhắc lại:

«Được rồi, cứ đợi đấy... Cứ đợi đấy... Cứ đợi đấy...»

«Đợi đấy» —nghĩa là thế nào —chính hắn đến lúc ấy cũng chưa biết. Nhưng hắn cảm thấy không thể để cho mọi người, để cho cuộc đời làm nhục mình thêm nữa.

Đẽo xong chân giả bằng gỗ, ngày hôm sau Đê-mi-an lấy

nỉ lau bóng chiếc mề-đay thánh giá, mặc áo sơ-mi mới và đi đến nhà Cáp-ta-nốp.

—A-a, chào dũng sĩ...—Cáp-ta-nốp kéo dài giọng. Mặt đỏ gay, hắn đang thổi đĩa thức ăn nóng.—Ngồi xuống đây uống chè, nào xin mời...

Đê-mi-an ném chiếc mũ lưỡi trai vào góc nhà, làm dấu trước tượng thánh. Vợ của Cáp-ta-nốp, một người đàn bà da vàng vọt, gầy còm, tóc lưa thưa, rót cho hắn cốc chè đặc. «Ấy, vẫn gầy còm như thế,—Đê-mi-an nghĩ thầm.—Hay là mụ ta bị bệnh gì?»

Hắn uống cạn cốc nước, đẩy cốc sang một bên, tỏ ý nói rằng hắn đến không phải để uống nước, mà có một việc quan trọng.

Cáp-ta-nốp người to béo, đẫy đà, đôi má rỗ lỗ chỗ. Chiếc mũi to tướng đầy những đường gân màu hồng, mắt cũng vậy, chòm râu quai nón rậm đã có vài sợi bạc.

Lấy khăn lau miệng, Cáp-ta-nốp giễu cợt hỏi:

—Thế nào, ngài dũng sĩ, đến tìm việc à?

—Vâng, đúng thế ạ, Mi-khai-in Lu-kích. Đến xin phục vụ.

—Với một chân thì anh làm được trò gì?—Cáp-ta-nốp đưa tay gãi bộ ngực đầy lông lá.

—Đúng thế ạ, Mi-khai-in Lu-kích. Tôi giờ không thể làm việc được bằng chân tay, nhưng có thể phục vụ được.

Vợ của Cáp-ta-nốp làm dấu thánh và lặng lẽ, như một con chuột, luồn vào sau cửa.

—Thôi được, Đê-mi-an ạ. Vì anh là dũng sĩ, tôi cho anh một việc nhẹ. Anh sẽ đến ở trong trại của tôi ở mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki. Tôi, chắc anh còn nhớ đấy, là người thích chơi bời, thích đưa đàn bà đến đó.

—Tất nhiên, tất nhiên, ông là người rất phóng đãng. Ai cũng biết, Mi-khai-in Lu-kích...

—Thế đấy... Anh sẽ ở đó, trông coi trại cho chu đáo, nấu rượu trữ đấy. Để khi có món nào là tất cả phải sẵn sàng. Tôi sẽ nuôi một đôi ngựa ở đó để đề phòng lúc cần đến, anh sẽ phải trông chúng. Nói chung, anh sẽ là người trông trại...

Và Cáp-ta-nốp phá ra cười sằng sặc, nước mắt trào ra trong đôi mắt đầy những vằn đỏ. Cười chán, hắn nói thêm:

—Anh là người tiện nhất cho việc này. Khi nào tôi uống

quá say rồi, các cô nương của tôi chắc cũng sẽ chẳng thèm nhìn đến anh...

Nhưng Đê-mi-an vẫn giữ vẻ nghiêm nghị, thậm chí còn nhìn Cáp-ta-nốp với vẻ trách móc.

—Ông làm nhục người được thưởng huân chương, thôi thì Chúa tha cho ông, Mi-kha-in Lu-kích. Nhưng trong việc nào tôi có ích cho ông nhất, chính ông cũng còn chưa biết đấy.

Trong giọng và lời nói của người cố nông trước đây có một cái gì đó khác thường. Cáp-ta-nốp nheo mắt, chăm chú nhìn I-nhi-u-chin.

—Anh giải thích rõ xem nào.

—Cái lợi nhất cho ông là ông để tôi làm người trông nom chính cho toàn bộ cơ ngơi của ông.

Những lời trên bất ngờ đến nỗi Cáp-ta-nốp ngồi đờ người ra.

—Tất nhiên là trừ việc buôn bán, —Đê-mi-an tiếp. —Việc buôn bán thì tự ông trông coi lấy.

—Mày, thằng ngốc, nói lầm nhầm gì vậy? Trông nom chính là thế nào?

—Như người quản lý chẳng hạn. Theo cách của các nhà giàu.

—Thế mày có đủ óc không đấy?

—Không sao, việc nhà nông thôi mà.

—Ha-ha-ha... —Cáp-ta-nốp đi vòng quanh người Đê-mi-an nhìn hắn như thể lần đầu tiên trông thấy một con thú lạ. —Thế... mày sẽ định ăn cắp có nhiều không đấy?

—Nếu nói thẳng ra, thì không thể thiếu cái chuyện ấy được, —Đê-mi-an nhìn thẳng vào mắt Cáp-ta-nốp, nói: —Thằng ngốc mới không làm lợi cho mình. Mà tôi là người. Nhưng chỉ có điều tôi ăn cắp một xu thì sẽ làm lãi cho ông một đồng.

Cáp-ta-nốp trợn mắt nhìn Đê-mi-an trân trân.

— Sau chiến tranh về mày là người kể cũng thú vị đấy. Nhưng tao còn có thằng con Di-nô-vi, năm nay đã mười bảy tuổi. Tao đã định cho nó làm quản lý rồi.

—Còn trẻ người non tay quá, Mi-khai-in Lu-kích ạ. Cứ để cho cậu ấy học chuyện buôn bán đi đã. Cũng khỏi việc ra rồi. Tôi sẽ trông coi những việc còn lại. Còn ông chỉ việc cầm cương và vung roi...

Nói đến đó, Đê-mi-an quỳ sụp xuống, túm lấy tay Cáp-ta-nốp.

— Con sẽ hầu hạ trung thành và tận tụy, ông Mi-khai-in Lu-kích ạ... Thề có cây thánh giá — sẽ trung thành hơn cả con chó giữ nhà cho ông. Ông sẽ hiểu và sẽ thấy mình được lợi như thế nào. Không lâu đâu, ông sẽ thấy không lâu đâu, nếu ông giao cho con tất cả. Nếu như con trông coi không đến nơi đến chốn, hoặc làm thiệt hại ông, ông cứ việc đá đít tống ra khỏi cổng, có ai ngăn ông đâu? Ông Mi-khai-in Lu-kích...

Ngày hôm sau I-nhi-u-chin đến chuồng ngựa nhà Cáp-ta-nốp cắt đặt những con nào đem đi cày, những con nào đưa đến thành phố chở hàng cho các cửa hiệu của nhà Cáp-ta-nốp. Một tuần sau, hắn xuất hiện ở ngoài chỗ thợ đang cày, đi từ đầu này đến đầu kia cả cánh đồng mênh mông, chiếc chân gỗ cắm sâu vào mặt đất xốp. Nơi nào chân gỗ cắm không sâu, hắn dừng lại, gọi:

— Này, ai cày ở đây? — Và khi một người nông dân cháy đen vì nắng gió nào đó đi đến, hắn nói, không nhìn vào mắt: — Đêm nay anh phải cày lại cho cẩn thận. Tiền hao mòn cày và tiền công ngựa phải làm thêm, đến mùa thu sẽ tính trừ đi vào tiền công.

Hắn nói nhỏ nhẹ, bình tĩnh, không tỏ vẻ tức giận, và không ai để ý đến những lời của hắn.

Nhưng đến tháng Sáu, khi bắt đầu mùa cắt cỏ, Đê-mi-an lại bình tĩnh, nhỏ nhẹ nói với nhiều người nông dân làng Mi-khai-lốp-ca:

— Tôi cũng định thuê anh đấy, Gri-gô-ri ạ, biết anh cũng phải đến năm bảy mụn con đang ngồi trong lều. Nhưng tôi còn nhớ hồi mùa xuân anh cày xỏ lá lắm, quá nông. Cần phải để mắt giám sát anh, nhưng tôi chỉ còn một chân, không đi kịp khắp các nơi. Thôi thì anh đi chỗ khác mà tìm việc, sang bên kia sông, đến làng dưới, may ra có nơi họ thuê. Tiền công cày sang thu ta sẽ tính sau. Còn anh, Phê-đô, làm việc thì cũng được đấy, nhưng buổi sớm ngủ quá muộn: hôm lễ Phục Sinh ấy, anh còn nhớ không, anh ngủ gần đến trưa mới dậy. Đất để khô cứng... Tôi cũng không biết phải làm sao với anh bây giờ. Thôi được, thuê anh lần cuối cùng...

Không la hét, chửi rủa, dần dần Đê-mi-an thiết lập một chế độ, nguyên tắc thuê người của mình. Những người bị hắn

từ chối không thuê làm nữa, chỉ nhổ nước bọt và đi đến các làng khác để cầu may. Còn ai ở lại làm cho Cáp-ta-nốp, vẫn như trước, không cảm thấy tai họa gì đặc biệt. Thiếu gì điều Đê-mi-an đem dọa... Cứ mặc hắn càu nhàu một lúc, rồi lại quên đi.

Nhưng đến mùa thu, khi tính công, tất cả mới ngã ngửa ra: mỗi người chỉ được trả ít hơn một nửa so với các năm trước.

Tiếng ồn ào, bàn tán nổi lên. Những người nông dân đòi gặp chính Cáp-ta-nốp.

—Im lặng! —Cáp-ta-nốp quát, rồi nói ngắn gọn. —Đê-mi-an thuê các anh, các anh đi tính toán với anh ta ấy...

—Các anh nghe đây, —I-nhi-u-chin nhếch mép cười nhạt, bộ râu cáo hung hung đỏ hắn vừa mới để vểnh lên.— Ai trong các anh là người kêu nhiều nhất? Chắc các anh chưa quên chứ...

Cuối năm, Đê-mi-an đến gặp Cáp-ta-nốp, rút từ trong túi ra một tập giấy đã nhàu nát:

—Đây, ông Mi-khai-in Lu-kích ạ, tôi vừa mới tính thử xem qua... Tổng cộng tất cả lúa mạch đen, lúa kiều mạch, yến mạnh, đại mạch ngoài đồng được mười nghìn pút nhiều hơn mùa năm ngoái của ông. Cỏ cắt được nhiều, nếu ông muốn, có thể mua thêm hai ba chục con bò cái nữa. Dầu mỡ, mật ong cũng nhiều hơn một ít. Ông tự tính ra xem thành bao nhiêu tiền rúp. Theo tôi, tôi đã đem cho ông chừng hai chục nghìn tiền lãi. Bây giờ ông thử xem, đúng tôi có sai không? Nếu không, có thể có gì thưởng thêm...

—Nào, Đê-mi-an, quả thật ta không ngờ anh là đồ tham lam như vậy, —Cáp-ta-nốp nói. —Nhưng coi chừng không bọn nông dân lại lấy chân gỗ của anh mà chọc cổ anh đi đấy.

Chừng hơn một năm, I-nhi-u-chin vẫn sống trong túp lều xiêu vẹo, như trước khi đi lính. Mùa thu năm 1907, hắn thuê thợ mộc và trong một tháng dựng lên một căn nhà ba gian đàng hoàng.

—Chẳng lẽ anh chỉ dựng những lâu đài như thế thôi à? — một lần, hương trưởng Pan-crát Na-đa-rốp mỉm cười nói chọc hắn.

—Còn to hơn làm gì? Cả nhà chỉ có tôi, bà nhà tôi và thằng Ki-ri-an. Chẳng nên phí củi để đốt lò sưởi. Mùa đông thì dài.

—Bây giờ anh cũng phải phát triển thêm gia đình chứ?

—Thôi rồi. Chuyện đó nhường cho bọn ngựa đực non các anh...

—Anh nói thế. Thì anh cũng chân gỗ chọc thủng đất như ngựa đấy.

—Cái gì?—Đê-mi-an rung rung bộ râu, cố hiểu ý nghĩa những lời cuối cùng của Na-da-rốp.

Trong mùa hè đầu tiên, Đê-mi-an chưa động đến Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép. Có lẽ vì rằng chưa có dịp. Việc gì Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép làm cũng đến nơi đến chốn. Đê-mi-an đã nhiều lần kiểm tra độ sâu đường cày của Xi-lan-chi, đi quanh nhìn xoi mói những đụn cỏ của ông đánh đống, nhiều lần, vào những lúc bất ngờ nhất, xuất hiện ở kho lúa, thọc tay đến tận vai vào đống thóc ông vừa quạt để bốc lấy một nắm thử xem còn bụi, hạt lép không, dùng chân gỗ khơi khơi những đống trấu tìm thóc. Rồi hắn thở phì phò bỏ đi. Xi-lan-chi làm việc càng cẩn thận hơn, cảm thấy rằng ông chỉ cần sơ suất nhỏ là phải trả giá đắt. Và quả vậy...

Một lần vào mùa đông, khi chở cỏ từ ngoài đồng xa về, Xi-lan-chi bị muộn. Do vội vàng, ông sơ ý trên quãng đường vòng, chiếc xe bị nghiêng, rồi lật úp xuống. Càng xe gãy đánh rắc, con ngựa hí lên một tiếng, rồi ngã khuỵu xuống tuyết.

Trong lúc Xi-lan-chi lo tháo ngựa ra, sửa lại càng xe thì trời đã tối hẳn. Trong bóng đêm, ông bắt tay vào chất lại cỏ lên xe. Gió bỗng nổi lên, giật những túm cỏ thổi bay tứ tung xuống ruộng. Xi-lan-chi cố sức tìm cách xếp vào, nhưng chiếc nạng với những bó cỏ cứ quay tròn trong tay. Tuyết lại bắt đầu rơi nhiều, gió thổi mạnh thêm, quay cuồng, gào rú xung quanh. Chỉ trong vòng vài phút, những cơn gió giật đã đảo tung đống cỏ, cuốn nốt chỗ còn sót lại trên xe cho đến sợi cuối cùng vào bóng tối, vào những đống tuyết.

Không làm sao được nữa, Xi-lan-chi, người cóng buốt đến tận xương, ném đòn gánh, dây thừng, nạng gảy cỏ vào thùng xe trống không và đi về làng, đem chuyện thành thật kể hết với Đê-mi-an.

—Dân làm thuê các anh, đồ...—Đê-mi-an văng tục.—Các anh thì chỉ biết làm loạn mà thôi... Đi đi.

Buổi sáng hôm sau, khi Xi-lan-chi lại đến chuồng ngựa

nhà Cáp-ta-nốp, Đê-mi-an giương đôi mắt tròn đã bắt đầu béo hùm hụp lên nhìn ông.

— Đi đi, đi đi... Hôm qua tôi đã bảo rồi mà.

— Anh sao thế, Đê-mi-an? Việc nó lỡ ra một tí... Anh phải có trái tim chứ.

— Nếu mà tôi có nó thì Mi-khai-in Lu-kích sẽ phải đi ăn mày.

— Còn lâu ông ta mới phải ăn mày... cũng như chúng tôi đến được với Chúa vậy...

— A, anh còn nói thế à?! Bước ngay, bảo rồi mà!

Trong suốt đời mình, nói chung, Xi-lan-chi không có những ngày may mắn, còn từ hôm đó bắt đầu những ngày tháng hoàn toàn đen đủi. Đúng ra, thỉnh thoảng Đê-mi-an cũng có cho ông và Phê-đô, đứa con thứ bắt đầu lớn của ông, một công việc gì đó. Nhưng dù cho bây giờ họ có cố sức làm cẩn thận đến mấy, Đê-mi-an vẫn chưa thấy bằng lòng, hắn luôn luôn la thét, bắt họ phải làm đi làm lại, tiền công thì chỉ trả một nửa.

— Cái thằng hút máu này sao mà kinh khủng thế? — nhiều lần Phê-đô cáu kỉnh nói, hai lỗ mũi của cậu giật giật vì tức giận.

— Đợi đấy, con sẽ cho nó một nạng vào sườn.

— Coi chừng đấy, mày nói nhảm cái gì vậy? — Xi-lan-chi, người đã tái xanh, lại càng tái mét mặt lại. — Rồi đi khổ sai thằng mạt kiếp ấy à?

Không hiểu bằng cách nào — hoặc là tự mình nghe trộm, hoặc là sau đó có người nào đi mách để nịnh hót — I-nhi-u-chin biết được những lời đó. Hắn không tức giận làm ầm lên, chỉ cười nhạt nói:

— Ô-ô, nòi nào giống nấy. Đúng là con sói con. Mày sẽ cho nạng hay không, mặc mày, còn tao coi như đã làm xong việc.

Và từ đó hắn không cho cha con Xa-vê-li-ép việc làm nữa.

Đê-mi-an rất biết việc mình làm. Trong làng, ngoài nhà Cáp-ta-nốp ra, không ai có việc làm. Xi-lan-chi đã phải đi thử tìm việc ở San-ta-ra, ở những làng khác, và thỉnh thoảng cũng kiếm được ít nhiều. Phê-đô đi bắt cá ở sông Grô-mô-tu-kha, mùa đông vào rừng đặt bẫy thỏ. Bằng cách đó, gia đình cố sống qua ngày, được bữa hôm lo bữa mai. Cả nhà Xa-vê-li-ép ăn

mặc rách rưới; trong nhà, ngoài một chiếc bàn, vài chiếc ghế đẩu và mấy chiếc nồi gang, không còn gì khác.

Ngay trước mùa lũ xuân năm nay, Xi-lan-chi từ làng bên trở về nhà với đồng ba rúp vừa mới kiếm được trong túi chiếc áo bông đã rách tả tơi. Ông rất vội để về đến làng Mi-khai-lốp-ca trước lúc băng tan. Khi qua khỏi sông Grô-mô-tu-kha, một chiếc xe mui kín hai ngựa kéo, có chuông, đuổi kịp ông. Xi-lan-chi đứng sang bên để nhường lối, nhưng chiếc xe cũng dừng lại.

—Đứng lại! Xi-lan-chi, anh đi đâu về đấy?—ông nghe thấy tiếng của Cáp-ta-nốp hỏi...

—Tôi ở Gu-xép-ca về... Tôi làm thuê ở đó đã tháng nay.

—Khoan, thế sao không làm cho tôi?

Cáp-ta-nốp đang lúc say, vui vẻ, đôi mắt lấp lánh, chiếc mũi to đỏ như quả cà chua thối. Trong góc xe thấp thoáng một bóng đàn bà trùm áo da lông.

—Từ lâu rồi tôi không làm cho ông nữa. Đê-mi-an không cho...

—Sao lại thế? Anh là người được việc nhất mà... Nào, ngồi lên đây!

Xi-lan-chi leo lên xe.

—Đến trại Ô-gơ-nhép-xki! Quất ngựa mạnh vào, đừng tiếc!

Đến trại thì đến, đối với Xi-lan-chi thế nào cũng được. Ông đã hiểu là Cáp-ta nốp đang lên cơn chơi bời.

Trong trại có một ngôi nhà gỗ thông bốn gian rất chắc chắn, một chuồng ngựa, một nhà tắm hơi và các thứ công trình phụ khác. Nhà tắm hơi đứng ngay cạnh chiếc hồ có rất nhiều cá măng. Mùa hè, Cáp-ta-nốp thích, sau khi tắm hơi xong, nhảy hụp xuống hồ bơi lội một lúc lâu.

Khi họ đến nơi, nghe tiếng chuông xe ngựa, một thanh niên trẻ, Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin, trước đây làm quản lý cho cửa hiệu của Cáp-ta-nốp ở San-ta-ra, vội chạy ra, túm lấy dây cương. Xa-vê-li-ép biết rằng chàng trai vạm vỡ với những búi tóc xoáy ngang tàng và cái nhìn như dao cứa này từ mùa thu năm ngoái cho đến suốt cả mùa đông này vẫn sống ở đây với tư cách là người trông trại. Mấy lần Xi-lan-chi ghé vào hiệu ở San-ta-ra, bắt gặp ánh mắt của người quản lý, nghĩ: «Ranh

ma lắm. Loại này có tính gian cũng không thèm chớp mắt». Xi-lan-chi không biết vì sao mà anh bị chủ giáng xuống làm chức «trông trại» này. Nhưng mà ai có thể biết trước được cái tính gàn dở, ngông cuồng của Cáp-ta-nốp? Hơn nữa, đây là thăng, hay là giáng, nào ai hiểu được! Nghe người ta bảo anh chàng quản lý trẻ này nhảy rất giỏi, và Cáp-ta-nốp mỗi khi rượu vào lại bắt anh ta nhảy cho đến lử người trước mặt các «cô nương» của mình.

Cáp-ta-nốp nhảy xuống xe. Người đàn bà bước xuống theo, hình như cũng đang say, trông bề ngoài có vẻ giống dân Di-gan, ả vứt chiếc áo lông xuống đất, đôi mắt ti hí long lên lấp lánh. Cru-gi-lin chạy bổ đến định dìu ả vào nhà.

— Bước! — Cáp-ta-nốp gầm lên và tự mình dẫn ả vào nhà. Một lúc sau hắn bước ra, ném cho Cru-gi-lin chiếc áo lông cộc và chiếc mũ của anh, nói: — Đưa ngựa về Mi-khai-lốp-ca giao cho Đê-mi-an, còn mày thì về San-ta-ra làm việc cũ. Nhảy như thế đủ rồi. — Hắn huơ nắm tay đầy lông lá lên gí sát vào mũi Pô-li-các-pơ. — Tao thấy mày đã bắt đầu quấn lấy bọn đàn bà của tao rồi đấy, hễ tao uống say là cứ sán đến. Đồ chó dái, chúng mày thực không có lương tâm! May cho mày là tao chưa bắt được lần nào. Không thì tao đã treo đá lên cổ ném xuống hồ...

Cru-gi-lin mặc áo vào và im lặng ngồi lên xe đi.

— Thế đấy, — Cáp-ta-nốp thỏa mãn nói. — Còn ông, Xi-lan-chi, chắc hết thời động đực rồi chứ? Bây giờ sẽ thay chỗ cho thằng Pô-li-các-pơ ở đây. Nào, đưa rượu ra đây. Lấy ở trong nồi chưng ấy. Cà chua ở dưới hầm mang lên... Mồm miệng coi chừng đấy, không thì... Đốt lò nhà tắm hơi đi, ta sẽ tắm với cô nàng Di-gan này...

Thế là Xi-lan-chi bắt đầu sống ở trại Ô-gơ-nhép-xki.

Đầu tiên ông già cảm thấy ghê tởm khi phải nhìn cảnh rượu chè túy lúy của Cáp-ta-nốp và khách khứa của hắn. Đôi lúc Cáp-ta-nốp đưa vào trại đến mấy cặp đàn ông, đàn bà; hàng tuần lễ liền không ngớt chúng ăn uống, hò hét, nhảy múa, cùng nhau tắm rửa trong nhà tắm hơi để giã rượu, rồi vừa cười nói ầm ĩ, vừa chạy ra hồ nhảy xuống hụp lặn. Đàn ông, đàn bà ăn mặc hở hang, trơ trẽn, đi lại khắp nhà, khắp trại.

— Cái ổ chó... Lạy Chúa, người tha tội cho con, đúng là

cái ổ chó...—thỉnh thoảng Xi-lan-chi ngồi xuống một góc nào đó nghỉ lấy hơi, thì thầm rủa.

Trước mỗi cuộc vui chơi như vậy, bao giờ Đê-mi-an I-nhi-u-chin cũng đến trại, mang theo đủ các thứ thức ăn xông khói, thịt mỡ muối, bánh kẹo, đôi lúc cả những thùng rượu vang rất lạ, suốt đời Xi-lan-chi chưa từng thấy. Hắn gần như không nói gì với Xi-lan-chi, chỉ cười nhạt trong bộ râu cáo, dường như muốn bảo: thôi được, cứ sống ở đây đi đã, nếu ông chủ đã muốn vậy.

Và đời cứ trôi đi như vậy, cho đến ngày hôm nay...

Phê-đô, trong mấy năm gần đây đã cao lớn hẳn lên, gần bằng cha, từ ngoài vườn đi vào, người ướt sũng. Đôi ống quần bằng vải gai thô xắn lên quá đầu gối, chân lấm bê bết. Những túm tóc dày đã lâu không cắt rủ xuống trước trán.

—Có chuyện gì thế?—anh hỏi bằng giọng đã bắt đầu vỡ ra. Vai anh còn hẹp, xương bả vai nhô lên dưới lần áo sơ-mi, hai cánh tay dài buông gần đến đầu gối, nhưng đôi bàn tay rộng, khỏe, bàn tay nông dân thực thụ, ria đã nhô lên lún phún trên môi trên, ngực bắt đầu nở nang.

—Con rửa ráy đi, rồi vào trại Ô-gơ-nhép-xki...

—Để làm gì?

—Làm gì, làm gì! Hình như lão Cáp-ta-nốp muốn lấy mày thay vào chỗ tao.

Đôi mắt Phê-đô cháy sáng lên, nhưng anh lập tức dập tắt chúng đi. Anh đã nhiều lần đến trại (tất nhiên, khi không có Cáp-ta-nốp và khách khứa ở đấy) và biết cha anh đang làm công việc gì ở đó.

—Không phải chính lão Cáp-ta-nốp, mà cô ả Lu-kê-ri-a tò mò đòi Phê-đô vào đó,—khi Phê-đô đã đi rửa, Xi-lan-chi rầu rĩ nói.—Nó đi khắp trại, đồ chó cái dâm đãng, cặp vú cứ ngúng nguẩy... Cáp-ta-nốp nhậu nhẹt với nó đã ba ngày nay...

—Chúng làm hư mất thằng bé thôi. Trời ơi, chúng làm hư mất,—U-xchi-nhi-a vẫn rên rỉ.—Tôi không cho nó đi đâu, không cho đi!

—Không cho... Nói miệng không cho thì ăn no đòn! Đi đâu cho thoát?

Khi Phê-đô rửa tay, thay áo xong, Xi-lan-chi bảo con ngồi lên xe, trao dây cương ngựa cho và nói:

—Lu-kê-ri-a với ông chủ ở trong đó. Cầu Chúa cho mày đừng động đến nó. Mày phải nhớ rằng nếu có chuyện gì, Cáp-ta-nốp sẽ vặn đầu mày ra đem cắp nách... Nếu Lu-kê-ri-a có theo bám lấy mày, tát vào mõm cho nó. Như thế thậm chí Cáp-ta-nốp sẽ coi trọng mày cũng nên.

—Nhưng tại sao nó lại bám theo con?—Phê-đô đỏ mặt, hỏi.

Phê-đô hãy còn chưa biết đến đàn bà, nhưng cũng như bất cứ một thiếu niên nông thôn nào khác, đối với anh đã từ lâu không có gì trong lĩnh vực này của quan hệ con người là bí mật nữa.

—Coi chừng, coi chừng đấy, con ạ! Cha nói như vậy không phải vô cớ đâu. Cơn điên của Cáp-ta-nốp con cũng biết rồi đấy.

Phê-đô cho xe đi, vừa tò mò, vừa lo sợ.

Anh đến trại, khi trời còn sáng, xuống xe bước vào nhà. Cáp-ta-nốp đẩy bát đĩa ra giữa bàn, nằm úp ngực và mặt lên đó. Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va mặc áo khoác ngắn gài hết cúc và chiếc váy dài nhàu nát, đang dùng tay cù hắn hết sườn bên này đến sườn bên kia.

—Mi-khai-in Lu-kích, anh cần phải đi ngủ đi, Mi-khai-in Lu-kích...

—Tôi đã đến đây...—Phê-đô nói.

Lu-kê-ri-a hầu như không thèm để ý đến anh. Bề ngoài ả chừng hăm nhăm-ba mươi tuổi. Người dẻo mềm như thân rắn, ngực đồ sộ, mông nở, ả đi lại trong phòng nhẹ nhàng, không tiếng động. Tuy bước đi cố ra vẻ vững vàng, nhưng Phê-đô thấy là ả cũng đã say lắm rồi.

—A-a!—Nghe tiếng của Phê-đô, Cáp-ta-nốp ngẩng đầu lên, kéo dài giọng.—Đi lại đây...

Phê-đô bước đến bên. Cáp-ta-nốp đưa bàn tay nặng trịch túm lấy cằm anh, đôi mắt đờ đẫn nhìn rất lâu vào mặt anh.

—Không sao. Còn non choẹt, chưa thôi quẹt ngang mũi. Nhưng, nếu như mày, đồ chó con... Nếu như mày!—hắn quay lại phía Lu-kê-ri-a.—Tao sẽ trói cả hai đứa vứt xuống hố!

—Anh sao thế, Mi-khai-in Lu-kích! Cái mõm của thằng



Xi-lan-chi này đã làm cho em phát lợm lên rồi. Mắt thì cứ lóc lách, lóc lách, như... Anh mệt rồi đấy, ngủ đi một tí.

— Thì đi, anh đi...

Lu-kê-ri-a dìu Cáp-ta-nốp vào phòng bên. Phê-đô nghe ả đặt hắn nằm lên giường, cởi giày vứt xuống sàn. Anh đi ra khỏi nhà.

Cởi ngựa xong, Phê-đô đi lang thang ngoài sân, không biết làm gì. Anh lại vào nhà, nhìn cánh cửa nơi Cáp-ta-nốp và Lu-kê-ri-a vừa đi vào. Từ trong phòng, tiếng ngáy vọng ra.

Cố không gây tiếng động, anh thu dọn bàn và cả căn phòng. Trời còn sáng, và Phê-đô quyết định đi câu cá. «Có thể ngày mai họ lại đòi ăn cá», — anh nghĩ bụng.

— Phê-đô biết nơi cha anh vẫn để cần câu, vợt, xô đựng và các đồ nghề đánh cá khác. Anh cũng tìm thấy một hộp mồi, có lẽ cha mới kiếm được hôm qua, thậm chí hôm nay.

Cho đến tận tối mịt, Phê-đô ngồi trong đám lau sậy câu cá giếc. Nhưng trước mặt anh, không hiểu sao, cứ hiện ra hình ảnh Lu-kê-ri-a với cặp vú cộm căng dưới lần áo, khối mông đồ sộ và mái tóc sổ tung. Phê-đô đỏ mặt, cố xua đuổi ảo ảnh đó đi, nghĩ về chuyện khác, nhưng nó vẫn hiện ra, hiện ra, không chịu mất...

Anh nằm ngủ trong căn buồng của cha trước đây, lấy chiếc then sắt dày cài cửa lại. Trăn trở mãi không ngủ được, phải đến gần sáng mới thiếp đi.

Một tiếng gõ nhẹ vào cửa làm anh choàng tỉnh dậy. Tim đập thình thịch trong ngực.

— Ai? — Phê-đô hỏi, giọng khản đặc.

— Dậy ngay, — tiếng của Lu-kê-ri-a, — ông chủ gọi.

— A-a, tôi ra ngay bây giờ, — ngập ngừng một giây, Phê-đô đáp. Anh nghĩ thầm: «Mà sao lão ta không ngủ đi, đồ ăn bám...»

Trời có lẽ mới tờ mờ sáng, qua cửa sổ hiện ra một mảnh trời xanh nhạt phía trên các ngọn cây. Phê-đô đẩy cánh cửa sổ, nghe tiếng hót gọi mời của một con chim đơn độc. Làn không khí lạnh buổi sáng ùa vào phổi. Anh xỏ chân vào ủng và kéo then cửa. Cửa mở, anh lùi lại, ngoài cửa, như một bóng ma, Lu-kê-ri-a đứng trắng lốp...

«Bóng ma» bước vào phòng, chốt cửa lại, giơ hai tay ra,

tiến về phía anh. Phê-đô nép sát vào tường, nghe hai đầu gối bủn rủn.

Lu-kê-ri-a đến sát, hai tay ôm lấy đầu anh và bắt đầu hôn lấy hôn để vào má, vào cằm, cố tìm gặp đôi môi của Phê-đô. Người ả bốc lên mùi rượu và một mùi gì đó nghe ngọt lịm. Phê-đô xoay đầu cố tránh khỏi cặp môi ướt nóng hổi của ả.

— Đi đi... đi! — anh rít lên lạc cả giọng.

— Cậu còn non lắm, chắc là chưa được thử, — Lu-kê-ri-a cười sằng sặc, áp má anh vào bộ ngực trần của mình.

Lần đầu tiên tiếp xúc với cơ thể đàn bà, Phê-đô nghe ngây ngất, trong đầu ngân lên. Không còn nhớ gì nữa, anh giằng mạnh ra...

Anh tỉnh lại thấy mình đang ở trong rừng, giữa một bụi cây rậm, và mãi anh vẫn không tin là tim mình đang đập hay là tai đang nghe tiếng thình thịch trong ngực của Lu-kê-ri-a.

Bình minh màu huyết dụ loang dần ra khắp bầu trời, tiếng chim líu lo hót đầy bốn phía. Ở một nơi nào đó, sát bên cạnh có tiếng chân trên cỏ.

— Phê-đô, Phê-đô nào, — Lu-kê-ri-a khẽ gọi. — Cậu sợ gì thế, gã ngốc nghếch? Đúng là ngốc!

Phê-đô càng ép sát người xuống đất. Tiếng chân xa dần, rồi tắt hẳn. «Nếu mình không mở cửa sổ trước, chắc không chạy khỏi cô ả, đồ yêu tinh. — Phê-đô nghĩ thầm. — Không thể nào chạy khỏi...»

Anh nằm rất lâu trong bụi cây. Mặt trời đã lên, anh vẫn còn nằm, cho đến khi ngực nhức lên vì lạnh.

Cuối cùng anh đứng dậy, bước về trại. Cáp-ta-nốp ngồi sau bàn, người xám đen, mặt sưng phù, đang nuốt những miếng thịt xông khói. Trước mặt hắn là một chai rượu và một chiếc cốc. Lu-kê-ri-a mình quấn khăn ngồi đối diện.

— Mày, thằng quỷ con nhãi nhép, mất tăm mất dạng đi đâu hả? — mắt Cáp-ta-nốp long lên. — Sao đầu gối mày bẩn thế? Bò trên cỏ à? Sao lại câm như thế?

— Thế sao bà ấy lại lẻn đến chỗ tôi? — Phê-đô bỗng nói, gật đầu chỉ về phía Lu-kê-ri-a.

Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va ném sang Phê-đô một cái nhìn đầy cầu khẩn.

— Khoan, — Cáp-ta-nốp ném khúc xương đang gặm

dở lên bàn. — Lẻn đến là thế nào?

— Thế thôi... Bà ấy bảo: «Dậy ngay, ông Mi-khai-in Lu-kích gọi». Tôi mở cửa, thế là bà ấy... Khi trời mới bắt đầu sáng...

— Mày nói láo cái gì thế, thằng hèn hạ kia! — Lu-kê-ri-a rít lên the thé.

— Câm! — Giọng Cáp-ta-nốp nặng như một hòn đá, át hẳn tiếng kêu của ả Lu-kê-ri-a. — Nó làm sao?

Phê-đô hoàn toàn luống cuống. Anh nhớ lại lời dặn trước của cha, nhưng không hiểu sao, anh lại thấy thương hại Lu-kê-ri-a. Anh cũng sợ cả cho mình — không biết Cáp-ta-nốp sẽ hiểu chuyện này ra sao và xử sự như thế nào? «Đúng, mình là thằng hèn hạ, — một ý nghĩ thoáng qua trong đầu. — Làm hại đàn bà... Đáng lẽ phải nói câu cá từ sáng — mình đã có mấy con cá giếc rồi... Nhưng nói lại làm sao bây giờ? Chỉ có hại cho mình thêm thôi...»

— Cổ họng mày tắc rồi hả?! — Cáp-ta-nốp gầm lên. — Trả lời đi!

Bị thôi thúc bởi tiếng gầm đó, Phê-đô bật ra:

— Tôi không nói láo gì cả. Thế ai đã ghì đầu tôi vào ngực?

— Đồ mất dạy! Nói láo, nói láo! Nó nói láo đấy, anh Mi-khai-in Lu-kích...

Cáp-ta-nốp hoàn toàn không để tai đến những lời của Lu-kê-ri-a. Hắn cầm lấy chai rót một cốc rượu đầy, uống cạn, lấy ống tay áo chùi mép.

— Phê-đô, đưa tao cái roi. Treo ở trên tường ấy...

— Mi-khai-in Lu-kích! — Lu-kê-ri-a hét lên, tụt xuống ghế ôm lấy chân Cáp-ta-nốp.

Phê-đô lấy chiếc roi bốn cạnh rất nặng xuống đưa cho Cáp-ta-nốp. Hắn đứng dậy, lấy chân đá hất Lu-kê-ri-a ra giữa phòng, đồng thời vung roi quất mạnh. Ngay roi đầu tiên, chiếc áo chật căng của ả đã bục ra, và Phê-đô thấy một hằn đỏ vắt ngang trên làn da lưng rất mịn của Lu-kê-ri-a. Kêu rú lên, ả lồm cồm bò bốn tay chân đến bên tường, rồi đứng nhỏm dậy...

Giơ hai tay để che mặt, Lu-kê-ri-a chạy cuống quít khắp phòng, còn Cáp-ta-nốp vẫn vụt roi liên tiếp, miệng hét:

— Đồ chó cái ngứa đít này! Mày lại bám lấy thằng trẻ ranh à? Tao gi-iết!..

Ngọn roi quất vun vút, Cáp-ta-nốp thở phì phò, còn Lu-kê-

ri-a cứ khóc rú lên và vẫn không làm thế nào để tìm ra cánh cửa. Phê-đô sợ roi quất cả phải mình, nép sát vào tít trong góc. Cuối cùng, Lu-kê-ri-a tựa lưng đúng vào cánh cửa, ngã vào hành lang tối, văng ra tận thềm, lăn xuống sân. Ả lập tức nhỏm dậy, hai tay ôm giữ những mẩu áo rách tả tơi trước ngực, chạy bổ ra đường về Mi-khai-lốp-ca.

Một lúc sau Cáp-ta-nốp và Phê-đô đã ngồi sau bàn nói chuyện một cách thân thiện. Cáp-ta-nốp uống nốt chai rượu của mình và hỏi tỉ mỉ về chuyến viếng thăm ban đêm của Lu-kê-ri-a. Lúc đầu, Phê-đô ngượng, nhưng sau bỗng lấy can đảm kể hết, cả chuyện Lu-kê-ri-a đi tìm từng bụi cây, gọi anh như thế nào.

—Thế đấy...—Cáp-ta-nốp hài lòng thốt lên và bắt đầu ì ạch đi lại trong phòng.

Phê-đô sợ hãi nhìn theo. Nhưng trông nét mặt ông chủ không thấy gì là có vẻ hăm dọa cả. Trái lại, hắn nhếch mép mỉm cười một cách lười biếng, khoan dung.

—Đàn bà là cái giống đê mạt lắm, chàng trai ạ. Nó là cái giống cáo ranh ma nhất. Có con cáo nào nằm mơ mà chẳng thấy gà...

Cáp-ta-nốp cúi xuống nhặt chiếc roi nằm dưới sàn nhà lên. Phê-đô xô ghế lùi tít vào góc phòng.

—Gõ gõ cán roi vào lòng bàn tay, Cáp-ta-nốp giương cặp mắt ướt, đầy những vằn đỏ, nhìn Phê-đô với vẻ tò mò.

—Còn mày lớn lên sẽ thành một thằng đểu cũng khá đấy,—Cáp-ta-nốp nói.—Nhưng bây giờ tao lại cần mày như thế. Còn sau ta sẽ xem. Bây giờ cứ sống với cha mày ở đây. Tao sẽ cho gọi ông già đến. Một mình thì mày sẽ sợ, rồi lại còn đốt cháy trại của tao cũng chưa biết chừng. Thắng ngựa vào, gì mà cứ nép trong đó thế?!

Cho đến mùa thu, Phê-đô sống cùng cha ở trại Ô-gơ-nhép-xki. Cuộc sống ở đây cũng dễ chịu, thoải mái. Hai cha con đánh được hai đống cỏ khô cho ngựa, ngoài ra cũng chẳng có việc gì mà làm nữa. Phê-đô đi câu cá ngoài hồ, nhặt hái quả dại, đào bới trong vườn rau của trại, vác súng săn của chủ len lỏi trong các bãi lau sậy cạnh bờ hồ để bắn vịt trời. Lần đầu tiên anh cầm đến súng nhưng học rất nhanh, thậm chí đã biết cách bắn được vịt trời khi chúng đang bay.

— Thằng này khá đấy! — người cha thán phục lắc đầu khi Phê-đô mang về có hôm phải đến hơn chục chú vịt trời.

— Thế này thì có gì! — Phê-đô khoát tay. — Đi săn gấu mới khoái. Cha nhé? Con đã thấy một chú gấu lang thang ở cánh rừng đũm hương sau núi. Cha cho con vài viên đạn săn gấu đi!

— Tao sẽ cho mày xem gấu! — cha anh nghiêm mặt nói. — Mày điên à? Nó xé xác mày ra ngay, — và ông đem đạn giấu thật kỹ.

Mỗi khi Cáp-ta-nốp cùng với «lũ chó» — như cha anh gọi — đến, trong trại khói bốc lên suốt ngày. Từ sáng đến tối, tiếng hát, tiếng cười, tiếng kêu, tiếng rú vang lên khắp rừng, khắp mặt hồ

Lần đầu tiên đến đây Xi-lan-chi đã cố tìm cách ngăn xa con khỏi cái đám bẩn thỉu này. Vừa nghe tiếng bánh xe gõ lộc cộc trên con đường rừng đầy rễ cây dẫn vào trại, tiếng cười nói say sưa, Xi-lan-chi liền chộp lấy súng săn, giúi vào tay con:

— Đi đi, ra những hồ nhỏ xa xa một tí. Đừng bắn ở trại làm các bà ấy sợ.

— Cha, sao lại thế? Có thể con giúp gì cho cha?

— Đi đi, tao bảo mày...

Nhưng chỉ mấy phút sau, Xi-lan-chi hiểu rằng những mưu kế của ông chỉ là vô ích. Vừa đến cửa, Cáp-ta-nốp đã đòi:

— Phê-đô, mày đâu rồi?

— Nó không có nhà. Vào rừng từ sớm rồi...

— Sao lại không có nhà? Phải về ngay đây! Vì vậy mà tao trả tiền chứ.

— Mi-khai-in Lu-kích, ông cho thằng bé thôi việc này đi... — Xi-lan-chi khẩn khoản.

— Thôi! Thôi thì thôi luôn cả hai... như Đê-mi-an thường khuyên tôi ấy. Ông muốn thế nào? Sẽ chết đói nhăn răng ra ngay. Rượu! Ra khuân thức nhắm ngoài xe vào! Khi tôi còn nuôi, cứ sống ở đây đã... Hễ Phê-đô về, bảo hắn phải đến ngay.

Chập tối, Phê-đô về đến trại.

— Thôi, con đi đi, — Xi-lan-chi không nhìn con, thở dài. — Đã năm sáu lần ông chủ hỏi con rồi đấy. Sao ông ấy thích mày như vậy?

Trong nhà, mặc dù các cửa sổ đều mở toang, khói bốc mù

mịt. Một bọn đàn ông râu ria xồm xoàm, say rượu mặt đỏ gay, ngồi xen kẽ sau bàn đang kéo rê một bài hát rầu rĩ.

— A-a, mày về rồi đấy hả? Im lặng! — Cáp-ta-nốp quát lên. — Đây là Phê-đô, con lão Xi-lan-chi của tôi. Hắn sẽ là một người tố-ốt! Ngồi xuống đây, cạnh chú, uống đi, chơi đi...

Cáp-ta-nốp đã say, khách của hắn còn say hơn. Hình như họ không hiểu Phê-đô là ai, nghĩ anh phải là người họ hàng của Cáp-ta-nốp, liền chen nhau đến ôm hôn. Phê-đô quay mặt tránh những cái mõm râu đâm tua tủa, xô những mụ đàn bà đầy mùi mồ hôi ra xa mình. Cáp-ta-nốp ngồi nhìn ra vẻ đắc ý lắm.

— Thôi, đủ rồi, đủ rồi! — cuối cùng hắn quát lên. — Các ả này, lui ra, cứ làm rối cả lên, lũ ngựa cái! Còn cậu này là một chàng trai đứng đắn, thiết gì đến các ả. Lần sau tao sẽ mang về thưởng cho mày một con bé thật kháu. Chỉ riêng cho mày thôi... Hay là Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va? Hả? Có muốn không? Tao sẽ bắt nó, đồ chó cái ấy, rửa chân cho mày, rồi lấy nước đó uống. Thế nào, muốn không, nói đi!

— Không muốn, — Phê-đô sợ hãi nói.

— Đúng lắm! — Cáp-ta-nốp phá ra cười. — Tốt lắm! Mày còn sớm quá. Cứ nhìn chúng tao cho quen dần đi. Phải tưởng tượng ra nữa. Còn khi nào muốn, nói với tao, nháy mắt là có ngay... Tao mà yêu ai thì không tiếc gì cả! Nếu mày muốn, tao sẽ nhận làm con. Nếu mày xứng đáng... Còn bây giờ uống một chén này, rồi đi đốt lò nhà tắm hơi lên với cha. Chỉ uống một chén thôi, chén thứ hai thì phải đợi lớn thêm tí nữa... Và nhớ những lời tao nói đấy. Tao sẽ mở mặt cho mày nên người...

Phê-đô chỉ mới uống rượu hai lần trong đời, và anh không thích, cả hai lần anh đều nghe nhức đầu rất lâu, sau đó lại buồn nôn. Nhưng mặc dù vậy, anh vẫn không dám trái lời Cáp-ta-nốp, uống hết chén.

Rượu vào gây cho anh một cảm giác như mọi lần. Đổ nước vào nồi lò, anh cảm thấy như sắp nôn. Nhưng anh vẫn không nôn được, cái cảm giác khó chịu cứ kéo dài.

— Làm sao mà họ uống được không biết? — anh nói với cha.

—Con đi gội đầu đi, hoặc là bơi một cái tốt hơn.

Phê-đô đi bơi, và quả nhiên dễ chịu hơn.

—Nếu bụng con không chứa được rượu chè, đấy là điều tốt thôi, Phê-đô ạ. Thế lão Cáp-ta-nốp nói gì với con thế? Lúc cha ghé vào đó có nghe loáng thoáng...

—Nếu cha nghe rồi, còn hỏi gì nữa?

—Ô-ô-ô, con ạ... Lời nói như mật, nhưng phải ăn với gì? Nhận làm con... Lão ta cần con như cần cái lỗ thủng trên đầu...

Hai cha con ngồi xuống bờ hồ. Lấy một cành cây chọc chọc vào cát, Phê-đô hỏi:

—Nhưng cha ạ, nếu như thật thì sao?.. Với sự nâng đỡ của ông ta thì mình quả thật cũng có thể mở mày mở mặt được chứ?

Anh nói chậm rãi, tư lự. Lần đầu tiên Xi-lan-chi nghe trong những lời của con có một cái gì đó không còn trẻ con nữa, ông kinh ngạc kêu lên:

—Phê-đô?! Chẳng lẽ mày đã lớn thế rồi à? Lạy Chúa.

Mặt trời đã khuất sau rừng từ nửa giờ trước, hoàng hôn mát mẻ buông xuống khắp nơi. Trên đầu Xi-lan-chi và Phê-đô, đàn muỗi bay lượn kêu vo vo, thỉnh thoảng một vài con cá khẽ quẫy trong hồ, những vòng sóng tròn chậm chạp lan đi rất lâu trên mặt nước đen phẳng lặng và tan đi khi đến gần bờ.

Từ trong nhà, tiếng la hét của đám khách say vẳng ra, rồi tắt ngấm trong bóng đêm mỗi lúc một dày đặc.

—Này, cha bảo con điều này nhé,—sau một hồi lâu im lặng, Xi-lan-chi nói.—Con hãy tránh xa những lời nói của ông ta ra, như tránh rượu ấy. Không thì như người ta nói: tham một miếng, mất cả rổ.

—Sao lại thế?—Phê-đô nhún vai.—Lúc đầu con cũng nghĩ: sao ông ta lại gần gũi âu yếm quá với mình thế? Không hiểu được. Nhưng rồi lời của ông ta «nếu xứng đáng»... Có thể lời ông ta nói có nghĩa nào đó. Tại sao con lại không thử xem mình có xứng đáng không? Con cứ thử, chẳng sao, để rồi xem. Đợi khi con gái của ông ta lớn...

—Cái gì, cái gì?—Xi-lan-chi càng kinh ngạc hơn.

—Cái gì sao?—Phê-đô ngoảnh đầu lại nhìn thẳng vào mắt cha.

—Mày, thằng nhãi, nói lám nhám gì thế?

—Chẳng lẽ lại chưa có con gái nhà giàu nào lấy chồng nghèo hay sao?

—Cái thằng tính toán gớm nhỉ! —Xi-lan-chi gần như hoảng hốt thốt lên. —Nhưng mày có định trèo cao quá không đấy? Mà con An-na nhà ông ta hãy còn bé tí, chỉ mới mười tuổi đầu...

—Thì đi đâu mà vội? Con sẽ đợi. —Và Phê-đô đứng dậy.

Và một lần nữa Xi-lan-chi lại cảm thấy như đứng cạnh mình không phải là đứa con trai mười lăm tuổi, mà là một người lớn nào khác, một người đàn ông xa lạ, tính toán khôn ngoan.

—Thế những điều này... bám vào đầu mày từ bao giờ thế? Nó gắn vào đầu mày khi nào vậy?

—Không biết nữa, cha ạ... —Phê-đô thành thật thú nhận. —Hoặc là khi ông ta đánh Lu-kê-ri-a, rồi ngồi cùng bàn nói chuyện với con, hoặc cũng có thể hôm nay. Bởi vì, ông ta nói phải có một ý gì đó: nếu xứng đáng tao sẽ nhận làm con... Khi say, không ai nói những lời như vậy.

—Lạy Chúa! Lạy Chúa! —Xi-lan-chi chỉ còn biết thốt lên.

Cáp-ta-nốp cùng đám khách khứa của mình chơi chán rồi đi, cuộc sống ở trại lại trôi như cũ. Nhưng trong quan hệ giữa cha cà con có một cái gì thay đổi, trở nên nghiêm khắc, giữ ý hơn. Họ ít nói chuyện hơn, thường chỉ im lặng. Phê-đô đi lại trong trại trầm ngâm, thường xuyên như đang nhớ lại một chuyện gì, đôi lúc bơi thuyền ra tận giữa hồ, nhưng lại quên không mang theo cần câu, anh nằm lên mũi thuyền, hai tay đặt dưới gáy và rất lâu, hàng giờ liền, nhìn lên bầu trời trống trải. Xi-lan-chi nhìn theo con, thở dài. Nhưng ông không gợi lại những câu chuyện như hôm ở bên nhà tắm hơi nữa.

Sự lo lắng rằng cuộc sống ở trại sẽ làm cho Phê-đô hư hỏng đã tỏ ra là vô ích. Như lúc đầu, thỉnh thoảng Phê-đô lại uống với chủ một chén rượu, nhưng chỉ có thế, không hơn. Với các «cô nương» của Cáp-ta-nốp, anh không hề tỏ ra có một sự quan tâm nào cả. Khi có ả nào đó quá say, không hiểu đùa hay thật, quấn lấy Phê-đô, anh không ngần ngại tát thẳng vào mặt, nói:

—Bước ngay, đồ sâu bọ... Ông lại trói chân lại bây giờ.

Việc này làm cho Cáp-ta-nốp thích thú.

— Này, các cô em của tôi ơi... Ai quyến rũ được Phê-đô — thưởng một trăm rúp! Cố lên! — và hắn phá ra cười.

Một lần, trong số những người đàn ông, đàn bà hắn mang vào trại có cả Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va.

— Đây, Phê-đô này, — Cáp-ta-nốp vỗ lên tấm lưng thon của Lu-kê-ri-a, — Suốt ngày Lu-kê-ri-a cứ làm cho tao phát ngấy: đưa em đến gặp Phê-đô đi.

— Anh nói gì vậy, Mi-khai-in Lu-kích? — Lu-kê-ri-a van vỉ.

— Thôi! — Cáp-ta-nốp quát và quay đi như đã quên hẳn ả.

Lần này Cáp-ta-nốp ở lại ba ngày, và suốt thời gian đó cô ả Lu-kê-ri-a say rượu cứ như chiếc bóng bám riết lấy Phê-đô, canh từng bước đi của anh, có dịp là tìm cách ôm chầm lấy.

— Bước ngay, đồ sâu bọ, — Phê-đô nói câu thường lệ của mình, cố gỡ ả ra trong tiếng hò hét, tiếng huýt gió của bọn khách Cáp-ta-nốp.

Chiều ngày thứ hai, chọn lúc thuận tiện, ả nói khẽ vào tai Phê-đô bằng một giọng tỉnh táo, và như anh nghĩ, đầy khẩn khoản, thương hại:

— Thương tôi với, Phê-đô... Họ đang bày trò đấy, cậu không hiểu à? Nhưng tôi không thể trái lời ông chủ được...

— Mặc chị, đi đi! Đừng lôi thôi! — Phê-đô cắt ngang. Đêm đó, anh vào rừng ngủ trong một đống cỏ khô.

Ngày thứ ba, anh mang theo bên mình một ngọn roi, chính là cái roi mà lần trước Cáp-ta-nốp đã đánh Lu-kê-ri-a.

— A-a, không được à, cái đồ mõm ngựa? — Cáp-ta-nốp hét lên, giọng say khướt, đầy ác ý, lắc lắc chiếc đầu rối bù. — Không đủ tài à?! Coi chừng đấy, ngày hạn cuối cùng đấy...

Vào «ngày cuối cùng», như thường lệ, phải đốt lò nhà tắm hơi. Nhét roi vào ủng, Phê-đô xách nước đổ đầy chiếc vạc lớn tướng, rồi ngồi xuống nghỉ cạnh tường, ngoài nắng. Xi-lan-chi đốt lò xong, cũng ngồi xuống bên cạnh.

— Phê-đô, con vào rừng để tránh chuyện đi, — ông nói. — Về lấy khẩu súng và đi đi... Coi chừng, hôm nay Cáp-ta-nốp sẽ bắt con vào nhà tắm hơi với con ngựa cái đấy. Chúng nó thì kể gì, mất hết tính người rồi.

— Chúng nó mất, nhưng con lại được... Ngay từ phút

đầu, con đã hiểu rằng không phải Lu-kê-ri-a, mà chính Cáp-ta-nốp đang chơi trò với con. Nhưng con sẽ thắng.

—Nghĩa là làm sao?

—Là... Thôi cha đi đi... Đấy, con Lu-kê-ri-a đã ra đấy... Cha tránh đi.

Ông già thở phì phò, đứng dậy, ì ạch đi về phía chuồng ngựa.

—Phê-đô, Phê-đô...—Lu-kê-ri-a lập tức chạy bổ đến bên nhà tắm.

—Bước ngay!—Phê-đô đẩy mạnh vào ngực ả, rồi bỏ ra phía sau nhà.

—Phê-đô... Thương tôi với...—ả đàn bà đuổi kịp anh.

Mặt bọn khách Cáp-ta-nốp thấp thoáng phía trong cửa sổ. Nhận thấy thế, Phê-đô liền túm lấy tóc Lu-kê-ri-a, quật ả ngã xuống đất. Phơi đôi chân trần trắng nõn, ả lăn dài trên cỏ. Phê-đô rút roi từ ống ủng ra và bắt đầu nhằm đôi chân trần, nhằm lưng và đầu của ả mà quất. Bọn người trong nhà hò la, huýt sáo ầm ĩ. Lu-kê-ri-a định đứng dậy, nhưng lại ngã xuống, người co rúm lại, hai tay che đầu, giật nảy mình lên dưới ngọn roi của Phê-đô...

Phê-đô chỉ dừng lại khi bị một người nào đó túm lấy cổ áo lắc mạnh.

—Mày làm tàn tật nó thì sao?!—Cáp-ta-nốp quát lên, bộ ria hắn gần như đâm vào mặt Phê-đô.—Mày đánh trúng mắt, lúc đó làm thế nào?!

—Không sao, còn một mắt cũng chẳng hề gì?!—Phê-đô hét lên và cáu kỉnh vùng ra khỏi bàn tay Cáp-ta-nốp. Nhưng anh không thoát ra được.

—Đúng là con sói con!—Cáp-ta-nốp bỗng phá lên cười, buông Phê-đô ra. Hắn lấy chân đá vào người Lu-kê-ri-a vẫn đang nằm trên cỏ.—Dậy đi! Và mày cũng đi với tao, uống một chén rượu, rồi vào tắm.

—Tôi không uống đâu. Không uống được.

—Thôi được,—Cáp-ta-nốp dễ dãi đồng ý.—Thì vào ngồi bên cạnh. Rồi sẽ đi tắm cùng tao. Vào buồng hơi thứ nhất. Tao thích tắm ở buồng hơi thứ nhất.

Hai giờ sau, Phê-đô há hốc miệng ra ngáp như cá bị vứt lên cạn, nằm trên sàn nhà tắm trơn mát, còn Cáp-ta-nốp đang

tắm hơi trên bệ cao, dùng chổi tắm quất phành phạch lên người.

— Phê-đô ạ! — thỉnh thoảng, nằm khuất trong làn hơi nước nóng bỏng và dày đặc, hắn lại hét vọng xuống. — Cho thêm một gầu nữa...

Phê-đô đứng dậy, và lập tức anh như bị nước sôi giội vào tai, vào mũi, lên má, lên cả đầu. Anh hấp tấp múc từ trong vò ra một gầu nước cvát mà cha anh đã chuẩn bị sẵn từ trước để dùng riêng cho việc này, đổ lên mặt đá nóng bỏng và ngã xoài ngay xuống sàn.

«Sao mà hắn không bị hun chín đi ở trên ấy nhỉ?» — anh thở hổn hển, nghĩ về Cáp-ta-nốp.

Tắm hơi chán, Cáp-ta-nốp chạy ra ngoài trời, lấy đà nhảy tõm xuống hồ, bơi trong làn nước lạnh như một khúc gỗ nặng, rồi lại chạy vào nhà tắm, xỏ tay vào bao găng da, chụp mũ lên đầu, leo lên bệ...

Lúc mặc quần áo trong phòng ngoài, hắn nói:

— Thế là hết say ngay. Cách tốt nhất đấy. Ngay từ sáng mai tao lại bắt tay vào việc. Phải thế chứ! Đời của tao là: uống cho nhiều, làm cho khôn. Lử rồi hả?

— Nóng quá...

— Thằng Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin chịu nóng giỏi lắm. Tao rất thích tắm hơi với hắn. Hắn mà quất chổi tắm cho tao thì thật là khoái. Đuổi hắn đi cũng tiếc, nhưng trong mắt hắn bắt đầu có một cái gì như dao cứa. Mày tưởng tao đuổi hắn vì lũ đàn bà đấy à? Đàn bà thì cả đống, muốn dùng đứa nào thì cứ việc, tao đâu có tiếc. Trời sinh ra chúng chỉ là để cho việc ấy mà thôi. Nhưng tao không ưa cái như dao cứa trong mắt của hắn. Bình thường thì cũng không sao, nhưng đôi lúc mắt hắn nhìn như chặt đôi người ta ra, thằng chó đẻ. Tao bảo: «Mày đang nghĩ gì thế, nói ra nghe xem thử nào?» — «Không gì cả», — hắn nói. Cũng có thể là không gì thật, nhưng thật khó hiểu. Mà tao thì không thích những gì khó hiểu. Hắn là thằng quản lý giỏi, trung thực. Nhưng nếu như cái dao cứa trong mắt hắn không mất đi, tao cũng tống cổ, không tiếc. Còn mày thì không có cái dao cứa ấy. Nhưng biết đâu rồi cũng sẽ có? Hả?

— Tôi... tôi không biết. Dao cứa nào? — Phê-đô hỏi, nhưng trong bụng lại nghĩ: «Về chuyện đàn bà thì ông nói láo... Ông định đánh bẫy lừa đấy mà».

—Nào à? Thôi được, sẽ đợi xem... Lấy ra đây một cốc cvát uống.

Mặc quần lót xong, Cáp-ta-nốp dùng khăn lau rất lâu bộ ngực đầy lông lá, đẫm mồ hôi.

—Này, Phê-đô ạ, tao nói với mày không phải là khi đang say nữa đâu, mà với đầu óc tỉnh táo hoàn toàn,— Cáp-ta-nốp bỗng nói. —Chuyện tao sẽ nhận mày làm con nuôi, đừng tin. Tao cũng có con trai của tao, Di-nô-vi. Sau tao, hắn sẽ là chủ của cả cơ ngơi này. Bây giờ tao đang dạy hắn học buôn bán. Tao chưa cho hắn vào đây, vì chẳng được ích gì cả, còn quá sớm. Rồi đến lúc tự hắn cũng sẽ biết. Nhưng tao có thể làm cho mày nên người, nếu mày hầu hạ tao hết lòng, tận tụy. Nếu mày trung thành như con chó với chủ. Những người trung thành thì bao giờ tao cũng cần, Phê-đô ạ. Những người như Đê-mi-an I-nhi-u-chin ấy. Đê-mi-an thì đúng là trời cho tao. Nhưng trời cũng ít cho những người như vậy lắm, vì vậy tự tao phải làm ra. Cũng cần phải chuẩn bị người thay thế cho Đê-mi-an nữa. Tao đã nghĩ là có thể lấy thằng Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin. Nhưng không, con mắt hắn long lên như dao cứa. Bây giờ thì tao lại đang nhằm mày đấy. Hiểu chưa?

—Tôi ấy à? Ông Mi-khai-in Lu-kích, tôi sẽ gắng sức.— Phê-đô nghe tim như ngừng đập.

—Nói chung, Phê-đô ạ, tao đã nói thật hết với mày rồi đấy. Mày còn trẻ, nhưng ngay từ đầu nên nghĩ đến vận mệnh của mình đi. Tất cả phụ thuộc vào mày. Cha mày là một nông dân trung thực, làm việc giỏi. Mày chắc cũng như vậy. Cha mày không gặp may trong cuộc đời, không túm được đuôi của số phận. Còn mày, tao đem cái đuôi ấy đặt vào tay cho. Không phải ai tao cũng đặt cho đâu...

Mặc quần áo xong, hắn cười nhạt tiếp.

—Còn với Lu-kê-ri-a, mày làm như vậy hoài của. Đúng là mày còn trẻ con. Chưa lần nào thử ngủ với đàn bà à?

—Không... —Phê-đô đỏ mặt.

—Ở trong nhà tắm, tao để ý nhìn mày cũng đủ cả lệ bộ đấy chứ. Cũng sẽ làm được không kém gì ai...

—Tôi sẽ không làm chuyện ấy đâu.

—Ấy ấy! Nói láo, sẽ đến lúc...

—Tôi không biết... Nhưng tôi không muốn bị vấy bẩn...

—Mày sợ bị thiệt hay sao?

—Tôi không biết. Chỉ có điều đôi lúc tôi nghĩ: chắc rồi tôi sẽ lấy một người nào đó làm vợ. Muốn dành tất cả cho cô ta...

—Sao-o?!—Cáp-ta-nốp lại kéo dài giọng.—Mày càng ngày càng làm tao tò mò... Lần trước mày bán đứng con Lu-kê-ri-a, tao còn hiểu được. Tao nghĩ...

—Tôi bán Lu-kê-ri-a làm sao được?

—Sao lại không? Một sự chân thành tuyệt đối rất hiếm gặp, thực tế là không có. Ai cũng tìm cái lợi cho mình... Và tao nghĩ, mày bán Lu-kê-ri-a để lấy lợi cho mình.

Phê-đô chỉ nhún vai, dường như không hiểu Cáp-ta-nốp nói gì. Rồi anh nói:

—Sao, hay là tôi không nên nói những chuyện đó ra? Lu-kê-ri-a trốn từ giường ông ra mà. Nếu thế, tức là tôi đã lừa dối ông, ông Mi-khai-in Lu-kích ạ...

Cáp-ta-nốp nheo mắt nhìn Phê-đô rất lâu. Phê-đô không ngoảnh mặt đi, chớp mắt một cách tự nhiên, không giấu giếm.

—Thế đấy,—cuối cùng Cáp-ta-nốp lên tiếng.—Nếu như vậy thì tốt... Nếu vậy thì tốt lắm. Chỉ có điều tao vẫn không tin vào những sự chân thật trần trụi. Cuộc đời đã dạy cho tao không được tin. Tao có cảm tưởng: mày quả là còn trẻ lắm, nhưng cũng đã ranh ma quỷ quái ra trò rồi...

Và Cáp-ta-nốp đứng dậy, đi ra khỏi phòng mặc quần áo.

—Thôi được, Phê-đô ạ... Dù cho tao là thằng rượu chè, hám gái, nhưng mắt tao nhìn người tinh lắm. Cứ đợi xem, đợi xem, và dần dần sẽ hiểu thực chất mày là loại người nào...

* * *

Thằng con thứ của ông rồi sẽ lớn lên thành «loại người nào», đó cũng là điều mà bây giờ Xi-lan-chi thường hay nghĩ tới. Sau lần Phê-đô dùng roi đánh Lu-kê-ri-a rồi cùng tắm với Cáp-ta-nốp trong nhà tắm hơi, anh trở nên rất ít nói. Thỉnh thoảng anh ngồi rất lâu sau bàn, tay quấy mãi chiếc thìa trong cốc nước, và Xi-lan-chi hiểu rằng ý nghĩ của con trai ông đang để ở một nơi nào đó rất xa.

—Mày lại đang nghĩ ra những mưu mô mới gì đó hả?—Xi-lan-chi hỏi.

— Không ạ, — Phê-đô nói lảng.

Mùa thu đang về, lá những cây hoàn diệp liễu khẳng khiu trong rừng đổi màu đỏ như máu, những ngọn bạch dương bị cái nóng mùa hè thiêu đốt cuối cùng cũng đã bắt đầu héo vàng. Trời còn ấm, gió lạnh chưa về, nhưng đã có cảm giác sát kề cái mùa mưa dầm gió buốt, cái mùa lá vàng ẩm ướt nặng nề rơi phủ đầy trên các bãi cỏ úa tàn. Bây giờ các bãi cỏ trong rừng dù đã trở nên thưa thớt, héo khô, nhưng vẫn còn sạch sẽ. Chỉ có càng ngày Phê-đô càng gặp nhiều những cây bạch dương và hoàn diệp liễu với những lớp lá khô trải rất khéo thành vòng tròn dưới gốc. Như thế có nghĩa là vừa mới ngay đây có một chú sóc nhảy lên cành cây đầy lá vàng, nhún nhảy rung, và mấy chục chiếc lá lặng lẽ lìa cành xếp thành một lớp mỏng trên mặt đất.

Những cánh đồng của nhà Cáp-ta-nốp bắt đầu vụ mùa, mà có lẽ vì vậy nên ông chủ không vào trại Ô-gơ-nhép-xki nữa.

— Ông Mi-khai-in Lu-kích dạo này ăn chay lâu gớm, — mấy lần Phê-đô buột miệng.

Hai ba lần Xi-lan-chi im lặng, lần cuối cùng ông hỏi:

— Mày lại nhớ cái ổ chó đó chắc?

— Con thì có can hệ gì? — Phê-đô nhún vai. Nhưng một phút sau, anh bỗng nói tiếp: — Ổ chó hay không ổ chó, chỉ có điều ông chủ sống thật sướng. Sống thả cửa.

— Thế đấy... — Xi-lan-chi kéo dài giọng. — Mày thèm hả?

— Cha thì... thế cũng nói, — người con trai càu nhàu vẻ tự ái.

«Thế cũng nói... Mình thèm cái gì?» — suốt mấy ngày sau Phê-đô vẫn cứ cau có và bướng bỉnh nghĩ, không chịu thú nhận với cả chính mình, rằng trong người anh quả thật đã bắt đầu cựa quậy một sự thèm muốn cái cuộc sống đầy truy hoan, phóng đãng của ông chủ, sự thèm muốn đó đang loang ra khắp người, tràn đầy những chỗ dễ dàng bị xâm chiếm nhất. Nó có lẽ cũng như dòng nước nhỏ mùa tuyết tan chảy dọc theo một lạch con mọc đầy cỏ, bỗng nhiên gặp một chỗ cỏ bị nhổ mất, lòng đất mềm hơn; và từng tí, từng tí một, dòng nước dần dần xói mòn đất, cuốn đi. Dòng nước vẫn chảy, và xem kìa, tại chỗ đó đã là một hố nhỏ, rộng chừng mươi, mười hai xăng-

ti-mét, bên thành hố trồi ra mấy cụm rễ có đủ màu nâu, đen, trắng... Bây giờ cái hố đó chưa có gì là phiền hà, đáng sợ cả, có thể bước qua, đi qua, mà thậm chí không nhận thấy nó. Nhưng nước mưa tiếp tục chảy theo lạch mòn cũ, tiếp tục từng tí một xói đất trong hố mang đi, đến mùa thu hố đã sâu gấp đôi, thậm chí có thể gấp ba, gấp bốn, nếu như lại gặp những trận mưa rào lớn, dai dẳng. Mùa đông đến, tuyết rơi đầy hố, lấp bằng với mặt đất xung quanh, phủ lên trên một lớp trắng dày hàng mét. Mùa xuân năm sau, ở chỗ này tuyết lắng xuống sớm hơn nơi khác chừng một tuần lễ, để lộ miệng hố vẫn còn đang đóng băng, và những dòng nước nhỏ rịn ra từ dưới lớp tuyết phủ trên mặt đất chảy theo bờ thành băng vào hố. Mặt trời mỗi ngày một trở nên nóng hơn, làm tan lớp vỏ băng xung quanh thành hố. Và đây, từng dòng nước nặng giờ đây róc rách chảy từ độ cao nửa mét xuống dưới, cuốn theo — không còn là từng hạt nhỏ nữa, — mà cả từng hòn, từng mảng đất lớn... Sang năm thứ ba, một dòng thác thật sự chảy từ độ cao mét rưỡi xuống, những tia nước lấp lánh dưới ánh mặt trời bắn tung tóe thành cầu vồng bảy sắc. Năm thứ tư đã là cả một con sông réo ầm ầm mang theo những tảng đất nhỏ, rễ cỏ, cành cây con... Và thêm mấy năm nữa, con người đến chỗ này phải thốt lên kinh ngạc: cái cánh đồng màu xanh bằng phẳng, lấp lánh trong nắng màu ngọc bích, giờ bị một khe đất sâu hoắm, đen ngòm, xấu xí cắt làm đôi. Cái khe đất đó mỗi năm một lớn thêm, như vết thương thối rữa, và cánh đồng rên rỉ đau thương nhưng không có cách nào làm cho lành lại được...

Không hiểu rằng trong lòng mình đang cựa quậy một sự thèm khát cuộc sống của Cáp-ta-nốp, Phê-đô nóng lòng chờ ông chủ trở lại trại. «Với một cô ả hay là lại cả đám? — anh nghĩ thầm, và không hiểu vì sao, hồi hộp nghe tim đập đến đau tức trong lồng ngực. — Mà cũng có thể, lại là với Lu-kê-ri-a?»

Nếu như Cáp-ta-nốp lại đưa Lu-kê-ri-a đến và cô ả lại bám lấy Phê-đô, thì Phê-đô lại sẽ dùng roi quất như lần trước. Điều này anh biết chắc chắn là như vậy. Nhưng dù sao, ngoài ý muốn của mình, Phê-đô vẫn nhớ lại cảnh Lu-kê-ri-a lần đầu tiên gõ cửa phòng anh, đến với anh trong đêm tối, bàn tay giơ ra phía trước, ghì chặt mặt anh vào ngực trần của mình... Nhớ lại những điều này, đầu anh như ngây ngất, máu nóng ran khắp

người. «Đồ dịch hạch, cứ bám riết lấy...» — anh nghiến chặt răng đến đau nhức, đi ra hồ hụp thật sâu xuống tận tầng nước lạnh dưới đáy.

Đêm đêm, anh lại mơ thấy Lu-kê-ri-a và các «cô nương» của Cáp-ta-nốp. Ăn mặc hở hang, say sưa, họ ngồi sau bàn, nằm ngổn ngang trong các phòng, kéo nhau vào nhà tắm hơi, la ó ầm ĩ nhảy xuống hồ, những tấm thân trần truồng thấp thoáng...

— Đồ quỷ! — Phê-đô ngồi bật dậy trên giường, lấy tay ép chặt trái tim đang đập mạnh.

— Gì thế?! — cha anh ngồi dậy hỏi.

— Không... Mơ thấy đủ thứ...

Nhưng, bỗng nhiên cuộc đời lại đổi sang hướng khác.

Một đêm, như thường lệ, Phê-đô mãi vẫn chưa ngủ được. Bỗng anh nghe thấy như có người nào gõ vào cửa sổ. Anh nhỏm dậy trên giường, lặng người nghe ngóng. Lại có tiếng cào vào mặt kính và một bóng người thấp thoáng lay động trong bóng tối ngoài cửa sổ.

— Cha ơi! — Phê-đô chộp lấy súng, kêu khẽ.

— Cái gì? Ai? — ông già chồm dậy.

— Có ai ngoài cửa sổ... Chắc không phải gấu... Ngựa không hí.

— Thế thì gấu nào? Mày lại mê thấy cái ma quỷ gì đó.

Phê-đô đứng dậy thận trọng đi đến bên cửa sổ. Và anh thấy một bóng người đứng dưới gốc cây cách nhà chừng ba chục mét.

— Cha ơi, có người thật... Đấy, dưới gốc thông ấy... Để con đi hỏi xem ai.

— Đi đâu?! Chắc lại một thằng trộm cướp khổ sai vượt ngục nào đó... Quay lại đi! — Xi-lan-chi kêu lên, nhưng Phê-đô đã xách súng chạy ra nhà ngoài, cố gắng không gây tiếng động, mở cửa nhảy xuống thềm, lần theo tường đi về phía góc nhà.

Anh đi đến bên gốc thông không một tiếng động, giương súng lên.

— Ai? — Phê-đô lên tiếng. Và thấy bóng người quay lại, anh tiếp, giọng hăm dọa. — Đứng yên, không động đậy. Đây là khẩu súng săn gấu, bắn vỡ đầu ngay. Anh là ai? Cần gì?!

— Thế anh là ai? Phê-đô phải không? — bóng người hỏi khẽ.

— Vâng, Phê-đô... Nhưng anh là ai?

— Bỏ súng xuống đi... Không lại bắn phải anh ruột bây giờ.

— Sao-o? Anh ruột nào? — Phê-đô ngạc nhiên.

— Chỉ có hai cha con ở đây à?

— Chỉ có hai cha con, — Phê-đô hoàn toàn không còn hiểu gì, lặp lại.

Sau nhiều năm bặt tin, người con trai cả của Xi-lan-chi — An-tôn — bỗng nhiên xuất hiện đột ngột như thế đấy.

— Trời ơi, An-tôn?! Con từ đâu về thế này?! — Mấy phút sau, ông già Xi-lan-chi lắp bắp kêu lên, vội vã châm đèn, quanh quẩn đi lại bên bàn. — Đấy, quả là người khách bất ngờ... Tay con làm sao thế này?

Tay phải của An-tôn bó trong một mớ giẻ bẩn thỉu và treo lên cổ bằng tấm khăn bịt đầu của phụ nữ.

— Bị vướng phải cây ở trong rừng.

— Sao lại đi đêm, lén lút như thế này?

— Cha biết không... Hiện nay ban ngày... con đi không tiện lắm. Con đã về Mi-khai-lốp-ca. Mẹ bảo cha đang ở đây.

— Trời ơi... Con ở nhà tù trốn ra à?! — Xi-lan-chi đã đoán ra. — Hóa ra Đê-mi-an I-nhi-u-chin nói đúng sao?

— Có lẽ đúng, — An-tôn mỉm cười và ngoảnh lại phía Phê-đô. — Còn em, lẻn đến cạnh anh khéo lắm. Anh, em đừng giận, cứ nghĩ: không biết thằng em lớn lên có đần độn như trước nữa không? Hình như anh nhầm.

— Cái đó tùy anh, — Phê-đô lầm bầm.

— Cha xem kìa, nó lớn thật rồi! Đúng là một chàng trai thực thụ. Cả I-van cũng lớn. Khi con đi, nó còn bò dưới bàn, mà giờ... Thời gian trôi nhanh thật.

— Đưa tay đây xem nào.

— Tay con giờ gay lắm. Chỉ còn hy vọng cha chữa cho nữa thôi đấy. — An-tôn nói và mở băng ra. — Nào, Phê-đô mang nước đến đây.

— Vướng câ-ây à?! — Xi-lan-chi thốt kêu lên khi nhìn thấy cánh tay sưng và tím xanh của con. — Bị đạn phải không?

—Chắc là không phải bị súng cao-su. Cha có i-ốt không? Một loại thuốc mà...

—Ở đây thì lấy đâu ra thuốc? Không sao, sẽ chữa bằng lá cũng khỏi.

An-tôn giờ trở nên xa lạ, khác hẳn. Người to lớn, chắc nịch, trán dô thêm ra, mái tóc rậm màu bạch kim hơi xoăn, cặp mắt xám nhìn xuyên suốt. Má và cằm mọc đầy một lớp râu hơi xoăn và cũng một màu sáng như bạch kim.

Anh không ăn mặc như người tù—chiếc áo vét tuy đã cũ, nhưng còn bền, quần vải bạt, mũ cát-két với lưỡi trai cứng và ngắn ngủn.

—Cha đoán ngay ra, bảo chắc là một thằng trộm cướp khổ sai vượt ngục nào đó,—Phê-đô nói, giội nước lên cánh tay bị thương của An-tôn.

—Thứ nhất, anh chưa phải là tù khổ sai. Bây giờ nếu bị bắt, thì lại là chuyện khác. Và sau nữa, khổ sai có đủ loại người, Phê-đô ạ. Có cả trộm cướp, nhưng cũng có cả những người đứng đắn.

—Anh chắc vẫn là người đứng đắn? Nếu như anh sẽ bị bắt ấy?

—Chắc chắn không phải là trộm cướp rồi,—An-tôn nháy mắt, băng lại tay.

—Con ơi, con ơi, giờ con ăn đi đã,—ông già Xi-lan-chi vẫn lăng xăng bày bát ra bàn, vội vã cắt bánh mì.—Hay là uống một chén?

—Cũng có thể uống một chén, cha ạ,—An-tôn đồng ý.—Mẹ cũng đã kể cho con nghe về công việc của cái trại này. Cáp-ta-nốp hình như đang đi đâu đó trong vùng, chắc hôm nay sẽ không đến đây chứ?

—Chắc không. Hơn nữa, I-nhi-u-chin thường thường phải mang các thứ đến đây trước một—hai ngày. Hắn, lão I-nhi-u-chin ấy mà, hồi năm linh sáu nói con đã phải ngồi tù... Thế con ở tù từ đó đến nay à?

—Sao lại thế để làm gì? Thỉnh thoảng cũng phải ra ngoài chứ. Nói chung con định sống bí mật ở đây đợi cho tay khỏi đã. Tay thế này thì con không thể đi đâu được.

—Cứ ở đây, con ạ, cứ ở đây... Chỗ này muốn trốn hàng năm cũng được, còn ngày mai cha sẽ đi vào rừng kiếm lá thuốc.

Ở đây có loại lá chống mủ tốt lắm. Cũng chẳng phải lo khi ông chủ với đoàn khách khứa đến. Bọn họ từ xa đã la ó ầm ĩ lên rồi.

— Còn Đê-mi-an I-nhi-u-chin thì sao? Hắn bao giờ cũng đến một cách im lặng, — Phê-đô nói.

— Đúng vậy, hắn y như con cáo... Nhưng ta sẽ nghĩ cách. Con ăn đi. Bây giờ còn ấm, con sẽ ngủ trên vựa cỏ ngoài chuồng ngựa. Có chuyện gì thì nhảy xuống đất biến vào rừng ngay. Chuồng ngựa ở đây nằm sát ngay bên mép rừng.

— Con thấy thế tiện đấy, cha ạ.

Sáng hôm sau, mặt trời còn chưa mọc, Xi-lan-chi đã ở ngoài rừng về, bảo Phê-đô:

— Con mang súng ra ngồi ngoài lùm cây cạnh con đường dẫn đến Đầm Hạc. Nếu thấy có người bắn một phát, làm như săn vịt. Còn cha đi đốt lò nhà tắm và nấu thuốc. An-tôn cũng cần phải tắm rửa, không thì...

— Vâng ạ.

Cho đến tận chiều tối, Phê-đô ngồi trong lùm cây, mắt nhìn ra đường và suy nghĩ về An-tôn. Sự xuất hiện của người anh làm cho Phê-đô lo lắng thật sự. Thứ nhất, Phê-đô nghĩ, tuy không phải là khổ sai, nhưng vẫn là tù vượt ngục. Thứ hai, nếu không là trộm cướp thì tại sao lại phải ngồi tù? Chẳng lẽ người ta lại bỏ tù những người đứng đắn à? Và thứ ba, nếu An-tôn bị bắt ở đây thì sao? Cáp-ta-nốp sẽ làm gì? Chắc hẳn trước tiên ông ta sẽ hỏi: «Phê-đô, tại sao mày không nói với tao chuyện anh mày ở đây?»

Khi trời đã tối, Phê-đô trở về trại. An-tôn tắm rửa sạch sẽ, nghỉ ngơi tươi tỉnh, vui vẻ chào em:

— A-a, ông cảnh vệ! Cảm ơn em nhé... Anh tắm một cái khoái, tay cũng rửa sạch. Chỉ có điều ngày nào cũng phải canh cái con đường vắng ấy thì mệt lắm. Có lẽ ta ở đây chú ý đề phòng là hơn.

— Em cũng chẳng biết thế nào hơn cả. Tùy anh.

Nói chuyện một lúc, An-tôn ra chuồng ngựa ngủ. Phê-đô hỏi cha:

— Vậy anh An-tôn là người như thế nào? Ăn trộm hay là lừa đảo gì?

— Mày nói nhảm gì vậy?! — Xi-lan-chi giận dữ hỏi.

— Thế không hiểu tại sao người ta lại giam anh ấy?

—Mày không hiểu à? Thế tao, mày cho là hiểu chắc?!—cha anh vẫn nói với một giọng giận dữ như vậy. Và ông thở phì phò trên giường, tiếp:—Nó bảo: con là tù chính trị.

—Chính trị là gì?

—Làm sao mà tao biết được? Nó bảo: chúng con đấu tranh chống bóc lột, áp bức.

—Nhưng bóc lột là gì?

—Là gì, là gì... «Đấy, nó nói: Cáp-ta-nốp là một thằng bóc lột. Vắt hết mồ hôi sức lực mọi người, mà chỉ trả cho mấy xu tiền công, bao nhiêu đồng rúp thì bỏ vào túi. Vì vậy mà rửng mỡ lên, ăn chơi đàng điếm ở cái trại này».

«À, thế thì nhất định Cáp-ta-nốp sẽ hỏi mình tại sao lại giấu An-tôn ở đây?»—Phê-đô lo lắng nghĩ thầm.

—Nhưng chúng ta thì không sao, sống ở trại ông ta cũng tốt. Còn ông ta là bóc lột hay là gì...

—Mày còn ngốc lắm, con ạ,—cha anh lại nổi giận.

Một tuần rưỡi—hai tuần trôi qua bình yên. Không thấy bóng của Đê-mi-an I-nhi-u-chin cũng như Cáp-ta-nốp đến. An-tôn vui vẻ, hay nói chuyện, nhưng Phê-đô thấy anh phút nào cũng đề phòng, cảnh giác. Hầu như suốt ngày anh nằm trên vựa cỏ ngoài chuồng ngựa, ít khi vào nhà, trừ các bữa ăn. Bao giờ anh cũng ngồi vào chỗ có thể nhìn qua cửa sổ thấy con đường chạy từ trại qua rừng về làng Mi-khai-lốp-ca.

Tay anh khỏi chậm. Cha anh nấu những thứ lá gì đó trong một chảo gang lớn, rồi bắt nhúng cánh tay đau vào đó đến tận khuỷu.

—Hình như tay con bị chạm vào xương. Cái chính là phải làm cho nóng đến tận trong xương. Không sao, ta sẽ chữa lành thôi.

Một hôm trời đổ mưa, bóng đêm ảm đạm, xám xịt ập đến một cách bất ngờ, sớm hơn ngày thường. Xi-lan-chi, An-tôn và Phê-đô ngồi vào bàn ăn tối.

—Thôi, con vào hang của con đây,—An-tôn nhìn qua cửa sổ nói. Và anh bỏ thìa xuống, đứng dậy.

—Thì ngồi lại một lát đã,—Xi-lan-chi nói.—Trời này thì có quỷ nào đến!

—Chính vào lúc trời như thế này mới lắm ma quỷ mò đi. Trời tối đen, mưa, chẳng nhìn, chẳng nghe thấy gì hết...

An-tôn như có phép biết trước. Anh chỉ vừa mới kịp leo lên đống cỏ, thì cửa bỗng mở và Đê-mi-an I-nhi-u-chin bước vào.

— Gì mà cả hai há hốc miệng ra thế? — Hắn hỏi, nhìn Xi-lan-chi và Phê-đô chằm chằm.

— Thế... anh đến lúc nào mà chúng tôi không nghe thấy gì cả?

— Thế nghĩa là điếc cả rồi, — I-nhi-u-chin lẩm bẩm, gõ gõ chiếc chân gỗ xuống sàn, cởi áo ngoài, rồi bước đến bên bàn. — Tôi bị rét cóng cả rồi, cho chén chè nóng.

Xi-lan-chi rót cho hắn một cốc nước quả phúc bồn tử, và ông bỗng sững người lại: trên bàn, bên cạnh bát cháo đã ăn hết, có ba chiếc thìa bẩn, và Đê-mi-an đang nhìn những chiếc thìa đó không chớp mắt.

Vơ vội miếng giẻ, làm như lau bàn, Xi-lan-chi hất cả ba chiếc thìa vào bát, để bát xuống dưới gầm chạn, rồi vứt giẻ đè lên trên. «Nếu hắn chợt nghĩ ra: tại sao lại ba thìa, thì chết...» — ông nghe bên thái dương mạch đập thình thịch.

Nhưng có lẽ Đê-mi-an chẳng nghi ngờ gì cả. Hắn cúi xuống dẩu môi ra húp nước choàm choạp.

— Ra ngoài xe lấy các thứ vào, — hắn bảo Phê-đô. — Đừng có đánh vỡ chai rượu đấy. Còn rượu nấu không?

— Làm sao mà chẳng còn! Đấy, cả năm thùng nguyên, — Xi-lan-chi thở ra nhẹ nhõm. — Bao giờ thì phải đón?

— Tôi biết đâu đấy. Tôi chỉ được lệnh kiếm rượu ngon và thức nhắm tốt đưa vào đây. Trong nhà này có mùi gì ấy. Mùi thôi thối, phải không?

— Vâng... Hôm nay tôi nấu nồi thuốc lá... Khớp xương đau như bị ai dần. Chắc tại trở trời. Vì vậy nên có mùi.

— Làm thối cả lên... Ngày mai phải làm cho thoáng sạch nhà đi. Sao không nấu ở dưới lò rượu ấy? Đấy cũng có bếp kia mà.

— Vâng, lần sau sẽ không nấu ở đây nữa. Tôi sẽ làm sạch hết mùi.

Không nói gì thêm, Đê-mi-an ra về. Tiễn hắn đi khỏi, Xi-lan-chi mấy lần thở ra nhẹ nhõm: «Nhờ ơn Chúa, tai qua nạn khỏi...»

— Qua rồi, — ông nói với An-tôn khi anh, sau khi ngồi

đợi thêm chừng nửa giờ, từ vựa cỏ tụt xuống. — Làm sao mà cha lại quên cái thìa chết tiệt ấy chứ?!

An-tôn cặn kẽ hỏi từng chi tiết: Đê-mi-an ngồi như thế nào, nhìn đi đâu, nói những gì.

— Lạy Chúa, may cái thằng này chưa biết gì cả... Đến một sợi tóc hắn cũng không nhúc nhích.

— Cũng có thể như vậy, cũng có thể không, — Phê-đô bỗng nói. — Lão Đê-mi-an ấy thâm hiểm lắm. Nếu em như anh, anh An-tôn ạ, em sẽ tránh đi xa hơn.

— Cái thằng này! Nó như thế thì đi đâu được? — Xi-lan-chi gắt.

— Phê-đô nói phải đấy, — An-tôn đăm chiêu nói.

— Con đi đâu? Tay như thế kia đi làm sao được?

— Nếu được ngâm thêm vào chỗ thuốc của cha thì cũng tốt. Đã thôi làm mủ rồi, vết tím xanh đang đỡ dần. Có thể thế này nó cũng sẽ lành, không cần rửa thêm.

— Cũng có thể lành, mà cũng có thể thối mủ lại, — Phê-đô vẫn nói bằng giọng như cũ. — Vì vậy anh nên vào sâu trong rừng, nhưng cũng đừng quá xa. Để cha và em có thể bí mật đưa cơm nước và thuốc rịt tay cho anh. Bây giờ trời còn ấm, có thể nằm ngoài đó chừng hai tuần nữa...

— Cái thằng này, — An-tôn mỉm cười xoa tay lên chiếc đầu rối bù của em. Và anh lại trở nên nghĩ ngợi. — Tất nhiên là chữa cho lành hẳn tay là tốt nhất. Nhưng có chỗ nào trốn được không?

— Rừng thì rộng, — Xi-lan-chi ngập ngừng nói. — Mặc dù cũng không được rậm và hẻo lánh lắm... Cánh nông dân thì chỗ nào cũng mò đến cả. Đặc biệt là các mụ đàn bà đi hái quả dại.

— Con biết có một chỗ, — Phê-đô nói. — Trừ bọn quỷ có sừng ra, không có người nào dám đến đấy.

— Chỗ nào? — An-tôn hỏi.

— Chỗ nào à? Thế cái hang ở Khe Rắn? Trên dãy Dve-nhi-gô-ra ấy. Anh quên rồi à? Đến đấy rồi trở về, cũng kịp trước khi trời sáng.

— Cái gì? Cái gì? — Xi-lan-chi giật giật chòm râu. — Ở đấy bụi cây nào cũng đầy rắn độc.

— Bây giờ thì làm gì có rắn hở cha? Chúng đã chui vào

hang ngủ từ lâu rồi. Ngày hôm kia con vừa mới lôi một cục từ dưới gốc cây đổ ra. Như một đống dây chão ướt, chỉ hơi cựa quậy... Trên núi trời lạnh hơn, cho anh An-tôn một chiếc áo khoác ngoài, chăn... Mỗi tuần, con sẽ đến thăm anh ấy một — hai lần.

Bàn cãi một lúc rồi đi đến quyết định: không có chỗ nào trốn tốt hơn. Xi-lan-chi thắng hai con ngựa, bỏ vào túi vải miếng thịt ướp, một ít bột mì, khoai tây, hai khoanh bánh, một cái chảo. Rót thuốc nước vào chai — chai ở đây thì vô khối. Gói áo, chăn, gối vào mảnh vải mưa cũ.

— Con đi nhé, — ông nói với An-tôn. — Ban đêm sắc thuốc lên mà ngâm tay. Nhớ đấy, ban ngày chớ đốt lửa người ta sẽ trông thấy khói. Còn con, Phê-đô, đến nơi về ngay, nhưng đừng giục ngựa làm nó ra mồ hôi nóng lên, thế nào đến sáng cũng về kịp. Đừng để cho sáng mai Cáp-ta-nốp với ổ chó của hắn đến thấy ngựa dẫm mồ hôi... Thôi, con đi đi...

Phê-đô đưa An-tôn lên dãy Dve-nhi-gô-ra, vào tận hang nằm khuất trong bụi rậm sau núi đá, buộc ngựa, giúp chuyển hết đồ đạc vào. Anh kịp về trại khi trời còn tối. Trời lúc mưa, lúc tạnh, Phê-đô ướt sũng, rét run.

— Lạy Chúa, — Xi-lan-chi làm dấu thánh. — Thôi, con nằm xuống, ngủ đi. Chỉ mong sao sáng mai không có thằng quỷ nào đến.

Cả sáng, cả chiều hôm sau không có ai đến trại. Sáng ngày hôm sau nữa, Xi-lan-chi từ ngoài vườn gọi vào:

— Phê-đô! Con ra đây cha bảo...

Phê-đô đi ra. Cha anh cúi lom khom đi lại dưới cửa sổ.

— Cha đánh mất gì à?

— Không, nhưng thấy cái này... Nhìn xem kìa...

Trên mặt đất ẩm, chưa kịp khô sau cơn mưa, hiện ra lờ mờ dấu chân của một người nào đó.

— Thì sao? — Phê-đô nhún vai. — Hình như hôm qua con đi qua đây.

— Thằng ngốc! Mày làm gì có ủng đóng cá? Đấy đấy... Còn đây, mày nhìn xem, dấu cá sắt... Còn cái gì đây? Như ai lấy gậy chọc vào đất... Đúng là cái chân gỗ của thằng I-nhi-u-chin...

Phê-đô nghe một cảm giác ớn lạnh chạy khắp ngực.

— Thì sao... Có thể hắn qua đây ngày hôm kia...

— Ngày hôm kia trời mưa suốt đêm, nếu có cũng đã xóa đi hết rồi. Dấu này còn mới, hôm nay thôi. Nhìn kìa, đây nữa... Đây, ra cả phía sau chuồng ngựa. Đây, cả trên sân.

Xi-lan-chi đi khắp trại một lúc lâu, mặt cau có nhìn xuống đất.

— Chúng đang theo dõi, con ạ, — khi hai cha con trở vào nhà, ông nói. — Chúng rình suốt đêm hôm qua.

— Ai rình?

— Cha không biết. I-nhi-u-chin và ai nữa ấy. Thế là thằng chó đều vẫn nhận thấy ba chiếc thìa nằm trên bàn. Lạy Chúa, làm sao mà con kịp nghĩ ra việc đưa thằng An-tôn đi?! May sao mà còn kịp!

Cho đến tận chiều, Xi-lan-chi im lặng. Phê-đô cũng im lặng, nhưng trong bụng lại bực tức nghĩ: «Đồ tù khổ sai, làm sao lại bám vào đây... Bây giờ thì tìm cách nào mà gỡ ra được?.. Nếu họ bắt được thì sao?»

Suốt đêm, hai cha con hầu như không ngủ, giỏng tai, căng mắt nhìn ra ngoài cửa sổ tối đen. Nhưng không có chuyện gì xảy ra cả.

Gần sáng, Xi-lan-chi lo lắng thì thầm:

— Xem kìa, Phê-đô, xem kìa! Con...

Phê-đô đang chập chờn, giật mình nhỏm dậy trên giường.

— Đấy, ở cửa sổ giữa ấy... Đừng đi đến gần, ở đây cũng trông thấy rõ...

Ngoài cửa sổ trời tối đen, và ngoài màn đêm ra, không trông thấy gì khác. Bỗng nhiên có một đốm lửa — một đốm lửa rất nhỏ, lờ mờ — lóe lên, rồi vụt tắt. Một lúc sau lại lóe lên... Đúng là có người nào đó đứng sau lùm cây đang hút thuốc.

— Ai thế nhỉ? — Xi-lan-chi thì thầm. — Đê-mi-an không hút thuốc.

Phê-đô nghe tim thắt lại, chán ngán. Lần này thậm chí không phải vì sợ hãi, mà vì một điều gì đó khó hiểu. Nếu như không có An-tôn, thì có lẽ sắp sửa, mà cũng có thể là ngay bây giờ, ngay đêm nay, các cửa sổ của cả ngôi nhà đã sáng rực, tiếng hát, tiếng người say rượu cười nói ầm ĩ, những người đàn bà ăn mặc hở hang, say mềm rũ rượi đã đi lại khắp sân, nằm ngổn ngang trong các phòng...

Cho đến sáng hai cha con nằm mở mắt trong bóng tối và chờ đợi một điều gì đó. Nhưng không có gì xảy ra.

Sáng hôm sau, Phê-đô nói với cha:

—Đã ba ngày anh ấy một mình rồi. Thức ăn cũng sắp hết. Làm sao bây giờ?

Xi-lan-chi chưa kịp trả lời, thì đã nghe tiếng bánh xe ngựa quen thuộc vọng đến.

—Hình như ông chủ và mọi người đến... —Phê-đô chạy vội đến bên cửa sổ.

Quả là Cáp-ta-nốp đến, nhưng một mình, không có đám đàn bà thường xuyên đi theo, mà lại rất tỉnh táo. Xi-lan-chi và Phê-đô chạy ra sân. Phê-đô túm lấy hàm thiếc ngựa, ông già giơ tay định đón dây cương. Nhưng Cáp-ta-nốp ném dây cương ngựa vào mặt ông, nhảy xuống xe và đột nhiên vung mạnh roi quất xuống người Xi-lan-chi.

—Mày giấu quân tù khổ sai ở đây hả, đồ chó ghẻ?! Đê-mi-an đâu? Chỉ điểm đâu?

Bị roi quất, Xi-lan-chi lảo đảo, ngã sấp mặt xuống đất.

Từ sau hàng cây, một tên hiến binh thành phố chạy ra, hắn người cũn cỡn, nom như một con cú trong chiếc áo ca-pốt màu xanh, đội mũ nhà binh. Sau hắn còn hai tên nữa. Tất cả bọn chúng đều mang gươm lủng lẳng ngang hông. I-nhi-u-chin nhảy choi choi trên chiếc chân gỗ, chạy theo sau.

—Thế nào, các ngài chỉ điểm? Hai ngày đến rình mò rồi đấy! Còn ngài quản Đô-rô-phê-ép, sao lại im lặng?

—Ông Mi-khai-in Lu-kích ạ, không thấy gì khả nghi ở đây cả, —người nom giống như con cú trả lời. —Chúng tôi cũng chẳng biết nghĩ sao nữa. Mà theo dấu vết thì đúng thằng tù vượt ngục An-tôn Xa-vê-li-ép trốn ở vùng này.

—Hắn ở đây, ngay trong cái trại này, không thì cứ bẻ nốt cái chân còn lại của tôi đi! —I-nhi-u-chin hét lên. —Hắn bị thương, còn cái thằng già này nấu nước thuốc cho hắn. Bảo để chữa thấp khớp! Nhưng trong nhà có mùi máu. Tôi biết mà, tôi đã học được cách phân biệt người có vết thương thối mủ bốc mùi ra sao.

—Đê-mi-an, ông nói gì lạ vậy? Ông nghĩ lại xem! —Xi-lan-chi kêu lên. —Mùi nào? Ai bị thương? Ông phải sợ Chúa với chứ...

—Mày, cái thằng bố tên tù khổ sai này! — I-nhi-u-chin nhảy xổ vào Xi-lan-chi, huơ chiếc chân gỗ ra dọa. —Tại sao lại có ba chiếc thìa trên bàn? Người thứ ba ở đây là ai? Ai trốn trên vựa cỏ? Chiếc thìa vẫn còn nóng nguyên. Chúng mày đã kịp giấu nó đi đâu? Nói ngay! —hắn vừa rít lên vừa hất hất chiếc chân gỗ.

—Thôi im đi, —Cáp-ta-nốp uể oải nói. —Nếu nó trốn ở đây, ta sẽ biết thôi. Nếu nó bị thương thì chạy đi đâu được? Tháo ngựa ra cho ăn đi, Phê-đô, mày đứng làm gì đấy? Lấy cái ăn ra ngay. Mời các ông chỉ điểm đây mỗi người một cốc rượu. Rét cóng lên cả rồi đấy, đêm đã lạnh rồi. Đốt lò lên, Xi-lan-chi, nhanh! —Hắn đi vào nhà, tất cả đi theo, tiếng đế giày sắt giẫm lên thềm cộp cộp.

...Nửa giờ sau, mọi người đã ngà ngà say. Những hạt mồ hôi lớn tướng rịn ra trên chiếc mũi khoằm của Đô-rô-phê-ép. Hắn kể:

—Thằng Xa-vê-li-ép vượt ngục ở nhà tù Tôm-xcơ. Người ta báo về Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ cho chúng tôi: có thể hắn sẽ về đây. Và hắn về thật. nhưng tuột mất, đồ đểu... Cái thằng nhanh lắm. Ở một chỗ đã sắp bắt được hắn, hắn vẫn tuột ra khỏi tay. Tay bị bắn gẫy mà vẫn trốn được. Rồi từ thị trấn San-ta-ra của các anh có tin về: hắn đang ở đây. Chúng tôi liền về ngay. Lục khắp —không thấy. Chúng tôi nghĩ, chắc hắn về nhà bố mẹ ở Mi-khai-lốp-ca. Cũng không thấy gì. Rồi Đê-mi-an báo cho biết những chuyện khả nghi. Và đây...

—Các anh chỉ là một lũ ngốc, —Cáp-ta-nốp cười mũi.— Còn đầu của I-nhi-u-chin chỉ bằng đầu con gà trống. Từ lâu hắn đã muốn nuốt tươi, nuốt cả cứt, cái lão Xi-lan-chi này nên mới tưởng tượng ra như vậy. Chẳng lẽ Phê-đô lại không báo cho tôi biết, nếu thằng anh tù khổ sai của nó về đây hay sao? Giấu hắn thì được ích lợi gì? Còn ích lợi ở đâu thì, như tôi hiểu, Phê-đô đã bắt đầu hiểu ngay từ nhỏ. Hắn khá lắm, có thể trở nên người có tiếng tăm vai vế nếu được giúp đỡ, nhất là trong thời kỳ đầu, để có chỗ đứng. Nhưng ai giúp được? Ai, Phê-đô?

—Còn ai nữa, ngoài ông ra, ông Mi-khai-in Lu-kích?— Phê-đô nói và đặt thêm hai chai rượu tự nấu lên mặt bàn.

—Đúng vậy. Chàng trai, ngồi xuống cạnh ta đây. Từ nay,

chỗ của mày là cạnh tao đây. Bên tay trái. Bên tay phải là Di-nô-vi, con trai tao... Đợi lớn lên thêm vài ba tuổi nữa, tao cho làm quen với Di-nô-vi. Tao muốn chúng mày trở thành bạn của nhau.

Phê-đô ngồi vào bàn, cạnh Cáp-ta-nốp.

—Còn mày đừng đếm xỉa đến bọn chỉ điểm này, trò ngốc nghếch cả thôi mà. Chẳng lẽ mày lại không nói với tao, nếu như anh của mày về à?

Xi-lan-chi đặt chiếc chảo gang lên bếp lò, khua thanh cời ầm ầm, đưa mắt nhìn con trai. Nhưng Phê-đô lờ đi, không để ý tới.

—Nói chứ. Để làm gì...—Phê-đô đáp.

—Thế thì nói đi,—Cáp-ta-nốp vẫn nói bằng giọng thân mật, hiền hòa như cũ.

—Ông bảo sao... Nói gì?—Phê-đô sợ hãi thốt lên.

—Đừng có tròn mắt lên như thế!—Cáp-ta-nốp bỗng quát lên, và lập tức đưa hai bàn tay to tướng chộp lấy cổ Phê-đô.—Thằng nhãi ranh, mày định đánh lừa ai đấy?! Cái đồ còn chưa đủ mũi để hỉ một cái cho to mà đã... Nói đi, thằng anh tù khổ sai của mày ở đâu?!

—Phê-đô! Phê-đô!—Xi-lan-chi đứng bên kêu lên, giọng van vỉ.

Nhưng không phải giọng nói và đôi mắt sợ hãi của người cha đã gây nên sự giận dữ nổi bùng lên trong người Phê-đô. Nói chung, trong giây phút đó, anh không còn hiểu cái gì đang xảy ra với mình. Phê-đô giằng mạnh, cố thoát ra khỏi đôi bàn tay đẫm mồ hôi của Cáp-ta-nốp đang thít chặt lấy cổ, thét lên đến chói tai:

—Bỏ tay ra, đồ rắn độc!

—Cái gi-ì?!—Cáp-ta-nốp sửng sốt.

Lời nói và giọng nói của Phê-đô có lẽ bất ngờ đến nỗi Cáp-ta-nốp bất giác nới lỏng tay ra. Cảm thấy điều đó, Phê-đô giằng mạnh một lần nữa. Những móng tay cứng của Cáp-ta-nốp xé rách da cổ, tóe máu, nhưng Phê-đô vẫn vùng ra được, anh nhảy hai bước ra đến cửa.

—Đồ lợn đực!—Phê-đô lại giận dữ thét lên một lần nữa. Anh lấy tay chùi quanh cổ và nhìn xuống lòng bàn tay bết máu.—Mày dám động vào...

Cáp-ta-nốp điên tiết thở phì phò, ngẩng đầu, với tay giật cây roi treo trên tường xuống. Phê-đô nhảy ra cửa, phóng qua chuồng ngựa vào thẳng trong rừng.

* * *

Cho đến tận tối mịt, anh vẫn nằm trong một khe sâu giữa rừng tai-ga vắng vẻ, trên đống lá khô và suy nghĩ: việc gì đã xảy ra thế này? Anh hiểu rằng với Cáp-ta-nốp thế là hết. «Cuộc sống ở trong trại thật là sung sướng... — những mẩu ý nghĩ quay cuồng trong đầu anh. — Và rồi sau sẽ như thế nào... Tất cả đều có thể... An-na sẽ lớn lên... Còn bây giờ thì sao? Quỷ nào tha cái gã An-tôn về đây... Sao người ta lại bắn đúng vào tay, mà không vào chỗ khác?» Phê-đô nghiến răng lại vì tức giận.

Anh bỗng cảm thấy đói. «Mình đi đâu bây giờ? Về trại à? Cáp-ta-nốp đang ở đó thì sao? Về làng à? Biết đâu bọn chỉ điểm và lão I-nhi-u-chin đang đợi ở nhà? Hay là đến chỗ An-tôn? Nhưng ở đó thì có gì? Được chừng ấy thức ăn chắc anh ấy cũng đã ăn hết rồi, giờ đang ngồi nghiến răng trèo trẹo. Rồi sau nữa, mình làm lộ ra thì sao? Biết đâu chúng sẽ theo rình mình. Không, không đến An-tôn được. Bởi vì như vậy rõ ràng rằng mình có biết An-tôn. Còn thế này biết đâu có thể lại trót lọt. Cha thì dù cho chúng cắt cổ cũng không nói... Nếu An-tôn thoát được, chắc họ sẽ quên hết. Có ai thấy anh ấy về đây đâu? Không ai thấy cả... Nhưng không, bây giờ thì không được nữa rồi. Tại sao mình lại không kìm lại?! Rồi còn gọi Cáp-ta-nốp là rắn độc, là lợn đực?! Ông ta có bóp cổ mình chết đâu mà sợ kia chứ...» Phê-đô cảm thấy căm ghét cả chính mình.

Nằm thêm một lúc, anh quyết định đi về làng.

Những ngôi sao mờ lạnh lẽo nhấp nháy trên đầu, qua khe hở giữa những ngọn cây. Thỉnh thoảng, một ngọn gió lang thang thổi đến, làm lay động những ngọn thông rồi bù và những cành bạch dương đã trụi gần hết lá. Rừng xào xạc một thứ tiếng nghe buồn thảm, ghê rợn. Nhưng Phê-đô không sợ những tiếng động đó, anh cũng thấy không sợ gặp phải những con thú ăn đêm ở trong rừng tối. Bởi vì anh không nghĩ

đến những câu chuyện đó, suốt đường đi, anh chỉ có một ý nghĩ: «Làm sao mình không kìm lại? Biết đâu có thể trót lọt, có thể trót lọt...»

Gần sáng, Phê-đô mới đến làng Mi-khai-lốp-ca. Anh thận trọng đi lối sau lẻn vào vườn, nằm rất lâu bên hàng rào đổ nát, nghe ngóng. Khắp làng im lặng như tờ. Phê-đô có cảm tưởng như sau mấy tháng anh không ở nhà, làng đã trở nên điêu tàn, do một căn bệnh nào đó, tất cả đều đã chết hết: người, chó, các loại súc vật, và nói chung, tất cả sự sống...

Nhưng không, hóa ra gà trống vẫn chưa chết hết. Ở một nơi xa nào đó, tận cuối làng, một tiếng gà gáy vọng đến làm Phê-đô phải giật mình. Rồi con thứ hai, thứ ba... Tiếng gà gáy rộn lên trong làng chừng năm phút, rồi tắt đi cũng đột ngột như khi bắt đầu.

Trời bắt đầu sáng. Có tiếng kẹt cửa nhà trên, Phê-đô nhận ngay ra tiếng đó và nằm áp sát hơn xuống đất, tính thầm: nếu có chuyện gì sẽ nhảy chồm dậy vọt qua rào và sau đó qua sân sau của các nhà hàng xóm chạy vào rừng. Có người nào đó nhẹ nhàng bước ra sân, đi lại phía đống củi. Nhìn qua làn sương xám, Phê-đô nhận ra mẹ, anh lặng lẽ đứng dậy.

—Mẹ ơi...

—Lạy Chúa! Ai đấy?

—Con đây.

—Phê-đô... con!—Mẹ chạy đến bên anh, những ngón tay thô nhám sờ lên đầu con.—Còn cha... bị chúng bắt đi trưa qua. Bọn hiến binh ấy... Chúng đưa về San-ta-ra. Còn An-tôn đâu? Nó có sao không? Tay nó đã lành chưa?

—Khẽ chứ mẹ... Thế tức là không có ai ở đây à?

—Còn ai nữa? Chỉ còn mẹ và thằng I-van... Hôm qua khi cha bị bắt đi, nó đã khóc chán rồi. Đê-mi-an I-nhi-u-chin thắng chiếc xe đẹp nhất, hắn không tiếc... Khắp làng đều xôn xao lên, cả một đám đông kéo đến gần chân núi Dve-nhi-gô-ra, nói là đi tiễn người bị bắt. Làm sao bây giờ, Phê-đô? An-tôn đã đi khỏi trại rồi à? Nghe nói bọn hiến binh không tìm thấy nó ở đấy.

—Đi rồi... Con và cha giấu anh ấy vào một hang trong dãy Dve-nhi-gô-ra. Có cơ hai ngày nay phải nhịn đói.

—Sao lại thế? Để nó đói... Phê-đô...

—Khẽ chứ! — Phê-đô cáu với mẹ. — Con cũng chẳng no đây này. Xem có gì ăn không? Bọn hiến binh đi rồi à?

— I-nhi-u-chin đánh xe đưa tất cả đi rồi. Hắn vừa đưa xe không về.

— Thế Cáp-ta-nốp có ở đây không?

— Không thấy! Có trời biết hắn...

Ngồi sau bàn, Phê-đô cảm thấy đôi mắt tự động nhắm lại vì quá mệt. Mà bụng thì như không muốn ăn. Nhai xong mấy mẩu bánh mì, anh đẩy đĩa khoai tây nghiền sang một bên.

— Mắt dính lại rồi... Coi như đã hai ngày đêm không ngủ.

— Có thể con gắng mang cho An-tôn một tí gì ăn, — người mẹ rụt rè hỏi.

— Đợi đến chiều cũng chưa chết đâu.

— Hay là đưa nó đi xa hơn, trốn cho kín hơn? Con phải nói với nó...

— Chẳng có nơi nào kín hơn đâu. Anh ấy đang ngồi trong Khe Rắn.

— Trời ơi! Cha con nhà mày điên rồi hay sao? — bà U-xchi-nhi-a tái mặt. — Rắn độc cắn chết mất...

— Chúng không cắn đâu mẹ ạ, — bỗng có tiếng nói từ trong góc tối vọng ra, nơi cậu bé I-van nằm ngủ trong đống giẻ rách nát. — Năm ngoái anh Phê-đô đã dẫn bọn con tới đó. Con được một mẻ sợ... Nhưng không sao, lũ rắn độc mùa thu đi ngủ hết...

— Dẫn đi đâu? — Bà U-xchi-nhi-a hoảng hốt hỏi.

— Đến Khe Rắn ấy mà, — I-van ngồi dậy trên giường của mình, ngáp, lấy nắm tay giụi mắt. — Một cái hố sâu lắm mẹ ạ, một cái túi to bằng đá. Phê-đô chỉ cho con xem...

— Cái thằng ba hoa này! — Phê-đô nổi cáu. — Tao đưa mày đi để mày kể đấy à?!

— Sao cơ ạ? Em chỉ nói là rắn không cắn anh An-tôn đâu... Cả anh cũng phải vào đó mà trốn. Hôm qua thằng Ki-ri-an I-nhi-u-chin nói với em: «Cha mày bị bắt giam rồi, anh Phê-đô của mày cũng sẽ bị giam, nếu như người ta bắt được».

— Khoan đã nào, — Phê-đô đi đến cạnh em, ngồi xổm xuống trước mặt I-van, hỏi: — Thế nó còn nói gì với em nữa?

—Gì nữa à? Nó còn nói: «Người ta sẽ tra tấn anh và cha mày, bắt khai anh An-tôn ở đâu. Người ta sẽ nấu một chảo nước sôi và bắt thò tay chân vào đấy...»

—Im ngay! — U-xchi-nhi-a lắc lắc mái đầu nhỏ bé. — Mày nghe cái bọn ba hoa ấy để làm gì? Có ai lại đem người sống bỏ vào nước sôi bao giờ?

—Con có làm gì đâu. Nó nói, con nghe. Cái con An-phi-xa béo ị cạnh nhà I-nhi-u-chin nghe xong khóc rú lên vì sợ. Còn con không tin nên không khóc. Chỉ đến khi cha bị bắt đi, con mới sợ... Họ bỏ cha vào chảo thật thì sao, anh Phê-đô?

—Nó nói láo đấy...

—Vâng... cả An-phi-xa, khi cha bị bắt đi rồi, cũng bảo là thằng Ki-ri-an nói láo. Nó bảo em: «Mày đừng khóc, thằng Ki-ri-an nói láo đấy. Nếu anh Phê-đô có về, cũng đừng nói với thằng Ki-ri-an nhé».

—Tại sao thế? — Phê-đô cau mày hỏi.

—Cha thằng Ki-ri-an bắt hắn phải trông xem có thấy anh về làng không. Cái thằng mất dạy đó suốt ngày hôm qua cứ quanh quẩn cạnh nhà ta. Và hắn hỏi em không biết bao nhiêu lần là anh đã ở trại về chưa?

—Thế em... em nói sao?

—Em bảo anh không có ở nhà, anh chưa về.

—Nhưng nếu như anh về thật, thì lúc đó em sẽ làm sao? Nói ra à?

—Em sẽ chạy đi báo ngay... Lại còn cởi cả giày cho dễ chạy, — giọng cậu run run và vỡ ra bởi một sự căm thù trẻ con nào đó. — Cái thằng nhóc khoèo chân đó lại còn khoe đôi giày mới nữa chứ! Cha nó mua cho nó ở San-ta-ra. Đen như mồ hóng, mũi có trổ hoa, đế vàng... — I-van im lặng một chốc như đang nghĩ về điều gì đó, rồi tiếp: — Mũi có trổ hoa và cứng như sắt. Hôm vừa rồi bọn em chơi trốn tìm. Em cùng với An-phi-xa trốn sau nhà kho, cả An-na Cáp-ta-nô-va nữa. Nó tìm thấy chúng em và lấy giày đá mạnh vào đít em một cái, nói: «Đừng có trốn một nơi với An-phi-xa!» Cái đồ mất dạy! Còn khi nào anh mang thức ăn cho anh An-tôn, cho em theo với nhé? Hay là để em mang đi một mình cũng được? Em cũng biết cái khe ấy mà... Còn anh, ngủ đi...

—Rồi tao cho mày mang! — Phê-đô nghiêm giọng nói,

và đứng dậy. — Rắn còn chưa ngủ hết đâu... Còn mày, hễ nói hở với ai là tao ở nhà...

— Em là thằng ngốc hay sao? — I-van tự ái nói phụng phịu.

...Cho đến chiều, Phê-đô nằm ngủ ở trên trần thượng của nhà. Khi mở mắt ra, điều đầu tiên anh thấy là một tia sáng mỏng manh xuyên qua lỗ hổng ở mái nhà rọi nghiêng, từ dưới lên trên, qua khoảng không gian chật hẹp ở trong phòng. Những hạt bụi nhỏ, nhảy múa trong dải sáng đó.

«Chiều rồi», — Phê-đô nghĩ. Anh đã thấy tia sáng này mấy lần và biết rằng buổi sáng thì nó rọi từ trên xuống dưới, đúng trưa thì nó chiếu ngang từ mái nhà gỗ bên này sang bên kia, còn về chiều thì nó cứ leo ngược lên cao.

Trong phòng ngột ngạt, bụi bặm và mùi của những chiếc chổi bằng cành bạch dương treo từng bó ngay sát mái nhà bốc lên ngai ngái.

Phê-đô lắng nghe — trong nhà im lặng. Chỉ có ngoài đường, ngay cạnh nhà, lũ trẻ đang la hét. «Lại chơi trốn tìm, — nghe tiếng em trai út, Phê-đô đoán. — Thằng Ki-ri-an I-nhi-u-chin mất dạy này lại đá giày vào đít thằng I-van, nếu như nó bị thua. Cứ làm ầm ĩ cả lên như là...»

Một cơn giận dữ bỗng bốc lên đầu anh. «Cái đồ nhãi ranh, đã lên mặt lếu láo... Tao vặn đầu vặt mũi mày cho biết tay, dám bắt nạt thằng I-van... Lúc ấy đừng có kêu!» Cũng cùng lúc ấy, Phê-đô nhớ tới việc sáng hôm qua anh bị Cáp-ta-nốp bóp cổ. «Đồ lợn đực! — cảm giác bị xúc phạm và giận dữ lại trào lên khắp người anh, hai bên thái dương giật đau nhói. — Chúng mày chỉ chuyên đá đít, bóp cổ người khác... Quen thói rồi mà, lũ chó đẻ... Cổ mình giờ không quay được nữa, bị cào xước hết. Chỉ thiếu tí chút nữa là vào tận xương sụn. Cứ đợi đấy, cũng có lúc rồi tao sẽ túm lấy cổ chúng mày...»

Phê-đô đưa tay sờ cổ. Những vết rách đã khô, nhưng khi ngủ, một đôi chỗ có lẽ bị nứt ra nên Phê-đô vừa mới chạm tay vào da đã nghe nhức buốt. Điều này lại làm cho anh thêm giận dữ. «Cái đồ khỉ đột lông lá này, làm nát cả cổ ra rồi! Nhưng không, cứ đợi đấy, rồi tao sẽ tóm lấy cái cổ đầy mỡ của mày, và không chỉ cào rách ra thế này đâu... Còn hỏi An-

tôn ở đâu! Chúng mày sẽ tìm thấy anh ấy đấy! Há miệng cho to ra, không lại ra ngoài...»

Một tia giận dữ bùng ra ngẫu nhiên (nếu anh không nghe thấy tiếng lũ trẻ, chắc đã không bùng ra), đã biến thành cả một đám cháy. Phê-đô không còn nhớ rằng chỉ vừa mới đây, anh đã ghen tị với cuộc sống chơi bời phóng đãng của Cáp-ta-nốp, rằng ở một nơi nào đó trong thâm tâm, biết bao dự định, tính toán của cuộc đời đã được hồi hộp dựng lên, rằng anh sẵn sàng hầu hạ Cáp-ta-nốp, kẻ đã hứa giúp cho anh nên người...

Bây giờ tất cả đều bị cơn giận dữ và tự ái che lấp đi mất. Trước đây, cho đến tận giờ phút này, anh cũng không nghi ngờ trong mình lại có những cảm xúc như vậy. «Cần phải đến gặp An-tôn ngay, — anh nghĩ. — Bảo anh ấy phải đi khỏi khe... Sao mình lại thế này nhỉ? Đáng lẽ phải đi ngay từ sáng, chưa ngủ chắc cũng không chết... Chuyện chảo nước sôi không biết thế nào, chứ nếu cha bị chúng bắt vào đấy liệu rồi có nói lộ ra cái gì không? Lúc đó thì Cáp-ta-nốp mừng phải biết. Cái miệng lông lá sẽ toang hoác ra, nếu như bắt được An-tôn... Nhưng đừng hòng, tao sẽ để cho mà bắt!..»

Phê-đô tuột nhanh từ trần thượng xuống. Nghe tiếng bước chân ngoài hiên, bà U-xchi-nhi-a vội chạy ra.

— Con đấy à? Lạy Chúa, làm mẹ cứ nghĩ... Mẹ sẽ cài then cửa lại ngay...

— Khẽ chứ, mẹ... Sao lại để thằng I-van ra đường chơi?

— Thằng con Đê-mi-an I-nhi-u-chin năm sáu lần cứ thò đầu vào gọi đi chơi «rải ranh». Nó bảo: «Sao cứ ngồi lì ở nhà thế?» Còn con mắt thì cứ ngó quanh nhà: Mẹ bảo: «Thôi, I-van, con đi chơi đi». Không chúng lại nghĩ... Mà chẳng sao đâu, thằng I-van cũng khôn lắm, chẳng nói gì đâu...

— Thôi được, — Phê-đô nói. — Có gì gói cho anh An-tôn đi. Bây giờ con sẽ đến chỗ anh ấy...

— Con đi?

— Không sao đâu. Con sẽ đi lối sau, theo các lùm cây, khe đất...

...Mấy phút sau Phê-đô đã ôm một tay nải đựng chiếc bánh mì và một mẩu mỡ ướp luồn ra vườn sau, nhảy qua hàng

rào, lẩn vào đám cây gai dầu dại, nằm một lúc, rồi lẩn theo con đường nhỏ vắng vẻ chạy ra sau làng.

Mọi việc hình như đều tốt đẹp, không ai nhìn thấy anh. Ra khỏi làng, anh lẩn theo một con mương nhỏ mọc đầy cỏ đến tận sông Grô-mô-tu-kha, rồi đi dọc theo bờ sông vào dãy Dve-nhi-gô-ra, vừa đi vừa bóp mẩu bánh mì, thỉnh thoảng lại ngoảnh nhìn lại.

Hai ba lần gì đó, anh có thấy mấy bóng người ở phía sau, nhưng rất xa, phải đến nửa véc-xta, — nếu như không hơn — và Phê-đô không lo lắng gì cả. Thiếu gì người đi lại lang thang trên đồng cỏ...

Nhưng khi đã đến Dve-nhi-gô-ra, sát ngay cửa khe, Phê-đô quay lại nhìn và giật mình thấy một người cưỡi ngựa đuổi theo phía sau. «I-nhi-u-chin Đê-mi-an!» — người anh nóng ran lên. Người ngồi trên ngựa bị bóng một ngọn núi đá che khuất, không nhìn rõ mặt, nhưng mắt Phê-đô rất tinh, nên anh vẫn nhận thấy một chiếc chân bằng gỗ.

Phê-đô luống cuống và bỏ chạy. Đáng ra anh chỉ nên bình tĩnh đi ngang qua khe núi, qua dãy Dve-nhi-gô-ra, rồi sau đó nghĩ ra cớ nói mình đi đâu, làm gì; nhưng anh lại bỏ chạy, và như vậy là tự mình làm lộ tẩy hết. I-nhi-u-chin quất ngựa đuổi theo và đến cửa khe thì kịp, thiếu chút nữa cho ngựa giẫm cả lên người anh. Quay ngựa chắn ngang đường, hắn nhảy xuống đất và hỉ mũi thật to.

— Này cậu nhóc, — lau đôi lỗ mũi to tướng, hắn nói, giọng không có gì là giận dữ. — Tớ đã biết là đêm qua cậu mò về nhà rồi mà. Mẹ cậu cứ loanh quanh cạnh nhà như chuột, nhìn mặt biết ngay. Điều thú vị tớ muốn biết là cái thằng tù khổ sai kia đã trốn đi khỏi hẳn rồi, hay chúng mày còn giấu hắn ở đâu đây. Nếu hắn đã trốn đi hẳn rồi, thì chúng tao chịu, còn nếu không thì thế nào chúng mày cũng phải mang gì cho hắn ăn. — I-nhi-u-chin giật chiếc tay nải từ tay Phê-đô và bắt đầu mở ra.

Từ phía sau, tên quản Đô-rô-phê-ép hổn hển chạy đến, khắp người mồ hôi đầm đìa như tắm; hắn giật mũ xuống — tóc trên đầu cũng ướt đẫm, bốc khói.

— Các ông cần gì? — cuối cùng Phê-đô mới sực tỉnh lại, hỏi và nhảy ra giữa đường.

—Đừng có đùa đấy, cậu ạ,—Đô-rô-phê-ép nói, tay mở bao súng.—Cái này nó sẽ đuổi kịp đấy.

—Nhưng cái gì mà các anh quây lấy tôi thế này? Tôi đến San-ta-ra để hỏi thăm về cha...

—Ôi!—Đô-rô-phê-ép ngồi phịch xuống hòn đá cạnh đường.—I-nhi-u-chin, ông làm cho chúng tôi hết hơi rồi đấy, rình với mò! Còn thằng tù chắc đã ở cách đây hàng trăm véc-xta rồi...

—Ông anh ơi, nó còn đang ngồi ở trong núi này thôi,—I-nhi-u-chin ngửi ngửi miếng mỡ ướp nói.—Nếu như hắn trốn trong rừng tai-ga thì thằng nhãi này đã đi về hướng đó rồi. Nhưng hắn lại đi về hướng này. Mà ở đây, ngoài Dve-nhi-gô-ra ra, còn trốn vào đâu được nữa?

Mấy tên hiến binh vừa chạy đến cũng ngồi xuống đất, duỗi thẳng đầu gối quần vải dạ xanh. Tất cả đều có vẻ bẩn thỉu, phờ phạc, như đã lâu lắm không được ngủ. Phê-đô nhếch mép cười cay độc.

—Nó có cái gì thế? Mỡ à?—một tên hiến binh hỏi.—Xin ngài cho phép thử một miếng.

—Ăn đi.

I-nhi-u-chin ném chiếc bánh mì và miếng mỡ ướp cho mấy tên hiến binh. Một đứa rút gươm ra, đặt miếng mỡ lên trên bánh mì và bắt đầu cắt ra thành từng miếng mỏng. Hắn cắt rất khéo, có lẽ đã quen.

Mấy phút trôi qua, bọn hiến binh ngồi nhai bánh, I-nhi-u-chin và Đô-rô-phê-ép cũng im lặng.

—Thế nào, I-nhi-u-chin, chúng ta đã rình được cái gì nào?—Đô-rô-phê-ép nói.—Có cái gì đây tôi không hiểu. Cái thằng già kia đã không chịu nói gì cả, còn cái thằng oắt con này, qua mắt nó tôi thấy, chắc cũng chẳng nói gì đâu.

—Thằng này sẽ nói,—I-nhi-u-chin nhếch bộ ria cáo, cười nhạt. Trong nụ cười này, trong cái nhìn lạnh băng của đôi mắt ướt của hắn có một cái gì đó dữ tợn, làm cho Phê-đô cảm thấy nhói lên trong ngực.—Nó sẽ nói nếu như nó còn muốn sống. Còn nếu như nó không muốn sống, ta sẽ lấy gươm từ từ băm nát nó ra, rồi quẳng vào cái Khe Rắn này. Chả có ai vào đó mà tìm đâu. Nào đưa gươm đây, đầu tiên tôi sẽ chọc chơi nó một tí.—Hắn chìa tay về phía tên cảnh binh vừa

cắt mỡ lúc nãy, rồi quay lại Phê-đô. — Sao mày lại tái mào đi thế, thằng ngốc nghếch kia? Đừng sợ. Chúng tao chỉ róc từ người mày ra mấy miếng thịt bằng lát mỡ kia thôi, không hơn. Ngoài ra, chúng tao chẳng làm gì mày nữa đâu.

«Hắn róc thật... Hắn róc thật!» — Phê-đô kinh hoàng nghĩ. Anh cứ lùi mãi, vào sát tận mỏm đá mọc ngay bên đường; còn I-nhi-u-chin, không vội vã, gập người trên chiếc chân gỗ, bậm môi, chĩa gươm ra phía trước như ngọn giáo, tiến sát đến trước người anh.

Phê-đô tựa lưng vào bức tường đá, và cũng ngay lúc đó anh cảm thấy mũi gươm nhọn hoắt, nóng hổi chạm vào ngực mình. Cái ý nghĩ đầu tiên và duy nhất lúc đó là gạt cái lưỡi thép dài này ra khỏi ngực hoặc giật lấy thanh gươm chém thẳng vào đôi mắt long lên hiểm độc của I-nhi-u-chin. Và đôi tay của Phê-đô bất giác làm một cử động nào đó.

— Đừng có cựa quậy! — giọng khàn khàn của I-nhi-u-chin đập vào tai. — Đứt lìa tay đấy, ngón rụng xuống đất như phoi bào bây giờ... Nói đi, thằng tù chính trị thối rữa của chúng mày đâu rồi? Chúng mày giấu nó ở đâu?

Đôi tay của Phê-đô rơi thõng xuống như hai cành cây gẫy. Anh cảm thấy mũi gươm đã đâm thủng áo, xuyên qua da chạm đến tận xương sườn, một dòng máu nóng hổi chảy từ ngực xuống bụng.

«Giá có một người, hoặc một chiếc xe ngựa nào, từ sau mỏm đá này đi tới để nhìn thấy chúng đang làm gì mình...» — Phê-đô thoáng nghĩ, và dường như nghe thấy có tiếng bánh xe gõ đâu đó từ xa vọng đến, anh ngoảnh lại nhìn dọc theo con đường... Nhưng tiếng bánh xe biến mất, trên đường, ngoài Đô-rô-phê-ép và hai tên hiến binh, không còn ai khác. Chúng vẫn ngồi tại chỗ cũ, không để ý gì đến Phê-đô và I-nhi-u-chin, uể oải nhai nốt miếng mỡ, rồi một tên lau tay vào vạt áo ca-pốt. Xa hơn, phía sau lưng Đô-rô-phê-ép và mấy tên hiến binh, là con sông Grô-mô-tu-kha. Bờ sông bên kia nắng còn trải khắp, nước cạnh bờ như rắc đầy một màu hoa hướng dương vàng rực...

Tất cả những cái đó vụt in vào óc Phê-đô trong một thoáng, trong một phần mấy giây đồng hồ. Và không hiểu sao, anh còn thoáng thấy cả Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va. Thậm chí không

phải cả người Lu-kê-ri-a, mà trước mắt anh chỉ hiện ra bộ ngực trần của ả, anh cảm thấy mùi của cặp vú và nghe giọng ả khe khẽ, khẩn khoản: «Phê-đô, Phê-đô nào... Cậu sợ gì thế, hở gã ngốc nghếch?» Rồi Lu-kê-ri-a biến mất, trước mặt anh lại hiện ra những thân hình đàn bà trần truồng chạy từ nhà tắm hơi ra và cười sằng sặc theo nhau nhảy xuống hồ, bên tai anh vang lên một giọng nói khác, khàn khàn: «Nhưng tao có thể làm cho mày nên người được, nếu mày phục vụ tao hết lòng, tận tụy... Cũng cần phải chuẩn bị người thay thế cho Đê-mi-an nữa... Tao đang nhằm mày đấy...»

—Nhưng sao anh lại để lưỡi gươm úp xuống dưới thế kia?—Tiếng kêu của Đô-rô-phê-ép bỗng vang lên át giọng nói khàn khàn của I-nhi-u-chin.—Anh lật ngửa gươm lại và nó sẽ đâm xuyên qua sườn, như qua một cục mỡ...

Và Phê-đô cảm thấy lưỡi thép nóng xé toạc da ngực, bắt đầu khoan xuyên qua giữa những chiếc xương sườn.

—Lần cuối cùng tao hỏi: An-tôn trốn ở đâu?—tiếng vang như gõ vào tai Phê-đô.

Và có lẽ Phê-đô sẽ nói, có lẽ anh không chịu nổi, sẽ phải nói ra An-tôn đang trốn ở đâu, thì vừa lúc đó có tiếng người vang lên sát ngay bên cạnh.

—Tao đây này... Đừng có động đến thằng bé, quân chó đẻ.

Phê-đô thở hắt ra nhẹ nhõm và ngã sấp xuống đất. Anh nghe có những tiếng kêu thét, tiếng quát tháo, tiếng chân người, tiếng sắt thép loảng xoảng, và khi ngẩng đầu lên, Phê-đô thấy An-tôn đang đứng trước mặt, hai tay chắp sau lưng, người gầy rộc, đen nhẻm vì khói của những đống lửa.

—Không phải tại em, anh ạ,—Phê-đô đứng nhỏm dậy.—Em không có lỗi. Em mang bánh cho anh, còn bọn chúng theo em. Chúng rình... Nhưng em không nói gì cả, anh nghe thấy đấy...

—Anh trông và nghe thấy hết cả. Cám ơn em,—An-tôn cau mày nói giọng không vui.—Không sao, Phê-đô ạ. Bây giờ thì... Em chuyển lời cảm ơn cha...

—Đi đi, đi đi,—Đô-rô-phê-ép ấy vào vai An-tôn.—Trời tối rồi, còn phải về cho kịp.

Bị đẩy, An-tôn loạng choạng mấy bước, suýt ngã. Khi anh quay lưng lại, Phê-đô thấy không phải An-tôn chắp

tay sau lưng, mà hai khuỷu tay anh bị hai vòng sắt thít chặt và nối với nhau bằng một sợi xích thép. «Ra thế! Chúng đã còng tay anh lại. Ra còng là thế đấy...» — tim Phê-đô đập mạnh, sợ hãi, dường như chính tay anh bị còng.

— Các ông làm gì thế này?! Tay anh ấy đang bị đau... Tay... — Và Phê-đô nhảy đến bên An-tôn như có thể tháo được mấy vòng sắt kia ra khỏi tay của người anh ruột.

— Câm miệng đi! — Một tên hiến binh dùng vai hích mạnh anh. — Làm xong việc của mình rồi, thì câm đi!..

Phê-đô văng sang bên, vấp phải một gốc cây trồi ra trên mặt đất, ngã nghiêng xuống, đập mạnh đầu xuống mặt đường và ngất đi.

* * *

Hành động của An-đrây đối với tất cả mọi người trong nhà — có lẽ chỉ trừ Xê-mi-ôn ra — đều hoàn toàn bất ngờ. Không ai nhận thấy cậu ta có chuẩn bị gì cho việc trốn ra mặt trận. Và khi Đi-ma hoảng hốt từ trường chạy về giúi cho mẹ mẩu giấy của An-đrây, một lúc lâu lâu An-na vẫn không thể hiểu được nội dung của nó. Và khi bắt đầu đoán ra ý nghĩa những dòng chữ nguệch ngoạc của An-đrây, bà nặng nề buông thõng cả hai tay, kêu to.

— Ôi, cái thằng, đồ rắn rồng đầu này!..

Đi-ma chạy ra ga và giữa đường gặp Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin đang từ trường về. Những cuốn sách giáo khoa cáu bẩn, rách tả tơi giắt trong thắt lưng, tay cậu cầm một chiếc hộp gỗ nhỏ.

— Chuột đấy! — cậu lắc lắc chiếc hộp trước mặt Đi-ma. — Đuôi như đuôi rắn, phải dài đến nửa mét. Đổi một chiếc súng cao-su và đôi vở trắng đấy. Ngày mai, trong giờ tiếng Đức, tớ sẽ thả ra. Hôm qua, cô giáo tiếng Đức cho tớ hai điểm. Tớ bảo: «Em không học tiếng quân phát-xít đâu», thế là cô ấy... Đợi đấy, ngày mai tha hồ mà la!..

— Còn thằng An-đrây nhà tớ chạy trốn ra trận rồi! — Đi-ma hét to.

— Cái gì?! — Nhi-cô-lai hếch chiếc mũi quặp lên vạch một đường trong không khí. — Thế cậu đi đâu đấy?

— Ra ga bắt thằng An-đrây... Có thể nó còn chưa kịp đi khỏi.

— Đợi tí, tớ đi với! Tớ về cất con chuột này cái đã.

Chạy về nhà, Nhi-cô-lai giấu chiếc hộp đựng chuột vào một chỗ bí mật ngoài phòng đệm, nhảy vào nhà ném mấy quyển sách lên bàn, báo cho chị cái tin ghê gớm đó, rồi chạy vụt ra đuổi theo Đi-ma. Vê-ra ngẩn ngừ một chốc, lấy khăn choàng lên đầu và cũng chạy ra nhà ga.

Gặp Xê-mi-ôn ở cổng nhà ga, Đi-ma và Nhi-cô-lai vẫy tay bảo anh dừng máy kéo lại. Đoán có việc gì không ổn, Xê-mi-ôn nhảy xuống xe. Nghe xong, anh buông người ngồi xuống xích sắt máy kéo.

— Hiểu rồi! Phải vặt đầu tao đi mới phải. Chính nó mới đây đã có lần nói về những đoàn tàu, tao nghe thấy... Thế mà sao không ai thấy nó chuẩn bị gì cả? Chúng mày có thấy gì không?

— Có mà thấy được với nó... Anh phải biết nó ranh lắm, — Đi-ma và Nhi-cô-lai gần như đồng thanh nói.

Để máy kéo lại bên đường, Xê-mi-ôn cũng chạy vào nhà ga.

Nhưng mọi người vội vã đến đây chỉ phí công, lúc này An-đrây đã ở rất xa. Nằm trên toa tàu giữa những thùng gỗ không hiểu đựng gì, cậu nghe những tiếng bánh xe gõ giòn, nhìn lên bầu trời đang về chiều và nghĩ: không biết đã sắp tới Nô-vô-xi-biếc-xcơ chưa.

Tất cả sự phức tạp đều ở chỗ An-đrây không biết đoàn tàu này sẽ từ Nô-vô-xi-biếc-xcơ đi đâu — về hướng mặt trận hay là đi tiếp về hướng đông? Ở San-ta-ra, cậu không dám hỏi ai về điều đó. Còn việc đoàn tàu phải qua thành phố này thì cậu đã biết chắc chắn, và vì vậy không đặc biệt lo lắng lắm. Cậu chỉ cần đến được Nô-vô-xi-biếc-xcơ, còn sau đó nhất định cậu sẽ tìm ra đúng đoàn tàu ra mặt trận. Về điều này cậu đã có một dự định được tính toán rất kỹ lưỡng và do đó, theo cậu nghĩ, tuyệt đối chính xác. Chỉ cần đừng ngủ quên qua mất thành phố Nô-vô-xi-biếc-xcơ này mà thôi!

Chân cậu đi một đôi ủng còn tốt, gần như mới, trên đầu là chiếc mũ lông ấm, mình mặc áo vét dạ. Đầu cậu gối lên một chiếc túi đựng ba ổ rưỡi bánh mì, một miếng mỡ ướp, mấy củ cà-rốt, hành tây, một nhúm muối gói trong miếng giẻ, một

bao diêm, thìa, bát và chiếc xoong con cậu vẫn đưa đi câu cá. Ngoài ra, còn một vài thứ vặt vãnh khác cần thiết lúc đi đường. An-đrây chuẩn bị rất lâu, rất kỹ lưỡng, mặc ấm; cậu hiểu rằng đường sẽ dài, về đêm trời đã lạnh, thậm chí cậu có thể gặp mùa đông ngay trên đường. Nhưng dù sao cậu vẫn không chuẩn bị đi đường lâu hơn tuần rưỡi, và khi đến một đơn vị bộ đội nào đó, cậu sẽ được phát quân trang và các thứ khác cần thiết như một người chiến sĩ Hồng quân.

Kế hoạch của cậu gồm có ba phần. Phần đầu: đi từ San-ta-ra đến được Nô-vô-xi-biếc-xcơ. Phần thứ hai — đi từ Nô-vô-xi-biếc-xcơ đến Mát-xcơ-va. Thực hiện được hai phần này — việc dễ như bỡn. Còn phần thứ ba — đi từ Mát-xcơ-va ra đến mặt trận — việc có phần phức tạp hơn. Nhưng người ta viết trên báo, nói trên đài, mặt trận ở cách Mát-xcơ-va không xa lắm. Nhưng vấn đề ở chỗ là có tàu đi đến đấy, ra mặt trận, không?

Nhưng thực ra cậu cũng không đến nỗi lo lắng về điều này lắm. Nếu mặt trận ở không xa Mát-xcơ-va, thì cùng lắm cậu cũng có thể đi bộ đến đó được chứ.

Như vậy, tất cả đều đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện. Cái anh Các-ca-Xô-côn mũi khoặp, ngốc nghếch lại đến phòng quân vụ! Ở đó họ hiểu cái gì? Còn cậu, đấy, chỉ việc nhảy lên toa tàu — và tút luôn. Và nhất định cậu sẽ đến! Khi biết tin này hẳn Nhi-cô-lai phải há hốc mồm ra! Không sao, cứ để cho anh ta tha hồ ganh tỵ, suy nghĩ. Nghĩ ra, rồi cũng sẽ làm như cậu.

An-đrây chỉ hơi thương mẹ mà thôi. Cha thì chắc lại trợn mắt, gầm gừ như đầu tàu hỏa, rồi quát ầm lên. Thì cứ tha hồ mà quát, giờ thì cũng chẳng đuổi kịp nữa đâu. Còn mẹ... Mẹ sẽ hốt hoảng, kêu khóc... Nhưng đến khi chiến tranh kết thúc, cậu sẽ trở về trong bộ quân phục Hồng quân, da sạm nắng gió, đầy mùi khói súng... Mà có thể còn có cả thanh gươm thật sự như của ông Tsa-pa-ép cũng nên?! Người ta có thể thưởng cho cậu thanh gươm lắm, nếu như cậu tỏ ra dũng cảm khi đánh nhau, lập được một chiến công nào đó chẳng hạn. Biết đâu cả huân chương... Thì sao, người ta cũng có thể thưởng cả huân chương chứ. Và lúc đó, khi cậu trở về nhà với thanh gươm mang bên hông, huân chương đeo trước

ngực, chắc mọi người sẽ trố hết mắt ra mà nhìn! Và đôi má đen nhẻm của Đi-ma sẽ đỏ lựng lên vì ghen tức, còn Các-ca-Xô-côn sẽ mở mắt đi, chiếc mũi khoặp phập phồng động đậy, anh Xê-mi-ôn chớp chớp mắt liên hồi vì kinh ngạc. Còn mẹ sẽ mỉm cười vì sung sướng và tự hào, sẽ mỉm cười hơi ngượng nghịu, và mắt mẹ sẽ phát ra những tia sáng dịu dàng. Còn cha? Còn Vê-ra, chị của Nhi-cô-lai?! Và cả cô bé Gan-na, người cao lồng ngồng sống ở nhà cậu nữa?! Và các bạn trong lớp?!

Trời mỗi lúc một tối, tiếng bánh xe vẫn gõ đều, và An-đrây, mắt nhìn lên những ngôi sao đã hiện ra trên cao, bắt đầu nghĩ rằng có thể mọi việc sẽ xảy ra như thế này: buổi chiều, cha... không, tốt hơn là anh Xê-mi-ôn, đi làm về, mở báo ra và kêu lên kinh ngạc — trong báo có ảnh của cậu, An-đrây! Cậu tuy còn chưa có gươm, nhưng mặc quân phục, và bên cạnh cậu là Mi-khai-in I-va-nô-vích Ca-li-nhin! Một tay Ca-li-nhin cầm hộp huân chương, còn tay kia bắt tay cậu và mỉm cười. Còn chính Xta-lin đứng bên cạnh, cũng mỉm cười và nhìn cậu, nhìn An-đrây!.. «Cha ơi! Mẹ ơi! — Xê-mi-ôn sẽ kêu toáng lên. — Này, xem này, xem này!» Thật là đáng tiếc là cậu không được tận mắt trông thấy nét mặt của anh Xê-mi-ôn, của cha, mẹ vào lúc đó...

Được ru ngủ bởi tiếng gõ đều đều của bánh xe và những ý nghĩ ngọt ngào này, An-đrây từ từ khép mắt; và miệng vẫn mỉm cười, cậu thiếp đi. Cậu ngủ ngon lành, yên tĩnh, và trong mơ vẫn mỉm cười.

Cậu tỉnh dậy vì tiếng còi tàu rú và đưa tay lên giụi mắt. Tiếng bánh xe thôi gõ, tàu đứng yên. An-đrây bò ra mép toa, hơi trườn người lên trên thành toa bằng gỗ, nhìn sang phải, sang trái; nhưng trong bóng tối mờ mờ cậu chỉ thấy một dãy dài những toa tàu chở hàng. Cậu chạy sang mép toa bên kia, nhưng cũng chỉ thấy những toa xe như vậy. Lúc đó, cậu liền leo lên một thùng gỗ không cao lắm, đứng thẳng người, nhìn quanh. Đâu đâu cũng toa tàu, toa tàu, cả một biển toa tàu được một vài ngọn đèn treo lủng lẳng trên các cột cao chiếu sáng nhờ nhờ. Nhiều chỗ, những chiếc đầu máy nhả khói dày đặc; từng cột khói trắng trông rất rõ trên nền ánh sáng điện nhợt nhạt, bốc thẳng lên bầu trời đen, thẫp tịt, chúng như

7-652

đang chống đỡ cho màn trời đen như mực, không một ánh sao, khỏi rơi sập xuống đất.

Phía bên phải, sau những cột khói bốc lên từ đầu máy, bên kia biển những nóc toa nhấp nhô, hiện ra một ngôi nhà vừa dài vừa to, hai hay ba tầng gì đó, được những ngọn đèn pha chiếu sáng. Đôi mắt rất tinh của An-đrây nhận ra ở đó có những đoàn tàu khách, và cậu hiểu ngay đấy là nhà ga. «Nô-vô-xi-biếc-xcơ!» — cậu đoán, túm lấy túi và nhảy xuống đất.

Vừa nhìn bệ hãm, cậu vừa leo qua những đoàn tàu, chui qua các toa tàu. Hiểu rằng mỗi một đoàn tàu có thể chuyển bánh bất cứ lúc nào, cậu bò rất nhanh sây sát cả đầu gối, bươu cả trán, chiếc túi kéo lê trên mặt đất.

Giữa hai đoàn tàu, cậu gặp một người đàn bà mặc bộ áo quần bằng bông chần lấm dầu mỡ, một tay bà cầm đèn soi, tay kia cầm chiếc búa cán dài, gõ gõ vào các bánh tàu.

— Bác ơi, đây có phải là Nô-vô-xi-biếc-xcơ không ạ? — An-đrây hỏi, để xác định lại một cách thật chính xác là mình đã đi đến đâu.

— Nô-vô-xi-biếc-xcơ. Nhưng cháu quanh quẩn ở đây làm gì thế? — người đàn bà nghiêm khắc hỏi và giơ chiếc đèn thắp bằng mẩu nến cắm sau tấm kính màu vàng lên chiếu vào người cậu. — Ăn cắp than trên các toa tàu à?

— Không... Cháu vừa mới đến đây.

— Dân tản cư à?

— Vâng ạ, — An-đrây gật đầu.

— Thế thì đi ra ngoài sân ga kia đi, người của các cháu đang xuống ở đó. Không việc gì mà luẩn quẩn ở đây. Trông cũng có vẻ láu lỉnh gớm.

Và bà ta bước đi, tiếp tục gõ búa lên bánh xe.

— Bác ơi, bác nói cho cháu biết là Mát-xcơ-va ở hướng nào?

— Cái gì? Cái gì? — Người đàn bà ngạc nhiên. — Thế cháu hỏi để làm gì?

— Cháu cần...

— Khoan đã, cậu bé thông minh ơi, — bà ta nói và bước đến bên cậu.

An-đrây vội chui xuống dưới một đoàn tàu, đoàn thứ hai,

rồi đoàn thứ ba, sau đó cậu nhảy lên một toa xe trần, nằm ép dọc theo thành toa bằng gỗ, nín thở, lắng nghe. «May quá, suýt nữa thì hỏng hết! Tất nhiên, mặt trận gần Mát-xcơ-va mà, bà ta đoán ra ngay. Không, không thể hỏi thêm ai nữa cả».

Nằm một lúc, hiểu rằng không ai đuổi theo cậu cả, cậu bắt đầu bình tĩnh suy nghĩ. Không sao, phần thứ nhất kế hoạch của cậu đã thực hiện xong một cách xuất sắc, bây giờ cần bắt đầu phần thứ hai.

Cảm thấy đói, cậu mở túi, bẻ một miếng bánh mì, lấy ra một củ cà-rốt và bắt đầu ăn. Không hiểu sao bánh mì và cà-rốt có mùi dầu. Cậu không thể đoán ngay ra được rằng đấy không phải mùi của bánh mì và cà-rốt, mà là tay cậu bị dính ma-dút khi bò qua dưới các toa tàu.

Ở trên toa trần này thật ấm áp, dễ chịu. Một bên là thành toa thấp bằng gỗ với những thanh nẹp dày bằng sắt, bên kia là những khúc gỗ lớn xếp thành đống. Lớp gỗ thứ ba trồi ra đến hơn nửa mét so với hai lớp dưới tạo thành một chỗ lõm. An-đrây chui vào đó, nằm xuống đo thử. Ừ, giá được nằm đây mà đi đến tận Mát-xcơ-va thì thật tuyệt! Có thể lấy một ít cỏ khô rải lên — toa bên cạnh chở toàn cỏ khô đóng thành từng bao lớn, cậu sẽ rút một ít. Đến các nhà ga thì có mà thánh mới thấy được cậu nằm dưới lớp gỗ này. Chỉ có một vấn đề — không biết đoàn tàu này đi đâu? Đến Mát-xcơ-va hay theo hướng hoàn toàn ngược lại?

An-đrây không muốn chui ra khỏi chỗ kín đáo này. Cậu nằm im và suy nghĩ. Toa này chở gỗ, toa bên cạnh chở cỏ khô, và xa hơn nữa là các xi-téc đựng xăng. Hiện nay người ta có thể mang gỗ, cỏ khô và xăng đi đâu được nhỉ? Tất nhiên là ra mặt trận! Gỗ để xây công sự, cỏ khô cho ngựa chiến, còn dầu xăng cho máy bay.

Đúng là như thế thật, nhưng biết đâu đoàn tàu này vẫn cứ chạy theo hướng ngược lại thì sao? Không, trước hết cần phải biết chính xác Mát-xcơ-va ở hướng nào đã.

Để biết được điều này, theo kế hoạch của cậu, là một việc hết sức đơn giản: chỉ cần ra sân ga và nhìn xem những đoàn tàu có các bảng đề «Vla-đi-vô-xtốc — Mát-xcơ-va», hoặc «Iếc-cút-xcơ — Mát-xcơ-va», hoặc «Nô-vô-xi-biếc-xcơ — Mát-xcơ-va» chạy về hướng nào. Sau đó chỉ việc tìm bất kỳ

một đoàn tàu hàng nào sẽ chạy cùng hướng và nhân lúc nó bắt đầu chuyển bánh, chưa kịp tăng tốc độ, bám nhảy lên theo.

An-đrây tiếc rẻ chui ra khỏi chỗ nấp. Đã bắt đầu sáng, bầu trời đen trên đầu mỗi lúc một nhợt nhạt dần, các cột khói đầu tàu như bốc lên cao hơn. Cậu nhảy xuống đất, luồn qua các đoàn tàu, đi về hướng sân ga.

Khi cậu đến gần đường sắt dành cho tàu khách, một đoàn tàu ầm ầm lao vút qua. Đầu tàu xuất hiện một cách hết sức bất ngờ, như mọc từ dưới đất lên, gầm rú dữ tợn. An-đrây chợt nghe thấy tiếng rú này khi đang ở giữa đường và cậu như bị chôn chân tại chỗ. Đầu máy lao nhanh tới mỗi lúc một to hơn, khủng khiếp. An-đrây trông thấy chiếc trán tròn, dẹt và đen trũi của nó, thấy những chiếc song chắn sơn đỏ trên các bánh xe dẫn phía trước như hàm răng nhe ra dữ tợn, thấy cả ống khói ngắn ngủn, hình phễu, đang nhả từng cụm khói đen. Cậu thấy tất cả, cậu hiểu rằng ngay bây giờ đầu tàu sẽ đè bẹp, sẽ nghiền nát cậu như một con ruồi, nhưng cậu không thể nhấc bước lên được, hai chân như bị dính chặt vào đất.

An-đrây không còn nhớ cậu kịp nhảy sang bên ra sao và từ lúc nào. Cậu chỉ cảm thấy một luồng gió nóng phả lên người và thấy bác thợ máy, đen như than, từ trên buồng máy trợn mắt giơ nắm tay đen lên dọa cậu.

An-đrây đưa mắt nhìn theo bác thợ máy, rồi biết lỗi cúi đầu xuống, nghe tiếng tim sợ hãi đập loạn xạ trong ngực. Những toa tàu vẫn nối tiếp nhau lao qua — đoàn tàu rất dài.

Nhưng khi hơi ngửng đầu lên nhìn, cậu đã quên phắt đi ngay cả người thợ máy, cả nỗi sợ hãi của mình. Xe tăng! Xe tăng! Những chiếc xe tăng đứng đầy trên các toa trần của đoàn tàu đang lao qua sân ga! Mà xe tăng thì không phải là gỗ hoặc xăng, người ta không chở chúng về hậu phương. Tất nhiên là đoàn tàu này đi về hướng Mát-xcơ-va, ra mặt trận! Thế đấy, hóa ra vẫn còn có cách khác biết được mặt trận ở hướng nào! Thế mà, trong kế hoạch của mình, cậu không nghĩ đến điều này, chỉ hy vọng vào những chiếc bảng gắn trên các đoàn tàu khách. Thế mới ngốc, thế mới ngốc chứ!

An-đrây nhảy quýnh lên vì mừng rỡ, cậu vội vã quay trở

lại, leo qua các buồng hãm, chui dưới các toa tàu. «Cần phải tìm, cần phải tìm cho ra toa tàu chở gỗ... — cậu thầm nghĩ. — Đoàn tàu ấy dễ tìm thôi — gỗ, cỏ khô, các thùng xi-téc đựng xăng. Nếu nó lại chạy hướng ngược lại đoàn tàu chở xe tăng vừa rồi, mình sẽ nhảy ngay xuống đất và leo lên một đoàn tàu khác. Còn nếu nó chạy cùng về hướng ấy thì quả là may mắn, thắng lợi. Dưới lớp gỗ kia thật ấm áp, dễ chịu. Tránh được cả mưa nữa... Nhưng không biết nó đâu rồi? Chẳng lẽ chạy mất rồi à? Chẳng lẽ chạy rồi à?»

Nhưng đoàn tàu có toa chở gỗ mà An-đrây rất thích, vẫn nằm nguyên chỗ cũ. An-đrây tìm thấy nó khi trời đã sáng hẳn, cậu chui vào dưới hõm gỗ, nằm duỗi thẳng cả người ra và khoan khoái mỉm cười. «Thế đấy...»

Đoàn tàu còn đứng ở ga rất lâu, phải đến một — hai tiếng đồng hồ nữa. An-đrây kiên nhẫn nằm đợi. Cuối cùng, cậu nghe tiếng sắt thép loảng xoảng khô khốc; những tiếng động đó cứ lớn dần, lại gần, và toa tàu cậu nằm bỗng giật mạnh và bắt đầu chuyển động. Tiếng sắt thép loảng xoảng chạy về phía đuôi tàu, nhỏ dần. Tiếng bánh tàu, hãy còn thưa thớt và khe khẽ, gõ lên những chỗ nối trên đường ray.

An-đrây chui ra khỏi chỗ ẩn, nhìn sang phải, sang trái và cười nhẹ nhõm: đoàn tàu đi về đúng cái hướng của đoàn tàu chở xe tăng vừa chạy lúc nãy.

Mấy phút sau đoàn tàu đã ra khỏi địa phận sân ga và bắt đầu tăng tốc độ. Những công trình cuối cùng của khu vực ga, một ngôi nhà thờ nhỏ thấp thoáng lùi dần về phía xa, những ngôi nhà gỗ nhỏ bé, đen sạm vì mưa nắng chạy ngược trở lại mỗi lúc một nhanh hơn. Và bỗng nhiên, hoàn toàn bất ngờ, đoàn tàu lao ầm ầm trên một chiếc cầu sắt rất lớn.

Chưa bao giờ An-đrây được thấy một con sông lớn và chiếc cầu dài đến vậy. Đây không phải là Grô-mô-tu-kha, nó rộng hơn ít nhất là năm lần. Trên sông có cả tàu thủy chạy nữa.

An-đrây nhìn qua hàng rào chắn cầu xuống chiếc tàu thủy lớn, màu trắng, đang vạch một vệt dài sủi bọt trên sông, xuống những con sóng nặng như chì đang từ hai bên thành tàu đuổi nhau vào bờ và cậu bỗng cảm thấy khát nước. «Ôi quỷ thật, mình làm sao bây giờ? — cậu cau có nghĩ bụng. —

Đáng lẽ khi ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ phải tìm lấy một ít nước. Nhưng không sao, chắc tàu rồi cũng phải dừng lại ở một nơi nào đấy, lúc đó ta sẽ lấy...»

Rồi cả thành phố, cả chiếc cầu cùng con sông và tàu thủy tụt lại phía sau, đoàn tàu đã đi vào đồng cỏ. Xa xa, những xóm làng thấp thoáng, nhưng An-đrây nhìn mãi đã phát chán, cậu đứng dậy và thận trọng leo sang toa chở cỏ khô. Các kiện cỏ được xếp thành hình tháp, mỗi kiện đều bị một lưới thép buộc chặt. An-đrây thử giật một ít cỏ khô từ các kiện, nhưng không được. Mặc dù sợ bị ngã, cậu vẫn liều leo đi khắp toa để tìm một kiện nào bị sổ ra, nhưng không có. «Thôi được, — cậu trở về toa chở gỗ, nghĩ, — không có lót cũng không sao, vẫn đến nơi được...»

Nhưng mỗi lúc cậu càng cảm thấy khát hơn. Miệng, lưỡi khô cứng lại. Bánh xe vẫn gõ gõ không ngừng như ru ngủ. Nhưng An-đrây không thể ngủ được. Chỉ vừa nhắm mắt lại, cậu đã mơ thấy chiếc tàu thủy màu trắng đang đuổi giạt những con sóng nặng trên dòng sông lạ, và cậu càng thấy khát hơn.

Còn đoàn tàu, cứ như trêu chọc cậu, liên tiếp chạy qua những con sông, con suối nhỏ. Tuy là nhỏ, nhưng vẫn có thể uống thỏa thích được, — An-đrây nghĩ, — đủ cho cả hàng trăm hàng nghìn người. Ôi, giá như đoàn tàu, vì một nguyên nhân nào đó bỗng bất ngờ dừng lại bên cạnh một con suối thì may mắn biết mấy!

Nhưng đoàn tàu không hề dừng lại cạnh các con suối. Và nói chung, nó chạy rất lâu đã mấy tiếng đồng hồ liền không dừng. Mặt trời đã lên cao, tỏa nắng xuống những cánh đồng hoang trống trải, những thửa ruộng nông trường gặt đã lâu, chỉ còn trơ lại gốc rạ bị bò, ngựa giẫm nát.

Khi An-đrây đã gần như không chịu đựng nổi nữa vì khát, khi cổ họng và miệng đã khô rát, đoàn tàu bắt đầu chạy chậm lại, tiếng bánh gõ trên nền đường trở nên thưa hơn. An-đrây nhóm người ra ngoài thành toa. Nhưng cái mà cậu nhìn thấy không làm cho cậu mừng lắm: phía trước ngất nghểu một cây cột chỉ đường; xa hơn, sau cột chỉ đường, là một túp lều gỗ nhỏ đứng đơn độc. Chắc là một quãng đường tránh. «Nếu là nhà ga, thì mới có thiết bị đun nước, — cậu nghĩ bụng không lấy gì làm vui vẻ. — Lúc đó mình sẽ

xuống và lấy đầy một xoong nước. Nhưng ở đây thì làm sao bây giờ? Tất nhiên ở đây nếu đã có người thì cũng phải có nước. Nhưng vào lều và xin nước là một việc nguy hiểm. Họ lại hỏi mình là ai, đi đâu, tại sao lại nằm trên tàu hàng— và thế là hỏng bét. Mà tàu có dừng lại không đã chứ?»

Đoàn tàu chạy chậm dần, rồi dừng hẳn. Toa tàu của An-đrây đỗ ngay đối diện túp lều gỗ. Và cạnh lều là... An-đrây phải nhắm mắt lại, lắc mạnh đầu để xua đuổi ảo ảnh... Bên cạnh lều, cách chỗ cậu nằm chỉ hai chục thước, từ dưới đất trồi lên một thành giếng bằng gỗ. Một người đàn bà, không, hình như chỉ là một cô bé, đang dùng gầu gỗ múc nước từ giếng lên đổ vào mấy chiếc xô để trên mặt đất.

Hỏi xin... hỏi xin một xoong nước?! Hay là... không cần, nguy hiểm lắm! Hoặc cứ hỏi, có thể không sao, chắc họ sẽ không đoán ra cậu đi đâu đâu? Không, không nguy hiểm! Cô bé này có thể sẽ không hỏi gì cậu đâu, nhưng sau lại nói với người lớn. Lúc đó họ hoặc là sẽ bắt cậu xuống tàu ngay bây giờ, hoặc sẽ gọi điện (mà trong lều chắc hẳn phải có điện thoại!) cho ga sau: có người đáng nghi đi trên đoàn tàu hàng, phải kiểm tra xem...

Nhưng trước mắt cậu, từng dòng nước lạnh trong vắt chảy từ chiếc gầu gỗ nặng vào mấy xô tôn cứ lấp lánh, lấp lánh. An-đrây cảm thấy trong miệng mình vị ngọt mát của nước, và cuống họng cậu như bị co giật. Cậu nhìn ra phía trước—cột tín hiệu vẫn còn cấm đường, chưa cho phép tàu chạy. Và hai bàn tay của cậu tự động mở túi lấy xoong ra. Hất chiếc áo khoác trên vai xuống, cậu nhảy xuống đất, kêu to.

—Này, đợi một tí...

Cô bé bên giếng quay lại nhìn.

—Này... mau lên, mau lên!—cậu chạy đến bên giếng, miệng hét.—Cho tớ tí nước, mau lên...

Và không để ý đến cô bé mặc chiếc áo khoác rách, thắt dây lưng da bộ đội đã cũ đang sợ hãi đi giật lùi, cậu vục xoong vào chiếc xô nước đặt trên mặt đất, múc nước đưa lên miệng uống ừng ực, nước đổ ra cả người.

Nước rất lạnh, giá buốt. Sau hai ba hớp, răng cậu nghe nhức buốt, nước mắt ứa ra.

—Đằng ấy... là ai thế?—cô bé hỏi.

—Tớ là người,—cậu trả lời, lấy tay xoa má cố làm dịu cơn nhức buốt trong chân răng. Rồi cậu lại vục đầu vào xoong nước, uống tiếp.

Cô bé vẫn căng tròn mắt nhìn cậu.

—Đằng ấy đi trốn vé trên tàu hàng này à?

—Tớ đi... Nhưng không phải tớ trốn vé, mà là vé trốn tớ...

Cô bé lấy tay che miệng phá ra cười. An-đrây đột nhiên bảo:

—Này, đằng ấy đừng nói với ai là tớ đi trên tàu này nhé!

—Được, tớ không nói đâu,—cô bé hứa.—Nếu cần, đằng ấy cứ lấy đầy xoong nước đi. Chỉ có điều đừng vục xoong vào xô, để tớ đổ ra cho.

Cô bé bắt đầu nghiêng xô rót nước ra, nhưng cũng vừa lúc đó đầu máy kéo còi và đoàn tàu chuyển bánh.

—Ôi, đằng ấy nhỡ mất kìa!—cô bé kêu lên the thé.

An-đrây chạy vội đến đoàn tàu, làm sánh nước tung tóe. Cậu chạy hết sức, nhưng toa tàu chở gỗ, nơi cậu để lại túi thức ăn, mỗi lúc một xa dần. «Nhỡ mất rồi! Nhỡ mất rồi!—cậu nghe như có cái gì gõ váng lên trong đầu.—Mà trong túi có bánh mì, mỡ... Cả áo nữa... Mình làm sao bây giờ? Mình làm sao bây giờ?»

Sự sợ hãi, luống cuống làm cho đôi chân trở nên nặng trịch, cứng đờ ra, phải khó khăn lắm cậu mới nhấc được chúng lên khỏi mặt đất. Đường ray lại nằm trên một nền đá thấp, chạy rất khó khăn. «Nhỡ mất rồi! Nhỡ mất rồi!..»

Những thùng xi-téc, những toa tàu bịt kín, lại những thùng xi-téc nối nhau chạy qua. Đoàn tàu chạy mỗi lúc một nhanh thêm. Biết rằng không thể nào đuổi kịp toa tàu chở gỗ, An-đrây ném chiếc xoong với một ít nước còn lại, cố liều bám lấy bất kỳ một toa nào. Nhưng cố gắng của cậu bị thất bại thảm hại—cậu bị trượt chân, ngã lăn xuống dưới nền đường, đầu gối rớm máu. Tuy vậy, cậu lại chồm dậy ngay, không cảm thấy đau đớn gì cả.

Toa cuối cùng của đoàn tàu sắp lướt qua.

—Nào cháu, đưa tay đây!—cậu bỗng nghe có tiếng nói và thấy một người với bộ ria mép rậm đang nhoài người ra ngoài buồng hãm của toa tàu cuối cùng. Ông đứng ở tầng

dưới của bậc thang lên xuống, một tay ôm lấy tay vịn bằng sắt, tay kia chìa ra cho cậu.

An-đrây muốn túm lấy cánh tay đang chìa ra, nhưng bàn tay cậu chỉ chạm tuột theo ống tay chiếc áo khoác ngoài, và toa tàu cuối cùng cũng bắt đầu vượt lên, nửa mét, một mét, rồi mét rưỡi...

— Bác ơi... Bác ơi! — An-đrây cuống quít, thất vọng kêu to.

— Cháu nhảy lên, nhảy lên đi! — người có bộ ria rậm cũng kêu lên. — Chỉ một bước nhảy... Cố một bước nhảy cuối cùng!

An-đrây cũng hiểu rằng nếu bây giờ không làm một bước nhảy cuối cùng, bước nhảy quyết định, thì như vậy coi như tạm biệt chiếc áo khoác ngoài, tạm biệt túi đựng thức ăn, mà thiếu cái ăn thì cậu không thể nào đi đến mặt trận được. Và cậu cố hết sức...

— Bắt — lấy!..

Cậu cảm thấy như có một cái gì quất vào mặt. Cậu không trông thấy, nhưng đoán ngay ra là bác kia ném cho cậu sợi dây thừng hay thắt lưng, và cậu vội chộp ngay lấy đầu dây cứu nạn, chộp ngay lấy và bám thật chắc, đến nỗi có lẽ trên thế giới này không có sức mạnh nào bây giờ có thể bắt cậu buông tay ra được.

Bác ria xồm kéo cậu lên buồng hãm. Đôi bàn tay bóp chặt đến trắng nhợt vẫn chưa buông đầu thắt lưng ra, An-đrây thấy những bụi cây lướt qua ngay bên cạnh, nghe tiếng bánh xe gõ đều đều dưới chân. Đến lúc ấy cậu mới hiểu là cuối cùng cậu vẫn không bị nhỡ tàu và phá ra cười nhẹ nhõm.

— Bác kéo cháu lên cũng khéo đấy chứ, cứ y như giật con cá từ trong ao lên, — bác ria xồm ngồi xồm xuống, nói. Rồi bác nháy mắt: — Còn cháu cũng khá lắm, nắm chắc ghê. Khá, khá lắm.

— Cám ơn bác, nếu không, cháu nhỡ tàu mất, — An-đrây nói và lảo đảo đứng dậy. Cậu nghe đau ran trong ngực như vừa bị đốt, bị dùng gậy đánh rất lâu. Lại khát nước nữa. — Còn đằng kia, trong toa chở gỗ, cháu còn có một cái túi đựng bánh mì và áo khoác.

— Còn bác, bác cũng sợ cháu nhỡ tàu mất. Khi cháu chạy

đến bên giếng, bác đã gọi bảo: «Cháu ơi, nhanh lên!» Thế cháu không nghe thấy à?

— Không ạ, — An-đrây lắc đầu, ngạc nhiên nhìn con người lạ lùng này. — Thế bác là ai?

— Bác là nhân viên phụ trách tàu. Bác phải theo các đoàn tàu đi khắp nơi... Không sao, mọi việc đều ổn cả. Còn áo và túi không mất đi đâu mà sợ. Sắp tới đến ga, cháu sẽ lấy. Thế cháu định đi tiếp hay sao — ở toa tàu đằng kia hay ở đây với bác? Ở đây đi, không một mình bác buồn lắm.

— Cháu cũng không biết nữa, — An-đrây nhìn bác ria rậm với một sự lo lắng, dè dặt, cố đoán xem mình rơi vào một tình cảnh như thế nào. Mặc dù bác này trông có vẻ tốt bụng, đã nhanh trí ném dây cho cậu, nhưng biết đâu đến nhà ga gần đấy bác ta lại nộp cậu cho đồn công an?

Nhưng bây giờ thì chưa thấy bác ta có biểu hiện gì về ý định đó. Bác đứng tựa khuỷu tay lên thanh chắn của buồng hãm, nhằn hạt hướng dương, nhổ vỏ xuống đường ray lấp loáng dưới toa tàu. Mà cũng có thể, bác ta là một người tốt, An-đrây nghĩ bụng tiếp. Có những con người rất tốt bụng, bao giờ cũng hiểu và giúp đỡ bọn trẻ. Cũng có thể bác này sẽ hiểu cậu, giúp cậu đi đến được mặt trận. Tuy nhiên, để đề phòng, An-đrây thấy không nên nói cho bác ta biết mình đi đâu. Và nói chung, để cho chắc chắn, nên tìm cách trốn đi là hơn. Chỉ có điều làm sao lấy được túi và áo?

Nhằn hết hạt hướng dương, bác nhân viên lấy từ trên thành toa xuống một chiếc áo mưa, trải xuống sàn, ngồi lên, lấy từ trong hộp sắt đặt trên đầu gối ra nào trứng, nào cà chua, nào bánh mì.

— Ngồi xuống đây, đồng chí Va-xi-li I-va-nô-vích, ta đánh chén một tí để đi xa cho vui vẻ.

— Cháu không phải Va-xi-li I-va-nô-vích, cháu là An-đrây Xa-vê-li-ép.

— À-à... thôi được. Còn bác là Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích... An-đrây Xa-vê-li-ép à? Hượm, hượm nào! — Bác nhân viên đang định cắt bánh mì, ngạc nhiên dừng tay nhìn An-đrây. — Thế cháu có phải con bà Di-na-i-đa Xa-vê-li-ê-va bán vé ở nhà ga Nô-vô-xi-biếc-xcơ không?

— Không phải ạ, — An-đrây lắc đầu.

—Sao lại không phải?—đôi mắt của bác nhân viên bỗng trở nên nghiêm nghị.—Đúng, đúng là cháu rồi! Sao cháu cứ chối quanh thế làm gì? Chính cháu mùa hè vừa rồi nhảy vào vườn bác, làm nát hết cả cà chua!

—Bác nói sao, bác Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích! Vườn nào? Cà chua nào? Cháu có ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ đâu, cháu ở San-ta-ra cơ mà. Cháu ở làng gọi là San-ta-ra...

—À-à...—bác nhân viên kéo dài giọng, đôi mắt bác lại trở nên hiền lành.—Thế thì xin lỗi cháu nhé, bác nhầm. Còn San-ta-ra, bác có biết, đã bao nhiêu lần đi ngang qua. Ở đấy còn có một con sông nhỏ... gọi là gì nhỉ? Con sông đẹp lắm...

—Grô-mô-tu-kha.

—Đúng rồi. Còn khi đến đấy, từ xa đã thấy núi.

—Vâng,—An-đrây đồng ý gật đầu.—Núi ở chỗ cháu cũng đẹp và có tên rất hay—Dve-nhi-gô-ra*.

—Đúng là hay thật. Nhưng sao lại có tên như vậy? Nó kêu thật à?

—Cháu không biết. Nhưng khi nào đứng ngắm nó lâu, thật lâu, đặc biệt vào những ngày trời nắng dịu, thường có cảm tưởng như nó đang kêu, ngân khe khẽ như chuông.

—Được rồi, bây giờ thì bác tin là cháu ở San-ta-ra thật.—Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích nói.—Thế mà bác nhầm... Xin lỗi cháu nhé.

—Không sao ạ,—An-đrây rộng lượng đáp.

—Cháu ăn đi, An-đrây, đừng ngượng.

—Cháu muốn uống trước.

—Bi-đông nước đấy, cháu uống đi.

Tiếng bánh xe gõ giòn giã, dồn dập và vui vẻ, hai bên đường thấp thoáng những rừng bạch dương đã trụi lá từ lâu. Uống nước chán, An-đrây bắt đầu nhét cà chua đầy cả hai bên má, rồi sau đó bắt tay đến món trứng luộc. Nhưng trong bụng, cậu vẫn lo lắng, không yên tâm. Cậu lờ mờ cảm thấy rằng trong câu chuyện với bác nhân viên, cậu vừa mắc phải một sai lầm lớn. Nhưng sai lầm nào—hiện cậu chưa thể biết được.

---

* Dve-ni-gô-ra—trong tiếng Nga có nghĩa là «Núi ngân chuông».

Ăn xong, Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích bỏ bánh mì và cà chua còn lại vào hộp sắt của mình, châm thuốc hút và nói:

—Bác rất thích qua làng San-ta-ra của cháu. Đường về đó rất đẹp—rừng, đồi núi, thung lũng. Còn ở đây thì chỉ có đồng cỏ trần trụi và những cánh rừng bạch dương chán ngắt này. Thế còn cháu đi đâu đấy, ra mặt trận à?

An-đrây đang đợi câu hỏi này và đã chuẩn bị để trả lời. Nhưng khi nghe hỏi, cậu vẫn luống cuống.

—Cháu ấy à? Bác bảo sao? Không... Cháu chỉ đi... cháu đến thăm bà. Bà cháu ở gần đây thôi. Cháu sắp xuống rồi.

—Ga nào?

—Ga... ga... Đến ga lớn đầu tiên, cháu sẽ xuống.

Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích phá ra cười, chụp mũ lông xuống che kín cả mắt cậu.

—Bác sao thế?

—Cháu nói dối khiếp thế! Bác thấy ngay là cháu đi ra mặt trận. Giấu làm gì vô ích. Nhưng đấy là việc của cháu, muốn xuống đâu thì xuống. Còn nếu như muốn ra mặt trận, bác khuyên cháu không nên xuống khỏi tàu này. Nó đi thẳng ra mặt trận đấy.

—Đi thẳng ra mặt trận à? Cháu đã biết mà!—An-đrây mừng quá kêu to.—Vì cháu nghĩ bây giờ thì người ta có thể chở xăng đi đâu được nữa? Chỉ có ra mặt trận...—Cậu bỗng im bặt, sực nhớ ra rằng thế là mình đã để lộ tẩy hết.

—Cháu nghĩ đúng đấy, cừ lắm. Bác thấy cháu là một chàng trai anh hùng đấy, bác thích những người như vậy. Bác thì chỉ đưa đoàn tàu này đến ga Tsu-lưm-xcai-a thôi. Đến đó, một bác nhân viên khác sẽ dẫn đi tiếp. Bác ấy cũng là bạn thân của bác. Bác sẽ nói với bác ấy cho phép cháu đi tiếp ở toa này. Sau đấy, bác bạn thân của bác lại nói với người phụ trách tiếp theo. Bác này lại nói với người phụ trách sau nữa... Cứ thế, họ sẽ đưa cháu đến tận mặt trận. Bác nói nhé?

An-đrây không biết trả lời ra sao. Nếu bảo «bác nói đi» có nghĩa là chẳng khác gì thú nhận «lạy ông con ở bụi này». Cậu im lặng.

—Tùy cháu đấy. Ở đây dù sao vẫn kín gió hơn, lại có mái che. Còn ở toa trần khi có mưa cháu sẽ bị ướt hết ngay. Hơn nữa, bất kỳ một người công an nào cũng có thể bắt cháu

xuống tàu. Còn ở đây, với nhân viên phụ trách tàu, ấm áp và an toàn hơn.

An-đrây thở dài. Tất nhiên là ở đây tốt hơn nhiều. Nhưng mặt khác, vẫn có nguy hiểm. Nếu như trong số các nhân viên phụ trách tàu có một người nào đó không tốt bụng, thông cảm như bác Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích này, bắt cậu đem nộp cho công an thì sao?

Cậu lại thở dài lần nữa, đưa mắt nhìn bác Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích. Bác ta vẫn ngồi trên chiếc áo mưa, loay hoay với mấy chiếc đèn hiệu, lau các mặt kính bằng một miếng giẻ bẩn. Rồi bác đặt đèn vào chân thành toa, nhặt áo mưa lên, giũ sạch, rồi treo lên chiếc đinh đóng trên thành toa, tựa khuỷu tay vào thanh ngang của buồng hãm và lại bắt đầu nhằn hạt hướng dương.

—Cháu ăn không?—Bác chìa cho An-đrây một vốc tướng.

An-đrây cũng đến đứng cạnh bác và bắt đầu nhằn.

Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích không hỏi gì thêm, cũng không đòi phải trả lời ý kiến đề nghị của mình. Và điều này làm cho An-đrây thích. Cậu nghĩ: thế mới phải chứ, người đàn ông chân chính không nên nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần cũng chỉ một điều ấy. Chỉ nói một lần—và thế là đủ. Bây giờ đến lượt cậu phải suy nghĩ, tính toán và quyết định. Nhưng quyết định thế nào?

—Thôi được,—cậu nói mà vẫn còn sợ,—Bác cứ nói với bác nhân viên phụ trách là bạn thân của bác đi. Cháu đồng ý.

—Thế mới thông minh chứ!—Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích gật đầu.—Cháu khá lắm.

Tại ga đầu tiên khi tàu dừng lại, hai người cùng nhau chạy đến toa gỗ, lấy túi và áo khoác của An-đrây, rồi lại trở về buồng hãm. Sau đó, tàu còn nhiều lần dừng lại ở các ga xép chậtních các đoàn tàu hàng. An-đrây bây giờ công khai nhảy xuống đất, đi lại xung quanh toa, co duỗi chân tay. Những nhân viên đường sắt chạy ngang qua hoàn toàn không chú ý gì đến cậu. «Tốt lắm!»—An-đrây vui mừng nghĩ. Và đoàn tàu của họ lại phóng lên phía trước, bỏ lại đằng sau các ga lớn, ga nhỏ, các xóm làng. An-đrây mấy lần kể cho Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích nghe về San-ta-ra, về dãy Dve-nhi-gô-ra và

con sông Grô-mô-tu-kha. Không hiểu sao, bao giờ cậu cũng quay về chuyện câu cá.

—Còn cá rô ở sông Grô-mô-tu-kha thì chẳng khác gì thú đói. Nó cắn mồi cứ như có ai lấy gậy phang vào cần câu ấy. Sau chiến tranh cháu về, mời bác đến Grô-mô-tu-kha ta cùng câu cá. Bác sẽ đến chứ?

—Tất nhiên, An-đrây ạ. Bây giờ bác cháu ta đã là bạn của nhau rồi mà.

Thỉnh thoảng An-đrây ngồi im lặng, nhìn rất lâu ra những cánh rừng con thấp thoáng hai bên đường.

—Thế những người bạn phụ trách tàu của bác có đánh lừa cháu không? Có thể tin họ được không?—cậu hỏi.

—Có thể tin ở họ như tin bác.

—Bác nói thật đấy chứ ạ?

—Nếu không thì bác lại đi nói với họ về cháu để làm gì? Đừng lo, An-đrây ạ, mọi việc sẽ tốt đẹp cả.

—Thôi được... Cháu tin bác.

Đến chiều, lúc gần tối, phía trước hiện ra một thị trấn nhỏ. Mấy phút sau, đoàn tàu đã chạy ngang qua những ngôi nhà gỗ thấp lè tè xấu xí, những túp lều bằng ván ghép. Cả nhà, cả lều, cả những thân cây trần trụi đứng rải rác đây đó,—tất cả đều phủ một lớp bồ hóng và khói đầu máy đen kịt.

—Ga Tsu-lưm-xcai-a phải không, bác?

—Nó đấy,—Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích gật đầu.

Ga Tsu-lưm-xcai-a, cũng như những ga khác chật ních tàu quân sự. Đoàn tàu của họ xuyên thẳng vào khối những toa tàu dày đặc, và thật kỳ lạ, đáng ngạc nhiên, là làm sao chiếc đầu máy kéo đoàn tàu của họ có thể tìm ra ở đây được một con đường trống và lách chen vào giữa những hàng tàu dày đặc này.

—Thế là đến nơi rồi đấy. Tàu còn phải đứng ở đây rất lâu. Ta vào phòng nhân viên đi, bác sẽ giới thiệu cháu với người thay bác.

An-đrây vắt túi lên vai, hai người đi ra sân ga. Có lẽ ở đây mọi người đang đợi đoàn tàu khách, đàn ông, đàn bà ngồi trên va-li, trên bao gói, thành từng nhóm, chen chúc nhau trước cửa ngôi nhà ga một tầng, từng toán dăm ba người đi đi lại lại.

Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích dẫn An-đrây qua một hành lang tối tăm, bẩn thỉu của nhà ga, giơ tay đẩy vào một cánh cửa. Cửa đóng, nhưng chìa vẫn cắm ở ổ khóa.

—Lạ thật, không biết cô ta đi đâu mất rồi?—Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích thốt lên và dừng lại, lưỡng lự.

—Cô nào?

—Phụ trách tàu, người thay ca cho bác.

—Phụ trách tàu không phải cô, mà...

—Sao? Ở chỗ bác có cả phụ nữ phụ trách tàu.

Giọng của Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích nghe hơi khang khác so với mọi khi, có cái gì như vẻ của một người có lỗi. Cái giọng nói đó, cái tin rằng người thay ca cho Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích là phụ nữ, thậm chí cả cái cánh cửa sây sước bẩn thỉu,—tất cả đều làm cho An-đrây lo ngại. «Lạ thật...»—cậu nói thầm, nhưng chưa kịp nghĩ gì thêm, thì Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích đã cương quyết quay chìa khóa, mở toang cửa và khẽ đẩy vào lưng An-đrây.

Căn phòng họ vừa bước vào khá rộng rãi, sáng sủa. Một chiếc bàn viết kê trong góc phòng, trên bàn có mấy tờ giấy. Một chiếc ghế đi-văng dài đã cũ sờn, đặt dọc theo tường, mấy chiếc ghế tựa... Từng vật riêng biệt trong phòng đều không có gì tỏ ra là nguy hiểm cả, nhưng đó chỉ là cảm giác trước khi cậu nhận thấy rằng cửa sổ duy nhất của căn phòng bị lưới sắt chăng kín, còn trên tường treo một tấm biểu ngữ vẽ một người công an má đỏ hồng hào đứng giữa phố ồn ào và một đoàn thiếu niên đang xếp hàng đi ngang qua. An-đrây liền đoán ra ngay mọi chuyện, cậu tái mặt, vụt quay người lại phía Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích, đôi môi run lên giận dữ.

—An-đrây ạ, cháu hiểu cho, bác không thể làm khác,—Nhi-cô-lai Pê-tơ-rô-vích nói, mắt nhìn tránh ra chỗ khác.—Cháu hãy hiểu cho bác.

—Thế mà cháu đã tin bác đấy! Cháu đã tin!—An-đrây hét to.

—Còn sau chiến tranh, bác sẽ đến đi câu cá cùng cháu...

—Bác là... là... Ông là đồ phản bội!

Nghe những lời này, bác phụ trách tàu bước lùi lại, đôi mắt buồn rầu nhìn An-đrây, và bác dùng lưng mở cửa phòng. An-đrây lao vội lên trước, định chạy ra khỏi phòng cùng với

con người giờ trở nên đáng ghét đối với cậu, nhưng cậu vấp phải cánh cửa đóng sập ngay trước mũi. Cậu đấm đá, lấy móng tay cào vào cửa:

—Đồ phản bội! Đồ phản bội! Đồ phản bội!..—cậu tuột người theo cánh cửa, ngồi phịch xuống sàn nhà, gào tướng lên. Chiếc mũ lông đội trên đầu rơi xuống lăn ra tận giữa phòng.

Một lúc sau có tiếng chìa khóa mở cửa lách cách, một người nào đó xốc nách đỡ cậu lên khỏi sàn, đặt ngồi xuống chiếc ghế đi-văng đã cũ mòn. Thậm chí người đó còn xoa đầu cậu nữa. An-đrây biết đó là chú công an, cậu tức giận hất tay ra, gục đầu vào thành ghế lạnh và lại òa lên nức nở.

Người công an vừa vào phòng không nói gì. An-đrây không nhìn người đó,—cậu không muốn nhìn. Nghe tiếng động và tiếng giấy tờ sột soạt, cậu đoán người công an đã ngồi xuống sau bàn và bắt đầu giở giấy tờ. «Cứ để cho chú ấy giở... Còn mình, mình cứ ngồi đây như thế này, mình thà chết còn hơn là nhìn chú ấy...»—cậu bướng bỉnh nghĩ thầm và đã thôi thút thít khóc. Nhưng sau lưng, một tiếng còi tàu đột ngột rú lên, khàn khàn, dai dẳng. Có thể, đó là tàu khách vừa vào ga, mà cũng có thể, đó là đoàn tàu của cậu lại đi tiếp... An-đrây vô tình ngẩng đầu lên và thấy người ngồi sau bàn không phải là chú công an, mà là cô công an. Cô ta có lẽ chỉ hơi lớn tuổi hơn Vê-ra I-nhi-u-chi-na một tí, đôi mắt thì hoàn toàn còn trẻ con, tò mò, nghịch ngợm. Nhận thấy An-đrây đang nhìn mình, cô ta nháy mắt liên tiếp, thở dài và hỏi ra vẻ thông cảm:

—Tức lắm, hả?

—Cút cô đi...—An-đrây khinh khỉnh đáp.

—An-đrây, cháu nói hỗn với người lớn như thế đấy à?

—Tôi chẳng phải An-đrây nào cả.

—Sao lại không phải là An-đrây? Đúng cháu là An-đrây Xa-vê-li-ép, nhà ở làng San-ta-ra, phía bên kia thành phố Nô-vô-xi-biếc-xcơ... Ôi, phải dẫn cậu đi về xa lắm đây!

«Mách hết rồi, đồ phản bội, đến cái này cũng mách hết rồi!—cậu giận dữ nghĩ về bác phụ trách tàu.—Thế mà mình nghĩ mắt lão ta hiền, đến ria cũng dễ coi... Đúng ra, bộ ria trông thật tởm, quằm quặm, còn mắt thì giả dối, xảo quyệt.

Đồ phản bội, xấu hổ đến không dám nhìn vào mắt mình... Nhưng có lẽ lão ta giả vờ, làm bộ như xấu hổ. Những người như lão ta thì làm sao còn biết xấu hổ nữa...»

* * *

Hai ngày sau An-đrây đã có mặt ở San-ta-ra.

Cô công an ngồi giở giấy tờ sột soạt thêm một lúc rồi dẫn An-đrây đến nhà ăn ăn tối. Nhưng cậu cương quyết không chịu ăn. Lúc đó cô ta lại dẫn cậu về nhà tù. Thực ra đó không hẳn là nhà tù, mà cũng chỉ là một căn phòng gần giống như căn phòng ở nhà ga. Nhưng ở đây không có bàn, một chiếc phản gỗ rộng kê suốt dọc theo tường, còn trên cửa sổ không phải lưới thép mà là chấn song sắt chính cống. Và ngoài ra, một người công an trực suốt đêm, vừa ho vừa đi đi lại lại ngoài cửa.

Sáng hôm sau, cô công an kia lại đến, túm chặt lấy tay cậu kéo ra sân ga. Sau đó cậu thấy mình đang ở trong một toa hàng được sưởi ấm để chở người, chừng mười lăm, mười sáu cậu bé, thậm chí có cả một cô bé với đôi bím tóc mỏng, rối bù xù, cũng trạc tuổi cậu, đang nằm ngồi trên sàn tàu trải một lớp rơm dày; cùng với họ là một người công an cao gầy, dáng chậm chạp, ít nói. Toa này được móc vào cuối một đoàn tàu khách. An-đrây chui vào góc tối nhất và ngồi khóc rất lâu, không thành tiếng.

Tất cả bọn con trai và cô bé gái này đều ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ. Tàu vừa mới dừng lại, toa của họ đã bị các ông bố, bà mẹ, bà nội, bà ngoại vây chặt, kêu la khóc lóc ầm ĩ. Người công an cao gầy gọi tên, bắt họ phải ký vào một tờ giấy, xong xuôi rồi mới thả các hành khách của mình ra từng người một, luôn miệng càu nhàu:

—Thả cho trẻ con hư hỏng để chúng tôi phải hết hơi chạy theo bắt chúng suốt cả tuyến đường! Bây giờ về lo mà trông nom cho cẩn thận hơn đấy...

Từ Nô-vô-xi-biếc-xcơ họ đi trong toa khách. An-đrây, bị người công an dẫn ngồi ép sát vào thành toa, buồn rầu nhìn qua cửa sổ. Suốt dọc đường, người công an ngồi ngủ gật, nhắm mắt, thở phì phò. Nhưng chỉ cần An-đrây khẽ cựa quậy,

là anh ta lập tức thôi thở phì phò, mở mắt và bạnh hàm dưới ra một cách khó coi, y như hàm ếch.

Ở San-ta-ra, vừa bước xuống toa, An-đrây đã rơi ngay vào vòng tay của mẹ.

— Con ơi, con trai tôi... — mẹ vừa khóc vừa nói, hôn vào má vào trán và ghì chặt cậu vào bộ ngực mềm mại. — Sao con lại thế? Làm mẹ thiếu tí nữa phát điên lên...

— Thả cho trẻ con hư hỏng hết... — người công an lại càu nhàu nói và chìa cho mẹ một tờ giấy. — Nhờ chị ký nhận giùm vào đây...

Về nhà, mẹ liền lôi ngay An-đrây vào nhà tắm đã được chuẩn bị sẵn từ trước. Sau đó, đặt cậu ngồi vào bàn trong bếp, và cho cậu, như một người khách quý, uống chè pha kem sữa, đặt trước mặt cậu cả một đĩa kẹo bọc giấy rất đẹp.

An-đrây còn chưa uống hết cốc nước, thì cha đã đi làm về.

— Nó thì không phải cho kẹo, mà phải cho thắt lưng thật dày vào đít, — cha vừa giận dữ nói, vừa đứng ở ngưỡng cửa cởi đôi ủng lấm bê bết và ném mạnh xuống sàn nhà. Rồi, không nói thêm nửa lời, bỏ đi vào nhà tắm.

Một lúc sau cửa lại mở, Xê-mi-ôn, cũng đi làm về, bước vào.

— A, anh chàng bộ đội, đã trở về đấy à? Thế Hồng quân bây giờ thiếu mày thì sẽ ra sao?

Những lời của Xê-mi-ôn làm cho An-đrây khó chịu hơn là sự đe dọa của cha, vì trong đó có sự giễu cợt. Cậu nổi khùng lên thật sự, đẩy cả cốc, cả đĩa kẹo ra xa người.

— Anh cười, hả? — cậu hét to, mắt long lanh.

— An-đrây! Xê-mi-ôn... — mẹ khẩn khoản. — Con đừng thế, Xê-mi-ôn... Còn con, ăn đi...

— Anh để thêm ria nữa thì sẽ giống y như lão nhân viên phụ trách tàu đấy!

— Nhân viên phụ trách tàu nào? — Xê-mi-ôn hỏi lại. — Thế tức là một ông phụ trách tàu nào đó bắt mày xuống tàu chứ gì?

— Đó không phải là việc của anh, — An-đrây làu bàu. Cậu nghĩ một lát, nói thêm. — Lão ta lại còn nói sẽ đến đây đi câu cá. Có giỏi thì cứ đến, em sẽ cho lão... Gì mà trố mắt lên thế?

Đang nói những lời cuối cùng, cậu ngoảnh phắt lại nhìn Đi-ma và Gan-na vừa mới ở trường chạy về. Đúng là hai đứa đang ngạc nhiên «trố mắt» lên nhìn An-đrây.

An-đrây nhìn lại chúng bằng một ánh mắt giễu cợt, và cảm thấy mình ít nhiều vẫn là anh hùng, cậu bỏ ra ngoài đường.

Nửa giờ sau, cậu đã ngồi trên bậc thềm nhà I-nhi-u-chin, kể cho Nhi-cô-lai, Gan-na, Đi-ma và Vi-chi-a Ca-sca-rốp vừa mới đến sau về những chuyện đã xảy ra với cậu. Ngày hôm kia, hôm qua, và cả hôm nay nữa, cậu vẫn còn nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ kể cho ai nghe về những chi tiết của chuyến đi thất bại, đáng xấu hổ này. Nhưng chỉ mấy phút trước đây, thấy Gan-na đứng nhìn cậu kinh ngạc đến há hốc cả miệng, cậu nghĩ: thực ra, việc gì mà mình phải xấu hổ? Cậu không ra được đến mặt trận, thì cũng đâu có phải là lỗi của cậu?

Và giờ Gan-na ngồi nghe, hàm răng lộ ra trắng lên trong bóng tối nhờ nhờ, đôi mắt sâu không đáy mở rộng. Cô bé nín thở hồi hộp, đôi lúc thậm chí còn rít lên xuýt xoa như chuột. Nhưng mỗi lần như vậy, Đi-ma lại khẽ nhíu đôi lông mày rậm, từ từ quay đầu lại phía cô, cau mặt. Gan-na vội chớp chớp mắt như ngầm xin lỗi về tiếng xuýt xoa của mình. Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin lúc thì nhìn người kể chuyện vẻ không tin tưởng, lúc thì cụp mắt nhìn xuống đất trầm ngâm gãi gãi chiếc mũi quặp của mình. Chỉ có Vi-chi-a Ca-sca-rốp vẫn ngồi như thường lệ, bất động, không đổi tư thế. Có vẻ như cậu không nghe An-đrây, mải nghĩ về một điều gì đó của mình, tính toán mãi mà vẫn không quyết định được một vấn đề nào đó rất khó khăn. Vi-chi-a từ trước vốn đã luôn luôn im lặng, cau có, nhưng đặc biệt từ sau vụ xe hàng, bị giữ lại khá lâu ở đồn công an, chỉ sau khi xử xong Ma-ca mới được thả, cậu ta đã biến thành đá hoàn toàn. Và bây giờ nói chung khó ai có thể cậy được của cậu lấy dù chỉ một lời.

Trời đã tối hẳn, bầu trời đen kịt, sập xuống trên mặt đất như nắp một chiếc rương khổng lồ. Chỉ có ở phía tây, nơi chiều chiều mặt trời lặn xuống, là còn sáng lên một khe dài, hẹp, màu đỏ sẫm như máu. Nhưng cũng chỉ một thoáng sau, khe sáng thu ngắn lại, rồi biến mất hẳn. Một ngọn gió, có vẻ không mạnh lắm, nhưng dai dẳng, lạnh thấu đến tận xương,

lang thang trên mặt đất. Dường như ngọn gió này thổi rít qua cái khe sáng màu đỏ thẫm ấy xuống mặt đất, lan ra khắp những cánh đồng, làng xóm, núi rừng. Ra khỏi khe sáng còn nóng bỏng như hơi nước sôi, nhưng bay đến San-ta-ra, ngọn gió đã mất hết nhiệt, trở nên nặng và nguội lạnh như nước sông Grô-mô-tu-kha mùa đông.

Khi An-đrây kể hết, mọi người vẫn ngồi im lặng. Gan-na áp bàn tay vào đôi má đỏ rực lên không hiểu vì gió lạnh hay vì xúc động, hỏi:

—Thế cậu không sợ à? Ban đêm một mình trên toa?

—Sợ gì? Có phải như ở trong rừng đâu.

—Nhưng dù sao vẫn sợ chứ... Tớ thì có lẽ không dám.

—Nó chỉ bịa ra đấy cả thôi,—Đi-ma bỗng lên tiếng.

—Bịa cái gì?—cô bé quay lại hỏi.

—Bịa rằng không sợ.

Gan-na im lặng, chớp mắt trong bóng tối.

—Cũng có thể có sợ đôi chút,—cô bé đồng ý.—Nhưng ở đây không ai dám làm như vậy cả. Còn An-đrây...

—Vì nó là thằng ngốc,—Đi-ma cục cằn cắt ngang.—Còn mày nghe nó... đến há hốc cả miệng ra.

—Đi-ma, Đi-ma...—Gan-na vụt đứng dậy, quay ngoắt đi và chạy ra khỏi sân.

—Gan-na, sao thế? Gan...—Đi-ma cũng đứng dậy, giậm chân.—Đấy, đồ ngu. Nó làm sao thế?

—Tớ sẽ nói với nó là cậu bảo nó ngu,—Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin giễu cợt nói.

—Mày?!—Đi-ma nhảy đến bên cạnh.—Tao sẽ vặt cái mũi quặp của mày ra!

—Thì mày hãy với cho tới đã,—Nhi-cô-lai đứng dậy ưỡn thẳng người.—Còn phải lớn thêm ít nữa, con ạ.

Đi-ma liền lùi lại. Và mặc dù Nhi-cô-lai ngồi xuống ngay, Đi-ma vẫn vừa làu bàu một câu gì không nghe rõ, vừa bước giật lùi, rồi cậu khoát tay, chạy ra khỏi sân. I-nhi-u-chin nhổ một bãi nước miếng.

—Đi mà đuổi mau cho kịp nó.

—Anh ấy đuổi kịp để làm gì?—An-đrây không hiểu, hỏi.

—Thế mày không biết gì hay sao?—I-nhi-u-chin trợn

mắt nhìn An-đrây. — Ở trường tất cả chúng nó gọi Đi-ma là mục đồng của Gan-na.

— Không, — An-đrây lắc đầu và ngây thơ hỏi. — Nhưng tại sao lại gọi như vậy?

— Ê, cái thằng này, — I-nhi-u-chin phá ra cười. — Ngực con bé, mày không thấy, đã nở căng ra đấy à?

— Nhưng mà sao?

— Mày còn trẻ con lắm... Chả trách lão nhân viên phụ trách đánh lừa được mày.

Bỗng nhiên Vi-chi-a Ca-sca-rốp đứng dậy, đứng một lát, lắc lư trước gió, thổi thổi vào hai lòng bàn tay lạnh cóng, thọc tay vào ống chiếc áo bành-tô cũ đã bạc màu, nói bằng một giọng giận dữ:

— Cái lão nhân viên phụ trách tàu kia có lẽ cũng đều như mày!

— Cái gì-ì? — Nhi-cô-lai lại đứng dậy trong thế đe dọa.

— Thế ai nói với anh Xê-mi-ôn rằng tao ngủ lại nhà mày? Xê-mi-ôn lại đi nói với lão công an Ê-li-da-rốp. Mày là đồ thối hoắc. Thế mà tao nghĩ mày là bạn, tin mày.

— A, cái đồ vứt đi này... — I-nhi-u-chin hầm hè rít lên và tiến lại gần Vi-chi-a. — Mày cùng với Ma-ca đã đánh cắp cả một xe tài sản nhà nước, thế mà bây giờ...

— Đừng có động vào! — Vi-chi-a hét lên lanh lảnh, rút tay ra khỏi ống áo.

I-nhi-u-chin quả nhiên dừng lại. Vi-chi-a từ từ quay người, cúi đầu, đi ra khỏi sân. Cậu bước đi chậm chạp, dường như lại mải mê với những suy nghĩ không bao giờ kết thúc của mình.

Còn lại hai người, An-đrây và Nhi-cô-lai cùng ngồi im lặng.

— Đấy, mày có thấy thằng Vi-chi-a đúng là một đồ vứt đi không? — I-nhi-u-chin vẫn chưa hết tức giận, hỏi. — Còn nếu thế thì chính anh Xê-mi-ôn nhà mày thối hoắc, chứ không phải tao... Tao kể với anh Xê-mi-ôn với tư cách là bạn bè, bí mật, về chuyện của Vi-chi-a. Làm sao mà tao biết được anh ấy lại chạy ngay tới Ê-li-da-rốp? Có thể nói, tao đã thành thật tin anh ta...

An-đrây thở dài, nói:

— Bây giờ em hiểu không thể tin tưởng mọi người được,

dù là thành thật, dù là bí mật. Bởi vì, nếu như em không nói với lão phụ trách tàu kia em là ai, tên là gì, sống ở đâu, và cái chính — là đi đâu, và sau đó khi vào công an cũng không nói — thì họ sẽ làm gì với em, đưa em đi đâu? Thế nào, anh nghĩ sao?

— Tao không biết, — Nhi-cô-lai nói, — có lẽ cho vào trại mồ côi như một đứa trẻ lang thang không có nhà. Hoặc cũng có thể cho vào nhà tù.

— Ừ, có thể họ sẽ cho đi... — Và cậu bắt đầu suy luận như một người lớn. — Vào nhà tù thì theo luật lệ nào? Em không phải kẻ trộm, cũng không phải là thổ phỉ. Còn vào trại mồ côi thì có thể trốn được. Nhưng tốt nhất là đừng phải vào... Tốt nhất là đừng tin người nào cả. Không, em bây giờ có kinh nghiệm rồi.

— Thế nào, mày lại định trốn nữa đấy à?

Nghe câu hỏi này, An-đrây giật nảy người lên. Cậu nhỏm dậy, đứng có vẻ trầm ngâm, suy nghĩ. Và cậu nói, cố gắng làm cho giọng của mình có sức thuyết phục:

— Không, em sẽ không trốn nữa đâu. Anh tưởng nằm trốn trên tàu thú lắm đấy à? Thôi, một lần là đủ lắm rồi.

An-đrây nói như vậy, nhưng trong bụng vẫn biết rằng cậu sẽ lại trốn nhà lần nữa. Cậu chỉ không biết là sẽ vào lúc nào. Mùa đông đã đến, và điều này làm cho cậu lo lắng. Mùa đông khác mùa hè, chỉ cần một giờ ngồi trên toa trần hoặc toa không được sưởi ấm là có thể chết cóng. Nhưng đợi mùa hè cũng không ổn, đến mùa hè chiến tranh có thể đã kết thúc. Nhưng bây giờ nói với Nhi-cô-lai hoặc bất cứ một người nào khác về những suy nghĩ, dự định còn chưa rõ ràng về tương lai này cũng chẳng được ích gì. Nhờ trời, về chuyện này cậu cũng đã có được một kinh nghiệm cay đắng.

* * *

Chiều ngày 22 tháng Mười, Cru-gi-lin, Pô-li-pốp và An-tôn Xa-vê-li-ép đứng ở sân ga chờ bí thư tỉnh ủy Xu-bô-tin đi tàu từ Nô-vô-xi-biếc-xcơ đến. Ông đến có việc gì, — của huyện hay của nhà máy, — không biết. Thường thường ông gọi điện về huyện báo trước chuyến đi của mình, nhưng lần này chỉ có một bức điện báo.

Trời mưa lẫn tuyết, trên mặt sân nhựa, tuyết tan rất chậm, vì vậy khắp sân ga đầy những nắm tuyết đóng lại thành cục. Những thanh sắt đường ray ánh lên một cách buồn bã, những công trình của nhà ga ở phía bên tay trái sân mờ chìm trong một tấm màn trắng đục lạnh lẽo. Sân ga vắng tanh chỉ thỉnh thoảng một người công nhân đường sắt cầm vịt dầu mỏ dài hay nhân viên phụ trách tàu cầm đèn hiệu chạy ngang qua.

Nước từng giọt chảy từ áo mưa Cru-gi-lin, Pô-li-pốp, Xa-vê-li-ép xuống đất, họ co người lại vì gió, quay mặt đi để tránh những bông tuyết ướt.

Một chiếc loa phóng thanh đặt trên ngôi nhà của nhà ga, ngay trước cổng ra vào, giọng nói cau có quen thuộc của người phát thanh viên đọc bản tin buổi sáng của Tổng cục thông tin Liên Xô vang lên trên sân ga vắng vẻ. Cũng như hôm qua, hôm kia, cũng như nhiều ngày, nhiều tuần lễ liên tục, trong bản tin không có gì tốt đẹp cả. Bằng một giọng khàn khàn như bị cảm, phát thanh viên thông báo rằng «trong suốt đêm đến sáng ngày 22 tháng Mười, chiến sự tiếp tục diễn ra khắp các mặt trận. Chiến sự đặc biệt ác liệt ở các hướng Mô-giai-xcơ, Ma-lô-i-a-rô-xla-vét và Ca-li-nhin...»

Kẻ thù cứ xông đến Mát-xcơ-va một cách bướng bỉnh, không cản được. Cru-gi-lin hình dung ra tấm bản đồ treo trong phòng làm việc của mình. «Mô-giai-xcơ, Ma-lô-i-a-rô-xla-vét, Bô-rốp-xcơ, Ca-lu-ga... Theo đường thẳng có lẽ chỉ một trăm — một trăm hai mươi ki-lô-mét, không hơn. Nhưng Mô-giai-xcơ và Ma-lô-i-a-rô-xla-vét mất bảy ngày trước, 16 tháng Mười quân Đức chiếm Bô-rốp-xcơ, và Ca-lu-ga thì còn trước đó nữa — 12 tháng Mười. Bây giờ quân Đức đang ở đâu? Ngày hôm kia ở Mát-xcơ-va đã tuyên bố tình trạng giới nghiêm. Cái gì sẽ xảy ra với Mát-xcơ-va?»

Cru-gi-lin nhìn sang Xa-vê-li-ép và Pô-li-pốp. Hai người cũng đang im lặng và cau có nghe tiếng phát thanh viên. Xa-vê-li-ép lim dim đôi mắt mệt mỏi nhìn về phía có cây đèn báo hiệu vào ga. Thường thường ngọn cột đèn hiện ra ngất nghểu trên mái nhà kho đường sắt, nhưng bây giờ cả đèn lẫn mái nhà đều không trông rõ. Còn Pô-li-pốp, chiếc mũ đi mưa đội sụp tận mắt, đầu cúi gục xuống. Đôi má ông xanh nhợt vì rét, căng phồng ra...

Đúng, Mát-xcơ-va... Bây giờ tất cả mọi người đều nghĩ về thành phố này. Và Cru-gi-lin cũng nghĩ, đã hàng trăm lần, mà cũng có thể, hàng nghìn lần, cố gắng suy nghĩ và hiểu cho được — tại sao lại xảy ra như thế, tại sao lại để cho quân đội phát-xít ở ngay dưới chân tường thành Mát-xcơ-va?

Mưa vẫn không ngớt, từng giọt rơi nặng nề lên chiếc mũ cứng của áo mưa bằng vải bạt dày. «Vành đai xung quanh Mát-xcơ-va mỗi ngày một siết chặt hơn, — Cru-gi-lin vừa ngẫm nghĩ vừa đi lại trên sân ga, mắt nhìn những nắm tuyết sũng nước bắn tung tóe dưới chân ủng. — Đúng ra, bây giờ chưa phải là vòng đai, bây giờ mới chỉ là vành móng ngựa. Lê-nin-grát mới đang ở trong vòng đai. Thành phố này đã bị bao vây ngay từ đầu tháng Chín, giống như Ô-đét-xa. Chẳng lẽ thành phố này, nơi bắt đầu của cách mạng, cái nôi của cách mạng, cũng đang đợi số phận như Ô-đét-xa? — Cru-gi-lin rùng mình, xua đuổi ngay những ý nghĩ đó. — Không, không thể để cho điều này xảy ra được. Lúc đó Mát-xcơ-va sẽ nguy hiểm thật sự. Ca-li-nhin, thành phố lớn duy nhất che chở cho Mát-xcơ-va ở hướng tây — bắc đã bị quân Đức chiếm hơn một tuần trước. Phía tây — nam chiến sự đang diễn ra ở quanh Tu-la. Nếu Tu-la mất, Lê-nin-grát mất, quân Đức sẽ từ hai hướng đi vòng qua Mát-xcơ-va. Từ phía bắc, chúng nhằm I-a-rô-xláp, từ phía nam, chúng tiến đến Go-rơ-ki và I-va-nô-vô. Và nếu như không chặn được chúng lại, thì khi đó vành móng ngựa sẽ biến thành vòng đai, lúc đó vòng vây sẽ khép chặt lại, lúc đó...»

Tiếng còi tàu đột ngột rú lên và Cru-gi-lin lại rùng mình. «Hừ, cũng đòi làm nhà chiến lược...» — ông tự thầm rủa mình, và nhìn về phía đoàn tàu hỏa màu xanh bẩn thỉu đang lặng lẽ bò gấp khúc từ trong màn sương nặng ra.

Xu-bô-tin từ toa bước xuống, mặt cạo nhẵn nhụi, mặc áo bành-tô mùa thu màu đen, đội mũ lưỡi trai bằng da, và không tỏ vẻ gì là thân thiện, nhìn khắp lượt những người ra đón.

— Sao lại ra đây hết thế này? Không ai còn việc gì làm nữa à?

— Tôi thì hình như phải theo nghi thức, — Cru-gi-lin mỉm cười, trả lời.

Nhưng Xu-bô-tin hoàn toàn không đáp lại nụ cười đó.

—Còn anh?—ông quay sang phía Pô-li-pốp.

—Anh cứ cho là vì phép lịch sự,—Pô-li-pốp tự ái mím chặt môi.—Chẳng lẽ lại không được à?

—Thế còn anh, An-tôn? Cũng coi là có nhiệm vụ à?

—Tôi thì buộc phải có mặt. Theo như tôi được biết, anh I-van Mi-khai-lô-vích ạ, anh đang phụ trách những nhà máy chuyển về đây.

—Thế đấy... Thôi ta đi. Chỉ cho tôi xem nhà máy.

Họ đi dọc sân ga—Xu-bô-tin đi phía trước, ba người đi sau cách hai bước. Xu-bô-tin bước đi còn dài, chắc chắn, nhưng lưng ông đã gù xuống, chiếc cổ gầy đầy những nếp nhăn dường như phải khó khăn lắm mới giữ nổi đầu. Và Cru-gi-lin nghĩ rằng Xu-bô-tin bây giờ đã già lắm rồi, ông phải đến sáu mươi, sáu mốt còn gì. Nhưng nhìn vào cặp mắt hơi xám, trong trẻo, đôi má hồng hào luôn luôn được cạo rất cẩn thận, không có một vết nhăn, đôi vai hẹp như vai trẻ con, thì không ai nghĩ rằng ông đã ngần ấy tuổi; thậm chí đến mái tóc và hàng lông mày mấy năm gần đây đã hoàn toàn bạc trắng cũng,—thật là kỳ lạ,—không làm cho ông có vẻ già đi thêm. Nhưng cái lưng đã còng xuống khi đi và chiếc cổ gầy già nua lại để lộ ra tuổi tác của ông.

Ngồi trong xe, ông im lặng, trán nhăn lại, cau có. Rồi sau đó, khi thăm nhà máy, đi giữa những núi đất khổng lồ, những ngôi nhà xây dở với giàn giáo bao bọc xung quanh, giữa những đống vật liệu xây dựng vứt ngổn ngang khắp nơi—gạch, gỗ, dây thép, sắt tấm, ông vẫn im lặng. Ông đi từ đầu này đến đầu khác khắp khu vực nhà máy, không hỏi câu nào, theo sau là Xa-vê-li-ép, Cru-gi-lin, Pô-li-pốp và kỹ sư trưởng Nhê-tsa-ép vừa đứng đón họ ở cổng, đi thành một đoàn, chân bước ngập trong bùn.

Thoạt nhìn, khắp khu vực nhà máy và cả một vùng xung quanh là một mớ hỗn loạn, rối tinh đến không tưởng tượng được: những chiếc xe tải chạy tới chạy lui, máy xúc đào những hố sâu hoắm, khua gầu liên tục, và chỗ nào cũng thấy người chạy tất bật, kẻ thì mặc áo mưa, kẻ thì đội bao tải lên đầu, tất cả đều ướt sũng, rét cóng. Họ la hét, chửi rủa, yêu cầu, đòi hỏi

một điều gì đó, ô-tô rú máy ầm ĩ, cố sức lôi những hòm nặng bị mắc cứng trong lầy lên...

Và thật là kỳ lạ, trong cảnh hỗn độn đó, chỉ có những người thợ xây đang đứng trên các bức tường của những ngôi nhà xây dở là không la hét, không chửi rủa, không tất bật. Không để ý đến những gì đang xảy ra bên dưới, mặc kệ cả cơn mưa lẫn tuyết lạnh buốt xương, cứ rơi xuống không ngừng, họ im lặng và cáu kỉnh làm nhiệm vụ của mình, thỉnh thoảng lại buông xuống phía dưới, từng tiếng một ngắt quãng.

—Gạch!

—Vữa! Chết hết dưới đó rồi hay sao?..

Đi hết khu vực nhà máy, Xu-bô-tin vẫn im lặng, bước vào một ngôi nhà đang xây dở.

Những bức tường bốn phía đã xây xong, những thanh xà ngang đã được đặt để chuẩn bị lợp mái. Từ trên tường, những tia lửa hàn bắn xuống tung tóe, còn phía dưới, những người công nhân áo quần ướt sũng, vẫn đứng bên máy làm việc, mặc mưa tuyết, mặc từng chùm lửa hàn liên tiếp rơi xuống. Lối đi giữa bốn dãy máy được lót bằng ván ướt. Những người phụ nữ đẩy những chiếc xe bốn bánh đi dọc theo các lối đi, nhặt những đầu đạn pháo vừa mới tiện xong cho vào thùng và đẩy xe qua một cửa lớn khoét ở bức tường đầu nhà vào ngăn kho dài bằng gỗ lợp giấy dầu.

Xu-bô-tin dừng lại trong xưởng chừng năm phút, nhìn những người công nhân đang làm việc bên máy, những người phụ nữ đang đẩy xe, hai khóe miệng mím chặt của ông bỗng sệ xuống như đang có điều gì đau khổ. Rồi ông đột ngột quay về phía Pô-li-pốp, hỏi một câu khá lạ lùng:

—Thế các anh cho họ, những người công nhân này, ăn thứ bánh mì nào? Bánh mì bột mạch đen hay bột tiểu mạch?

—Tôi không hiểu...—Pô-li-pốp đáp. Cặp lông mi của ông khẽ giật giật.

Xu-bô-tin cười khẩy, ấn chiếc mũ đội trên đầu lại cho chặt hơn.

—Tôi nhớ, hình như anh, Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích, mỗi lúc anh xúc động mạnh thì môi lại giật giật. Còn bây giờ, tôi thấy, cả mí mắt cũng bắt đầu giật...

—Mắt và môi tôi thì có liên quan gì đến đây? — Pô-li-pốp nói, giọng trở nên khô khốc, thản nhiên một cách cố ý.

—Nào, hãy chỉ cho tôi xem cái «thành phố hầm» nổi tiếng của các anh...

Xung quanh bờ chiếc hố sâu, việc xây dựng nhà hầm vẫn đang tiến hành, những đống đất ướt, trơn lầy bao quanh hố như chuỗi hạt trang sức. Ở đây không có máy xúc, vì hầm nhà đã đào xong, nhiều nhà đã có người ở, số còn lại đã được bọc ván, phía trên lót trần bằng gỗ và đổ sỏi, đất lấp kín... Một xưởng mộc được dựng tạm dưới mái lán dài bằng gỗ; ở đó một chiếc cưa đĩa quay rít lên, khoảng dăm chục người đàn ông đã đứng tuổi và phụ lão đang bào ván, làm khung cửa lớn và cửa sổ.

Xu-bô-tin bước vào cửa lán, đứng lại nhìn những núi đất quanh hố, những ống khói mọc thẳng từ mặt đất lên, một số đã bắt đầu nhả khói. Thận trọng, để khỏi trượt rơi xuống hố, ông đi men theo sườn dốc, vào một căn nhà hầm, sau khi khoát tay bảo mọi người đứng đợi ông ở dưới lán.

Căn nhà hầm khá rộng rãi, hai ngăn, nhưng rất tối. Phòng ngoài của hầm có một bếp lò nhỏ, một bà già tóc sổ tung đang loay hoay quấy cháo trên bếp; trên những chiếc phản rộng kê dọc mấy bức tường, áo quần vứt bừa bộn. Một người đàn ông và một người đàn bà trẻ nằm ngủ cạnh nhau trên chiếc phản kê bên tay phải. Trong phòng có mùi canh cải chua lẫn với hương gỗ thông khô thơm dịu.

Xu-bô-tin lên tiếng chào. Bà già chỉ ngước mắt lên nhìn ông mà không nói gì.

—Vất vả lắm không hả cụ? — Xu-bô-tin bỏ mũ, ngồi xuống chiếc ghế đẩu, hỏi.

—Thì lấy đâu ra an nhàn... Đấy, ông xem, vợ chồng mới cưới mà phải ngủ như vậy đấy! — bà già hất đầu chỉ về phía phản. — Cả hai quần quật suốt cả đêm, ướt đến tận xương. tội nghiệp. Con gái già đấy... Ngoài ra, nhà này còn có hai gia đình nữa ở. Đấy, ông cứ thử nghĩ xem, vất vả hay thanh nhàn... Thế ông là ai?

—Tôi từ Nô-vô-xi-biếc-xcơ đến. Bí thư tỉnh ủy.

—À-à... — bà già kéo dài giọng thản nhiên như không.

Rồi bà đặt xoong cháo xuống, đến ngồi lên một chiếc ghế

đầu khác đặt đối diện với Xu-bô-tin, lấy vạt tạp-dề lau hai bàn tay khô đét, gân guốc.

—Tức là ông đi xem dân đang phải phiêu bạt, cơ cực như thế nào?

—Vâng, đi xem...

—Chắc là ông định giúp đỡ mọi người?

—Tôi có thể giúp đỡ cách gì được?

—Thì ít ra cũng bằng cách ông đi, ông thấy...—im lặng một lát, bà già đáp. Và tim Xu-bô-tin, không hiểu vì sao, nghe nhói lên.—Ông đi, ông nhìn thấy tất cả những cảnh này, tâm hồn sẽ trở nên trong sạch hơn. Nếu như trong lòng có cái gì xấu xa, nó sẽ được rửa sạch đi. Tất nhiên, nếu đó là một tấm lòng ưu ái. Nghĩa là, ông sẽ trở nên thương người, thông cảm với dân hơn...

Bà già đứng dậy và lại cầm lấy xoong. Xu-bô-tin bước ra khỏi hầm.

Cru-gi-lin, Xa-vê-li-ép, Nhê-tsa-ép và Pô-li-pốp đứng đợi ông dưới mái lán.

—Thế thôi, rõ cả rồi,—ông nói.—Người bệnh nhiều không?

—Kể cũng lạ là không nhiều lắm. Chủ yếu là bị cảm.—Xa-vê-li-ép đáp.

—Chữa ở đâu?

—Ở bệnh viện huyện. Còn đấy, cái lán gỗ đằng kia là bệnh viện nhà máy. Anh có thể vào xem.

—Thế bên cạnh các anh xây cái gì đấy?

—Nhà ở. Mỗi nhà bốn chục phòng. Chúng tôi đã dựng được mười hai dãy như thế. Sau lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười sẽ dựng thêm bốn chục dãy nữa. Gỗ đang về. Sau đó việc xây dựng nhà ở tùy theo số lượng vật liệu về như thế nào. Còn nhân công chúng tôi sẽ tìm được. Không thể để cho công nhân sống trong hầm đất hơn một mùa đông được.

—Đúng, không thể được.—Bí thư tỉnh ủy ném một cái nhìn nặng trịch sang phía Pô-li-pốp.—Trong căn nhà hầm kia có một bà già lạ lùng lắm. Anh khi nào nên ghé vào thăm. Sẽ có ích cho anh.

Pô-li-pốp đứng nghe, nhún vai tỏ vẻ không hiểu.

—An-tôn, Ê-li-da-vê-ta nhà anh ra sao?—Xu-bô-tin

hỏi.—Tôi rất muốn, rất muốn gặp Ê-li-da-vê-ta...

—Không sao, vẫn bình thường. Khi nào mời anh rẽ vào chơi... Mà cũng có thể nghỉ đêm ở chỗ chúng tôi được...

—Vâng, nhất định tôi sẽ đến. Thôi nhé, cảm ơn các đồng chí đã cho tôi xem nhà máy... Các anh có thể về được. Còn tôi và Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích đi thăm huyện một tí.

Cru-gi-lin ngạc nhiên nhìn Xu-bô-tin, nhưng ông đã bắt tay tạm biệt Xa-vê-li-ép, Nhê-tsa-ép, Pô-li-pốp.

Khi chỉ còn lại hai người, Cru-gi-lin hỏi;

—Thế anh định đi thăm huyện thật đấy à? Đi xe không được đâu...

—Thật đấy. Ít ra cũng đến nông trang «Bông lúa đỏ». Hình như chính nông trang này năm nay nộp cho Nhà nước được nhiều thóc nhất. Anh có chiếc áo mưa nào cho tôi mượn tí không?

* * *

Các-ca-Xô-côn đập mạnh bốn vó xuống lớp bùn loãng pha tuyết, nhẹ nhàng kéo chiếc xe nhỏ ra khỏi thị trấn. Con ngựa, lâu nay phải đứng tù chân, chạy nước kiệu, từ dưới bánh xe những mảng bùn bắn tung tóe. Nhưng dần dần, ngựa chạy chậm lại và cuối cùng đi từng bước một, cặp hông núng nính thở phập phồng.

«Không hiểu Xu-bô-tin xuống huyện để làm gì?—Cru-gi-lin cố đoán.—Nhà máy chỉ xem qua, không hỏi kỹ. Ông ta xuống nông trang, mà lại đúng nông trang «Bông lúa đỏ», để làm gì? Chẳng lẽ lại về chuyện của Na-da-rốp?»—Cru-gi-lin đã chợt nghĩ đến điều này khi Xu-bô-tin hỏi Pô-li-pốp một câu kỳ quặc, thậm chí còn ngớ ngẩn nữa: công nhân được cho ăn bánh mì làm bằng bột tiểu mạch hay bột mạch đen? Nhưng, thứ nhất, từ đầu chiến tranh đến nay Xu-bô-tin chỉ chuyên trách lo việc các nhà máy sơ tán đến trong tỉnh, và thứ hai, Cru-gi-lin chưa hề báo cáo với ai trên tỉnh ủy về việc Na-da-rốp gieo lúa mạch đen trên một nửa diện tích đất trống, còn Pô-li-pốp cuối cùng cũng đã thôi không đưa vấn đề của Na-da-rốp ra cuộc họp của ủy ban huyện nữa.

Mưa và tuyết vẫn rơi, lạnh buốt, kéo dài. Rồi đột nhiên

mưa ngừng, còn tuyết đổ xuống dày đặc, từng bông lớn, xốp. Tuyết từ trên cao rơi xuống nặng nề, vội vã, thành một tấm màn quây che kín cả bốn phía không gian vốn cũng đã tối mờ. Và chỉ sau mấy phút, những cánh đồng ẩm ướt, những con đường lầy lội — tất cả đã bị tuyết lấp kín, như có một tấm vải trải giường trắng khổng lồ vừa rơi từ trên trời xuống phủ lên. Tuyết đậu trắng cả trên những bụi cây mọc hai bên đường, trên chiếc cổ bờm đang bốc khói của con ngựa...

— Mùa đông đã đến rồi, — Cru-gi-lin thốt lên. — Anh có nghe trời đang lạnh đi không?

— Có lẽ thế, — Xu-bô-tin đáp. Và như đoán được những ý nghĩ của Cru-gi-lin, ông tiếp. — Anh đừng ngạc nhiên rằng tôi hôm nay xuống nông trang. Từ mười lăm tháng Mười tôi lại chuyên trách về nông nghiệp.

— Thế thì tốt lắm. Tôi rất mừng, — Cru-gi-lin nói. Nhưng trong bụng, ông lại nghĩ: «Về chuyện Na-da-rốp!»

— Nhưng, biết tình hình các xí nghiệp sơ tán đến trong tỉnh, tôi muốn nói với anh điều này... Tất nhiên không thể để mọi người sống trong các nhà hầm lâu. Các anh đã xây được mười hai nhà, mỗi nhà bốn chục phòng, và đang còn đợi nhiều gỗ... Có điều, khó mà đợi được đấy.

— Tại sao? — Cru-gi-lin hỏi.

— Thế anh nghĩ thế nào? — Xu-bô-tin lạnh lùng hỏi lại.

— Hiểu rồi...

— Đúng thế, việc sơ tán vẫn đang tiếp tục, — Xu-bô-tin tiếp, giọng đã dịu hơn. — Những nhà máy, xí nghiệp mới đến cần phải cho hoạt động ngay. Còn nhà máy của các anh thì đã hoạt động rồi, đã cho ra sản phẩm.

Tuyết khi ngừng — lúc đó, trước mặt họ hiện ra cả một khoảng không gian rộng lớn trắng xóa với những gò tuyết hai bên đường, khi lại tiếp tục rơi, mỗi lúc một dày đặc hơn.

Trời mỗi lúc một lạnh thêm. Các-ca-Xô-côn kéo chiếc xe lên đỉnh dốc, rồi bắt đầu chạy xuống dốc một cách vui vẻ, nhẹ nhàng hơn. Dãy Dve-nhi-gô-ra, bị che khuất sau bức tường kết bằng những bông tuyết đang rơi dày đặc, lung linh, đang dần dần lùi lại đằng sau, phía tay phải.

Trận mưa tuyết có lẽ đã làm cho chú ngựa hăng hái hẳn lên, nó khịt mũi, lắc đầu, thỉnh thoảng lại định chuyển sang



nước kiệu. Nhưng lần nào Cru-gi-lin cũng khẽ ghìm lại.

Bánh xe để lại trên đường hai vệt đen dài; nhưng ngay lập tức, chúng lại bị tuyết phủ trắng, lấp kín.

Phía trước bỗng vẳng lại những giọng nói nghe không rõ, những tiếng huýt sáo, những tiếng kêu ồn ào. Những tiếng đó cứ rõ dần, rồi giọng một người nào đó bay vút lên, át cả những tiếng ồn ào khác:

—Na-ào, đàn chim ưng nɔ-on!.. Mạnh lên, mạnh lên! Đẩy giúp vào, mạnh lên—chỉ cần lên đến đỉnh dốc thôi! Nà-à-o!..

Giọng nói rất cao, của một cậu bé, nó dễ dàng vượt qua cánh đồng tuyết trắng và vang lên trong chiếc mũ bằng vải nhựa của Cru-gi-lin như trong một chiếc chuông. Rồi giữa màn tuyết ngả nghiêng hiện ra một chiếc xe ngựa, tiếp đó, lờ mờ như trong sương mù, chiếc thứ hai, và xa hơn chút nữa là chiếc thứ ba...

Cả một đoàn xe ngựa đang bò lên dốc, đi ngược chiều với Cru-gi-lin và Xu-bô-tin. Những con ngựa phủ đầy tuyết trắng đang dồn sức lên đôi chân trước, vất vả kéo theo những thùng xe chở nặng, phía trên bịt kín bằng vải bạt. Bùn nhão lẫn tuyết bám chặt vào bánh xe, ngựa mệt lử, mỗi chiếc xe có thêm hai—ba cậu thiếu niên gắng sức đẩy. Ăn mặc đủ kiểu—cậu đi ủng, cậu đi giày lông, cậu đội mũ vải, cậu đội mũ lông, tuyết ướt bám đầy người, cả bọn vung roi, hò hét, huýt sáo ầm ĩ.

—Chở lúa mì à?—Xu-bô-tin hỏi.

—Hình như thế.

—Từ đâu đến?

—Nông trang «Bông lúa đỏ». Ngựa của họ... Nhưng không hiểu ai lại bày ra cái trò này, để cho toàn trẻ con đi lúc thời tiết như thế này?!—Cru-gi-lin gò dây cương, nhảy xuống xe.—Đứng lại!

Đoàn xe vẫn tiếp tục đi.

—Đứng lại mà!..

—Ông kêu cái gì thế?—một cậu bé chừng mười hai—mười ba tuổi, tay cầm roi, mặc chiếc áo khoác đã cũ, dài quá cỡ, từ xe bên cạnh bước đến, hỏi:—A-a... Đứng lại, các bạn ơi...

Đoàn xe dừng lại. Từ bốn phía, những cậu bé bắt đầu xúm lại, quây thành vòng tròn.

—Cháu biết bác à?

—Cháu có gặp rồi... Chúng cháu chở lúa mì về kho...

—Bác thấy rồi. Ai chỉ huy?

—Cháu!

—Cháu con ai? Họ tên gì?

—Cháu là Vla-đi-mia Xa-vê-li-ép. Sao ạ?

—Người lớn có ai đi với các cháu không?

Một ông già gầy gò, râu quai nón, mặc áo khoác lông, đội mũ lông ướt sũng chen vào giữa đám trẻ, vươn cổ cố nhìn kỹ Cru-gi-lin.

—Thượng cấp nào đây thế? À-à, bí thư huyện ủy à...

—Chào ông Pê-tơ-rô-van Nhi-ki-phô-rô-vích. Thế mà tôi cứ nghĩ các ông chỉ phái toàn trẻ em đi...

—Ông Pan-crát Na-da-rốp như phải nợ với chúng.—Pê-tơ-rô-van Gô-lốp-lép giơ nắm tay chỉ về hướng họ vừa đi tới.—Ông ta bảo, thời tiết như thế này thì đi đâu? Tuy thật ra, khi đi, còn chưa có tuyết...

—Chúng cháu đã hứa là đến ngày hăm hai tháng Mười này sẽ phải nộp chuyến xe lúa cuối cùng của đội thiếu niên để ủng hộ Hồng quân,—Vla-đi-mia nói.—Đây là lớp chúng cháu,—cậu chỉ về phía các bạn.—Tự chúng cháu dùng liềm gặt xong cả đám, bó lại từng bó. Rồi tự chúng cháu đập, quạt thóc... Hôm nay chúng cháu xin phép nghỉ học, hạn cuối cùng mà...

—Thì tôi đã bảo mà, chủ tịch chúng tôi như phải nợ với cái lũ này,—Gô-lốp-lép lại nói.—Rồi ông ta khoát tay: thôi, anh đi với chúng đi, Pê-tơ-rô-van...

—Thế đấy... Trước khi về, nhớ đến sưởi cho khô ở phòng trực của kho lúa đã nhé...

—Tất nhiên rồi...

—Thế Na-da-rốp ở đâu? Ở Mi-khai-lốp-ca à?

—Không, ông ta ở đội hai. Hôm qua ở đó bắt đầu đập một đụn lúa, nhưng đến đêm trời đổ mưa. Các bà liền cuống cả kê cả lên. Thiếu tí nữa làm ướt, hỏng cả đụn lúa. Pan-crát phóng ngựa đến, như phải bỏng, bắt lấy rơm che phủ phía trên. Tự mình đứng dưới mưa, chuyển rơm... Gầm gừ quát

tất cả mọi người, y như con hổ. Sau khi đoàn xe này đi, ông ta nằm ngủ. Có thể bây giờ đã dậy rồi.

Trong khi ông già đang kể lể lại những điều này, đoàn xe đã chuyển bánh, lũ trẻ lại hò hét, huýt gió.

—Các anh cứ đến thẳng đội hai ấy...

—Vâng, chúng tôi sẽ đến đấy,—Xu-bô-tin nói và nhắm mắt lại như ngủ gật. Cho đến khi đến nơi ông không nói thêm một lời nào nữa.

Cơ sở đội hai của nông trang «Bông lúa đỏ» là mấy ngôi nhà đã mốc đen lại vì mưa nắng nằm ngay cạnh bìa rừng: hai ngôi nhà ở cho những người chăn nuôi và những người làm đồng, một nhà ăn, một nhà kho để thóc, một nhà chứa dụng cụ làm đồng, một chuồng súc vật và một nhà lều to tướng dùng để chứa lúa chưa đập. Đồng cỏ và đất canh tác nằm trải dài ra hướng tây và bị giới hạn bởi dãy Dve-nhi-gô-ra và con sông Grô-mô-tu-kha. Xa hơn, phía bên kia dãy núi và con sông, là đất đai của một nông trang khác, nông trang «Người du kích đỏ». Phía đông là rừng, hồ nước và đầm lầy. Rừng từ xưa nay vẫn được gọi là tai-ga, mặc dù khắp một vùng rộng đến mười lăm ki-lô-mét xung quanh, ngoài bạch dương, hoàn diệp liễu và một số cây thông hiếm hoi không lấy gì làm lớn lắm, không có một loại cây nào khác. Rừng tai-ga thực thụ bắt đầu ở xa hơn, về hướng đông, phía bên kia Đầm Hạc và mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki. Đất ở phía bên kia bờ hồ, nơi trước đây có trại của Cáp-ta-nốp, thuộc về một nông trang thứ ba khác.

Khu chuồng gia súc—một bãi đất vuông rộng có cọc rào ngăn bốn phía—phủ đầy tuyết trắng, trống không; bò, ngựa chỉ ở đây vào mùa hè. Nhưng xung quanh nhà lều chứa lúa chưa đập có nhiều người chạy đi chạy lại. Một dãy ván lót dài từ cánh cổng đen mở rộng của nhà lều đến cửa kho chứa thóc đã đập. Những người phụ nữ đang đẩy xe cút-kít chạy theo con đường lót ván đó, trong mỗi xe có một bao thóc giống.

Khi Cru-gi-lin và Xu-bô-tin đến nơi, tuyết đã ngừng rơi, trời lập tức trở nên sáng sủa, chân trời mở rộng lùi ra xa. Mặt đất, mới sáng nay còn đen sẫm, ảm đạm, xơ xác, bây giờ như trẻ lại, đầy sinh lực. Phủ trong lớp tuyết đầu mùa

trắng tinh khiết, đất thở dài nhẹ nhõm và thiếp đi như người sau một ngày làm việc mệt nhọc cuối cùng đã được lên giường nằm nghỉ ngơi... Cây cối với những cành lá phủ tuyết nặng trĩu đứng im lìm, không dám động cựa sợ làm tan mất giấc ngủ đầu tiên này, tuy chưa sâu, nhưng ngọt ngào, thanh thản nhất của đất. Những đỉnh núi trắng toát trên dãy Dve-nhi-gô-ra cũng lặng lẽ trôi giữa biển mây xám. Những mỏm đá khi thấp thoáng hiện ra sau những đám mây, khi lại biến mất, dường như những người đá khổng lồ này đang cúi chào mặt đất vì mặt đất đã hoàn thành cái mà từ thuở khai thiên đến nay nó phải hoàn thành hàng năm: mùa xuân tỉnh dậy, nở hoa, suốt mùa hè phô bày sức lực tràn trề và bắt đầu chín mọng, còn mùa thu sinh quả kết trái một cách hào phóng, rồi kiệt sức, nằm xuống dưới tuyết để suốt mùa đông tích lũy thêm những dòng sinh lực mới.

Pan-crát Na-da-rốp quả đang nằm ngủ trên một tấm phản gỗ đã ọp ẹp, người đắp chiếc áo da lông. Trong nhà có một bếp lò, cạnh đó là một cô gái to béo đang rửa khoai tây trong chậu sắt tây. Thấy khách, cô ta im lặng đi đến bên phản, vừa đi vừa chùi tay vào tạp-dề.

—Bác Pan-crát ơi, dậy đi. Có người đến gặp bác đây...

Chủ tịch nông trang ngồi dậy, buông đôi chân trần gân guốc xuống phản, khục khặc ho. Nhìn qua cửa sổ, ông thôi ho, trên khuôn mặt phờ phạc của ông có một cái gì như nụ cười thoáng qua.

—Ôi mẹ—mùa đông, người đã đến, lạy Chúa...—Nói xong, ông ngước mắt lên nhìn khách.—A, Chúa trời đưa ai đến đây thế này! Xin mời vào! Tô-nhi-a, cháu cho bác ấm chè...

—Đấy kìa, cả một ấm tướng nước sôi,—cô gái nhẹ nhàng với tay nhấc một chiếc ấm gang đựng đến hai xô nước từ trên lò xuống, đặt lên bàn ba chiếc cốc bằng sắt tây và một bát mật ong.—Các bác uống đi, cháu phải đi nấu cơm cho các bà ấy đây.

—Thôi được, đi đi,—Na-da-rốp khoát tay. Rồi ông giải thích cho Cru-gi-lin và Xu-bô-tin.—Hôm qua tôi bắt các bà đập lúa giống. Trời đổ mưa, thiếu tí nữa thì họ làm hỏng hết cả đụn lúa giống, quỷ tha ma bắt họ đi...—Và có lẽ cho

rằng khách chưa hiểu vì sao lúa giống lại có thể hỏng được, ông tiếp: — Vì rằng cái giống đàn bà nông cạn lắm lời, ít nghĩ.

— Chúng tôi biết rồi, — Cru-gi-lin nói. — Chúng tôi gặp Pê-tơ-rô-van và bọn trẻ trên dốc.

— Thế à.., — Na-da-rốp rung rung bộ râu thưa. — Tình hình là như thế đấy.

Và ông bắt đầu lấy vải quấn chân. Cô cấp dưỡng Tô-nhi-a đổ nước sôi vào xô, để một ít lại trong ấm, bưng chậu khoai tây đã rửa sạch đi ra. Xu-bô-tin mở cửa cho cô. Tô-nhi-a ngạc nhiên ngượng nghịu liếc nhìn ông, thậm chí đỏ cả mặt lên. Na-da-rốp, Cru-gi-lin và Xu-bô-tin ngồi im lặng uống chè, chấm những lát bánh mì bằng bột tiểu mạch vừa mới nướng xong vào bát mật ong.

Na-da-rốp xong trước, đợi khách uống nốt cốc nước, rồi ông nói, mắt lại nhìn qua cửa sổ.

— Mùa đông đến rất thuận. Đất không còn khô nữa. Thế nào, các anh đến có việc gì đấy? Tôi phải giơ sườn nào ra đây?

— Anh đã chuẩn bị giơ sườn ra đấy à?

— Của cấp trên thì khó mà đợi được điều gì tốt đẹp, — Na-da-rốp cười khẩy.

— Nghĩa là anh không thích cấp trên chứ gì? — Xu-bô-tin hỏi.

— Cũng còn phải xem cấp trên như thế nào nữa chứ.

— Cấp trên như thế nào thì anh cũng việc gì phải sợ? Năm nay anh đã nộp được nhiều thóc hơn so với người khác, và vẫn đang tiếp tục nộp.

— Điều này thì quả đúng thế... — Người chủ tịch già của nông trang thở dài và vân vê chòm râu. — Thế nhưng, những lời âu yếm của cấp trên cứ nghe, nhưng lưng mình, như người ta nói, phải lo mà giữ.

— Tức là anh cảm thấy mình vẫn phải chịu trách nhiệm? — Xu-bô-tin bắt gặp ánh mắt Na-da-rốp và chừng nửa phút không buông ra. Nhưng chủ tịch nông trang cũng không tìm cách lảng tránh, ông nhìn bí thư tỉnh ủy với một vẻ bình tĩnh và trách móc, như đang cố nhìn thấu qua người ông, im lặng phê phán một điều gì đó.

— Anh cất giống lúa mạch đen hay tiểu mạch đấy? — Xu-bô-tin hỏi.

«Ra hắn cắt bỏ vấn đề về Na-da-rốp như thế đấy! — Cru-gi-lin giận dữ nghĩ về Pô-li-pốp. — Cái đồ đểu giả này...»

— Còn anh thì gì mà sầm mặt lại thế? — Xu-bô-tin quay lại phía Cru-gi-lin, hỏi.

— Tôi nghĩ về sự đểu giả của con người. Pô-li-pốp đi lên kêu ở tỉnh ủy chứ gì? Thà hắn ta cứ nói thẳng ra, còn hơn là thậm thụt...

— Đồng chí Cru-gi-lin, không ai lên kêu ở tỉnh ủy cả, — Xu-bô-tin nghiêm giọng nói. — Pan-crát Gri-gô-ri-ê-vích, sao anh lại im lặng? Anh cất giống lúa mạch đen hay tiểu mạch?

— Những câu hỏi ngớ ngẩn thì trả lời làm gì cho mất công...

— Cái gì-ì?

— Tôi cất mạch đen để làm gì, khi chúng tôi đã gieo hết nó rồi? Chúng tôi cất giống tiểu mạch. Chúng tôi cũng sẽ gieo một ít tiểu mạch.

Xu-bô-tin mệt mỏi cúi đầu xuống.

— Đúng thế... Đầu mụ mất rồi. Tuổi già đúng là tai họa.

— Anh quá mệt đấy thôi, I-van Mi-khai-lô-vích ạ, — Cru-gi-lin nói.

— Vâng, vâng, — Xu-bô-tin gật đầu nhìn Cru-gi-lin vẻ biết ơn. — Trong đầu bây giờ vẫn toàn những máy móc, xe cộ, gỗ lạt, xi-măng... Và những đoàn tàu... Anh thử tưởng tượng xem — cả những đoàn tàu dài dằng dặc chở người và máy móc kỹ thuật. Các anh có biết ở nhà ga thành phố như thế nào không? Còn ở tỉnh ủy, ở ủy ban tỉnh? Người đến đòi hỏi phải cung cấp ngay lập tức nhà ở, lương thực, bố trí thiết bị. Thường vụ họp suốt ngày đêm để giải quyết tất cả các việc đó, người đợi đến lượt mình nằm ngủ ngay tại hành lang. Lắm lúc phải đi nhìn giữa đám người đang ngủ xem thường vụ đang bàn đến việc của ai... Bây giờ những cái này vẫn đang quay cuồng lên trong đầu tôi...

Rồi bí thư tỉnh ủy ngồi im lặng rất lâu. Cru-gi-lin và Na-da-rốp cũng im lặng.

— Thế nhưng... Pan-crát Gri-gô-ri-ê-vích, anh đã nghĩ thật kỹ càng trước lúc quyết định gieo giống lúa mạch đen rồi chứ? Không phải vô cớ mà có câu: khi bày việc ra, hãy lường xa kết cục...

—Quả thế,—chủ tịch nông trang gật đầu.—Nhưng lại còn câu: chớ gây cho người khác cái điều mà mình không muốn người khác gây ra cho mình.

Xu-bô-tin chưa hiểu được ngay ý nghĩa của câu nói, ông hơi cúi đầu, nheo mắt, suy nghĩ.

—Năm nay chúng tôi nộp được nhiều thóc cho nhà nước là nhờ giống lúa mạch đen, mặc dù mới gieo loại giống này trên một khoảnh đất chó nằm còn thòi đuôi,—Na-da-rốp giải thích rõ hơn.—Giá như gieo nhiều hơn...

—Còn anh, Pô-li-các-pơ, nghĩ sao?

—Cũng như anh Na-da-rốp. Nếu như không có nông trang đây thì có cơ huyện đến nay vẫn chưa làm xong nghĩa vụ lương thực.

—Thế đấy...—Xu-bô-tin lại thở dài.—Tôi phải làm như thế nào với anh bây giờ?

...Trời đã bắt đầu tối, hai người mới quay trở về thị trấn. Chú ngựa đã được nghỉ ngơi nhẹ nhàng kéo chiếc xe lên dốc, tiếng bánh xe gõ giòn trên mặt đường đóng băng mấp mô.

—Cái bọn trẻ kia từ kho thóc chưa trở về à?—Xu-bô-tin đột ngột hỏi.

—Hình như chưa.

Xu-bô-tin mệt mỏi gà gật, lưng tựa vào thành xe. Hình như tuy mắt ông nhắm chặt, nhưng trong đầu vẫn đang so sánh những con số mà Na-da-rốp vừa đưa ra cho ông lúc nãy. Họ nói chuyện chừng tiếng rưỡi, chủ tịch nông trang không vội vã nói về từng cánh đồng một, chỉ một vài lời đã nêu lên được đặc điểm của chúng.

—Chỗ này, giữa khe và hàng bạch dương này, chừng trăm rưởi héc-ta.—Na-da-rốp nói giọng đã khàn khàn, chỉ ngón tay cong queo vào bản sơ đồ các cánh đồng của nông trang ông vừa vẽ vội lên hai trang vở.—Năm vừa rồi chúng tôi gieo tiểu mạch ở đây. Thu hoạch gọn, và chủ yếu là kịp thời. Phê-đô Xa-vê-li-ép gặt, tay này thì chẳng để rơi lấy một hạt nào đâu. Về mặt con người mà nói, là đồ tồi tệ, vất đi, nhưng làm việc thì khó có ai bằng, không nói vào đâu được. Tuy vậy, trên cánh đồng này bao giờ mạch đen cũng thu hoạch được nhiều hơn so với tiểu mạch đến sáu bảy tạ. Năm nào cũng thế. Nếu tính ra pút, như thế nghĩa là phải mất đi đến

năm - sáu nghìn pút. Bây giờ nói sang cánh đồng như chiếc nêm đâm ra con sông Grô-mô-tu-kha này...

Xu-bô-tin ngồi nghe im lặng, không ngắt lời, ghi những con số vào sổ tay. Rồi ông cắn bút chì, tính toán một điều gì đó rất lâu.

—Như thế nghĩa là, theo tính toán của các anh thì sang năm nếu gieo mạch đen, nông trang sẽ thu hoạch được nhiều gấp đôi so với gieo tiểu mạch.

—Cũng còn tùy trời. Nếu thời tiết thuận lợi thì sẽ được.

—Còn nếu như không thuận lợi?

—Tất cả đều là tùy trời. Nhưng dù thế nào chăng nữa thì cũng không ít hơn. Cho nên chẳng có gì là mạo hiểm cả. Nhưng nếu gieo tiểu mạch thì mạo hiểm. Như vậy, mạo hiểm để làm gì? Mạo hiểm chán rồi...

Những số liệu của Na-da-rốp rõ ràng là đầy sức thuyết phục.

—Còn anh, sao cứ im lặng thế, mất lưỡi à?—Xu-bô-tin cáu kỉnh hỏi Cru-gi-lin.

—Pan-crát nói hết rồi... Chẳng lẽ chưa rõ à? Tôi không nói gì là tốt hơn cả.

Sau đó, Xu-bô-tin đi khắp đội, xem xét gian nhà lều chứa thóc giống, máy đập, đi quanh đụn lúa đêm qua suýt bị mưa làm hỏng. Những người phụ nữ lại đang chuẩn bị đem ra đập, họ ném từ trên cao xuống những túm rơm bị nước gặp lạnh đóng băng kết cứng lại từng tảng.

—Các bà nhanh nhanh tay lên, đập cho xong các đụn này, đêm đốt đèn lên mà làm,—chủ tịch đi ngang qua, nói. Rồi ông đến bên người lái máy kéo đang loay hoay cạnh chiếc máy của mình.—Coi chừng, không lại làm đứt dây cua-roa đấy, đồ ăn hại! Hôm qua tôi mang đến chiếc cuối cùng rồi đấy, không còn nữa đâu. Không thì tôi cho lấy lưỡi cậu ra mà làm dây cua-roa đấy, tuy nó cũng bẩn lắm.

Một cô gái đứng cạnh đó phì ra cười, lấy bàn tay bịt miệng lại, rồi chạy ra phía sau chiếc máy đập lúa.

—Cậu ta là tay chửi tục thành thần,—chủ tịch nông trang giải thích cho Xu-bô-tin.—Hết chỗ nói, hễ hắn ta mở miệng ra, đến đàn ông cũng phải đỏ hết mặt lên.

—Nếu lại sẽ mưa thì sao?—Xu-bô-tin ngước nhìn những

đám mây vẫn còn chầm chậm trôi trên bầu trời, hỏi.

—Không đâu, cái lạnh đã từ bên kia sông Grô-mô-tu-kha kéo sang. Nghĩa là hết mưa rồi. Mùa đông thật sự đã đến.

Và quả nhiên bầu trời bây giờ đã trở nên quang đãng, đây đó trên đầu đã bắt đầu nhấp nháy những ngôi sao đầu tiên, tuy còn thưa thớt, nhưng lại là những ngôi lớn nhất.

—Nhưng cuối cùng, anh sẽ làm gì với chúng tôi bây giờ, anh I-van Mi-khai-lô-vích?—Cru-gi-lin hỏi.

—Làm gì à?—Xu-bô-tin mở mắt, tỉnh táo hẳn ra.—Anh hãy nói tôi nghe rằng anh định làm gì với công nhân nhà máy của mình? Không thể để họ sống trong nhà đất quá một mùa đông được. Còn gỗ mà các anh đang chờ, người ta sẽ không cho. Điều này tôi đã báo cho anh mấy giờ trước đây. Đã có thời gian để suy nghĩ rồi đấy. Hay là chưa nghĩ?

—Nghĩ rồi,—một lát sau, Cru-gi-lin đáp.—Chúng tôi sẽ tổ chức một số đội lao động, cử vào rừng tai-ga, sang bên kia núi để đẵn gỗ. Đó là lối thoát duy nhất. Nhưng có được số lượng gỗ cần thiết để làm nhà không phải là công việc đơn giản. Cái chính là làm sao mang được gỗ từ đấy về? Chỉ có thể sang mùa xuân, thả bè theo con sông Grô-mô-tu-kha. Sau đó, cưa thành ván, cột... Đấy, anh thử tính xem, chỉ một mùa hè năm sau thì có thể làm được cái gì và làm được bao nhiêu? Như thế nghĩa là vẫn còn một số công nhân sang mùa đông phải sống trong nhà đất.

—Thế không thể cưa xẻ ngay trong rừng được à?

—Tất nhiên là được. Và có lẽ sẽ làm như vậy. Nhưng cưa bằng tay thì được bao nhiêu? Hoặc có thể, tỉnh hay Mát-xcơ-va vẫn cho chúng tôi một số gỗ nào đó?

—Mát-xcơ-va...—Xu-bô-tin khẽ nhắc lại. Nhưng ngay trước khi bí thư tỉnh ủy dứt lời, Cru-gi-lin hiểu rằng ông nhắc đến Mát-xcơ-va chỉ là theo thói quen của thời bình, ông nhắc đến chỉ vì tất cả tình cảm và lý trí vẫn không thể chấp nhận và chịu đựng được cái tình trạng hiện nay là Mát-xcơ-va đang như treo trên sợi tóc, là Mát-xcơ-va bây giờ không thể giúp họ được gì.

Từ phía trước, trong bóng tối, đầu tiên nghe vẳng lại

tiếng bánh xe gõ lọc cọc lên mặt đường đóng băng, và sau đó là tiếng trẻ con.

— Bọn trẻ từ kho lúa trở về! — Xu-bô-tin hoạt bát hẳn lên.

Một lúc sau đoàn xe đã đi ngang qua chiếc xe ngựa của hai người. Một số xe đi không, không có người, nhưng các xe khác lại chở đầy lũ trẻ. Chúng la thét, cười đùa, trêu chọc vật lộn nhau ầm ĩ, cố làm cho người ấm lên, vì trời càng tối càng trở nên lạnh giá.

— Này, chỉ huy đâu? — Xu-bô-tin gọi to.

Tiếng cười nói trên các xe im bặt.

Xu-bô-tin xuống xe đứng gọi, mặt ngoảnh về phía đầu đoàn xe vẫn tiếp tục đi ngang, không dừng lại. Còn Vla-đi-mia Xa-vê-li-ép lại từ phía sau đi tới không một tiếng động, chiếc roi ngựa cậu giắt ở ống ủng hệt như người lớn.

— Có cháu đây. Bác hỏi gì ạ?

— Chào cháu... Cháu là Vla-đi-mia phải không nhỉ? — Xu-bô-tin chìa tay cho cậu.

— Vâng ạ, — cậu đáp rồi ngập ngừng, nhưng cuối cùng cũng đưa tay ra bắt.

— Còn bác là Xu-bô-tin I-van Mi-khai-lô-vích, bí thư tỉnh ủy. Thế là chúng ta làm quen với nhau rồi nhé. Các cháu nộp xong lúa mì rồi à?

— Xong rồi ạ.

— Thế đã sưởi ấm ở kho chưa?

— Sưởi rồi ạ, vì vậy nên chúng cháu mới về muộn như thế này. Nhưng không sao, chúng cháu sẽ về đến nhà thôi, đường ở đây chúng cháu quen rồi.

Vla-đi-mia nói chậm rãi, rành mạch như người lớn.

— Thế cái ông đi với các cháu đâu rồi?

— Đấy, đang nằm trong chiếc xe cuối cùng. Hơi say một tí.

— Say thế nào?

— Say bình thường thôi. Ông gặp mấy người quen ở kho thóc, uống mấy chén... Không sao đâu, cháu đã lấy vải bạt đắp cho ông, phía trên lại lấy rơm phủ, chẳng lo chết cóng đâu. Ông ấy rất tốt...

Chiếc xe cuối cùng đã đi ngang qua.

— Thế bác cần gì không ạ? Cháu đi đây, không lại phải đuổi theo xe xa.

—Bác chả cần gì cả, chỉ muốn làm quen với cháu thôi. Cháu giỏi lắm. Cháu học ra sao?

—Bình thường. Cũng có bị điểm xấu...

—Sao lại thế? Có bị luôn không?

—Cũng có ạ,—cậu bé thở dài.

—Như thế thì dở quá đấy.

—Thì cháu cũng biết là có tốt đẹp gì đâu...—cậu lại nói với vẻ buồn tiếc rẻ.

—Thôi được, cháu chạy đi...

Vla-đi-mia chạy đuổi theo chiếc xe đi cuối đoàn. Xu-bô-tin đứng nhìn theo cho đến khi cậu mất hút vào bóng tối.

—Thằng bé thật khá,—Xu-bô-tin leo lên xe, trầm ngâm nói.—Ngay trưa, nó đã có cái gì đó làm cho tôi mến.

—Anh biết không, đấy là con trai của I-van Xa-vê-li-ép, người em út trong số ba anh em Xa-vê-li-ép. Anh ta vừa ở tù về. Tôi đã có lần kể cho anh nghe rồi đấy.

—Thế à?—Xu-bô-tin tò mò hỏi.—Anh này là thứ mấy? Đúng, đúng, tôi nhớ ra rồi. Cậu này là út trong nhà Xa-vê-li-ép, trước đây có đi lính bạch vệ phải không?

—Đi theo toán phỉ cu-lắc. Sau chạy sang ta.

—Đúng, đúng... Đấy, anh thấy kỳ lạ không,—Xu-bô-tin nói nhanh, như thể nói với mình.—Thế cậu ta, I-van ấy, bây giờ ra sao?

—Hình như cũng bình thường. Vẫn sống, làm việc...

—Còn Phê-đô?

—Anh đã nghe Na-da-rốp nói rồi đấy: «Về mặt con người mà nói, là đồ tồi tệ, vứt đi, nhưng làm việc thì khó có ai bằng». Tôi chẳng có thể nói gì thêm vào đấy nữa cả.

—Nghĩa là anh vẫn chưa hiểu được anh ta chứ gì?

—Hiểu được lòng người khác đâu phải chuyện dễ.

—Vâng, thật là khó. Trong số phận của con người, trong các mối quan hệ giữa người với nhau, tất cả cứ chằng chịt rối rắm đến thật lạ lùng...—Xu-bô-tin im lặng một lát.—Trong nhân dân, người ta nói gì về chiến tranh?

Cru-gi-lin ngoảnh đầu về phía Xu-bô-tin.

—Nói gì... Gian khổ lắm. Nhưng nhân dân vẫn chờ đợi bước ngoặt của chiến tranh. Chờ đợi và tin tưởng.

Bí thư tỉnh ủy im một lát, rồi lên tiếng nói khẽ, thong thả, bình tĩnh, như đang nói với chính mình.

—Nếu nghĩ cho kỹ thì thấy quả thật là kỳ lạ. Bọn Đức đã chiếm được những tỉnh rộng lớn, giàu có và phát triển hùng mạnh nhất về mặt công nghiệp; kẻ thù cứ tiến lên phía trước, rất nhanh, không cản nổi, và giờ đang tiến sát chân thành của Mát-xcơ-va,—thế mà dân chúng vẫn chờ đợi bước ngoặt quyết định của chiến tranh và biết rằng bước ngoặt đó sẽ đến, không còn lâu nữa. Mọi người bây giờ đang phải chịu, phải nói là, những gian khổ mất mát tột cùng lớn lao, trong hoàn cảnh như vậy có mất tinh thần, mất hết tin tưởng thì cũng không có gì là lạ. Thế mà mọi người vẫn tin vào chiến thắng. Tại sao thế? Tại sao?!—Và, sau một lát im lặng, như ân hận vì mình đã cao giọng, ông tiếp:—Vì rằng nhân dân hiểu được là bây giờ cả nước thực tế chỉ chiến đấu bằng một U-ran—mà phía bên kia U-ran, chúng ta có bao nhiêu cơ sở công nghiệp? Nhưng đấy chỉ là bây giờ...

Tiếng bánh xe gõ vang trên mặt đường đá đóng băng, và tiếng động này có lẽ vang rất xa trên cánh đồng trống trải phủ đầy tuyết trắng.

—Bọn đầu sỏ phát-xít đã tính toán đúng. Chúng có ưu thế hơn hẳn về mặt quân sự không? Có. Có khả năng nhanh chóng chiếm vùng công nghiệp chính của nước Nga, và bằng cách như vậy, biến nó thành một nước yếu ớt, không được vũ trang không? Có. Đúng, nhưng nông cạn, thô thiển. Chúng không thể ngờ rằng chúng ta có thể sơ tán được hàng trăm, hàng nghìn nhà máy, có thể nhanh chóng khôi phục chúng ở địa điểm mới. Việc này chưa hề có, chưa hề được nói đến trong lịch sử của trái đất, của các dân tộc! Nhưng chúng ta đã làm được! Có thể, chính chúng ta cũng còn chưa đủ khả năng để đánh giá đầy đủ hết ý nghĩa của hoàn cảnh này, của chiến công toàn dân có một không hai này. Nhưng cái ý nghĩa đó trước hết là ở chỗ chúng ta đã thắng trong cuộc chiến tranh này! Giữ được nhà máy, xí nghiệp, chúng ta đã chiến thắng! Sau này, sau khi chiến thắng, chúng ta sẽ kinh ngạc tự hỏi: làm sao chúng ta có thể làm được như vậy?! Làm sao?!

Bầu trời mỗi lúc một dày đặc sao hơn, nó như bị lạnh cóng và từ trên cao thổi xuống mặt đất từng luồng lạnh buốt.

— Tôi không biết, anh Pô-li-các-pơ ạ, rằng rồi đây các nhà sử học, xã hội học, kinh tế học và các loại bác học khác sẽ trả lời câu hỏi ấy ra sao, nhưng tôi, tôi tự trả lời cho mình như thế này... Có thể có tuyến phòng thủ thứ nhất, tuyến phòng thủ thứ hai... Còn tôi nói có tuyến phòng thủ thứ ba, tuyến phòng thủ cơ bản nhất mà không kẻ thù nào có thể phá vỡ được. Tuyến phòng thủ này không chạy theo các đường biên giới của chúng ta, mà nó chạy, nói bằng những lời có hơi hoa mĩ và trang trọng, qua trái tim của anh và của tôi. Nó chạy qua trái tim còn non trẻ của đứa bé kia... — Xu-bô-tin hất đầu ra phía sau, hướng đoàn xe của nông trang vừa đi khỏi. — Và qua trái tim đã già, đã yếu ớt, đôi lúc đã đập ngắt quãng của Pan-crát Na-da-rốp. Và qua hàng triệu, hàng triệu trái tim khác... Và tôi biết, các nhà văn sẽ viết sách, các nhà thơ sẽ dựng trường ca, đặt bài hát về điều này...

Cru-gi-lin nghe và kinh ngạc trước những suy nghĩ giản dị, những lời rõ ràng của bí thư tỉnh ủy về những vấn đề hết sức sâu sắc phức tạp mà ông nói tới.

— Anh sống với Pô-li-pốp ra sao?

Xu-bô-tin chuyển tiếp một cách đột ngột, câu hỏi vang lên gay gắt, khó chịu.

— Sao? — Cru-gi-lin nhún vai. — Chưa có khi nào đụng độ thật sự, nhưng cũng đã có lần nói chuyện thẳng thắn. Còn bây giờ tôi vừa đi vừa nghĩ: tôi sẽ đề nghị đưa anh ta đi khỏi huyện. Anh ta đã đi tố giác với anh về chuyện Na-da-rốp. Thế mà chúng tôi đã thỏa thuận với anh ta...

— Này, anh xuống xe và lấy tuyết làm nguội bớt đầu đi.

— Thế nào, không phải anh ta à? — Cru-gi-lin gò cương như thể định nhảy xuống đất thật sự.

— Cứ cho là thế. Tiếp đó rồi sao?

— Tiếp đó... Tôi đã nói rồi đấy! Hoặc là cứ để anh ta ở lại huyện, hoặc là tôi... Tôi vốn cũng đã có ý định xin tỉnh ủy cho ra mặt trận. Dù sao thì cũng đã có nghị quyết của Trung ương về việc đưa các đảng viên cộng sản ra mặt trận với tư cách là các cán bộ chính trị. Tôi còn có thể cầm súng được. Nếu các anh không cho đi, tôi sẽ trốn. Như Ki-ri-an I-nhi-u-chin, tôi sẽ trốn.

— Trốn đi, trốn đi! Khi anh báo với tỉnh ủy về chuyện

Ki-ri-an trốn ra mặt trận, mọi người đều cười. Trẻ con trốn đi là chuyện cũng thường xảy ra. Đằng này một người đàn ông đã đến bốn chục tuổi đầu -- quả là lần đầu tiên nghe thấy. Và sẽ còn thú vị hơn nhiều nếu một ông năm chục tuổi đầu cũng trốn nốt. Lại là bí thư huyện ủy nữa chứ.

—Vâng, quả là buồn cười...

—Thế đấy. Còn với Pô-li-pốp... Sẽ chẳng ai hiểu và ủng hộ anh, nếu anh gây chuyện ẩu đả với cậu ta.

Cru-gi-lin cười khẩy thành tiếng:

—Anh nói đúng hệt như Pô-li-pốp. Anh ta cũng dọa tôi: sẽ chẳng ai hiểu, ủng hộ anh đâu...

—Thì tôi hình như đã có lần nói với anh là Pô-li-pốp cũng không đến nỗi ngốc mà. Và anh ta báo cáo về Na-da-rốp cũng không ngốc nghếch bằng cách tố giác đâu. Anh ta chỉ viết rằng chủ tịch nông trang «Bông lúa đỏ» không hề hỏi ý kiến ai, tự tiện gieo giống mạch đen trên phần lớn diện tích trồng lúa. Bí thư huyện ủy Cru-gi-lin, cũng không hỏi ý kiến ai, một mình ủng hộ ông ta, tuyên bố rằng chỉ cho phép một nông trang làm điều đó để thí nghiệm. Còn anh ta, Pô-li-pốp, với tư cách là một đảng viên cộng sản và chủ tịch ủy ban huyện, không biết rằng liệu có thể tiến hành những thí nghiệm tương tự như vậy trong thời gian đất nước đang gặp khó khăn hiện nay không; anh ta cho rằng những quyết định cá nhân của bí thư huyện ủy là không đúng. Và vì đang nghi ngờ tất cả những điều trên, nên anh ta yêu cầu tỉnh ủy giải thích... Anh thấy đấy, anh ta dường như cũng tự giơ mình ra chịu đòn— đấy, tôi bị lúng túng và vì không đủ trình độ nên không thể hiểu hết được... Nhưng, ở trên tỉnh người ta còn nhớ, rằng dưới thời Pô-li-pốp, huyện San-ta-ra nộp nhiều thóc nhất cho nhà nước, rằng tôi, Xu-bô-tin này, đã đấu tranh đòi phải thay bí thư huyện ủy. Vì rằng tôi biết Pô-li-pốp đã để cho các nông trang suy sụp đến mức độ nào, tôi biết...đúng hơn là đã bắt đầu hiểu, nói chung anh ta là loại người gì. Vì thế, người ta phái tôi đến đây: anh hãy đến xem người của anh làm ăn ra sao. Thế là tôi về đây.

—Thế kết luận thế nào?

—Chưa đâu... Kết luận thì phải đợi đến mùa thu năm sau. Đúng hơn là chứng minh cho mọi người thấy rằng gieo

giống lúa mạch đen lợi hơn. Tất nhiên là còn phải nhờ trời mưa thuận gió hòa, như Na-da-rốp nói.

—Nhưng nếu như không thuận lợi?—Cru-gi-lin hỏi.

—Thế ông ta tự tiện gieo tất cả bằng giống mạch đen à?

—Nói chung là tự tiện. Nhưng, thú thật với anh, chính tôi cũng đã định dần dần đưa cả huyện trở lại gieo giống mạch đen. Nhưng rồi chiến tranh xảy ra, tất cả rối tinh lên... Còn Na-da-rốp lại cho rằng không nên đợi... Và ông ta đúng, anh I-van Mi-khai-lô-vích ạ...

—Ông ta đúng... Cứ cho là như vậy, và tôi cũng biết rằng ông ta đúng. Ở tỉnh ủy, ở mọi nơi, tôi sẽ ủng hộ anh với Na-da-rốp. Trong việc này, tôi sẽ thành công, vì rằng... vì rằng hiện nay trong tỉnh ủy ý kiến về anh khá tốt. Mùa vừa rồi huyện thu hoạch nhanh, gọn, nhà máy đã hoạt động. Tất cả đều có lợi cho anh. Nhưng nếu hè năm sau «trời không thuận», thì nói thẳng ra, việc của anh và tôi khá gay đấy. Cả tôi, cả anh, cả Na-da-rốp,—Xu-bô-tin nhấn mạnh.—Chỉ có Pô-li-pốp lúc ấy sẽ đắc chí. Bây giờ anh đã hiểu là hắn ta hành động theo một sự tính toán như thế nào chưa?

—Như thế nghĩa là chỉ có Chúa trời mới cứu thoát chúng ta khỏi tay Pô-li-pốp?—Cru-gi-lin mỉa mai hỏi.

Rất lâu, Xu-bô-tin vẫn không trả lời, và Cru-gi-lin tưởng bí thư tỉnh ủy đã quên câu hỏi của ông.

—Anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, có một câu tục ngữ cổ, cổ như chính cái thế giới này: qua hoạn nạn mới hiểu bạn rõ hơn. Nếu như nhìn cho kỹ, thì bây giờ có thể thấy được nhiều điều. Chiến tranh đã chỉ cho chúng ta thấy rất rõ, rõ hơn bất cứ lúc nào: ai là người bạn chân chính của Chính quyền Xô-viết, và tất nhiên, sẽ tuyệt đối trung thành với nó, còn ai hờ hững với nó, và còn ai là... kẻ thù của nó.

—Anh đặt vấn đề đến như thế ư?!—Cru-gi-lin cố nén ngạc nhiên, hỏi.

—Đến như thế đấy,—Xu-bô-tin khô khan, gần như hằn học, đáp.—Tất nhiên tôi không nói cụ thể về một ai. Càng không phải về Pô-li-pốp. Tôi chỉ nói chung như vậy thôi. Bây giờ mọi người có những biểu hiện thật khác nhau. Kẻ nào có một vết sâu mọt ở trong lòng, chiến tranh có thể biến nó thành cả một mảng thối rữa lớn. Và cũng có thể là ngược

lại, nếu trong người đó tính người vẫn mạnh hơn thì chiến tranh sẽ làm lành vết sâu mọt, biến nó thành sẹo. Hình như nhà văn Mắc-xim Go-rơ-ki có nói rằng: trong cuộc đời mình, dù sao con người cũng phải thực hiện cái vai trò làm người của mình.

Xu-bô-tin chợt dừng lại. Đồng cỏ hết sức yên tĩnh, sự yên tĩnh đó chỉ bị tiếng vó ngựa và tiếng bánh xe gõ trên mặt tuyết đóng băng phá vỡ. Sao đã từ lâu rải khắp từ bên này sang bên kia chân trời, mặt trăng treo lơ lửng trên dãy núi Dve-nhi-gô-ra, tưới ánh sáng màu xanh nhạt lên những mỏm đá phủ đầy tuyết trắng.

—Nên hiểu những lời của anh như thế nào... đối với Pô-li-pốp chẳng hạn?

Cru-gi-lin buột miệng nói nhanh, và ông hiểu rằng Xu-bô-tin không thích câu hỏi đó. Bí thư tỉnh ủy nhún vai tỏ vẻ không hài lòng. Thay vào câu trả lời, ông đột ngột hỏi:

—Anh không có tin gì về con trai à?

—Không,—Cru-gi-lin khô khốc đáp.

Cho đến thị trấn họ không nói gì thêm.

* * *

Buổi trưa, sau khi đi thăm các dãy nhà hầm xong, trở về nhà máy, An-tôn gọi điện cho vợ.

—Đồng chí Xu-bô-tin gửi lời hỏi thăm em, hẹn chiều nay sẽ đến chơi.

—Ôi!—Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na hoảng hốt kêu lên trong ống nghe như con gái.—Chúng ta có gì mời ông ấy bây giờ? Anh xem thử ở nhà ăn của nhà máy có gì không nhé?

—Thôi được, anh sẽ xem thử,—An-tôn mỉm cười.

Và bây giờ bàn đã dọn xong, thời gian cũng đã hơn mười một giờ khuya, mà Xu-bô-tin vẫn chưa thấy về. Sau một ngày thu dọn nhà cửa và chuẩn bị bữa tối, Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na mệt lử, ghé lưng nằm lên giường. An-tôn đi lại trong phòng, từ góc này sang góc kia, thỉnh thoảng mắt lại nhìn đồng hồ. Nhưng ông không nghĩ về Xu-bô-tin, mà về đứa con trai. Còn năm mươi phút nữa, đúng mười hai giờ đêm,

I-u-ri sẽ phải bắt đầu làm ca ba, mà bây giờ anh vẫn còn lang thang ở một nơi nào đó trong làng. Vợ ông nói rằng I-u-ri đến câu lạc bộ từ chiều, đi nhảy. An-tôn khẽ nhíu mày, cau có. Ông vừa mới đi về ngang qua câu lạc bộ — cả tòa nhà nằm chìm trong bóng tối. Nghĩa là hôm nay không có nhảy, không có phim, hoặc có thì cũng đã kết thúc từ lâu.

Bộ áo quần lao động của I-u-ri — chiếc áo bông lấm dầu mỡ và chiếc quần dài cũ, cũng lấm lem dầu mỡ — mẹ đã chuẩn bị sẵn vẫn nằm trên chiếc ghế con đặt trong bếp.

Con trai càng ngày càng làm cho ông lo lắng, không yên tâm. Sự lo lắng này bắt đầu từ bao giờ, — khi còn ở Khác-cốp, hay là ở Lơ-vốp, vào những ngày khủng khiếp cuối tháng Sáu? Hay là muộn hơn, khi họ đã chuyển đến đây, đến thị trấn San-ta-ra này? An-tôn còn chưa hiểu hết điều này, cũng như nói chung cho đến bây giờ An-tôn cũng chưa thể hiểu hết tất cả những gì đã xảy ra với chính ông. Chuyến đi đến Pê-rê-mư-slơ vào một ngày thứ bảy thanh bình của tháng Sáu, cái buổi sáng khủng khiếp ngày hăm hai tháng Sáu, con đường đi về Đrô-gô-bư-tsơ đầy những người tản cư, cuộc chiến đấu trên bờ sông Xan, đại úy Mắc-xim Na-da-rốp với đôi chân gãy nát, anh lính da ngăm đen, mặt bầu bĩnh Va-xi-li Cru-gi-lin... Nòng khẩu súng máy rung rung chĩa thẳng vào mắt ông, An-tôn Xa-vê-li-ép, đêm ở trong trại tập trung và những con mắt sáng rực của đèn pha ô-tô... Tên sĩ quan Đức gầy gò, cao lêu nghêu với chiếc thắt lưng siết chặt ngang hông trông như con kiến càng đứng thẳng trên hai chân sau, những tràng súng bắn tù binh... Và cuối cùng là Va-xi-li Cru-gi-lin với thân thể đã mềm nhũn của đại úy Na-da-rốp trên vai đi khuất ra sau bức tường của một ngôi nhà đã cháy trụi...

Tất cả những cái đó giống như một chuyện không có thật, giống như một giấc mơ khủng khiếp mà không chịu biến mất, Thường thường, chỉ cần An-tôn hơi ngơi công việc ra một tí, là những sự kiện kinh khủng của những ngày ấy lại lần lượt nối đuôi nhau tự hiện ra trước mắt...

Đi đi lại lại trong phòng cạnh bàn đã bày bữa tối, An-tôn nghe như tim mình bỗng nhức buốt. Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na nằm trên giường, nhắm mắt như đang thiếp ngủ.

An-tôn liếc nhìn đồng hồ - - mười một giờ rưỡi. Mà I-u-ri vẫn chưa về. Cái thằng liều mạng này ở đâu?

Ông gọi con trai bằng cái từ «liều mạng» này lần đầu tiên hình như ở Lơ-vốp, khi cuối cùng đã kiệt sức, ông lần về đến đó vào buổi sáng ngày 26 hoặc 27 tháng Sáu. Ông bước theo các đường phố và kinh ngạc nhận thấy những thay đổi lớn của cái thành phố đẹp đẽ, sôi nổi này chỉ sau có mấy ngày. Vào buổi sáng ngày hăm mốt tháng Sáu khi ông đi khỏi đây, những mái nhà nhọn còn chìm trong làn sương khói thơm thơm màu hồng nhạt, một mùi hương ngây ngất như chảy tràn trề các ngõ phố quanh co thời trung cổ, đã được những người gác cổng quét sạch bong lúc trời vừa sáng. Bây giờ đường phố đầy rác rưởi, mùi đám cháy khét lẹt, ở hai ba chục chỗ, mà cũng có thể là năm sáu chục chỗ, những cột khói đen bốc thẳng lên trời, và ở trên đó, chúng hòa lại với nhau kết thành một tấm màn khổng lồ che kín cả bầu trời.

Ở một nơi nào đó sau làn khói xám dày đặc bỗng vang lên tiếng máy bay gầm rú quen thuộc, từ phía nhà ga có những tiếng nổ ầm ầm vọng lại... «Chúng ném bom nhà ga», — An-tôn đoán, và tim ông nhói lên, — nhà ông ở cách nhà ga chỉ một quãng không xa.

Những đường phố thường ngày từ sáng sớm đã đông người đi lại, bây giờ vắng ngắt; chỉ có trên con đường lớn chạy qua trung tâm thành phố, những dòng người tản cư vẫn kéo đi không ngớt, mặc những tiếng súng thỉnh thoảng lại nổ trong các ngõ phố, và không hiểu tại sao, cả trên các mái nhà. Những dòng người đi từ phía tây sang phía đông, vòng qua quảng trường nhà ga.

— Tại sao lại có tiếng súng? Ai bắn? — An-tôn mấy lần hỏi, nhưng không ai có thể trả lời được rõ ràng.

An-tôn đi ngang qua hiệu ăn «Gioóc-giơ» sang trọng nhất thành phố Lơ-vốp, những cửa sổ bằng kính bị vỡ tung, mảnh kính lạo xạo dưới chân. Phố Hàn Lâm ngợp trong màu xanh cây cối cũng chật ních người tản cư. Trên lòng đường bên trái, những chiếc xe tải, xe hơi, những chiếc xe tay của nông dân chất đầy các thứ đồ dùng trong nhà đang cố lách đám người đi bộ để tiến lên phía trước, còn theo lòng đường bên phải, những đoàn xe tăng và các đơn vị bộ đội mô-tô đang

vội vã lao ra vùng ngoại ô phía tây thành phố. Không kể nguy hiểm có thể bị xích xe tăng nghiền nát, An-tôn chạy tắt qua đường phố và chạy tới trụ sở tỉnh đảng bộ.

Trong hành lang ngổn ngang từng đống giấy tờ, tiếng dập cửa ầm ầm không ngớt, nhân viên chạy từ phòng này sang phòng khác, hoàn toàn không để ý đến An-tôn râu ria xồm xoàm, người lấm lem bùn đất, chiếc áo khoác rách tơi tả và ủng thì chỉ còn lại mỗi cái tên gọi. An-tôn bước vào phòng bí thư tỉnh ủy, khoát tay chào một cô gái đang lôi giấy tờ từ trong tủ ra. Thấy ông vào, cô ta rướn đôi lông mày kẻ lên nhìn vẻ ngạc nhiên.

Bí thư tỉnh ủy đứng quay lưng ra cửa, đang hét vào máy điện thoại. Rồi ông quay lại, trông thấy An-tôn.

—A-a, đợi anh mãi...—ông nói, chớp đôi mắt đỏ ngầu vì mất ngủ. Trên bàn, một đĩa thức ăn và hai cốc nước uống dở nằm giữa đống giấy tờ.—Thoát ra được rồi à? Còn sống chứ?—Và ông lại bắt đầu lục lọi tìm một cái gì đó trong đống giấy tờ.

—Gần như thế,—Xa-vê-li-ép đáp, ngã người xuống chiếc ghế bành bọc vải nỉ xanh sạch sẽ.—Tại sao lại như thế? Tại sao?

—Tình hình như thế này,—bí thư tỉnh ủy nói, giọng hơi buồn.—Quân Đức ở cách thành phố hai mươi, ba mươi ki-lô-mét, nhà ga bị ném bom liên tục, tàu hỏa thực tế là không còn hoạt động. Chúng tôi đang cố chữa lại đường tàu dưới bom, nhưng...

—Quân Đức còn cách thành phố đến ba chục ki-lô-mét, nhưng tại sao trong thành phố lại có tiếng súng bắn nhau?

—Đêm nào bọn phát-xít cũng dùng máy bay thả các toán biệt kích xuống. Chúng tôi cố gắng lùng bắt, chừng nào có thể. Nhưng khó lắm. Chúng mặc thường phục. Và bọn phản bội, bọn phỉ Ban-đê-ra cũng ra sức hoành hành. Thực tế là đã đánh nhau trong thành phố.

—Thực tế—thành phố đã thất thủ,—Xa-vê-li-ép không ra hỏi, mà cũng không ra tự kết luận cho mình, nói.

—Vâng, tình hình thật nguy ngập,—bí thư tỉnh ủy nói. Cuối cùng ông cũng đã tìm ra tờ giấy ông cần.—Nó xảy ra chớp nhoáng quá. Hôm qua quân Đức còn cách thành phố

bốn chục ki-lô-mét. Ngày mai chúng sẽ ở đâu — không ai có thể nói được. Chúng tôi đang đào hào ở ngoại vi thành phố...

— Vâng, tôi có thấy.

— Huy động tất cả những ai có thể, chủ yếu là thanh niên. Giữ chân quân phát-xít lại, dù chỉ một ngày, dù chỉ mấy giờ — đó cũng là việc làm vĩ đại lắm rồi. Cái quan trọng nhất hiện nay — cứu người. Không thể có cái gì khác. Nhưng hiện nay mọi người đã bị cái bản năng chạy trốn tự nhiên bao trùm, và điều khiển cái dòng người hỗn loạn này là việc hầu như không làm được. Cái duy nhất mà chúng tôi có thể làm là đặt các trạm chỉ đường ở các ngã ba, ngã tư để hướng dẫn mọi người tản cư... Còn anh cần phải cấp tốc về Mát-xcơ-va ngay. Đây, — và bí thư tỉnh ủy chìa cho An-tôn một bức điện.

— Tôi về Mát-xcơ-va để làm gì?

— Tôi không biết. Bộ dân ủy cơ khí trung quy mô triệu tập. Đường dây liên lạc với Mát-xcơ-va vẫn còn hoạt động, họ đã gọi hỏi về anh hai lần. Anh về chuẩn bị, nhanh lên, một giờ nữa tôi sẽ cho chiếc xe của tỉnh ủy đến đón anh. Ngoài ra, không còn có phương tiện giao thông nào khác có thể ra được khỏi thành phố. Anh sẽ đi ô-tô đến Téc-nô-pô-lơ, ở đó hình như nhà ga chưa bị ném bom. Thế thôi. Sau một giờ nữa sẽ có xe ở cổng nhà anh...

— Nhà tôi còn nguyên vẹn không? — An-tôn hỏi và giơ tay với cần điện thoại.

— Còn nguyên, và mọi người không ai việc gì. Tôi vừa gọi đến hỏi anh đã về chưa. Đừng để mất thì giờ. Anh cũng đưa chị ấy đi luôn, không thì chị ấy không có cách nào ra được khỏi thành phố đâu.

Càng chạy về đến gần nhà của mình, An-tôn càng thấy nhiều ngôi nhà bị phá đổ. Một số nhà tường bị bom dịch hẳn sang chỗ khác, trên chỗ ngôi nhà ba — bốn tầng trước đây giờ chỉ còn lại một đống gạch vỡ vụn; một số nhà khác thì chỉ một góc hoặc một phần tường bị đánh sập, hoặc mái ngói bị bay mất. Trong nhiều cửa sổ, lửa phụt ra, khói bốc lên từng cuộn đen đặc. Chỉ mới mấy ngày trước đây, những ngôi nhà này còn đứng đàng hoàng, sạch sẽ, bây giờ thì không thể tin nổi rằng đây cũng là đường sá, thành phố ấy.

Ở nhà ga tiếng nổ, tiếng pháo cao xạ vẫn không ngớt. Có lẽ pháo chỉ bắn mò, vì một màn khói đen dày đặc che kín cả bầu trời trên nhà ga, không thấy máy bay đâu cả. Còn lũ phát-xít ném xuống nhà ga cũng chỉ mò mẫm; chúng, với một sự kiên trì dai dẳng đến khó tưởng tượng được, liên tiếp đổ bom vào cái mớ khói lửa hỗn độn này, mà không động đến chính cái thành phố mà từ đó chúng không muốn để cho thêm một đoàn tàu nào đi ra.

Chỉ hai - ba bước, An-tôn nhảy lên cầu thang, chạy vào tầng ba, giật mạnh cửa.

— An-tô-ôn! — vợ ông nhảy bổ ra, ngả vào ngực ông, khóc òa lên. — Còn sống... Còn sống!

— Ê-li-da-vê-ta... Em bình tĩnh lại đi. Nào, em bình tĩnh lại đi.

Trong phòng, mọi thứ đều bị đảo lộn, bừa bãi. Những chiếc va-li mở toang nằm trên giường, trên bàn. I-u-ri mặc may-ô, quần đùi đang lục trong đống quần áo, chọn những chiếc còn tốt nhất vứt vào va-li.

— Nào, nào, anh còn sống đây, Ê-li-da-vê-ta ạ... — An-tôn khẽ gỡ vợ ra, đến bên con trai, vừa đi vừa cởi chiếc áo vét bẩn thỉu, rách nát. — Về rồi đấy à? Chào con. Con đang làm gì thế?

— Con đang làm gì à? — I-u-ri hỏi, tay vẫn không ngừng công việc của mình. — Người ta sẽ cho ba xe để đi ra khỏi thành phố... Cần phải mang theo dù là chỉ mấy thứ cốt yếu nhất.

— Làm sao mà con biết là có xe?! — An-tôn quát to, dường như với một sự căm ghét, mặc dù tự mình còn chưa hiểu được nguyên nhân của lòng căm ghét đó đối với con trai.

— An-tôn! An-tôn! — vợ lại chạy đến bên ông. — Anh sao lại thế? Đã hai ngày nay ở tỉnh ủy gọi điện xuống cho anh, hỏi anh suốt. Người ta gọi anh về Mát-xcơ-va... Trời ơi, em mất ăn mất ngủ mấy ngày nay! I-u-ri nói: «Mẹ ạ, ta cứ chuẩn bị đi, biết đâu...» Quân Đức, quân Đức bây giờ đang ở đâu rồi? Người ta bảo đã ở gần thành phố lắm rồi phải không? Chẳng lẽ...

— Khoan đã, Ê-li-da-vê-ta, — An-tôn lại gỡ tay vợ ra, bước đến bên cạnh con trai. — Thế con đã đến phòng quân vụ chưa?

Ông giật từ trong tay con chiếc áo sơ-mi mà anh định gấp

bỏ vào va-li. — Ba hỏi, con đã đến phòng quân vụ chưa?

I-u-ri nhún vai lấp lửng.

— Con đâu phải là người ở đây. Hơn nữa, mẹ...

— Quân phát-xít chỉ cách thành phố có hai chục ki-lô-mét! Mọi người đang đào chiến hào... Mà con trong diện nghĩa vụ quân sự...

— Thôi được, — I-u-ri nói khẽ, mặc áo sơ-mi vào. — Ba đừng làm ầm lên thế. Con sẽ đến phòng quân vụ ngay bây giờ...

— Không, không! — Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na chạy đến lấy thân mình đứng chắn ngang như che chở cho con trước mắt kẻ thù. Đôi mắt bà lấp lánh một ngọn lửa ốm yếu.

— Ê-li-da-vê-ta! Rồi em sẽ phải tự nguyền rủa mình vì sự yếu đuối này...

— Mặc... Em không thể. Nó là tất cả những gì còn lại trong đời em, anh An-tôn! Hoặc là cả ba người chúng ta cùng đi đến Mát-xcơ-va, hoặc là anh đi một mình.

— Chúng ta sẽ đi hai người! Em hiểu không, hai người... Còn con cần phải đến...

— Khô-ông! — Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na, người tái nhợt, thét to và ghì chặt con trai. Nhưng bà bỗng lên cơn co giật, tấm thân gầy yếu của bà từ từ trượt trên ngực con khuỵu xuống sàn nhà.

— Mẹ! Mẹ ơi! — I-u-ri vội đỡ lấy người mẹ.

— Ê-li-da-vê-ta! Ê-li-da-vê-ta... — An-tôn luống cuống, mặc dù ông biết trong những trường hợp như thế phải làm gì.

— Nhanh lên, ba!

I-u-ri bế lấy người mẹ, bước đến bên đi-văng, dùng chân hất chiếc va-li xuống sàn. Đặt mẹ nằm xuống, anh cầm lấy chiếc lọ nhỏ trong tay cha, nhỏ mấy giọt vào cốc nước cũng do cha anh trao, đổ vào miệng mẹ. An-tôn đứng bên cạnh, hai tay buông thõng bất lực, nhìn khuôn mặt nhợt nhạt, đầy mồ hôi của vợ với một vẻ thương hại.

Một lúc sau, đôi mi mắt Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na khẽ run run, bà mở mắt, nặng nhọc nói từng tiếng.

— I-u-ri, con... chúng ta sẽ cùng đi. Anh có nghe không, anh An-tôn... Em biết, em hiểu... rằng như vậy là không tốt... Nhưng em không thể... Nếu như em mất nó, em sẽ không sống thêm được một ngày nào nữa... Anh hiểu chứ.

Ngực Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na liên tục nâng lên, hạ xuống, liên tục đến nỗi tưởng như không phải bà đang thở, mà đang rùng mình không ngớt.

— Thôi được, thôi được, — An-tôn vội vã nói. — Em cứ bình tĩnh lại đi.

Từ nhà ga, những tiếng nổ vẫn vọng đến không ngớt, làm rung chuyển cả ngôi nhà, bát đĩa trong tủ nhảy lên va vào nhau lách cách. Thỉnh thoảng tiếng còi chính của nhà ga lại rúc lên, và thật là kỳ lạ, thỉnh thoảng vẫn nghe vọng đến tiếng còi đầu máy.

Đứng cạnh vợ một lúc, An-tôn vào nhà tắm để cạo mặt, tắm rửa. Trong lòng nghe như có cái gì xấu xa, đê tiện. Tất cả trong người ông đều chống lại việc lợi dụng cơ hội này để mang con trai đi khỏi đây. Nhưng không còn cách nào khác, vì vợ ông quả thật không thể chịu nổi điều đó.

Ông không phê phán vợ, vì ông hiểu những nguồn gốc, những nguyên nhân của lòng yêu con vô độ, và nếu nói thẳng, là quá mù quáng, thú vật này. Vào cái năm 1918 xa xôi và kinh khủng đối với gia đình họ, tên dự thẩm bạch vệ Xvi-ri-đốp đã không thương cả I-u-ri lúc đó mới lên sáu. Và không phải vì những đòn tra tấn mà Ê-li-da-vê-ta đã phải chịu, mà vì bọn chúng đã đem hành hạ con trai ngay trước mặt, do đó vợ ông đã bị bệnh tâm thần, đầu óc trở nên rối loạn.

An-tôn hiểu tất cả những điều đó. Nhưng ai sẽ hiểu cho An-tôn, khi ông đưa con trai của mình ra khỏi thành phố đang bốc cháy — đứa con trai từ lâu đã trở thành một chàng thanh niên cao lớn, khỏe mạnh, mà theo tất cả các nguyên tắc, quy ước của lương tâm con người, anh phải và có nghĩa vụ phải bảo vệ thành phố khỏi sự tấn công của kẻ thù?

Nhưng để suy nghĩ về điều này cũng chẳng còn thời gian nữa — xe sẽ đến đón ngay bây giờ, mà cũng có thể, đã đứng ở cổng rồi.

Cạo mặt qua quít, An-tôn bước ra khỏi nhà tắm hơi.

— Thôi được, thu xếp đi... Những đồ vứt đi kia lấy làm gì nhiều, chỉ mang theo những thứ cần thiết nhất thôi... Và nói chung, ba nói với con thế này: I-u-ri ạ, con lớn lên sẽ thành một thằng... liều mạng.

Từ này ông nghe đã lâu, từ hồi còn thanh niên ở Nô-vô-

nhi-cô-lai-ép-xcơ. Bà thím U-li-a-na thường gọi ông như vậy mỗi khi kể lể những tội nghịch ngợm của ông. Và bây giờ cái từ này tự nhiên đến trong trí nhớ của ông.

I-u-ri nhún vai.

—Cũng cần xem đánh giá con người theo góc cạnh nào. Tự con cho mình là một người thợ tiện không phải tồi.

—Thôi, đừng múa mép nữa!—An-tôn quát.—Để đến đây, đến Mát-xcơ-va rồi xem. Trong mọi trường hợp, ngày đầu tiên phải đến ngay phòng quân vụ...

Nhưng khi đến được Mát-xcơ-va sau rất nhiều những khó khăn vất vả, phải chịu vô số những trận bị máy bay ném bom bắn phá, ông chỉ kịp gọi điện từ Bộ dân ủy về khách sạn, nói tên nhà máy cơ khí nông nghiệp mà ông được giao phụ trách sơ tán và kịp hét vào ống nghe cho I-u-ri:

—Hiện nay ba chưa biết là nhà máy sẽ sơ tán về đâu— đến Vôn-ga hay còn xa hơn nữa. Xe đang đợi ba ở phía dưới để đưa ba ra sân bay, ba sẽ bay đến địa điểm... Con có nghe rõ không, I-u-ri?

—Con nghe đây...

—Cho đến lúc có tin của ba, mẹ và con cứ ở trong khách sạn. Ba đã nói với Bộ cứ để hai người ở đấy đã. Trông coi lấy mẹ đấy, hiểu chưa?

—Hiểu rồi, ba ạ.

—Rồi đến đấy sẽ xem,—ông nói thêm, như hôm trước lúc rời Lơ-vốp.

Hai tuần sau, ông xuất hiện ở Mát-xcơ-va, rồi lại bay đi. Và cuối cùng ông từ Xi-bi-ri gọi điện về Mát-xcơ-va báo cho hai mẹ con biết nơi cần đi đến.

Đến đây, ở San-ta-ra, I-u-ri, không nói gì với bố và mẹ, đến ngay phòng quân vụ. Buổi tối hôm đó trưởng phòng quân vụ Gri-gô-ri-ép gọi điện cho An-tôn:

—Con trai của anh, An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích, là thợ tiện bậc cao phải không?

—Vâng, nhưng sao?

—Chẳng lẽ nhà máy các anh lại không cần những chuyên gia như thế? Chúng tôi được lệnh không điều động những người như thế. Nhưng cậu ta còn chưa làm việc ở nhà máy.

An-tôn nhìn sang vợ tiều tụy hốc hác vì đi đường đang

nặng nhọc lê bước đi lại trong phòng, thở dài, phán vân một lúc rồi nói:

— Từ ngày mai trở đi, nó sẽ làm việc...

An-tôn cảm thấy như mình vừa làm một việc xấu xa.

* * *

Ông lại nhìn đồng hồ một lần nữa — mười hai giờ kém hai mươi. Cũng vừa lúc đó cửa bật mở, I-u-ri chạy xộc vào, áo phanh cúc ngực, chiếc mũ lưỡi trai, thật kỳ lạ, là vẫn nằm được trên đầu. Mặt phờ phạc, hơi sưng lên.

— Mẹ ơi! — ngay từ cửa, chưa kịp khép cánh cửa lại, anh kêu to. — Con chậm mất. Áo lao động đâu?

Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na giật mình vì tiếng kêu của con.

— Cha mẹ ơi! Con chậm mất rồi! Làm sao bây giờ? Con cần phải ăn tối nữa chứ.

— Không sao. Mẹ gói cho con một ít cái gì đó... — và anh bắt đầu vục nước trong chậu rửa mặt.

An-tôn bước vào bếp, đứng nhìn con trai chừng nửa phút.

— Mày ở đâu về đấy?

— Ở... Con đi nhảy, — I-u-ri vừa lau mặt vừa đáp.

— Nói láo! Nói lá-áo! — An-tôn nóng mặt, quát to.

— An-tôn, anh sao thế? — Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na sợ hãi hỏi.

— Khoan đã, Ê-li-da-vê-ta... I-u-ri, tại sao mày lại nói dối? Mày học được từ bao giờ đấy? Mày ngủ ở đâu, nhìn mặt biết ngay!

I-u-ri cẩn thận treo khăn mặt lên chiếc đinh đóng cạnh chậu rửa mặt.

— Thôi được, con nói dối đấy, — I-u-ri thản nhiên nói. — Đứng là con ngủ. Cứ cho là ở nhà bạn...

— Tao không cho! — An-tôn lại quát lên. — Mày... mày ngủ... ở nhà một con đàn bà nào đó, đồ mất dạy!

— An-tôn...

— An-tôn cái gì? Đã bảo là khoan đã.

— Thì khoan đã, mẹ... — I-u-ri bước đến sát trước mặt cha, rướn lông mày, và đôi mắt xanh long lên dữ tợn, như

một con mèo rừng. Nhìn vào đôi mắt đó, An-tôn giật mình kinh sợ. Nhưng một thoáng sau, tia hung dữ của đôi mắt vụt biến mất, và trước mặt ông lại là một I-u-ri hiền lành, dễ bảo như cũ. Và bất giác An-tôn nghĩ: cái thằng I-u-ri khác, từ trước đến nay ông chưa thấy bao giờ ấy, có thật hay chỉ là cảm giác của ông? — Sao ba lại làm ầm lên thế? — anh hỏi, mỉm cười vẻ biết lỗi. — Thì cứ cho là con ở... nhà một người đàn bà nào đó, thì đã sao? Con lớn rồi.

— Thằng mất dạy! Ôi, thằng mất dạy! — An-tôn giận run bắn người lên, khóe miệng giật giật như Pô-li-pốp.

— Thôi, ba ạ... Con muộn mất rồi. Ôi, chỉ còn mười phút nữa!

Và anh chộp lấy gói thức ăn mẹ chuẩn bị cho, chạy vụt ra cửa.

An-tôn nặng nề buông người xuống ghế, hai tay ôm chặt lấy đầu. Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na lặng lẽ bước đến bên chồng, đặt tay lên vai.

— Sao anh lại như thế với con? Nó quả là đã lớn rồi...

— Nó đã lớn! Nhưng lớn thành người như thế nào?! Chẳng lẽ em không thấy đấy à? Nó nói láo, xỏ xiên... Muốn đàn bà — thì phải cưới xin... Người tử tế thì phải như vậy. Còn nó... chẳng lẽ em không thấy đầu nó đã bắt đầu thối tha... — An-tôn đứng bật dậy, đi lại trong phòng. — Như vậy nó đã lớn lên thành người như thế nào? Rồi sẽ còn như thế nào nữa?!

Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na khóc thút thít.

— Em hiểu, anh An-tôn ạ... Em biết lỗi tại em, tại tình mẫu tử quá mù quáng của em... Đầu óc, lý trí em hiểu hết... Nhưng em không thể thiếu nó. Nó là đứa duy nhất, đứa con đầu tiên và cũng là cuối cùng của em. Nếu như em còn có thể có con nữa, chắc là sẽ không như vậy. Bọn chúng, trong nhà tù, đã đánh em dã man, đã dùng gậy đánh vào bụng... Anh hiểu cho em... — Và bà khóc nấc lên.

— Thôi được, thôi được, đừng thế, em bình tĩnh lại nào.

An-tôn không phải là người yếu đuối, kém nghị lực. Nhưng trước người vợ, trước những dòng nước mắt của vợ, ông trở nên bất lực. Điều đó có thể là do tình yêu — cho đến bây giờ An-tôn vẫn yêu Ê-li-da-vê-ta của mình như hồi còn

là một cậu bé, đến quên mình — hoặc là do ông không phút nào quên những cực hình mà vợ đã phải trải qua năm mười tám? Hồi đó bà đã mất hết sức khỏe, và bây giờ bất cứ một sự xúc động nhỏ nào cũng có thể làm bà phát bệnh, và ông cố không làm bà xúc động, luôn luôn nhường nhịn, rút lui... Hoặc là điều này do cả hai nguyên nhân?

Nhưng dù có do cái gì và như thế nào đi nữa, An-tôn vẫn hiểu rằng đó không phải là cái tốt của ông, rằng nếu suy xét một cách khách quan, ông cũng có lỗi trong việc con ông đã lớn lên thành một người như thế. Có thể lúc đầu ông đã bỏ qua một đôi điều gì đó, về sau, khi nhận thấy trong tính cách của con bắt đầu có những khuyết điểm, nhưng vì nghe lời vợ, ông không nói gì. Và bây giờ, tình hình đã như vậy, có muốn làm gì thì cũng đã quá muộn, mà có lẽ cũng không thể làm được: đấy, ánh mắt của đứa con long lên mới dữ tợn làm sao!

— Chào cả nhà! Ra mà đón khách chứ! — có tiếng người nói ngay ở cửa.

Cả An-tôn lẫn Ê-li-da-vê-ta đều không nghe thấy Xu-bô-tin vào lúc nào. Nhìn thấy Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na đang khóc, ông bối rối.

— Xin lỗi, hình như tôi đến không đúng lúc.

— Chú I-van Mi-khai-lô-vích... Chú I-van Mi-khai-lô-vích! — Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na kêu to, như cách đây đã lâu lắm, trong một bãi rừng trống, khi cũng con người này — lúc đó còn trẻ, tràn đầy sinh lực — bắt đầu nói với Ê-li-da-vê-ta về người cha đã hy sinh trong khi vượt ngục ở nhà tù trung ương A-lếch-xan-đrốp-xki. Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na chạy bổ tới, và cũng như lần ấy, úp mặt vào ngực ông.

— Nào, nào, Ê-li-da-vê-ta... Để chú nhìn xem cháu thế nào rồi nào... — Ông vui vẻ nói, và khẽ đẩy Ê-li-da-vê-ta ra, nhìn thẳng vào mắt. — Còn xinh lắm! Ê-li-da-vê-ta ạ, cháu vẫn còn xinh lắm, như hồi còn trẻ.

— Ôi, chú I-van Mi-khai-lô-vích... Đồng chí Tsúc-kin... Cháu mừng lắm. Bao nhiêu năm rồi!

— Chú cũng vui lắm, Ê-li-da-vê-ta ạ. Đấy, cháu thấy chưa, cuối cùng ta lại gặp nhau. Đúng là có số... Nhưng sao cháu khóc? An-tôn làm sao à? Anh ấy đúng là một thằng mất nết...

—Không đâu, An-tôn của cháu tốt lắm. — Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na nói. — Đây là chúng cháu... — Bà luống cuống. — Nhưng sao lại đứng cả thế này? Chú cởi áo ngoài ra và ngồi vào bàn đi. Nói chung, hôm nay chúng cháu sẽ không để chú đi đâu cả. An-tôn, anh giúp chú cởi áo ra. — Và Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na chạy vào phòng.

I-van Mi-khai-lô-vích cởi áo ngoài, vuốt vuốt mấy sợi tóc lưa thưa.

—Nhưng, xin lỗi vì hỏi một câu không tế nhị, tại sao trong nhà lại có chuyện nước mắt như thế này?

—Con trai, anh hiểu không, càng ngày nó càng làm cho tôi lo lắng. Đấy, chúng tôi vừa mới nói về nó.

—Thế đấy... Đôi lúc con cái cũng là một vấn đề thật phức tạp.

—Phức tạp lắm, — An-tôn thở dài. — Anh rửa tay đi. Chuyến đi về nông trang ra sao?

—Nói chung là tốt. Chủ tịch nông trang ở đấy là một con người khá thú vị, — Xu-bô-tin vừa vốc nước rửa mặt, vừa nói. — Chỉ có hơi du kích một tí. Tự tiện gieo hầu hết diện tích đất trồng bằng giống lúa mạch đen. Nhưng kể ra thời nay đôi lúc làm theo lối du kích cũng có lợi — đạt được cái mình muốn nhanh hơn.

—Anh ở chỗ chúng tôi còn lâu chứ? Bao giờ sẽ đến nhà máy? — Xa-vê-li-ép đưa khăn mặt cho ông, hỏi.

—Sẽ ở lại ít bữa. Và sẽ còn đến cả nhà máy nữa. Nhưng bây giờ tôi lại chuyên trách về nông nghiệp.

—Ra thế đấy. Nghĩa là bây giờ không phải cấp trên trực tiếp của tôi nữa?

—Có lẽ thế. Tiếc à?

—Mừng chứ... Bây giờ có thể tha hồ uống rượu vốt-ca với anh mà không lo gì.

—Thế trước đây thì lo à?

—Vâng, cũng có sợ.

Vừa cười nói, họ vừa đi từ bếp vào phòng.

* * *

Kết thúc ngày làm việc, Pô-li-pốp, theo thói quen đã được tạo ra sau bao nhiêu năm tháng, kiểm tra lại xem có tờ giấy

nào mà người ngoài không được phép xem còn nằm trên bàn, ngăn kéo bàn và cánh cửa tủ không cháy đứng ở góc phòng đã khóa chưa. Rồi ông cầm lấy cặp định đi về nhà, nhưng lại ngồi xuống chiếc ghế bành mềm dành cho khách và nhắm mắt lại, nghĩ ngợi.

Trong những ngày gần đây ông chỉ nghĩ về một điều — về Xu-bô-tin. Bí thư tỉnh ủy đã một tuần nay ở lại San-ta-ra, cùng với Cru-gi-lin đi khắp các nông trang, nhưng chưa lần nào ghé vào ủy ban huyện, và cũng không nói gì về bức thư mà ông, Pô-li-pốp, đã viết gửi về tỉnh ủy. Pô-li-pốp cũng không hỏi gì cả. Một vài lần gặp nhau, Xu-bô-tin chào hỏi một cách lạnh nhạt. Pô-li-pốp gật đầu đáp lại, và họ lại chia tay mỗi người đi một hướng.

Nhưng Pô-li-pốp biết chắc rằng Xu-bô-tin về đến huyện vì bức thư của ông. Xu-bô-tin sẽ làm gì với ông? Triệu tập thường vụ huyện ủy và tuyên bố rằng lời tố giác của Pô-li-pốp về bí thư huyện ủy là không khách quan? Nhưng đấy đâu phải là lời tố giác! Ông đâu phải là thằng ngốc để đi viết những lời tố giác như vậy? Đấy chỉ là bức thư của một người cộng sản gửi tổ chức Đảng cấp trên đề nghị giải thích một vấn đề chưa rõ. Nhưng người ta để Xu-bô-tin sang phụ trách nông nghiệp thật không đúng lúc. Người bí thư chuyên trách nông nghiệp trước đây của tỉnh ủy chắc đã giải thích rằng không phải ông, Pô-li-pốp, mà là Cru-gi-lin phải chịu trách nhiệm về sự tự tiện ấy. Mà ông ta sẽ «giải thích» một cách ra trò để cho Cru-gi-lin rất lâu còn phải cảm thấy nhức nhối, ê ẩm nhiều chỗ. Và con chủ bài đó sẽ còn nằm rất lâu ở trong tay Pô-li-pốp. Nhưng ai biết trước được mọi việc lại như thế này?!

Và nói chung cái lão Cru-gi-lin này thật gặp may. Mới dạo mùa thu còn bù đầu bù tai với nhà máy, việc thu hoạch mùa rất chậm, uể oải. Còn Pô-li-pốp (nghĩ đến đây Pô-li-pốp thầm cười khẩy, mặt vẫn giữ vẻ trầm ngâm cau có — ông biết cách chỉ cười thầm trong ý thức), ông không để tâm xúc tiến việc gặt mùa lắm, nhắm mắt làm ngơ trước thực tế là trong hầu hết các nông trang việc thu hoạch mùa tiến hành rất chậm, nếu tổ chức tốt, kiểm tra chặt chẽ hơn thì có thể gặt nhanh gấp đôi. Ông đi từ nông trang này sang nông trang khác, làm ầm ĩ lên, nhưng chỉ xung quanh việc đập thóc và nộp lúa cho

nhà nước, yêu cầu phải tập trung vào đó tất cả nhân lực, sức kéo, phương tiện vận tải.

—Sắp có gió, trời xấu, thóc sẽ rụng hết hạt,—một lần Pô-li-na Xéc-gây-ép-na, vợ của Pô-li-pốp, ngồi đọc bản thông báo về tình hình thu hoạch mùa đăng trong tờ báo huyện, nói.—Và tình cảnh của Cru-gi-lin lúc đó chắc phải thú vị lắm. Có vò đứt tai cũng không lấy gì mà nộp cho nhà nước... Còn nếu như lại bị tuyết lấp mất ngoài đồng một ít...

—Im đi!—Pô-li-pốp đỏ mặt, quát to, ông hiểu rằng cũng như mọi lần, vợ ông luôn luôn đoán được những tính toán bí mật trong đầu ông.—Cô nói cái gì vậy? Cô định cho tôi là... Chỉ ngồi nghĩ ra đủ chuyện!

Tất nhiên thật là lý tưởng nếu như nhà máy cho sản phẩm chậm hơn một tháng - tháng rưỡi, còn mùa màng trong huyện cứ bê bết ra. Người chịu trách nhiệm trước hết phải là ông chủ quan trọng nhất, và Cru-gi-lin sẽ bị bắn bật ra khỏi huyện như chiếc nút bắn ra khỏi miệng chai, để lại chiếc ghế bí thư cho ông, Pô-li-pốp. Nhưng liền đó Xa-vê-li-ép cùng cái tay gầy như que củi Nhê-tsa-ép xuất hiện, và hai tuần sau nhà máy đã cho ra đầu đạn pháo. Kết quả là những bức điện từ tỉnh ủy và Bộ dân ủy quân khí bay về. Rồi Cru-gi-lin đích thân phụ trách việc thu hoạch mùa. Ngược lại với Pô-li-pốp, Cru-gi-lin không để ý gì đến chuyện nộp thóc cho nhà nước, chỉ yêu cầu gặt, gặt, gặt nhanh và chất lại thành đống. Nhịp độ nộp thóc giảm xuống đột ngột, những hồi chuông điện thoại cau có, những bức điện gay gắt từ tỉnh bay về tới tấp. Cru-gi-lin hầu như không để ý đến chúng. Còn Pô-li-pốp lại chú ý và suốt ngày cáu kỉnh. (Đến đây Pô-li-pốp lại cười khẩy, nhưng lần này ra mặt, cả khuôn mặt rộng bè bè của ông nhăn lại như ăn phải cái gì rất chua.) Đúng, Pô-li-pốp cáu kỉnh vì ông hiểu rằng rồi sẽ đến một ngày tỉnh ủy lại gửi điện chúc mừng về, vì đã hoàn thành kế hoạch nộp thóc cho nhà nước, và tất cả những bức điện gay gắt trước đây chỉ là những tờ giấy vô giá trị. Hơn nữa, hình như thiên nhiên cũng về phe với Cru-gi-lin—trời năm nay nắng ấm rất lâu.

Mọi việc cứ thế diễn ra. Kết quả là không một chiếc lò-xo nào mà Pô-li-pốp đặt bẫy dưới chỗ ngồi của Cru-gi-lin bật lên được, chúng chỉ từ từ duỗi ra, thậm chí không gây một

tác động nào đến Cru-gi-lin. Pô-li-pốp còn lại cái gì nữa? Chỉ còn lại chuyện Pan-crát Na-da-rốp tự tiện gieo giống mạch đen, mà cả chuyện này Pô-li-pốp biết cũng quá muộn. Ôi, giá như thêm vào đấy, nhà máy còn chưa sản xuất đạn và huyện không hoàn thành kế hoạch nộp thuế cho nhà nước! Tuy vậy, vẫn biết rằng bút sa gà chết, sau nhiều suy nghĩ, ông quyết định viết một bức thư gửi lên tỉnh ủy. Ông viết nó vào ban đêm, cũng trong căn phòng này, trên chiếc bàn này, trong bụng thầm triết lý rằng cuộc đời quả trôi thật nhanh và hay thay đổi, và tình hình có thể nhanh chóng thay đổi, biết đâu đến lúc người ta sẽ lại nhớ đến bức thư này, và nó sẽ có lúc hoàn thành được cái vai trò của mình...

Có tiếng gõ cửa. Pô-li-pốp giật mình.

— Vâng. Ai đấy?

Xu-bô-tin bước vào phòng.

— Suy nghĩ à? Chào anh. Tôi đi bây giờ đây, đến chào anh, — ông bỏ mũ, nhưng không cởi áo ngoài.

— Không dám, cảm ơn anh, — Pô-li-pốp cười nhạt. — Thế mà tôi nghĩ anh không đến đây.

— Tại sao lại không? Tôi cần phải nói chuyện với anh vì trong thư anh đề nghị giải thích về vấn đề Na-da-rốp và Cru-gi-lin.

Pô-li-pốp rướn đôi lông mày vàng nhạt.

— Anh cứ giải thích đi.

Xu-bô-tin ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Pô-li-pốp. Giữa họ là một chiếc bàn hẹp được kê sát với chiếc bàn to nặng của chủ nhân căn phòng làm việc này. Xu-bô-tin để tay lên tấm khăn giải bàn bằng nỉ đã cũ sờn, những ngón tay nắm chặt.

— Này, Pi-ốt, anh nói thật lòng với tôi đi: anh viết bức thư ấy để làm gì? — Xu-bô-tin khẽ hỏi.

— Câu hỏi kỳ quặc...

— Vâng, đúng là như vậy, nếu như tôi hỏi người khác, nhưng tôi với anh cùng ngồi trong một nhà tù, cùng chia nhau những mối nguy hiểm ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Anh hãy nói với tôi như với một người đồng chí cũ...

— Chính anh cũng hiểu rất rõ là vì sao. Tôi là đảng viên cộng sản, I-van Mi-khai-lô-vích ạ. Đồng chí Xta-lin và Đảng

luôn dạy bảo chúng ta về tính kỷ luật. Còn ở đây rõ ràng là một sự tự tiện...

—Tôi muốn anh nói một cách chân thành như với một người đồng chí, —Xu-bô-tin nhăn mặt nói.

—Chẳng lẽ tôi nói không chân thành?

Đã khoảng tám - chín giờ đêm, ngoài đường trời đã tối từ lâu. Trong phòng làm việc, hai ngọn đèn lớn được che bằng những chiếc chao đèn thủy tinh rẻ tiền cháy rất sáng. Ngoài cửa sổ, những cây dương, cây phong còn non phủ đầy tuyết lắc lư trong dải ánh sáng lọt ra từ phòng. Về mùa hè cành lá sum suê, chúng vui vẻ nghiêng mình vào cửa sổ; nhưng bây giờ những cành khô héo, trụi lá cong queo từ trong bóng tối nhô ra vươn sát đến tận cửa kính gây nên một cảm giác khó chịu.

—Như vậy nghĩa là chúng ta không nói chuyện được với nhau, Pô-li-pốp ạ, —Xu-bô-tin lạnh lùng nói và đứng dậy. —Thật đáng tiếc...

—Tất nhiên là tôi khó nói chuyện được với anh, bởi vì chính nhờ những sự cố gắng của anh mà tôi được thôi, hay đúng hơn, bị gạt ra khỏi công tác Đảng, —Pô-li-pốp nói với vẻ tự ái không giấu giếm. Góc chiếc miệng rộng của ông méo xệch như sắp khóc. Nhưng, ông không khóc, mà tiếp tục nói vẫn bằng giọng như cũ. —Lúc đầu từ thành phố chuyển về đây, như đi đày. Sau đó, hất khỏi huyện ủy. Còn tiếp theo tôi không biết là sẽ đi đâu nữa... Cru-gi-lin có lần nói lộ ra là cho về nông trang. Tất cả đều lô-gích.

Xu-bô-tin nghe im lặng, nhìn Pô-li-pốp với một vẻ thương hại, đau khổ và một sự khó chịu hiện ra rõ trong ánh mắt.

—Đầy đi đày à?.. Ôi, Pô-li-pốp, Pô-li-pốp... Chính tôi đang muốn nói với anh, như một người đồng chí cũ, như bạn nói với bạn, muốn cuối cùng sẽ hiểu được anh, và có thể, muốn giúp đỡ, để, như anh nói, người ta không đẩy anh đi tiếp, để anh không lăn xuống dốc hoàn toàn, xuống vực thẳm.

—Ô-ô-ô! —đôi lông mày vàng nhạt của Pô-li-pốp lại nhướn lên. —Thậm chí đến như thế đấy... nhưng vấn đề có xứng đáng không đã chứ?!

—Thế anh nghĩ sao?! —Xu-bô-tin nói với một sự đau

đớn lộ ra trong giọng nói. Ông bước đến bên Pô-li-pốp, làm một cử chỉ như định túm lấy vai Pô-li-pốp, nhưng lại thôi. — Ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ, anh đã biến thành một tay quan liêu hạng nặng nhất. Tôi nghĩ rằng, về đây, về huyện, công việc thực tế sinh động sẽ chữa cho anh, cuộc sống sẽ mở mắt, tẩy não cho anh. Nhưng anh lại...

— Nhưng tôi sao?! — Pô-li-pốp cũng đứng dậy và bắt đầu đi lại trong phòng. — Tôi lại tự bôi tro trát trấu vào mặt chứ gì? Nhưng thế nào là bôi tro trát trấu vào mặt? Huyện của tôi lúc đó trở thành tiên tiến trong tất cả mọi chỉ số: về lúa mì, về thịt, về lông cừu...

— Nhưng, khoan đã, — Xu-bô-tin nói.

— Không, tôi không khoan gì cả, — Pô-li-pốp hét lên giận dữ, dường như trước mặt ông không phải là bí thư tỉnh ủy, mà là một chủ tịch hay đội trưởng của một nông trang nào đó mà ông đã quen nói với họ bằng giọng như vậy. — Tôi không khoan, vì có những ý kiến, nhưng cũng có những sự kiện, chứng cớ khách quan. Trong tỉnh này ai nộp lúa mì nhiều nhất, sớm nhất? Pô-li-pốp! Còn thịt, còn sữa? Pô-li-pốp! Huyện của ai nằm trong bảng Danh dự của tỉnh? Của Pô-li-pốp!..

Xu-bô-tin ngạc nhiên đứng nhìn Pô-li-pốp, nhưng dần dần sự ngạc nhiên đó biến thành sự thương hại trước đấy. Bí thư tỉnh ủy ngồi xuống chỗ cũ. Pô-li-pốp liền ngưng bặt.

— Xin lỗi... — ông nói khẽ, rồi cũng ngồi xuống.

Chừng một hai phút họ ngồi im lặng, không nhúc nhích.

— Thế thôi, Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích ạ... — Cuối cùng, Xu-bô-tin nặng nhọc lên tiếng. — Bây giờ thì tôi đã hoàn toàn rõ ý nghĩa của bức thư anh gửi về tỉnh ủy. Trước đây tôi còn đôi chỗ nghi ngờ, còn tin... hoặc muốn tin vào sự thành thật của anh... rằng anh lầm lạc, mà cũng có thể, anh chưa hiểu được một vài vấn đề...

— Tôi chỉ hiểu một điều: những việc làm tự tiện, như kiểu của Na-da-rốp, sẽ không mang lại điều gì tốt lành...

— Còn anh thì làm việc ở đây, không hề tự tiện làm một việc gì cả. Tất cả đều theo chỉ thị, tất cả đều đúng các điều khoản. Và đưa huyện đến chỗ phá sản, đến điểm cùng cực... Cho nên phải đưa anh xuống, vì rằng tất cả những người

9-652

bênh vực cho anh ở tỉnh không chỉ trông thấy cái biển để bên ngoài, như anh nói, của huyện anh, mà còn trông thấy tất cả những gì ở sau tấm biển đề đó. Và nói chung, anh cũng hiểu được điều này.

— Đến chỗ phá sản, đến điểm cùng cực — anh nói như vậy để làm gì?! Cũng như các bí thư huyện ủy khác, tôi có những thiếu sót ở trong huyện. Anh đem nhân, phóng đại chúng lên, đem chúng ra soi xét ở tỉnh ủy. Tôi không còn bé dại gì nữa, tôi biết việc đó được làm như thế nào. Nhưng tôi còn biết một điều khác — tất cả đều qua đi, tất cả đều thay đổi...

— Hiểu điều đó như thế nào? — Xu-bô-tin khẽ hỏi.

— Hiểu thế này... Những người như tôi, những đảng viên từ trước cách mạng, Đảng sẽ không bỏ...

— Đừng nên tự hào với những công lao quá khứ! Hãy tự hào với những đóng góp hiện tại. Mà cái này thì anh không có.

— Anh cho là không, nhưng tôi lại cho là có. Anh đã lấy những thứ rác rưởi lấp chúng lại. Nhưng không sao, chúng ta sẽ đợi xem.

— Khoan, khoan đã... Thực ra, anh định đợi xem cái gì? — Và Xu-bô-tin vươn chiếc cổ gầy của mình ra, làm như câu trả lời của Pô-li-pốp có thể bay qua tai ông, mà đi mất.

— Tôi đã nói, tất cả sẽ trôi qua... Thêm vào đó, lại chiến tranh... Có thể, người ta sẽ chuyển anh từ Nô-vô-xi-biếc-xcơ đi một nơi nào khác; cũng có thể, tôi xin sang một tỉnh khác. Hoặc cùng lắm... — Pô-li-pốp ngừng lại một giây, nhìn thẳng vào mắt Xu-bô-tin, và hỏi, hơi có vẻ giễu cợt: — Năm nay anh bao nhiên tuổi?

Xu-bô-tin chỉ khẽ nhíu những nếp nhăn trên trán lại.

— Hoặc cùng lắm, ta sẽ đợi đến ngày anh về hưu.

Trong phòng lại mấy phút im lặng. Ngoài cửa sổ, những cành cây trụi lá buồn bã run rẩy trong bóng tối.

— Thế đấy... Thì ra anh tính toán trước tất cả mọi thứ.

— Tôi tính toán chứ! — Pô-li-pốp nói với một thái độ trơ tráo, lộ liễu.

— Tôi đã nghĩ nhiều về anh... Nhưng thú thật, chỉ hôm nay mới thấy được thực chất của anh. Cái gì đã xảy ra với

anh thế, Pô-li-pốp? — Xu-bô-tin buồn rầu nói, như tự hỏi chính mình.

— Thế thực chất của tôi là như thế nào?

— Không thể giải thích ngay được. Mưu mô quỷ quyệt, đố kỵ, hám danh — tất cả đều hình như chưa phải, tất cả đối với anh còn quá nhẹ, còn chưa đủ để đánh giá về anh. Không biết, tôi không biết nữa... — Xu-bô-tin mệt mỏi lau đôi má đầy những nếp nhăn. — Nhưng có một điều chính xác là ở anh không còn một tí tính đảng nào nữa...

— Nhưng, anh biết không, về điều này... — Pô-li-pốp cười gằn. — Tất nhiên không ai có thể cấm anh đánh giá, kết luận. Nhưng xin anh hãy giữ chúng lại cho mình.

— Mà cũng có thể cái tính đảng của chúng ta, anh đã không bao giờ có? — không hề chú ý đến những lời nói và cái cười gằn của Pô-li-pốp, Xu-bô-tin trầm ngâm tiếp. — Và còn nữa: có thể... rất có thể, ngay cả bây giờ tôi vẫn còn chưa thấy được cái thực chất của anh? Hả?

Pô-li-pốp đột nhiên ngả chiếc đầu to tướng ra phía sau, miệng há ra, và góc chiếc miệng mở rộng bắt đầu giật giật, đôi má dày trở nên tái mét.

— Mà anh... — Pô-li-pốp khàn khàn thốt lên, thở dốc, đầu lắc lư, nhảy chồm dậy. Và ông ta hét to, giọng rít lên the thé. — Mà anh... sao anh dám... Tôi hỏi anh, anh có quyền gì?

Xu-bô-tin nặng nhọc đứng dậy, vươn thẳng người lên. Và không nhìn thẳng vào mắt Pô-li-pốp, mà vào đôi má đang giật giật một cách giận dữ của ông ta, Xu-bô-tin bình tĩnh nói:

— Chúng tôi không để cho anh ăn thịt Cru-gi-lin đâu. Sắp tới, chúng tôi sẽ mời anh ta đến thường vụ tỉnh ủy để thảo luận về kết quả vụ mùa, tình hình ở nhà máy và trong huyện. Có cái sẽ khen, có cái sẽ chê, có cái trao đổi thêm. Nhưng, như anh hiểu đấy, chúng tôi sẽ khen nhiều hơn... Còn về việc Na-da-rốp... Tôi nghĩ rằng, tỉnh ủy sẽ đồng ý với ý kiến của tôi, là Cru-gi-lin, với tư cách người lãnh đạo của huyện, có quyền vì lợi ích công việc chung, cho phép một nông trang gieo giống lúa mạch đen trên nửa diện tích đất trồng để thí nghiệm. Chào anh.

Và Xu-bô-tin đi ra, không ngoái lại...

Pô-li-pốp đi về nhà dữ tợn như sư tử và hoảng hốt như con thỏ bị người đi săn suốt ngày săn đuổi. Rất lâu, vợ không mở cửa, và ông đứng trên bậc thềm ra sức lấy mũi giày đá vào cánh cửa.

—Chết rấp trong đó rồi hay sao?—ông hầm hầm bảo vợ khi chị ta kéo then khóa ra.—Khóa ba từng bảy lớp như bà hoàng!

—Trước chiến tranh trong làng cũng đã đủ các loại du côn. Còn bây giờ...

—Nhưng cô thì ai thiết, cái đồ bị thịt này?

Và ông nện gót giày thình thịch dọc theo sàn nhà bằng gỗ sơn của hành lang mờ mờ ánh điện.

* * *

Sau khi Cru-gi-lin về, Pô-li-pốp rời bỏ khu nhà huyện ủy một cách ngạo ngược và đến sống trong một căn nhà nhỏ, sạch sẽ, có hai phòng, nằm sát ngay sau hàng rào bằng gỗ của trụ sở ủy ban huyện.

Hai vợ chồng Pô-li-pốp không có con (Pô-li-na Xéc-gây-ép-na không hiểu nguyên nhân là tại chồng hay tại chính mình, còn đến bác sĩ thì ngại), và công việc duy nhất của chị ta là thu dọn nhà cửa và chuẩn bị ăn uống. Chị ta thích và thành thạo làm những việc này, nhưng chúng chẳng phải tốn bao nhiêu thì giờ, và về mùa đông suốt ngày dài dằng dặc chị ta lang thang không mục đích trong những căn phòng trống trải hoặc nằm ườn trên ghế đi-văng đọc sách hoặc tạp chí, còn mùa hè thì trồng hoa. Cả căn nhà huyện ủy trước kia và cả căn nhà ủy ban huyện bây giờ luôn luôn chìm ngập trong những luống hoa nhiều màu sặc sỡ, tươi tốt.

Trước đây Pô-li-na Xéc-gây-ép-na là một người đàn bà cân đối, thậm chí còn mảnh khảnh, mặc dù có bộ đùi đầy đặn và lưng hơi gù. Nhưng sau nhiều năm sống nhàn hạ, tuy còn khá trẻ—chị ta ít hơn chồng những mười lăm tuổi—người chị ta béo phị ra, sệ xuống. Cặp đùi càng đầy thêm, tất cả váy đều chật căng đến nứt đường chỉ, đôi vú chảy sệ xuống như hai cục bột nhào lủng lẳng treo dưới lần áo

dài mặc trong nhà, làn da bụng trước đây căng, dẻo, bây giờ cũng phệ ra, cằm béo núng nính đến nứt ra thành ngấn.

Khi đi lấy chồng, hay đúng hơn, cưới Pô-li-pốp cho mình, Pô-li-na hăm nhăm tuổi.

Một buổi chiều mùa thu năm 1930, có tiếng chuông điện thoại vang lên trong nhà riêng của Pô-li-pốp.

— Xin lỗi anh, em là Xvi-ri-đô-va. Em muốn đến nhà anh...

— Xvi-ri-đô-va nào? Có việc gì?

— Em muốn đến xin việc làm, nhưng không dám... Mẹ em vừa mới mất cách đây một tuần. Em giờ chỉ còn lại một mình.

— Tôi chẳng hiểu gì cả. Tôi có thể giúp được gì?

— Em không cần giúp đỡ, — giọng người đàn bà thở dài trong máy nói. — Em muốn nói chuyện về cha... Anh biết cha em mà...

— Xin... xin lỗi, — Pô-li-pốp thốt lên, hơi nói lắp, — tôi không biết Xvi-ri-đốp nào cả.

— Anh với cha em cùng ngồi tù ở nhà giam Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ ấy. Có lẽ anh quên rồi, đã bao nhiêu năm trôi qua...

Pô-li-pốp im lặng rất lâu, tay bóp chặt lấy ống nghe đến nỗi các ngón trắng bệch ra.

— A-lô, sao anh im lặng thế? — người đàn bà hoặc cô gái không quen biết, hỏi.

— Vâng, vâng... — Pô-li-pốp thở hắt ra hai lần liên tiếp như bị đánh. — Hình như tôi nhớ ra rồi. Xéc-gây Xvi-ri-đốp, vâng, đúng rồi... Đúng là chúng tôi cùng bị giam trong một phòng ở nhà tù Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Hình như vào năm chín trăm linh sáu. Thế nhưng chị muốn gì?

— Em nói rồi, muốn gặp anh.

— Vâng, vâng, mời chị đến... lúc nào đó.

— Nếu anh cho phép, em đến ngay bây giờ... — Và không đợi trả lời, người đàn bà bỏ máy xuống.

Một năm trước đó, Pô-li-pốp từ quân đội phục viên về, sau nhiều do dự, ông ta trở về thành phố quê hương, nơi đã mười một năm nay không có mặt, giữ chức trưởng phòng ở tỉnh ủy. Ông ta chưa lấy vợ, sống trong một ngôi nhà nhỏ hai phòng, đứng ở cửa sổ nhìn ra thấy rõ con sông Ô-bi và

chiếc cầu đường sắt bắc qua sông. Bỏ ống nghe xuống, ông ta khoác tạp-dề vào, bắt đầu dọn lại nhà cửa, lau bụi trên cửa sổ, thu dọn bát đĩa bẩn trên bàn xuống.

Ông còn chưa rửa xong chồng đĩa, thì có tiếng gõ cửa khe khẽ. Mở cửa, Pô-li-pốp trông thấy một người đàn bà khá xinh đẹp mặc chiếc áo vét nữ giản dị, cúc gài kín đến tận cổ. Đôi mắt đẹp màu nâu sáng, mái tóc dày vàng như rơm chải ra phía sau và quấn lại sau gáy thành một búi lớn nặng, kéo đầu hơi ngửa ra phía sau.

— Em đây... — người đàn bà ngượng nghịu nói.

— Mời chị vào.

Người đàn bà ngồi xuống chiếc ghế đi-văng bọc da, hai đầu gối khép chặt và lập tức những giọt nước mắt trào ra chảy dọc theo má. Chị ta lấy từ trong chiếc túi xách to màu đen ra một chiếc khăn mùi-soa, chấm vào đôi mắt đẹp. Đôi vai run lên, đôi bắp đùi đầy đặn để lộ ra đến gần quá nửa. Pô-li-pốp nhìn đôi bắp đùi đó và lo lắng nghĩ: làm sao mà cô gái này biết là ông cùng ngồi tù với cha cô ta? Mặc dù, Xvi-ri-đốp có thể nói với mẹ cô ta, hoặc với chính cô ta, về điều này, khi vào năm mười tám, mấy lần ông đến nhà họ. Cô ta có nhớ là ông đến nhà họ không? Cô ta biết gì về quan hệ giữa ông và cha cô ta? Và nói chung, cô ta cần gì ở ông?

— Chị bình tĩnh lại nào, — ông nói như một cái máy. — Xin lỗi, tên chị là gì ạ?

— Pô-li-na, — người đàn bà rầu rĩ nói. — Anh tha lỗi, rằng em... Em biết rằng cha em... Lúc đầu theo cách mạng, cùng với các anh, nhưng sau... phản bội lại lý tưởng của mình, chạy sang phía kẻ thù của cách mạng... Em không bào chữa cho cha em. Nhưng em thương cha. Và em nghĩ, có thể anh biết một vài điều chi tiết về cha em. Mẹ nói với em rằng sau này cha em tự tử chết. Tại sao cha em lại tự tử?

— Nhưng làm sao mà tôi biết được?

— Vâng, tất nhiên... — Chị ta đứng dậy. Đôi mắt đẹp của chị ta bỗng mờ đi, trở nên đờ đẫn, yếu đuối. Đột nhiên, người đàn bà túm lấy tay Pô-li-pốp, bóp chặt trong lòng bàn tay nóng hổi của mình, và Pô-li-pốp cảm thấy những ngón tay của chị ta run lên.

«Cái quỷ quái gì thế này, chẳng lẽ cái ả này đến để... quyến rũ mình?!» — Pô-li-pốp thoáng nghĩ. Chị ta làm điều này sẽ không khó khăn lắm. Đã từ lâu Pô-li-pốp không gần đàn bà; trong ngôi nhà này, chỉ có mình họ, từ người chị ta lại tỏa lên một mùi nước hoa rẻ tiền nồng nặc và mùi thân thể đàn bà ngây ngất. Và có lẽ Pô-li-pốp đã không cưỡng nổi, nếu như trong đầu không quay cuồng một ý nghĩ: Xvi-ri-đô-va có nhớ ông đã đến nhà cô ta khi cha cô ta làm dự thẩm viên cho hiến binh bạch vệ không? Nhớ hay không?

Pô-li-pốp giằng mạnh tay. Và ngay lập tức, cái vẻ yếu đuối đờ đẫn trong đôi mắt Xvi-ri-đô-va biến mất; một tia long lanh, một ngọn lửa giễu cợt, khinh bỉ lóe lên, làm cho Pô-li-pốp càng thêm lo sợ.

— Xin lỗi, — chị ta nói. — Em đi đây. Tóc em hơi rối mất rồi, có thể cho em chải nhờ một tí được không ạ?

Tia giễu cợt trong mắt người đàn bà biến mất, nhưng thay vào đó nơi khóe miệng thoáng hiện một đường nét dữ tợn, cánh mũi phập phồng. Nhưng rồi tất cả những cái đó cũng biến mất, tan đi trong nụ cười e lệ, thậm chí hơi ngượng nghịu, xấu hổ. Những sự thay đổi, biến hóa đó xảy ra rất nhanh, đến nỗi Pô-li-pốp không biết thực hư ra sao nữa.

— Chị cứ việc. Đây là phòng tắm. Nếu như chị muốn, có thể rửa qua. — Và Pô-li-pốp đi xuống bếp.

Từ trong bếp, ông nghe tiếng cô gái đi lại trong phòng, nhìn vào phòng ngủ — có tiếng cửa mở kêu cót két. Rồi có tiếng nước chảy trong phòng tắm và sau đó người khách kỳ lạ của ông lại đi lại trong phòng. Tiếng cánh cửa vào phòng ngủ lại kẹt lên một lần nữa, và tất cả bỗng im lặng. «Ả ta hoặc là một con mụ trơ tráo, hoặc là...» Tim ông hoảng hốt đập mạnh. Nhưng ông không định ra khỏi bếp để kiểm tra xem người khách kia đang làm gì trong phòng.

Tuy vậy cuối cùng ông cũng ra khỏi bếp. Không có ai trong phòng, cánh cửa vào buồng ngủ hơi hé mở, nhưng điện trong buồng không sáng.

— Này, cô bé, — Pô-li-pốp nói nhanh, cảm thấy cổ mình như bị nghẹn lại. — Cũng có hơi khó coi, trơ tráo đấy. Tôi có cho phép cô vào đấy đâu. Trong đó không được gọn gàng lắm.

Nhưng trong phòng ngủ vẫn không nghe có tiếng động nào.

— Pô-li-na Xéc-gây-ép-na?!

Vẫn không động tĩnh. «Cái quỷ quái gì thế này? Hay là cô ả đi rồi?» Pô-li-pốp ngó ra hành lang — không có ai cả. Tim đập mạnh, ông đẩy cánh cửa vào phòng ngủ và bước qua bậc cửa thấp. Ngay lập tức mùi nước hoa quen thuộc xộc vào mũi và đôi cánh tay nặng ôm choàng lấy cổ ông.

— Bỏ ra... Bỏ ra... — ông ta kêu khẽ, tiếng bị nghẹt lại trong cổ, cố xô tấm thân đàn bà nóng hổi đang ghì chặt lấy người mình.

— Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích... Anh Pi-ốt... — Cô gái cố gắng nồng nàn tìm bắt cặp môi của ông. — Vừa trơ tráo, vừa khó coi... Nhưng em không chịu được nữa. Em yêu anh...Ngay khi anh vừa mới về đến đây, em mới thấy anh một lần... Nhưng em không biết phải làm như thế nào... Còn hôm nay em quyết định... Em quyết...

— Bỏ ra! — ông quát lên, lắc mạnh đầu. Người ông nóng bừng lên.

Và, dường như hoảng hốt, Pô-li-na khẽ lùi lại phía bức tường đối diện, nhưng rồi vung hai tay lên, cô ta lại nhảy đến sát bên ông, xô ông đến bên giường.

— Thế anh có phải đàn ông không đấy?!

Pô-li-pốp ngã ngửa người xuống giường, những sợi tóc đàn bà thoang thoảng nước hoa phủ lên mặt...

Rồi, họ nằm im lặng rất lâu, như để suy nghĩ xem việc gì đã xảy ra. Không ai có thể bắt đầu câu chuyện được.

— Thế tức là, em... yêu anh?! — Pô-li-pốp cảm thấy xấu hổ với giọng nói của mình.

— Thì em đã nói rồi, — cô gái thản nhiên đáp.

— Nhưng khi người ta yêu, sự việc lại không xảy ra như vậy. Nó trơ tráo, xấu xa...

— Nhưng lại chắc chắn, — Pô-li-na nói với một vẻ giễu cợt không giấu giếm. — Anh thấy không, bây giờ thì anh chẳng chạy đi đâu được nữa.

Pô-li-pốp ngồi bật dậy trên giường.

— Thế cô cũng thường hay... quyến rũ như vậy?

— Khô-ông đâu ạ, — Pô-li-na kéo dài giọng, như để an ủi ông.

Pô-li-pốp nằm một lúc, rồi lại tò mò hỏi:

— Thế tại sao lại... anh?

— Thế em còn biết lấy ai làm chồng, ngoài... bạn cũ của cha em? — Pô-li-na hỏi ra vẻ ngạc nhiên.

— Cô... cô định lấy tôi làm chồng đấy à? — Pô-li-pốp hét to và lại ngồi nhỏm dậy. — Tôi là bạn của ông ấy bao giờ?

«Lão bám lấy, đấy, lão vẫn cứ bám lấy! — ông nghe trong đầu nhói lên. — Mình cũng đã nghĩ rồi mà, đáng lẽ không nên về Nô-vô-xi-biếc-xcơ sau khi phục viên mới phải...»

— Nhưng tại sao cô lại chọn đúng tôi làm chồng?!

— Em cũng cần phải sống chứ? — Pô-li-na chậm chạp nói. — Em nay chỉ còn lại một mình, mẹ quả đã chết thật rồi. Em không thể làm việc được... Em cũng chưa thể xin đi đâu, tất cả những năm qua hai mẹ con sống như chuột trong hang, bị mọi người lãng quên. Và cứ sợ: nếu bỗng nhiên có ai chú ý đến — họ Xvi-ri-đốp nào thế này? Nói chung, cha đã để lại cho một gia tài... Còn bây giờ mẹ chết rồi, và em sẽ trở thành Pô-li-pốp phu nhân. Cuối cùng có thể thở một cách thoải mái.

— Thế cô... cô đã hỏi tôi trước chưa? Xem thử tôi có đồng ý không đã chứ? — Pô-li-pốp rít lên giận dữ.

Nhưng cơn giận này hoàn toàn không làm cho Pô-li-na sợ hãi. Vẫn nằm ngửa như cũ, tóc xõa trên gối, cô ta chậm rãi tiếp tục:

— Còn tại sao em lại chọn anh à? Anh khôn ngoan và may mắn. Có lẽ anh còn leo lên cao nữa. Cha của em đã từ lâu nằm sâu trong đất, không hiểu người ta lấp ông ta ở đâu, như một con chó... Còn anh thì thoát, lại trở thành quan lớn nữa. Thế mà trước đây anh cùng cha em bán bọn bôn-sê-vích...

Pô-li-pốp giật nảy cả người, lần thứ ba ông lại ngồi bật dậy.

— Ma-ày?! — Pô-li-pốp trợn mắt, lấy hết sức quát to, mà không nghe thấy rằng mình đã mất giọng, rằng từ trong cổ họng chỉ vang lên một tiếng rít thì thầm rất khẽ. — Bán... ai?! Bôn-sê-vích nào? Mày bịa ra cái gì thế?!

Pô-li-na từ từ rút cánh tay trần ở dưới chăn ra, bấm những móng tay nhọn qua lần áo sơ-mi vào vai ông đau điếng, ấn ông nằm xuống gối cạnh mình.

— Anh nằm xuống đi... Không phải tự em chọn anh đâu. Em không có đủ thông minh làm chuyện này. Đây là do người

tình nhân cũ của mẹ em khuyên em.

—Tình nhân... tình nhân nào nữa?!

—Ông La-khơ-nốp-xki Ác-nôn-đơ Mi-khai-lô-vích, dự thẩm viên của sở hiến binh Tôm-xcơ trước đây. Anh không quên chứ? Ông này lại còn khôn hơn anh, giờ đã thành ông lớn thật sự rồi. Bây giờ ông ta đang sống ở Mát-xcơ-va. Anh còn hỏi gì nữa không.

Pô-li-pốp không còn hỏi thêm gì nữa. Ông cảm thấy tức thở, há chiếc miệng khô khốc thở gấp, nặng nhọc như ngựa chạy quá sức, chiếc trán ông ướt đẫm những hạt mồ hôi to tướng.

* * *

Bước vào buồng của mình thường ngày vẫn dùng làm phòng làm việc ở nhà, Pô-li-pốp ném cặp xuống bàn, không cởi áo ngoài, nằm vật xuống đi-văng, khiến nó kêu rít lên một cách thảm thiết, và tiếng kêu này có lẽ như gáo dầu cuối cùng đổ vào đám lửa đã bắt đầu cháy bùng lên. Thêm vào đó, vợ lại đi theo vào phòng.

—Bước ngay!—Pô-li-pốp gào lên, túm lấy đôi vai mềm của vợ đẩy mạnh ra khỏi phòng. Rồi ông ta chạy đến bên cửa sổ về mùa đông đã bịt kín lại, giật tung một cánh, rồi cánh thứ hai...

Làn không khí lạnh làm cho Pô-li-pốp hơi dịu lại. Đứng chừng mươi phút, ông đóng cửa và lại nằm xuống.

Ông nằm bất động khoảng nửa giờ, hoặc một giờ, mắt nhìn lên trần nhà. Đôi lúc ông lại nhắm mắt như ngủ thiếp đi. Trên chiếc trán rộng, những nếp nhăn hết nhíu tụ vào lại giãn ra...

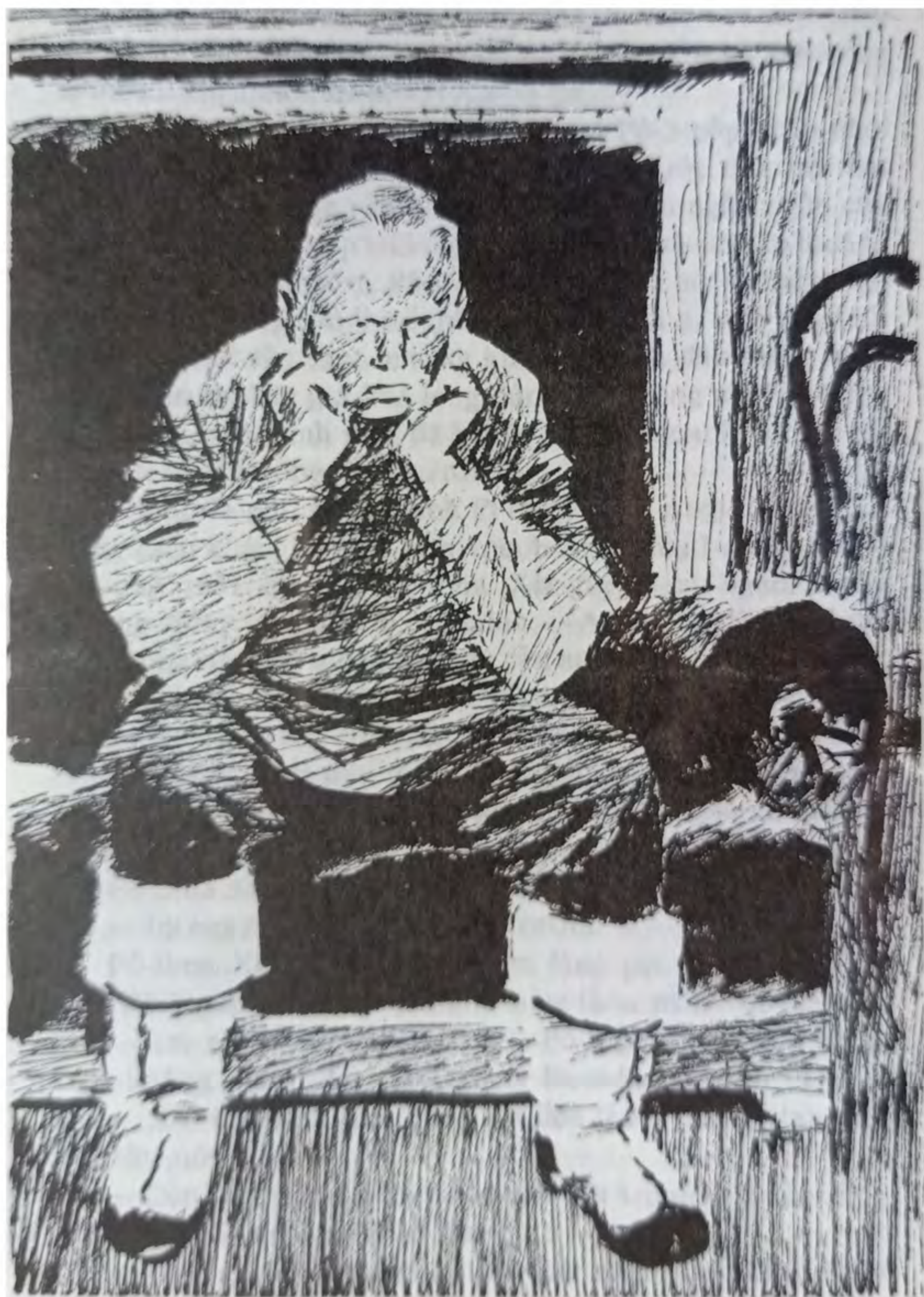
—Pi-ốt, anh ăn cơm không?—có tiếng hỏi từ ngoài cửa.

Ông không trả lời.

Pô-li-na Xéc-gây-ép-na khẽ mở cửa nhẹ nhàng bước vào. Vén vạt áo lụa dài mặc trong nhà, chị ta ngồi xuống đi-văng, đặt bàn tay lên trán nóng bừng của chồng.

—Có chuyện gì thế? Lại cãi nhau với Cru-gi-lin à?

—Không. Vừa nói chuyện với Xu-bô-tin. Nói hết nước hết cái, thẳng thắn...



— Sao lại thế?! — Cặp lông mày thưa của Pô-li-na Xéc-gây-ép-na nhảy lên lo lắng.

— Câu chuyện này trước sau gì rồi cũng phải nói. Cô không hiểu điều đó hay sao?

— Em hiểu. Nhưng dù sao... Thành thật với cấp trên, dù họ có tốt với mình đi chăng nữa, anh hiểu không, cũng là điều... Hơn nữa, lại là với Xu-bô-tin...

— Nhưng ông ta cũng đã hiểu hết, — Pô-li-pốp nhăn nhó.

Pô-li-na Xéc-gây-ép-na đưa mắt nhìn lướt qua bộ mặt đầy đặn, đầy những nếp nhăn, qua tấm thân ngắn ngủn của chồng, và trên góc cặp môi dày màu hồng thẫm của chị thoáng hiện ra một vẻ kinh tởm. Pô-li-na vội vàng đưa tay bịt miệng lại.

— Nói chung, Pô-li-na thân yêu của anh ạ, việc của anh đáng lẽ phải xấu hơn, nhưng không xấu đi đâu được nữa. Cru-gi-lin thì bây giờ khó lòng dùng tay không mà bắt được hắn. Còn anh, hình như đã bị Xu-bô-tin khoanh vòng, như chó sói bị vây trong rừng lại rồi.

— Em đã nói rồi mà, anh Pi-ốt ạ, với Cru-gi-lin thì phải bằng cách khác, kín đáo hơn, qua bàn tay của I-a-cốp A-lây-nhi-cốp mới được, — Pô-li-na Xéc-gây-ép-na ngắm nghía những móng tay tỉa tỉ mỉ của mình. — Anh cũng đã loại được ba tay có sừng có mỏ định ngăn cản anh — Ba-u-lin, Cô-skin, Da-xu-khin. Hơn nữa, giữa Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp hình như trước đây cũng đã có chuyện hiềm khích với nhau...

— Không phải dạy tôi! — Pô-li-pốp bỏ chân xuống ghế, quát. — Ba-u-lin, Cô-skin, Da-xu-khin... Chúng là kẻ thù của nhân dân!

Pô-li-na Xéc-gây-ép-na cười khẩy, định nói một cái gì đó.

— Im ngay! — Pô-li-pốp chặn trước.

Pô-li-na Xéc-gây-ép-na liền im lặng gật đầu tỏ vẻ vâng lời. Pô-li-pốp thở ra nhẹ nhõm như thỏa mãn với điều đó.

— Em ngốc lắm, Pô-li-na ạ, — Pô-li-pốp nói khàn khàn, mắt không ngước lên nhìn vợ. — Ba-u-lin, Cô-skin, Da-xu-khin... Có thể họ không đáng tội đến thế. Nhưng tình hình lúc bấy giờ...

— Còn bây giờ, La-khơ-nốp-xki viết trong thư bảo rằng, tình hình cũng chẳng khác lắm...

— La-khơ-nốp-xki của cô thì biết nhiều lắm đấy! Khác

thì không khác, nhưng cũng không như cũ nữa... Và cái quan trọng là A-lây-nhi-cốp không còn như trước. Không nói được một lời tử tế, động một tí là nổi khùng lên như...

—Người ta đồn ông ta đi lăng nhăng với con đánh máy ở huyện ủy à?

—Ông ta đi lăng nhăng với ai thì việc gì đến cô?

—Với em thì chẳng có việc gì lắm. Em chỉ tò mò tí chút thôi, đàn bà mà. Nhưng còn anh...

—Tôi thì sao? Đi nghe những lời bịa đặt nhảm nhí, chõ mũi vào những nơi không cần thiết à?

—Không cần phải chõ, nhưng biết vẫn không thừa. Những việc này có thể đưa đi rất xa. Nếu như ông ta muốn cưới cô ta, đó là một chuyện. Nhưng theo em thì ông ta chưa li dị với vợ cũ. Hơn nữa, con đánh máy này, nghe người ta nói, đang có, hoặc đã có trước đây, một anh chàng nào đó. Và lúc đó ở đấy sẽ bốc lên một đám khói, mà nếu không có sự giúp đỡ của người khác, thì A-lây-nhi-cốp tự mình sẽ không ra khỏi lửa được. Còn ai giúp, ông ta sẽ mang ơn, gặp dịp sẽ trả. Con người này nhiều sức lực và khả năng lắm.

—Thế đấy. Và dịp này là Cru-gi-lin?—Pô-li-pốp nheo cặp mắt xoi mói nhìn vợ.

—Em chỉ nói chung như vậy thôi,—Pô-li-na Xéc-gây-ép-na nói.

Pô-li-pốp giơ hai bàn tay ra phía vợ như muốn túm lấy cổ. Nhưng ông không túm lấy cổ, mà lấy vai và lắc mạnh, đến nỗi mớ tóc dày màu rơm vàng búi chặt trên đầu sổ xuống vai.

—Nghe đây, Pô-li-na,—ông nói bằng một giọng như vỡ ra, tay vẫn không buông vai vợ.—Cô cùng La-khơ-nốp-xki của cô cho tôi là người như thế nào? Vẫn còn cho tôi là một thằng đểu, một con người xấu xa hả?!

—Pi-ốt! Pi-ốt!—Pô-li-na hoảng sợ thật sự, giằng ra, nhảy lùi lại.—Em có nói gì chạm đến anh đâu nào?

—Cô nói gì à?—Pô-li-pốp hỏi và cũng đứng dậy. Pô-li-na lùi lại, đứng tựa lưng vào tường. Ông lại túm lấy vai vợ và lại lắc rất mạnh. Gáy Pô-li-na đập vào tường.—Cô dạy tôi cái gì thế? Hả? Bao giờ cô với La-khơ-nốp-xhi, cái phần tử tờ-rốt-kít còn chưa bị cắt cổ nốt này, thôi dạy tôi, hả?

—Anh Pi-ốt!—Mi mắt Pô-li-na chớp chớp nhanh, và

đôi mắt chị ta bỗng đầy nước. Chộp lấy tay chồng, Pô-li-na Xéc-gây-ép-na đặt chúng lên bộ mặt nóng bừng của mình, lau sạch nước mắt, rồi vội vã hôn lấy hôn để chúng.

Pô-li-na Xéc-gây-ép-na khóc thật sự, nước mắt chảy từng dòng, vẻ mặt đau khổ. Trong bất kỳ lúc nào, chị ta cũng có thể cho ra bao nhiêu nước mắt tùy ý.

— Chúng ta đã sống với nhau hơn chục năm nay, Pô-li-na ạ, mà cô cứ xem tôi như... cứ xúi tôi làm những chuyện như tôi là... như tôi là kẻ thù của Chính quyền Xô-viết. Mà tôi thì không bao giờ là kẻ thù của nhân dân cả. Đúng, thời trẻ tôi đã hèn nhát... Đã lo sợ cho đời mình. Nhưng thoát khỏi tay La-khơ-nốp-xki của cô, tôi không phản bội các đồng chí trong Đảng. Tôi không khai báo một ai cả...

Pô-li-pốp nói cái điều giả dối này một cách chậm chạp, nặng nề, luôn luôn ngừng lại, tìm từ một cách khó khăn, trong bụng vẫn hiểu rằng vợ biết rất rõ là mình nói dối.

Còn Pô-li-na Xéc-gây-ép-na bây giờ đứng cạnh chiếc cửa sổ tối, chậm chạp tết lại tóc, trầm ngâm nhìn ra ngoài bóng tối. Chị nghe chồng nói, thỉnh thoảng lại khẽ gật đầu làm ra vẻ tin tất cả, nhưng trong bụng cũng hiểu rằng chồng biết rõ mình chỉ làm ra vẻ như vậy, còn thực ra là không tin một lời nào hết.

— Còn tôi, Pô-li-na ạ, là một người có lẽ phức tạp, không đơn giản, — Pô-li-pốp vẫn tiếp tục một cách hơi ngượng nghịu. Ông ta cảm thấy một nhu cầu lạ lùng là nói, nói, nói điều gì cũng được, để khỏi phải dừng lại. — Vâng, tất nhiên tôi có những lỗi lầm thời trẻ. Còn bây giờ... Đúng, tôi hám danh. Cô biết đấy, tôi rất không bằng lòng khi người ta chuyển tôi từ tỉnh về huyện này. Còn đáng bực hơn nữa là khi tôi bị đưa ra khỏi ghế bí thư huyện ủy. Vì sao? Em biết đấy, anh đã làm việc như thế nào, không tiếc sức lực của mình. Và huyện trở thành tiên tiến về mọi mặt. Thế mà bỗng nhiên — xin mời xuống đứng vai phụ! Thế mà công bằng à? Thế mà không bực mình à?

— Anh thân yêu! — Pô-li-na Xéc-gây-ép-na vội vã bước đến bên chồng.

— Tôi là một con người bình thường và, tất nhiên, tôi không thể như một số người khác, che giấu những sự bất

bình của mình mà ai cũng thấy cả, — Pô-li-pốp tiếp tục. — Và tôi cũng không thể giấu được sự ác cảm của mình đối với Cru-gi-lin, mặc dù vẫn biết rằng ông ta thực ra chẳng có lỗi gì trong những điều... bất hạnh của tôi... Em có hiểu anh không, Pô-li-na?

— Em hiểu, em hiểu, — Pô-li-na vội gật đầu.

— Thêm vào đó, khi anh thấy Cru-gi-lin mắc sai lầm, anh không thể bỏ qua, — Pô-li-pốp lại nói bằng cái giọng thường ngày của mình, như không có việc gì vừa xảy ra. — Chẳng hạn, với cái lão Na-da-rốp này. Anh không thể im lặng, che giấu sai lầm của họ. Dù anh có những khuyết điểm nào đi chăng nữa, anh vẫn giữ vững tính nguyên tắc của Đảng. Tinh thần đó anh được giáo dục ngay từ thời còn trẻ, khi mới bắt đầu hoạt động cách mạng. Được chính ông Xu-bô-tin này giáo dục. Thế mà bây giờ ông ta gọi anh là quỷ quyệt, đố kỵ. Thời này để đổi trắng thay đen, chụp mũ, vu khống người khác quả thật dễ dàng, không cần gì nhiều nhặn lắm! Nhưng, Pô-li-na, em hãy nhớ rằng, từ nay về sau, anh vẫn không bao giờ từ bỏ tính nguyên tắc của Đảng, không bao giờ làm những điều hèn mọn như em vừa nói đến để trả thù Cru-gi-lin. Cô... hoặc La-khơ-nốp-xki! Cô nghe không?! — Pô-li-pốp lại lắc vai vợ. — Hiểu không?

— Tất nhiên, em hiểu, — Pô-li-na nói, ngoan ngoãn nhìn vào mắt chồng.

Pô-li-na nói «tất nhiên», mặc dù chị ta có thể nói hoàn toàn khác. Chị ta có thể nói, thí dụ, rằng ông ta, Pô-li-pốp, cũng là một kẻ chuyên đổi trắng thay đen, rằng tự ông ta có thể không ngần ngại chụp mũ, vu khống bất cứ một người nào nếu việc đó là có lợi, hoặc hơn nữa, là cần thiết; rằng từ lâu ông ta đã không từ bất cứ một thủ đoạn đê tiện nào để trả thù, khi vào những năm ba bảy, ba tám, theo lời khuyên của La-khơ-nốp-xki, dùng bàn tay của I-a-cốp A-lây-nhi-cốp trừ bỏ Ba-u-lin, Cô-skin, Da-xu-khin, và có lẽ cũng sẽ không ngần ngại làm như vậy với Cru-gi-lin nếu như có được dù một tí khả năng để làm.

Và chị ta còn có thể nói nhiều điều khác, và Pô-li-pốp hiểu rằng vợ có thể nói những điều đó, nhưng không nói, vì rằng như vậy sẽ tiện hơn cả cho hai người.

Tất cả trong đời họ — cả quan hệ, cả tình cảm, cả lời nói — tất cả đều là giả dối, và cả hai đều hiểu như vậy. Hiện nay Pô-li-pốp vẫn không hề tin vợ, cũng như vào một buổi chiều bây giờ đã trở nên xa xôi, khi Pô-li-na ôm lấy cổ ông trong buồng ngủ với những lời rời rạc về tình yêu. Và Pô-li-na cũng biết rằng ông ta không yêu mình, không bao giờ sẽ lấy mình nếu không tự mình cưới chồng bằng cách như vậy. Nhưng cả hai đều làm ra vẻ tin vào sự chân thành của tình cảm, lời nói và hành động của nhau, vì có lẽ chính sự giả dối này là cái hình thức quan hệ, là cái vỏ bề ngoài mà chỉ trong đó họ mới có khả năng tồn tại được. Dưới cái vỏ này, họ học cách thích nghi để thở, đi lại, nói năng, cười đùa, — nói chung, để sống. Chỉ cần cái vỏ vỡ ra, họ, cả hai sẽ tắt thở, chết cứng bởi làn không khí mát mẻ ùa vào trùm lên người họ.

— Anh Pi-ốt, đi ăn tối đi, — Pô-li-na nói.

— Nào đi. Nhưng Xu-bô-tin, Xu-bô-tin thì sao?! Lếu láo! Lão ta nói «ở anh không còn một tí tính đảng nào nữa, mà cũng có thể anh trước đây chưa bao giờ có nó...»

Pô-li-na Xéc-gây-ép-na đang đi vào bếp bỗng đột ngột dừng lại, trong đôi mắt mở to thoáng một vẻ lo lắng thật sự.

— Em hiểu không, ông ta quả là một kẻ đểu giả, — giọng nói của Pô-li-pốp rung lên giận dữ thật sự. — Ai cho ông ta đưa ra những kết luận như thế?! Và nói chung, em có biết không, bây giờ ông ta sẽ có những ý kiến nhận xét gì về anh ở tỉnh ủy?!

Họ im lặng ăn tối, không nhìn nhau, cảm thấy một sự kinh tởm, xa lạ đối với nhau. Điều này thường xảy ra mỗi khi họ phải nói về những chuyện như hôm nay. Vào giường, Pô-li-pốp nằm bất động rất lâu, úp mặt vào một bên vai ấm của vợ. Rồi ông bỗng hỏi đột ngột.

— Cái lão La-khơ-nốp-xki này bao nhiêu tuổi rồi?

— Gần bảy mươi.

— Người ta đã tóm hết bọn tờ-rốt-kít, còn lão này lại chui vào được một khe nào đó ẩn... Bao giờ thì lão ta ngỏm đi cho rồi!

Họ lại nằm im một lúc trong bóng tối.

— Hừ, tay Cru-gi-lin này thì bây giờ khó lòng mà tóm

được hắn,—Pô-li-pốp lại đột nhiên nói, để tay xuống gối dưới đầu.

—Chúng ta làm sao bây giờ, Pi-ốt? Anh quả thật đã bị Xu-bô-tin khoanh vòng vây kín lại rồi.

—Không sao, không sao, anh sẽ vùng ra được...

—Nhưng bằng cách nào?

—Anh không biết. Ngủ đi... Bây giờ anh chưa biết gì cả. Anh đang nằm nghĩ đây...

* * *

Hôm sau, như thường lệ, Pô-li-pốp dậy sớm, ngoài đường trời hãy còn tối. Tuyết ướt bám đầy cửa sổ—đêm qua có cơn bão tuyết nhỏ.

—Chúng ta làm sao bây giờ, Pi-ốt?—lúc rót chè ra cốc, Pô-li-na lại hỏi.

—Hừ, thực tình mà nói, tình hình quả không lấy gì làm phấn khởi, vui vẻ,—Pô-li-pốp bỏ mứt vào cốc chè, nói. Ông thích uống ngọt, bỏ bốn thìa mứt vào cốc rồi, còn thêm hai thỏi đường nữa.—Anh định xin chuyển sang tỉnh khác, nhưng... Không biết nữa. Họ cho một bản nhận xét như thế này thì còn phải hắt hơi lâu. Khó thoát khỏi cái tay Xu-bô-tin này lắm. Cần phải có một cách nào khác, —Pô-li-pốp hớp hai ngụm nước, ngập ngừng một lát.—Anh định xin ra mặt trận.

Chiếc thìa trong tay Pô-li-na Xéc-gây-ép-na chạm vào cốc kêu đánh keng.

—Anh không thấy có cách nào khác tốt hơn, Pô-li-na ạ,—Pô-li-pốp nói nhanh.—Bằng cách như vậy anh sẽ vứt hết những cái mũ người ta chụp cho anh. Sau chiến tranh về, anh sẽ lại như...như một tờ giấy trắng tinh...

—Quân Đức đã ở sát Mát-xcơ-va. Chiến tranh còn chưa biết sẽ kết thúc ra sao...

Pô-li-pốp suýt nữa đánh rơi chiếc cốc. Ông ta kịp dùng tay khác đỡ lấy cốc, nước chè nóng đổ ra cả đầu gối. Ông ta nhảy chồm dậy, xô chiếc ghế đánh sầm, mặt đỏ bừng, quát:

—Mày dám... Nghe không, sao mày dám?!

Bộ ngực rộng của ông ta nặng nề thở dốc, đôi bàn tay chống xuống bàn nắm chặt đến trắng nhợt, trong cặp mắt có một cái gì đó Pô-li-na Xéc-gây-ép-na chưa bao giờ thấy vụt lóe lên. Chị ta biết rõ Pô-li-pốp, biết khi nào ông ta nói dối với chị và dối cả chính mình, nhưng bây giờ nhìn đôi má co giật, nhìn ánh mắt như nảy lửa, nhìn túm tóc đẫm mồ hôi vắt qua chiếc trán rộng, Pô-li-na Xéc-gây-ép-na không thể hiểu được — đây là cơn giận thật sự hay cũng như mọi lần, chỉ là giả tạo. Nếu là giả tạo thì con người này đã đạt được nghệ thuật đóng kịch tài tình đến mức nào, và trong đáy lòng của ông ta có lấy một tí nào tính người nữa không? Còn nếu như thật sự, thì nghĩa là suốt đời chị ta đã lầm, cho rằng mình nhìn thấu hiểu hết con người này, nghĩa là quả thật ông ta phức tạp hơn là chị tưởng...

— Pi-ốt?!

— Sao mày có thể... Sao mày có thể nói như vậy?! — Ông ném từng lời nặng nề vào bộ mặt đỏ bừng, vừa mới ngủ dậy hãy còn sưng mọng của vợ. — Chỉ nghĩ đến... chỉ nghĩ đến...

Pô-li-pốp bỗng im bặt, như ngạc nhiên trước những lời nói, hành động của mình. Ông giơ hai nắm tay đến sát mắt, mở chúng ra, miệng méo xệch, và nhìn mãi vào lòng bàn tay, không hiểu để làm gì. Rồi đôi tay ông buông thõng xuống dọc thân, cả người nhũn xuống như có một chiếc lò-xo bên trong vừa căng người ông ra giờ lại bị nén xuống. Ông ngồi xuống đi-văng, rút khăn tay ra lau trán và cổ.

— Anh làm sao thế, Pi-ốt? — chị vợ đặt tay lên vai ông.

— Không biết. Đi đi!

Pô-li-pốp ngồi như thế rất lâu, lưng ngả tựa vào thành ghế, đôi mắt nhắm chặt.

— Nghe đây, Pô-li-na, tôi nói với cô điều này... — ông bắt đầu nói bằng một giọng, dường như từng từ một làm ông phải đau đớn đến không chịu nổi. — Tôi quả thật là một con người đê tiện, như Xu-bô-tin nói. Tôi hám danh, nhỏ nhen, đố kỵ, xảo quyệt. Tôi bây giờ nói với cô còn hơn thế nữa... Tôi đã cho ba người kia — Ba-u-lin, Da-xu-khin, Cô-skin — vào tù, đã trừ khử họ không chỉ vì họ ngăn cản tôi. Tôi đã sợ họ! Một lần họ hỏi tôi... Một buổi chiều cả bọn tụ tập ở phòng làm việc của tôi và họ hỏi: «Này Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích, anh nói xem,

bằng cách nào năm mười tám anh thoát được khỏi bọn phản gián Tiệp Khắc bạch vệ và tay lão Xvi-ri-đốp? Làm sao mà anh trốn được? Ai giúp đỡ anh?» Tôi không biết họ tò mò hỏi hay có nghi ngờ một cái gì? Và tôi sợ. Thế là quyết định... quyết định làm cho họ không hỏi tôi thêm về điều này, không còn khả năng để hỏi nữa... Đúng, tôi là một thằng đểu! Tôi sống một cuộc đời giả dối, không tự nhiên. Và cô biết điều này... Có thể, suốt đời tôi vẫn là một thằng như thế. Cô hãy biết lấy điều đó... Hãy biết! Hãy biết! — ông hét lên như sủa, hai lần nhảy chồm lên trên đi-văng như muốn đứng dậy, nhưng bị một cái gì đó giữ chặt lại. — Và đây, tôi, một người... xấu xí cả bên trong lẫn bên ngoài... Cô tưởng rằng tôi không biết điều này à? Nhưng tôi là người Nga, và tôi không thể chịu nổi thậm chí chỉ là một ý nghĩ rằng đất Nga lại để cho bọn ngoại tộc giày xéo... Và, hơn nữa, tôi tin chắc rằng quân Đức, nước Đức phát-xít không thể nào thắng nổi nước Nga. Và không ai có thể thắng nổi. Hãy khắc điều này lên mặt mà nhớ!..

Pô-li-na Xéc-gây-ép-na bước đến cạnh bàn, rót ra một cốc chè, nhưng không uống, giơ tạp-dề lên lau mắt, thút thít khóc.

— Thôi ngay đi! — Pô-li-pốp nói, giọng gay gắt.

— Vâng, vâng... — Pô-li-na Xéc-gây-ép-na vội vã gật đầu. Cuối cùng, chị ta cảm thấy rằng quả thật chồng hôm nay là một người khác hẳn mọi hôm, rằng hôm nay ông ta đã thắng thế, rằng bây giờ phải nói nghiêm chỉnh và thẳng thắn với chồng. — Thôi được, Pi-ốt ạ... Nhưng em ở lại một mình sẽ ra sao? Không có anh, không có... Chúng ta không có món tiền tiết kiệm nào lớn cả...

— Không sao, sẽ sống được. Cô sẽ đi làm việc.

— Ở nhà máy ấy à? Đào đất, chuyển gạch? Em còn biết làm gì nữa?

— Có thể làm ở thư viện. Tôi sẽ lo liệu cho cô, nếu như tôi xin được ra trận... Tôi nghĩ là xin được, cái lão Xu-bô-tin này sẽ giúp. Đây là lối thoát duy nhất cho tất cả chúng ta. Phương pháp duy nhất để giải thoát lẫn nhau...

Pô-li-pốp đứng dậy, đi vào phòng lấy cặp, mặc quần áo. Pô-li-na Xéc-gây-ép-na tiễn ra đến cửa. Vừa sửa chiếc khăn quàng trên cổ chồng, chị ta khẽ hỏi:

— Chẳng lẽ anh quyết định ra mặt trận thật à?

Thật... Cần phải như vậy.

Pô-li-pốp nắm lấy tay cửa, nhưng trước khi mở, lạnh lùng, không nhìn vợ, nói:

— Pô-li-na, cô biết không, hầu như suốt đêm qua tôi nghĩ về cha cô. Ông ta nói đúng, nói đúng...

— Em không hiểu... Cha em đúng cái gì?

Pô-li-pốp rùng mình, sực nhớ ra.

— Phải, phải, cô không hiểu. Mà cũng không cần...

Ông ta đi khỏi, còn Pô-li-na Xéc-gây-ép-na ngơ ngác đứng nhìn căn phòng, bàn, ghế, đi-văng. Chị ta có cảm giác như người vừa ngồi trên đi-văng sau bàn hoàn toàn không phải chồng chị, Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích Pô-li-pốp, và cũng không phải ông ta vừa cầm lấy tay cửa, không phải ông ta vừa đi ra khỏi nhà, mà là một con người hoàn toàn xa lạ, chị chưa biết bao giờ.

* * *

Ở San-ta-ra trời còn tối. Chỉ có đằng đông, phía trên dãy Dve-nhi-gô-ra, bầu trời hơi ửng lên, và giữa trung tâm cái mảng sáng này, những ngôi sao li ti như hạt bụi đang nhợt nhạt tắt dần. Bước xuống bậc thềm, đưa mắt nhìn lên bầu trời tối đen, Pô-li-pốp thở dài nhẹ nhõm, dường như ông sợ trong ánh sáng buổi ban mai ông không thể tìm được đường đến trụ sở ủy ban huyện.

Nhưng hình như ông vẫn lạc đường trong bóng tối, vì rằng xuống khỏi thềm nhà, ông không đi vòng như mọi lần ra phía sau góc nhà mình đến cánh cửa hàng rào dẫn đến trụ sở ủy ban huyện, mà lại theo ngõ nhỏ phủ đầy tuyết đi ra đường cái, chân ngập trong tuyết, đầu rụt vào cổ áo.

Mấy phút sau ông dừng lại trước ngôi nhà nhỏ của giám đốc nhà máy và gia đình ông ta. Mới cách đây không lâu, chính Pô-li-pốp đã đưa họ đến ở đây, thậm chí ông còn giúp mang gói chăn màn buộc thắt ngang bằng một sợi dây da dùng để gói hành lý và hai chiếc va-li — toàn bộ tài sản mà Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na và con trai mang theo đến.

Ngày hôm đó, An-tôn Xa-vê-li-ép không có mặt ở San-ta-ra, ông đang bận việc của nhà máy ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ.

—Thu xếp đi,—đặt chiếc va-li nặng xuống sàn, Pô-li-pốp nói.—Tôi đã cố làm những gì có thể. An-tôn chắc sẽ vui lòng, vì chắc anh ấy cũng đã chán phải ở trong lều bạt. Mấy chiếc giường tôi lấy ở khách sạn huyện, sau này, khi kiếm được của mình, sẽ phải trả lại.

—Cảm ơn anh,—không nhìn Pô-li-pốp, Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na nói.—Anh lấy giường đến làm gì cho mất công. Chắc đằng ấy cũng cần. Anh đưa chúng đi đi, chúng tôi sẽ có cách...

—Sao lại thế, mẹ!—I-u-ri kêu to.—Khách sạn chịu khó một thời gian vậy. Cảm ơn chú Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích, mẹ con cháu rất cảm động trước sự chăm sóc của Chính quyền Xô-viết,—anh quay lại phía Pô-li-pốp.—Nhà có công trình phụ không? Cháu đi xem tí đây, đang định nuôi một con bò, một con lợn, chục con cừu, một chuồng gà và một cặp ngựa.

Anh chạy ra khỏi nhà.

—Ê-li-da-vê-ta...—Pô-li-pốp bước đến bên cạnh Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na.—Thật là không ngờ, nhưng chúng ta lại gặp nhau...

—Thật không ngờ,—bà lạnh lùng nhắc lại, khẽ gật đầu.—Tôi rất cám ơn anh... vì đã làm phiền. Xin lỗi. Và cám ơn.

Pô-li-pốp hiểu rằng sự có mặt của mình là nặng nề đối với Ê-li-da-vê-ta, ông bực bội nói:

—Thú thật, tôi không ngờ một cuộc gặp gỡ như thế này...

—Tôi nói chung không đợi nó.

—Ê-li-da-vê-ta! Tuổi thiếu niên và thanh niên chúng ta sống bên cạnh nhau... Tôi nghĩ chúng ta có nhiều điều để nhắc lại.

—Xin lỗi, tôi đi đường quá mệt...

Chỉ thế thôi, Ê-li-da-vê-ta không nói thêm gì với ông. Và trong thời gian qua họ cũng chỉ tình cờ gặp nhau, hai ba lần ngoài đường phố, Ê-li-da-vê-ta vội vã gật đầu chào trước, rồi cúi đầu rảo bước đi ngang.

Ngôi nhà có hai mái dốc bằng sắt tây không có hàng rào trước mặt, bậc thềm thấp nằm sát ngay đường. Hai bên cửa lớn là những cửa sổ được đóng bằng các cánh cửa chớp, những dải ánh điện lọt ra ngoài theo các khe hở của cánh cửa đó.

Pô-li-pốp bước sang phía bên kia đường, ông thấy một chiếc ghế dài nằm dưới những cành cây phủ đầy tuyết trắng, ngồi xuống và ngước nhìn lên những cửa sổ đóng kín của gia đình nhà Xa-vê-li-ép. Ông nhìn chúng để làm gì? Cái gì đã đưa ông tới đây? Đúng, đã có một thời trước đây ông yêu Ê-li-da-vê-ta, một mối tình có lẽ chân thành, sâu nặng, nhưng rồi... Nhưng rồi mối tình đó đã khô cạn, như bãi lầy trong rừng sâu dần dần, cùng với năm tháng, bị loài bèo tấm màu xanh thẫm phủ kín. Thế đấy, thời gian vẫn không ngừng làm cái việc của mình.

Những hồi tưởng, kỷ niệm về Ê-li-da-vê-ta bắt đầu hành hạ ông từ sau ngày cưới Pô-li-na. Thỉnh thoảng, nghĩ về người bố vợ, ông lại nghĩ đến Ê-li-da-vê-ta, chị hiện ra trước mắt ông, khắp người bị hành hạ, đánh đập thâm tím, tóc sổ tung, rối bù, những vạt áo rách nát che bộ ngực cũng tím bầm — đúng hệt như lần ông trông thấy chị ở sở phản gián bạch vệ Tiệp Khắc, nơi cha của Pô-li-na nắm quyền sinh quyền sát. Ê-li-da-vê-ta bò trên sàn nhà, sờ từng tấm gỗ lát sàn, tay bắt chuồn chuồn trong không khí, thở dốc, thều thào: «I-u-ri... I-u-ri, con tôi?! Các người đem con trai tôi đi đâu rồi?!» Tiếng thều thào đó như xoáy vào óc ông, quay cuồng trong đầu. Ông vùi đầu xuống dưới gối, cố gắng chạy trốn giọng nói đó. Thỉnh thoảng vợ ông tỉnh giấc, trong bóng tối sờ tay lên chiếc trán bốc lửa của chồng.

— Anh lại không ngủ à? Gì mà vật vã như lợn đằm vũng nước thế?

— Anh bây giờ, bây giờ... Ngày hôm nay căng thẳng, nặng nề quá...

— Có cần thuốc an thần không?

— Không cần đâu. Anh ngủ ngay thôi.

Nhưng dần dần những hình ảnh đó hiện về mỗi ngày một thưa hơn, và cuối cùng chấm dứt hẳn...

Và thế rồi đầu tiên An-tôn Xa-vê-li-ép xuất hiện ở San-ta-ra, và sau đó là Ê-li-da-vê-ta. Khi nghe tin gia đình Xa-vê-li-ép sẽ về San-ta-ra, ông nghe một cảm giác khó chịu lạnh buốt trong ngực. Nhưng cái cảm giác đó tan biến đi ngay. Không ai, hoàn toàn không một ai, — ngoài vợ của mình và tên cựu dự thẩm viên hiến binh La-khơ-nốp-xki, sau này là một tên

tờ-rốt-kít cuồng nhiệt, không biết bằng cách nào thoát được tòa án thanh trừng,—có thể biết về quá khứ của Pô-li-pốp. Nhưng ông không lo vợ, lại càng không lo La-khơ-nốp-xki — chính lão này cũng đang sợ tất cả mọi thứ trên đời. Vào thời gian diễn ra những vụ án đáng ghi nhớ xử bè lũ tờ-rốt-kít, La-khơ-nốp-xki biến mất khỏi Mát-xcơ-va, nằm im hơi kín tiếng ở một thành phố nhỏ nào đó ở miền Nam. Đúng ra thỉnh thoảng, hắn cũng có viết thư—không phải cho ông, Pô-li-pốp, mà cho vợ ông—nhưng không để địa chỉ và họ tên người gửi. Đọc xong, vợ ông liền hủy thư ngay. «Này, có thể ông ta không phải nhân tình của mẹ cô, mà là của cô, hả?—có lần Pô-li-pốp nửa đùa, nửa thật hỏi.—Anh thấy hai người năng viết thư cho nhau lắm...»—«Anh thật không biết xấu hổ!—Pô-li-na Xéc-gây-ép-na kêu lên.—Ông ta với mẹ đã... khi gia đình em còn sống ở Tôm-xcơ. Lúc đó, em còn bé». Pô-li-pốp khịt mũi, không nói gì thêm. Ông nghĩ thầm rằng, vào năm mười tám, khi ông đến nhà Xvi-ri-đốp, Pô-li-na cũng đã mười ba tuổi. Và không biết sau đó La-khơ-nốp-xki còn sống ở Xi-bi-ri bao lâu và sống ở đâu trước khi đến Mát-xcơ-va. Nhưng, nói chung, mẹ của Pô-li-na là tình nhân của La-khơ-nốp-xki hay chính Pô-li-na khi đã lớn lên—đối với Pô-li-pốp cũng thế mà thôi. Ông không yêu vợ, và cũng chưa bao giờ yêu. Nhưng cũng không phàn nàn vì đã cưới vợ. Dù sao thì cũng cần phải sống với một người nào đó; mặt mũi cô ta không đẹp, nhưng điều này lại hoàn toàn được bù lại bằng sự im lặng, bằng những tiện lợi mà Pô-li-na, như một người đàn bà, đã mang lại cho cuộc đời ông.

Nếu như Pô-li-pốp gặp Xa-vê-li-ép ở San-ta-ra với một vẻ còn ít nhiều bình tĩnh, thì ngày đến của Ê-li-da-vê-ta ông chờ đợi với một sự nôn nao hồi hộp. Ông có cảm giác rằng chỉ sự có mặt của Ê-li-da-vê-ta cũng sẽ thường xuyên làm sống lại trọng trí nhớ cái cảnh khủng khiếp ở sở phản gián bạch vệ Tiệp Khắc, và đời ông lại sẽ biến thành địa ngục. Nhưng, trái với sự chờ đợi, tất cả lại xảy ra ngược lại. Đến bên cửa toa và bắt gặp cặp mắt mệt mỏi, nằm giữa những nếp nhăn nhỏ, còn chưa sâu lắm, cặp mắt phụ nữ bình thường đang ngạc nhiên, tò mò nhìn ông, và sau đó với một vẻ bối rối, bất lực quay sang nhìn khu ga xa lạ, nhìn mặt đường đổ nhựa rất xấu,

ông lại nghĩ, thậm chí với ít nhiều thương hại: «Tại sao mình lại tưởng tượng ra chúng đã mất trí, đầy nước mắt và đau khổ? Đôi mắt vẫn bình thường... Và con trai I-u-ri đã lớn đến thế đấy. Có lẽ cậu ta tập tạ hai pút... Thần kinh, thần kinh, đồng chí Pô-li-pốp ạ, như có lần trước đây cha của Pô-li-na nói!»

Thực ra, ông cũng có hơi lo lắng, khi Ê-li-da-vê-ta lại ngước mắt lên nhìn ông, sự ngạc nhiên trong giây phút đầu tiên đã biến mất nhường chỗ cho sự khó chịu lạnh lùng, đôi mắt giờ bị phủ một làn băng mỏng, khuôn mặt cũng trở nên đờ đẫn. Và sau này, những lúc gặp nhau hiếm hoi, cặp mắt vẫn như vậy, lạnh lùng, không sinh khí. Nhưng ngay khi còn ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, đặc biệt là vào những năm cuối trước cách mạng, Ê-li-da-vê-ta cũng không tỏ vẻ quan tâm và thân mật với ông nhiều, và thỉnh thoảng trong mắt chị lại hiện ra tấm màn băng giá này...

«Tất cả là thế đấy, — ngồi trên chiếc ghế dài ngập trong tuyết, Pô-li-pốp thở dài. — Nhưng ma quỷ nào hôm nay lại kéo mình tới đây, mình ngồi ở đây và trông lên những chiếc cửa sổ kia — chắc Ê-li-da-vê-ta đang đi lại sau đó — để làm gì?».

Vừa suy nghĩ như vậy, Pô-li-pốp vừa ngạc nhiên lắng nghe những ý nghĩ của mình. Một cảm giác khó hiểu, rối rắm bao trùm lấy ông. Hình như không phải ông, Pô-li-pốp, mà là một người nào khác, đang ngồi trên chiếc ghế ở đây và nghĩ về vợ của An-tôn Xa-vê-li-ép.

Trời vẫn còn tối dưới những cành cây phủ đầy tuyết che kín trên đầu, mặc dù bình minh đã về trên khắp San-ta-ra. Ngôi nhà đối diện với những cánh cửa sổ đóng chặt và những ngôi nhà khác dọc phố đã bắt đầu lên đèn, hắt những chùm sáng màu vàng ra ngoài đường. Tất cả đối với Pô-li-pốp đều rất xa xôi...

«Ma quỷ nào thế này nhỉ? — ông nghĩ, cau có cười khẩy, rụt chiếc cổ vốn đã quá ngắn vào chiếc áo bành-tô cổ lông dựng đứng. — Và nói chung, cái gì đã xảy ra với mình? Tại sao trong mùa thu này mình đã làm nên bao nhiêu điều ngu ngốc? Tại sao mình lại làm như thế trong chuyện nộp thóc cho nhà nước? Định chơi khăm Cru-gi-lin?... Đến vợ cũng nhận

thấy. Và nói chung cô ả, đồ quỷ cái này, cái gì cũng thấy... Còn lão Na-da-rốp này... Rồi lại Xu-bô-tin. Mình đi nói thẳng như vậy với ông ta để làm gì? Và với vợ để làm gì? Nhất là về Ba-u-lin, Da-xu-khin, Cô-skin? Không nói thì cô ta cũng đã đoán được hết, cũng biết rằng mình là kẻ hám danh, đố kỵ — nói chung, đê tiện. Đê tiện?!»

Cái từ này, dù chỉ nghĩ thầm đến, cũng rít lên như ngọn roi, quất rất đau. Nhưng từ bao giờ ông, Pô-li-pốp, trở thành kẻ đê tiện? Bởi vì trước đây, hồi còn trẻ, ông đã là một con người tử tế! Chính Xu-bô-tin — Pô-li-pốp vẫn còn nhớ điều này, vẫn còn nhớ! — đã nói về ông: «Pi-ốt của chúng ta là một chàng trai chân chính. Giá chúng ta có được nhiều người như vậy...» Và trong lòng ông rất tự hào rằng Xu-bô-tin đã nói như vậy, tự hào về mình.

Hồi đó, vào cuối năm 1906. Gần một năm Pô-li-pốp ngồi trong tù, mùa đông cuối năm 1907 mới được thả ra. Mấy tháng sau ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ lại xuất hiện Xu-bô-tin, ông vừa vượt ngục trên đường đi đày trở về. Pô-li-pốp, An-tôn và Ê-li-da-vê-ta, được ra tù gần như cùng một lúc, đón gặp Xu-bô-tin ở chỗ hẹn trước và giúp ông bí mật vào thành phố. Và thêm một tháng sau, Pô-li-pốp bị tên dự thẩm La-khơ-nốp-xki dùng lời trói chặt chân tay, đã hoảng hốt đến chết khiếp khi thấy hắn dọa lấy điếu thuốc lá đang cháy đốt mù mắt.

Và ông trở thành kẻ đê tiện...

...Pô-li-pốp nằm trên đi-văng, ngơ ngác đưa mắt nhìn quanh những bức tường trống của phòng làm việc, cố nhớ lại mình đã đi khỏi cái ngõ vắng vẻ, nơi giám đốc nhà máy An-tôn Xa-vê-li-ép sống, từ bao giờ. Có lẽ chưa lâu lắm, vì trong phòng hãy còn tối. Ông hoàn toàn không nhớ mình đã đi từ nhà Xa-vê-li-ép đến trụ sở ủy ban huyện như thế nào — dường như có người nào đó khiêng ông đến đây trong trạng thái ngủ mê.

Pô-li-pốp đặt hai tay xuống dưới đầu và đột nhiên nghĩ: không, ông trở thành kẻ đê tiện không phải trong phòng của La-khơ-nốp-xki, mà trước đấy mấy ngày... Đúng, trước đấy, trước đấy... Lần đó suốt đêm anh, Pô-li-pốp, nằm trong bụi cây trên nền đất ẩm nghe tiếng cười hạnh phúc của Ê-li-

da-vê-ta và An-tôn, nghe tiếng hôn của họ. Và sau đó... Anh biết việc gì đang xảy ra trong đấy, trong túp lều con bằng cây rừng. Anh nằm, trong cơn điên dại, hai bàn tay cào cấu nát cả một vùng đất cỏ. Rồi không đủ sức để nằm lâu hơn nữa, anh đứng dậy, đi đến cạnh lều, định phá tan nó ra từng mảnh. Cái gì đã làm anh dừng lại? Khi đó có một cái gì đã làm anh dừng lại. Hình như có một tiếng rên khe khẽ và ngọt ngào của Ê-li-da-vê-ta. Anh biết rằng đấy không phải là tiếng rên, và, sợ chính bản thân mình, anh ôm mái đầu bốc lửa, bỏ chạy. Anh biết rằng sáng mai ở đây, dưới vẻ là đám cưới của An-tôn và Ê-li-da-vê-ta, sẽ có cuộc họp của thành ủy bí mật Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, rằng ngày mai, anh, Pi-ốt Pô-li-pốp, sẽ là một trong những người đến đây sớm nhất, vì Xu-bô-tin giao cho chính anh việc bảo đảm an toàn cho cuộc họp bí mật này, rằng ngày hôm sau nữa anh và An-tôn sẽ phải đi Tôm-xcơ để nhận con chữ và những thiết bị còn thiếu khác cho xưởng in bí mật. Và khi đó anh trở thành... Nhưng tại sao? Vì cái gì? Ông trả một cái giá khủng khiếp như vậy vì cái gì? Năm tháng trôi qua — và Ê-li-da-vê-ta là gì đối với ông? Đấy, bây giờ Ê-li-da-vê-ta lại ở đây, ở San-ta-ra, ngay bên cạnh, và ông suốt cả buổi sáng ngồi dưới cửa sổ — và giá như có một cái gì xao xuyến động cựa trong tâm hồn, một sợi dây nào đó rung lên...

Pô-li-pốp vội vã ngồi dậy. Tiếng kêu cót két của lò-xo đi-văng cứa vào tim nhức buốt. Cắn môi lại bởi cơn đau không hẳn là trong tưởng tượng, cũng không hẳn là thật này, Pô-li-pốp chống khuỷu tay lên đôi đầu gối đầy đặn, gục đầu vào lòng bàn tay, nghe đôi má nóng bừng như bốc lửa. Và ông còn cảm thấy rằng mặt chưa cạo. Sáng nay, ông rửa mặt, và vợ cũng không nhắc như mọi ngày khác. Vâng, bây giờ Ê-li-da-vê-ta đối với ông không là cái gì; nhưng lúc đó, lúc đó? Ông đã yêu Ê-li-da-vê-ta, trời ơi, ông đã yêu biết chừng nào! Và không phải nỗi kinh hoàng trước điều thuốc lá đáng sợ của La-khơ-nốp-xki đã làm nghiêng cán cân về phía phản bội, mà chính là tình yêu này. Ông đã hy vọng rằng Ê-li-da-vê-ta, mệt mỏi vì chờ đợi An-tôn sẽ... Ngu ngốc, ngu ngốc! Nhưng bây giờ ông mới thấy rõ ràng

rằng mình đã làm một điều ngu ngốc không cứu vãn được, còn lúc đó... Ông, không hiểu sao, không nghĩ rằng, không thể đoán được rằng Ê-li-da-vê-ta lại trung thành với tình yêu dành cho An-tôn đến thế, không nghĩ rằng An-tôn lại là một người chuyên nghề vượt ngục vĩ đại đến vậy, về mặt này vượt cả Xu-bô-tin. An-tôn chỉ vừa mới thoát ra tự do, Pô-li-pốp đã lại khai chỗ ở của anh; vài tháng sau, An-tôn lại vượt ngục — Pô-li-pốp lại chỉ điểm. Cứ như thế cho đến tận Cách mạng tháng Hai. Tháng Năm năm 1918, Pô-li-pốp lại khai An-tôn lần cuối cùng, báo cho Xvi-ri-đốp biết rằng vào ngày quân bạch vệ Tiệp Khắc nổi loạn, An-tôn sẽ có mặt ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, trên đường từ Mát-xcơ-va về Tôm-xcơ. Nhận được điện của chồng, Ê-li-da-vê-ta chuẩn bị cho chuyến đi. Pô-li-pốp thấy rằng, đã từ lâu Ê-li-da-vê-ta không còn đối xử với anh thân mật, chân tình như trước nữa, những lúc gặp nhau, chị trở nên kín đáo, lạnh lùng, trong mắt hiện ra một tấm màn băng giá. Và đôi khi Pô-li-pốp lo lắng nghĩ: «Chẳng lẽ cô ta đoán được về mình, về vai trò của mình trong số phận của An-tôn?» Nhưng rồi lại gạt ngay mối nghi ngờ đó. «Không một ai, ngoài La-khơ-nốp-xki, có thể biết về điều này». Anh chỉ viết cho một mình La-khơ-nốp-xki, bằng một mật mã riêng, theo một địa chỉ quy ước, những tin tức về An-tôn, về tổ chức bí mật ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Chỉ có ngay trước cuộc nổi loạn của quân bạch vệ Tiệp Khắc, thêm một người nữa biết về hoạt động của anh, là Xvi-ri-đốp. Bây giờ thì Pô-li-pốp không còn loại trừ khả năng rằng những cảm giác mơ hồ của Ê-li-da-vê-ta — nếu như có — có thể, bằng một cách nào đó không biết trước, được khẳng định. Nhưng mặc dù vậy, mấy giờ trước khi chuyến tàu của An-tôn về ga, Pô-li-pốp đến nhà Ê-li-da-vê-ta, và quên hết mọi sự cảnh giác đề phòng, anh nói:

— Ê-li-da-vê-ta, đừng đi Tôm-xcơ! Đừng đi...

— Anh nói gì vậy? — Mắt Ê-li-da-vê-ta vụt ánh lên một tia sợ hãi, ngơ ngác. — Nhưng chồng tôi ở đấy!..

— Nhưng dù sao, dù sao... — Pô-li-pốp không còn kìm được mình nữa. — Ở đây còn có anh, còn ở đấy sẽ chẳng có ai bảo vệ em...

— Pi-ốt, anh nói gì vậy?! — Ê-li-da-vê-ta đánh rơi miếng

giẻ cầm trong tay vào chiếc va-li đang để mở. — Chẳng lẽ ở Tôm-xcơ không có Chính quyền Xô-viết?

— Anh muốn nói rằng... Ở đây anh là ủy viên tòa án quân sự cách mạng, còn ở đấy... thành phố xa lạ... — Pô-li-pốp lắp bắp, cảm thấy tự mình làm lộ mình.

— Anh nói những lời thật kỳ quặc. Và bao giờ anh cũng xử sự lạ lùng thế nào ấy... Cứ mỗi lần An-tôn bị chúng bắt vào tù, anh lại nói với tôi rằng anh ấy sẽ không trở về nữa, — Ê-li-da-vê-ta trầm ngâm nói. — Anh cố nói cho tôi tin như thể anh biết rõ số phận của anh ấy hơn những người khác... Nhưng anh ấy vẫn trở về.

— Anh ta trốn...

— Đúng, song sắt nhà tù không thể giữ anh ấy được. Nhưng lần nào cũng vậy, chỗ ở của anh ấy bị bọn hiến binh cảnh sát biết được rất nhanh, dường như có ai...

— Đấy là tôi khai ra đấy, — Pô-li-pốp cười gằn, buột miệng nói, và anh kinh hoảng vì những lời của mình.

— Vâng, và tôi cũng vô tình nghĩ tới điều này không phải một lần! — Ê-li-da-vê-ta thốt kêu lên,

— Cám ơn...

— Và sau đó lại tự giày vò mình về những ý nghĩ đó... Và lại lần này nữa! Những lời kỳ quặc của anh...

— Đối với em, anh bao giờ cũng kỳ quặc. Nhưng dù sao, anh vẫn van em: đừng đi Tôm-xcơ! Đừng đi...

— Nhưng tại sao? Anh hãy giải thích xem nào!

— Anh không thể! — Pô-li-pốp thì thào nói, phải cố lắm mới không nói ra tất cả. — Anh không biết... Vì rằng anh yêu em! Anh không muốn mất em...

Nói hết câu, Pô-li-pốp ngẩng đầu lên và im lặng. Đôi mắt Ê-li-da-vê-ta đờ đẫn, không chút sinh khí, khuôn mặt như hóa gỗ...

...Pô-li-pốp đột ngột nhấc người lên khỏi đi-văng, những chiếc lò-xo lại kêu cót két. «Đúng, đúng, và ở đây, ở San-ta-ra, trong ngày đầu tiên đến đây, từ toa tàu bước xuống, cô ta vẫn nhìn ông bằng đôi mắt đờ đẫn, không sinh khí như vậy, và khuôn mặt như đã hóa gỗ», — Pô-li-pốp nghe như có một người nào đó nói vào tai mình.

Đứng một lúc, ông lại ngồi xuống và trả lời cái người

nào đó: «Thôi thì mặc kệ cô ta... Lúc đó cô ta không hề biết gì, và bây giờ cũng vậy... Nếu có nghi ngờ một điều gì đó, chắc là phải nói với chồng rồi. Nhưng nhờ trời, chẳng thấy dấu hiệu gì cả... Còn trong bụng cô ta nghĩ gì về mình, về Pô-li-pốp này, mình không cần biết. Hơn nữa, mình lại sắp ra mặt trận... Nhất định sẽ ra mặt trận. Và chúng ta lại mỗi người mỗi ngả. Lần này thì chắc hẳn là vĩnh viễn...»

PHẦN THỨ BA

Cuộc đối kháng vĩ đại

Cuộc chiến tranh xảy ra bất ngờ đã tác động một cách lạ lùng đến quan hệ giữa Xê-mi-ôn và Vê-ra. Chiến tranh như thể vạch ra giữa hai người một đường ngăn cách vô hình mà họ, cả Xê-mi-ôn và Vê-ra đều không thể, hoặc cũng có thể là không muốn vượt qua. Bây giờ họ ít gặp nhau, và hình như cũng chẳng có gì để nói với nhau cả. Thầm cảm thấy điều đó, họ tìm cách chia tay nhau càng nhanh càng tốt.

Một lần, trước khi đi ngủ, Xê-mi-ôn bước ra sân đứng hút thuốc.

—Xê-mi-ôn...—Vê-ra đứng bên kia bờ giậu khẽ gọi.

—A-a... Chào Vê-ra,—Xê-mi-ôn đi lại phía cô.

—Em đứng chờ đây đã lâu, nghĩ là có thể anh sẽ ra. Ta đi xem chiếu bóng chứ? Đã lâu rồi anh và em chẳng đi đâu cả.

—Thì đi,—Xê-mi-ôn đồng ý một cách không lấy gì làm hào hứng lắm.

Họ im lặng đi tới câu lạc bộ, im lặng xem phim và rồi cũng im lặng ra về. Vê-ra không nói gì, vẻ nghĩ ngợi.

Trước khi chia tay, cô bỗng áp sát người vào Xê-mi-ôn, thì thào:

—Còn việc cưới thì thế nào đây, anh Xê-mi-ôn? Trước ta hẹn đến mùa thu này, bây giờ mùa thu đã đến... Rồi chiến tranh... Người ta có thể gọi anh ra trận. Thậm chí anh đang định ghi tên tình nguyện, em nghe thế... Phải không?

—Cứ cho là thế đi, còn gì nữa?—Xê-mi-ôn nói nhanh, hơi né người ra.

—Thế em sẽ ra sao, nếu chúng ta cưới nhau? Có thể em phải ở lại một mình với con...

—Thế nghĩa là bây giờ chẳng nên cưới xin gì cả, chỉ thế thôi.

Và trong người anh lại cảm thấy cái cảm giác khó chịu đối với Vê-ra như một lần nào trước đây, anh khẽ đẩy tấm thân đang áp chặt vào anh ra. Vê-ra lặng lẽ khóc không thành tiếng.

—Em biết anh đang nghĩ: thì ra cô ả thế đấy, vừa muốn ăn, nhưng lại vừa sợ,—Vê-ra thút thít nói, lấy khăn tay lau nước mắt.—Vâng, em sợ... em sợ chưa kịp lấy chồng đã phải chịu ở góa... Súng đạn nó đâu có chừa ai...

—Im đi! — Xê-mi-ôn nói gay gắt. — Tôi đã chết đâu mà cô đã khóc tang sớm thế?

—Anh tha lỗi cho em... — Cô úp khuôn mặt ướt đẫm vào ngực anh. — Em là đàn bà mà, và em đang nghĩ theo cách của đàn bà... Nhưng em yêu anh, Xê-mi-ôn, em yêu...

Câu chuyện đêm ấy của họ kéo dài, lộn xộn và nặng nề. Họ thỏa thuận với nhau là sẽ hoãn cưới lại cho đến khi chiến tranh kết thúc. Thỏa thuận xong với nhau như thế, cả hai đều thở dài nhẹ nhõm, như thể vừa trút được một gánh nặng khỏi vai. Lại áp chặt người vào Xê-mi-ôn, Vê-ra nói:

—Nếu anh ra trận, Xê-mi-ôn, em sẽ chờ anh... Em sẽ giữ mình. Dù một năm, dù mười năm, em sẽ chờ anh...

Tối hôm ấy lại càng làm lớn thêm cái vạch ngang ngăn cách giữa hai người, biến nó thành một vết nứt rạn mỗi ngày một rộng thêm. Sẽ chờ đợi mười năm à? — Xê-mi-ôn nghĩ về Vê-ra. Tất cả chỉ là những lời nói rỗng tuếch, bởi vì... bởi vì trong quan hệ của họ bao giờ cũng thiếu một cái gì đấy cơ bản, và bây giờ cũng chẳng ai hiểu vì sao trước đó họ hôn nhau, thậm chí còn định cả ngày tháng tổ chức lễ cưới...

Sau này, Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin báo tin là A-lây-nhi-cốp đến dạm hỏi Vê-ra. Cả việc này cũng chẳng làm cho Xê-mi-ôn lo lắng. Anh chỉ ngạc nhiên. Thật khó mà tin nổi rằng A-lây-nhi-cốp, một người cau có, ảm đạm mà chỉ bằng sự có mặt của mình cũng có thể làm cho người khác, trong đó có Xê-mi-ôn, phải cảm thấy buốt lạnh khó chịu trong ngực, lại có thể đi hỏi vợ, hơn nữa lại là Vê-ra, một cô gái ít hơn ông những ba mươi tuổi. Dù sao chăng nữa, Xê-mi-ôn cũng chẳng có ý muốn phải chạy ngay đến gặp Vê-ra để hỏi kỹ về sự việc lạ lùng này. «Được, để rồi xem», — anh tò mò tự bảo mình.

Ba tuần sau, trên đường đi làm, Xê-mi-ôn gặp Vê-ra. Cô đang đi thong thả dọc phố, ngắm nhìn những thân cỏ dại khô héo phủ đầy sương nhô ra dưới bờ giậu. Anh lên tiếng chào trước. Vê-ra chớp chớp đôi hàng mi, những chấm màu vàng trong mắt cô khẽ nhảy lên run rẩy.

—Sao... em sao thế? — Xê-mi-ôn hỏi và thầm ngạc nhiên khi thấy giọng nói của mình thoáng vẻ buồn và nghi ngờ.

—Gì cơ?

—Hình như em sợ thì phải?

— Em không biết. Anh đột ngột quá...

Phố lúc ấy còn vắng người, mặt trời còn nằm sau chân trời phía xa chưa lên. Nhưng không khí đã ấm, sương đêm trên cây và trên mái nhà đã bắt đầu tan, nhỏ từng giọt xuống đất.

— Xê-mi-ôn, anh hoàn toàn quên em mất rồi, — Vê-ra vừa nói vừa sửa chiếc khăn trên đầu. — Ít ra nửa tháng một lần anh nên rủ em đi đâu đó... Đi nhảy hay xem chiếu bóng chẳng hạn.

Xê-mi-ôn cảm thấy Vê-ra nói thế chỉ là vì phải nói một cái gì đấy, chứ thực ra là cô mừng thầm là anh đã để cô yên, không rủ cô đi đâu cả. Và anh lại thấy buồn và khó chịu.

— Còn sức đâu mà nhảy với nhót nữa, — Xê-mi-ôn đáp. — Ngày nào cũng mệt rã rời, tay chân nhức nhối. Bây giờ anh làm việc hẳn ở nhà máy, cùng một lúc lái cả máy kéo lẫn xe tải.

— Làm hẳn là thế nào? — Vê-ra tò mò hỏi.

— Là... ông giám đốc nhà máy một hôm tới trạm máy kéo, giở sổ chọn lấy tất cả các thợ máy kéo, thợ nguội và thợ cơ khí trẻ. Thậm chí người ta cũng chẳng thèm hỏi xem bọn anh có đồng ý hay không nữa.

— Khoan... Nếu vậy thì... Đây là nhà máy quân sự. Người ta có thể hoàn toàn miễn cho anh khỏi phải ra mặt trận. — Vê-ra dừng lại, nói.

— Tất nhiên là thế. Nhưng dù sao anh cũng tình nguyện xin đi. Anh đã gửi hai đơn lên phòng quân vụ và sẽ viết đơn thứ ba nữa.

Vê-ra cúi đầu bước đi tiếp.

Vẫn như thường lệ, ông cụ Ép-xây đang quét dọn cạnh cửa ra vào của trụ sở huyện ủy. Thấy Vê-ra đến, ông ngừng tay.

— Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích đang chờ cô, nghe nói có giấy tờ gì gấp lắm, — ông già nói khi thấy cô đi ngang qua.

— Vâng, cháu đến ngay bây giờ, — cô buông một câu, không ngoái đầu lại.

Tới chỗ ngoặt, Vê-ra dừng lại, nắm lấy cổ chiếc áo vét-tông nhàu nát, nhón chân, đặt đôi môi giá lạnh hôn lên má anh.

— Ít ra, thỉnh thoảng được gặp nhau thế này cũng tốt.

— Mà cũng có thể, chẳng được ích gì? — Xê-mi-ôn nói mát. — Nhi-cô-lai bảo anh là A-lây-nhi-cốp đã đến hỏi em làm vợ.

Đôi lông mày mảnh của Vê-ra khẽ nhíu lại, những đốm vàng trong mắt cô lại lay động một cách buồn bã.

— À, nói làm gì! Thật đến buồn cười với cái ông A-lây-nhi-cốp ấy... Em sẽ kể cho anh nghe tất cả, tha hồ mà cười...

Cô nói rồi đột nhiên dừng lại. Đôi lông mày mảnh lại run rẩy, mặt nổi lên các vết đỏ. Cô buông thõng hai tay, lùi lại một bước.

Lúc đầu Xê-mi-ôn hoàn toàn không hiểu chuyện gì xảy ra với cô. Anh chỉ cảm thấy từ chỗ ngoặt một người nào đấy vừa bước ra, đang đứng sau lưng anh. Anh quay lại và nhìn thấy A-lây-nhi-cốp. A-lây-nhi-cốp đầu đội mũ lưỡi trai cứng kéo sụp tận mắt, hết nhìn Vê-ra lại nhìn Xê-mi-ôn.

— Ông cần gì? — Xê-mi-ôn hỏi gay gắt.

— Không, hoàn toàn không cần gì cả. Xin lỗi. Chào cô Vê-ra.

Vê-ra mấp máy môi, nhưng không thành lời, mặt đỏ lựng như bốc lửa.

— Xin lỗi, — A-lây-nhi-cốp nhắc lại, rồi bỏ đi.

— Em nói là buồn cười à? — Xê-mi-ôn đút hai nắm tay vào túi.

— Xê-mi-ôn! Xê-mi-ôn!

— Ừ, mà buồn cười thật!

Rồi anh quay người, bước nhanh, không hề ngoái lại, mặc dầu vẫn nghe tiếng chân Vê-ra đang chạy theo.

— Xê-mi-ôn, em sẽ kể cho anh nghe tất cả, em sẽ nói hết...

— Thế cũng đã rõ lắm rồi!

Vê-ra dừng lại, không chạy theo nữa.

«Rõ, rõ lắm rồi!» — cái cảm giác bị xúc phạm và sự giận dữ quay cuồng, nhức nhối trong đầu Xê-mi-ôn. Nhưng khi kéo mạnh cần lái, đưa máy kéo ra khỏi sân nhà máy, cài số ba chạy đến ga, anh bỗng nghĩ: thế nhưng rõ cái gì mới được chứ? Tại sao mình lại giận dữ như vậy? Vì chuyện gì? Chẳng lẽ Vê-ra lại có lỗi khi A-lây-nhi-cốp bỗng nảy ra cái ý định kỳ quặc là đến hỏi cô ta làm vợ? Quả là cần phải nói chuyện với Vê-ra về tất cả một cách thật bình tĩnh.

Ngay tối hôm đó, vừa bước ra khỏi nhà, Xê-mi-ôn đã gọi ngay Nhi-cô-lai lúc ấy đang thơ thẩn ngoài đường, bảo:

— Ê, Nhi-cô-lai, gọi chị ra đây!

— Ha-ha, gọi à?.. Chị ấy không có nhà. Bây giờ phải đến quá nửa đêm mới đi làm về. Anh hiểu chứ? — Nhi-cô-lai hỏi một cách đầy ý nghĩa. — Thế đấy, đừng tưởng.

Cái «đừng tưởng» ấy làm cho Xê-mi-ôn nóng mặt, như có ai lấy roi quất vào người. Bây giờ thì anh đã hiểu tại sao Vê-ra lại hoảng sợ rướn cặp lông mày khi A-lây-nhi-cốp xuất hiện, tại sao đôi mắt màu nâu của cô lại tròn ra như vậy! Cô ta đã... cô ta đã xỏ mũi anh, Xê-mi-ôn! Đã tìm cớ thuyết phục anh hoãn cưới lại, đến khi chiến tranh kết thúc! Đơn giản là cô ta đã tìm cách thoát khỏi tay anh...

Giây phút ấy Xê-mi-ôn hoàn toàn quên hẳn là chính anh đã hàng tuần lễ tìm cách tránh gặp mặt Vê-ra, là khi nghe Vê-ra lúng ta lúng túng đề nghị hoãn cưới, anh đã cảm thấy nhẹ hẳn người đi. Cảm thấy mình bị xúc phạm. Xê-mi-ôn chạy đến văn phòng huyện ủy, thậm chí chính mình không biết để làm gì.

Khu nhà huyện ủy chìm trong bóng tối, chỉ ở tầng hai, cửa sổ căn phòng bé nhỏ của Vê-ra là còn sáng. Ngước nhìn ô vuông có ánh sáng vàng nhợt, Xê-mi-ôn thở một cách nặng nhọc, tựa mình vào bờ rào được đóng bằng những tấm gỗ dày bao quanh nhà bí thư huyện ủy Cru-gi-lin; rồi để lưng trượt theo những tấm gỗ nhám, anh ngồi bệt xuống mặt đất ướt lạnh.

Dần dần, anh thở đều đều hơn, và khi bình tĩnh trở lại, sự buồn bực và tức giận cũng biến mất. Chỉ ở trong lồng ngực, sâu trong tim, anh cảm thấy một cái gì đấy âm ỉ buồn, chán nản, một cái gì đấy luyến tiếc, như cảm giác của một ước mơ hoặc hy vọng không thành đạt. Khi lần đầu tiên trong anh xuất hiện cảm tình đối với Vê-ra, anh đã nghĩ rằng những ước mơ và hy vọng không rõ ràng từng làm anh hồi hộp, xao xuyến từ ngày còn học ở trường phổ thông hình như đang bắt đầu trở thành hiện thực. Đã có những ngày, những tuần hay cả những tháng liền anh thấy mình lâng lâng như người say; còn đêm đêm, như giữa ban ngày, anh luôn thấy trước mắt mình đôi mắt có những chấm vàng đang nheo cười

một cách huyền bí của Vê-ra, bộ ngực phập phồng thở gấp và đôi chân khỏe, đẹp của cô. Anh nhìn thấy cô — uyển chuyển, xinh đẹp, mà không thể đạt tới được.

Sau đó hóa ra đối với anh, cô là người hoàn toàn có thể đạt tới được. Có thể ve vuốt mái tóc mềm, xoăn thành từng túm nhỏ của cô, có thể hôn vào mắt cô. Và điều này lúc đầu cũng đã gây nên trong anh cả một cơn lốc tình cảm trong sáng và hạnh phúc. Nhưng chẳng bao lâu sau, anh cũng biết thêm là anh có thể dễ dàng cởi cúc áo của cô, đưa tay mơn trớn cơ thể trần truồng của cô, như anh chàng lái buôn người Di-gan vuốt ve con ngựa cái ở chợ. Và cô, Vê-ra, cũng như con ngựa cái kia, đứng im, chỉ thỉnh thoảng rùng mình và thì thào không thành tiếng: «Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn... đừng». Miệng thì thầm, nhưng chính mình lại áp chặt người vào anh hơn. Chẳng phải giấu giếm gì, những lúc ấy Xê-mi-ôn rất thích thú khi cảm thấy cô run rẩy và thì thào như vậy. Tất cả những cái đó làm máu anh nóng rực, lý trí anh bị mờ dần. Và chỉ khi cảm thấy hai người đã mất hết mọi sự tỉnh táo, cô mới lấy hết những nghị lực cuối cùng, vùng khỏi tay anh. Nhưng bây giờ, khi hôn mắt cô và vuốt tóc cô, anh không còn cảm thấy những tình cảm hạnh phúc và trong sáng xưa kia nữa. Và chẳng bao lâu sau, mỗi lần, theo thói quen, cô áp chặt mình vào người anh, lồng ngực cô phập phồng một cách hồi hộp, anh đã bắt đầu cảm thấy một sự khó chịu mơ hồ và cuối cùng là một sự chán chường, khinh bỉ thật sự.

Bây giờ anh không còn lâng lâng đi khắp làng như người say, đêm đêm không còn mơ mộng gì nữa. Trong anh, một cái gì đấy đã sụp đổ, tan thành bụi, và đám bụi đó lắng xuống, bám vào tim anh. Kể ra, nhiều khi anh cũng có ý muốn không thể nào cưỡng nổi là được gặp Vê-ra, được ôm, được cảm thấy cái thân thể nóng bỏng của cô run rẩy dưới bàn tay ve vuốt của mình. Nhưng đó chỉ là một mong muốn thô bạo, và anh, Xê-mi-ôn, cũng hiểu như thế.

Dù sao anh vẫn không thể nào hiểu rõ Vê-ra. Anh thấy và biết rõ là Vê-ra, mặc dù cho phép anh cởi cúc áo ngực, vẫn sẵn sàng cấu xé anh để giằng thoát khỏi tay anh, dù phải bỏ lại các mảnh rách của áo quần mình trên tay anh, chứ nhất định không cho anh làm gì hơn. Nghĩa là cô ta là một cô gái

trọng danh dự và nề nếp. Nhưng cái danh dự và nề nếp ấy, đối với anh, anh vẫn cảm thấy sao như hơi lạ lùng, nhơ bẩn và không tự nhiên lắm. Và thậm chí cả vào cái ngày đáng nhớ ấy, khi cùng với Vê-ra nằm trên đảo, giữa những bụi cây ngưu bàng, nghĩ: «Và cũng có thể đúng là chúng mình không thể sống thiếu nhau?» — anh đã mơ hồ biết trước rằng anh hoàn toàn có thể sống thiếu cô, và thậm chí có lẽ chắc chắn sẽ như thế, bởi vì... bởi vì Vê-ra cũng như một cốc nước ấm, có thể uống no được, nhưng không thể làm đỡ khát.

Bây giờ, ngồi trong bóng tối dưới bờ rào, Xê-mi-ôn nhớ lại sự so sánh kỳ lạ giữa Vê-ra và cốc nước ấm. Anh nhớ lại, cười khẩy và thầm trách mình: «Mình thật là một thằng ngốc, dẫn xác đến đây làm gì? Cô ta quan hệ với A-lây-nhi-cốp thì có việc gì đến mình?» Giữa anh, Xê-mi-ôn, và Vê-ra, tất cả đã kết thúc. Việc đó đã rõ ràng rồi. Anh chỉ tò mò muốn biết một điều là nếu Vê-ra có một ý định gì đó nghiêm túc với A-lây-nhi-cốp, tại sao cô ta lại giận dỗi khi Xê-mi-ôn ít gặp cô ta? Cô ta cần gặp để làm gì? Hay cô ta chưa thật tin chắc là A-lây-nhi-cốp định đặt vấn đề nghiêm túc, vì vậy mà không muốn cắt đứt cả với ông ta lẫn với Xê-mi-ôn?

Anh thấy ý nghĩ này khá thú vị. Chính Vê-ra, chứ không phải một người nào khác, có lần đã nói với Xê-mi-ôn: «Cuộc đời sẽ dễ dàng đối với những ai biết chiếm lấy những gì mình muốn mà không cần suy nghĩ. Phải tóm lấy thật chắc...» Vâng, chính cô ta là người như thế, và có lẽ đó là điều mà anh luôn luôn không thích trong cô, chính cái tính toán trên và những tính toán tương tự đã dần dần đầu độc, phá sụp những ước mơ và hy vọng trong sáng, hồi hộp sinh ra trong mối tình đầu của anh. Và nếu... nếu quả đúng như thế, nếu Vê-ra vì sợ con cá rô lớn có thể tuột khỏi tay, mà chưa muốn quẳng con cá chép nhỏ hơn bắt được trước đó xuống nước, thì tâm hồn của cô ta đê tiện và nhỏ bé đến chừng nào! Thế mà anh, một thằng ngốc, cho đến bây giờ vẫn chưa hoàn toàn phanh phui được nó ra! Đúng, cần phải tìm hiểu kỹ xem sự thể như thế nào. Nhưng bằng cách nào? Theo dõi cô ta và A-lây-nhi-cốp? Không, làm mật thám thì đốn mạt quá! Nếu vậy, làm thế nào để biết được? Hỏi Nhi-cô-lai à? Thằng

nhãi ấy khéo lại phịa ra đủ chuyện! Vả lại, nếu chỉ nghe lời người khác thì có bao giờ biết được sự thật?

Trong bóng tối của đường phố xuất hiện một hình người. Có tiếng bước chân đang đi lại. «A-lây-nhi-cốp», Xê-mi-ôn chợt nghĩ, người nóng rực. Anh ép chặt lưng hơn nữa vào bờ rào. Nhưng một giây sau anh đã biết đó không phải là A-lây-nhi-cốp. Người kia vừa đi dọc phố vừa vui vẻ huýt sáo. Còn A-lây-nhi-cốp, anh biết, sẽ không bao giờ huýt sáo — ông ta là người quá nghiêm túc đối với việc đó...

Xê-mi-ôn thu mình dưới bờ rào, hy vọng người kia sẽ không nhận thấy, mà nếu có nhận thấy thì cũng vội vã đi ngay. Trời đã tối và vắng vẻ, trong làng, từ khi có những người sơ tán đến ở, trở nên bất an.

Tới ngang chỗ Xê-mi-ôn ngồi, người kia ngừng huýt sáo.

— Ê, anh kia, — anh ta khẽ gọi, — làm gì ở đấy? Say à? Nào, đứng dậy!

Xê-mi-ôn nhận ra giọng nói của I-u-ri Xa-vê-li-ép. «Can đảm đấy...» — anh nghĩ. Thấy ngồi im lúc này là một sự ngu ngốc, anh đứng dậy.

Xê-mi-ôn làm quen với I-u-ri một tuần hay mười ngày gì đấy, sau khi anh ta đến đây. Một hôm, đang bốc gỗ chở từ ga về sân nhà máy, Xê-mi-ôn thấy một cậu thanh niên mũi quặp, mái tóc màu sáng như của anh, đang đứng cạnh máy kéo.

— Này, anh kia,đi khỏi đây đi kẻo gỗ lăn xuống gãy chân bây giờ! — Xê-mi-ôn kêu to.

— Còn anh, nghe nói là Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép phải không? — anh chàng kia lại gần, đưa cặp mắt xanh chăm chú nhìn Xê-mi-ôn.

— Thì sao? Lui ra nào, nghe không?

— Tớ cũng họ Xa-vê-li-ép, tên là I-u-ri. Chúng ta là anh em họ hàng với nhau đấy. Giám đốc nhà máy là bố tớ. Nào, ta làm quen với nhau.

Rồi họ bắt tay nhau, người này tò mò nhìn người kia. Lúc đấy I-u-ri đang vội vì ca đêm sắp bắt đầu. Trước khi chia tay, I-u-ri bảo Xê-mi-ôn là anh rất mừng được gặp nhau, và thế nào họ cũng sẽ còn gặp nhau, nói chuyện. Nhưng từ đấy đến giờ hai người vẫn chưa gặp lại. Suốt thời gian

ấy, họ chỉ thoáng thấy nhau hai ba lần, cũng ở bãi bốc dỡ gỗ nọ, và lần nào I-u-ri cũng muộn giờ, vừa chạy vừa vẫy tay chào Xê-mi-ôn. «Người đâu mà lúc nào cũng vội vội vàng vàng, — Xê-mi-ôn nghĩ bụng. Và anh, không hiểu sao, đi đến kết luận: — Những con người như thế sẽ sống lâu, vì cả khi chết họ cũng đến muộn».

Rời bờ rào, Xê-mi-ôn bước lại gần I-u-ri. I-u-ri khẽ lùi lại, đứng thủ thế cẩn thận.

— Tôi, Xê-mi-ôn đây, đừng sợ...

— À, — I-u-ri khẽ kêu lên sung sướng, — cậu làm gì ở đây?

— Ngồi nghỉ. Chơi thế thôi...

— Thế mà mình cứ nghĩ: anh quái nào lại bám lấy bờ rào nhà bí thư huyện ủy Cru-gi-lin thế này? Lúc đầu mình tưởng con bê hay con chó. Nhìn kỹ hóa ra không phải — người...

— Tôi thấy anh cũng không phải nhát gan lắm.

I-u-ri đi ủng, quần bó trong thắt lưng hơi phồng lên, áo khoác ngoài mỏng để hở ngực, người thoảng mùi nước hoa. Xê-mi-ôn lấy làm lạ là cuối cùng cũng có lúc I-u-ri không phải đi đâu vội, mà có thể bình tĩnh đứng nói chuyện.

— Anh đi đâu đấy? — Xê-mi-ôn hỏi.

— À, có chút việc... — I-u-ri nhếch mép cười. — Đằng kia, Un-đi-na sống một mình. Một cô ả tuyệt diệu, khỉ thật. Nhất là khi ả để xõa tóc. Ôi! — I-u-ri thậm chí còn lắc đầu, chắc là vừa nhớ lại một điều gì đó. — Dễ đến ngợp trong mái tóc ấy mất. Ngợp, cậu biết không, và chết lịm trong đó.

I-u-ri đứng sang bên cạnh, giữa vệt sáng của ánh điện hắt ra từ cửa sổ, nhìn đồng hồ.

— Mải nói chuyện với cậu, quên mất, — anh ta nói, vẻ vội vã. — Cô ả, đúng là một mụ phù thủy tóc dài, rất thích đúng giờ. À mà này, hay cậu đi với mình? Cô ả còn có một cô bạn gái nữa.

Không, I-u-ri ạ. Tôi ở đây, anh biết không, cũng đang đợi...

— À, ra thế... Mình cũng đoán vậy... Thôi được, mình đi nhé. Thế nào ta cũng phải gặp nhau nữa, Xê-mi-ôn ạ,

để chuyện gẫu về cuộc sống. Cậu tranh thủ lại mình chơi. Nhà mình — mình, bố mình và mẹ mình — sẽ rất mừng được đón cậu. Cuối cùng thì cũng phải có lúc làm quen với nhau chứ...

Câu cuối cùng I-u-ri đã phải vừa đi vừa ngoái lại kêu to. Anh ta cố chạy nhanh để bù lại số thời gian vừa để mất, và chẳng bao lâu đã mất hút trong bóng tối. «Người anh em này của mình sống có vẻ dễ dãi đấy», — Xê-mi-ôn nghĩ bụng, chẳng phê phán cũng chẳng ác cảm, mà với một vẻ lãnh đạm, hờ hững.

Xê-mi-ôn quay lại bờ rào, ngồi xuống chỗ cũ, suy nghĩ xem nên làm gì tiếp — về hay chờ Vê-ra? Và trong khi anh đang phân vân, ánh đèn trong cửa sổ tầng hai bỗng tắt. Lập tức, ngoài đường phố trở nên tối hẳn... «Thế... thế... thế đấy... — một cái gì đó đau nhói, đầy lo âu gõ mạnh trong đầu anh. — Để xem từ văn phòng huyện ủy, Vê-ra đi ra một mình hay có người tiễn?..»

Chiếc cánh cửa dẫn vào phòng rít lên rồi hé mở. Trên bậc cửa cao bằng gỗ, có tay vịn của ngôi nhà đứng bên kia đường, đối diện ngay với chỗ Xê-mi-ôn ngồi, có một người nào đấy đang đứng giậm chân tại chỗ.

— I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích đấy à? — Vê-ra khẽ gọi.

«Thế đấy, thế đấy, — tiếng gõ trong đầu của Xê-mi-ôn càng mạnh hơn trước. — Đấy, đấy, đã biết mà...»

Một người nào đấy bước vội, gần như là chạy, ngang qua khu vườn nhỏ trước văn phòng huyện ủy. Đồng thời có tiếng gót giày của Vê-ra chạy xuống các bậc cầu thang của cửa ra vào.

— Thế mà em cứ nghĩ là anh đã đứng đợi từ lâu, — Vê-ra nói giọng hơi khô khan. — Từ khi em gọi điện đã được nửa giờ rồi.

— Xin lỗi, Vê-ra ạ, — A-lây-nhi-cốp nói. — Khi em gọi, anh có mấy việc gấp cần làm. Nhưng dù sao, anh cũng đã kịp làm xong. Và đấy, em xem... Anh vội chạy lại đây, như một cậu bé.

— Còn em thì không biết phải làm gì — đi về nhà hay ngủ luôn tại văn phòng. Thôi ta đi. Hôm nay quá nhiều việc thật...

Và họ, vừa đi vừa thì thầm nói chuyện với nhau.

Xê-mi-ôn đứng trầm ngâm nhìn về phía tiếng nói của Vê-ra và A-lây-nhi-cốp vừa im bặt. Thật kỳ lạ — anh cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm và thoải mái, đúng như đêm anh và Vê-ra thỏa thuận với nhau hoãn lễ cưới cho đến khi chiến tranh kết thúc.

* * *

Đối với Vê-ra, Xê-mi-ôn không cảm thấy căm thù cũng như khinh bỉ. Tất cả những tình cảm trước đây có lúc tràn ngập lòng anh, bây giờ đã lắng xuống, đã chết hẳn, như thể những sợi khói yếu ớt cuối cùng của đống lửa sắp tàn bị gió thổi bay đi, tan biến. Anh trở nên vui hơn, yêu đời hơn, thường ngồi trong ca-bin máy kéo ầm ừ hát một bài gì đó. Thỉnh thoảng, trên đường đi làm về nhà hoặc ra ga, anh vẫn gặp Vê-ra. Đôi khi bước ra sân, anh còn nhìn thấy cô đội khăn đứng bên kia bờ giậu ngăn cách hai khu vườn nhà họ. Anh vẫy tay chào cô, vui vẻ nói:

— Vê-ra, chào... chào...

Rồi bỏ đi ngay hay vào khuất trong nhà.

Lúc đầu Vê-ra cũng mỉm cười chào lại, cũng vẫy tay, nhưng sau nhận thấy trong cách cư xử của Xê-mi-ôn có một cái gì đấy không bình thường, cô bắt đầu trở nên đề phòng, và trong đôi mắt hơi dài của cô thoáng có vẻ lo lắng.

— Xê-mi-ôn... Xê-mi-ôn! — mấy lần cô định giữ anh lại.

— Bận quá, bận quá, Vê-ra ạ... — Xê-mi-ôn nói, vẫn không dừng lại.

Vào cái ngày, khi Nhi-cô-lai chạy bổ từ ngoài phố về báo tin An-đrây Xa-vê-li-ép đã trốn ra mặt trận, còn Đi-ma thì chạy ra ga với hy vọng đuổi kịp em, Vê-ra cũng liền vội vàng chạy theo.

Việc cô xuất hiện ở nhà ga làm Xê-mi-ôn bực mình.

— Cô ra đây làm gì? — anh hỏi, gần như quát lên sỗ sàng.

— Không làm gì cả... Em muốn giúp mọi người tìm...

— Hừm, bây giờ có mà đi tìm nó!

Họ lục lọi khắp nhà ga, tìm kiếm nhiều lần tất cả các toa tàu, xem xét hết các bãi để hàng, nhìn vào tận từng hòm hàng,

từng đống gạch, từng hộp giấy đựng xi-măng, gỗ dán. Mệt lử, họ ngồi xuống nghỉ trên chiếc ghế dài cũ đã đen bóng lại trong ngôi nhà ga vắng người.

—Thằng bé láo thật,—anh công an A-nhi-cây Ê-li-da-rốp lò dò đi đi lại lại trên sân ga như một con cò, nói.—Với tôi nó cũng... không sao, đừng hòng thoát khỏi tay công an.

Và vươn dài cổ trên chiếc cổ áo quân phục rộng, Ê-li-da-rốp bước ra đường xe.

Vê-ra và Xê-mi-ôn ngồi cạnh nhau trên chiếc ghế dài. Vẻ mặt Xê-mi-ôn cau có.

—Anh Xê-mi-ôn...—Vê-ra thận trọng nói, cô gỡ chiếc khăn trùm trên đầu xuống, quấn quanh bàn tay để người ngoài không thấy những ngón tay đang run lên.—Em biết rằng anh giận vì cái lão A-lây-nhi-cốp này... Nhưng em thì có lỗi gì ở đây?

—Thiếu gì lúc để nói!—Xê-mi-ôn cau có nói to.

—Nhưng làm sao em tìm được lúc nào... tốt hơn, nếu anh cứ tránh mặt em hoài thế?

—Thôi, đủ rồi!—Xê-mi-ôn gay gắt nói và đứng dậy, nhưng Vê-ra đã ôm chặt lấy, bám treo trên vai anh.—Cô làm cái gì thế. Mọi người kìa...

—Mặc mọi người... Em không cho anh đi đâu... Để em kể đã. Em cần phải kể.

—Thôi được,—Xê-mi-ôn nói khẽ và giận dữ.—Kể đi, hứa từ lâu...

Hai người lại ngồi xuống. Vê-ra mân mê vò nát chiếc khăn trong tay như muốn xé nát nó ra từng mảnh.

—Đấy... A-lây-nhi-cốp đến nhà em, xin hỏi... Chẳng lẽ em có lỗi à, anh Xê-mi-ôn? Thì ra ông ta đã từ lâu chú ý đến em... Đầu tiên như thế nào à? Gặp nhau ở huyện ủy, ông ấy như đốt cháy em bằng đôi mắt dưới đôi lông mày rậm. Rồi cứ hay lui tới phòng em. Đến rồi đứng im lặng cạnh cửa sổ, em lo hết hồn: em nghĩ, không biết cái ông này muốn gì? Và đấy, ông ta đến nhà. Tim em như bị cóng lại...

Vê-ra nói, mắt không nhìn Xê-mi-ôn, hấp tấp nuốt cả lời. Má và tai cô đỏ lựng lên màu huyết dụ.

—Thế... sau đó rồi sao! —Xê-mi-ôn nhìn đôi tai đỏ lựng của cô, hỏi.

—Đấy, cái chính là sau đó rồi sao? Nói thẳng vào mặt ông ta, rằng ông hóa rồ, rằng ông là một thằng già à? Nói thế à?

—Thì cứ cho là như vậy.

—Nhưng em sợ, anh Xê-mi-ôn ạ... —Và cô thở dài.— Lạy Chúa, em sợ. Phải biết ông ta là ai mới được chứ?! Em còn nhớ ông ta bắt chú I-van của anh ở Mi-khai-lốp-ca đi như thế nào, cả cha của Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va nữa... Em còn nhớ hết. Và khi... khi ông ta tiễn em lúc đi làm về, em đi dở sống dở chết...

—A-a... Thế nghĩa là vẫn gặp nhau à?

—Vâng, —Vê-ra thản nhiên nói. —Thỉnh thoảng ông ta cũng có đưa em về khi em phải làm việc muộn. Hình như ông ta đoán được hôm nào em về muộn. Đứng đợi ngoài đường. Ngượng, không muốn vào văn phòng huyện ủy.

—Đợi... Thế khi đi, nói những chuyện gì?

—Không nói gì cả. Ông ta im lặng, em cũng im lặng. Cứ thế đi.

—Thế còn... ông ta có biết chúng mình... Ông ta có biết về anh không?

—Có biết... Có lần em nói: «Tôi có một người bạn, chúng tôi chuẩn bị cưới».

—Ông ta bảo sao?

—Ông ta im lặng, anh Xê-mi-ôn ạ.

—Đúng là em có một ông chồng chưa cưới kỳ quặc thật đấy, — Xê-mi-ôn giễu cợt nói.

—Đúng là kỳ quặc thật. Em đã nói với anh mà, việc này chỉ là một trò cười. Mà nó cứ kéo dài. Em như bị vướng vào một mớ rối tinh lên.

—Thế em định gỡ cái mối đó ra như thế nào? — Xê-mi-ôn tò mò hỏi.

—Chẳng thế nào cả... Tự ông ta không bao lâu nữa sẽ thôi. Em cảm thấy ông ta càng ngày càng ngượng nghịu với em. Em thì vừa đôi phải lứa gì với ông ta? Chẳng lẽ ông ta không hiểu à? Thế mà anh lập tức tránh xa em... Làm sao anh có thể nghĩ rằng em lại đổi anh để lấy một ông già?

—Cứ cho là như vậy đi,—im lặng một lát, Xê-mi-ôn nói.—Nào, nhìn thẳng vào mắt anh đi...

Vê-ra ngẩng đầu lên. Màu đỏ trên má, trên tai cô đã tan hết. Cô nhìn Xê-mi-ôn bằng một ánh mắt trong trẻo, hơi ngạc nhiên.

—Thế nghĩa là ông ta đoán được khi nào em phải về muộn? Hay là em cố ý về muộn?

—Anh nói gì vậy, Xê-mi-ôn?!—Đôi lông mày mỏng và dài của cô bắt đầu uốn cong lại.

—Hay là em tự mình gọi điện cho ông ta đến để... đưa em về?

—Xê-mi-ôn, anh nói sao?—cô giận dữ kêu lên, đôi lông mày đã uốn thành hình vòng cung, nhưng rồi lại giãn thẳng ra, cặp môi mím lại hờn dỗi.

Xê-mi-ôn muốn hét to lên rằng cô ta nói dối, rằng quan hệ của cô với A-lây-nhi-cốp hoàn toàn không như cô ta nói, muốn kể lại việc cách đây ít lâu anh ngồi ở bên hàng rào và nghe được câu chuyện của cô ta với A-lây-nhi-cốp. Nhưng, bắt gặp ánh mắt ngạc nhiên và đôi lông mày cong, cặp môi hờn dỗi của cô, anh bỗng quyết định rằng không cần thiết phải nói những chuyện ấy làm gì, rằng như vậy sẽ lại phải nghe một sự giải thích rối rắm, dài dòng. Và anh khẽ nói, thản nhiên, và tự anh ngạc nhiên bởi sự thản nhiên, rõ ràng của những lời anh nói:

—Tôi không yêu cô đâu, Vê-ra ạ.

Cô chớp mắt một—hai lần. Đôi lông mày của cô lại uốn cong lên, trong đôi mắt những đốm vàng lấp lánh.

—Sao?

—Thế đấy. Và chưa bao giờ yêu.

—Anh... Anh nói gì vậy?—Vê-ra mở to mắt, cuối cùng trong đôi mắt đó cũng hiện ra vẻ ngơ ngác.

—Tôi tưởng rằng yêu. Nhưng thực ra tôi không yêu. Mà cô cũng không yêu.

Anh đứng dậy. Vê-ra lùi ra tận cuối ghế như thể đợi Xê-mi-ôn đánh. Đôi tay cầm chiếc khăn vò nhàu ép sát trước ngực.

—Và cô, Vê-ra ạ, không bao giờ cô có thể yêu ai được. Cô không yêu tôi, không yêu A-lây-nhi-cốp hoặc bất cứ một ai khác... Vì rằng cô chẳng có gì để yêu.

— Không có gì là thế nào? Tại sao lại không có gì?!

— Tại sao thì tôi không biết... Tôi chưa thể giải thích được điều này...

Và anh đi ra ke ga, để cô ngồi lại trên chiếc ghế đi-văng bẩn thỉu của nhà ga. Vê-ra vẫn ngồi trong tư thế của đôi tay ép sát vào ngực, cặp mắt dài có những đốm màu vàng mở to ngơ ngác.

* * *

I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích A-lây-nhi-cốp làm cho Ki-ri-an I-nhi-u-chin và vợ là An-phi-xa sợ hết hồn khi ông bất ngờ xuất hiện ở nhà họ.

«Thế là hết!.. Ông ta đến hỏi mình về tội của cha...» — I-nhi-u-chin lạnh toát người nghĩ.

Cha của anh, lão Đê-mi-an cụt chân, hồi nội chiến đi vào rừng cùng toán phỉ của Mi-khai-in Cáp-ta-nốp, làm quản lý, theo lời kể của những tên phỉ bị bắt làm tù binh, bị một người nào đó ban đêm dùng búa hoặc đầu rìu đánh vào thái dương giết chết và ném xác vào nhà kho. Việc xảy ra ở làng Lu-nhe-vô nằm sâu trong rừng tai-ga hoang vắng. Ki-ri-an nghe những câu chuyện này với một tình cảm lẫn lộn giữa sự nhẹ nhõm và lòng thương tiếc, nhưng nói với mọi người: «Thế cũng đáng đời ông ta». Nhưng từ ngày I-van Xa-vê-li-ép bị bắt, anh bắt đầu lo lắng thật sự là người ta có thể hỏi tội anh về cha, và nhiều năm dài anh sống trong nỗi sợ hãi: nếu bỗng nhiên I-a-cốp A-lây-nhi-cốp đến thì sao?

Phê-đô Xa-vê-li-ép biết nỗi sợ hãi thường xuyên này của Ki-ri-an, ông không vừa ý, nhiều lúc nói gay gắt nhưng với vẻ thông cảm, bao dung:

— Việc gì mà cậu run thế... Có ai hỏi tớ về chuyện của thằng I-van đâu? Chúng ta thì có liên quan gì tới chuyện thằng em tớ và cha cậu đều toàn phân ngựa? Chẳng lẽ anh ta, A-lây-nhi-cốp ấy, không hiểu hay sao? Nếu như cha cậu còn sống, ông ta sẽ phải tự mình chịu tội, như thằng I-van ấy...

Ki-ri-an đồng ý với Phê-đô, nhưng anh vẫn đợi I-a-cốp. Và giờ đây ông ta đã đến...

— Chào cả nhà. Tôi chỉ đến chơi... tức là chẳng phải đến

chơi... Tôi muốn nói chuyện về Vê-ra, A-lây-nhi-cốp vụng về ngồi xuống chiếc ghế đẩu, nói.

Ki-ri-an, An-phi-xa và cả Vê-ra mãi rất lâu không hiểu A-lây-nhi-cốp nói gì. Họ nghe lời của ông ta, nhưng không đủ sức để hiểu được nghĩa của chúng. Cuối cùng Vê-ra kêu lên một tiếng như bị ai chẹt ngang cổ, hai tay ôm lấy mặt, chạy vụt từ ngoài bếp vào phòng mình, dùng then cửa khóa chặt cửa lại, tựa lưng vào cánh cửa. Đầu cô nóng bừng như bốc lửa, khắp người co giật, trống ngực đập thình thình. Mỗi tiếng tim đập lại vang lên trong đầu như chuông gõ bên tai, nhức nhối.

Khi cảm thấy A-lây-nhi-cốp đã ra về (cô không nghe tiếng, mà đúng là chỉ cảm thấy) cô liền mở toang cánh cửa. Cha cô đang lấy tay lau mồ hôi đẫm trên trán, còn mẹ ngồi như đang trong cơn mê trên chiếc ghế đẩu mà A-lây-nhi-cốp vừa mới đứng dậy, hai má ửng một màu hồng nhợt, bệnh hoạn, đôi mắt buồn rầu, sợ sệt. Không nói lời nào, Vê-ra chạy đến bên mẹ, úp mặt vào ngực mẹ, khóc nấc lên...

— Đấy, đúng hệt như trong phim, — Ki-ri-an nói. Và không hiểu anh ngạc nhiên bởi cuộc ăn hỏi bất ngờ hay vì thấy hai mẹ con ôm nhau.

Đêm ấy, An-phi-xa nằm ngủ cùng con gái. Vê-ra im lặng dịch ra lấy chỗ cho mẹ.

Gần như đến tận sáng họ không ngủ, nằm im nhìn vào bóng tối, thay phiên nhau thở dài.

— Làm sao bây giờ, con? — cuối cùng người mẹ hỏi.

— Con không biết, — Vê-ra nói bằng một giọng thản nhiên một cách bất ngờ.

An-phi-xa rùng mình như bị ai phun một tia nước lạnh lên người. Còn Vê-ra vẫn tiếp tục nói, bình tĩnh, không vội vàng, như thể đang cân nhắc xem nên may áo mới bằng loại vải nào:

— Ông ta, A-lây-nhi-cốp ấy, đã già rồi, và... Và nói chung con sợ ông ta. Khi ông ta đến huyện ủy, khắp người con cứ nổi hết gai ốc lên. Con nghĩ, không hiểu sao cái ông này cứ nhìn mình thế này? Hóa ra ông ta ngắm đích... Nhưng con còn có Xê-mi-ôn, mẹ ạ... Chúng con đã bàn với nhau về chuyện cưới rồi.

— Thế con có yêu anh ta, Xê-mi-ôn ấy, không? — An-phi-xa hỏi bằng một giọng thì thầm rin rít và giận dữ.

— Còn sao nữa? Chúng con đã quyết định xong cả rồi mà.

— Thế thì sao lại còn... tính toán? Và thở dài... Và nói chung?

— Con thở dài cái gì? Nói chung cái gì?

— Thì mẹ cũng hỏi: cái gì?

Vê-ra trở mình, chống tay ngồi dậy, như thể cô nằm không tiện.

— Con không hiểu mẹ nói gì.

An-phi-xa chỉ nặng nề hít không khí vào và nằm im lặng rất lâu.

Mảnh trăng cuối tháng ló lên, ánh trăng nhợt nhạt chiếu qua cửa sổ, những núm tròn mạ kền trên đầu chiếc giường sắt hắt sáng mờ mờ, yếu ớt như có thể tắt bất cứ lúc nào.

— Tình yêu, nó có nhiều loại khác nhau lắm, con ạ, — An-phi-xa bỗng đột ngột nói. Bây giờ giọng nói của mẹ lại làm cho Vê-ra ngạc nhiên. Nó buồn, như nuối tiếc một cái gì đó. Và Vê-ra nghĩ rằng con mắt của mẹ giờ chắc cũng rầu rĩ như lúc chiều, khi mẹ ngồi trên chiếc ghế đẩu sau khi A-lây-nhi-cốp đi khỏi. — Khi mặt trời chiếu vào cửa sổ, những núm sắt này phải sáng chói nhìn đến nhức mắt. Thế mà bây giờ, con nhìn xem, chỉ sáng lên mờ mờ, nhợt nhạt như sắp tắt.

— Mẹ định nói chuyện gì vậy?

— Mẹ đang nghĩ xem tình yêu của con đối với Xê-mi-ôn là loại tình yêu nào? Nó có chân thực hay là...

— Thôi đi! — Vê-ra kêu lên. — Con có hỏi tình yêu của mẹ đối với cha như thế nào đâu...

An-phi-xa lại nặng nề thở dốc, ngực dâng cao lên rồi lại xẹp xuống như quả bóng lúc bơm.

— Và cha của ai nữa, của con hay của anh Xê-mi-ôn, — Vê-ra nói tiếp một cách cay độc.

— Mày... ngu lắm! — An-phi-xa quay phắt lại, đưa tay sờ lên mặt con gái và lấy bàn tay khô nóng bịt miệng Vê-ra lại.

— Mẹ tưởng con không biết gì hết đấy à?! — cô giận dữ hất tay mẹ ra. — Còn bé dại gì nữa!

Giường bắt đầu khẽ rung lên, và Vê-ra hiểu rằng mẹ đang

khóc không thành tiếng. Cơn tức của Vê-ra biến mất, và cô lại cảm thấy thương hại mẹ.

— Thôi đi, mẹ... Con xin lỗi mẹ, con không muốn thế...

An-phi-xa nín khóc, và hai mẹ con lại nằm im lặng rất lâu.

— Mẹ biết rằng con không còn nhỏ dại nữa, và con biết hết... — An-phi-xa bắt đầu nói bằng một giọng đau khổ. — Nhưng con biết gì về tình yêu của mẹ? Con không biết tí gì cả... Và không một ai biết... Người ta thường nói về mẹ... «Con mẹ An-phi-xa nhẹ dạ...» Nhưng mẹ đâu phải người như thế. Mẹ biết làm gì, nếu như... nếu như không thể xua đuổi được anh ta, cái con người đáng nguyền rủa ấy, ra khỏi tim mình? Mẹ xấu hổ với mọi người, với các con, với con cái của mình. Mẹ không thể...

An-phi-xa lại khóc thút thít, và họ dường như đổi vai cho nhau: An-phi-xa trở thành con gái của Vê-ra, và ngược lại, Vê-ra trở thành mẹ. Vê-ra vừa an ủi, vừa lấy tay xoa lên mái đầu nóng bừng, lên đôi vai trần của mẹ.

— Và anh ta, cái đồ ăn bám ấy, lợi dụng cái đó, — An-phi-xa nói tiếp. — Và vì vậy mà cả ba người: mẹ, vợ Phê-đô — An-na và Ki-ri-an sống khốn khổ. Sống để làm gì, đau khổ về cái gì? Không ai biết. Mà An-na là một người đàn bà tốt. Và cha của con cũng là một người tốt. Vê-ra ạ, thậm chí con không biết cha của con tốt đến như thế nào đâu... Phê-đô không xứng một ngón tay út của cha con.'

— Con không biết, mẹ ạ... Con không nhận thấy thế, — Vê-ra thành thật thú nhận. — Còn con cứ nghĩ rằng cha là một người đần độn, chè rượu.

— Ở với mẹ, cha con may mà mới chỉ trở nên đần độn, rượu chè... Mẹ vẫn còn lấy làm ngạc nhiên là cha con chưa hóa điên lên. Bởi vì cha con yêu mẹ đến mất trí.

— Mẹ nói sao?! — Vê-ra thậm chí còn phá cả ra cười. — Điều này thì con không tin được.

— Mẹ biết là cha con yêu... Vì vậy mới chịu đựng những sự... hư đốn của mẹ. Vì sự chịu đựng đó, mẹ hứa: tôi sẽ chỉ đẻ con với anh, điều này không phải nghi ngờ gì cả. Còn ngoài ra — xin hãy lượng thứ! Và không được động đến Phê-đô. Nếu anh động đến Phê-đô, dù chỉ một ngón tay — tôi sẽ bỏ

anh ngay. Và cha con không động đến. Và với mẹ, lúc đầu cũng tha thứ cho hết, cắn răng lại, nhưng chịu đựng. Rồi sau đó bắt đầu đánh. Cha con uống rượu say, rồi đánh mẹ đến nửa sống nửa chết. Nhưng mẹ chịu đựng. Bởi vì mẹ hiểu cha con phải chịu như thế nào...

Vê-ra nằm nghe, mỗi lúc một kinh ngạc bởi những mối quan hệ phức tạp, sâu sắc vô cùng của con người.

— Nhưng tại sao lại thế, mẹ? — cô khẽ thì thào hỏi. — Mẹ yêu như vậy từ bao giờ? Tại sao? Vì cái gì?

— Bao giờ? Tại sao? Vì cái gì? — An-phi-xa lặp lại câu hỏi. — Chẳng lẽ có thể giải thích được điều này ư? Tất cả chằng buộc xoắn xuýt với nhau thành một cục rồi tinh lên, bây giờ không thể nào tháo gỡ, chặt đứt ra được nữa. Và cũng chẳng làm thế để làm gì. Nếu như Phê-đô cưới mẹ thì chắc mọi việc đã tốt đẹp. Nhưng anh ta lại lấy An-na. Và mẹ cũng không biết nữa, vì tức giận hay vì thất vọng mà lấy Ki-ri-an.

— Thế khi mẹ lấy cha, mẹ có... yêu cha không? — Vê-ra khe khẽ, trầm ngâm hỏi. Và cảm thấy như mẹ đang ngập ngừng, có lẽ để suy nghĩ về câu hỏi của mình vừa đặt ra, Vê-ra tiếp: — Dù ít nhưng có yêu không?

— Một ít thì có lẽ có. Nhưng mẹ còn chưa biết là mình yêu Phê-đô đến như vậy. Hoặc là có thể mẹ nghĩ rồi nó sẽ qua đi, vết thương trong tim chảy máu ít nhiều rồi sẽ lên sẹo, phủ tro bụi... Nhưng không ngờ nó lại cháy bùng lên to hơn. Nếu không thì sao mẹ lại đi lấy cha con? Và nói chung, lấy một người nào khác...

Hai mẹ con đều nằm ngửa, nói chuyện thì thầm, và cả hai đều nhìn những núm sắt mạ kền đầu giường hắt ánh trăng sáng lên mờ mờ trong bóng tối. Nhưng bỗng nhiên, chúng theo nhau tắt đi rất nhanh — có lẽ mặt trăng đã xuống quá thấp và ánh trăng bây giờ không còn chiếu vào cửa sổ nữa.

— Con ạ, mẹ chưa bao giờ nói với con những chuyện như thế, — An-phi-xa nói tiếp khi những núm sắt mạ kền đã tắt hẳn. — Còn bây giờ, mẹ thấy con cứ nằm thở dài.

— Thì sao nữa? Nhưng dù sao vẫn buồn cười — già mà còn yêu...

— Đừng nói dối, Vê-ra! — An-phi-xa nghiêm giọng nói. — Ông già này lại là A-lây-nhi-cốp! Khắp trong huyện này không

có ai đáng sợ hơn ông ta. Và mẹ cảm thấy trong lòng con đang dao động trước một sự cám dỗ.

— Dao động nào? Cám dỗ nào? — Vê-ra kêu lên gần như với một sự tức giận thật sự. — Mẹ bịa ra cái gì thế?

— Mẹ không bịa đâu, Vê-ra ạ, — An-phi-xa thở dài. — Nói chung trong lòng con nhiều quanh co lắm.

— Lạ thật... Con không biết trong lòng con thẳng hay quanh co. Mà mẹ lại biết...

— Người ngoài bao giờ cũng rõ hơn. Nói chung, con coi chừng đấy... Đừng có mờ mắt, rồi sau lại hối tiếc, nếu như quả thật tình yêu của con đối với Xê-mi-ôn là chân chính.

— Thế có tình yêu chân chính à?

An-phi-xa dường như nín cả thở. Vê-ra vẫn tiếp tục nói, mỉa mai, cay độc:

— Và thế nào là chân chính? Mẹ chạy theo cha của Xê-mi-ôn và cho rằng đấy là tình yêu chân chính... Nhưng thực ra không phải thế, thực ra đơn giản hơn nhiều. Đó chỉ là mẹ bị quyến rũ bởi một người đàn ông khỏe mạnh, may mắn và khôn ngoan hơn trong cuộc sống mà thôi. Mẹ chạy theo người ta vì cáu giận rằng đã lấy phải một kẻ nhu nhược nào đó, chứ không phải đàn ông. Để mà trả thù...

— Vê-ra! — An-phi-xa ngồi bật dậy trên giường.

— Vê-ra cái gì? — Và Vê-ra cũng ngồi dậy. — Gì mà kêu ầm lên thế, cả nhà dậy hết bây giờ.

An-phi-xa ngồi im một lúc, lặng lẽ ngả người xuống gối, kéo chăn lên đến tận cổ.

— Thì ra mày đã lớn lên thành người như thế đấy?! Thế mà tao ngốc nghếch, chẳng biết gì cả...

— Thì bây giờ biết đi, — Vê-ra thản nhiên nói.

An-phi-xa nằm im lặng thêm chừng mươi — mười lăm phút, rồi bỏ chân xuống giường.

— Thế... mày sẽ làm sao với Xê-mi-ôn bây giờ?

— Cái gì với Xê-mi-ôn? Nếu như có gì thì cũng chẳng chết đâu... Nhưng con đã nói rồi, còn chưa biết, để còn xem.

An-phi-xa lại thút thít.

— Lại khóc... — Vê-ra cười nhạt nói. — Việc gì mà mẹ phải xúc động thế? Đâu phải việc của mẹ...

— Sao mày có thể... Sao mày có thể? — An-phi-xa không

nói hết câu, nấc lên rồi im lặng, nhưng Vê-ra đã hiểu ngay ý mẹ.

—Con có thể thế đấy... Vì rằng Xê-mi-ôn... Trước đây con nghĩ rằng anh ta giống cha... Anh ta cũng có vẻ giống cha, nhưng lại giống cha con... Khi hiểu được điều này, con nghĩ: có lẽ cần phải hoãn cưới lại... Hơn nữa, lại đang chiến tranh. Nói chung đã thỏa thuận hoãn. Nhưng dù sao con cũng không muốn cắt đứt hẳn với anh ta... Hiện tại chưa muốn. Và bây giờ lại còn cần phải xem kỹ hơn, A-lây-nhi-cốp là con người như thế nào...

An-phi-xa đợi cho con gái nói xong, im lặng, rồi đứng dậy đi vào bếp, về giường của mình. Nhưng đến cửa, An-phi-xa dừng lại, nói bằng một giọng xa lạ, như của người khác:

—Xem thì cứ việc xem... Nhưng tao không để cho mày làm hư đời của thằng Xê-mi-ôn đâu. Tao sẽ nói cho nó biết tâm hồn mày như thế nào, để nó...

—Không được! Mẹ nghe không?!—Vê-ra hét lên, nhảy xuống giường, chân không chạy đến bên mẹ, túm chặt lấy vai.—Không được nhúng tay vào, hiểu chưa? Nếu không... Nếu không...

—Nếu không cái gì?

—Không biết. Nhưng chẳng lành đâu... Suốt đời sẽ trở thành kẻ thù của nhau đấy. Mẹ còn chưa biết con đấy, mẹ ạ...

—Quả đúng thế đấy, tao còn chưa biết hết mày đấy,—An-phi-xa nói và bước ra.

* * *

Sau hôm xảy ra sự việc trên, Vê-ra suốt ngày ngồi một chỗ trong phòng làm việc của mình. Không hiểu sao cô có cảm tưởng như tất cả các nhân viên ở huyện ủy đều biết về lời đề nghị khác thường của A-lây-nhi-cốp, đều nhìn cô ngạc nhiên và tò mò. Khi có người mang đến cho cô giấy tờ để đánh máy, cô im lặng cầm lấy, đầu không ngẩng lên, các ngón tay run run khe khẽ.

Và cô còn cảm thấy, nhất là cuối buổi chiều, rằng phút nào A-lây-nhi-cốp cũng có thể vào. Và mỗi lần, khi cánh cửa kẹt mở, mặt cô lại đỏ bừng lên, thậm chí cả cổ cũng đỏ. Và cô không biết, không tưởng tượng ra là mình sẽ làm gì, sẽ xử sự ra sao nếu như I-a-cốp vào thật.

Nhưng ông không đến huyện ủy ngày hôm ấy, ngày hôm sau và cả ngày hôm sau nữa. Vê-ra đã hơi bình tĩnh lại và thậm chí còn thầm nghĩ trong bụng với một chút tự ái: «Lạ thật...»

Mãi đến ngày thứ năm hoặc thứ sáu gì đó, lúc quá chiều, ông mới ghé vào. Vê-ra ngồi quay lưng ra cửa, và khi tiếng cánh cửa kẹt mở, cô vẫn không ngoảnh lại.

—Xin lỗi... Tôi đây mà, — A-lây-nhi-cốp nói và im lặng.

Vê-ra nhảy vụt dậy khỏi bàn máy, hai bàn tay ép sát vào ngực. Rồi cô quay đi, ngồi xuống, lại cúi đầu trên chiếc máy chữ nhãn hiệu «Un-đéc-vút» cũ kỹ. Đôi má tươi trẻ của cô đỏ bừng lên, hai tai nhỏ nhắn cũng đỏ, màu đỏ nhuộm cả chiếc cổ khuất trong mấy món tóc xoăn để rủ.

—Tôi... em nghe đây, anh I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích...

—Tôi muốn... Còn bây giờ tôi cần nói chuyện với cô... — A-lây-nhi-cốp ngập ngừng nói và im lặng.

Vê-ra vẫn ép tay lên ngực và cảm thấy tim mình đập đã bình tĩnh hơn, khẽ hơn. Đến bây giờ cô mới chú ý nhận thấy rằng từ trước đến nay A-lây-nhi-cốp vẫn gọi cô bằng «cháu» nay bỗng chuyển thành «cô». Nghĩ vậy, cô hơi mỉm cười, nhưng liền hoảng hốt vì nụ cười của mình, vội cắn chặt môi dưới lại.

—Anh nói đi.

—Tôi không muốn nói ở đây. Người ta có thể vào đây...

—Thế ở đâu?

—Tôi không biết nữa. Cô hãy đi đến một nơi nào đó. Đi đâu cũng được. Tôi sẽ đi theo... Tôi rất... rất tha thiết xin cô.

Vê-ra đứng nhanh dậy, liếc sang ông một cái nhìn ngạc nhiên, dò hỏi, giật chiếc áo bành-tô trên mắc xuống.

Rồi họ đi dọc theo đường phố về cuối thị trấn — Vê-ra đi trước, đầu hơi cúi xuống. Chiều yên ắng, ấm áp, bầu trời màu xám dịu, không mây, chỉ có ở đằng tây trải dài hai ba dải màu hồng lấp lánh những tia nắng của mặt trời đã khuất xuống sau chân trời.

Qua hết mấy ngôi nhà ở cuối thị trấn, Vê-ra bước ra đồng cỏ, đi giữa những gò đất nhỏ qua mùa hè cỏ mọc lút, đến biền sông Grô-mô-tu-sca, dừng lại bên một lùm cây rậm, ngồi lên mô đất, lấy vạt áo bành-tô mỏng phủ kín chân cho đến tận mắt cá.

- Trời ơi, xấu hổ quá đi thôi! — khi A-lây-nhi-cốp bước đến bên cạnh, cô khẽ thì thầm, hai bàn tay che kín mặt. — Em có cảm tưởng như trong vườn nhà nào, cửa sổ nào cũng có người nhìn theo em.

— Vâng, quả thật chúng ta cũng không tiện lắm, — A-lây-nhi-cốp nói, giọng hơi pha chút cay đắng. — Tôi không... thể nghĩ được cách nào tốt hơn để mời cô ra gặp nói chuyện...

— Em đang làm gì thế này, đúng là một con bé dại dột... Sao em lại thế này?.. — Và, cũng như khi đứng trước cửa phòng, Vê-ra lại ngước lên nhìn A-lây-nhi-cốp một cái nhìn yếu đuối, dò hỏi.

— Cô thì sao? — A-lây-nhi-cốp nhún vai. — Còn tôi, làm sao lại ở đây, tôi không hiểu nổi.

Trong giọng nói của ông lại pha chút cay đắng. Ông ngồi xuống bên cạnh và bắt đầu nghĩ về một điều gì đó. Vê-ra khẽ liếc nhìn sang ông, cắn chặt môi dưới và suy tính xem mình sẽ phải xử sự ra sao, trả lời như thế nào. Vê-ra đã đoán trước được ông ta sẽ nói chuyện gì với cô.

— Hôm trước anh đến nhà, anh làm cả nhà sợ quá, nhất là cha với mẹ, — Vê-ra nói.

A-lây-nhi-cốp ngước ánh mắt nặng nề lên chăm chú nhìn cô gái một lúc lâu.

— Sao anh lại nhìn như thế?

— Vâng, thật đáng tiếc là mọi người lại sợ tôi.

— Thế chẳng lẽ anh lại không thích như vậy hay sao? — Vê-ra cười khẩy.

Dưới đôi lông mày rậm của A-lây-nhi-cốp chợt lóe lên một tia dò hỏi. Nhưng nó liền tắt ngay, và khuôn mặt hơi dài của ông trở nên lạnh lùng, cau có.

— Này, Vê-ra ạ, — im lặng một lúc, A-lây-nhi-cốp mấp máy cặp môi mỏng, đổi cách xưng hô. — Anh hiểu rằng anh đáng khinh, kỳ cục và... lố bịch trong tình cảnh hiện nay của mình. Tất nhiên, em đáng tuổi con anh. Em hai mươi, còn anh năm mươi. Anh cũng biết rằng sẽ không ai hiểu anh, cũng như cha mẹ em không hiểu anh. Cha em, hôm nọ nói chung không nói lời nào, mẹ thì trả lời rằng không thể làm... không muốn quyết định thay con gái, rằng anh phải hỏi em... và đây, anh quyết định hỏi...

A-lây-nhi-cốp nói, giọng run run. Ông hồi hộp như một cậu bé, mắt không biết nhìn đi đâu, tay không biết để vào đâu. Vê-ra ngồi im lặng, chống cùi tay phải lên đầu gối, cô lấy bàn tay che mặt và... hơi mỉm cười. Cô bây giờ không còn sợ A-lây-nhi-cốp nữa, cô đã bình tĩnh lại và nghĩ: năm mươi tuổi tất nhiên cũng có hơi nhiều. Nhưng nhìn bề ngoài thì ông ta cũng còn không sao, không thật đáng sợ và trẻ hơn tuổi. Không có yết sẹo trên má chắc sẽ dễ coi hơn, nhưng thực ra nó cũng không có hại lắm, thậm chí còn có vẻ ngồ ngộ. Nhưng không biết ông ta còn sống được bao lâu nữa? Nếu mười năm, cô lúc đó sẽ ba mươi tuổi. Như thế thì không sao, còn có thể đi lấy chồng được. Còn nếu hai mươi năm, lúc đó cô sẽ bốn mươi. Với đàn bà như thế cũng là đã có tuổi...

Vê-ra nghĩ như vậy và tự mình cũng hiểu rằng, những ý nghĩ của cô là đê tiện, bẩn thỉu và vì vậy cô cảm thấy không hẳn là sự xấu hổ, mà cũng không hẳn là sự khó chịu. «A-a...» — cô nhíu mày, thầm xua đuổi chúng đi. Nhưng cô muốn xua đuổi cái gì — những ý nghĩ của mình hay sự khó chịu do các ý nghĩ ấy gây ra, — cô cũng không hiểu được một cách rõ ràng.

— Vâng, anh quyết định hỏi em... — A-lây-nhi-cốp lại lên tiếng, mắt không nhìn cô gái. — Mặc dù anh hiểu rằng chắc em sẽ trả lời «không». Nhưng dầu sao anh cũng cần phải hỏi, để bằng cách này hay cách khác ra khỏi tình cảnh hết sức bất tiện như hiện nay của anh...

Những dải mây hồng hẹp, dài trên đầu họ đã tắt, và bầu trời lập tức trở nên thấp hơn, bóng chiều lành lạnh kéo về mỗi lúc một dày đặc hơn. Khi Vê-ra và A-lây-nhi-cốp đến đây, những bụi cây bên bờ sông Grô-mô-tu-sca đứng bất động. Bây giờ tuy vẫn không có gió nhưng những ngọn cây lắc lư một cách lười biếng, các khóm lá bị khô héo qua mùa hè phát ra tiếng xào xạc nghe buồn bã, khó chịu. A-lây-nhi-cốp lắng nghe tiếng động mơ hồ đó và nghĩ ngợi một điều gì không rõ.

— Anh I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích ạ, em không thể trả lời dứt khoát ngay bây giờ được.

— Được thôi, được thôi, — ông nói, đầu cúi xuống. — Anh chỉ muốn một điều... Chúng ta sẽ lại gặp nhau ở đây, tại chỗ này, sau một tuần lễ nữa, cũng vào giờ này, được không? Không, không, không phải để em trả lời dứt khoát, — ông nói

thêm khi thấy Vê-ra mấp máy môi. —Chỉ đơn giản để... gặp nhau mà thôi. Anh sẽ chẳng giục em trả lời gấp đâu... Tự em sẽ nói, khi nào em muốn...

Nơi đây, trên đồng cỏ, cạnh biền sông Grô-mô-tu-sca hoang vắng và tĩnh mịch. Chỉ có những ngọn cây xào xạc buồn bã như đang thở than về bóng tối, về sự cô đơn, về việc mùa hè đã kết thúc, cành lá đã héo hon và sắp khô rụng, và mùa đông dài với những đêm trường tối tăm, lạnh giá, với tiếng gầm rú khủng khiếp của bão tuyết, sẽ đến.

Bỗng nhiên Vê-ra nảy ra một ý muốn hoàn toàn bất ngờ — đến gặp và nói chuyện với Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va. Không phải về Xê-mi-ôn, càng không phải về A-lây-nhi-cốp, mà chỉ thế thôi... Đã lâu lắm, từ dạo mùa hè, cô không gặp Ma-ri-a. Không biết cô bạn giờ ra sao? Và có thể, cũng nhớ lại cảnh hai đứa nằm trên lò sưởi, sợ đến chết khiếp, còn A-lây-nhi-cốp mặc chiếc áo ca-pốt dài, đến để bắt cha của Ma-ri-a thì cứ đi đi lại lại trong phòng. Cuộc đời thật là vòng vèo. Lần đó thấy A-lây-nhi-cốp, cô suýt chết khiếp vì sợ, còn hôm nay, cũng con người đó đang tỏ tình với cô, như một chú bê con ngoan ngoãn.

Mấy phút sau, hai người trở về thị trấn, chia tay nhau mỗi người một ngả. Vê-ra chạy qua mấy ngõ vắng, dừng lại trước một căn nhà cũ kỹ đứng ẩn mình trong bóng tối. Những cánh cửa sổ bằng ván đóng kín, nhưng từ những khe hở lớn hắt ra ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn dầu hỏa. Như thế nghĩa là Ma-ri-a ở nhà. Mà cô ta còn có thể ở đâu vào giờ này nữa.

Vê-ra chạy vào sân, gõ vào cánh cửa chốt bằng một chiếc đinh bu-lông lớn.

— Ma-ri-a, tớ đây, Vê-ra đây. Đến thăm cậu đây. Mở cửa ra...

Qua khe hở rộng, cô thấy sau cửa kính một bóng người thấp thoáng trên tấm màn che. Hình như có người bước đến bên cửa và dừng lại.

— Ma-ri-a, tớ đây. Cậu có nghe thấy không?

Im lặng. Chỉ có bóng người trên màn vải lay động.

— Ma-ri-a!

— Ai đấy? — cuối cùng cô nghe tiếng của Ô-gô-rốt-nhi-cô-va.

—Tớ đây mà, Vê-ra I-nhi-u-chi-na. Cậu không nhận ra hay sao?

—Thôi được... Tớ mở ngay, —và bóng người trên màn vải biến mất.

Vê-ra còn đứng một lúc lâu ngoài cửa trên một tảng đá lớn dùng làm bậc lên xuống. Có tiếng bước chân trong cửa, tiếng rút then cài.

—Cậu làm tớ sợ, —Ô-gô-rốt-nhi-cô-va khép vạt áo măng-tô khoác ngoài, ngáp rồi nói. —Cậu đi đâu cả đêm thế này?

Giọng của cô nghe như đang ngái ngủ, không bằng lòng, đầu rối tung, mấy món tóc sổ ra ngoài chiếc khăn choàng đầu.

—Tớ đi qua ghé vào một tí. Thế thôi, tán phét một lúc... Mà có thể, ngủ lại nhà cậu cũng nên. Đã lâu rồi chúng mình không gặp nhau.

—Lâu rồi, —Ma-ri-a lại ngáp. —Chỉ có điều ngủ lại không được đâu.

—Tại sao?

—Đã có người ngủ đêm ở đây rồi.

—Ai? —Vê-ra ngạc nhiên, hơi lùi lại khỏi cánh cửa.— Cậu bảo sao? Hay là cậu đã đi lấy chồng rồi?

—Tớ đã bảo là người ngủ đêm mà. Hôm nay một người, ngày mai, có thể, lại là người khác.

—Sao... cậu sao thế, Ma-ri-a?

—Thế đấy... —Ma-ri-a cười khẩy một cách hằn học.— Các cô mới đi lấy chồng, còn tôi thì thế đấy. Số trời như thế... Bao giờ thì cậu và Xê-mi-ôn cưới đấy?

—Tớ không biết nữa... Có lẽ cũng chẳng sắp đâu... Chiến tranh mà, cưới với xin gì. Bọn mình thỏa thuận đến khi kết thúc...

—À thế... —Ma-ri-a kéo dài giọng lạnh nhạt. —Thôi được. Còn tớ chẳng có gì để đợi chiến tranh kết thúc...

Ma-ri-a đứng im lặng thêm một lúc.

—Cậu thông cảm cho tớ nhé... Lúc khác đến. Ban ngày tốt hơn...

Và không đợi trả lời, cô đóng sập cánh cửa lại.

«Ma-ri-a giờ lại ra thế đấy! —Vê-ra vừa rảo bước về nhà, vừa ngạc nhiên nghĩ. —Trước đây gặp con trai cứ đỏ mặt lên, thế mà bây giờ... Nó trở nên như vậy từ bao giờ nhỉ?!»

Khi đã về nhà, nằm trên giường, cô nghĩ: một tuần sau phải trả lời A-lây-nhi-cốp như thế nào đây? Đồng ý à? Không, như vậy ngay không được, cần phải chứng tỏ mình là thế nào đã chứ. — Ấy, tôi không phải là loại người như vậy đâu, tôi không vội đâu, cần phải xem như thế nào đã chứ, mà tôi có yêu ông được không? Nhưng kéo dài quá cũng không nên — các ông già này chóng nóng, nhưng cũng chóng nguội lắm.

Và cô ngủ thiếp đi với ý nghĩ đó.

* * *

Một tuần sau, cô lại ngồi cạnh biền sông Grô-mô-tu-sca, cũng ở chỗ cũ, nhìn lên bầu trời đang dần tối sầm lại, và nghĩ rằng cô cần phải tỏ ra lưỡng lự không quyết định ngay được, khóc ít nhiều, rồi sau đó làm ra vẻ trong cô bắt đầu trỗi dậy những tình cảm chân chính mãnh liệt, và đồng ý!

A-lây-nhi-cốp hiện ra trong bóng tối lờ mờ của buổi chiều muộn. Vê-ra kêu khẽ lên một tiếng, rồi chạy sâu vào biền sông.

— Vê-ra!

Cô chạy xuyên qua những bụi cây, những đám cỏ dài cho đến tận bờ sông Grô-mô-tu-sca mới đứng lại.

— Anh cứ nghĩ rằng em không đến, — A-lây-nhi-cốp dừng lại sau lưng cô, nói nhanh.

— Em cũng nghĩ cho đến tận chiều nay là sẽ không đến, — cô nói gần như là thì thầm. — Nhưng mà đây, không hiểu vì sao lại đến để làm gì...

Cô bước ra khỏi lùm cây đi vào đồng cỏ, đầu cúi thấp xuống, men dọc theo biền sông Grô-mô-tu-sca. A-lây-nhi-cốp lặng lẽ bước theo bên cạnh. Đi được chừng năm trăm mét, cô quay ngược trở lại. Và A-lây-nhi-cốp cũng im lặng đi theo.

Họ cứ đi đi lại lại như vậy cho đến khi Vê-ra cảm thấy mệt.

— Em không biết nữa, anh I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích ạ, em không còn hiểu được gì nữa cả, — cô dừng lại, lên tiếng. — Tại sao em lại đến đây? Và nói chung, cái gì đang xảy ra với em như thế này?

— Anh đã nói rồi, Vê-ra ạ, là anh không giục em đâu, — ông đáp. — Anh, nếu như em không có tình cảm gì đối với anh cả, nếu như em không thể có... anh sẽ, nói chung, sẽ hiểu em và

không trách em đâu. Anh có quyền gì? Và mặc dù anh sẽ đau khổ, nhưng biết làm sao được? Anh hiểu rằng không thể lấy chồng mà không yêu được. Làm thế nào để sống được với nhau lúc đó?

Vê-ra nghe những lời lộn xộn, ấp úng của ông, và tim cô đập nặng nề, một cảm giác buốt lạnh, khó chịu, bắt đầu thấm vào trong ngực. Cô lo lắng và sợ hãi không phải vì ông đòi hỏi cô phải có tình yêu. Cô có cảm giác rằng hôm nay ông có một cái gì không như một tuần trước đây, lại càng không như buổi chiều hôm ông đến nhà cô, trong ông đã có một sự thay đổi nào đó rất khó nhận thấy. Cô cảm thấy đằng sau những lời nói lộn xộn, ấp úng của ông, có một thoáng nghi ngờ, tuy rất mỏng manh: tất cả những cái này là để làm gì? Có cần như vậy không? Vê-ra nghĩ thầm: cái gì đã xảy ra với ông ta vậy? Cô phải làm gì để cho cái thoáng nghi ngờ kia — nếu quả có thật ở ông ta — phải mất đi? Không đâu, đồng chí A-lây-nhi-cốp thân mến ạ, nếu cá đã cắn mồi rồi, thì ta sẽ cố gắng đừng để cho nó sổng tuột ra mất nữa.

Và cô bỗng lảo đảo, bắt đầu ngã xuống. A-lây-nhi-cốp đỡ lấy khuỷu tay cô, Vê-ra gục đầu vào vai ông, khóc nấc lên.

— Em sao... Đừng thế, — ông bối rối nói, tay đỡ lấy vai cô. Cô vẫn tiếp tục khóc, làm như vô tình chạm cặp môi vào má ông («A, vừa mới cạo mặt xong...» — cô thoáng nghĩ). Và cô bắt đầu hôn tới tấp vào má, vào môi ông, khuỵu người xuống, như thể chân cô không còn đứng vững nữa. Còn ông khẽ kêu lên «Vê-ra, Vê-ra...» — và túm chặt lấy vai cô, giữ không cho ngã. Vê-ra, dường như thu hết sức lực cuối cùng, vươn thẳng người lên, hất mái đầu đã tụt khăn ra phía sau, chống hai bàn tay vào ngực ông, giằng ra vừa lảo đảo vừa chạy về phía thị trấn.

— Vê-ra... — ông kêu với theo một lần nữa.

Cô không ngoảnh lại.

Đêm cô không ngủ, nhìn vào bóng tối, lên những núm tròn mạ kền lấp lánh ánh trăng trên thành giường và cố tưởng tượng ra xem A-lây-nhi-cốp bây giờ đang làm gì, đang nghĩ gì về cô.

Buổi sáng cô không cho vào miệng tị bánh mì nào. Chiều cô cũng không ăn cơm. Và đêm thứ hai cô cũng không hề chợp

mắt lấy một giây nào. Cô rất buồn ngủ và để không thiếp đi, thậm chí cô không đi nằm, mà ngồi trên giường, mở toang cửa sổ, thở hít rất lâu làn không khí ban đêm mát mẻ. Đến gần sáng quá mệt, đôi mắt tự động khép lại. Và để khỏi làm kinh động đến mẹ và Nhi-cô-lai, cô trèo qua cửa sổ, đi qua làng ra bờ sông Grô-mô-tu-kha, vốc nước lạnh như băng lên rửa mặt, rồi ngồi lên một chiếc thuyền úp ngược trên bờ nhìn mặt trời buổi sớm rất xa đang nuốt dần bóng tối trên dãy Dve-nhi-gô-ra, cảnh những ngọn đồi, hàng cây phía bên kia sông dần dần hiện rõ lên, cảnh những đám sương sớm phía trên ngọn sông đang bắt đầu nhuốm màu hồng một cách chậm chạp.

Cả lần này cô cũng từ chối không ăn sáng, lầu bầu bảo mẹ:

— Con không muốn.

— Nhưng con làm sao thế? — An-phi-xa hoảng hốt thật sự, hỏi. — Trông con chẳng ra người nữa rồi đấy.

— Không sao, — Vê-ra trả lời cụt lủn rồi biến vào phòng của mình.

Đứng trong phòng, cô nhìn vào gương và mỉm cười — quả thật trông cô bây giờ đã khác nhiều quá, gầy hẳn đi sau hai ngày qua, mặt hốc hác, mũi nhọn hoắt, như sau một cơn bệnh nặng, dưới hai hố mắt sâu có hai quầng đen thẫm. «Rất tốt!» — cô nghĩ và rồi cũng ngồi vào bàn, ăn một mẩu bánh mì và uống một cốc chè. Cô mặc chiếc áo váy chật căng bó sát lấy người, và không để ý đến sự lo lắng của mẹ, đi làm.

Ngồi sau máy chữ, cô gần như ngủ gật suốt buổi. Sau bữa trưa, Cru-gi-lin gọi cô lên phòng làm việc của ông nhờ đánh một tờ thông báo.

— Khoan đã, cháu ốm đấy à?

— Không... Hình như không đâu ạ.

— Đây, cháu đem đánh máy đi. Cũng không cần ngay đâu. Nếu cháu ốm, thì về nhà nghỉ đi.

Cô khó nhọc đánh được nửa tờ thông báo, rồi hấp tấp chộp lấy máy điện thoại, xin gặp A-lây-nhi-cốp.

Vê-ra thường hay gọi điện cho các nhân viên của huyện, mời họ đến phòng Cru-gi-lin để họp đủ các cuộc họp. Các cô điện báo viên ở tổng đài San-ta-ra đã quen với việc đó nên bao giờ cũng nối dây cho cô nhanh chóng và chính xác. Vì vậy,

chưa kịp nói xong tên họ người cần gọi, cô đã nghe trong ống nghe:

— A-lây-nhi-cốp đây. Tôi nghe đây...

— Em đây... — Vê-ra nói bằng một giọng yếu ớt.

Có lẽ vì bị bất ngờ nên A-lây-nhi-cốp im lặng mất mấy giây.

— Vâng, vâng... Anh nghe đây.

Bây giờ đến lượt Vê-ra im lặng, thở dài.

— Có việc gì... xảy ra à? — sợ các cô điện báo viên có thể nghe thấy, A-lây-nhi-cốp ngập ngừng hỏi.

— Em không biết nữa... Có thể... Hôm nay... bây giờ... anh có thể... ở chỗ hôm trước không?

— Ngay bây giờ? — giọng của ông có vẻ ngạc nhiên. — Tại sao lại bây giờ?

— Em không biết... Ngay bây giờ — thế thôi.

— Thôi được...

Vê-ra không hoàn toàn tin là ông sẽ đến. Nhưng ông đến... Ông đi ngang qua đồng cỏ, giữa những gò đất bị cháy sạm đen qua mùa hè nóng nực, bước đi vụng về, khó nhọc, mắt luôn luôn nhìn lại phía sau như sợ có người theo dõi. Ngày nắng ấm. A-lây-nhi-cốp mặc áo vét-tông màu xám, sơ-mi trắng, cổ bẻ ra ngoài. Trông từ xa tưởng chừng như một chàng trai mới hai mươi lăm tuổi đang đi trên đồng cỏ...

Vê-ra đứng đợi ông dưới một cây bạch dương vàng rực, thỉnh thoảng những chiếc lá lại rụng xuống phát ra tiếng xào xạc khô giòn, khe khẽ. Khi biết rằng A-lây-nhi-cốp đã trông thấy mình, cô trốn vào biền cây, chạy ra tới tận bờ sông Grô-mô-tu-sca và ngồi xuống mép một bờ dốc nhỏ phủ đầy lá khô, thu hai chân lại dưới người.

Nghe tiếng chân ông sau lưng, cô lại càng cúi thấp đầu xuống, dường như không biết giấu mặt mình đi đâu. Và chỉ khi tiếng bước chân đã im, chỉ khi cảm thấy ông đã đến đứng sát bên cạnh, im lặng không biết nói gì, cô mới chậm chạp và nặng nhọc quay đầu lại. Qua ánh mắt kinh ngạc của ông, qua đôi môi móng khẽ mấp máy, Vê-ra biết hai ngày đêm qua cô không ăn không ngủ quả không vô ích.

— Vê-ra?! — ông lo lắng thốt lên và làm một cử động vô tình về phía cô.

— Không, không... — cô vội nhảy lùi sang chỗ khác.

Anh... đừng đến gần... Đừng... Anh hãy ngồi xuống, đằng kia...

A-lây-nhi-cốp ngoan ngoãn im lặng ngồi xuống chỗ cô chỉ cho ông. Còn cô nằm ngửa mặt, hai tay gối dưới đầu và nhìn lên bầu trời chiều nhợt nhạt, không có gì khác ngoài một khoảng trống đã bạc màu qua mùa hè nắng lửa.

— Em có chuyện gì phải không? — ông lại lên tiếng, hỏi.

— Không... Có thể xảy ra chuyện gì được? — cô trả lời và vui mừng khoan khoái nghĩ thầm rằng hôm nay chắc sẽ được ngủ bù thỏa thích.

Con sông nhỏ Grô-mô-tu-sca róc rách chảy như đang thì thầm một điều gì đó ở dưới dốc, khẽ khàng vỗ những con sóng nhẹ vào bờ cao bằng đất sét. Vê-ra nghe những tiếng động khó phân biệt được đó và nghĩ rằng, có lẽ A-lây-nhi-cốp đang dán mắt nhìn chằm chằm lên bộ ngực của cô nổi cao dưới làn áo chật căng, lên đôi chân rất đẹp của cô, lên toàn thân hình trẻ trung, mềm mại, tuy yếu đuối, nhưng giờ đây vẫn còn là bất khả xâm phạm đối với ông. Và cô khẽ liếc mắt nhìn sang để khẳng định điều dự đoán của mình. Nhưng hóa ra A-lây-nhi-cốp hoàn toàn không nhìn tới cô, ông ngồi trên một đống lá khô, nhìn xuống dưới dốc, đăm chiêu nghe tiếng thì thầm của con sông nhỏ Grô-mô-tu-sca. Điều này làm cho Vê-ra cảm thấy bực mình, nhưng không nhiều lắm.

— Em gọi điện, làm cho anh... hơi bất ngờ. Lúc đó trong phòng anh đang có người, — ông nói nhanh.

— Anh đã đi máy bay chưa? — cô hỏi, giọng đăm chiêu.

— Cũng đã có lần...

— Còn em thì chưa. Nhưng bây giờ em nằm nhìn lên trời và cảm giác như em đang bay — phía dưới là đồng cỏ, núi rừng... Và nghe chóng mặt...

Cô im lặng và quyết định không nói nữa cho đến lúc nào tự A-lây-nhi-cốp lên tiếng trước. Cô đoán, cô biết rằng giờ A-lây-nhi-cốp đang nghĩ: cái gì đã xảy ra với Vê-ra như vậy, tại sao cô ta lại gầy đi, tại sao lại có những quầng đen dưới mắt cô ta, tại sao cô ta lại gọi điện cho mình, hẹn gặp nhau giữa ban ngày? Chẳng lẽ ở cô ta đã nảy sinh ra một tình cảm chân chính, mãnh liệt? Thì cứ để cho ông ta suy nghĩ, xét đoán. Chỉ có điều cô phải tiếp tục ra sao đây, làm thế nào để nhanh chóng

kết thúc cuộc hẹn hò này? Buồn ngủ kinh khủng, hai mắt cứ díp lại. Sao mãi ông ta vẫn không nói gì...

Mà A-lây-nhi-cốp như cố ý, vẫn ngồi yên.

— Anh có một điều, Vê-ra ạ... — cuối cùng, ông ngập ngừng nói. — Ta phải tìm cách khác để thỏa thuận, hẹn với nhau về những lần gặp mặt, đừng qua điện thoại. Và cũng không phải ban ngày. Em hiểu không, dù sao anh cũng... trong tình thế khó xử... Mà các cô điện báo viên ở tổng đài... Rồi chưa gì đã có những lời bàn tán, đặt điều...

Vê-ra hiểu tất cả những điều đó, nhưng cô làm ra vẻ không hiểu, làm như cô đang ở trong một cơn mơ màng nào đó. Và, mắt vẫn nhìn lên bầu trời quang đãng, cô nói:

— Nhân viên điện báo... bàn tán... thì việc gì đến tôi?

Và cô nhỏm dậy, lặng lẽ đi xa bờ sông Grô-mô-tu-sca, vào đồng cỏ, để lại một mình A-lây-nhi-cốp ngồi nghĩ tiếp tại sao cô lại gầy đi đến thế trong hai ngày qua, tại sao hôm nay cô lại hẹn gặp ông ngay giữa ban ngày, không đợi đến chiều tối, và cô muốn nói gì bằng câu: «Thì việc gì đến tôi?..»

* * *

Sau đó họ gặp nhau thường xuyên, cứ cách một ngày, cùng lắm là cách hai hoặc ba ngày một lần, và mỗi lần như vậy lại thỏa thuận về thời gian và địa điểm của cuộc hẹn hò sau. Vê-ra, như cô nghĩ, đã đóng rất đạt vai của mình, mỗi buổi chiều lại đổi khác: khi thì rất vui vẻ, khi thì đăm chiêu buồn bã, khi thì hết sức âu yếm — và cô gần như suốt buổi liên tục ôm hôn A-lây-nhi-cốp, khi thì lại lạnh lùng xa cách — vào những hôm đó thậm chí cô không cho A-lây-nhi-cốp chạm đến người mình.

Thỉnh thoảng Vê-ra lại không chịu đợi được đến ngày hẹn, gọi điện cho A-lây-nhi-cốp.

— Không phải ngày mai, mà hôm nay... Cũng ở đây... Em không thể, — cô nói vội vã và không đợi trả lời, bỏ ống nghe xuống.

Nhiều khi cô đòi hỏi thẳng:

— Hôm nay anh phải đưa em về nhà. Em phải ở lại làm việc cho đến khuya, đi một mình về sợ lắm.

A-lây-nhi-cốp hai hay ba lần nữa yêu cầu Vê-ra đừng gọi

diện, nhưng cô chỉ cười, và túm lấy tay ông, cô bắt đầu nhảy quanh như một đứa trẻ, miệng hát: «Ôi, con thỏ xám nhát gan...»

Và ông cũng phải chịu.

Sau mỗi lần hẹn hò về, nằm trên giường, Vê-ra lại phân tích kỹ lưỡng thái độ của A-lây-nhi-cốp, nhớ lại từng lời nói, từng ánh mắt, từng cử chỉ của ông. Lúc đầu hình như mọi việc đều tốt đẹp. Ông đến nơi hò hẹn với vẻ rất vui, và nếu Vê-ra hôn ông, ông ngượng nghịu như một đứa trẻ, lúc đầu đáp lại một cách dè dặt, vụng về, nhưng sau ông hăng lên, ngây ngất và cảm thấy máu trong người ông sắp sôi lên, cô vùng chạy ra xa, khuyên ông một cách ranh mãnh và nhiều hàm ý hãy bình tĩnh, nguội lạnh lại. Còn nếu cô có vẻ buồn, tư lự, ông không ngớt hỏi cô có chuyện gì xảy ra ở nhà hoặc ở nơi làm việc, cố gắng tìm cách làm cho cô vui vẻ, khuây khỏa.

—Anh I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích, em cần cho anh để làm gì?—một lần, Vê-ra hỏi.—Tại sao anh... anh lại yêu em? Vì cái gì?

—Vì cái gì à? Anh cũng không biết nữa, Vê-ra ạ,—ông khe khẽ trả lời.—Em rất đẹp...—Nhưng im lặng một lúc, ông nói tiếp một cách khó hiểu:—Nhưng có lẽ không phải ở chỗ sắc đẹp. Em còn trẻ, và mỗi khi bên em, anh cũng cảm thấy mình trẻ lại. Dường như anh chỉ mới hai mươi, hăm lăm tuổi, và dường như chưa hề có những năm tháng và những sự việc, mà... về chúng... Nói chung, anh cảm thấy mình nhẹ nhàng, thoải mái như vào những năm tháng xưa, hồi còn trẻ... Và cuộc đời phía trước cũng nhẹ nhàng, thanh thản, không như quãng đời anh đã sống. Nó sẽ hoàn toàn, hoàn toàn khác...

—Hoàn toàn khác... Em không hiểu gì cả.

—Và anh cũng không thể giải thích rõ ràng hơn được nữa.

—Chẳng lẽ không phải anh đã sống một cuộc đời thú vị hay sao? Em biết là anh đã từng đi du kích với Cru-gi-lin, sau đó theo dõi và truy bắt những kẻ thù của chính quyền Xô-viết. Và bây giờ...

—Anh xin em đừng nói về điều đó. Đừng bao giờ nói cả, em nghe không?—Ông nói những lời trên một cách vội vã, gần như kêu lên.

Những lời và giọng nói của ông làm cho Vê-ra hoảng sợ.

Nhưng dần dần, A-lây-nhi-cốp bắt đầu thay đổi. Không, ông vẫn như trước kia, đến chỗ hẹn hò với một vẻ sung sướng và cởi mở, nhưng càng ngày càng hay bỗng nhiên vô cớ trở nên đăm chiêu tư lự. Vê-ra càng ngày càng hay bắt gặp những ánh mắt có vẻ dò hỏi của ông nhìn mình. Ông không còn hồi hộp, ngây ngất như trước kia mỗi lần được cô hôn, và đáp lại những cử chỉ âu yếm của cô một cách gần như miễn cưỡng, đôi môi của ông uể oải, lạnh nhạt.

—Anh sao thế?— bây giờ đến lượt Vê-ra lo lắng hỏi.

—Không... Hôm nay anh phải làm việc rất mệt,—ông đáp và cố mỉm cười.

Nhưng cô, Vê-ra, hiểu rất rõ cái nụ cười đó là gượng gạo, rằng hình như sự thật không phải là vì mệt mỏi. «Chậm mất rồi, mình bỏ lỡ cơ hội rồi! Hỏng hết rồi!—cô lo lắng nghĩ thầm.—Nhưng khô-ông! Hãy chờ đấy!..»

Sự lạnh nhạt, đăm chiêu trước đây của cô giờ không còn lại một dấu vết gì. Bây giờ cô chạy đến chỗ hò hẹn với vẻ hồi hộp, và không nói một lời nào, ôm choàng ngay lấy cổ ông hôn tới tấp vào môi, vào vết sẹo trên má trái, vào đôi lông mày rậm, và chỉ sau đó ngửa mái đầu ra sau, chăm chú nhìn vào khuôn mặt ông mấy giây, rồi gục đầu vào ngực ông, thốt lên khe khẽ:

—Em mong mãi... Em khổ sở lắm mới chịu được, chờ được đến bây giờ...

—Anh cũng vui lắm, Vê-ra ạ.

Giọng của ông đều đều, bình thản, và Vê-ra, vừa thở vào ngực ông, vừa giận dữ cắn chặt đôi môi mỏng của mình.

Một lần, sau những lời đó, cô gục đầu vào ngực ông khóc nấc lên.

—Vê-ra, đừng thế em, đừng thế,—ông nói, bàn tay vuốt ve hai vai cô.

—Anh cũng vui, cũng vui à?!—cô ngẩng khuôn mặt đẫm nước mắt lên nhìn ông, kêu to.—Không phải, không phải! Sao anh chỉ vuốt ve vai em như... cha với con gái, thậm chí như ông với cháu... Sao anh nhăn mặt lại thế?! Vâng, như ông, như ông! Ôi, tôi ngu ngốc quá!.. Này, anh nghe đây, nghe đây...

Cô chộp lấy bàn tay ông, đem áp chặt lên ngực mình. Ở

đó, dưới làn da ngực con gái nở căng, nghe nhịp tim đập dập dồn, mãnh liệt.

— Anh biết, Vê-ra ạ, anh biết, — A-lây-nhi-cốp nói và khẽ cử động các ngón tay, định gỡ tay mình ra. Cô hiểu ý định của ông, hất tay ông ra và càng khóc to hơn.

— Anh biết cái gì? Anh không biết cái gì hết! — Và bỗng nhiên, mâu thuẫn với cả chính mình, cô hét lên. — Anh biết rằng anh đã làm cho đầu con bé ngu ngốc này phải quay cuồng lên, rằng em đã yêu anh như một con bé khờ dại nhất... Anh biết rằng em đồng ý... em đồng ý... Và anh im lặng, không thèm hỏi em thêm một lời nào nữa. Anh đợi để em tự nói ra, phải không? Thì đấy, em nói đấy, em đã nói ra đấy...

Buổi chiều hôm đó họ gặp nhau trên bờ sông Grô-mô-tu-kha, cách nơi mấy tháng trước đây Xê-mi-ôn và lũ trẻ đã đến câu cá không xa lắm.

Khi cô kêu to những lời cuối cùng, A-lây-nhi-cốp đã đi đến bên bờ nước, nhúng bàn tay xuống nước như thể muốn rửa chúng sau khi chạm vào thân thể Vê-ra, rồi ông ngồi xuống một hòn đá phẳng.

— Em đến đây nào.

Cô đi đến bên cạnh. Ông hôn vào đầu cô. Vê-ra nín khóc, ép sát người vào ông.

— Tất nhiên, Vê-ra ạ, anh biết hết, anh thấy hết. Anh rất hạnh phúc, có lẽ, vì... em yêu anh.

— Tại sao lại có lẽ, tại sao lại có lẽ? — Vê-ra không phải hỏi nữa, mà là rên lên. — Thế nghĩa là... anh... anh...

— Không, anh vẫn yêu em như xưa. Nhưng anh... biết nói sao cho em hiểu đây? Anh, hình như cũng chỉ bây giờ mới hiểu, mới hình dung một cách đầy đủ, rõ ràng cái tình thế mà anh đang rơi vào... Mà cũng có thể là anh vẫn còn chưa hình dung được hết đâu. Anh cần phải nghĩ thêm một ít nữa cho kỹ... Cần phải đánh giá hết, hiểu hết... Em hiểu không?

— Thế chúng ta có cưới nhau hay không đây? — Vê-ra hỏi thẳng. Đôi môi cô run lên, và vẻ mặt cô lúc đó thật thảm hại, giận dữ. «Đạt lắm!» — cô nghĩ.

— Tất nhiên, tất nhiên, Vê-ra ạ, — ông vội nói. Và qua cái sự vội vã này, Vê-ra nghĩ rằng chính bây giờ đến ngày cưới của

họ còn xa hơn rất nhiều so với cái ngày ông ta đến nhà ướm hỏi cô.

Với một sự chán ngán và giận dữ điên khùng, cô ngồi nhìn những ánh trăng lạnh lẽo lấp lánh trên mặt nước. Những vệt sáng đó làm cô nhớ lại mấy núm tròn mạ kền đêm đêm vẫn ánh lên mờ mờ ở đầu giường của mình.

— Anh xin lỗi em, Vê-ra ạ, anh nghĩ rằng mọi việc rồi đâu vào đó, tốt đẹp cả.

— Anh nghĩ à!.. Anh tính toán! — Vê-ra tức giận xô ông ra. — Anh... anh làm như... làm như đang chọn mua bò cái chứ không phải vợ.

— Vâng, vâng, anh bị rối tung lên rồi, và làm cho cả em rối nữa.

— Nhưng ở đây có cái gì rối mới được chứ? — vẫn chưa thôi khóc, cô ngồi xổm xuống trước mặt ông, ngước đôi mắt ướt lên nhìn ông một cách cầu khẩn, đắm đuối. — Nhưng anh vẫn còn yêu em phải không? Nào, anh nói đi...

— Vâng, anh vẫn yêu... rất tiếc.

— Và em cũng yêu anh! Thế thì tại sao lại như thế? Anh tiếc cái gì? Đúng ra là em tiếc mới phải... Vì rằng... vì rằng... anh nhiều tuổi hơn em. Nhưng điều này thì quan hệ gì đến ai? Còn em, vẫn yêu... Bây giờ mọi người trong huyện ủy nhìn em, anh biết như thế nào không? Họ đã biết hết cả rồi mà. Nhưng em mặc!

— Vâng, mọi người biết cả. Thậm chí Cru-gi-lin đã có lần hỏi anh...

— Người ta cũng hỏi em. Em cho một trận, đến họ phải ngậm miệng lại. Nào, anh I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích... Anh I-a-cốp... Anh I-a-cốp... — Nghe những lời cuối cùng, ông hai lần rùng mình, kéo cô gái lại gần hơn.

— Có lẽ anh đúng là buồn cười thật, Vê-ra ạ. Lúc đầu thì đến nhà em dạm hỏi, còn bây giờ... Em trách anh là đúng lắm...

— Em không trách anh...

— Anh sẽ nói với mẹ. Và chúng ta sẽ cưới nhau. Anh còn mẹ mà. Mẹ anh già, già lắm rồi, nhưng rất hiền.

Ông ghì chặt cô vào ngực, và Vê-ra nghĩ thầm với một vẻ kinh tởm: «Lại còn bà già nữa, nếu bà ta còn sống thì cứ việc đi mà nói...»

Mặc dù ông nói: «Và chúng ta sẽ cưới nhau», Vê-ra không cảm thấy vui mừng, cô sợ hãi — việc đó còn mơ hồ lắm. Và cô lại nghĩ đến Xê-mi-ôn: «Dù sao cũng cần phải thỉnh thoảng tìm gặp anh ta».

Nhưng dạo này Xê-mi-ôn tỏ ra rất kỳ quặc. Tình cờ gặp nhau, anh vừa đi vừa vẫy tay. «Chào, xin chào Vê-ra...» Không bao giờ cô dừng được anh lại, chứ đừng nói đến việc nói chuyện với anh. Và vì vậy khi Nhi-cô-lai mang về cái tin sửng sốt về chuyện An-đrây bỏ trốn ra mặt trận, cô vội vàng chạy ra nhà ga...

Rồi hôm đó cô còn ngồi rất lâu trên chiếc ghế dài bẩn thỉu ở nhà ga, nghe những lời của Xê-mi-ôn cứ vang mãi bên tai: «Tôi không yêu cô đâu, Vê-ra ạ... Và cô cũng không yêu... Cô... không bao giờ cô có thể yêu được ai cả. Cả tôi, cả A-lây-nhi-cốp, hoặc bất cứ một ai khác...»

Những lời này vang lên một cách khó chịu, và Vê-ra có cảm tưởng như cô đang bị một vật gì nặng, lạnh đánh mãi vào trán. Cô bối rối, ngơ ngác, trong thâm tâm hiểu rằng như vậy là đã mất Xê-mi-ôn. Còn A-lây-nhi-cốp, có nắm được ông ta không — hãy còn chưa biết.

Cô đứng lên khỏi chiếc ghế và rầu rĩ đi về nhà.

Sáng hôm sau, mẹ cô lại làm cho cô sửng sốt:

— Cha ra trận rồi... Trốn đi.

— Cái gì? — Vê-ra không hiểu. — Trốn đi là thế nào?

— Như thằng An-đrây ấy... — Và mẹ khóc không thành tiếng, buông người xuống chiếc giường còn chưa thu dọn chăn chiếu. Khóc một lúc, mẹ lại nói: — Nhưng con đừng nói cho ai biết cả đấy, nghe không? Mẹ đã báo cho trạm máy kéo rằng cha ốm. Rồi cha sẽ tự viết thư cho người nào cần thiết, để người ta khỏi nghĩ này nghĩ nọ.

Sau ba tuần lễ mới có tin tức về cha cô.

Hôm ấy trời lạnh, gió chiều thổi buốt da. A-lây-nhi-cốp và Vê-ra vẫn đứng dưới gốc cây bạch dương đã trụi hết lá mọc bên bờ sông Grô-mô-tu-sca, nơi diễn ra cuộc hẹn hò đầu tiên của họ. Vê-ra đứng tựa lưng vào thân cây, người choàng một chiếc khăn ấm. A-lây-nhi-cốp mặc áo bành-tô dày bằng dạ, đầu đội mũ lông, chân đi ủng, đứng bên cạnh và im lặng.

Đây là lần đầu tiên họ gặp nhau sau ba tuần qua. Mặc cho

Vê-ra bao lần gọi điện, xin gặp, A-lây-nhi-cốp đều viện cớ bận việc, rồi ông đi lên tỉnh, đêm hôm qua mới trở về. Sáng nay Vê-ra gọi điện cho ông, khóc:

— Anh muốn sao thì muốn, nhưng chúng ta cần phải nói chuyện với nhau. Một cách dứt khoát.

— Thôi được, — A-lây-nhi-cốp thở dài ở đầu dây đằng kia.

Và, hôm nay Vê-ra quyết định phải nói một cách dứt khoát, vì rằng tình hình đã đến mức đáng ngại — đến A-lây-nhi-cốp cũng đã bắt đầu tránh gặp cô.

Gió thì thầm buồn bã trong những bụi cây trụi lá bên bờ sông Grô-mô-tu-sca. Trên đầu họ, những cành bạch dương xương xẩu vật vờ run rẩy, thân cây nhỏ rùng mình rít lên khe khẽ.

— Lạnh quá. Em cóng hết cả rồi đây này, — Vê-ra nói và mở cúc chiếc áo bành-tô của ông, giấu khuôn mặt lạnh cóng vì gió vào ngực ông.

A-lây-nhi-cốp lấy vạt áo choàng kín người Vê-ra, ôm lấy vai cô, hôn lên đầu qua chiếc khăn choàng và bỗng nhiên hỏi:

— Có chuyện gì xảy ra với cha em thế, Vê-ra?

— Với cha à? — Nhớ lời mẹ, cô không biết trả lời ra sao. — Cha em... cha em... ra mặt trận rồi.

— Anh biết rồi. Nhưng cha em đi rất là kỳ quặc. Như trẻ con ấy. Hôm nay giám đốc trạm máy kéo gọi điện cho anh... «Chúng tôi cho rằng công nhân lái máy kéo I-nhi-u-chin ốm nằm ở nhà, nhưng anh ta lại đang đánh nhau ngoài mặt trận».

— Ngoài mặt trận? Cha em đã ở ngoài mặt trận rồi à?

— Ngoài đó, đã gửi thư về.

— Cần phải nói cho mẹ biết... Hai tuần nay mẹ em thế nào ấy. Từ khi cha trốn đi, cứ ngồi khóc suốt.

— Tại sao cha lại trốn đi?

— Em không biết, — Vê-ra thở dài, trả lời. — Cha em luôn luôn xa lạ đối với em. Mẹ em nói cha là một người tốt. Còn em, em không biết... Cuộc sống của cha và mẹ em... khác lắm, không như mọi người, khó hiểu...

— Hai người không yêu nhau à?

— Em không hiểu được... Mẹ em... — Vê-ra đã định kể về những điều ít ỏi mà cô biết được trong quan hệ giữa cha mẹ

với nhau, nhưng lại nghĩ rằng như vậy quá dài, quá phức tạp và cũng chẳng được ích lợi gì, nên thôi. — Nói chung, em không thể hiểu được hai người. Thôi, ta đi về nhà thôi chứ?

— Ừ, ta về thôi. Thời tiết khó chịu quá.

Họ đi về đến đầu thị trấn, hầu như không nói chuyện với nhau. Khi Vê-ra rẽ vào đường phố nơi A-lây-nhi-cốp ở, ông đã định nói một câu gì đó, thì cô đã nói trước.

— Thôi, hôm nay em sẽ tiễn anh về. Anh hôm nay mới đi về mệt nhiều rồi.

Hai người dừng lại cạnh hàng rào gỗ cao bao quanh ngôi nhà bằng gạch của A-lây-nhi-cốp.

— Có thể, anh mời em vào nhà chơi chứ? — cô hỏi và cảm thấy mình nài nỉ một cách sỗ sàng, khó coi. — Không thì em cóng cả người mất rồi, muốn sưởi một tí.

— Tất nhiên, anh cũng đã nghĩ... Chúng ta cần phải nói chuyện một cách bình tĩnh về tất cả. Em vào đi. Chắc mẹ đã ngủ rồi, chúng ta sẽ không làm phiền đến mẹ nữa. — Chùm chìa khóa trong tay ông rung lên loảng xoảng.

Căn phòng mà A-lây-nhi-cốp dẫn Vê-ra vào nhỏ, chật, không có cả thảm trải lẫn đèn chùm như, không hiểu vì sao, cô vẫn tưởng tượng ra. Đúng ra, trên sàn cũng có trải một tấm thảm nhỏ, nhưng nó đã quá cũ, sờn rách. Giữa phòng là một chiếc bàn vuông phủ khăn màu xanh nhạt, cạnh tường kê một chiếc bàn viết khác; một chiếc đi-văng bọc vải sơn giống hệt chiếc để ở phòng Cru-gi-lin như hai giọt nước. Sát đó là chiếc tủ gỗ đóng rất đơn giản, thậm chí có vẻ như là hàng thủ công.

Bước vào phòng, Vê-ra bối rối dừng lại ở cạnh cửa, đưa mắt nhìn chiếc bóng đèn đơn độc dưới chiếc chao đèn bằng thủy tinh mờ treo trên trần, chiếc bàn phủ tấm vải cũ rẻ tiền, tấm thảm xơ xác và chiếc đi-văng sờn mép, những bức tường trống quét vôi trắng sạch sẽ — và trong ngực cô như có cái gì bục ra, cuộn tròn, co thắt lại và nhức buốt, nước mắt thiếu chút nữa thì trào ra. Cô cảm thấy mình như một đứa trẻ chờ đợi rất lâu một chiếc kẹo bọc giấy sặc sỡ, và cuối cùng người ta đưa cho nó kẹo, nó vội vã chộp lấy và sững người lại: trong giấy không có gì cả.

— Em bỏ áo ngoài ra, Vê-ra. Xin lỗi, vì chắc phòng anh

không được ấm cúng lắm. Còn anh thì quen như vậy rồi.

A-lây-nhi-cốp đưa tay mở cúc áo bành-tô trên người Vê-ra, cô mặc cho ông cởi cả áo lẫn khăn.

— Vê-ra, em ngồi đây, anh đi pha ấm nước...

Ông đi ra bếp, Vê-ra ngồi xuống chiếc đi-văng, khép chặt đôi chân đi tất lụa dài, và lại đưa mắt nhìn quanh căn phòng xấu xí, bày biện đơn giản này. Có thể chiếc bàn phủ khăn này đóng bằng gỗ bóng? Vê-ra đứng dậy, nhấc tấm khăn trải bàn lên. Không, bàn đóng bằng gỗ mộc, phủ một lớp sơn màu vàng nhạt.

Cắn chặt môi, Vê-ra đi xuống bếp. A-lây-nhi-cốp đang dùng kìm tán đường trong một chiếc lọ thủy tinh xanh. Thấy cô, ông mỉm cười, đưa mắt chỉ về phía chiếc cửa bằng ván ghép, nói thì thầm:

— Hôm nay mẹ mới ngủ được đấy. Đã hai đêm mẹ không ngủ, bị bệnh phong thấp hành hạ đến khốn khổ... Em lên nhà đợi anh một lát, tự anh làm xong ngay bây giờ.

Thực ra Vê-ra cũng không nghĩ đến chuyện giúp ông. Cô chỉ muốn nhìn qua gian nhà bếp. Nhưng ở đây cô cũng không trông thấy gì đáng để vui mừng cả — một chiếc bàn nhà bếp, nhỏ, bình thường, phủ vải sơn, trong góc là tủ đựng bát đĩa bằng gỗ thường, trong tủ có một bộ cốc uống chè và mấy chiếc ly rẻ tiền. Dăm vỏ đồ hộp, vài cái chai để trên bệ cửa sổ.

Vê-ra trở lên phòng, nhìn quanh, tìm cửa dẫn sang các phòng bên. Nhưng ngoài lối hai người vừa đi vào lúc nãy, cô không còn trông thấy chiếc cửa nào khác. Vê-ra lại ngồi xuống đi-văng, tim đập mạnh. «Đồ ngốc... trời ơi, sao lão ta ngốc thế! — Với một sự căm thù âm ỉ, cô nghĩ về A-lây-nhi-cốp, về đôi lông mày rậm, về vết sẹo xanh trên má trước đây cô vẫn hay hôn (nhớ đến đây, cô thậm chí còn nhăn mặt lại). — Bao nhiêu khả năng, quyền lực mà phải sống như thế này...»

Cô lại đứng vụt dậy, bước đến bên tủ, giật mạnh cánh cửa. Trong tủ treo một chiếc áo ca-pốt của A-lây-nhi-cốp, mấy bộ quân phục, một chiếc áo bành-tô đông có cổ lông khá tốt, ngăn trên xếp mấy chiếc áo sơ-mi giặt sạch, là rất kỹ, gấp cẩn thận. Chỉ thế thôi. «Được rồi, được rồi!» — cô giận dữ hứa thầm với một người nào đó.

Vê-ra đóng cửa tủ lại, và, không biết là lần thứ mấy, lại

nhìn quanh gian phòng quá ư đơn giản này. Bây giờ cô nhận thấy rằng cả hai tấm màn cửa sổ tuy bằng lụa thật đấy, nhưng đã cũ, giặt đi giặt lại nhiều lần, cả mấy khung cửa sổ cũng đã nhiều chỗ bong sơn, cần phải quét lại, cả chân mấy chiếc ghế đứng cạnh bàn cũng đã mòn vẹt, mặt ghế cũng long hết đinh... Và, giống như bị say rượu, cô lảo đảo quay lại bên đi-văng. «Không sao, chỉ cốt mọi chuyện mình với lão ta xong xuôi, còn sau đó...»

A-lây-nhi-cốp bước vào phòng, đặt lên bàn hai bộ đĩa chén và lọ đường thủy tinh màu xanh kỳ cục kia.

—Chè cũng sắp được rồi,—ông nói, và bắt gặp ánh mắt của Vê-ra, ông bối rối xoa xoa chiếc sẹo bên má.—Đấy, anh sống như thế đấy...

—Có sao, cũng bình thường như mọi người thôi,—cô cố nói ra vẻ thản nhiên, khẽ nhún vai.—Tuy nhiên, em tưởng tượng có hơi khác một chút...—Và, hơi chột dạ vì những lời của mình, cô vội nói thêm.—Nhưng điều đó thì có nghĩa gì đâu?

—Khi... em biết đấy, anh trước đây cũng đã có gia đình... Khi vợ bỏ anh đi, anh nhường ba gian phòng cho một người cùng cơ quan. Gia đình anh ta khá đông, còn anh và mẹ chừng này cũng đủ.

—Tất nhiên, nhiều hơn cũng chẳng để làm gì,—Vê-ra gật đầu đồng ý.

—Nhà đem ngăn đôi bằng bức tường này và mở thêm một cửa ở phía bên kia... Em đợi một tí nhé, hình như nước sôi rồi.

Mấy phút sau họ đã ngồi bên bàn. Vê-ra dùng thìa quấy đường trong cốc của mình, nhấp từng ngụm nước nóng bỏng, lắng nghe tiếng gió giật ngoài cửa sổ.

—Hình như bắt đầu có một cơn bão lớn.

—Không sao đâu, anh sẽ đưa em về,—A-lây-nhi-cốp nói cho cô yên tâm.

Vê-ra nhăn mặt lại, không hẳn vì tiếng rít của cây cối ngoài cửa sổ, cũng không hẳn vì những lời của A-lây-nhi-cốp, và cô tiếp tục dòng suy nghĩ của mình. «Không sao, chỉ cốt mọi chuyện xong xuôi... Rồi cái tay cùng cơ quan có gia đình đông người kia sẽ phải cuốn xéo. Sẽ đập bức tường ngăn ra. Sẽ có nhà ra nhà... Và nói chung, khắp San-ta-ra sẽ biết thế nào là vợ của

I-a-cốp A-lây-nhi-cốp... của chính A-lây-nhi-cốp! Tất cả sẽ biết tay, thậm chí cả Cru-gi-lin...»

Cô nghĩ rằng mình tính toán rất chín chắn, thông minh, như một người từng trải, hiểu biết rất rõ cuộc đời và con người.

A-lây-nhi-cốp ngồi, dáng đăm chiêu bên cốc nước chè còn chưa đụng tới. Vê-ra hiểu rằng đã đến lúc phải nói câu chuyện quyết định, nhưng cô không biết bắt đầu như thế nào. Và hơn nữa, chính cô cũng sợ câu chuyện đó.

— Thế anh... chắc vẫn có giúp vợ cũ chứ? — cô hỏi và bối rối cảm thấy câu hỏi không thật đúng chỗ.

— Không, — ông như chợt tỉnh khỏi cơn trầm ngâm, đáp. — Thậm chí anh cũng không biết cô ta giờ ở đâu. Cô ta đi mà không nói đi đâu... Cũng không viết một bức thư nào về cả. Và cô ta cũng không cần giúp đỡ. Con cái không có — cô ta không muốn. Mà anh cũng còn có người cần phải được giúp đỡ...

— Ai thế? — Vê-ra hỏi, cố gắng sao cho giọng nói có vẻ âu yếm, ấm áp hơn.

— Anh có một người anh cả. Anh ấy mất cách đây sáu năm vì bệnh lao mắc phải khi ngồi tù khổ sai thời Nga hoàng. Anh ấy còn bốn người con, chị vợ anh ấy lại bị bệnh tim, chỉ ngồi ôm ngực, không làm việc được. Anh đã hứa với anh ấy trước khi anh ấy qua đời là sẽ lo lắng, chăm sóc cho các cháu. Và đây...

A-lây-nhi-cốp đưa mắt nhìn quanh phòng, dường như muốn giải thích cho Vê-ra rằng tại sao ông lại sống nghèo nàn như thế.

— Con trai út của anh ấy giờ mới tám tuổi, còn con gái đầu mười sáu. Đang học lớp mười. Chúng hiện đang ở xa, tận Vla-đi-vô-xtốc. Anh đang định đưa cả nhà anh ấy về đây để sống cùng nhau, hoặc ít ra cũng gần hơn. Thế mà giờ...

— Mà giờ lại đi yêu em, — Vê-ra chêm vào với một nụ cười lấy lòng gượng gạo. — Nhưng cái đó thì có phiền gì đến chúng ta?.. Cần phải đưa gia đình bác ấy về đây...

— Không... Anh muốn nói giờ lại chiến tranh... — A-lây-nhi-cốp khô khan, lạnh nhạt nói. Rồi, sau một giây im lặng, khẽ ngả người ra sau lưng ghế, ông nói bằng một giọng hoàn toàn xa lạ đối với cô: — Vê-ra...

Vê-ra đứng bật dậy, suýt nữa đánh đổ cả cốc nước.

— Khoan đã, anh I-a-cốp, để cho em nói đã... — Giọng Vê-ra lạc hẳn đi, và cô không thể nói tiếp một lời nào nữa, trong ngực nhói lên lạnh buốt, kinh hoàng. Sâu trong ý thức, cô đã hiểu, đã đoán được rằng: thế là hết!

— Không cần đâu, Vê-ra ạ, em chẳng có gì phải nói đâu, — A-lây-nhi-cốp cúi đầu xuống như kẻ có lỗi. — Anh cần... anh buộc phải nói, mặc dù rất nặng nề... Anh không thể cưới em được đâu, Vê-ra ạ...

Bây giờ cô không chỉ đoán được là giữa cô và A-lây-nhi-cốp mọi việc đã kết thúc, mà cô còn nghe cả những lời của ông nói ra: «Thế là hết! Thế là hết!» — trong đầu cô vang lên nhức nhối. Nhưng cả người cô chống lại, không thể cam chịu, đồng ý với điều đó.

— I-a-cốp, anh... Anh nói cái gì?

— Anh nói rằng em tha lỗi cho anh, Vê-ra ạ. Và hãy hiểu... Chúng ta không thể... Anh không thể cưới em được nữa...

Đôi mắt cô như bị phủ một làn sương đục với vô vàn những vệt dài màu vàng. Cơn giận dữ, lòng tự ái bị xúc phạm, sự căm ghét bỗng nhiên biến toàn thân cô thành một thùng thuốc nổ, còn những ý nghĩ quay cuồng trong đầu cô như những hòn than cháy rực, bắn những tia lửa xanh ra tứ phía. Chỉ cần một hòn than nào đó chạm vào khối thuốc súng, thì — cô cảm thấy như vậy — sẽ xảy ra một vụ nổ dữ dội. Sợ hãi điều đó sẽ xảy ra, cô lùi lại hai bước, buông người xuống đi-văng, ngoảnh mặt vào tường, người co rúm lại như bị lạnh, thả sức cho nước mắt trào ra. Cô nghe thấy tiếng A-lây-nhi-cốp bước đến bên cạnh, ngồi xuống mép ghế, đặt tay lên vai cô và nói một câu gì đó. Vê-ra ngẩng phắt đầu lên, hét to, lạc cả giọng:

— Dứt khoát chưa đấy?

— Dứt khoát. Anh đã nghĩ nhiều, và phải dứt khoát như vậy.

Vê-ra hai tay ôm lấy mặt, rên rỉ trong cơn giận dữ bất lực. A-lây-nhi-cốp đứng lên và hấp tấp, vụng về đi lại trong phòng, vấp cả vào bàn ghế...

* * *

Ông, I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, đã sống năm mươi năm qua một cách rất nặng nề. Trước đây, cuộc đời của ông bắt đầu

một cách đơn giản và nhẹ nhàng, cả thế giới chia ra bạn và thù rạch ròi như thời gian chia ra ngày và đêm. Ông, A-lây-nhi-cốp, biết rõ mình là ai trên trái đất này, phải làm gì và sống vì mục đích nào.

Dần dần tất cả trở nên phức tạp, tất cả trở nên rối rắm trong cuộc đời ông. Thời gian vẫn như trước chia ra ngày và đêm, mục đích vẫn rõ ràng như trước, chỉ có một điều không hiểu nổi là tại sao nhiều người trước đây là bạn, giờ lại trở nên thù.

Ông bắt đầu suy nghĩ, trầm tư, từ sau mùa đông năm ba mươi sáu, khi vợ ông bỏ ông đi sau khi nói lời chia tay:

— Tôi đi không phải vì tôi thôi yêu anh... Có thể, đến giờ vẫn đang yêu... Nhưng anh là một con người khủng khiếp. Tôi ghê sợ khi nằm một giường với anh...

Không nói hết câu, chị bỏ đi, mặt đầy nước mắt, chỉ mang theo một chiếc va-li nhỏ đựng quần áo. Từ đó, ông không bao giờ gặp lại vợ nữa, nhưng những lời của chị vẫn luôn vang lên bên tai. Lúc đầu, chúng làm cho A-lây-nhi-cốp tức giận, nổi khùng lên, nhưng dần dần ông bắt đầu bình tĩnh nghĩ lại: tại sao lúc chia tay Ga-li-na lại nói với ông những lời như vậy? Chẳng lẽ quả thật ông đã bắt giam những người vô tội? Cứ thí dụ như cái tay I-van Xa-vê-li-ép chẳng hạn. Ông đã bắt tên phỉ bạch vệ này với một lương tâm trong sạch. Hồi đó, năm mười chín, khi cảm thấy cái chết đang tới gần, cái gã I-van này mới mưu mô dùng cái đầu của tên tướng phỉ để chuộc lấy mạng sống cho mình. Sau khi bắn chết Cáp-ta-nốp, giải thoát con gái của hắn, An-na, đang bị bắt làm tù binh, I-van đã đến đội du kích để đầu thú. Và cả chỉ huy đội du kích Cru-gi-lin, cả An-na và nhiều người khác đã tin vào những dự định trong sạch của I-van. Chỉ có ông, A-lây-nhi-cốp, và anh ruột của I-van, Phê-đô, là không tin. Và thực tế đã chứng minh là họ đúng. I-van chưa chịu buông vũ khí, trong lòng vẫn chưa chịu khuất phục chính quyền mới — và đây, câu chuyện hai con ngựa... Tất cả đều rõ ràng: dù chỉ bằng cách này, tao cũng phá hoại Chính quyền Xô-viết... Người bảo vệ hăng hái nhất cho hắn là một nông trang viên làng Mi-khai-lốp-ca, Ác-ca-đi Môn-tsa-nốp. Bảo vệ, mà cũng có thể là tòng phạm. Hơn nữa, ngồi ở phòng sơ thẩm, hắn bắt đầu nói xấu chính quyền Xô-



viết. Thế nào, chẳng lẽ cứ thả hắn ra, để hắn tiếp tục bảo vệ kẻ thù của nhân dân, tiếp tay cho chúng phá hoại chính quyền Xô-viết hay sao?

Thế từ khi nào ông bắt đầu cảm thấy tất cả những chứng cớ buộc tội I-van Xa-vê-li-ép và Ác-ca-đi Môn-tsa-nốp là không vững chắc, là ngây thơ, và sau đó là ngu ngốc đến tột cùng, không tưởng?

Dù thế nào đi chăng nữa, thì với ông, A-lây-nhi-cốp, cũng đã xảy ra một cái gì đó, và ông kinh hoàng khi nhìn lại mình dưới một thứ ánh sáng khác!

Đây là một cảm giác rất kỳ lạ và rất phức tạp. Dường như bây giờ có hai A-lây-nhi-cốp, một người đứng tách riêng ra ở một nơi nào đó, được một ngọn đèn pha chiếu sáng từ trên xuống, còn người thứ hai đứng bên cạnh, trong bóng tối, nhìn người thứ nhất được chiếu sáng cả bốn phía, nhìn với một vẻ ngạc nhiên, ghê tởm và sợ hãi.

Tóc A-lây-nhi-cốp mỗi ngày một bạc nhiều thêm, bắt đầu rụng, để lộ cả một mảng da trên đỉnh đầu. Ông trở nên lầm lì, ít nói, đôi mắt trũng sâu xuống dưới đôi lông mày rậm, vết sẹo do thanh gươm của tên đại tá Du-bốp để lại trên má trái hằn lên xanh nhợt, một màu nhợt nhạt chết chóc, và trong những lúc tức giận, nó sưng phồng lên và đen thẫm lại, làm cho vẻ mặt ông vốn đã cau có lại càng thêm đáng sợ.

A-lây-nhi-cốp càng ngày càng hay có ý nghĩ rằng thực chất ông là một kẻ đểu cáng, một tội phạm, rằng rồi sẽ đến lúc mọi người sẽ nghiêm khắc hỏi tội ông về những việc làm của mình. Ngày đó nhất định sẽ đến. Sẽ đến và sẽ mang lại cho ông một sự giải thoát nhẹ người. Nhưng bao giờ ngày đó sẽ đến? Còn phải đợi bao lâu nữa? Mà có tốt hơn không, nếu tự mình giải thoát cho mình ngay bây giờ, không phải đợi đến ngày đó?

Đó là những ý nghĩ về việc tự sát.

Những ý nghĩ đó lần đầu tiên thoáng hiện vào cuối năm ba mươi tám, sau lần bắt trưởng ban cung tiêu huyện Va-xi-li Da-xu-khin và trưởng phòng tài chính Đa-nhi-lô I-va-nô-vích Cô-skin.

Sáng hôm sau đến cơ quan, ông ra lệnh dẫn Cô-skin và Da-xu-khin đến phòng làm việc của mình. Nhưng sau khi ra lệnh xong, ông liền nghĩ: «Mà để làm gì kia chứ?»

Những người bị bắt được dẫn đến, tay đeo còng, chỉ mới sau mấy giờ mà cả hai đã gầy đi, phờ phạc. Cô-skin mím chặt môi một cách khinh bỉ, nhìn A-lây-nhi-cốp như muốn nói: «Thế nào, I-a-cốp, đến thế này cơ à?» Còn Da-xu-khin thì chăm chú nhìn đôi tay của mình, dường như không hiểu tại sao chúng lại đang nằm trong còng sắt.

A-lây-nhi-cốp ra lệnh mở bỏ còng.

— Cám ơn anh, — Cô-skin cười khẩy nói. — Nào, anh hãy giải thích đi, chúng tôi có tội gì, có những hoạt động thù địch phá hoại nào? Có thể, chúng tôi là biệt kích, định phá cầu qua sông Grô-mô-tu-kha? Hay là cái cửa hàng bị cháy là do chính tay tôi đốt?

— Cái đó thì tự các anh sẽ nói, khi người ta hỏi đến, — A-lây-nhi-cốp khó khăn lắm mới thốt lên được. — Người ta sẽ tuyên bố lời buộc tội đối với các anh như quy định thường lệ. Tôi muốn hỏi về chuyện khác... Hình như các anh cả hai... đều biết rằng người ta sẽ bắt các anh?

— Còn sao nữa, biết chứ. Chúng tôi bây giờ là những người to miệng nhất trong huyện hiện nay, — Da-xu-khin trả lời.

— Thế tại sao các anh, nếu như biết trước rằng... lại to miệng như vậy?

— Biết giải thích cho anh thế nào bây giờ? — Da-xu-khin cười khẩy. — Đa-nhi-lô I-va-nô-vích, anh có thể giải thích cho anh ta rõ ràng hơn không?

— Được thôi, — Cô-skin gật đầu, tay xoa xoa nơi cổ tay. — Chúng tôi, anh I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích ạ, trong nội chiến đã nhiều lần nằm kề bên cái chết. Cả đạn réo sát bên tai, cả gươm khua sát mặt. Nó sát đến nỗi da bỏng rát. Nhưng, tất cả những cái này chắc anh cũng còn nhớ. Lúc đó chúng ta không suy nghĩ, lo lắng nhiều về cuộc đời của mình, về sự sống của bản thân, vì biết mình đang chiến đấu vì cái gì, mối thù nào cần phải thanh toán... — Và bỗng nhiên Cô-skin đứng dậy khỏi ghế, vươn thẳng tấm thân cao lớn của mình lên. Và ông lại biến thành anh chàng Đa-nhi-lô — thiên lôi thuở trước, vụng về đi lại trong phòng như một con sếu cao lêu nghêu, hai tay vung vẩy. — Thế thì tại sao, I-a-cốp, anh lại nghĩ rằng bây giờ chúng tôi lại có thể trở thành những kẻ hèn nhát? Cứ để cho Pô-li-pốp phá nát cả huyện ra mà chúng tôi vẫn im lặng à? Chúng

tôi cần phải tự trói mình lại à? Thế thì chúng tôi bấy nhiêu năm nằm kề bên cái chết để làm gì? Lúc đó làm sao chúng tôi có thể dám nhìn mặt mình ở trong gương? Làm sao có thể dám nhìn thẳng vào đôi mắt của chính mình?

Đa-nhi-lô I-va-nô-vích Cô-skin đi đi lại lại trong phòng, từ góc này sang góc khác, đôi tay dài vung loạn xạ, giọng oang oang, ném những lời nặng như đá lát đường vung ra khắp bốn phía. Và có cảm tưởng như chính ông mới là chủ của gian phòng rộng rãi với những chấn song cửa sổ cao này, chứ không phải A-lây-nhi-cốp đang ngồi thu người lại sau bàn làm việc của mình.

—Anh bảo là anh ta không hiểu những lời của anh à?— Cô-skin gần như thét lên, dừng lại trước mặt Da-xu-khin, bàn tay nắm chặt dứ về phía A-lây-nhi-cốp. Rồi ông chạy đến bên A-lây-nhi-cốp, khuỳnh tay ra như hai chiếc đòn gánh, túm chặt lấy hai mép bàn, như định nâng nó lên trên đầu và ném vào A-lây-nhi-cốp.—Anh không hiểu sao?! Không, anh hiểu hết, I-a-cốp ạ. Anh hiểu rằng anh đang bắt những người vô tội vào tù! Coóc-nây Ba-u-lin tội gì? Anh ấy mà là kẻ thù của nhân dân à? Đến giờ tôi vẫn còn nhớ là ở đây, ngay trong phòng này, chúng tôi đã giảng giải cho anh hiểu rằng anh ấy không phải là kẻ thù nào hết. Bây giờ thì đến lượt chúng tôi. Thế mà anh còn hỏi—tại sao các anh lại to miệng như vậy?!

A-lây-nhi-cốp ngơ ngác nhìn, rồi nặng nề ngồi xuống sau bàn, đưa hai bàn tay bị mặt kính đặt trên bàn làm cho lạnh ngắt lên ôm chặt lấy thái dương.

Sau đó ông bấm chuông và nói, mắt không nhìn Cô-skin và Da-xu-khin:

—Dẫn họ đi.

...Không ai biết rồi sau đó A-lây-nhi-cốp đã phải trải qua bao nhiêu đêm không ngủ, bao nhiêu suy nghĩ đã quay cuồng trong đầu vào những đêm đó. Không ai biết bao nhiêu lần ông, khi thì giữa đêm, khi thì gần sáng, đã ngồi dậy trên chiếc giường nhàu nát, bàn tay run rẩy một cách đáng ghét, rút từ trong bao ra khẩu súng lục nòng sắt giá lạnh, nắm chặt trong tay cho đến lúc nó nóng rực lên, và rồi lại nhét nó vào trong bao, dút xuống dưới gối, để trong mọi trường hợp, nó ở gần hơn, ngay trong tầm tay.

Cái gì đã giữ ông khỏi tự tử?

Câu trả lời cho câu hỏi này đến vào một ngày tháng Tư rực rỡ, khi tuyết đã tan, mặt đất khô dần nước lũ xuân, ngoài cửa sổ, lũ quạ ngây ngất bởi mặt trời và gió ấm, kêu inh ỏi, còn trên cây những mầm non đã nhú lên, sắp sửa bật tung, xòe ra những chiếc lá đầu tiên, đầy nhựa dính. Ngày hôm đó phụ trách trực ban của phòng báo cáo với A-lây-nhi-cốp rằng, theo thông báo của A-nhi-cây Ê-li-da-rốp, ở trạm máy kéo, mặc dù đã cuối tháng Tư, hơn một nửa số máy kéo còn chưa được sửa chữa, và thợ máy Phê-đô Xa-vê-li-ép nói ầm lên với tất cả mọi người rằng cái đống đồ cũ ấy thì chẳng có gì mà chữa nữa, chẳng có ích lợi gì.

—Tức là anh ta, anh hiểu không, cố ý làm mất tinh thần công nhân cơ khí, —nhân viên trực ban kết luận, đôi môi khô cứng mím chặt. —Còn mùa hè năm ngoái cũng chính tay Phê-đô Xa-vê-li-ép này suýt nữa thì đốt cháy cỗ máy liên hợp. Rõ ràng là, có thể nói, hắn chủ trương...

—Chủ trương nào! —A-lây-nhi-cốp cau mày. —Tôi là ủy viên thường vụ huyện ủy và tôi biết tình hình ở trạm máy kéo. Số lượng máy kéo quả đã hư mòn rất nặng, nhiều máy cần phải thay toàn bộ ổ máy, mà bộ phận dự trữ không có. Tình hình là như vậy. Và Xa-vê-li-ép nói đúng, bây giờ chỉ còn là một đống đồ cũ. Còn vụ cháy máy liên hợp... Chúng ta đã xem xét vụ cháy này rồi còn gì. Chỉ mới cháy rơ-moóc.

—Vâng, vì rằng trời đổ mưa. Còn nếu như không có mưa thì cả máy gặt liên hợp cũng cháy hết, và lúa không gặt kịp, hỏng...

—Nhưng Xa-vê-li-ép thì có quan hệ gì đến việc đó?— A-lây-nhi-cốp cáu kỉnh hỏi to.

Vụ cháy mà nhân viên trực ban nhắc đến, xảy ra ngay đầu vụ gặt. Một chuyện lạ lùng xảy ra—một tia chớp đánh vào chiếc rơ-moóc của máy gặt đập chất đầy rơm lúa mạch đen đã đập xong. Hôm đó từ sớm không khí đã oi bức, nóng nực, rồi bầu trời lại phủ đầy những đám mây thấp, nặng. Xa-vê-li-ép gặt từ sáng sớm, thỉnh thoảng lại nhìn những đám mây đen từ phía dãy Dve-nhi-gô-ra trôi về, hy vọng gió sẽ thổi tản chúng đi. Nhưng ngọn gió nhẹ vừa mới nổi lên đã tắt lặng, và trên đầu, không cao lắm, bắt đầu vang lên tiếng sấm. Bỗng nhiên

bầu trời đổ sập ngay xuống cỗ máy gặt đập liên hợp, một tia chớp sáng rực quất rát vào mắt Xa-vê-li-ép và ông gập người lại trên cần lái, hai bàn tay ôm mặt. Khi bỏ tay ra khỏi má, đầu tiên Phê-đô nghe thấy tiếng kêu thất thanh của I-nhi-u-chin, rồi sau mới thấy I-nhi-u-chin đang chạy ngang qua cỗ máy gặt đập liên hợp về một hướng nào đó. Phía sau, một cột lửa bốc lên, như ông tưởng lúc đầu, ngay từ dưới phần sau của cỗ máy gặt.

Trên rơ-moóc hôm đó có hai cô gái, một cô bị đánh chết ngay, cô khác ngất đi, cả hai đều bị ném văng ra khỏi rơ-moóc. Khi Phê-đô Xa-vê-li-ép nhảy xuống đất, ông thấy Ki-ri-an I-nhi-u-chin đang kéo một trong hai cô gái trên mặt ruộng rạ đi ra xa lửa. Phê-đô, chưa kịp hiểu rõ việc gì xảy ra, cũng ôm vội lấy cô gái thứ hai, mang ra xa, miệng hét:

—Nhanh lên, lên máy kéo! Đánh ra xa ngay! Cháy mất lúa bây giờ!

I-nhi-u-chin đánh cỗ máy liên hợp chạy một quãng chừng năm chục mét, dừng lại. Xa-vê-li-ép tìm cách cắt rơ-moóc ra khỏi máy. Nhưng nó đã bốc cháy như bị tưới xăng. Che mặt khỏi hơi nóng hừng hực, Phê-đô cố gắng dùng chiếc cờ-lê nặng đánh bật đinh bu-lông nối, nhưng không được. Lúc đó I-nhi-u-chin lại tưởng Phê-đô đã tháo xong rơ-moóc, tiếp tục cho máy kéo chạy, lôi theo cả khối đuôi lửa. Xa-vê-li-ép, suýt nữa rơi vào giữa bánh xe, nhảy vội sang bên.

—Đứng la-ại!—ông thét.

Những mảng rơm bốc lửa từ trên rơ-moóc rơi xuống đất, lửa bò trên mặt ruộng rạ đã gặt, một ngọn gió thổi đến đuổi nó chạy về phía bức tường lúa chưa gặt. Xa-vê-li-ép cố sức lấy chân giẫm tắt những ngọn lửa nhỏ đó.

—Sao?—I-nhi-u-chin chạy đến, hét to, hỏi.—Chưa tháo ra được à?

Rồi cả hai chạy bổ đến để tháo rơ-moóc ra, nhưng họ hiểu ngay rằng không thể làm được việc đó—những ngọn lửa từ rơ-moóc lan sang đã bắt đầu liếm đến bên sườn bằng tôn thép của cỗ máy liên hợp.

Cách đấy không xa, còn có một tổ hợp máy khác đang làm việc. Trông thấy đám cháy, mọi người chạy tới: thợ máy gặt, thợ phụ rơ-moóc, và trước tất cả, là thợ lái máy kéo A-nhi-

cây Ê-li-da-rốp. Chạy đến nơi, anh thò chiếc lưỡi nhọn ra liếm cặp môi khô, ném về phía Phê-đô rồi Ki-ri-an những ánh mắt dữ tợn, hứa hẹn điều chẳng lành.

— Tại sao các anh lại thế này? Tại sao các anh lại thế này?

Nhưng Xa-vê-li-ép không chú ý đến Ê-li-da-rốp, ông mải ra sức dập những ngọn lửa đang cháy tứ tung ra bốn phía trên mặt ruộng rạ, cởi vội chiếc áo khoác trên người ra đập túi bụi xuống đất.

— Máy liên hợp cháy mất thôi, Phê-đô! — Ki-ri-an I-nhi-u-chin kêu to. — Xem kìa, lớp sơn trên vỏ sắt đã rộp phồng lên!

— Mặc kệ mẹ nó! — Phê-đô thở hổn hển, quát to. — Lo cứu lấy lúa! Lúa cháy mất bây giờ đấy...

I-nhi-u-chin, Ê-li-da-rốp, thợ máy gặt, mấy người phụ rơ-moóc cũng bắt đầu dập những đám lửa đã bò loang ra bốn phía.

Chưa biết rồi sự việc sẽ kết thúc ra sao, bởi vì ruộng rạ lúa mạch đen rất cao, dày, khô, cháy như thuốc súng. Mọi người bị khói xông sặc sụa, chân tay bỏng rát, nhưng vẫn không thắng nổi đám cháy. Ở một vài chỗ, những lưỡi lửa xám trắng đã bắt đầu bén vào khối lúa mì, và lập tức màu trắng xám biến thành màu đỏ thẫm, ngọn lửa bùng lên, cháy rừng rực, ngấu nghiến nuốt chửng những khóm lúa dày, dài đến hàng mét rưỡi. Khối lửa lẫn khói đen bốc lên cao, mùi khét đắng của thóc cháy xộc vào mũi mọi người...

Nhưng vừa lúc đó, từ trên trời, mưa đổ xuống như trút nước, và chỉ trong mấy giây đám cháy đã bị dập tắt.

Trận mưa rào rất to, nhưng ngắn, mấy phút sau mặt trời đã hiện ra, rọi ánh nắng xuống những rãnh trũng đen, không sâu lắm vừa bị ngọn lửa ăn khoét vào bên mép bức tường cao của ruộng lúa mạch đen, lên đống hài cốt của toa rơ-moóc bị cháy đen, lên những con người ướt sũng.

— Anh với Ki-ri-an còn gặp vận may đấy, — một chị thợ phụ rơ-moóc của tổ máy bên cạnh nói với Phê-đô. — Anh bảo chớp đánh xuống à? Ôi, khiếp quá!

— Cái này quả là cũng còn phải nghĩ — có đúng là chớp không? — Ê-li-da-rốp cười mát, nói. — Rồi sẽ có người xem xét cụ thể...

Anh chợt im bặt, vì Ki-ri-an I-nhi-u-chin đang loay hoay bên mấy cô gái thợ phụ rơ-moóc nằm trên ruộng rạ bỗng hét vang lên khắp cánh đồng:

—Phê-đô-ô! Các ông các bà ơi! Sét đánh chết Ca-chi-a rồi!

...Đầu đuôi sự việc xảy ra là như vậy. Đích thân A-lây-nhi-cốp xem xét việc này, và các bác sĩ cũng xác định rằng cô gái thợ phụ rơ-moóc chết vì luồng điện của tia chớp. Tất cả những điều này nhân viên phụ trách trực ban đều biết, thế nhưng anh ta vẫn nói về một chủ trương, âm mưu nào đó.

—Nhưng thử hỏi, Xa-vê-li-ép thì có quan hệ gì đến việc này?—A-lây-nhi-cốp lại hỏi to một lần nữa.

Nhân viên trực ban nhún vai:

—Nhưng chính anh cũng biết đấy, ở trên tỉnh họ không hiểu cho chúng ta. Phê-đô Xa-vê-li-ép lấy con gái của một tên cu-lắc trước đây. Em của anh ta bị ngồi tù vì tội phá hoại... Suốt đời Xa-vê-li-ép đánh bạn với Ki-ri-an I-nhi-u-chin. Mà cha của I-nhi-u-chin ở trong bọn phỉ...

I-a-cốp đập khẽ bàn tay lên mặt bàn, đứng dậy.

—Họ hiểu chúng ta như thế nào, điều đó tất nhiên là quan trọng. Nhưng cái quan trọng hơn, là chính chúng ta hiểu con người như thế nào! Hiểu chính Phê-đô Xa-vê-li-ép này, chính Ki-ri-an I-nhi-u-chin này như thế nào! Và nói chung, chúng ta hiểu cuộc đời như thế nào!

Nói ra những lời này, A-lây-nhi-cốp nghĩ thầm: nếu không có mình, Xa-vê-li-ép và I-nhi-u-chin chắc bây giờ phải rầy rà to. Và chính trong giây phút đó, không sớm hơn và cũng không muộn hơn, mà chính trong cái khoảnh khắc đó, ông bỗng vụt hiểu ra một cách rõ ràng cái gì đã ngăn ông không tự tử, khi hiểu ra ý nghĩa câu nói của Da-xu-khin: đó sẽ là điều ngu xuẩn nhất mà anh sẽ làm bây giờ, chính là bây giờ... Giống như một chiếc màn nào đó từ trước đến nay vẫn bịt kín trước mắt ông, bỗng nhiên biến mất, để cho từng dòng ánh sáng mặt trời rọi thẳng vào người ông, A-lây-nhi-cốp.

A-lây-nhi-cốp chậm chạp buông mình xuống ghế, ngạc nhiên đưa mắt nhìn quanh phòng mình, như thể lần đầu tiên trông thấy nó. Và quả thật, từng dòng ánh sáng của mặt trời mùa xuân vàng rực đang tuôn chảy vào phòng qua tất cả các

cửa sổ, chiếu vào tận những góc tối xa nhất. Người nhân viên trực ban không còn trong phòng nữa. Anh ta đi ra lúc nào, A-lây-nhi-cốp không nghe, không nhận thấy. Ngoài đường, bầy chim sẻ kêu lích rích, một cành dương khe khẽ gõ vào cửa sổ — hình như một vài nụ đã bắt đầu xòe lá. A-lây-nhi-cốp đứng dậy, bước đến bên cửa sổ — phải rồi, lá đã xòe ra! Mới sáng đây, nụ mầm còn đen thẫm, trơn tru, mà bây giờ, dưới sức ép của dòng nhựa xuân đang trào lên, chúng đã căng phồng, hé nở, từ phía trong bí ẩn hiện ra mấy mầm lá nhọn màu xanh nhạt...

Buổi chiều hôm đó, không hiểu sao, A-lây-nhi-cốp đi ra bờ sông Grô-mô-tu-kha. Sông vẫn còn đóng băng, mặc dù trên bờ tuyết đã tan từ lâu. Lớp băng lỗ chỗ đã rộp lên, chuyển sang màu xanh, và bất cứ lúc nào cũng có thể nứt ra để lộ dòng sông phía dưới.

Giẫm lên đá sỏi lạo xạo, A-lây-nhi-cốp đi dọc bờ sông ra phía sau thị trấn mà không hiểu mình đi đâu, để làm gì. Ông vừa đi vừa thở hít cái không khí lành lạnh, hơi thô của buổi chiều tháng Tư với mùi đất mùa tuyết đang tan, mùi mầm cây đang nhú và mùi băng trên sông bị mặt trời mùa xuân đốt mềm, mắt nhìn làn sương chiều nhẹ đang bốc lên phía thượng nguồn sông, loang rộng dần ra, che phủ một hòn đảo nhỏ trên sông và những bụi cây mọc trên đảo. Còn buổi sáng, ông nghĩ, sương sẽ tan, bay ngược lên cao, chân trời sẽ được mở rộng thêm. Cây cối trên đảo sẽ hiện ra mỗi lúc một rõ như cảnh trên tờ giấy ảnh đang ngâm trong thuốc hiện hình...

* * *

A-lây-nhi-cốp vụng về đi lại trong phòng, xô vấp cả vào ghế; còn Vê-ra nằm trên đi-văng, người duỗi ra như một sợi dây. Cô nhìn A-lây-nhi-cốp với một sự căm thù hằn học, nhưng ông lại ngỡ là trong mắt cô đầy đau khổ chân thành. Ngực cô thắt lại vì bực bội, giận dữ, mà ông lại ngỡ rằng trái tim cô đang nhức nhối, bầm máu vì đau buồn và thất vọng.

I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, có thể nói, không biết đàn bà. Trước đây, hồi còn trẻ, ông rất dễ làm quen với họ, và nếu như cô gái nào không tỏ ra quá kiêu kỳ, ông giữ quan hệ với cô ta cho đến

lúc cô ta chưa làm cho ông phát chán. Chia tay với họ, ông không cảm thấy day dứt nhiều, khi tìm được người mới, ông nhanh chóng quên ngay người cũ.

Nhưng dần dần, khi đã có tuổi, cuộc sống độc thân, không ổn định, đã làm cho ông chán. Trong một lần đi công tác ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ, ông làm quen với nữ bác sĩ Ga-li-na Phê-đô-xê-ép-na, sau chừng năm rưỡi thư từ đi lại, tỏ tình cũng bằng thư, ông đến đón chị, đưa về San-ta-ra...

Ông nghĩ rằng mình yêu vợ, và nếu như không quan tâm được đầy đủ đến vợ, thì chỉ là vì cái công việc quá vất vả của ông đã chiếm hết thời gian, sức lực.

Nhưng khi chị bỏ nhà đi, ông mới hiểu: ông không yêu vợ, mà ông đã quen đi, chỉ cảm thấy thoải mái và tiện lợi khi trong nhà có một người phụ nữ nấu nướng, giặt giũ và ngủ với ông...

Lần đầu tiên ông yêu thật sự khi trông thấy cô đánh máy mới ở văn phòng huyện ủy.

Tại sao chuyện đó lại xảy ra vào đúng cái tuổi năm mươi? Tại sao ông lại đi yêu một cô gái ít tuổi hơn ông tới gần ba lần?

Những câu hỏi này bắt ông phải suy nghĩ nhiều, ông thường tự hỏi mình và trả lời một cách đơn giản, thậm chí thô thiển. Ông yêu, vì rằng cô ta trẻ và đẹp, còn ông đã già và mệt mỏi, ông đã lầm lạc và có trời mới biết ông đã làm những gì trong đời. Ông có cảm tưởng rằng Vê-ra chính là người phụ nữ mà ở bên cạnh, ông có thể nghỉ ngơi cả về tâm hồn và thể xác, ở bên cạnh cô, tâm hồn câm lạnh của ông sẽ được sưởi ấm, tính cô độc, cau có của ông sẽ biến mất, tan đi.

Sự khác nhau về tuổi tác có làm cho ông băn khoăn do dự không? Có. Nhưng ông không thể làm gì được với mình, và quyết định...

Thực ra mà nói, ông không hy vọng là việc sẽ thành. Nhưng đến khi thấy là có thể hy vọng, mọi nghi ngờ, do dự của ông như tan ra, quên đi...

Quên đi, nhưng hóa ra không phải là vĩnh viễn, tan ra nhưng không phải hoàn toàn. Và càng ngày, khi quan hệ với Vê-ra càng trở nên xác định hơn, khi đám cưới hằng mong ước trở nên gần như hiện thực, thì những nghi ngờ, do dự trước kia lại trỗi dậy với một sức mạnh mới. «Mình đang làm cái gì đây? — đêm đêm ông tự giày vò, suy nghĩ. — Mình làm chồng

cô ấy thế nào được? Chỉ sau năm — mười năm nữa, mình sẽ là một lão già vứt đi. Mình sẽ làm hỏng cả cuộc đời của cô ấy, cô ấy còn trẻ, nên chưa hiểu hết được điều này».

Nhưng ông cảm thấy cái đó không phải là nguyên nhân chính của những nghi ngờ, do dự của ông. «Phải chăng ở đó ta có thể tìm được sự quên lãng và sưởi ấm tâm hồn? Và nói chung có thể sưởi ấm được nó không... sau bao nhiêu chuyện... bằng cách như vậy? Thế bằng cách nào thì có thể? Ở đâu thì có thể?»

Những ý nghĩ đó một lần xuất hiện và từ đó không buông tha ông nữa. Có thể, tất cả những cái đó cộng lại mới giải thích được tại sao I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, một người nói chung không phải là kém thông minh, ít ra cũng đã trải đời, lại không thể nhìn thấy, hiểu được cái tâm hồn thật của cô bé kháu khỉnh này, trong lúc đó cậu con trai mới lớn, chưa có kinh nghiệm như Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép lại thấy được.

Cuối cùng A-lây-nhi-cốp dừng lại cạnh đi-văng, ngồi xuống bên mép, chìa bàn tay ra để xoa lên vai cô. Nhưng cô co rúm người lại, bỏ chân xuống ghế.

— Đừng động đến tôi! — cô hét lên lanh lảnh, hai tay ôm lấy đôi má đang bốc lửa.

— Anh biết rằng anh đã làm cho em phải đau khổ nhiều, — A-lây-nhi-cốp cố tìm lời, ông cảm thấy mình nói không phải những điều cần phải nói. — Anh bây giờ lại càng yêu em hơn... Nhưng biết làm sao được? Anh không thể... Em còn quá trẻ đối với anh... Nhưng đó chưa phải là cái chính, chưa phải...

Cô nhảy bật dậy khỏi đi-văng, giật chiếc áo bành-tô từ trên móc xuống, vội vã quấn khăn lên đầu.

— Để anh đưa em về, Vê-ra ạ. Anh tiễn em bây giờ...

— Không cần! — cô ném sang ông một cái nhìn hằn học cháy bỏng, ngồi phịch lại xuống đi-văng. — Tôi không cần.

Những lời nói và cái nhìn hằn học đó ông tiếp nhận như một điều tất nhiên.

* * *

Suốt ba tuần sau Vê-ra cố gắng một cách vô ích để tìm gặp Xê-mi-ôn, mặc dù tự cô vẫn không biết là gặp để làm gì, cô sẽ nói gì với anh.

Một lần, cô ngồi trong câu lạc bộ xem một bộ phim dài và chán ngắt. Khi hết một cuốn, cô chợt thấy Xê-mi-ôn, anh ngồi trước cô mấy hàng và đang khẽ thì thầm nói chuyện với một anh thanh niên nào đấy.

Sau buổi chiếu, Vê-ra đứng đợi ở cửa.

— Chào anh Xê-mi-ôn, — khi Xê-mi-ôn từ trong câu lạc bộ đi ra, cô lên tiếng ngượng nghịu, lắp bắp. — Nếu anh về nhà, cho em cùng đi.

— A-a... Chào Vê-ra.

Họ đứng, chân giẫm mãi lên tuyết, cả hai đều cảm thấy ngượng nghịu.

— Tớ thấy là anh chàng này không dám quyết định một bước liều lĩnh như vậy, — anh thanh niên lúc nãy ngồi cạnh Xê-mi-ôn trong câu lạc bộ nói. — Còn tớ lại là một kẻ liều lĩnh. Xin phép được làm quen. I-u-ri. — Và anh chìa tay ra.

Anh thanh niên đứng trong luồng ánh sáng vàng hắt ra từ cánh cửa không đóng của câu lạc bộ, mấy mớ tóc lòa xòa sổ ra ngoài vành mũ rủ xuống gần che cả mắt.

Anh có một cái gì đó làm cho Vê-ra không thích ngay từ đầu: đôi môi gãy góc, bướng bỉnh, cặp mắt sắc, nhìn xoi mói. Và, thêm vào đó, Vê-ra đang lúc bực mình.

— Tôi cũng thấy anh đúng là kẻ liều lĩnh, — Vê-ra nói gay gắt và quay người đi.

— Ô-ô, xin lỗi, xin lỗi... — anh ta nói, không hẳn là giễu cợt, không hẳn là bối rối, rồi biến vào dòng người.

Vê-ra và Xê-mi-ôn im lặng bước đi trên đường đêm vắng vẻ. Trời có vẻ như không lạnh lắm, nhưng đôi má cóng tê. Dưới chân, tuyết ẩm kêu lạo xạo.

— Thế đấy... — khi đến gần nhà, Vê-ra thốt lên. Và bỗng nhiên cô òa lên khóc, gục đầu vào lần vải áo khoác ngoài của anh. — Anh Xê-mi-ôn, anh tha lỗi cho em...

— Này, đừng làm thế làm gì... Chúng ta đã nói với nhau hết cả rồi.

— Thì có một lúc nào đó đầu óc của em bị lú lẫn mất, như bị mây che... Đầu óc đàn bà bọn em mà. Tất cả đều là lỗi của em hết, anh cứ chửi mắng đi, anh cứ đánh em đi, nếu như anh muốn... Nhưng đầu óc em giờ sáng ra rồi, và em hiểu: em chỉ yêu anh, một mình anh! A-lây-nhi-cốp muốn lấy em, cứ quấn

lấy dưới chân... Em là con bé ngu ngốc, lúc đầu cũng cảm thấy thích... Nhưng lão ta càng quấn lấy bao nhiêu, em càng nghĩ đến anh bấy nhiêu. Trời ơi, bao nhiêu đêm không ngủ, em đã nghĩ đi nghĩ lại, đã tự hành hạ mình! Và hơn nữa, anh đừng nghĩ rằng em đã cho lão ta động đến em...

— Tôi cũng chẳng nghĩ gì cả, — cuối cùng anh gỡ được tay cô ra. — Cô có bao giờ coi rẻ mình đâu.

— Anh cứ giễu em đi, có sao đâu, anh có quyền làm việc đó, — cô nuốt nước miếng. — Thể xác em vẫn rất trinh bạch.

— Thế còn tâm hồn? — Xê-mi-ôn hỏi.

— Tâm hồn sao? Và cả tâm hồn, nếu ai hiểu em...

— Thế thì tôi đã hiểu.

— Thế-ế đấy! — Vê-ra kéo dài giọng. — Nghĩa là mẹ em đã nói với anh về em như thế đấy. Bà ấy đã dọa mà...

Đến bên cổng, Xê-mi-ôn mở cánh cổng thấp, bước vào, rồi khép lại.

— Còn với cái anh thanh niên lúc nãy, với I-u-ri ấy, cô làm như vậy là hoài... — trong giọng nói của anh pha lẫn chút giễu cợt. — Anh ấy là con trai của giám đốc nhà máy chúng tôi đấy...

Vê-ra vô tình nhướn cặp lông mày lên. Xê-mi-ôn nhìn cặp lông mày của cô, một lần nữa cười nhạt và đi sâu vào trong sân.

Vê-ra giận dữ nhảy lên bậc thềm nhà mình, điên khùng lấy nắm tay, mũi giày đấm đá tới tấp vào cánh cửa.

— Thế nào, mày điên hay sao ấy? — mẹ cô, người chỉ mặc áo lót, hỏi. — Làm thằng Nhi-cô-lai dậy bây giờ.

Không trả lời, Vê-ra luồn qua cửa tối om vào phòng.

Rồi cô còn làm lách cách ầm ĩ rất lâu trong căn phòng nhỏ xíu của mình, xô đẩy một vật gì đó, dập mạnh hai cánh cửa tủ đựng quần áo.

— Mày không thể khẽ hơn được à? — mẹ cô nằm trên giường của mình, hỏi.

Đưa cả hai bàn tay đẩy mạnh, cô mở tung cả hai cánh cửa bằng ván vào phòng ngủ của mẹ, đứng ở ngưỡng cửa, mình chỉ mặc áo lót, tóc sổ tung.

— Mẹ đã... đã nói gì với Xê-mi-ôn hả?! — cô hét lên bằng giọng đã lạc đi, tay run bắn bật gài cúc chiếc áo sơ-mi trong tuột ra trên ngực. — Mẹ đã hót cái gì với hắn? Cái gì? Cái gì?

Rằng mày là một con đê tiện, — An-phi-xa nói một cách thản nhiên.

— Thôi được... — Vê-ra nghẹt thở vì tức giận và bất lực. — Thôi được!

* * *

Cuộc họp của thường vụ tỉnh ủy thảo luận về công tác của huyện ủy San-ta-ra trong năm qua, bắt đầu từ sáng sớm ngày 13 tháng Chạp, mãi quá trưa mới kết thúc. Trong bản nghị quyết được thông qua nêu rõ rằng tổ chức Đảng huyện San-ta-ra trong những điều kiện khó khăn của thời chiến đã hoàn thành tốt việc thu hoạch mùa và việc khôi phục đưa vào sản xuất nhà máy quốc phòng sơ tán về địa phương. Hai sự kiện này tỏ ra có trọng lượng đến nỗi việc Na-da-rốp tự tiện gieo nửa diện tích gieo trồng bằng lúa mạch đen — suốt buổi họp vẫn làm cho Cru-gi-lin lo lắng, chờ đợi — hầu như không ai nhắc đến trong cuộc họp. Đúng ra, trong lời phát biểu của mình, Pô-li-pốp cố gắng thu hút sự chú ý của các ủy viên thường vụ đến vấn đề này, tuyên bố: «Hành động kiểu du kích tương tự sẽ là một tấm gương xấu cho những người khác và sẽ chẳng đưa đến điều gì tốt đẹp». Nhưng những lời của ông ta đều bị mọi người bỏ ngoài tai. Chỉ có Xu-bô-tin trong lời phát biểu của mình, nói:

— Tôi đã đến nông trang của Na-da-rốp và xem xét kỹ việc này. Quả thật lúa mạch đen trên đất của họ cho năng suất cao gấp rưỡi, thậm chí gấp hai. Năm nay Na-da-rốp nộp lúa mì cho nhà nước nhiều nhất trong huyện là nhờ giống mạch đen. Tôi nói vậy có phải không, anh Pan-crát Gri-gô-ri-ê-vích?

Na-da-rốp cũng được mời đến dự họp, ông từ chỗ ngồi nói vọng lên:

— Đúng thế. Nhờ nó cả đấy. Năm nay lúa mạch đen tốt lắm... — vì cố nén cơn ho, mặt ông đỏ tía lên.

— Các đồng chí thấy đấy. Đất nước bây giờ thêm được một cân bánh mì nào đều quý như vàng... Và nói chung, cũng phải một vài năm đợi xem kết quả ở chỗ Na-da-rốp ra sao, rồi sau đó...

Người giúp việc của bí thư thứ nhất tỉnh ủy bước vội, gần

như chạy, vào phòng họp, nói khẽ một điều gì đó vào tai ông.

— Các đồng chí! — bí thư thứ nhất tỉnh ủy vụt đứng lên giơ tay ngắt lời Xu-bô-tin. — Có thông báo rất quan trọng, các đồng chí!

Cao lớn và nặng nề như đúc bằng gang, ông hất ghế, nhẹ nhàng như thanh niên, chạy đến bên bức tường, nơi có chiếc loa phóng thanh gắn cạnh khung cửa sổ cao và hẹp.

Cru-gi-lin và mọi người lắng nghe:

«Thông báo của Tổng cục thông tin Liên Xô. Kế hoạch bao vây và chiếm đóng Mát-xcơ-va của quân Đức đã bị phá sản. Quân đội Đức ở vùng phụ cận Mát-xcơ-va đã bị đánh lui».

Giọng phát thanh viên chậm rãi, nghiêm trang và trịnh trọng, rất to, âm vang khắp phòng. Không ai cử động, sự chờ đợi và niềm vui chợt ập đến làm cho mọi người như hóa đá. Còn giọng phát thanh viên vẫn chậm rãi. Đọc xong rành rọt, rõ ràng ba câu trên, anh dừng lại, như đợi cho mọi người kịp suy nghĩ để hiểu chúng. Và, cũng vẫn giọng đó, có lẽ chỉ hơi thấp hơn một tí, chừng một phần tư âm độ, anh nói tiếp:

«Từ ngày 16 tháng Mười Một năm 1941, quân đội Đức, sau khi triển khai hướng mặt trận miền Tây 13 sư đoàn xe tăng, 33 sư đoàn bộ binh, 5 sư đoàn cơ giới, bắt đầu cuộc tổng tiến công lần thứ hai vào Mát-xcơ-va. Quân địch định dùng cách đánh vu hồi và bọc sâu hai bên sườn mặt trận nhằm thọc vào hậu phương của chúng ta, bao vây và chiếm đóng Mát-xcơ-va. Quân đội Đức có nhiệm vụ chiếm Tu-la, Ca-si-ra, Ri-a-dan và Cô-lôm-na ở hướng nam, tiếp đó chiếm Klin, Xôn-nhét-nô-gô-xcơ, Rô-ga-tsép I-a-khơ-rô-ma, Đơ-mi-tơ-rốp ở hướng bắc, và sau đó đánh thẳng vào Mát-xcơ-va từ ba hướng và chiếm đóng thành phố...»

Cru-gi-lin cảm thấy vì căng thẳng đến tột độ mà trán ông rịn mồ hôi và tim bắt đầu ngưng lại. Nhưng, cũng như những người khác, ông không dám cựa mình, dường như chỉ cần một cử động nhỏ, giọng của phát thanh viên có thể biến mất.

Trong lúc đó tiếng loa phóng thanh vẫn vang lên trang nghiêm và trịnh trọng khắp phòng:

«Mồng 6 tháng Chạp năm 1941, quân ta ở Mặt trận phía tây, sau khi tiêu hao sinh lực địch trong các trận đánh trước

đây, đã chuyển sang phản công các tập đoàn quân xung kích hai bên sườn của địch. Kết quả cả hai cánh quân này đã bị đánh tan và vội vã rút lui, bỏ lại nhiều trang bị và phương tiện kỹ thuật, chịu thiệt hại rất nặng nề...»

Mọi người không thể chịu được sự căng thẳng lâu hơn nữa, những lời cuối cùng của phát thanh viên bị chìm đi trong tiếng vỗ tay dữ dội. Tất cả mọi người có mặt trong cuộc họp đều đồng loạt đứng dậy, hò hét, chạy đi chạy lại.

— Các đồng chí! Các đồng chí! — bí thư thứ nhất tỉnh ủy giơ tay yêu cầu yên lặng. — Phiên họp còn chưa kết thúc...

Khi mọi người đã bình tĩnh lại, ngồi vào chỗ, bí thư tỉnh ủy nói, giọng không bằng lòng:

— Cái gì mà như trẻ con vậy?

Giọng của ông khô, gay gắt, thậm chí có vẻ tức giận, nhưng đôi mắt lại cười, và để giấu nụ cười đó, ông cố nhíu cặp lông mày lại, nhìn xuống tập giấy tờ xếp trên bàn.

Trong phòng trở lại yên lặng. Bí thư thứ nhất tỉnh ủy đưa bàn tay vuốt lên khuôn mặt có vẻ cau có của mình, nhìn lên chiếc loa phóng thanh đã tắt, mỉm cười ngượng nghịu, như có lỗi điều gì.

— Có thế chứ, các bạn... Đấy là sự bắt đầu của chiến thắng! Chúc mừng các đồng chí...

Tiếng vỗ tay lại vang lên.

— Quân ta đã đuổi bọn Đức ra khỏi Mát-xcơ-va! Đã đánh lui bọn chúng! — bí thư thứ nhất tỉnh ủy bỗng hét lên như trẻ con, và mọi người thấy rằng cái con người luôn luôn cau có, đăm chiêu này thực ra hãy còn trẻ lắm, và Cru-gi-lin nghĩ rằng có lẽ ông thích câu cá, thích ngắm những buổi hoàng hôn và có thể ngồi uống một ly bên cạnh những đống lửa của những đêm đi săn trong rừng.

Còn bí thư tỉnh ủy dường như xấu hổ bởi cơn sôi nổi phấn khích của mình, cầm lấy tờ dự thảo nghị quyết của hội nghị về vấn đề đang thảo luận, hỏi Xu-bô-tin:

— Anh nói xong chưa?

— Có lẽ xong...

— Vâng, chúng ta đã xua khỏi tường thành thủ đô kẻ thù hung dữ nhất của nước Nga trong suốt cả lịch sử nhiều thế kỷ của mình. Và trong đó có một phần công lao của mỗi một

người chúng ta, của đồng chí Cru-gi-lin, của đồng chí Na-da-rốp... Các đồng chí đã nghe bản dự thảo nghị quyết rồi chứ? Ai có ý kiến phản đối? Bổ sung, nhận xét?

Ngoài ra không có thêm một lời nào nữa về Na-da-rốp, về «chủ nghĩa du kích» của ông.

Khi mọi người dự họp ùa ra khỏi phòng họp vào một hành lang rộng, Pô-li-pốp nói với Cru-gi-lin, mắt nhìn lảng ra hướng khác:

— Anh đã thắng. Trong keo vật này anh đã thắng... Nhưng chưa đến nỗi lấm lưng trắng bụng đâu, chỉ mới một nửa thôi...

— Này, — Cru-gi-lin nổi cáu. — Những thuật ngữ thể thao này của anh nghĩa là thế nào?

— Vấn đề không phải là ở thuật ngữ. Anh thấy đấy, bí thư thứ nhất tỉnh ủy không nói một lời nào về Na-da-rốp cả, rằng ông ta phải hay trái. Trong nghị quyết cũng vậy, không lời nào. Anh thử nghĩ xem!

— Hình như anh lại lên lớp tôi về phương pháp công tác đảng đấy à?

— Không đâu... Tôi lên lớp cho anh có được ích lợi gì đâu?

Hai người đang đi xuống cầu thang. Nghe những lời trên, Cru-gi-lin dừng lại.

— Anh không hiểu à? Hay là giả vờ như không hiểu? — Và Pô-li-pốp giật giật khóe miệng. — Không, tôi không lên lớp anh. Tôi chỉ báo trước cho anh một cách thân tình: bây giờ đi đứng phải thận trọng, lo nhìn trước nhìn sau... Bởi vì nếu sang năm lúa mạch đen của Na-da-rốp không được mùa...

— Thì lúc đó anh sẽ trả miếng lại chứ gì?

— Vâng, có thể lúc đó sẽ trả miếng lại, — Pô-li-pốp không giấu giếm nói. — Nhưng đừng lo, bây giờ hẵng khoan lo... — Và ông ta vội vàng đi xuống cầu thang, đầu rụt vào giữa đôi vai rộng.

Sau khi uống một cốc chè nóng ở quầy giải khát, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích Cru-gi-lin leo lên tầng hai, đến phòng Xu-bô-tin.

Phòng làm việc của bí thư tỉnh ủy, tuy không lớn nhưng rộng rãi, tràn đầy ánh điện. Xu-bô-tin đứng dậy đón.

— Nào, chúc mừng anh.

— Về việc gì?

-Về việc gì là thế nào? Gần như suốt cả một ngày người ta khen hắn ta, thế mà hắn ta... Nghị quyết được thông qua không đến nỗi.

—Vâng, không đến nỗi.

—Tôi hiểu rồi. Anh không bằng lòng vì trong nghị quyết không có lời nào về Na-da-rốp chứ gì?

—Không bằng lòng,—Cru-gi-lin nói thẳng.—Đấy, chúng tôi cùng Na-da-rốp đã làm như thế đấy! Nếu như thiệt hại cho nhà nước—thì cũng nói ra chứ.

—Nói chung, bây giờ còn khó mà nói là lợi hay hại. Trong cuộc họp thường vụ, tôi đã nói rồi—cần phải đợi xem một vài năm nữa... Đấy, đến lúc đó sẽ nói.

—Còn bây giờ cứ để cho Pô-li-pốp coi khinh tôi. Hắn đã báo trước: «Bây giờ đi đứng phải thận trọng, lo nhìn trước nhìn sau, vì rằng nếu năm sau Na-da-rốp mất mùa... Hắn bảo, anh đã thắng tôi, nhưng chỉ mới một nửa».

—Thế đấy... Anh đến để kêu ca, khiếu nại đấy à?—Đôi mắt Xu-bô-tin ánh lên lạnh lùng.

—Không. Nhưng tôi muốn hỏi: tại sao tôi cần phải không chỉ lo lắng cho công việc của huyện, mà hơn nữa lại còn phải lo đề phòng khỏi bị Pô-li-pốp quật ngã?

—Cần phải như thế,—Xu-bô-tin cộc lốc cắt ngang.—Nhưng không chỉ lo đề phòng mà thôi. Tự mình phải quật ngã những người như Pô-li-pốp. Mà phải ngã hẳn, lấm lưng, trắng bụng.

—Còn đến cả như thế đấy... Chỉ có điều tôi không hiểu hết...

—Tôi sẽ giải thích cho...

Một chiếc xe tải nặng chạy ngoài đường, ngang qua cửa sổ, động cơ rú ầm ầm làm rung cả cửa kính. Xu-bô-tin nghiêng tai lắng nghe tiếng xe đi xa dần rồi tắt hẳn.

—Tôi sẽ giải thích cho anh,—Xu-bô-tin nhắc lại.—Đấy, chúng ta cũng đang thở hồng hộc, cố sức kéo gánh nặng như chiếc xe tải kia,—ông hất đầu chỉ ra ngoài cửa sổ.—Còn những kẻ như Pô-li-pốp, đáng lẽ phải đẩy, phải kéo xe, thì lại ngồi một cách đàng hoàng trên xe, thậm chí còn đủ cả các tiện nghi nữa, và đi... Ngồi trên xe lại còn quát nạt: sang phải, sang trái! Họ hiểu rằng như vậy nhẹ nhàng, dễ chịu hơn nhiều.

— Nhưng nếu như vậy, nếu như chúng ta biết như vậy, thì ta còn phải đề phòng chúng làm cái gì? Chỉ việc hất những kẻ như vậy xuống, ném chúng ra khỏi xe cho quỷ sứ! Hất xuống dưới bánh xe...

— Còn chúng ta đang làm cái gì? Pô-li-pốp trước đây là ai và bây giờ là ai?

— Thế — thế... — Cru-gi-lin mỉa mai nói. — Chúng ta đang hất họ xuống, nhưng cố không gây sây sát. Không phải hất họ xuống, mà van xin một cách lịch sự và thống thiết: «Anh Pô-li-pốp, xin mời anh xuống cho ạ!» Và kiên nhẫn đợi cho đến lúc anh ta bước xuống. Còn rấ-ất lâu, tôi thấy, chúng ta phải làm cái công việc này rất lâu...

— Đúng, rất lâu! — Xô-bô-tin đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng. — Cuộc đấu tranh với những kẻ như Pô-li-pốp sẽ rất lâu dài và gian khổ, anh hãy nhớ lấy điều đó! Thế còn anh nghĩ sao? Một số người đã muốn hành động một cách vội vàng. Bây giờ họ ở đâu rồi?

Cru-gi-lin chậm chạp, rất chậm chạp, ngẩng đầu lên. Trong mắt ông, chậm chạp và nặng nề, hiện lên một vẻ ngơ ngác, ngạc nhiên.

— Nghĩa là sao? — ông hỏi rất khẽ. — Anh nói cái gì thế?

Ngoài cửa sổ trời đã tối từ lâu, trên các cột điện, những ngọn đèn hiếm hoi tỏa ánh sáng mờ đùng đục. Bí thư tỉnh ủy giật tấm rèm nặng che cửa sổ xuống. Rõ ràng là ông không định trả lời câu hỏi của Cru-gi-lin.

— Nhưng nếu thế... nếu thế thì hắn, Pô-li-pốp, là ai?

— Hắn là ai à?... Giá như trả lời cái đó được một cách đơn giản... Tôi cảm thấy hình như anh có một từ nào đó đã ở đầu lưỡi...

— Vâng, — Cru-gi-lin công nhận. — Nhưng không dám nói ra. Thật đáng sợ.

— Và cũng không cần... Không thì có thể đi quá xa đấy.

Hai người cùng im lặng rất lâu, cùng suy nghĩ về một vấn đề, chỉ có điều không biết nói tiếp về việc đó ra sao và có nên nói hay không.

— Tôi nghĩ rằng hắn, Pô-li-pốp, chỉ đơn giản là một người đã bị biến chất thành một kẻ đê tiện mang thẻ đảng trong túi áo,

cuối cùng Xu-bô-tin nói. - Nhưng làm thế nào để chứng minh được điều đó? Hắn ta cũng thông minh theo cách của hắn. Tôi còn nhớ, mấy tháng trước đây anh tuyên bố với tôi rằng không thể bảo đảm đưa nhà máy vào sản xuất đúng thời hạn được. Có thế không?

— Có.

— Đấy... Pô-li-pốp nhiều lần thông báo cho tỉnh về điều này, chứng minh, thuyết phục những người nào cần thiết. Trong số đó có cả tôi... Riêng tôi, cứ cho là tôi biết được hắn ta làm việc đó nhằm mục đích gì... Nhưng những người khác? Bề ngoài mà nói, hắn ta đúng. Lúc đó anh thử chứng minh rằng hắn vu khống xem! Hoặc là bây giờ đây... Trong dự thảo nghị quyết tôi có đưa vào vài lời về Na-da-rốp, để... Có thể nói, để đặt mình vào thế an toàn hơn, để làm ra vẻ việc này đã được chính thức cho phép. Nhưng bí thư thứ nhất đã gạch đi hết...

— Một con người thận trọng, — Cru-gi-lin nói, giọng không vui.

— Vâng, thận trọng, — Xu-bô-tin xác nhận. — Và Pô-li-pốp lại đã nắm bắt được sự thận trọng này của bí thư thứ nhất, đã tính toán sẽ lợi dụng nó như thế nào trong những trường hợp thích hợp.

Xu-bô-tin, người cao lớn, vụng về, vẫn tiếp tục bước đi trong phòng, và bóng của ông chập chờn trên các bức tường phẳng mịn, trên cửa sổ che rèm, trên sàn nhà lát gỗ trơn bóng, mới được lau sạch, khi thì thu ngắn lại, khi thì kéo dài ra, tới tận trần nhà.

— Thế chúng là loại người gì đã sinh sôi ở ta... ở trong Đảng ta như vậy?

Xu-bô-tin ném một cái nhìn sắc nhọn về phía Cru-gi-lin. Trên trán ông hằn sâu mấy đường nhăn dài. Rồi những đường nhăn đó biến mất, và trong đôi mắt màu xám, trũng sâu của ông thoáng hiện ánh buồn.

— Sinh sôi... — ông lặp lại khe khẽ, dường như luyến tiếc một điều gì đó. Rồi ông ngồi xuống ghế của mình, nhưng không ngồi thẳng, mà hơi nghiêng nghiêng mắt nhìn vào một góc nhà. Dường như ông đang đợi có một con gì đó — chuột chẳng hạn — từ trong góc nhà chạy ra. — Chúng ta quên mất, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, một điều, mà đáng ra không bao giờ được

12-652

quên. Đó chính là — cách mạng mới thành công cách đây không lâu, chỉ mới hai mươi bốn năm...

— Tại sao lại thế? — Cru-gi-lin toan phản đối.

— Tất nhiên, chúng ta vẫn nhớ đúng ngày tháng! Thế nhưng còn cái điều rằng từ đó đến nay mới rất ít thời gian trôi qua, rằng cách mạng hãy còn chưa kết thúc, rằng cách mạng hãy còn đang tiếp diễn... anh hiểu không, chưa kết thúc, mà còn đang tiếp diễn! — cái điều này có phải bao giờ chúng ta cũng nhớ, cũng hiểu rõ không? Cuộc sống cũ, xã hội cũ, toàn bộ chế độ xã hội cũ được hình thành đã hàng bao thế kỷ nay — năm mười bảy đã bị cách mạng nổ tung, đảo lộn. Anh hãy vận dụng ít nhiều trí tưởng tượng và hình dung ra một đầm lầy, trong đó các loài rong rêu, cành cây gãy và xác thú vật đang thối rữa. Bỗng nhiên ở chính giữa cái đầm lầy này có một mạch nước ngầm phun lên rất mạnh. Tất cả các thứ thối mục đó — những mẩu cành cây, những xác thú vật — bắt đầu chuyển động, khi thì nổi lên trên mặt nước, khi thì biến mất trong hồ sâu. Các thứ rác bẩn đó còn chao đảo trong đầm nước rất lâu, cho đến khi chúng bị đánh giạt vào bờ. Ở đó trong lúc chờ thối mục hết, chúng cũng còn một thời gian lâu dài làm ô uế môi trường không khí. Và ngay khi cái đầm lầy trước đây dường như đã biến thành một hồ nước trong vắt, xung quanh bờ hoa nở, thì các thứ rác rưởi thỉnh thoảng vẫn còn. Rồi sẽ đến lúc nào đấy chúng mục thối hết, biến thành mùn, thành bụi! Rồi sẽ đến lúc nào đấy gió sẽ mang hết mùn, bụi này đi... Một cái gì tương tự hiện nay cũng đang xảy ra trong lòng sâu của xã hội loài người. Đầm lầy hãy còn chưa hoàn toàn biến thành hồ nước với hoa đẹp hương thơm ve vuốt các giác quan, những cái đê tiện của con người hãy còn chưa bị hất giạt hết lên bờ. Tóm lại, để có được một bức tranh điền viên ngoạn mục hãy còn xa lắm. Điều này, tôi nhắc lại, chúng ta có hình dung được một cách rõ ràng không? Có phải bao giờ chúng ta cũng nhớ, cũng hiểu rõ điều này không?

Cru-gi-lin nặng nề đứng dậy, ưỡn thẳng người ra một cách khó khăn, bước đến bên cửa sổ, và, không hiểu để làm gì, vén màn che lên, nhìn ra đường phố tối đen. Ngoài đó, gió thổi mạnh, những ngọn đèn điện trên các cột đèn đung đưa, những vệt sáng hắt xuống lay động trên mặt tuyết bị chân người giẫm nát.

Vâng, anh nói đúng, — Cru-gi-lin nói, giọng trầm, khô, không quay người lại. — Chẳng phải chúng mới sinh ra đâu. Những loại người như vậy vốn đã có sẵn từ lâu trong chúng ta rồi.

— Thế chắc bây giờ anh đã hiểu, vì sao tôi, anh... tất cả chúng ta phải quật ngã chúng? — Xu-bô-tin hỏi ngay.

Ngoài đường phố, lại một chiếc xe tải nặng chạy qua. Cru-gi-lin đợi cho tiếng động cơ tắt hẳn, cũng hỏi lại:

— Anh hãy nói tôi nghe, anh I-van Mi-khai-lô-vích... Tất cả những gì xảy ra hồi đó, vào những năm ba sáu, ba bảy, chỉ là do bàn tay của những kẻ như Pô-li-pốp thôi ư?

— Thế mà cũng hỏi... Anh hỏi một điều gì đơn giản hơn có hơn không? — Xu-bô-tin vừa cau có, vừa giễu cợt hỏi.

— Vâ-âng... Tôi hiểu... — Bây giờ đến lượt Cru-gi-lin đi đi lại lại trong phòng. — Quả đúng vậy, cần phải quật ngã... Vì rằng, có lẽ, trong đó có cả bàn tay của những người như vậy... Càng ngày tôi càng tin như vậy. Nhưng mặt khác, ngược lại, cần phải giúp đỡ cho một số người đứng vững, giúp một số khác đã gục xuống đứng dậy được.

Xu-bô-tin im lặng nhìn Cru-gi-lin, chờ ông nói tiếp.

— Về chuyện đầm lầy có lẽ anh nói đúng. Còn về lòng sâu của xã hội loài người — tôi nghĩ, ở đây mọi việc phức tạp hơn nhiều, ở đây không thể đem so sánh trực tiếp như vậy được. Bên cạnh những xác chết, những vật thối rữa, ở đó còn có thể thấy những cái khác nữa — những mảnh vỡ, những mẩu vụn của đủ loại số phận con người. Trong xã hội có những người thực chất là đứng đắn, nhưng bị choáng váng trước những chấn động xã hội, mất tinh thần, chưa hiểu được hết ý nghĩa của cách mạng, chưa hiểu được thời đại. Có rất nhiều người phạm phải sai lầm trong những năm tháng nóng bỏng, quyết liệt nhất, và bây giờ không biết sửa chữa sai lầm đó như thế nào, không biết có sửa chữa được nó không. Và cuối cùng, có những người ngay thẳng, không bị giây một vết nhơ nào, nhưng chỉ đơn giản là mãi cho đến giờ vẫn chưa đủ sức tìm cho mình một chỗ đứng trong cuộc sống mới.

Xu-bô-tin thu giấy tờ trên bàn, bỏ vào ngăn tủ, khóa lại.

— Tôi nói có gì không phải chăng? — Cru-gi-lin hỏi.

— Rất tốt là anh đã hiểu được những điều đó. Chỉ có điều

chúng ta triết lý như vậy đủ rồi. Bây giờ ta sang công việc thực tế. Anh thử nói xem, ai trong số các cán bộ huyện của các anh có thể đảm đương được chức vụ chủ tịch ủy ban huyện?

—Sao?! Thế Pô-li-pốp? Các anh định chuyển đi đâu?

—Tự anh ta xin chuyển. Xin ra mặt trận. Như vậy anh có thể mừng được đấy.

—Khoan đã, khoan đã! Nhưng tôi cũng...—Cru-gi-lin đột ngột dừng lại, dường như sợ những lời vừa buột miệng thốt ra.

—Cũng cái gì?—Xu-bô-tin ngẩng đầu lên, ngả người ra sau thành ghế.—Khoan đã nào, anh bạn...

Kéo lê chân trên sàn nhà, Cru-gi-lin quay về chỗ ngồi. Dưới sức nặng của ông, chiếc ghế kêu lên cót két.

—Nào, nói đi,—Xu-bô-tin với vẻ giễu cợt, không thân thiện, bảo.

Thực ra, Cru-gi-lin đến gặp Xu-bô-tin với một mục đích chính—dò xem thái độ của tỉnh ủy sẽ ra sao nếu như ông xin ra mặt trận. Và, vừa nói chuyện về cuộc họp thường vụ vừa rồi, về Pô-li-pốp, ông vừa nghĩ: nên bắt đầu câu chuyện từ đâu và như thế nào? Bây giờ, khi câu chuyện đã được bắt đầu, ông không biết nên tiếp tục ra sao. Giọng nói lạnh lùng và ánh mắt giễu cợt của Xu-bô-tin đã nói rất rõ lời yêu cầu của ông sẽ được tiếp nhận ra sao.

—Anh hiểu cho, anh I-van Mi-khai-lô-vích,—Cru-gi-lin ngập ngừng nói, đầu vẫn không ngẩng lên. Một phút trước đây trong đầu ông còn có những lập luận có sức nặng để thuyết phục cho lời yêu cầu của mình, nhưng dường như chúng đã bị gió cuốn bay đi mất, và ông chỉ nói:—Con trai của tôi đã hy sinh...

—Có giấy báo tử rồi à?

—Không có giấy tờ nào cả. Nhưng không có nó cũng đã rõ—Va-xi-li không còn nữa...

—Còn tôi thì đã nhận được rồi, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ...

—Cái gì?—Cru-gi-lin không hiểu, hỏi lại.

—Tôi có ba đứa ngoài mặt trận. Đứa sau cùng đã hy sinh. Mùa thu vừa rồi khi tôi xuống huyện các anh, giấy báo tử con đã nằm trong túi. Tôi nhận được nó ngay trước lúc lên đường...—Xu-bô-tin nói, đôi môi hầu như không cử động.

những ngón tay mân mê chiếc nắp bằng kim loại của lọ mực thủy tinh, mắt lại nhìn vào một góc phòng, ánh mắt đờ đẫn, trống rỗng.

Rồi ông như sực tỉnh, ngơ ngác nhìn chiếc nắp bằng sắt trong tay, đem đậy lên lọ mực. Tiếng thủy tinh va vào sắt phát ra một tiếng cạch khô khốc.

—Thế chúng ta sẽ đề cử ai vào chỗ Pô-li-pốp?—ông hỏi và nhìn Cru-gi-lin chằm chằm. Cru-gi-lin cảm thấy cái nhìn đó, hiểu rằng Xu-bô-tin đòi hỏi ông phải ngẩng đầu lên. Và ông từ từ ngẩng đầu lên.

—Khô-khơ-lốp. I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp. Cựu kỹ sư trưởng của nhà máy... trước đây chưa chuyển thành nhà máy quốc phòng. Một người rất tốt. Còn nhà máy bây giờ có thể thiếu ông ta cũng được...

Xu-bô-tin không nói «được», cũng không nói «không», chỉ mải nghĩ về một điều gì đó.

—Thế còn việc bổ sung vào thành phần thường vụ huyện ủy? Anh đã suy nghĩ tới việc này chưa? Người ta đã gọi mất ba người của các anh ra mặt trận...

—Tôi đã nghĩ rồi,—Cru-gi-lin nói.—Giám đốc nhà máy Xa-vê-li-ép... Bây giờ Khô-khơ-lốp nữa... Còn... còn... có thể anh cảm thấy khó hiểu... tôi đã nghĩ đến I-a-cốp A-lây-nhi-cốp.

—Thế à?—Xu-bô-tin nheo nheo mắt.—Thực ra mà nói, cũng đáng tò mò đấy. Thế nào, I-a-cốp A-lây-nhi-cốp bây giờ ra sao?

—Ra sao à? Suốt ngày cau có, ủ rũ, như mây đen trước cơn dông... Tôi càng ngày càng có cảm giác rằng anh ta bị lầm lạc trong cuộc đời, đang tìm lối ra. Mà hiện nay chưa thể tìm thấy. Mùa thu vừa rồi lại vướng vào yêu đương...

—Thế à?!

—Vâng, yêu cô đánh máy của văn phòng huyện ủy chúng tôi. Cũng giấu mọi người, ban đêm đi hò hẹn như một cậu con trai, có lẽ nghĩ rằng không ai biết về điều này. Nhưng ở huyện ủy ai cũng biết hết cả... Rồi sau đó như tỉnh ngộ lại: anh ta đã năm mươi, mà cô bé mới hai mươi.

—Một thiên tình sử!—Xu-bô-tin thốt lên, vẻ phê phán.

—Anh đừng vội. Ở đây cần phải thận trọng hơn khi đánh

giá. Có lẽ anh ta nghĩ đây là một lối thoát cho anh ta. Nhưng rồi anh ta hiểu ra: đấy không phải là lối thoát nào cả. Bây giờ thì hình như kết thúc cả rồi. Nhưng, tôi có cảm giác như anh ta càng nặng nề, khổ sở hơn.

—I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, I-a-cốp A-lây-nhi-cốp...—Xu-bô-tin chăm chú nhìn Cru-gi-lin rất lâu.—Thế nghĩa là anh không thù oán anh ta...

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích chỉ hơi nhếch mép cười khẩy, còn đôi mắt vẫn nghiêm nghị, lạnh lùng.

—Đúng, đúng, những câu hỏi ngớ ngẩn bao giờ cũng khó trả lời,—Xu-bô-tin nói.—Nhưng dù sao, trong huyện ủy người ta có hiểu anh không?

—Dưới thời Pô-li-pốp, anh ta cũng đã là ủy viên thường vụ, như thế có nghĩa là người ta hiểu.—Giọng ông pha chút mỉa mai cay đắng.—Nhưng cái chính không phải ở việc đưa hay không đưa anh ta vào thường vụ. Cái chính là làm sao cho anh ta tự hiểu được mình, trở thành I-a-cốp A-lây-nhi-cốp trước kia. Anh không biết I-a-cốp A-lây-nhi-cốp trước đây là người như thế nào đấy thôi! Còn tôi—tôi biết! Và đây—làm thế nào để giúp đỡ anh ta? Nếu ta không giúp được—anh ta sẽ không tìm ra lối thoát tự lập, sẽ hỏng, sẽ ngã gục.

Cru-gi-lin nghĩ về điều gì đó một lát, rồi nói tiếp, dường như không gắn liền với ý trên:

—Về thực chất, mỗi con người suốt cả cuộc đời đi tìm chính bản thân mình. Tôi còn nhớ Va-xi-li Da-xu-khin thường hay nói về đề tài này. Bây giờ anh ta đang ở đâu, còn sống không, anh không biết à?

—Không biết,—Xu-bô-tin đáp.

—Hồi đó tôi cho cái thứ triết lý này của anh ta là... có vẻ thô thiển. Bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu nó sâu sắc biết nhường nào. Đúng là mỗi con người đều đi tìm chính mình, nhận thức, thấu hiểu... Nhưng để làm việc này không phải dễ, nhiều khi không thể thiếu được sự giúp đỡ của người khác. Anh nhìn cái gì thế? Không đồng ý sao?

—Tại sao lại không? Rất đồng ý là khác.

—Đấy, anh hỏi tôi có oán thù A-lây-nhi-cốp không? Thành thực mà nói với anh, có. Trở về huyện, điều kiện đầu tiên tôi đặt ra—đưa A-lây-nhi-cốp ra khỏi thường vụ huyện ủy. Bây

giờ tôi hiểu rằng đó là một việc ngớ ngẩn. Vâng... Trong một năm qua, tôi cũng đã trưởng thành lên gấp nhiều lần.

— Còn tôi nghĩ như vậy vẫn chưa nhiều lắm, — Xu-bô-tin nói.

Cru-gi-lin liếc sang nhìn Xu-bô-tin và lập tức hiểu ngay — đó là câu trả lời sự đề nghị của ông về chuyện xin ra mặt trận.

* * *

Cru-gi-lin còn nán lại ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ gần một tuần lễ nữa, cố xoay xở lấy một ít gỗ ván cho nhà máy, nhưng không được. Cau có, mệt mỏi, đêm đến, ông lên tàu, nằm dài lên hàng ghế cứng và ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy, tàu đang đi qua một cánh đồng trống trải, rộng mênh mông, mặt trời nặng trĩu, đùng đục treo rất thấp, tưới ánh nắng vàng hồng lên mặt đất. Ngoài cửa sổ, những xóm nhỏ lộng gió đồng, những đống cỏ khô phủ tuyết nối nhau chạy lùi lại phía sau, những lán trại công nhân đường sắt ám khói than đầu tàu thấp thoáng bên đường, và dọc theo chiều dài của đường là những đường dây điện kéo dài đến vô tận, nhiều chỗ bị băng tuyết dính đọng lại trông như những nút thắt lớn.

Trong toa chật cứng người đủ các thành phần. Ở tầng thấp, ngay dưới chỗ Cru-gi-lin nằm, là một ông già với bộ ria hung hung đỏ, mũi khoằm đang ngồi rít thuốc lá hôi. Khói thuốc bốc lên làm Cru-gi-lin nghẹt thở. Đối diện với ông già là một người đàn bà còn chưa già lắm nhưng rất béo, cằm hẳn lên ba ngấn, choàng một chiếc khăn san bằng len và mấy chiếc khăn vuông khác. Một tay mụ ta cầm chiếc bánh ca-lát trắng, tay kia cầm cốc nước sôi. Mỗi lần cắn một miếng bánh, mụ lại hớp một ngụm nước đánh soạt, nhai rất kỹ và thỉnh thoảng lại lo lắng đưa mắt nhìn những túi xách, bao tải, bi-đông và mấy cái làn chất đống quanh mình, dường như nhẩm đếm lại chúng. Tít tận trong góc cu-pê, một cô gái chừng mười bảy — mười chín tuổi ngồi nép mình vào thành toa. Cô ta như vừa mới ở bệnh viện ra, đôi mắt hõm sâu ánh lên những tia sáng run rẩy, khuôn mặt tròn dễ thương hốc hác làm đôi gò má nhô cao kéo căng làn da nhợt nhạt, cặp môi đẹp thanh tú xanh xao khẽ mấp máy. Cô ăn mặc rất mỏng manh — một chiếc áo bành-tô mùa thu nhàu nát,

trên đầu choàng tấm khăn lông cáu bẩn, chân đi một đôi giày da khá tốt nhưng đã cũ, mũi hơi rách. Cô gái có lẽ rất đói, liên tục liếc nhìn sang người đàn bà đang ăn bánh ca-lát, nuốt nước miếng và ngoảnh mặt ra cửa sổ, đút bàn tay nhỏ nhắn vào đôi ống tay áo bành-tô đã sờn, cả người co rúm lại như lên cơn rét. Mỗi lần có ai cười nói to tiếng, cô lại giật mình, trong đôi mắt đen thoáng ánh lên tia sợ hãi. Mụ đàn bà to béo liếc nhìn cô gái, rồi lại nhìn quanh đống bao túi, kéo chúng lại gần mình hơn. Ông già mũi khoằm nhìn mụ, cười khẩy trong bộ râu hung, rồi như không nói với ai cả, lên tiếng:

— Ở làng tôi có mụ nấu rượu lậu Gla-kha phàm ăn lắm. Lần nào đến kiếm cút rượu, cũng thấy mụ ta đang ăn... Thế rồi chết ngoẻo, mỡ đóng cục tắc cả tim lại...

Mụ đàn bà chủ đống bao túi trân trân nhìn ông già, hấp háy mắt:

— Ông có thôi thở khói ra không, cái đồ củi mục này, — mụ ta nói giọng rất trầm. — Cứ như một gốc cây cháy!

— Tiếc mụ Gla-kha quá. Tốt bụng lắm, bao giờ cũng sẵn sàng cho mua chịu...

Trên lối đi, một toán các ông già thợ mộc ngồi trên các hòm đồ nghề hoặc trên sàn tàu — có lẽ đấy là một đội đi làm ngoài, nay xong việc trở về. Xa hơn nữa là các ông già, phụ nữ và trẻ em. Trong toa không có đàn ông trai trẻ. Những tiếng bàn tán vang lên hòa với tiếng bánh tàu gõ đều đều:

— Bây giờ thịt người bị nghiền nát chất cả đống, thật là...

— Chiến tranh đâu phải chuyện đùa...

— Sau khi nhận giấy báo tử, thế là bắt đầu tai họa... Không khóc lóc gì, chị ta cứ im lặng, nhưng mất hết sữa. Hai đứa con sinh đôi của chị ta khóc khản cả cổ, thâm tím cả mặt mày, mà sữa mẹ thì cạn khô...

— Nước Nga có rất nhiều kẻ thù... Mà thằng Đức là hung dữ nhất. Nó là kẻ thù truyền kiếp...

— Nghe đài nói, ở ngoài Mát-xcơ-va chúng bắt đầu bị quân ta nện ra trò...

Cru-gi-lin tụt xuống sàn, lấy khăn mặt trong chiếc cặp ra.

— Bác trông giùm một lúc, tôi đi rửa mặt nhé, — Cru-gi-lin đặt chiếc cặp của mình xuống cạnh ông già.

— Đi đi, — ông già lơ đãng gật đầu. — Để đấy tôi trông cho.

Còn chị bây giờ đem đồ xếp lên ngăn trên đi, — Cru-gi-lin nói với mụ đàn bà to béo.

Len lỏi giữa đống tay nải, bao bì và đám người để đến chỗ rửa mặt, Cru-gi-lin còn nghe mụ béo nói:

— Quân trốn việc, chiếm cả một ngăn! Người ta đang đánh nhau ngoài mặt trận, còn hắn ta xách cặp đi... Lại còn kêu đồ đạc làm vướng chân!

— Mụ ngốc lắm, — ông già lên tiếng. — Những người béo bao giờ cũng ngốc nghếch.

— Tôi bảo là quân trốn việc. Ngồi một nơi nào đó ở hậu phương, ăn cho cổ béo ú lên. Còn người của chúng tôi ở ngoài đó chết oan uổng vô ích... Chồng và con rể tôi đang ở ngoài đó...

Cru-gi-lin rửa mặt bằng nước lạnh ngắt, tanh tanh, trong tai vẫn văng vẳng những lời nói của mụ béo. Chúng làm ông đau nhói. Trong tim ông như có một cái gì rất nặng, các cạnh nhọn sắc, đè lên, cứa đi cứa lại...

— Như thế nghĩa là tôi không thể... — tối hôm qua, lúc chia tay, Cru-gi-lin lại hỏi Xu-bô-tin một lần cuối cùng.

— Nếu như anh là một thằng ngốc, có lẽ tôi đã giải thích cho anh rằng tình hình ngoài mặt trận phụ thuộc vào công việc của chúng ta ở đây, ở hậu phương, và vân vân... Nhưng... — và gay gắt gần như quát, Xu-bô-tin hỏi: — Thế lại giao huyện cho Pô-li-pốp à?

— Thế nhưng, I-van Mi-khai-lô-vích, — Cru-gi-lin nói có vẻ khẩn khoản, — có thể, không phải bây giờ, ngay lập tức... Nếu như có thể... tìm được người thay thế chẳng hạn?.. Thí dụ, một người nào đó bị thương ở mặt trận về... Tay chân tôi còn nguyên vẹn cả mà...

— Thôi đi đi, đi đi! — Xu-bô-tin nhăn mặt, túm lấy vai ông, đẩy ra cửa...

Trong phòng rửa mặt rất bẩn, các thứ rác rưởi vương vãi cả trong chậu. Bên ngoài tấm kính mờ của khung cửa sổ hẹp, cây cối, nhà cửa thấp thoáng, tiếng bánh xe gõ đều lên đường ray.

Dùng chiếc khăn bông lau khô mặt xong, Cru-gi-lin vội vã ra khỏi phòng rửa mặt, nhưng đã muộn. Lối ra vào toa chật hẹp đã bị các hành khách sắp xuống ga đổ ra lấp kín, va-li, tay nải, túi xách lỉnh kỉnh.

—Cái ông trí thức này, chen đi đâu thế?!—một ông già thợ mộc giận dữ kêu to, hai tay ông ôm khư khư hộp đồ nghề trước bụng, những lưỡi cưa, đầu đục thò ra ngoài.—Không thấy người ta đang ra à?!

—Ông ngồi tạm trong đó một lúc đã, đừng chen thế...

Cru-gi-lin lùi lại vào phòng rửa mặt. Đoàn tàu hãm phanh rít lên ken két, rồi dừng lại, lập tức, ngoài cửa toa rộ lên tiếng ồn ào, la hét, chửi rủa.

—Leo lên đâu thế, đồ cừu đực kia?—người đàn bà phục vụ toa đã đứng tuổi giận dữ quát.—Để mọi người xuống hết đã rồi hãy lên, tàu còn lâu mới chạy. Đứng dọc theo toa kia mà đợi...

—Trời ơi, đè chết tôi rồi, ôi!—một giọng đàn bà tru tréo lên.

Dần dần tiếng ồn ào, la ó ngoài cửa toa lắng xuống. Cru-gi-lin bước ra ngoài buồng rửa.

Lối đi vào toa đã trống quang người. Trong cu-pê cũng chỉ còn hai người—ông già mũi quặp và cô gái trẻ. Ông già vẫn thở khói thuốc lá tự trồng, còn cô gái ngồi buồn rầu nhìn ra cửa sổ.

—Cái bà có đống túi đi rồi à?—Cru-gi-lin hỏi.

—Xuống rồi. Mụ ta kia kìa,—ông già gật đầu chỉ ra ngoài cửa sổ.

Toa tàu đứng cạnh một quầy buôn, mụ đàn bà có cằm ba ngấn đang xếp các túi, làn, bi-đông của mình lên quầy, hết quay sang phải lại sang trái, há miệng, lắc đầu. Có lẽ mụ ta đang chửi nhau với những người đến trước để tranh một chỗ ngồi bán hàng, nhưng trong toa không nghe thấy giọng của mụ.

—Người ta nói đúng thật—đục nước béo cò: người ra trận, kẻ làm giàu,—ông già mắt vẫn nhìn ra cửa sổ, mỉa mai nói.

Cru-gi-lin, không hiểu sao, nghĩ rằng ông già ngụ ý không chỉ nói về mụ buôn, mà còn cả về mình, ông cau mặt, bỏ khăn mặt vào cặp và đóng mạnh khóa.

—Cái ga này từ bao đời nay toàn những quân đầu cơ buôn lậu, tôi biết,—ông già lại nói.—Tàu dừng lại ở đây rất lâu. Đấy, xem kìa, quỷ tha ma bắt mụ ta đi! Gớm chưa...

Mụ đàn bà vừa đi chung cu-pê với họ lấy từ trong làn ra một

chiếc nồi lớn bọc trong lớp giẻ, mở nắp ra. Khói từ trong nồi bốc ra nghi ngút. Mọi người lập tức quây lại, chen lấn, xô đẩy nhau. Mụ thu tiền, nhét vào áo túi trước bụng, bốc từ trong nồi ra một thứ gì đó bỏ vào những chiếc bao giấy đã được chuẩn bị sẵn từ trước.

— Mụ ta buôn khoai tây và thịt, — ông già giải thích. — Mụ ta lên toa là tôi đoán ra ngay, toàn mùi khoai tây nấu với thịt.

Cô gái nhìn như dán mắt vào mụ buôn, trong mắt cô thoáng lên những tia ốm yếu, thèm khát.

— Tôi thấy anh là người có cặp da, — ông già bỗng nói, bàn tay đã nhão thịt xoa xoa lên đôi đầu gối nhọn hoắt, — chắc là thủ trưởng. Anh hãy nói chúng tôi nghe, quân Đức đã bị đuổi đi hoàn toàn chưa đấy?

— Hoàn toàn rồi, bố ạ...

— Thật không? — ông già có vẻ không tin tưởng. — Thế có đủ lực lượng không?

— Nhất định phải đủ.

— Phải... Để đợi xem. Thế anh hãy giải thích cho những kẻ tăm tối chúng tôi: vì cái gì mà có nó, chiến tranh ấy?

Cru-gi-lin chăm chú nhìn ông già, nhún vai:

— Vì cái gì à? Vì chúng muốn chiếm đoạt của cải của người khác. Chế độ của chúng ta làm chúng không thích...

— Chế độ à? Tức là chủ nghĩa xã hội phải không?

— Vâng, chủ nghĩa xã hội.

— Vâng, phải đấy, ở ta — chủ nghĩa xã hội, còn ở chúng — tư bản, — ông già lại quấn một điếu thuốc khác, nói. — Chỉ có điều sự việc không phải là ở đấy. Chế độ thì có việc gì đến chúng. Ở bên đấy, chúng đã chiếm Ba Lan, Pháp và nhiều nước khác... Mà ở các nước này thì cũng tư bản cả. Còn về chuyện của cải thì đúng đấy, anh nói rất phải. Con người rất tham lam. Đấy, anh xem... — ông gật đầu chỉ ra ngoài cửa sổ, nơi mụ buôn quen biết, sau khi bán xong một nồi, lại đã lôi nồi khác từ trong làn ra. Xung quanh mụ, người vẫn chen lấn nhau.

Một người nữ nhân viên đường sắt đi dọc theo toa, tay xách xô nước, tay kia cầm một chiếc chổi và nhúng chổi vào xô vẩy nước ra sàn. Những hành khách chưa lên được tàu sốt ruột đấm đá ầm ầm vào cửa toa đóng kín.

—Ở làng tôi trước đây có một lão cu-lắc, tên hắn là Đmi-tơ-ri Phô-mích Xméc-đin, --ông già lại bắt đầu nói. -- Về ngoài ốm yếu, da xanh tái, nhão nhoẹt, như con chim bị vặt trụi lông... Mà tham lam thì phải biết, không lời nào tả hết. Hễ ngửi thấy ở nơi nào có thể kiếm chác được tí gí là cả người hắn run lên, y như đang lên cơn sốt. Hắn độc ác bòn rút khắp thôn đến từng sợi chỉ, làm cho cả một vùng tơi tả đến không còn hơi sức nào mà kêu nữa cả... Hắn độc ác lắm, làm cho bao nhiêu người khốn khổ. Rồi sau hắn nảy ra một cái thú — bắt con gái mới lớn vào nhà tắm hơi tắm cho nó. Thế mà cái trò này của hắn thậm chí còn làm cho mọi người dễ chịu hơn — tức là, nếu gia đình nào nợ hắn, mà trong nhà có con gái mới lớn đi tắm cho hắn trong nhà tắm, Xméc-đin sẽ bớt cho một phần nợ. Hắn là đồ quỷ sứ như vậy đấy. Tóm lại, đúng là Xméc-đin *, cái tên thật hợp với con người hắn. Chắc Chúa trời cũng có mắt, muốn đánh dấu cái thằng ác ôn. Thật ra, hắn không làm hỏng lũ con gái — có thể là hắn sợ, mà cũng có thể là bất lực... Và bây giờ đây, thằng Hít-le của chúng, tôi nghĩ, cũng giống như thằng Xméc-đin ở làng tôi, — ông già bỗng kết luận một cách bất ngờ.

Cru-gi-lin mỉm cười.

— Anh không tin à? — ông già tự ái hỏi.

— Tại sao lại không? Trong vùng của tôi cũng có một thằng Xméc-đin. Cũng làm những việc tương tự như thằng kia. Chỉ có họ tên khác: Cáp-ta-nốp.

— Thế đấy, thế đấy, — ông già gật đầu đồng ý. — Tất nhiên, tôi suy nghĩ một cách đơn giản, không như các nhà bác học. Quả đất, tất nhiên là rất to, có bao nhiêu là đất nước — quốc gia, bao nhiêu là người sống. Nhưng nếu như thử nghĩ xem, trái đất là cái gì? Là một làng lớn! Và Hít-le cũng như thằng Xméc-đin của chúng tôi. Chỉ khác là tay nó dài hơn, miệng rộng hơn...

— Còn tôi bây giờ đi về làng Pan-cru-si-kha, — một lúc sau ông già lại nói. — Trước chiến tranh, con trai tôi ở đó. Nó đã hy sinh một cách dũng cảm, như người ta viết trong tờ giấy tôi nhận được. Có thể, họ viết vậy để an ủi chăng? Phải thế không? — giọng ông già vang lên nghiêm khắc, gay gắt, mắt long lanh giận dữ.

---

* Xméc-đin — trong tiếng Nga có nghĩa là «thối tha».

Như thế để làm gì?!.. Người ta viết đúng như sự thật.

Hừm, đúng như sự thật... ông già nói, ánh mắt dịu trở lại. — Có đủ mọi thứ đúng như sự thật... Tôi đã tham gia chiến tranh chống bọn Đức trước đây, tôi biết. Thằng lính chạy, chạy, gặp phải viên đạn, ngã úp mặt xuống đất — và thế là hy sinh dũng cảm. Còn thằng Pi-ốt của tôi thì nó có gì là dũng cảm? Không có gì cả! Sống hiền lành, lặng lẽ, dường như lắm lúc xấu hổ với cả chính mình. Đúng ra là hắn rất ham làm việc và sản xuất ra con thì rất khéo, rất nhanh — cứ năm một. Bây giờ nó để lại sáu đứa...

— Quả đúng vậy, bố ạ, con người ta chết trong chiến tranh theo nhiều kiểu rất khác nhau. Tôi có một đứa con trai bị mất tích ngay trong những ngày đầu tiên của chiến tranh. Nó hy sinh như thế nào, ở đâu, có lẽ tôi sẽ không biết được. Và sẽ không ai biết. Nhưng mặc dù vậy, nó vẫn là anh hùng. Và con của bố, dù anh ấy có chết như thế nào, thì vẫn là anh hùng. Bởi vì anh ấy đã phải hy sinh cuộc đời vì quê hương của mình, vì đất nước của mình. Sau chiến tranh, nhân dân sẽ đặt những bài hát về những người như vậy, về con tôi, về con của bố, về tất cả...

Cô bé ngồi nép mình vào góc cu-pê lắng nghe câu chuyện của hai người, thỉnh thoảng lại ngước đôi mắt sắc nhỏ lên nhìn Cru-gi-lin, đôi môi khô của cô run run như sắp òa ra khóc. Người nữ nhân viên đường sắt sột soạt chiếc chổi quét dọn toa tàu.

— Bài hát... — ông già đăm chiêu nhắc lại. — Nhưng bài hát không trả lại được con trai của tôi cho tôi, không trả lại cha cho lũ trẻ... Không trả lại được con cho anh, và cho bao nhiêu người khác nữa... Phải thế không?

Cru-gi-lin im lặng, không biết trả lời như thế nào.

— Vâng, chiến tranh, — ông già thở dài. — Đấy, tôi cũng thường theo cách của tôi suy nghĩ về cuộc đời nói chung. Thằng Hít-le bây giờ đang mạnh lắm, điều này chúng ta biết. Cả châu Âu đang phải nằm dưới gót giày của nó. Nhưng, nếu nhìn sâu hơn thì sao? Thằng Xméc-đin của chúng tôi trước đây cũng như một con thú dữ, cả một vùng phải nằm dưới chân nó, còn nó bám rất chắc, tưởng như không thể nào đẩy đi được. Bây giờ thằng Xméc-đin đâu rồi? Không còn thằng Xméc-đin nữa! Và những thằng Hít-le đủ loại cũng sẽ không còn! Điều này thì anh nói đúng đấy, sớm hay muộn gì rồi chúng ta cũng sẽ thắng

chúng... Chỉ có điều con người phải trả giá rất đắt, phải đổ nhiều máu.

Cửa toa bắt đầu mở, hành khách chen nhau lên tàu, chạy dọc theo toa, la hét ồn ào.

— Đồ quỷ sứ, làm rét cóng cả người!

— Đi chỉ mất một ngày, mà ngồi chực vé suốt cả một tuần...

— Ác-xi-út-ca ơi! Trời ơi, Ác-xi-út-ca đâu rồi? Mày chạy đi đâu đằng ấy, hả?

Sàn tàu rung lên dưới bước chân người chạy. Đằng cuối toa có tiếng cãi vã tranh nhau chỗ ngồi, rồi một tiếng cười giòn giã, vô tư của một cô gái nào đó vang lên, và át tất cả, cả tiếng cãi vã, cả tiếng cười, và nói chung, cả tiếng ồn ào ầm ĩ trong toa, là tiếng đàn gió hơi rè rè vì trời quá lạnh:

Người thương tiễn em về —
Kề bên chân tường nọ...

— Cuộc đời đang tiếp diễn... — một anh thương binh chống nạng mỉm cười thốt lên.

Ôm em hôn say mê,
Nói những lời tình tứ...

Cru-gi-lin nghe những tiếng hát, tiếng ồn ào đó, đầu vẫn nghĩ về những lời của ông già: «...bài hát không trả lại được con trai của tôi cho tôi, không trả lại cha cho lũ trẻ... Không trả lại được con cho anh, và cho bao nhiêu người khác nữa...»

Ông già ngồi im lặng, nhưng những lời của ông già với cái giọng khàn khàn, ám khói thuốc lá, vẫn xoáy mãi, xoáy mãi vào tai.

Em tìm anh hẹn hò,
Đi mòn đường chết cỏ...

Cô gái vô tâm với giọng rất cao thổ lộ tâm tình với cả toa tàu, cứ sau mỗi bài tsa-xtu-sca * cô lại phá lên cười lanh lảnh, và

---

* Tsa-xtu-sca — một thể loại dân ca Nga, thường hai hoặc bốn câu, hát theo một làn điệu nhất định.

Cru-gi-lin tưởng tượng ra cảnh cô ta, người nhỏ nhắn, có lẽ có đôi mắt sắc như cô gái đang ngồi nép mình trong góc này, đang vội vàng chạy đến nơi hò hẹn với người thương «Đúng, cuộc đời đang tiếp diễn, và nó sẽ tiếp diễn, không có sự độc ác nào, không có sự mất mát nào, không có sự đổ máu nào có thể dừng nó lại, làm tắt nó đi được...» — ông nghĩ thầm.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích đã từ lâu chú ý đến cô gái, thấy cô đang đói và sợ hãi một điều gì đó. Khi hành khách bắt đầu lên tàu, cô càng ngồi ép sát vào góc, nhìn mỗi người mới lên với vẻ lo lắng, đút sâu thêm đôi bàn tay mảnh dẻ vào ống tay áo măng-tô.

— Cháu đi có xa không? — ông hỏi.

Lúc đầu cô gái không hiểu là ông hỏi cô, nhưng khi đã hiểu ra, cô rùng mình, liếc nhanh sang Cru-gi-lin cái nhìn sắc như dao, quay người ra phía cửa sổ.

— Tôi cũng đã thử hỏi nó, nhưng nó không nói, — ông già bảo, — chỉ đảo mắt ngó và im lặng. Có thể là không có lưỡi. Cũng có thể là câm.

Cô gái hoàn toàn không có phản ứng gì với những lời nói đó của ông già.

Cru-gi-lin xuống ga, mua ở mụ đàn bà buôn đi cùng toa lúc nãy một ít khoai tây và thịt, một chai sữa đun sôi. Lên tàu, ông lấy từ trong cặp ra một miếng bánh mì, một hộp thịt, đặt tất cả lên bàn. Rồi ông hỏi xem ai có cốc chén không. Ông già cúi xuống, kéo từ dưới gầm ghế chiếc va-li bằng gỗ, lấy ra một chiếc cốc nhôm, một mẩu mỡ lợn, mấy quả trứng.

— Tôi cùng ăn cho vui, — ông nói, nhích lại gần bạn, ép cô gái sát hẳn vào tường.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích dùng dao con cắt bánh mì, mở đồ hộp và gói giấy đựng khoai tây ra. Ông rót một cốc sữa, đặt xuống trước mặt cô gái.

— Cháu ăn đi.

Đôi mắt cô gái đảo nhanh như người bị sốt, cô làm một cử động, toan đứng dậy đi. Ông già nói to:

— Ngồi yên đấy!

— Bỏ ra! — cô gái kêu lên khẩn khoản, yếu ớt.

— Nói được rồi, lạy Chúa, — ông già vui vẻ nói. — Nào, ngồi xuống đây... Thế, thế, — và ông già đặt xuống trước mặt

cô ba quả trứng, cầm cốc sữa nhét vào tay cô, — coi chừng đánh đổ ra đấy.

— Cháu ăn đi, — Cru-gi-lin nhẹ nhàng nói. — Bác thấy cháu đang đói mà... Ăn đi.

Cô gái cố nuốt nước miếng, đôi mắt ươn ướt lóe sáng lên, và cô gái cúi đầu xuống.

— Cháu cám ơn...

Đoàn tàu giật mạnh, rồi từ từ chuyển bánh; phía dưới, tiếng bánh tàu gõ mỗi lúc một to hơn, nhanh hơn.

Thận trọng, như sợ bỏng, mặc dù sữa đã nguội, cô gái đưa chiếc cốc lên môi, nhấp một ngụm nhỏ. Rồi bỗng nhiên, rất nhanh và thèm thuồng, cô uống một hơi cạn cả cốc, và khi uống xong, như sực nhớ ra, mới đỏ mặt lên.

— Không sao, cháu ăn đi, — ông già nói, và lại giúi vào tay cô, như cho một đứa bé, một miếng bánh mì với lát mỡ lợn dày.

Đoàn tàu qua một cánh rừng thưa, và thỉnh thoảng, khi qua những quãng đường cong, Cru-gi-lin lại thấy chiếc đầu máy đen thui qua cửa sổ. Chiếc đầu máy nhả từng luồng khói như bờm ngựa, tiếng máy âm vang như đang gọi một người nào đó, cần mẫn bò lên phía trước, để lại trên các ngọn cây những mảng khói đen.

Cô gái ăn đã chậm lại, cắn từng mẩu bánh nhỏ. Cô không nhìn Cru-gi-lin và ông già. Không hiểu vì được ăn hay vì ngượng, má cô mỗi lúc một đỏ hồng lên, trên hai cánh mũi thanh thanh đọng lại mấy hạt mồ hôi li ti.

Ông già đã lại quấn thuốc hút, còn Cru-gi-lin không vội kết thúc bữa ăn sáng của mình, vì cảm thấy cô gái ăn hãy còn chưa no.

— Cháu cám ơn, — cuối cùng cô khẽ thì thào, và lần đầu tiên ngước lên dịu dàng nhìn Cru-gi-lin bằng cặp mắt biết ơn ngây thơ như trẻ con. Thậm chí cô còn cố thử mỉm cười, nhưng quá ngượng, đôi gò má gầy của cô đỏ lựng lên.

— Tên cháu là gì? — Một lát sau Cru-gi-lin hỏi.

— Na-ta-sa, — cô khẽ đáp. — Na-ta-sa Mi-rô-nô-va.

— Cháu đi đâu thế, Na-ta-sa?

— Đi... Không đi đâu cả.

— Không đi đâu cả là thế nào?

— Đi... và thế thôi! Việc gì đến các ông? Bỏ ra... — và cô bước ra khỏi cu-pê.

— Có lẽ con bé có một điều gì đau khổ lắm, — ông già nói. — Tôi lên tàu hồi đêm, lúc trời còn tối. Khi trời bắt đầu sáng, tôi nghe thấy tiếng khóc. «Cháu làm sao thế?» — tôi hỏi. Im lặng. Chỉ có đôi mắt như bắn ra những tia lửa. Có thể, cha hoặc anh, như thằng Pi-ốt của tôi, không còn... Có thể, chồng hoặc người yêu... Bây giờ đàn bà có một nỗi khổ chung...

— Con lưu manh đấy, lạy Chúa tôi, — người đàn bà mặt rỗ ngồi trên lối đi bỗng lên tiếng. — Đưa của ra khoe với nó! Đàn ông bao giờ cũng ngốc nghếch như cừu đực... Con lưu manh đấy, mà có thể còn tệ hơn. Nhìn nó biết ngay, đã ngồi tù rồi...

Cru-gi-lin quay lại phía người đàn bà:

— Sao chị biết như vậy?

— Nhìn nó thì biết, — người đàn bà cáu kỉnh nhắc lại. — Loại người như vậy bây giờ nhiều lắm... — Và chị ta bặm môi lại một cách nghiêm khắc.

— Chị nói nghe ra có cái gì không phải, — ông già lắc mái đầu tóc hung nói.

Người đàn bà chỉ ôm chặt chiếc túi xách của mình hơn.

Mười phút trôi qua, rồi nửa giờ, mà vẫn không thấy cô gái quay lại. Cru-gi-lin băn khoăn nhìn ông già. Ông già cũng có vẻ hơi bối rối, chốc chốc lại vuốt bộ ria của mình như để gỡ những hạt nước đọng lại thành băng trên mép.

Nửa giờ nữa trôi qua, vẫn không thấy bóng dáng cô gái đâu. Tàu đã mấy lần dừng lại ở các ga xép.

— Không thể như thế được, — cuối cùng ông già lên tiếng. — Có lẽ nó đã xuống ở một ga nào đó.

«Cô bé quả là kỳ quặc thật» — Cru-gi-lin nghĩ thầm và rút bờ báo mua ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ ra đọc.

Đến San-ta-ra, tàu còn phải đi thêm mấy tiếng nữa. Ông già xuống tàu ở một ga nhỏ, miệng lẩm bẩm lo lắng sợ không kịp xin xe cùng đường về Pan-cru-si-kha khi trời còn chưa tối. Rồi người đàn bà mặt rỗ cũng lặng lẽ xuống tàu, mang theo chiếc tay nải ôm khư khư trước bụng. Một ông già nhân viên kiểm soát người gầy đét như một con dê còi cọc, vẻ mặt rất nghiêm khắc, cùng với hai người công an cao lớn đi kiểm tra vé tàu và giấy tờ hành khách. Còn Cru-gi-lin vẫn nghĩ về cô gái có tên là Na-ta-sa Mi-rô-nô-va. «Lưu manh... Lưu manh... — mấy từ

khó chịu vẫn lởn vởn trong đầu ông. Ông nhìn qua cửa sổ và cau mặt. — Không, không thể thế được...».

Ông thấy lại cô gái đó chừng một giờ sau lần kiểm tra vé và giấy tờ. Cũng vẫn hai người công an cao lớn đó dẫn cô đi dọc theo toa tàu. Cô bước đi, đầu cúi xuống rất thấp.

— Na-ta-sa... Mi-rô-nô-va? — Cru-gi-lin đứng nhỏm dậy.

Cô gái vấp chân và dừng lại. Mắt cô lạnh lùng, trống rỗng, khuôn mặt trắng nhợt như phấn.

— Có việc gì thế? — một người công an hỏi: — Anh biết người này à?

— Không... Cô ta đi cùng trong cu-pê này... — Và ông chợt nhớ lại từ «lưu manh», — hỏi: — Cô này là ai?

— Đi không có vé, cũng không có giấy tờ gì cả. Anh cần gì?

— Không cần gì cả...

— Cám ơn bác, — cô gái nói. — Bác tốt bụng lắm...

Giọng của cô vang lên thản nhiên, nhưng trong câu nói có một sự mỉa mai, khinh bỉ, thậm chí hằn học mà Cru-gi-lin không hiểu nổi.

— Cô ta là ai?

— Chúng tôi sẽ xác minh.

— Họ sẽ xác minh, — cô gái gật đầu, cười khẩy một cách thách thức, quất sang Cru-gi-lin một cái nhìn nóng bỏng của đôi mắt đen và bước đi tiếp, đầu bây giờ ngẩng cao kiêu hãnh. Ông đứng nhìn cho đến lúc mấy người công an đưa cô ra khỏi toa.

«Kỳ quặc quá, rất kỳ quặc...» — Cru-gi-lin nghĩ cho đến tận San-ta-ra. Sau đó mấy lần ông còn nhớ tới cô gái nọ, nhưng vài ngày sau, vùi đầu vào những công việc bề bộn của mình, ông quên đi...

* * *

Sau khi trở về nhà, ngay ngày hôm sau, từ sáng sớm, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích gọi điện cho A-lây-nhi-cốp:

— I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích, đến chỗ tôi một tí...

A-lây-nhi-cốp im lặng mấy giây.

— Bây giờ à?

— Có thể bây giờ. Đúng lúc tôi đang rỗi.

Ông đến sau bốn chục phút, người như phờ phạc, gầy sụt

xuống. Chào hỏi xong, ông cau có và cảnh giác nhìn Cru-gi-lin từ dưới đôi lông mày rậm, rồi ngồi xuống sau chiếc bàn hẹp dài, đặt hai bàn tay nắm chặt lên mặt bàn. Đôi khóe miệng của cặp môi mỏng mím chặt hơi trễ xuống, dường như ông không bằng lòng với việc mình bị gọi đến đây và không chờ mong điều gì tốt đẹp ở câu chuyện sắp tới.

—Anh sống như thế nào, I-a-cốp?

Câu hỏi nghe hơi vô nghĩa, gượng gạo, cả hai người đều cảm thấy điều đó. A-lây-nhi-cốp rướn đôi lông mày rậm lên nhìn Cru-gi-lin, vai trái khẽ nâng lên, rồi hạ xuống, những ngón tay càng nắm lại chặt hơn.

—Ở tỉnh ủy, tôi và Xu-bô-tin có nói nhiều về anh.

—Ra thế!—A-lây-nhi-cốp cười khẩy, vẻ bực bội cúi đầu xuống, vết sẹo trên má bắt đầu tái xanh.—Chắc có lẽ đã thảo luận về hành vi vô đạo đức của tôi?—và ông hất đầu ra ngoài cửa, về phía phòng của Vê-ra.

—Vâng, cũng có nói tới cả chuyện đó...

—Còn nếu như tôi yêu cô ấy?—A-lây-nhi-cốp nặng nề nói rít qua kẽ răng, cả mặt, thậm chí cả cổ, cũng bắt đầu đỏ bừng lên.

Cru-gi-lin nhìn A-lây-nhi-cốp rất lâu, vẻ hơi buồn.

—Hơn nữa, tôi yêu hay không yêu, đối với các anh thì có ý nghĩa gì: cả Xu-bô-tin, cả anh đều không hiểu được điều đó...

—Tại sao?

A-lây-nhi-cốp chậm chạp ngẩng đầu lên, lướt mắt nhìn qua bức tường, qua tấm bản đồ Liên Xô rất to cắm đầy những lá cờ nhỏ tí, qua chiếc tủ sắt cao sơn màu xanh đen, giống như một chiếc quan tài, đứng trong góc phòng, rồi ánh mắt ông bất ngờ chạm phải ánh mắt hơi buồn của bí thư huyện ủy. Hai người im lặng nhìn nhau mấy giây và trong khoảnh khắc đó A-lây-nhi-cốp bỗng hiểu rằng Cru-gi-lin không những biết tất cả về quan hệ của ông với Vê-ra, mà còn hiểu được cái gì đã xảy ra với ông và đang xảy ra trong lòng ông ngay bây giờ.

—Đấy, tôi sống như thế đấy, — ông nói và lại cúi đầu xuống.

Ngoài cửa sổ, những bông tuyết to, lặng lẽ, nhưng không dày lắm, đang rơi. Khi đến đây, A-lây-nhi-cốp đi không vội vã, vừa nhìn những mái nhà phủ đầy tuyết trắng, vừa thở làn không khí lạnh lẽo, đượm mùi tuyết mới tinh khiết. Và bây giờ

ông bỗng lại muốn đi ra đường phố, muốn đi ra ngoài thị trấn, đến bên biền sông Grô-mô-tu-kha, nơi ông đã nhiều lần gặp Vê-ra, muốn đứng ở đấy để nhìn những bông tuyết to mịn, lặng lẽ rơi xuống mặt đất, xuống các cành cây.

A-lây-nhi-cốp đứng dậy, và như lần trước đây đã khá lâu, bước đến bên cửa sổ, nhìn ra hàng rào gỗ sơn xanh phủ đầy tuyết bao quanh nhà Cru-gi-lin.

— Hàng rào vẫn đứng đấy. Nhưng anh định phá nó đi cơ mà?

— Định phá. Nhưng anh phản đối, thậm chí còn cấm... «Người ta đã dựng lên thì cứ để cho nó đứng đấy. Không phải vì ý thích riêng của mình mà người ta dựng lên. Chẳng lẽ anh không hiểu hay sao?» Lời của ai thế?

— Của tôi, — A-lây-nhi-cốp nói một cách nhẫn nhục. — Mà chỉ lời không thôi à?

Ngoài cửa sổ tuyết vẫn rơi không ngớt. A-lây-nhi-cốp có cảm tưởng như những bông tuyết nhẹ đang trượt trên mặt kính cửa sổ phát ra một thứ tiếng xạc xào buồn bã. Ông lắng nghe nhưng không nghe thấy gì.

— Anh định lấy những lời ấy trở lại đấy à?

— Từ ngày anh trở về huyện đến giờ mới chỉ một năm trôi qua, — I-a-cốp lên tiếng, dường như không nghe thấy câu hỏi của Cru-gi-lin. Mà tôi có cảm giác như tôi đã sống qua nhiều, nhiều năm lắm, chứ không phải chỉ mới một năm... — Ông lại im lặng nhìn những bông tuyết xốp mịn giống như bầy bướm đêm đang lao vào mặt kính.

— Nghĩa là bị rối tung lên?

— Khi bị rối, còn có thể gỡ được. Ở đây đáng sợ hơn, khó hiểu hơn... — ông đi lại trong phòng, lưng gù hẳn xuống, dường như I-a-cốp đang cúi xuống đất. — Vâng, đáng sợ hơn, khó hiểu hơn, ở đây không thể tìm ra lời để nói...

— Đừng cố tìm chúng làm gì, I-a-cốp ạ, — Cru-gi-lin nói, giọng như khuyên bảo. — Rồi đến một lúc nào đó, tự chúng sẽ đến. Bây giờ chưa thể hiểu hết được tất cả những cái gì đã xảy ra. Bây giờ chúng ta cần phải làm cái việc mà vì nó chúng ta đã chiến đấu, I-a-cốp ạ. Cần phải làm một cách mạnh mẽ, nhất trí, như trước đây chúng ta đã chiến đấu... — Và đột ngột, không hề có chuyển tiếp, chỉ có giọng hơi gay gắt hơn, ông nói tiếp:

Tôi nghĩ cần phải đưa anh vào ban thường vụ huyện ủy. Tự anh thấy thế nào?

Những lời nói của Cru-gi-lin không làm cho I-a-cốp ngạc nhiên. A-lây-nhi-cốp chỉ liếc nhìn Cru-gi-lin từ dưới đôi lông mày rậm của mình, ngồi xuống cạnh bàn, nắm chặt tay lại. Rồi ông nói, giọng trầm vang, như qua ống loa:

— Không cần đưa tôi vào đâu cả.

— Tại sao? — Cru-gi-lin cau mày hỏi.

— Tôi xin ra trận, — A-lây-nhi-cốp nói nhanh, mắt nhìn vào một chỗ. — Với cấp trên của tôi có lẽ đã giải quyết xong, họ đang tìm người thay thế. — Ông lại cười khẩy không vui, và khi nụ cười biến mất, ông buồn bã nói tiếp. — Nói chung, người ta vui mừng để cho tôi đi. Còn nếu như không cho tôi đi, tôi cũng trốn đi, như I-nhi-u-chin. Tôi không còn cách nào khác... Kỳ cục lắm à?

Cru-gi-lin đứng dậy. A-lây-nhi-cốp đợi nghe những lời giận dữ của ông. Nhưng ông rất ngạc nhiên khi thấy Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nói một cách bình tĩnh, chỉ có trong giọng nói nghe có sự mỉa mai cay độc.

— Nói chung là kỳ cục, I-a-cốp ạ. Nhưng không phải việc anh muốn chạy ra mặt trận, mà là chuyện khác... Anh đi tìm, như tôi hiểu, cái chết à?

Trong đầu A-lây-nhi-cốp như bốc lửa, có một cái gì nhói lên ở trên sống mũi, giữa hai mắt.

— Tôi không biết... Nhưng có lẽ... — Khuôn mặt ông nhăn lại đau đớn. — Tự tôi không dám... không đủ sức, có lẽ vậy. Còn ngoài đó...

— Đồ ngu xuẩn! — Cru-gi-lin như quất roi vào mặt ông đau nhói.

A-lây-nhi-cốp đứng vụt dậy.

— Vâng, tôi biết! — ông hét to, thở hổn hển. — Da-xu-khin cũng đã nói với tôi như vậy... ba năm về trước...

— Anh ấy nói cái gì với anh? — Cru-gi-lin không hiểu, hỏi lại.

Nhưng A-lây-nhi-cốp không đáp. Thọc hai tay vào túi áo vét-tông, ông lảo đảo đi đến bên cửa, rồi dừng lại như chợt nhớ ra điều gì.

— Bằng lý trí, tôi vẫn hiểu là tôi ngu xuẩn. Nhưng tôi không

thể khác được. Anh đâu có biết tất cả, đâu có biết hết mọi việc làm của tôi... Còn về ý kiến của anh, xin cảm ơn... Cảm ơn anh cả việc anh hiểu tình cảm của tôi đối với cô gái kia, với Vê-ra, là chân chính. Tình cảm đó đến bây giờ vẫn còn. Tôi đã làm khổ cô ta, tôi biết vậy. Nhưng tôi cũng không thể... Nói cho cô ta hiểu điều này một cách rõ ràng, tôi cũng không thể...

Ông dừng lại, đứng thêm một lúc, nghĩ một điều gì đó. Rồi bước ra khỏi phòng, thận trọng khép cửa lại.

* * *

Bóng chiều màu xanh chậm chạp buông xuống dày đặc. An đrây ngồi cạnh cửa sổ nhìn ra những đống tuyết dần đen sẫm lại nằm mấp mô như từng lớp sóng trong vườn rau, nhìn hàng rào thấp ngăn vườn nhà cậu với vườn nhà mụ Ca-sca-rô-va đang đứng ngập trong tuyết. Cậu cảm thấy buồn chán, còn vì sao — cậu không biết. Cậu muốn làm một điều gì đó thật phi thường để mọi người phải kinh ngạc — đấy xem kìa, An-đrây Xa-vê-li-ép đấy! Nhưng việc đó không xảy ra, và cậu hiểu: ở đây, ở San-ta-ra, sẽ không bao giờ có được việc như vậy.

Sau lần trốn ra mặt trận không thành công, việc đến trường với cậu là một sự tra tấn. Lúc đầu, cậu tưởng các bạn sẽ chế giễu cậu — ê, cái đồ ngốc nghếch! Nhưng mọi việc xảy ra lại ngược lại, các bạn, đặc biệt là lũ con gái, nhìn cậu với vẻ ngạc nhiên và khâm phục, trong các giờ ra chơi chúng đi theo cậu từng đoàn, và cậu có cảm tưởng như mình là một anh hùng thật sự. Chà, nếu như mình đến được mặt trận, lập được vài ba chiến công rồi sau đó, khi chiến tranh kết thúc, cậu sẽ về trường với bộ quân phục và huân chương trước ngực, thì lúc đó sẽ ra sao nhỉ?! — cậu nghĩ, và tim nghe ngây ngất ngọt ngào. Tuy thật ra, cậu chưa hình dung ra được thật rõ rằng mình có thể lập được chiến công gì ở mặt trận. Nhưng chỉ nghĩ về điều này cũng đã thích rồi.

Nhưng sau một tuần, rồi hai tuần, sự chú ý của mọi người đối với cậu và chuyến đi của cậu dần dần giảm sút và cuối cùng là mất hẳn. Điều này làm cho An-đrây hơi thất vọng tự ái, trái tim nhỏ bé của cậu khẽ nhói lên, và cậu biết rằng rồi sẽ có lúc cậu làm cho cả trường, cả đường phố, và thậm chí cả San-ta-ra phải

kinh ngạc. «Được rồi, chờ đấy, chờ đấy... Đợi cho hết mùa đông này...»

Chỉ có Vích-to Ca-sca-rốp là chưa hết quan tâm đến chuyến đi của An-đrây, thường hỏi về ông nhân viên ria xồm phụ trách đường tàu, về cô bé cạnh giếng đã cho An-đrây uống nước, quan tâm tỉ mỉ từng chi tiết một và bao giờ cũng rút ra một kết luận:

— Không thể tin vào mọi người được. Không thể nào tin được...

An-đrây cũng nghĩ đúng như vậy, và mặc dù cậu không ưa, thường tránh Vích-to vì anh của Vích-to là một tên ăn trộm nổi tiếng khắp San-ta-ra, còn mùa thu vừa qua chính Vích-to đã có liên quan đến vụ ăn cắp xe hàng, cậu vẫn thích thú khi thấy Vích-to là người cùng ý nghĩ với cậu.

Nhưng, một mặt không ưa, tránh mặt Vích-to, mặt khác An-đrây vẫn thấy thương hại bạn. Ở trường mọi người đều xa lánh Ca-sca-rốp, gọi cậu là thằng ăn trộm, đôi lúc còn đánh cho khá đau. Lúc đầu cậu im lặng chịu đòn, không chống cự lại nhiều lắm và không mách ai cả. Nhưng dần dần cậu bắt đầu đánh trả, và vào mùa xuân vừa qua, khi bị một bọn ép vào trong góc sân trường, cậu rút từ trong túi quần ra một chiếc búa sắt nặng không có cán và mắt long lên dữ tợn, bắt đầu múa loạn xạ sang phải, sang trái. Hai ba đứa bị cậu đánh vào đầu chảy máu, bọn còn lại bất ngờ trước việc cậu đánh trả lại như vậy, bỏ chạy tán loạn.

Vì việc này suýt nữa Vích-to bị đuổi học. Nhưng từ đó mọi người đều tránh cãi nhau với cậu, thậm chí không còn dám trêu chọc như trước nữa. Một đứa nào đó tung tin rằng từ nay Vích-to Ca-sca-rốp luôn luôn mang theo trong túi quần con dao được anh cậu, Ma-ca, tặng cho. Mọi người đều tin điều đó và hễ Vích-to đến gần một đám bạn nào đó và cho tay vào túi, tất cả lập tức tản ra, lảng đi chỗ khác. Nhưng An-đrây biết rằng trong túi Vích-to không có con dao nào cả.

— Anh làm cho mọi người sợ hết, — An-đrây nói.

Mặc chúng, — Vích-to cau có đáp. — Lũ ngốc cả.

Vích-to học giỏi, nhưng điều này cũng không mang lại niềm vui cho cậu. Sau vụ xe hàng, cậu hoàn toàn trở nên cau có, cô độc; trong các giờ ra chơi, cậu ngồi nép vào một góc hoặc lang

thang một mình trong sân trường, mắt nhìn xuống đất, tay không rút ra khỏi túi quần.

Một lần, sau hàng chục lượt hỏi tỉ mỉ về chuyến du lịch của An-đrây, Vích-to nói:

— Thế... Cậu cũng đã đến đồn công an, tớ cũng đã ở đó. Thế sao cậu không hỏi về chuyện xe hàng của chúng tớ?

— Chuyện như thế nào?

Vích-to sầm mặt lại và bỗng khóc lên nức nở.

— Anh sao thế, Vích-to? — An-đrây bối rối.

— Cái gã Ma-ca, đồ rắn độc ấy, bắt buộc tớ. Hắn bảo! «Mày đi đi, đến bảo với lão bảo vệ rằng trong xe có một cái gì đấy sột soạt. Còn chúng tao sẽ nện vào đầu...»

— Thế sao anh không nói ngay với ông bảo vệ rằng Ma-ca định...

— Hừ... Nhưng sau đó rồi sao? Cậu chưa biết Ma-ca đấy...

Và cậu lấy bàn tay quệt nước mắt trên má, bỏ đi, không hiểu sao người nghiêng nghiêng như đang lấy vai rẽ một cái gì đó.

Hôm nay ở trường, trong giờ ra chơi cuối cùng, cậu đến bên An-đrây, tay vẫn như mọi hôm, không bỏ ra khỏi túi quần:

— Tớ có việc cần nói với cậu.

— Nào, thì nói đi.

— Nói... Nhưng đâu phải đơn giản như vậy. Buổi chiều ta trượt tuyết ra ngoài gò sau thị trấn, ở đó ta sẽ bàn.

— Được rồi, sẽ đến, — An-đrây tò mò đáp.

— Tớ ở nhà còn phải giặt. Mẹ tớ ốm đã hai tuần nay. Nhưng không sao, tớ để một nửa ngày mai giặt nốt. Lúc trời gần tối, cậu nhìn tớ qua cửa sổ. Và nhớ ra ngay đấy.

Và bây giờ An-đrây ngồi bên cửa sổ, nhìn qua hàng rào sang sân nhà mụ Ca-sca-rô-va, chờ Vích-to xuất hiện.

Vích-to ra khi trên mái nhà của cậu hiện ra chấm sao đầu tiên, không sáng lắm. Đó có lẽ không phải là sao mà chỉ là một đốm lửa bay ra từ ống khói và sắp sửa bay đi, tắt mất. Nhưng nó không bay, không tắt, mà mỗi lúc một sáng thêm.

Vích-to ném đôi thanh trượt tuyết đã cũ, mòn xuống mặt tuyết, nhìn vào cửa sổ nhà An-đrây, vẫy tay, tin tưởng rằng An-đrây đang đợi tín hiệu của cậu. An-đrây đã vội chạy đến bên móc áo, bắt đầu mặc áo ngoài. Cửa mở, cha bước vào, mang theo cả một đám hơi nước trắng xóa.

Đám hơi nước lập tức bay vào sâu trong phòng, trượt trên những tấm ván lót sàn phẳng dưới bàn ăn, như ngửi tìm một vật gì, rồi tan ra thành từng mảng. Cha cởi áo bông sặc mùi ma-dút, ném đôi ủng dạ mòn vẹt, cũng bẩn thỉu, vào góc nhà và ngồi xuống ghế.

—Ai ở nhà?

—Không có ai, chỉ có ông thôi,—An-đrây chỉ về phía cánh cửa đóng kín.

—Mẹ mày đâu?

—Đang vắt sữa bò.

—Thế mày đi đâu đấy?

Cha bao giờ cũng cau có, như suốt đời cáu giận một điều gì đó. Trong thời gian gần đây ông trở nên hoàn toàn im lặng, không nói gì với ai cả, chỉ thỉnh thoảng hỏi vài lời như hôm nay, giọng nhát gừng. Và như đang mải suy nghĩ về một điều gì đó, thỉnh thoảng ông lại cười khẩy trong bộ ria đen nhọn hoắt. Đôi lúc ông có thể hàng giờ ngồi bất động, mắt nhìn vào một điểm và suy nghĩ, suy nghĩ...

—Không... Con đi ra ngoài đường một tí,—An-đrây đáp.

Nhưng cha dường như đã quên câu hỏi của mình, quên cả An-đrây.

An-đrây cảm thấy như trong gia đình đang xảy ra một chuyện gì đó. Mẹ trong thời gian gần đây gầy sụt hẳn xuống, da xanh xao, vàng vọt, đôi mắt hõm sâu xuống, nhợt nhạt. An-đrây nhận thấy mẹ hay ngồi khóc, nhưng cố giấu không cho ai trông thấy những giọt nước mắt của mình.

—Sao mẹ hay khóc thế?—một lần, cậu hỏi Xê-mi-ôn.—Cha cứ im lặng, mà mẹ cứ khóc suốt.

—Thì mày cứ hay trốn ra trận đi!

Nhưng An-đrây cảm thấy nguyên nhân không phải ở việc cậu trốn đi—chuyện này đã từ lâu mẹ không còn nhắc đến nữa,—nguyên nhân là ở một việc gì khác, rất người lớn và rất quan trọng, bây giờ An-đrây chưa thể hiểu nổi.

—Em biết rằng cha không thích cho những người... những người tản cư này ở,—An-đrây nói.—Thế họ biết đi đâu, khi làng của họ bị bọn Đức đốt hết rồi? Chẳng lẽ cha không biết như vậy à?

—Cái thằng này, cũng đòi triết lý!—anh Xê-mi-ôn nổi

giận. — Đây không phải là việc của mày, hiểu chưa? Và nói chung...

— Nói chung — cái gì?

— Nếu mày nghĩ nhiều, sẽ sớm hói trán mất đấy.

Những lời của Xê-mi-ôn làm cho An-đrây tự ái và càng làm cho cậu thêm tin rằng giữa cha và mẹ có một chuyện gì bất hòa.

Ra đến ngoài thị trấn San-ta-ra, An-đrây mới đuổi kịp Vích-to đang đi nhanh, liên tục gập người lại, chống đôi gậy xuống mặt tuyết, đẩy mạnh.

Ngay sát thị trấn có ba — bốn ngọn gò lớn, ở đó vang lên những tiếng cười nói của lũ trẻ, nhưng Vích-to vòng qua các gò đó, đi tiếp về phía biển sông Grô-mô-tu-kha đã bắt đầu chuyển sang màu tối sẫm, phía trên các ngọn cây bốc lên một làn sương trắng đục dày đặc. Phía đông, nơi dãy núi Dve-nhi-gô-ra chắn ngang, trời đã bắt đầu tối, dường như bóng đen trôi từ trên những đỉnh núi đá phủ tuyết xuống, lấp đầy cả khoảng không gian giữa dãy núi và San-ta-ra, che ngập cả những ngôi nhà ở phía ngoài thị trấn, còn ở phía tây, bầu trời hãy còn sáng nhạt với những mảng mây bông trắng. Và không hiểu sao, An-đrây có cảm tưởng rằng mặt trời đã lặn xuống sau núi, bây giờ sẽ nghĩ lại, không đi ngủ nữa, mà lại mọc lên cao trên mặt đất, xua tan bóng tối đã bắt đầu loang ra từ phía đông như ngọn gió xua tan đám bụi trên đường phố.

Vích-to đi rất lâu, rồi đứng lại.

— Mệt chưa?

— A-ha... — An-đrây há miệng thở gấp làn không khí lạnh giá. — Chúng ta đi xa quá.

— Xa đâu mà xa! Chỉ mới chừng bốn ki-lô-mét. Tớ thương cậu đấy, một mình tớ chiều nào cũng đi xa hơn gấp hai.

— Anh đi thế để làm gì?

— Tớ tập luyện. Sẽ có lúc cần đến.

Mặt trời không mọc ngược trở lại trên mặ đất, những mảng mây trắng nơi chân trời đang tắt dần, chỉ hơi ánh lên nhợt nhạt, bầu trời như bị vẩy loang lổ những vệt sáng mờ lung linh. Đêm mùa đông thanh vắng nhanh chóng ập đến phủ khắp mặt đất.

— Anh đi một mình à? — An-đrây hỏi.

— Thế còn với ai nữa?

— Không sợ à? Bây giờ mùa chó sói ra đấy...

Vích-to nhổ nước miếng xuống tuyết, tỏ cho biết rằng cậu không thèm trả lời những câu hỏi vớ vẩn.

An-đrây và Vích-to đứng im lặng một lúc, nhìn lên bầu trời sao mỗi lúc một sáng.

— Lạnh quá, — An-đrây nói. — Nào, anh có việc gì thế?

Vích-to lấy gậy chọc chọc lên mặt tuyết.

— Bao giờ cậu lại chuẩn bị ra mặt trận?

— Cái... cái gì? Mặt trận nào? Không bao giờ...

— Đừng nói dối, An-đrây. Tớ biết là cậu đang chuẩn bị.

— Anh ngốc lắm! Làm sao anh có thể biết được?

— Tớ đoán...

— Anh ngốc lắm! — An-đrây nhắc lại. — Anh chỉ nói chuyện vớ vẩn... — Và, chống mạnh gậy xuống tuyết, cậu bỏ về thị trấn.

Vích-to đuổi kịp cậu, đứng chắn ngang đường.

— Khoan đã... Tớ biết ở nhà cậu sẽ chẳng nói với tớ, sẽ bỏ đi. Còn ở đây, tớ không cho cậu về, nếu cậu chưa chịu nói...

An-đrây định đi vòng qua, nhưng Vích-to lại chạy lên phía trước.

— Anh làm gì thế? Định đánh nhau à?

— Tớ không đánh nhau đâu, — Vích-to lắc đầu. — Tớ không thích đánh nhau. Nhưng tại sao tớ lại hỏi cậu? Tớ muốn đi với cậu. Cậu đồng ý không?

— Cái gì-ì? — An-đrây kéo dài giọng.

— Nếu cậu không đồng ý, tớ đi một mình.

— Thì cứ đi đi. Còn em không định đi nữa đâu.

An-đrây bước tránh sang bên cạnh, bỏ đi. Vích-to chạy theo sau, chừng hai ki-lô-mét, im lặng.

— An-đrây... — giọng Vích-to cầu khẩn.

An-đrây dừng lại ra vẻ thương hại.

— Tất nhiên, tớ sẽ đi một mình, — Vích-to nói khẽ, không nhìn bạn. — Tớ nhất định phải ra ngoài đó, ra ngoài mặt trận, vì tớ không thể ở đây... Không thể nào ở đây lâu hơn được nữa. Chỉ có điều tớ nghĩ, hai đứa sẽ tiện hơn, nhẹ nhàng hơn. Hai đứa nhất định sẽ đến nơi được... Còn cậu không tin tớ là uổng. Tớ không phải thằng tồi, như thằng mũi tẹt Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin, hoặc như anh Xê-mi-ôn nhà cậu. Ở đồn công an

mùa thu vừa rồi, người ta hỏi tớ phải biết : đồ đạc ở xe hàng đưa đi đâu rồi? Tớ biết, nhưng tớ không nói.

— Đưa đi đâu?

— Tớ sẽ nói cho cậu nghe, nhưng cậu cũng phải nói cho tớ biết. Và cho tớ đi theo với. Được không?

— Để còn xem đã, — An-đrây đáp lơ lửng.

Vích-to ngập ngừng.

— Thôi được, tớ tin cậu. Ở ngoài thị trấn, có một cô ngực rất to, tên là Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va. Cậu không biết cô ấy đâu. Ma-ca và Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép ban đêm đưa hết đến đó, còn xe đưa đi vứt ở một nơi nào đấy... Có lẽ đến giờ ở nhà cô ấy cũng còn đầy một gác toàn vải vóc, áo quần, giày ủng. Đấy... tớ biết, nhưng tớ không nói.

— Vì cậu sợ Ma-ca.

— Khô-ông phải, — Vích-to lắc mái đầu đội chiếc mũ lông cừu đã rách mướp. — Ma-ca là một chuyện. Nhưng chuyện khác, quan trọng hơn, là họ đã tin mình. Mặc dù họ là những kẻ xấu, nhưng nếu đã tin mình thì theo tình người, muốn hay không muốn, cũng phải im lặng. Nếu như ngay từ lúc đầu, tớ không tiếp nhận sự tin tưởng của họ, lúc đó sẽ khác... Nhưng tớ không làm như vậy được. Trong chuyện này tớ có lỗi nặng. Nhưng cứ thử trái lời Ma-ca mà xem! Giá như ai biết được hắn... hắn đánh tớ... — Và Vích-to lại thút thít.

An-đrây Xa-vê-li-ép cau có đứng im, cố nhăn trán lại một cách nghiêm trang.

— Thế nghĩa là anh muốn... đi để tránh Ma-ca?

— Đúng, đúng! — Vích-to kêu to, vung chiếc gậy trượt tuyết nắm chặt trong tay. — Đúng thế... Khi hắn ra tù về, hắn sẽ lại bắt buộc tớ phải...

Những ngôi nhà ở San-ta-ra bị đè nặng dưới lớp mái phủ tuyết dày đang nhấp nháy những ánh đèn mờ ở đằng xa, bầu trời ở trên đầu tối đen, chỉ ở một góc, phía nhà máy, là sáng bừng lên. Dường như chỉ cần một ngọn gió nhẹ thổi, là cả vầng sáng, cả những ánh lửa chập chờn, buồn bã kia sẽ tắt hết.

— Nếu không, tớ chết mất, An-đrây ạ, — Vích-to đang run run, và An-đrây nghĩ có lẽ Vích-to sẽ nguy thật.

— Hay là nói nơi cất giấu hàng ra?

— Cái gì?! — Vích-to kêu lên sợ hãi. — Tớ đã hứa rồi...

Anh hứa với ai mới được chứ? Cứ làm như...

– Thì cũng vậy, – Vích-to bướng bỉnh nhắc lại. — Tớ đã nói với cậu rồi, cái chính không phải là hứa với ai, mà cái chính là tớ đã hứa. Chẳng lẽ cậu không hiểu à?

Vích-to càng làm cho An-đrây thêm ngạc nhiên. Cậu rất thích rằng Vích-to coi trọng lời đã hứa, nhưng đồng thời, trái tim bé nhỏ của An-đrây vẫn phẫn nộ bởi một điều gì đó.

— Anh thì ai cũng có thể tin và hứa được cả, — sau khi nghĩ một lát, cậu tiếp. — Ở ngoài mặt trận mọi việc đều có thể xảy ra. Chẳng hạn, anh bị bọn phát-xít bắt, anh cũng sợ chúng như sợ Ma-ca, và cũng...

Hai thanh trượt tuyết dưới chân Vích-to bỗng kêu rít lên, cậu loạng choạng, và An-đrây tưởng như Vích-to sắp vung gậy trượt tuyết lên đánh vào đầu cậu, rồi nổi khùng lên, quật cậu ngã xuống tuyết, im lặng đánh cậu thật lâu, thật đau... Nhưng Vích-to không đánh, cậu chỉ nhấc chân đi bàn trượt tuyết bước sang chỗ khác và khẽ thốt lên, ngắt quãng, dường như nghẹn thở:

— Mày... thằng...

Rồi bỏ đi, dáng người nhỏ bé, yếu ớt, tội nghiệp khuất vào bóng tối.

— Vích-to! Vích-to.

An-đrây hiểu rằng mình đã xúc phạm nặng nề tới bạn. Cậu chạy theo xin bạn dừng lại, nhưng Vích-to càng đi nhanh hơn. Lúc đó An-đrây cố hết sức mình đuổi kịp, cầm lấy tay Vích-to giữ lại.

— Bỏ ra! — Vích-to giật mạnh tay.

Từ phía sau dãy Dve-nhi-gô-ra, một mẩu trăng hiện ra, trôi trên mặt đất, nhưng không cao lắm. Trăng không làm cho đêm sáng hơn, chỉ có những mái nhà ở San-ta-ra ánh lên một màu xanh nhợt và những ngọn gò nhọn, nơi lũ trẻ vừa mới đua nhau trượt tuyết xuống, phát ra những đốm lửa lấp lánh.

Trong mắt của Vích-to cũng phát ra những đốm lửa giống như những đốm lửa trên gò tuyết, nhưng có lẽ sáng hơn.

– Anh tốt lắm, Vích-to ạ, em biết, — An-đrây nói vẻ hối lỗi. – Em đồng ý đấy, Vích-to ạ. Chỉ có điều bây giờ thì đi ra mặt trận thế nào được? Hoàn toàn không thể được. Mùa đông mà... Đành phải đợi đến mùa hè thôi. Anh hiểu chứ?

—Tớ không phải là thằng ngốc.

—Sang mùa xuân ta sẽ bàn thêm.

—Nghĩa là cậu đồng ý cho tớ cùng đi?

—Thì đã bảo là sẽ bàn thêm, — An-đrây trịnh trọng nói. Nhưng coi chừng đấy, chớ có hớ ra...

—Nhưng nghe đài nói, quân Đức đã bị đuổi đi.

—Không sao... Anh Xê-mi-ôn bảo rằng chiến tranh sẽ còn lâu, —An-đrây nói cho Vích-to yên lòng. —Em cũng đã xem bản đồ. Chúng còn chiếm nhiều đất của ta lắm. Đuổi chúng ra ngay bây giờ đâu phải dễ.

Trăng hạ tuần mỗi lúc một lên cao, trôi trên khoảng không lạnh lẽo, tối tăm, buồn bã nhìn xuống mặt đất.

—Còn cái gã Ma-ca đáng nguyền rủa kia hoàn toàn không phải là anh của tớ, — Vích-to bỗng đột ngột nói. — Mẹ tớ cũng bảo là anh, nhưng thật ra không phải anh. Ma-ca và Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép ngồi sau bàn uống rượu, nói chuyện, còn tớ nằm trên lò sưởi và nghe hết... Còn cậu... với cậu, hắn là cậu hay chú bác gì đấy.

—Ai bảo?—An-đrây nghĩ rằng Vích-to nói đùa. —Em chỉ có một chú và một bác—chú I-van và bác An-tôn.

—Phải rồi, —Vích-to nói một cách cay độc. —Ma-ca là em ruột của mẹ cậu.

—Ha-ha! —An-đrây phá ra cười khinh bỉ. —Cứ nói láo nữa đi! Chẳng lẽ em lại không biết...

—Nếu như Ma-ca nói dối Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép, thì tớ mới nói dối với cậu...

Và cậu vượt lên An-đrây, đi nhanh về phía những ánh lửa đang thấp thoáng trong thị trấn. Còn An-đrây, bối rối đứng nguyên tại chỗ, ngơ ngác nhìn theo bóng Vích-to mờ dần, rồi mất hẳn vào bóng tối. Nhưng cậu có cảm tưởng như không phải Vích-to, mà chính là cậu, An-đrây đang hòa tan vào bóng tối, đang biến thành làn sương đêm đen như mực, đang biến thành hư vô...

* * *

Phê-đô vẫn ngồi yên trên ghế, suy nghĩ. Ông không nhận thấy An-đrây đi lúc nào, An-na về lúc nào. Mùi sữa tươi làm ông chợt tỉnh.

Trong nhà vắng vẻ và trống trải, chỉ có tiếng ông cụ ho ở phòng bên cạnh. Nhưng Phê-đô biết rằng ngay bây giờ Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na và Xê-mi-ôn sẽ đi làm về, Gan-na và Đi-ma cũng từ trường về, và cả ngôi nhà sẽ trở nên chật chội, ồn ào, xa lạ, sẽ biến thành một nhà ga.

— Hôm nay anh về sớm, — An-na vừa rót sữa vào vỏ, vừa nói. — Bữa tối còn chưa nấu.

Phê-đô hoàn toàn không quan tâm đến việc bữa tối đã xong hay chưa. Ông ngồi và nghĩ về An-phi-xa.

«Hoặc là tôi đến An-phi-xa ngay bây giờ, hoặc là không bao giờ đến, hoặc là bỏ nhà đi hẳn khỏi nơi đây», — cách đây chưa lâu lắm, dạo mùa thu, ông đã nói thẳng với An-na như vậy. Nhưng cho đến tận bây giờ vẫn chưa biết xử sự ra sao. Một sự trống rỗng sinh ra và xâm chiếm tâm hồn ông. Nó sinh ra từ bao giờ và tại sao — ông không biết, nhưng lại mừng vì có nó. Bây giờ ông dửng dưng với tất cả — cả I-van lẫn An-tôn, cả An-na lẫn An-phi-xa, cả con cái lẫn công việc, cả chuyện nhà ông giờ đã trở thành hộ tập thể. «Mặc mẹ chúng nó. Ai muốn nghĩ gì về ta thì nghĩ, — ông cười nhạt khẽ nhớ lại buổi tối ở nhà An-tôn. — Ta sẽ sống như ta thích...»

Nhưng ông thích cái gì — điều này đến bây giờ ông cũng không biết.

Sau buổi tối hôm nọ đến nay, ông không gặp lại cả An-tôn, I-van lẫn Cru-gi-lin. An-phi-xa thì thỉnh thoảng thấy thoáng qua trong cửa sổ hoặc ngoài đường; mỗi lần cất tiếng chào, giọng nói của ông lại làm cho chị giật mình, An-phi-xa hoảng hốt nhìn quanh quất và vội vã bỏ đi.

Nhưng mặc dù vậy, ông vẫn cảm thấy rằng cái trạng thái trống rỗng, dửng dưng đó cũng chỉ là tạm thời, chẳng bao lâu nữa sẽ biến mất, và ông lại bị cuốn hút đến với An-phi-xa không cưỡng được. Nếu như ông quyết định bỏ nhà đến ở hẳn với An-phi-xa, cô ta sẽ tiếp nhận ngay — điều này Phê-đô tuyệt đối không nghi ngờ gì cả. Nhưng rồi sau đó thì sao, họ sẽ sống ở đâu? Ở ngay tại đây, ngay trong ngôi nhà cũ của mình thì nhất định không được rồi. An-na và Xê-mi-ôn thì mặc xác, nhưng với lũ trẻ, với Đi-ma và An-đrây ông đã cảm thấy trước điều bất tiện. Bởi vì hàng ngày rồi ông sẽ phải đụng đầu với chúng ở ngoài đường phố. Rồi nữa, con của An-phi-xa cũng

đã lớn. Nhi-cô-lai thì chưa nói đến, chứ Vê-ra từ lâu đã thành đàn bà thật sự rồi, hình như đã thỏa thuận với Xê-mi-ôn về chuyện cưới xin, nhưng sau không hiểu lại có gì trục trặc. Nhưng nếu như việc của chúng xong xuôi, Vê-ra lấy Xê-mi-ôn, mà ông lại sống với An-phi-xa, mẹ của Vê-ra — thì sẽ như thế nào? Hóa ra con trai của ông lại đi lấy ngay chính con gái của ông?! Thiên hạ họ cười cho đến thối mặt.

Nói chung, Phê-đô có nhiều điều cần phải suy nghĩ, nhưng bây giờ ông không muốn nghĩ gì cả, mà cũng chưa nhất thiết phải nghĩ ngay, cho nên ông sống cô đơn trong bản thân mình, tách biệt với mọi người, như một kẻ xa lạ trong ngôi nhà của mình. An-na vẫn loay hoay với mấy chiếc vò sữa, xoong chảo. Phê-đô nhìn vợ đang cúi gập người bên lò sưởi, nhìn những ánh lửa vàng nhợt nhảy múa trên khuôn mặt hơi ươn ướt của vợ, và chợt nhận ra, như bao lần khác, một cách thản nhiên, hờ hững: «Cô ta cũng cân đối đấy chứ...» Phê-đô đứng dậy, đi ra sân.

Ông bước ra không với một mục đích nào cả, đứng trong sân một lúc, nhìn những tia nắng cuối cùng đang tắt lịm ở phía tây. «Có lẽ xem qua chuồng bò một tí». Ông bước về phía chuồng bò, tay sờ túi tìm diêm để châm đèn. Nhưng ông chợt thấy, cũng như một đêm mùa thu cách đây chưa lâu lắm, một bóng người thấp thoáng sau cửa sổ nhà I-nhi-u-chin, và ông dừng lại...

Một phút sau, ông cúi đầu cho khỏi vấp phải thanh ngang trên cửa, bước vào nhà I-nhi-u-chin. An-phi-xa đứng thẳng người cạnh bếp lò nghiêm khắc nhìn ông, đầu ngẩng cao như đầu rắn. Vê-ra, người phờ phạc, mặc chiếc áo dài dùng trong nhà đã cũ, từ trong phòng mình thò đầu ra, nhưng không nhìn Phê-đô, mà nhìn mẹ. Trên môi cô thoáng qua một nụ cười mỉa mai trơ tráo.

— Con phải đi chứ?

— Đi ra ngoài một lúc đi, — An-phi-xa nói, mắt không nhìn con gái.

Mím môi lại một cách khinh bỉ, Vê-ra khoác chiếc áo khoác ngắn bằng lông lên vai, giật chiếc khăn san cũ treo trên móc xuống.

— Các người làm nhanh nhanh lên đấy, — cô nói với một dụng ý bẩn thỉu, mắt gườm gườm nhìn Phê-đô khi đi qua chỗ

ông đứng. — Không thì ngoài đường lạnh lắm, và Nhi-cô-lai cũng sắp đi học về.

Phê-đô lấy chiếc ghế đẩu, đặt xuống sát tường, cạnh cửa, và ngồi xuống.

— Anh đến làm gì? — An-phi-xa hỏi. Đôi mắt chị đen và lạnh lùng.

— Anh không biết nữa... — Quả thật, Phê-đô không biết, không hiểu tại sao mình lại đến đây. — Anh buồn lắm.

An-phi-xa vẫn đứng nguyên cạnh lò sưởi.

— Anh vẫn nghĩ, An-phi-xa ạ... Anh sẽ bỏ An-na đi.

An-phi-xa vẫn không nhúc nhích, chỉ có, như Phê-đô cảm thấy, cả người chị như căng ra, chờ những lời tiếp theo của ông. Trong phòng bốc lên mùi bột chua chua — có lẽ An-phi-xa đang nhào bột để làm bánh sáng.

Phê-đô bỗng nhiên muốn An-phi-xa quỳ xuống trước mặt mình, như mọi lần, nhìn vào mắt ông với vẻ trung thành như chó đối với chủ, nói với ông những lời tỏ tình âu yếm, rồi gục bộ mặt ướt đẫm nước mắt vào ngực ông khóc nức nở, đôi vai khẽ run lên và Phê-đô khẽ thở dài, sẽ vuốt ve lên đầu, lên vai chị... Để đạt được điều đó, ông nói:

— Nhưng anh biết đi đâu bây giờ? Em chắc là không tiếp nhận anh...

— Anh sẽ tìm được chỗ thôi... Trong làng bây giờ bao nhiêu là đàn bà góa...

Sự im lặng trong phòng như bắt đầu ngân lên, mỗi lúc một to thêm, mỗi lúc một khó chịu hơn và, dường như nó sắp vỡ tung ra thành trăm mảnh ngũ sắc lấp lánh, như một tấm kính lớn bị ném từ trên cao xuống tảng đá. Nhưng nó không vỡ ra, mà vẫn tiếp tục ngân.

— Đàn bà góa — nghĩa là thế nào? — ông cười khẩy một cách đáng thương và ngây ngô. — Thế còn... còn em?

— Tôi bây giờ đâu đã phải là đàn bà góa. Ki-ri-an viết thư về: không sao, anh vẫn khỏe...

— Kha-kha! — Tiếng cười vang lên ngắt quãng trong sự im lặng của căn phòng, làm cho chính Phê-đô cũng cảm thấy hoảng hốt. — Thế nghĩa là... phải hiểu em như thế nào?

— Tôi, Phê-đô ạ, sẽ đợi Ki-ri-an, — An-phi-xa rành rọt nói. — Còn anh từ nay đừng đến tôi nữa...

An-phi-xa ngừng nói, nhưng những lời của chị vẫn đập mãi vào màng óc như những con nhặng nặng nề vùng vẫy lao vào mặt kính cửa sổ. Rất lâu ông không hiểu được ý nghĩa của chúng, và khi đã hiểu ra, một đợt sóng nóng, không hiểu từ đâu, dâng lên trong lồng ngực, bốc lên đầu, che phủ làm mờ cả trí óc. Ông lảo đảo đứng dậy, cảm thấy chân mình đứng không vững nữa.

— Em... em nói cái gì vậy? — ông lấy mũ lông lau mồ hôi rịn ra trên trán. — Em không yêu anh nữa sao? — cuối cùng, ông mới tìm ra được từ cần thiết.

— Tôi đã nói rồi — tôi đã có chồng của tôi.

— Thế đấy, — Phê-đô thốt lên, giọng khản đặc. — Ha-ha, thế đấy, thế đấy...

— Anh Phê-đô, anh đi đi, — An-phi-xa van xin. — Vê-ra đứng ngoài kia nó chết cóng mất.

Phê-đô không còn nhớ mình đã ra khỏi nhà như thế nào. Vê-ra đứng cạnh cửa, mình choàng chiếc áo khoác ngắn bằng lông.

— Các người nhanh thế, — cô giễu cợt nói và định lẩn vào nhà.

Nhưng những lời của cô làm cho Phê-đô nổi cáu. Ông túm lấy vai cô gái lắc mạnh.

— Cái con này... con này?! — ông giận dữ quát to. — Mày hiểu cái gì? Mày hiểu cái gì?

Chiếc khăn san quàng vội lên đầu rơi xuống vai, Vê-ra ưỡn đầu ra phía sau, hai tay chống vào ngực Phê-đô.

— Ông làm gì thế? Ông làm gì thế?!

Khuôn mặt của cô sát kề ngay mắt ông, nhưng trong bóng chiều chập choạng mọi đường nét trông không rõ; tuy vậy, trong một thoáng nào đó, Phê-đô có cảm giác rằng trước mắt mình không phải Vê-ra, mà chính An-phi-xa: cũng đôi vai gầy nhọn mà ông cảm thấy dưới lần vải áo khoác, cũng giọng nói trầm phát ra từ trong ngực, cũng đôi mắt ánh lên trong bóng tối như những đốm sáng nhỏ. Tất cả những cái này làm cho Phê-đô hoảng sợ, ông đẩy Vê-ra ra.

— Con gấu đực... Đúng là đồ gấu đực! — Vê-ra vừa giận dữ kêu to, vừa sửa lại chiếc khăn san, bàn tay khẽ vuốt lên mái tóc của mình. — Các người thì có gì mà phải hiểu? Tôi đã hiểu các người từ lâu rồi.

— Đồ ngu!

— Đó là bây giờ, còn sau này khi lớn lên, có thể lúc đó... — Và, nhe hàm răng trắng nhờ nhờ trong bóng tối, cô bước vào nhà, đóng sập cửa lại.

Phê-đô chậm chạp bước ra khỏi vườn nhà I-nhi-u-chin, vừa nhớ lại dáng An-phi-xa vẫn đứng như cột cạnh lò sưởi, thậm chí không hề nhúc nhích, trong suốt cả buổi nói chuyện với ông. Ông hiểu rằng An-phi-xa đã đuổi ông đi. Chỉ mấy phút trước đây, điều này đã làm cho ông choáng váng, nổi khùng lên, nhưng bây giờ — thật kỳ lạ, — cơn giận đã hoàn toàn biến mất, chỉ còn lại một sự ngạc nhiên nhẹ nhõm. Ông có cảm tưởng như tất cả những cái đó — cả việc ông đến nhà I-nhi-u-chin, cả những lời của An-phi-xa — tất cả đều không phải sự thật, mà chỉ là một giấc mơ. Và Vê-ra, với đôi mắt ánh lên lấp lánh, với hàm răng nhe ra trắng nhờ nhờ trong bóng tối, cũng là ở trong mơ.

Ở đâu đây bên cạnh có tiếng dây cương ngựa kêu leng keng. Phê-đô ngẩng đầu lên nhìn. Một con ngựa thắng vào chiếc xe trượt tuyết đang đứng cạnh thềm nhà ông. «Lạ nhỉ, ai đến nhà mình thế này?»

Bước vào nhà, ông trông thấy I-van đang ngồi trên chiếc ghế ông vừa ngồi lúc nãy. «A, mày dám ngồi vào chỗ của ông...» — Phê-đô hậm hực nghĩ.

I-van mặc vét-tông, áo sơ-mi màu thẫm để lộ chiếc cổ gầy guộc, mũ lông đặt trên đầu gối. An-na đang dọn bữa tối ra bàn. Trong phòng ngủ của mấy đứa trẻ vang lên giọng của Đi-ma và Xê-mi-ôn, từ phòng khác vọng lại tiếng nói chuyện của Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na và con gái Gan-na.

Áo bành-tô bằng dạ đã cũ và áo khoác lông của I-van đặt cạnh người anh. Ý nghĩ đầu tiên của Phê-đô là bước tới bên cạnh I-van, một tay túm lấy cổ áo, tay kia mở cửa, quăng người em ruột ra ngoài như quẳng một con chó, ném bành-tô và áo khoác lông ra theo, rồi khóa trái cửa lại. Và làm tất cả những việc đó im lặng, không nói một lời nào. Nhưng ông không làm việc đó, vì trong khi Phê-đô cởi áo ngoài, An-na thôi không dọn bàn nữa, mà đứng canh chừng từng cử động của chồng. Rồi Xê-mi-ôn cũng từ trong phòng bên cạnh bước ra, chăm chú nhìn cha, im lặng cầm chiếc mũ lông trên đầu gối của I-van treo lên đinh móc trên tường.

—Thằng An-đrây biến đi đâu mất rồi nhỉ? — An-na hỏi, và không đợi trả lời, bắt tay vào cắt bánh mì.

Có lẽ Phê-đô vẫn sẽ thực hiện ý định của mình, nếu như không có Xê-mi-ôn và không có những giọng nói vọng ra từ phòng của những người tản cư.

—Ông khách quý hóa quá... — ông nói, gần như không mấp máy môi. — Làm sao mà dám đến đây?

—Cha là con thú gì dữ hay sao mà phải sợ? — Xê-mi-ôn hỏi.

—Người ta không hỏi mày thì mày đừng có múa mép lên.

—Thôi, tôi đi đây, — I-van đứng dậy.

—Chú ngồi đấy đã, — Xê-mi-ôn đặt tay lên vai I-van. — Chú I-van, ta uống trà đã.

—Không thì ngủ lại đây cũng được. Đêm tối rồi còn đi đâu? Trời thì rét... — An-na tiếp lời. Phê-đô nghe vợ nói và không tin ở tai của mình. An-na, ngay trước mặt ông, Phê-đô, dám mời I-van ở lại ngủ đêm?! Thế này là thế nào? An-phi-xa, và bây giờ là An-na... Cái gì đã xảy ra với An-na, sao cô ta dám nói như vậy, dường như ở đây, trong ngôi nhà này, ông bây giờ không còn là chủ, là chồng nữa?! Rồi Xê-mi-ôn nữa — trông đã hùng hổ chưa kìa!

Tất cả những cái đó làm cho Phê-đô kinh ngạc, lo ngại. Ông ngồi xuống một chiếc ghế sau giường, tay xoa xoa lên thành ghế bằng gỗ, môi mím chặt, đưa mắt hết nhìn vợ, nhìn con trai, đến nhìn em ruột...

—Không, không thể được, — I-van lắc mái tóc bạch kim. — Tôi vừa ở đằng anh An-tôn, anh chị cũng đã giữ lại... Cần phải đưa thuốc về ngay, Pan-crát Na-da-rốp đang ốm nặng, suốt đêm qua sốt rất cao.

—Sao không đưa bác ta đi bệnh viện? — An-na hỏi.

—Bác ấy không muốn, bảo: «Lão nằm ở nhà thôi». Hôm qua chính Cru-gi-lin đến thăm, định chở đi trên xe của mình, nhưng cũng không chịu đi.

Phê-đô nghe ở trạm máy kéo rằng Pan-crát Na-da-rốp, chủ tịch nông trang «Bông lúa đỏ», vừa mới đây trên đường từ tỉnh về bị cảm, ốm nặng. Ông bỗng thốt lên, đổ bao nhiêu sự giận dữ, cáu kỉnh lên đầu Pan-crát Na-da-rốp vốn không có tội tình gì:

— Đồ bệnh lao thì có bệnh viện nào chữa được?

I-van liếc nhìn người anh, thở dài:

— Chúng tôi cũng sợ không qua khỏi mùa xuân năm nay. Những người bị bệnh phổi mùa xuân càng thêm nặng.

— Chúng tôi — là những ai?

— Ở nông trang, — I-van trả lời ngắn gọn.

Vừa hỏi, Phê-đô vừa lo lắng nghĩ thầm: cái gì đã xảy ra với An-na, sao cô ta dám cả gan như vậy. Và ông càng ngạc nhiên hơn khi thấy mình cũng bắt đầu nói chuyện với người em.

Rồi tiếp đó, Phê-đô hoàn toàn không hiểu được mình nữa. Khi An-na mời vào bàn, ông đứng dậy và ngồi đối diện với I-van.

Họ im lặng ăn tối. An-na không uống chè, chỉ liên tục rót vào chén cho chồng, cho Xê-mi-ôn, Đi-ma và I-van. An-na đặc biệt chú ý tới I-van hơn so với những người khác, rót tiếp ngay cho anh khi anh vừa uống cạn chén của mình. Phê-đô nhận thấy điều đó và nhếch mép cười gằn.

Đi-ma ăn xong trước hết, im lặng đứng dậy khỏi bàn. Xê-mi-ôn cũng đứng dậy tiếp. I-van đẩy chén của mình ra.

— Chú uống một chén nữa, I-van, — An-na nói.

Phê-đô lại nhếch mép cười, nhưng lần này lên tiếng:

— Đấy, cô ta thật quan tâm... Khách quý của cô ta đấy....

I-van rướn đôi mí mắt hơi sưng phù lên:

— Hình như anh cũng đã sắp đến năm chục tuổi rồi đấy. Thế mà anh chả khôn ra tí nào.

Phê-đô chậm chạp ngả người ra sau thành ghế, một cơn giận điên cuồng, câm lặng ánh lên trong đôi mắt sâu dưới hàng lông mày rậm. Tay trái ông đang nằm trên bàn, những ngón tay to run lên. Ông kéo tay về phía mình, cọ lòng bàn tay vào góc bàn nhọn phủ khăn bằng vải lanh mềm. Bỗng Phê-đô nắm chặt tay lại, túm lấy hai góc khăn, làm như sắp kéo tuột nó xuống khỏi bàn, bát đĩa sẽ rơi xuống đất loảng xoảng. Mặt An-na trở nên tái nhợt.

— A, cái thằng này... — Phê-đô như bị nghẹt thở, chiếc môi dưới dày của ông run bần bật. — Chính quyền Xô-viết đã bóp cổ mày, đè bẹp mày... Chỉ có điều là chưa chết hẳn...

— Đã để lỡ mất, — I-van nói.

— Đúng đấy.

— Ra thế... Đáng lẽ Chính quyền Xô-viết phải đè bẹp anh đi mới đúng.

Họ ngồi bất động ở hai đầu bàn, mắt nhìn nhau nảy lửa.

— Thê-ế... — Phê-đô kéo dài giọng. An-na đứng cạnh I-van, môi mím chặt, dường như sợ từ trong miệng mình bật ra tiếng kêu man rợ, thất thanh. — Vì sao, theo ý mày, chính quyền... Chính quyền Xô-viết lại cần phải đè bẹp tao?

Ông nói, nhưng các từ như không chịu nghe lời ông, cứ tuột đi, và ông phải bắt lấy chúng, vụng về sắp xếp chúng lại, đồng thời lắng nghe, ngắm nghía xem hàng lối của chúng ra sao, chúng tạo nên ý nghĩa gì. Nhưng có lẽ cuối cùng ông vẫn không hiểu gì cả, nên trên khuôn mặt rộng của ông lộ vẻ bất lực đần độn.

— Là vì rằng, như tôi hiểu, anh... cái chính quyền này... Biết nói thế nào với anh được nhỉ?..

Phê-đô vẫn nắm chặt đầu cuối tấm khăn giải bàn trong tay, nghe I-van nói những lời cuối, nắm tay ông như giật nảy lên.

— Tôi vẫn biết là anh đã chiến đấu vì Chính quyền Xô-viết. Nhưng anh không yêu nó, Phê-đô ạ. Hay ít ra anh cũng tiếc rằng chính quyền đó đã chiến thắng. Anh không chấp nhận nó...

I-van cũng diễn đạt một cách khó khăn.

Mắt Phê-đô khi nheo lại, khi mở to. Ý nghĩa của những lời I-van nói khi thì lọt được vào ý thức của Phê-đô, hiện ra rõ ràng, khi thì tan biến, trôi đi đâu mất, như nước lọt qua rổ thưa.

Cuối cùng, Phê-đô thở mạnh không khí từ trong ngực, duỗi nắm tay thả tấm khăn giải bàn ra.

— Kể ra mày cũng khéo... chắp nối đấy. Mày nghĩ ra điều này từ bao giờ đấy? Trong nhà tù à?

— Không, ở ngay đây chứ, — I-van trả lời một cách đơn giản. — Sau hôm chúng ta gặp nhau ở nhà anh An-tôn. Những lời nói của Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin về nhà cứ gõ mãi, xoáy mãi vào đầu, rồi sau đó tôi chợt hiểu ra: thật ra ông ta, lấy anh làm thí dụ chẳng hạn, chỉ mới nói được một nửa sự thật. Còn toàn bộ sự thật...

Phê-đô vội vã đứng dậy, xô ghế đánh rầm. I-van cũng đứng dậy. An-na mở miệng định kêu, nhưng từ phòng bên, có lẽ nghe tiếng xô ghế, Xê-mi-ôn đã chạy ra.

— Cái gì thế? — Anh nhìn mẹ, cha và chú.

— Bước ngay ra khỏi đây! — Phê-đô hất vai, quát. — Thế, còn toàn bộ sự thật là cái gì?

— Điều đó thì tự anh biết rõ hơn, — I-van đáp và bước đến bên ghế, cầm lấy áo bành-tô của mình, bắt đầu mặc vào. — Còn tôi, anh Phê-đô ạ, đã nói hết những gì tôi nghĩ về anh.

Xê-mi-ôn không đi ra khỏi phòng, anh đứng tựa vào tường nhìn I-van mặc áo. Phê-đô đi lại trong phòng, đầu nghiêng sang một bên như đang lắng nghe một điều gì đó.

— Thế tại sao tao lại không tiếp nhận nó? — ông dừng lại lên tiếng hỏi. Trong lúc đợi trả lời, ông đứng không nhúc nhích như cây cột, đầu vẫn nghiêng sang một bên.

— Có lẽ lúc sinh ra đã như vậy. Tôi lại nhớ, anh hồi nhỏ như thế nào...

— Như thế nào? — Phê-đô cáu kỉnh hỏi.

— Trong tính cách của anh có một vết nứt rạn. Tham lam, ghen tị, hiếu thắng, độc đoán... Và đấy, như Cru-gi-lin nói hôm ở nhà An-tôn: «Vết rạn thời trẻ, miếng mẻ lúc già».

— Thôi được... — Phê-đô giật giật bộ ria của mình, rồi lại vuốt thẳng ra, ngồi ghé xuống mép giường và cười khẩy với một ý nghĩ nào đó của mình. — Cứ cho là như vậy... Nhưng làm sao mày có thể giải thích được: tại sao tao không yêu, không tiếp nhận Chính quyền Xô-viết, nếu tao đã tham gia du kích, chiến đấu vì nó không tiếc đời mình? Hả? Mày giải thích ra sao nào?

Từ «chính quyền» không hiểu sao ông nói rất khẽ.

— Trên đời không phải mọi cái đều có thể giải thích dễ dàng được, — I-van vừa nói vừa khoác áo lông lên người. — Đúng là lúc đó anh đã tham gia du kích. Nhưng tôi vẫn có cảm giác rằng, nếu bây giờ có cơ hội cho anh, thì anh cũng sẽ chống lại ngay...

Phê-đô bắt đầu điên khùng lên, trong người ông tất cả như sôi bùng ra, đầu nóng bừng, bàn tay đặt trên thành giường giật giật, trong mắt lóe lên một ánh lửa dữ tợn. Ông từ từ đứng lên. Nhưng Xê-mi-ôn đã bước đến bên I-van, tiện tay giật chiếc áo khoác từ trên tường xuống.

– Cháu sẽ tiễn chú về, chú I-van ạ.

Này, I-van, — cố hết sức kìm mình lại, Phê-đô nặng nhọc nén từng lời ra từ cái miệng lông lá. — Mày đừng có mà... Từ

nay đừng có đặt chân đến nhà tao nữa, nghe không? Mày có việc gì cần đến tao? Mày đến đây có việc gì?

— Ghê gớm chưa! Làm như anh sống ở đây một mình không bằng. Tôi không cần anh đâu. Tôi đến gặp An-na.

— Để làm gì? Để làm gì?!

— Điều đó nếu chị ấy muốn, chị ấy sẽ nói.

I-van chào An-na và bước ra cùng Xê-mi-ôn. Phê-đô ngồi xuống ghế và im lặng. Không hiểu sao ông bỗng nhớ lại cảnh Vê-ra I-nhi-u-chi-na đứng ở thềm cửa và nhìn ông, dường như muốn xô ông ngã xuống tuyết. «Đồ ngu» — Phê-đô nói với Vê-ra, còn cô ta trả lời: «Đó là bây giờ, còn sau này, tôi lớn lên, có thể lúc đó...» Cô ta nói những lời thật kỳ quặc...

— Hắn đến cô có chuyện gì thế? — Phê-đô hỏi An-na.

— Chuyển câu trả lời của bác Pan-crát Na-da-rốp. — An-na đáp.

— Câu trả lời nào?

— Tôi hỏi bác ta có nhận tôi với các con vào nông trang không?

— Thế... thế... vào nông trang là thế nào? — trong mắt của Phê-đô thoáng hiện ra vẻ ngạc nhiên.

— Thì anh đã định ly dị với tôi mà. Tôi với các con biết đi đâu bây giờ? Vào nông trang, tôi sẽ sống với mọi người...

Từ dưới đôi lông mày rậm, Phê-đô nhìn vợ với vẻ giễu cợt.

— Thế Pan-crát nói sao?

— Bảo sẽ nhận, không sao...

— Thế đấy! Nhưng lỡ tôi không ly dị nữa thì sao?

— Không sao, tôi cũng còn đang sống mà... — sau một thoáng lưỡng lự, An-na đáp. — Tự tôi sẽ xin ly dị...

— Thế... — Phê-đô lại đứng lên. — Nào, nhắc lại xem nào!

An-na đang thu dọn trên bàn, vội né người vào trong góc. Nhưng cả An-na lẫn Phê-đô đều không ai kịp nói gì thêm, lúc đó ngoài cửa có tiếng người, cửa mở, An-đrây mặt đỏ hồng lên vì lạnh, bước vào, và theo sau là Xê-mi-ôn với chiếc áo lông khoác vội trên vai.

— Đây, nhà trượt tuyết đây, — Xê-mi-ôn lấy tay xoa chiếc mũi đỏ hồng của An-đrây, nói. — Nó đi đến chảy nước mũi ra đây này.

An-na bắt đầu dọn bữa tối cho An-đrây ăn. Cậu húp canh

xùm xụp, mấy lần định hỏi mẹ câu chuyện vẫn dằn vặt cậu, nhưng nhìn cha đang ngồi sầm mặt như một đám mây dông, lại không dám.

— Đi nằm ngủ đi, — khi An-đrây đã ăn xong, mẹ ra lệnh ngắn gọn.

* * *

An-đrây đi vào phòng bây giờ dùng làm buồng ngủ cho cả ba anh em — cậu, Đi-ma và Xê-mi-ôn. Đi-ma ngồi xo vai bên cạnh bàn, đang làm bài tập. Xê-mi-ôn nằm trên giường đọc sách.

— Thằng Vích-to mới nói với em rằng Ma-ca không phải là anh của hắn. Mà hắn bảo Ma-ca là cậu ruột của em, — An-đrây nói. — Phải thế không ạ?

Quyển sách trong tay Xê-mi-ôn hơi giật nảy lên.

— Còn mày... đi mà nghe những chuyện vớ vẩn cho nhiều vào!

Trong đôi mắt của anh lộ vẻ bất lực, bối rối. Và An-đrây bỗng hiểu: Vích-to nói đúng sự thật.

Đi-ma quẳng chiếc bút học sinh xuống bàn, quay người lại:

— Không vớ vẩn đâu. Ma-ca là em ruột của mẹ đấy, em biết mà...

— Mày biết cái gì? Từ đâu mà mày biết? — Xê-mi-ôn quát to. — Chúng mày chẳng biết cái gì hết!

— Nhưng sao anh hét ầm lên như vậy? — An-đrây hỏi.

Xê-mi-ôn bắt gặp đôi mắt mở to của An-đrây, anh lúng túng quay đi, nhăn mặt, dường như ăn phải một cái gì rất chua, nắm chặt tay đấm xuống gối mấy đấm.

— Đấy không phải là việc của chúng mày! Đi ngủ đi! Tắt đèn...

...Một giờ sau, đèn trong tất cả các cửa sổ nhà Xa-vê-li-ép đều tắt hết. Ngôi nhà, đỡ trên mái một lớp tuyết dày, đứng im lặng trong một dãy phố dài, không có gì khác biệt so với những ngôi nhà khác. An-đrây rất lâu vẫn không ngủ được. Nằm bên cạnh Đi-ma đã ngáy đều, cậu vẫn nghĩ mãi về cái tin Vích-to mới nói lúc chiều. Nhưng rồi cậu cũng thiếp đi. Trong nhà chỉ còn lại Phê-đô và An-na là chưa ngủ.

Phê-đô nằm ngửa, mở mắt nhìn lên trần nhà chìm trong bóng tối, cảm thấy hơi ấm của vợ bên cạnh, và im lặng.

— Thế cô định bỏ tôi đi đấy à? — ông giễu cợt hỏi. — Tôi thấy cô cả gan lắm, dám mời I-van ở lại ngủ đêm.

— Tôi sẽ đi khỏi đây, — An-na kêu lên. — Không còn sức chịu đựng nữa.

— Thôi đi, — Phê-đô nói, mệt mỏi và không tỏ vẻ giận dữ. — Cô sẽ không đi đâu hết. Và chấm dứt tại đây.

— Tôi sẽ đi! Sẽ đi! — An-na như nổ bùng ra, nói mỗi lúc một to hơn. — Trời ơi, sao mà tôi nguyền rủa cái ngày giờ mà anh làm cho tôi lú lẫn đi đến thế! Và đấy, anh đã hút cạn hết máu của tôi, hết cả sức lực của tôi... I-van nói đúng, rất đúng về anh: anh không hề yêu ai cả — không yêu vợ, không yêu con, không yêu cả chính quyền, cả cái cuộc sống này — không yêu ai cả. Và có lẽ chính bản thân mình, anh cũng không yêu. Như thế anh sống để làm gì? Để làm gì?

— Hay đấy, — Phê-đô thậm chí nhỏm người dậy. Ông không trông rõ khuôn mặt vợ, chỉ thấy đôi mắt ướt sáng lên mờ mờ trong bóng tối. — Thế rồi sao nữa? Hay hết cả rồi?

— Và anh muốn lấy tôi cũng chỉ vì lòng ham muốn cái tài sản giàu có của cha tôi... để... để rồi cũng sống trụy lạc trong trại như cha tôi...

— Hay thật đấy, kha-kha!.. — Tiếng cười của ông khản đặc, nghẹn lại trong cổ họng như tiếng ho. — Tôi lấy cô năm mười chín, khi ở trong đội du kích. Lúc đó gia tài của cha cô chỉ còn lại mỗi khói đen...

— Đấy chẳng qua là trùng vào năm mười chín... Còn tôi nói là anh muốn trước kia. Anh yêu An-phi-xa, lúc đó đã sống với An-phi-xa, nhưng lại muốn cưới tôi làm vợ...

Phê-đô đã nằm xuống gối, lại nhỏm phắt dậy, lần này rất nhanh. An-na cảm thấy trong bóng tối ngực ông phập phồng, nâng lên hạ xuống, nhưng vẫn nói tiếp:

— Còn việc toàn bộ gia tài của cha tôi chỉ còn lại khói đen — chính việc này suốt đời đã gặm mòn anh như sâu đục thân cây.

— Im đi!.. Việc gì không biết thì đừng... — Phê-đô nói khẽ, như một tiếng rên nặng nề.

— Tôi biết! — An-na vẫn bướng bỉnh tiếp tục. Bà ngồi dậy trên giường và nói nhanh, vội vã, dường như sợ Phê-đô

không để cho nói hết, lấy tay hoặc gối bịt miệng lại. — Và anh cũng tiếc cha tôi đã bị I-van bắn chết. Và anh căm thù em ruột của mình là vì vậy... vì rằng I-van đã tỉnh ngộ, lúc đó đã hiểu đâu là chân lý và đến với đội du kích... Vì cái đó mà anh suốt đời trả thù I-van, vì rằng anh không thể trả thù ai khác được nữa... hoặc vì sợ những người khác... Thế đấy! Không một ai biết anh là người như vậy, nhưng tôi biết. Bây giờ... bây giờ cả anh ấy, cả I-van, cũng đã nhìn vào tận ruột anh... Bây giờ anh ấy đã trở thành kẻ tử thù của anh.

An-na nói mỗi lúc một nhanh hơn, cảm thấy thân hình lực lưỡng của chồng đang run lên ở bên cạnh.

— Câm ngay! Mà-ày! — giọng của Phê-đô lan ra khắp phòng như một đợt sóng, đập vào ngực An-na đau nhói, hất bà ngã xuống giường.

Trong phòng những người tản cư có tiếng bà già kêu yếu ớt: «Lạy Chúa! Cầu Đức Mẹ đồng trinh...» Rồi đèn lập tức bật sáng, Xê-mi-ôn, chỉ mặc độc quần ngủ và áo may-ô, chạy vào.

— Cái gì? Cái gì thế? — từ cửa phòng khách trước đây, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na thò đầu vào. — Anh ốm hay sao thế, Phê-đô Xi-lan-chi-ê-vích?

Phê-đô ngồi trên giường, cạnh tường, người đẫm mồ hôi, mặt đỏ gay.

— Không sao... Một giấc mơ khủng khiếp, — ông cười nhạt. Rồi bỗng gầm lên: — Bước cả ngay! Gì mà tròn mắt lên thế...

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na lập tức biến mất. Còn Xê-mi-ôn ngập ngừng đứng lại một lát.

— Nếu là mơ, trở người sang bên khác đi, cha ạ, — anh mỉa mai nói và tắt điện.

— Thế đấy... — Phê-đô thở ra nhẹ nhõm, nằm xuống. — Chỉ nói nhảm những chuyện không đâu... Còn về nông trang — từ nay về sau đừng có mà nhắc lại nữa...

Phê-đô nói bình tĩnh một cách không ngờ, không có vẻ giận dữ, nhưng An-na không nghe. Bên ngực trái của bà nhói lên đau đớn, như thể bị sưng. Bà xoa tay lên ngực và nghĩ rằng đó không phải là giọng nói của Phê-đô xô ngã bà, mà chính Phê-đô đánh vào ngực bà bằng nắm đấm nặng trịch.

An-na cảm thấy đau đớn, nằm khóc không thành tiếng.

Trong số các cô bạn gái cùng làng nếu như Ki-ri-an, con trai của Đê-mi-an I-nhi-u-chin, đặc biệt chú ý đến An-phi-xa, thì I-van Xa-vê-li-ép lại luôn luôn bênh vực và bảo vệ An-na Cáp-ta-nô-va. Và An-na cũng đáp lại bằng một tình bạn trung thành, tin cậy như thế.

Con gái chỉ vừa mới lớn, Cáp-ta-nốp đã nghĩ đến chuyện gửi cô vào trường trung học ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Một tháng trước lúc cô đi, I-van bỗng trở nên buồn ủ rũ, ít nói, và khi chiếc xe mui kín, do đôi ngựa lực lưỡng kéo đưa cô đi khỏi làng Mi-khai-lốp-ca, I-van đứng sau hàng rào, nhìn An-na bằng cặp mắt buồn bã, đến nỗi cô chịu không nổi, nhảy xuống xe, chạy đến bên anh.

—Đằng ấy sao thế? Tớ chỉ đi đến mùa hè năm sau thôi mà.

—Không... Bây giờ An-na sẽ là dân thành phố, có học...

—Đằng ấy kỳ quá... Đấy... — và bất ngờ đối với cả chính mình, An-na vươn người qua hàng giậu, hôn lên vầng trán nóng hổi của I-van. Mặt I-van lập tức như bốc lửa, thậm chí máu dồn lên cả đôi tai đỏ lựng.

Chiếc hôn của cô ngây thơ và trong trắng, là biểu hiện của lòng biết ơn và tình bạn niên thiếu. Nhưng đến mùa hè năm sau, khi An-na về nghỉ hè, I-van đối xử với cô có vẻ hơi khó hiểu, vụng về, thường vô duyên cớ đỏ mặt và làm cho cô cũng đỏ mặt theo. I-van như đang đợi ở cô một cái gì. An-na cảm thấy điều đó, và cô cũng cảm thấy lúng túng, nhưng cái chính là khó chịu.

Năm chín trăm mười bốn, mẹ An-na qua đời. Bà chết một cái chết bất đắc kỳ tử — treo cổ bằng một sợi dây da. Mùa hè năm đó An-na như mất trí, phát điên vì những cảnh nhốn nháo, những tiếng kêu khóc của những người đàn bà trong đám tang, rồi sau đó cho đến khi trở lại thành phố, cô cố ý tránh mọi người, đi lang thang trên đồng, trong rừng, dọc bờ sông Grô-mô-tu-kha. I-van thường đi theo cô.

—Vì sao, vì sao anh cứ đi theo tôi như thế?!. — một lần, cô kêu lên với vẻ hằn học, nhưng liền đó lại túm lấy tay anh, gục mặt vào ngực anh.

—Đừng khóc. Giờ được ích gì nữa đâu, — I-van vuốt ve vai cô.

- Tại sao, tại sao mẹ lại như thế? Tại sao?

- - Anh Phê-đô nói rằng vì cha An-na đấy. Hình như ông ấy với lũ đàn bà, ở trong trại...

Đỏ mặt ấp úng, I-van kể lại cho An-na nghe những gì mình biết.

— Nói láo, nói láo! — An-na nhảy chồm lên, hét to. — Các người chỉ bịa đặt! Cha không thể như thế... — Nhưng, khi đã bình tĩnh lại, cô tiếp: — Tôi cần phải tận mắt nhìn xem cha làm gì ở trong trại... Anh hiểu chưa? Anh nghĩ xem bằng cách nào... Hỏi anh Phê-đô ấy.

— Làm thế nào bây giờ? Anh Phê-đô với cha cả năm nay ở biệt trong rừng, chưng nhựa.

— Không biết. Anh nghĩ đi. Thế thôi.

Rồi một lần anh dẫn An-na vào mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki.

Họ đến trại lúc trời đã tối, vừa đói vừa mệt lử. Hai người đứng rất lâu sau lùm cây, nhìn những cửa sổ sáng trưng của ngôi nhà, nơi vẳng ra những tiếng kêu, tiếng hát của bọn người say rượu, tiếng ré của đàn bà.

— Đấy, — I-van nói. — Thấy chưa...

An-na đứng vịn tay vào cây. Rồi cô rời chỗ, bước đến cạnh một cửa sổ chiếu sáng, nhìn vào phòng. Và cũng ngay lúc ấy, dường như bị ai đánh mạnh vào mặt, đầu An-na giật ngửa ra phía sau. Hai tay ôm mặt, cô bước giật lùi, suýt nữa thì ngã ngửa xuống đất.

I-van dẫn cô vào rừng, hai người ngồi xuống một bãi cỏ cao. An-na lại úp mặt vào đầu gối anh, người run lên, khóc nức nở, nặng nề.

Lúc đó I-van mười lăm tuổi, anh giấu mẹ, bắt đầu hút thuốc. Quấn một điếu thuốc, I-van thò tay vào túi lấy diêm, quẹt lửa. An-na lập tức ngẩng vụt đầu lên, mái tóc hơi rối rủ xòa xuống trán, đôi mắt phản chiếu ánh trăng sáng lên nhờ nhờ.

— Đưa diêm đây! — An-na bỗng đòi và không kịp để I-van hiểu ra, cô giật lấy bao diêm, nắm chặt trong tay, chậm chạp đi về phía ngôi nhà.

— - An-na, An-na...

— Cái gì? — cô kêu to và đứng lại. — Anh giúp lấy gì chẹn cửa sổ và cửa ra vào, lấy rơm chất lên...

Nhảy mấy bước, I-van đã đứng cạnh An-na, sỗ sàng túm lấy tay cô, giãn thẳng các ngón tay, tước lấy bao diêm và ném vào bụi.

— An-na làm gì thế? Nghĩ lại đi...

— A... này... này! — An-na lùi lại một bước, vung tay tát vào má anh. — Tìm diêm đây! — Lại thêm một cái tát. — Tìm đi! Tìm đi...

An-na tát vào má anh mạnh và đau. I-van không chống lại, chỉ lùi...

Trên đường về làng Mi-khai-lốp-ca, họ đi chậm, im lặng. An-na đi trước, I-van theo sau, suốt dọc đường không nói lời nào.

Ngày hôm sau An-na lên cơn sốt nặng.

Cô phải nằm hai tuần. Đến tuần thứ ba, I-nhi-u-chin Đê-mi-an đến nhà Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép.

— An-na ra lệnh gọi I-van đấy, — hắn nói, cười gằn trong bộ râu cáo. — Đi nhanh lên.

Bước vào nhà Cáp-ta-nốp, I-van nghe vẳng qua cánh cửa mỏng của phòng bên cạnh giọng của chủ nhà:

— Mày lại bày ra cái trò gì thế này? Gọi thằng I-van Xa-vê-li-ép để làm gì? Trò vớ vẩn trẻ con thế đủ rồi đấy.

— Đấy là việc của tôi. Anh ấy là bạn của tôi.

— Mày thử nghĩ xem! Mày đã là con gái lớn rồi, còn hắn cũng không phải là trẻ con nữa.

— Đấy là việc của tôi, nói rồi mà! Nếu tôi muốn — tôi sẽ lấy anh ấy làm chồng!

— Cái gì? Cái gì? Tao lại vặt chân mày mà chắp lên vai bây giờ...

Vừa lúc đó I-nhi-u-chin gõ nạng gỗ xuống sàn, và giọng nói im bặt. Cáp-ta-nốp từ trong phòng đi ra, mắt nhìn như cắt người I-van ra làm đôi, nhưng không nói gì.

An-na nằm trên giường, người xanh xao, gầy hốc hác.

— Anh không nói với ai... là chúng mình đi vào trong trại chứ?

— Không.

— Đừng nói nhé... Em cám ơn anh vì đã lấy lại diêm. Tha lỗi cho em nhé, anh I-van, rằng em đã tát anh lúc đó.

Rồi cô hỏi một câu mà anh hoàn toàn không ngờ tới.

—Có tin gì về anh cả của anh, An-tôn, không?

—Không, không biết gì cả.

Im lặng một lúc, cô lại hỏi một câu hơi kỳ quặc:

—Thế anh Phê-đô có còn vết sẹo của mũi gươm bị I-nhi-u-chin ép vào vách đá không?

—Sẹo nào nữa! Tất cả đều đã lành hết rồi, không có dấu vết gì hết.

Hai người còn nói thêm về những chuyện vặt vãnh không đâu, nhưng trong đầu I-van vẫn vang lên câu nói: «Nếu tôi muốn, tôi sẽ lấy anh ấy làm chồng... Tôi sẽ lấy anh ấy làm chồng...»

Khi I-van từ trong nhà đi ra, Cáp-ta-nốp đang đứng cạnh nhà kho vừa mới xây xong, hắn lại quất sang I-van một cái nhìn như chém, nhưng vẫn không nói gì.

Mùa thu, An-na đi ra thành phố Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. I-van đến để tiễn cô. Không ngại ngùng, ngay trước mặt cha, An-na cầm lấy cả hai tay I-van:

—Tạm biệt, tạm biệt anh nhé...

Có thể cô còn nói gì thêm nữa, nhưng cha cô đứng bên cạnh mắt nheo nheo như mắt mèo nhìn họ chằm chằm. Và khi An-na đi khỏi, Cáp-ta-nốp hỏi, mắt vẫn nheo nheo:

—Thế nào, I-van, nói tao nghe, nó chọn mày làm người yêu đấy à?

I-van nóng bừng mặt, đến cổ cũng đỏ lên. Từ miệng anh buột ra:

—Thế tôi kém gì kẻ khác? Cũng là người như thế cả.

—Ô-ô!—Cáp-ta-nốp thậm chí há hốc chiếc miệng lông lá của mình ra.—Chúng mày quả là có máu kiêu ngạo cả nòi. Nào, ngồi xuống cạnh đây.

I-van rụt rè ngồi xuống bên cạnh tấm thân phì nộn của Cáp-ta-nốp, trái tim tự nó bắt đầu đập mạnh, mừng rỡ. «Giá có ai trông thấy nhỉ! Mình ngồi với ông ta, với chính Cáp-ta-nốp!..»

Trong lúc đó Cáp-ta-nốp lên tiếng, chậm rãi, vừa nói vừa nhổ vỏ hạt hướng dương xuống đất:

—Mày là người như thế nào, kém hay hơn người khác, việc đó, xin phép, hãng để tao quyết định. Nếu mày được lòng tao, làm cho tao bằng lòng, thì mày cũng được thỏa mãn. Đấy, chẳng hạn như Đê-mi-an I-nhi-u-chin. Hắn trước đây là ai? Chẳng là ai cả, chỉ là bụi đất, là cây cỏ bên đường. Nhưng tỏ ra

trung thành với tao, tao đã cho hắn thành người. Tao cũng muốn cho thằng Phê-đô nhà mày như vậy, nhưng hắn, đồ ngu ngốc, lại nhe răng ra với tao. Tao bẻ răng nó thì chẳng khó khăn lâu la gì, nhưng tao là người... tốt bụng. Rồi còn bao nhiêu lần cha mày cùng với thằng Phê-đô quỳ lạy dưới chân tao: «Vì Chúa, xin ông cho chúng tôi một công việc nào đó. Quỷ sứ đã xui dại chúng tôi về chuyện thằng An-tôn. Nếu nó lại về nữa, chúng tôi sẽ báo ngay. Chúng tôi không biết nó chống lại chính quyền mà...» Tao biết làm sao được? Đáng ra phải đạp vào mặt, tống cổ ra khỏi cổng. Nhưng tao không, quỷ tha ma bắt chúng mày đi, thôi, cho vào rừng đẵn gỗ và chưng nhựa. Không phải vì tao tin vào những lời ăn năn đâu. Có răng đấy, tao nhớ chứ. Mà vì rằng tao là người tốt bụng. Hoặc là thằng Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin trước đây làm quản lý cho tao chẳng hạn. Tao cũng đã muốn làm cho nó nên người, thậm chí còn chạy cho nó khỏi phải ra trận, thế mà nó, tao nghe nói, có lần bảo với bọn nông dân ở ngay trong cửa hàng của tao: «Chửi rủa không thôi, không làm cho cuộc sống dễ thở hơn đâu. Các ông cứ chửi rủa lão chủ Cáp-ta-nốp của tôi, còn lão ta thì vẫn cứ hút máu các ông». Cái thằng nhảy múa lăng nhăng! Con thằng khổ sai, mang cái máu của cha nó! Cứ để cho người ta tóm cổ nó, biết đâu ở đấy nó mới mở mắt ra, còn mẹ của nó thì tao không động đến. Cứ để cho thằng Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin và Phê-đô nhà mày nếm đủ các thứ cực nhục, để rồi mà hối hận, nghĩ lại, đến bò dưới chân tao — còn đi đâu được nữa? Nhưng tao đối với chúng không còn như trước nữa đâu. Đấy, đi mà chưng nhựa, còn những công việc kiếm lợi hơn, sạch sẽ hơn — cứ đợi đấy, cho đến chết! Tao cho những đứa khác, trung thành với tao... Tóm lại, con người thật là ngu ngốc, người ta đút kẹo vào miệng cho không ăn lại nhổ ra. Phải thế không?

I-van nghe Cáp-ta-nốp, hiểu được một nửa, một nửa không. Khi Cáp-ta-nốp dừng lại hỏi, anh giật mình:

— Tôi... Tôi vẫn nghe đây...

— Mày nghe là rất tốt. Đầu tiên tao cho mày làm thằng coi ngựa. Rồi sau đó sẽ xem... Nếu xứng đáng — tao đưa vào làm quản lý. Hình như mày cũng có học ít nhiều.

— Mới hai năm, đã lên lớp ba, nhưng cha và Phê-đô vào rừng, mẹ lại ốm...

Không sao... Cái chính không phải ở chữ nghĩa, mà ở đầu óc. Nhớ lấy!

Cáp-ta-nốp phủi vỏ hạt hướng dương mắc trên đầu gối béo múp xuống đất.

— Còn về chuyện An-na — sẽ có một câu chuyện riêng. Nếu mày tỏ ra toàn tâm toàn ý trung thành với tao — thì lúc đó... I-van ạ, tao sẵn sàng thưởng rất hậu cho những đứa trung thành tận tụy...

Thế là, hoàn toàn bất ngờ ngay với cả chính mình, I-van trở thành người coi ngựa cho Cáp-ta-nốp.

Mùa hè năm 1916, Cáp-ta-nốp bắt An-na thôi học với cớ là từ nay cô phải trông nom đứa em trai Ma-ca. An-na vừa mừng vừa không. Việc học đối với cô rất khó khăn, ở thành phố cô cảm thấy xa lạ, bất tiện, các cô bạn cùng lớp gọi cô là con cò hương quê mùa và khinh bỉ cô ra mặt. An-na, quả thực, người cao lêu đêu, gầy đét nên lại càng cao hơn; tất cả áo dài cô mặc đều như treo trên tấm ván; cô đã mười bảy tuổi, nhưng chưa có gì tỏ ra là một cô gái lớn cả: vai nhọn, gầy, chân dài ngoẵng, ngực chỉ mới hơi nhô lên và cô nghĩ rằng suốt đời mình sẽ xấu xí, vụng về như vậy, sẽ bị tất cả mọi người khinh bỉ, nhạo báng như những người bạn cùng lớp — những cô gái con các nhà buôn ngực nở, lộng lẫy. Nhưng dù sao cô cũng tiếc khi phải rời thành phố với nhà trường, nơi đã bắt đầu ít nhiều mở ra trước mắt cô những điều hiểu biết về thế giới.

Ngay trong buổi chiều đầu tiên sau khi về đến nhà, An-na quyết định đi dạo chơi; cô ra khỏi nhà, chậm chạp đi về hướng sông Grô-mô-tu-kha. Khi cô qua hết cánh đồng, mặt trời đã lặn khuất một nửa xuống con sông Grô-mô-tu-kha chảy xuôi về phía chân trời tây. Dòng sông lấp lánh màu đồng lửa, và dường như không phải mặt trời lặn xuống, mà nó tan ra, chảy thành một dòng sông ánh sáng ấm áp trên mặt đất, ngay dưới chân cô.

— An-na, — cô nghe có tiếng gọi.

I-van Xa-vê-li-ép, mặc áo sơ-mi xanh và quần vải gai nhàu nát. Anh đi đất, đôi gót chân sần sùi, lấm bùn. Thấy An-na nhìn xuống đôi chân mình, anh ngượng nghịu.

— An-na về nghỉ hè đấy à? — anh hỏi.

— Không, có lẽ về hẳn... Cha nói, học thế đủ rồi.

—Thế à?—anh thốt lên.—Tốt lắm!

—Tốt cái gì?

Rồi I-van và An-na ngồi trên bờ sông cao, nhìn những con sóng nhẹ yếu ớt và lười biếng vỗ vào bờ, hôn lên những hòn cuội còn ấm. Mặt trời lặn xuống dòng nước Grô-mô-tu-kha, rồi biến mất; con sông lập tức chuyển sang màu tối sẫm. Phía tây, hơi trệch sang bên trái nơi mặt trời vừa lặn, một đám mây đen chợt hiện lên, rồi loang ra rất nhanh. Một chốc sau, những tiếng sấm đầu tiên vọng đến. An-na đứng dậy và lặng lẽ đi về phía Mi-khai-lốp-ca. I-van cũng đi theo cô.

Cơn mưa đuổi kịp họ ở ven làng. Mưa ập xuống rất bất ngờ. Mây đen dường như hãy còn rất xa, đâu ở phía bên kia sông Grô-mô-tu-kha, mà bỗng nhiên trời tối sầm lại, một luồng không khí lạnh bao trùm lấy I-van và An-na, và ngay lập tức một cơn mưa rào rất lớn quây lấy họ, làm họ ướt đến không còn một sợi chỉ.

An-na kêu to lên và chạy vội đến ngôi nhà đất từ lâu bỏ không, mất cả mái, đứng ở bìa làng, người ướt sũng. Trần ngôi nhà đất đã bị sụt mấy chỗ, mưa quất xối xả vào những lỗ hổng trên mái, vào cửa sổ không có cánh cửa. An-na chọn một chỗ tương đối khô ráo, ép người vào bức tường đã mốc xanh. I-van đứng cạnh sát vai cô, cảm thấy cả người An-na đang run lên vì lạnh.

—Ré-ét quá,—cô nói, và I-van cảm thấy như cô nép sát vào người anh hơn. I-van liền đứng ra trước mặt cô, lấy người mình ép An-na sát vào tường.

—Anh... I-van!—cô kêu thốt lên.

—Anh sưởi cho em,—anh nói thì thầm, ôm lấy vai cô, cúi người xuống... Chiếc hôn rơi vào một bên khóe miệng.

—I-i-van!—An-na xô anh ra, chạy tránh sang chỗ khác, hai tay ôm mặt, khóc nấc lên đau đớn.

—Em sao thế? Anh có làm... làm gì đâu?

—Sao anh lại thế? Sao anh lại thế?

—Anh không biết nữa, thật đấy, anh...

—Anh định trêu chọc tôi! Tôi xấu xí, vụng về...

—Ai bảo thế? Em đẹp lắm. Anh thấy mà. Em sẽ còn đẹp hơn.

An-na bỏ tay ra khỏi mặt.

—Anh thấy là thế nào?

—Thì anh thấy—và thế thôi. Và anh sẽ cưới em, nếu như em... Còn cha em đã hứa rồi...

Trong mùa đông và mùa xuân vừa qua Cáp-ta-nốp quả có mấy lần đến chuồng ngựa, hai tay vuốt ve những con ngựa giậm chân đứng không yên, nửa đùa, nửa thật bảo I-van:

—Tao thấy mày làm việc cố gắng, chăm chỉ đấy. Không khéo thì mày lấy được con An-na thật... Khá lắm, không như các anh mày. Cố gắng lên nhé, tao không quên lời của tao đâu. Hay là mày không yêu nó nữa? Không à? Gì mà thẹn thò như con gái ấy thế! Xem kìa, mặt đỏ lựng lên rồi.

Đôi khi I-van có ý nghĩ rằng Cáp-ta-nốp đang đùa với anh như với một đứa bé. Tất nhiên, chẳng bao giờ ông ta gả An-na cho anh đâu. Nhưng hôm qua, khi ra lệnh cho anh thắng ngựa vào xe, Cáp-ta-nốp nói có vẻ như nghiêm chỉnh:

—Này, I-van, nghe đây... Tao có việc phải đi ít lâu, mày ở nhà coi chừng, đừng có làm hỏng con An-na đấy. Nếu mày dám làm việc gì chưa đến lúc của nó, tao lấy kéo cắt lông cừu mà cắt phăng đầu mày đi đấy, như cắt củ cải. Trên trái đất này tao chẳng sợ gì đâu, còn khi lên trời, tao sẽ có cách để thanh minh. Hiểu chưa?

...Cơn mưa rào to nhưng ngắn, mây dông lướt qua làng Mi-khai-lốp-ca, rồi đi mất, bầu trời chiều nhưng hãy còn sáng hiện ra từng mảng xanh qua các lỗ thủng trên trần nhà, những giọt nước nặng nề thỉnh thoảng lại nhỏ xuống sàn gỗ đã bắt đầu mục nát.

—Cha em hứa là thế nào?—An-na hỏi, hai cùi tay khép lại che bộ ngực chưa kịp nở nang. Đôi mắt của cô màu xám, to và hơi dài, rất sáng và lúc đó đã khá xinh đẹp, ánh lên dò hỏi, ngạc nhiên.—Hứa với ai?

—Với anh...

—Với anh?!—An-na rướn đôi lông mày dài như hai cánh chim, đứng trầm ngâm một lát. Rồi cô đi ra khỏi ngôi nhà đất, sau khi dặn I-van:—Anh ra sau một lát, không có người ta thấy chúng mình cùng nhau...

Rồi vẫn với dáng trầm ngâm nghĩ ngợi, An-na đi dọc theo đường làng ướt sũng nước mưa.

Năm 1914, Đê-mi-an I-nhi-u-chin bỗng nảy ra ý muốn làm hương trưởng.

—Ông cần để làm gì? —Cáp-ta-nốp cau mặt lại.—Hay là tôi trả ít? Mà ông còn ăn trộm bao nhiêu nữa?!

—Chúa tha lỗi cho ông, ông Mi-khai-in Lu-kích! Ông nói oan quá đấy...

—Ông thử nghĩ xem, đồ cụt chân ngu ngốc, chúng ta bây giờ còn bao nhiêu là việc! Chiến tranh, tôi đã nhận thầu bán một số lượng lớn lúa mì và các thứ thực phẩm khác. Cần phải xây gấp một loạt kho, nhà chứa...

—Nhưng hương trưởng thì phải làm những việc gì?!—I-nhi-u-chin cố thuyết phục ông chủ của mình.—Đấy là tôi chỉ muốn thỏa mãn về mặt tinh thần thế thôi. Còn tôi vẫn sẽ hầu hạ ông như trước đây mà.

—Quỷ tha ma bắt các người đi! Thì cứ việc mà thỏa mãn,—Cáp-ta-nốp khoát tay.

Một lần, vào cuối mùa thu, khi tuyết sắp rơi, lúc chập choạng tối, Phê-đô Xa-vê-li-ép chạm trán với hương trưởng Đê-mi-an I-nhi-u-chin trên đường làng.

—A, con người đáng mến đây rồi,—Đê-mi-an cười nhạt.—Nào, đến nhà tao một tí. Gió ghê quá...—Thấy Phê-đô còn lưỡng lự, hắn nghiêm giọng nói tiếp:—Đến để bàn về việc của mày đấy!

Hồi đó Ki-ri-an đang học ở San-ta-ra, ở nhà chỉ còn vợ của I-nhi-u-chin. Trước đây mụ ta gầy khô như một que củi, nhưng sau khi chồng trở về từ cuộc chiến tranh Nga—Nhật, mụ mỗi ngày một béo ra, và chỉ sau mấy năm mụ đã béo ra một cách không tưởng tượng được, vào cửa phải đi nghiêng, mùa hè dở sống dở chết vì nóng. Trong làng mọi người đều biết rằng vào những ngày nóng nực, oi bức nhất, mụ phải ngồi trong hầm lạnh, nằm trên các gối nước mát, thở dốc như lợn thiến nằm trong cũi.

Lạch bạch như vịt bầu, mụ mang ấm xa-mô-va đang sôi vào, và cũng lạch bạch như vậy, đi ra.

—Sắp chết rồi,—Đê-mi-an I-nhi-u-chin thông báo.—Mày thấy đấy, bị phù mà. Hầu như không ăn gì cả, mà vẫn

béo. Đó là một thứ bệnh, gọi là phù. Nào, ta uống chè cho ấm đi. Uống đi!

Ngạc nhiên, Phê-đô ngoan ngoãn kéo cốc nước chè lại gần mình.

Hai người ngồi im lặng uống chè chừng nửa tiếng. Thỉnh thoảng, đôi đồng tử như hai hòn lửa của Đê-mi-an I-nhi-u-chin lại xoáy vào người Phê-đô; anh co rúm người lại, toát mồ hôi, không hẳn vì chè và cũng không hẳn vì những cái nhìn đó.

Rồi Đê-mi-an đứng dậy, lọc cọc chiếc nạng gỗ, đến bên chiếc áo khoác ngoài treo trên giá, thò tay vào túi lục lọi một lúc, quay trở lại bên bàn, giúi cho Phê-đô một tờ giấy bạc mười rúp.

— Tiền... tiền gì thế này? — Phê-đô sợ hãi, thu tay lại giấu ra sau lưng.

— Cầm lấ-ấy! — Đê-mi-an gầm lên.

Phê-đô giật nảy người lên vì tiếng thét đó. Khi cầm lấy tiền, hai tay anh run run.

— Cái đồ mày! — Đê-mi-an tái nhợt người vì tức giận. — Thôi hoắc, lại còn hỏi tiền gì! Tiền công mày hôm trước đã chỉ chỗ An-tôn, anh trai của mày, trốn.

— Tôi ấy à? — Phê-đô sửng sốt, ném tiền xuống đất. — Đấy là ông đi theo rình tôi, khi tôi đi vào dãy Dve-nhi-gô-ra thì có! Ông thiếu tí nữa thì lấy gươm đâm thủng sườn tôi, mà tôi có nói gì đâu...

— Im ngay, tao đã theo dõi mày rất lâ-âu rồi, cậu cả ạ. Cáp-ta-nốp dùng không đúng chìa để mở khóa vào lòng mày, túm lấy cổ mày. Mà mày thì không thích như vậy, tao hiểu. Khi đã hiểu rồi, tao sẽ không dùng tay để túm lấy cổ mày, hoặc bất cứ một chỗ nào khác đâu. Mà thế này thì mày cũng không thoát khỏi tao rồi. Nào, thế mày định bào chữa như thế nào, nếu tao tuyên bố với khắp làng rằng chính mày đã dẫn chúng tao đến Khe Rắn, chính mày đã chỉ chỗ An-tôn trốn. Tao làm việc đó chẳng lâu la khó khăn gì...

— Ông bảo sao?! Anh An-tôn về sẽ vạch trần ra hết... Tất cả sự đặt điều của các ông...

Bao giờ hắn về còn chưa biết, chứ bây giờ mày phải chịu đã. Mà nó có còn về được nữa không chứ? Vừa rồi hắn

mới vượt ngục, nhưng lại bị bắt. Dây thòng lọng cho nó người ta đã bện rồi đấy.

Phê-đô ngồi phịch xuống ghế đẩu. Đê-mi-an cúi nhặt tờ giấy bạc từ dưới đất lên, giúi vào bàn tay đẫm mồ hôi của Phê-đô. Rồi hắn cà nhắc đi lại trong phòng, nói như không có chuyện gì xảy ra:

—Đúng, cái tính tình của mày làm hỏng cả con đường công danh của mày đấy, chàng trai ạ. Cáp-ta-nốp có thể làm cho mày nhiều lắm đấy, thế mà mày lại nhe răng ra. Ông ấy chỉ ưa những đứa hiền lành như tao thôi. Bây giờ mày đối với ông ấy là đồ vứt đi rồi... Còn tao... tao đã chú ý đến mày từ lâu. Mắt mày nhìn dữ tợn, tham lam lắm. Tao còn nhớ khi ông Cáp-ta-nốp mở tiệc ăn uống với các cô nương ở trại, mũi mày phập phồng vì thèm muốn, gánh tị. Vắt mũi còn chưa sạch, mà đùi đã run rẩy...

Phê-đô nhảy chồm dậy, mặt đỏ bừng, khắp người trào lên một sự căm ghét vô cùng đối với lão già một chân này. Đồng thời, Phê-đô cảm thấy mình bất lực trước mặt hắn.

—Ông đừng động đến tôi, lão già ạ,—anh nặng nề rít lên.—Đừng có động đến, kẻo hối không kịp... Tôi nói thật đấy.

—Chứ còn sao nữa... Tính mày tao biết mà. Còn bé tí đã dọa lấy nạng chọc sườn tao ra...—Rồi hắn nói gay gắt hơn, nụ cười ngon ngọt trên môi vụt biến mất:—Chỉ có điều, cậu hai ạ, mày chưa tính đến, là bây giờ ngoài tao ra, mày không thể dựa vào ai được nữa. Mày chưa tính đến, nhưng tao thì đã nghĩ kỹ cả rồi...

Ngoài sân, gió thổi từng đợt, các cánh cửa sổ rung lên bần bật. Trước nhà Đê-mi-an I-nhi-u-chin có hai cây thông cao lớn, cành lá của chúng đập sột soạt lên mái nhà lợp gỗ, dường như có một người nào đó chậm chạp, nặng nề, cũng một chân gỗ, đang đi trên đó.

—Còn mày nghe đây, những gì tao nói với mày bây giờ... cũng rất thật lòng. Nghe và ngẫm cho hết những điều lợi cho mình. Tao tính, sau này rồi mày sẽ trở thành người có ích cho tao. Ông Cáp-ta-nốp quẳng đi thì tao nhặt. Vì rằng tao cũng cần những người tin cẩn. Tất nhiên tao không phải là Cáp-ta-nốp, nhưng trong làng này tao cũng là người thứ hai sau ông

ta, mà có đôi lúc thậm chí là người thứ nhất. Thế đấy... Và tao cũng cần biết bọn đàn ông trong làng bàn tán gì với nhau về tao và về ông Cáp-ta-nốp, nghĩa là trong đầu chúng có những ý nghĩ gì. Cứ cho là tao chẳng cần gì việc đó, nhưng dù sao cũng tò mò muốn biết...

— Khéo lắm! — Phê-đô thốt lên. — Ông định thuê tôi làm do thám à? Với mười đồng này à?

Nhưng Đê-mi-an I-nhi-u-chin không chú ý đến những lời đó của Phê-đô, dường như không nghe thấy chúng, vẫn nói tiếp:

— Vì thằng An-tôn, thằng anh cả của mày, mà tao không ưa cả gia đình nhà mày, làm tình làm tội chúng mày từ lâu. Như vậy là không phải, đấy cũng là nhược điểm thường tình của con người; mà nghĩ cho sâu, đấy còn là một việc làm ngu ngốc. Thôi được, tao sẽ cho bố mày một công việc nào đó. Cả mày nữa. Tuy nhiên, ông Cáp-ta-nốp vẫn còn tức giận bố mày lắm, ông ấy bảo: hắn làm việc tốt thế, mà đẻ ra một bầy toàn chó sói con. Không sao, tao đã bớt giận hơn, và tao sẽ khuyên can ông ta... Thế đấy... Còn mày, tao sẽ trả cho mày ba rúp một tháng... ngoài tiền lương của mày. Còn tờ giấy đỏ này là cho cuộc thỏa thuận hôm nay.

Và, bước đến sát người Phê-đô, phả cả hơi vào mặt anh, hắn gầm lên hai tiếng như ném ra hai hòn đá nặng:

— Thế nào?

Phê-đô lùi lại, lắc đầu:

— A, cái đồ rắn độc đểu giả! Ông làm trò gì thế? Ông định thỏa thuận cái gì, hả cái đồ gốc cây mục kia?

— Đối với ai là mục, nhưng đối với mày có thể là vàng đấy, — Đê-mi-an I-nhi-u-chin cười nhạt. Và bỗng nhiên, khi thấy Phê-đô lại định quẳng tờ giấy bạc đi, hắn méo xệch miệng, người run lên trong cơn giận dữ. — Mà-ày nghĩ kỹ đi đã, đồ nhãi ranh kia! Đã một lần há miệng đánh rơi mất hạnh phúc, lần sau nhớ ngậm lại cho chặt, nếu như mày không phải là thằng ngu! Mà đừng có ý làm phản tao đấy, không tao đóng dấu nhục nhã suốt đời lên trán như đóng dấu sắt nung lên lưng ngựa! Tao không tha chuyện An-tôn cho đâu. Đi đi! Đi về mà suy nghĩ đi! Chiều chủ nhật đến đây trả lời có đồng ý không. Và tao cho ba rúp đầu tiên. — Rồi, đẩy anh ra khỏi cửa, hắn

thì thầm, giọng dịu hẳn xuống: — Việc của mày là nghe và báo lại... Sẽ có thưởng. Tao không để cho những ai mà tao cần bị thiệt bao giờ đâu. Về nghĩ đi, Phê-đô ạ, mày là thằng không phải ngốc nghếch gì. Tao đợi, tao đợi mày vào chủ nhật...

* * *

Chủ nhật, Phê-đô đến nhà Đê-mi-an I-nhi-u-chin và, mặt đỏ bừng lên, nhưng rồi vẫn nhận ba đồng rúp đầu tiên.

* * *

Đứa con trai của mình, Ki-ri-an, một đứa bé ốm yếu vàng vọt như ngọn cỏ héo trong đầm lầy, Đê-mi-an I-nhi-u-chin không cho học lâu. Cùng với An-na Cáp-ta-nô-va, Ki-ri-an đi học mấy năm ở trường dòng xứ San-ta-ra, và Đê-mi-an cho như vậy là đã đủ rồi. Đã từ lâu hắn dự định cho con kế tục cái chỗ của mình, mà như vậy thì chẳng cần nhiều chữ nghĩa lắm, chỉ cần khôn ngoan và táo bạo.

Thế nhưng, hắn chỉ để cho con trai của hắn giữ cái chỗ của hắn trong trường hợp cuối cùng, bất đắc dĩ. Trong thâm tâm, hắn mong muốn trước hết những điều khác, bây giờ còn rất thầm kín. Thì sao nhỉ, — hắn trăn trở trên giường trong những đêm không ngủ, — An-na Cáp-ta-nô-va và Ki-ri-an cùng một tuổi. Rồi sẽ đến một lúc nào đó, An-na cần một người chồng...

Nằm vùi đầu vào tấm chăn bông dày, trong đêm tối ngột ngạt, Đê-mi-an I-nhi-u-chin vạch ra hết kế hoạch này đến dự định nọ. Ki-ri-an sẽ lấy An-na làm vợ, rồi... Cáp-ta-nốp bắt đầu già đi rất nhanh, những cuộc truy hoan túy lúy làm cho ông ta sút đi trông thấy. Đáng lẽ ông ta phải thôi đi, thì bây giờ lại cùng với con trai cả là Di-nô-vi thường xuyên tụ tập những «ổ chó» — như lời của Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép nói. Thì cứ mặc cho họ tụ tập lại đấy, biết đâu rất có thể uống quá chén, và... Bởi vì thỉnh thoảng trong trại cha con Cáp-ta-nốp say túy lúy, nằm thẳng cẳng như những súc gỗ, chẳng còn biết trời đất gì nữa. Vào một buổi chiều mùa đông nào đó đốt lò cho thật nóng, rồi đem đóng nắp ống khói lại sớm hơn mọi

ngày, khi ngọn lửa tàn có thán khí màu xanh còn chưa tắt hẳn trong đống than... Cứ để cho họ kêu la một lúc trong cơn mơ say rượu nặng nề, rồi tất cả sẽ im lặng... Sau đó tha hồ mà điều tra! Bị chết ngạt hơi than, mà chết ngạt hơi than vì say rượu là chuyện rất bình thường. Lúc đó thì sẽ ra sao? Ngoài An-na ra, cả họ của Cáp-ta-nốp chỉ còn lại một mình Ma-ca. Thằng bé thì thiếu gì nguyên nhân để mà chết? Vì vô ý làm đổ chảo nước sôi lên người chẳng hạn, hay ngược lại, bị cảm lạnh... Đúng vậy, mọi chuyện đều có thể xảy ra... Có họ Cáp-ta-nốp đấy, nhưng rồi chết mất cả. Chỉ còn lại họ I-nhi-u-chin. Bắt đầu một dòng họ mới...

Những ý nghĩ đó làm cho người hắn phát cuồng lên trong chăn, bộ râu hung hung màu lửa ướt đẫm, hắn thò đầu ra ngoài chăn thở dốc.

Những ước mơ này thật ngọt ngào hấp dẫn, nhưng Đê-mi-an I-nhi-u-chin hiểu rằng còn rất lâu, rất lâu mới thực hiện được... Cũng có thể chúng không bao giờ thực hiện được. Cái nguyên nhân chính là vì thằng Ki-ri-an quá yếu tướng, ốm yếu, xấu xí. Nó yếu tướng đến nỗi có lần Cáp-ta-nốp bảo «Thằng con của ông... mồm nó chỉ là chỗ để cho ruồi ỉa là tiện...»

Nhiều khi Đê-mi-an cảm thấy căm ghét thằng con trai độc nhất của mình vì nó quá quặt quẹo. Nhưng hắn vẫn bướng bỉnh nghĩ: «Không sao, nó sẽ lớn lên, khỏe ra...» Và gần như ngày nào Đê-mi-an cũng khuyên con:

—Tao thấy mày cứ cặp kè nghịch đất với con An-phi-xa con mụ Na-xta-xi-a. Mày chơi với con bé ăn mày ấy làm gì? Con nên chơi với An-na nhà Cáp-ta-nốp ấy.

—An-na nó hay cấu đau lắm,—Ki-ri-an vừa thọc tay vào mũi ngoáy, vừa đáp.—Còn An-phi-xa rất hiền.

Nhưng nói chung bây giờ Đê-mi-an cũng chưa bận tâm lắm về việc con của hắn chơi thân với An-phi-xa—một cô bé gầy gò, mắt đen, tay chân dài, trông giống như một con thú nhỏ bị săn đuổi.

Hắn lo lắng thật sự khi Cáp-ta-nốp cho con gái đến Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ học. Nhưng hắn không để lộ ra ngoài mặt, chỉ gặp những lúc thuận tiện, thở dài nói:

—Cầu trời cho cô nhà học hành tiến tới, thành một tiểu thư thật sự. Chỉ có điều Mi-khai-in Lu-kích ạ, cô nhà ta

là con gái nhà quê, chất phác, thật thà, mà trong thành phố biết bao nhiêu là bọn lêu lổng, bạt mạng, không cẩn thận chúng làm hỏng cô nhà như chơi... Lúc đó thì làm thế nào? Sẽ phải mang tiếng xấu suốt đời, cho đến tận lúc chết không tha. Chẳng phải sống nữa, mà là quá khổ sai... Hay là ông định cho cô nhà ở luôn trong thành phố? Nếu vậy thì không sao...

Cách đây ít lâu, Ma-ca, sau khi mẹ chết, được Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va chăm nom, bỗng lăn ra ốm gần như suốt cả mùa đông. Cáp-ta-nốp lo lắng cho số phận của thằng bé, đến nỗi thôi không uống rượu nữa.

— Trông nom con người khác thì làm sao cho chu đáo được, — mấy lần Đê-mi-an I-nhi-u-chin nói. — Cẩn thận đấy, ông Mi-khai-in Lu-kích... Giận hay không là quyền ông, nhưng tôi vẫn nói thật. Không phải hạt máu của mình thì không quý. Mà ông cũng còn có người trông nom, cô An-na đấy...

Có lẽ chính điều này đã quyết định công việc. Cáp-ta-nốp thân chinh vào thành phố đưa An-na về.

Cả mối quan hệ giữa An-na và I-van cũng không lọt khỏi mắt của lão Đê-mi-an I-nhi-u-chin một chân. Nhưng ở đây hắn tin chắc rằng Cáp-ta-nốp thà tự tay bóp chết con gái mình còn hơn là gả cho I-van.

Và cuối cùng, tình bạn thân mật của đứa con trai và An-phi-xa làm cho Đê-mi-an I-nhi-u-chin lo lắng thật sự. An-phi-xa, đứa con gái của mụ góa Na-xta-xi-a, năm mười bốn tuổi bỗng bắt đầu lớn phổng, nở nang ra, cặp vú nhọn nhú lên dưới lần áo mỏng, mắt lấp lánh những đốm lửa nóng hổi màu đen thẫm, biêng biếc. Ki-ri-an nhiều hơn cô hai tuổi, cũng bắt đầu có dáng, vai hơi nở thêm ra, tóc từ lâu đã chải ngược ra sau gáy và tay thôi không ngoáy mũi nữa. Đê-mi-an I-nhi-u-chin nhận thấy mỗi lần gặp con trai mình, đôi má tròn trịa của An-phi-xa đỏ ửng lên vì máu dồn lên mặt, và chính Ki-ri-an cũng bối rối, mắt nhìn ngơ ngác, đờ đẫn như vừa uống xong một cốc rượu ngang.

— Mày là thằng ngốc, thằng ngốc! — Đê-mi-an I-nhi-u-chin vừa nhảy loi choi bằng chiếc chân gỗ, vừa hét. — Trước đây thì bảo là còn con nít ngu dại, chứ bây giờ... Nó là cái thá gì, cái con bé chết đói ấy? Tao bảo mày phải tránh xa con ấy ra!

Ki-ri-an ngồi nghe, im lặng, lấy bàn tay hẹp lau chiếc trán dô. Nhưng Đê-mi-an I-nhi-u-chin biết rằng rồi đứa con của mình vẫn sẽ đi theo An-phi-xa như một cái bóng.

Khoảng một tuần trước khi An-na về, Đê-mi-an I-nhi-u-chin, một buổi chiều đi tập tễnh qua căn lều đổ nát của mụ góa Na-xta-xi-a, chợt nghe giọng nói của con trai sau hàng giậu đổ nghiêng:

—An-phi-xa ạ, em đừng chê anh bề ngoài xấu xí... Bên trong anh đẹp hơn nhiều, anh biết. Rồi em sẽ hiểu, sẽ thấy... Anh... Anh bao giờ cũng sẽ quý mến em, như bây giờ. Trong tình bạn anh rất trung thành.

—Ôi, xấu hổ quá, xấu hổ quá đi mất,—cô bé thì thầm, và hình như lấy tay che mặt lại, giọng cô nghe trầm bé hơn:—Anh nói cái gì vậy? Anh bảo em phải nghĩ về đám cưới nào?

—Anh không bảo em là ngay bây giờ... Có thể sau một năm, sau hai, ba năm nữa... Nhưng anh nói để em biết...

Đê-mi-an I-nhi-u-chin đứng ngây ra một chỗ, chiếc chân gỗ của hắn như cắm chặt xuống đất.

—Cha của anh suốt đời... sau một hai năm hoặc mười năm nữa cũng không đồng ý cho anh lấy em đâu.—Sau một lúc im lặng, An-phi-xa nói hoàn toàn như người lớn.—Và mẹ em cũng bảo vậy.

—Nhưng cha làm gì được anh?... Anh ngang bướng lắm. Chưa có ai biết anh ngang bướng như thế nào đâu. Nếu cha không đồng ý, cũng không cần. Anh sẽ đưa em đi San-ta-ra. Hoặc là đến một nơi khác. Chúng ta sẽ làm việc để sống.

Sau hàng giậu, hai người đứng im lặng một lúc lâu.

—Thế em có thích anh không?—Ki-ri-an bỗng hỏi.—Dù là ít thôi?

—Em không biết nữa,—An-phi-xa trả lời tin cẩn.—Khi thì hình như có, khi lại như không...—Rồi cô thở dài và nói tiếp, vẫn bằng giọng tin cẩn như cũ:—Không hiểu sao tất cả bọn con trai lớn tuổi hơn em đều thích. Gặp họ là em thấy ngượng. Nhất là anh bạn của anh, Phê-đô Xa-vê-li-ép. Nhưng em lại sợ anh ta hơn cả. Mùa đông vừa rồi, khi anh ta từ trong rừng về lấy thức ăn, em gặp trên đường làng. Anh ta rung rung bộ ria, còn em nghe lạnh cả người. Anh ấy để ria như một người đàn ông thật sự như vậy để làm gì? Anh

bảo với anh ấy đừng để ria như vậy, nom dữ lắm.

—Cô đi mà nói với anh ấy,—Ki-ri-an phật ý lẩm bẩm.

—Ôi, có ai đứng bên kia...—An-phi-xa hốt hoảng kêu lên.

Đó là Đê-mi-an I-nhi-u-chin đổi chân, kéo lê chiếc giày duy nhất trên mặt đất. Phía bên kia bờ giậu có tiếng bước chân của Ki-ri-an và An-phi-xa đi nhanh ra xa. Đê-mi-an I-nhi-u-chin đứng thêm một lúc, cười gằn cau có trong bóng tối, rồi đi tiếp. Bây giờ hắn đã biết cách làm thế nào để tách con trai ra khỏi An-phi-xa rồi.

* * *

Cuộc chiến tranh xảy ra ở một nơi xa xôi nào đó gần như không động đến làng Mi-khai-lốp-ca, nếu như không kể đến việc lần lượt cựu hương trưởng Pan-crát Na-da-rốp, anh thanh niên gầy gò nhưng suốt ngày đứng không yên một chỗ Ép-xây Ga-lan-sin và anh mu-gích rậm râu Pê-tơ-rô-van Gô-lốp-lép và chừng dăm người nữa bị gọi ra trận. Những người thân thích khóc lóc đưa tiễn họ đến San-ta-ra, trở về im lặng, mặt nặng trĩu như vừa ở nghĩa địa về, và cuộc sống lại tiếp tục trôi đi, vẫn như trước kia, đơn điệu và buồn bã.

Và quả không phải mọi người chỉ tiễn họ đến San-ta-ra, mà dường như đã đưa họ sang thế giới bên kia thật, bởi vì một năm, hai năm, rồi năm thứ ba sắp trôi qua, mà những người ra trận vẫn bặt tin tức. Trong suốt thời gian đó chỉ có Pan-crát Na-da-rốp viết hai lá thư về nhà, nhưng anh không hề nhắc đến những người cùng làng khác,

Ngoài ra, còn ba—bốn lá thư nữa của người con trai bà góa A-ri-na Cru-gi-li-na. Nhưng anh quản lý của nhà Cáp-ta-nốp trước đây viết gì—không ai rõ. Tuy không biết chữ, A-ri-na không cho ai ở Mi-khai-lốp-ca đọc những bức thư của con, mà để làm việc đó, bà đến nhờ cô con gái trẻ của ông giáo già Cu-li-tsen-cô ở tận thị trấn San-ta-ra. Mỗi lần từ đó trở về, mặt bà đều rạng rỡ lên, nhưng càng thêm ít nói, nghiêm khắc hơn, và ai hỏi cũng trả lời như nhau:

—Không sao, nó vẫn bình yên, khỏe mạnh.

Gia đình Cru-gi-lin vốn từ nơi khác đến trú ngụ ở đây, và nói chung họ là những người khó hiểu. Những người dân

làng Mi-khai-lốp-ca ngày nay hầu như không ai còn nhớ Mát-vây — chồng của A-ri-na — nữa, ông đã chết hơn hai mươi năm về trước. «Anh ấy chết vì ho, ho đến rỗng cả ngực ra» — lúc đó A-ri-na giải thích nguyên nhân cái chết của chồng như vậy. Bà ngồi, tay ôm chặt cậu bé Pô-li-các-pơ vào lòng như sợ bị ai sắp cướp mất. Còn những người già hồi đó — bây giờ họ đã chết hết cả rồi — nói rằng Mát-vây Cru-gi-lin là một người tù khổ sai. Trước đây, ông ta sống ở nước Nga, nơi lúc đó còn tồn tại chế độ nông nô. Người ta kể rằng Mát-vây xúi giục nông dân nổi loạn, họ đốt cháy trang trại của địa chủ, vì vậy Mát-vây Cru-gi-lin bị đóng còng sắt vào cổ và đày đi Xi-bi-ri. Ông phải mang xiềng xích hơn mười hai năm, sau đó một thời gian dài sống ở nơi phát vãng, tận Na-rưm, cuối cùng, vào năm 1890, mới cùng với người vợ mặt rỗ đang có thai đến Mi-khai-lốp-ca, đào ở cuối làng một hầm đất làm chỗ ở, và một năm sau thì mất.

Sau khi chồng chết, A-ri-na hầu như liên tục làm thuê cho nhà Cáp-ta-nốp — lúc đó hắn mới bắt đầu phát giàu. Bà cùng với con trai Pô-li-các-pơ vẫn sống ở trong nhà hầm cũ, con trai bà lớn lên thành một chàng trai vạm vỡ, khỏe mạnh. Anh học hút thuốc và uống rượu rất sớm, thỉnh thoảng lại nhập với các đoàn Di-gan đến trú ở trong vùng, đi theo họ suốt cả mùa hè, nhưng đến mùa thu, khi trời bắt đầu lạnh, bao giờ cũng trở về làng, người ngợm bẩn thỉu, đầy chấy rận, nhưng áo quần lại tốt lành, tiền giấy, tiền xu xủng xẻng trong túi. Ít lâu sau, hai mẹ con Cru-gi-lin đã rời bỏ căn hầm đất ẩm ướt tối tăm, mua một ngôi nhà đã cũ ở đầu làng.

Cũng vào thời gian đó, lần đầu tiên Cáp-ta-nốp chú ý tới Pô-li-các-pơ.

— Cậu khá đấy, kiếm ở đâu ra tiền để mua cả ngôi nhà như thế này? — hắn hỏi Cru-gi-lin khi anh đi ngang qua cửa hàng của hắn. — Làm ra hay ăn cắp?

— Nửa nọ nửa kia, — Pô-li-các-pơ đáp một cách xấc xược.

— Hừ... — Cáp-ta-nốp cười khẩy. — Thế mày có biết nhảy theo kiểu Di-gan không?

— Cũng có biết một ít.

Thử xem nào, — Cáp-ta-nốp ra lệnh.

— Nhảy không à? Ông về mà bắt vợ nhảy không trước lúc lên giường ấy.

— Hừ... — Cáp-ta-nốp lại thốt lên cười gằn, rút ví, lấy ra đồng hai chục cô-pếch.

— Giá có một tí cay cho vui vẻ hơn... để chân nhảy lẹ hơn.

— Cái thằng ranh này! Mày cũng đã học cả uống rượu rồi à? .

— Cũng chỉ một ít thôi, chú Mi-kha-in ạ. Hay là chú tiếc?

Nhiều người tò mò đã tụ tập lại trên thềm cửa hàng. Cáp-ta-nốp ra lệnh mang chai rượu ra.

Pô-li-các-pơ mặc áo sơ-mi lụa màu xanh — loại áo những người Di-gan vẫn thích mặc — thắt lưng cũng bằng lụa đã cáu bẩn, đi đôi ủng da còn tốt. Anh cầm lấy từ tay Cáp-ta-nốp cốc rượu gần đầy, uống mấy hơi hết, không hề nhăn mặt, làm cho Cáp-ta-nốp và những người đứng xung quanh rất ngạc nhiên. Rồi, ném chiếc cốc cho một người nào đó, anh uể oải đi một vòng trước thềm nhà như yêu cầu mọi người đứng rộng ra, dừng lại một chốc ra vẻ lưỡng lự, thậm chí còn đưa tay vào mũi ngoáy như trẻ con.

— Nhảy mà không có nhạc thì ra cái gì?! — anh nói to.

Có tiếng cười giễu, và một người nào đó nói:

— Thằng nhảy tồi thì bao giờ cũng hoặc là thiếu nhạc, hoặc là chân đau.

Vừa lúc đó Pô-li-các-pơ hét lên một tiếng lanh lảnh, lắc mạnh mái tóc quăn dài, nghiêng người cúi đầu đi một vòng giãn mọi người đứng rộng thêm ra. Đến trước mặt Cáp-ta-nốp, anh lùi lại một bước, gõ mạnh gót giày, đập mạnh hai bàn tay lên ngực, lên đầu gối, lên hai ống giày. Tiếng cười nói lập tức im bặt, thậm chí Cáp-ta-nốp đang ngồi trên bậc thềm cũng đứng nhỏm dậy. Còn Pô-li-các-pơ lại hét lên lanh lảnh như những người Di-gan, rồi quay tít như con quay, chân quấn bụi bốc mù mịt.

Pô-li-các-pơ nhảy khá lâu, phải đến chừng năm phút, hết nghiêng người, nhảy ngồi trên đôi đầu gối, lại nhảy giật lùi, làm những động tác quay tít đến chóng mặt, vỗ rất mạnh, rất kêu hai bàn tay lên người mình. Cuối cùng, anh nhảy lên thềm, xô mạnh vào người Cáp-ta-nốp, đập mạnh chân đến nỗi như muốn làm sập cả thềm, hét lên một tiếng, chống hai

tay vào mép thềm, chống chân lên trời đập hai gót giày vào nhau tiếng kêu như súng nổ, rồi lộn qua đầu đứng thẳng hai chân xuống đất như bị chôn chặt vào sân. Anh hít mạnh vào hai ba lần, sửa chiếc thắt lưng bị sổ tung ra, nhìn tất cả mọi người, và nói:

— Nhảy mà không có nhạc thì ra cái gì? Cũng như xúp không có thịt. Có thể ăn được, nhưng chẳng ngon lành gì cả.

Và đi qua đám đông im lặng đứng giãn ra lấy đường, anh khuất vào sau cửa hàng.

— Hừ, thằng quỷ con! — Cáp-ta-nốp thốt lên thán phục.

Nửa năm sau, hắn lấy Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin làm quản lý cửa hàng, nơi anh đã nhảy điệu Di-gan cho hắn xem, sau chuyển anh về San-ta-ra, trả cho anh một số tiền công cao hơn nhiều so với những người quản lý khác, và điều này không làm cho ai ngạc nhiên. Và cũng không ai ngạc nhiên khi hắn cho anh thanh niên trai trẻ này làm người «quản trại» cho hắn ở mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki. Khi chiến tranh bắt đầu, nhiều người nói:

— Ai không biết chứ Pô-li-các-pơ, thằng cưng của Cáp-ta-nốp, sẽ được lão ta chạy cho khỏi phải đi lính.

— Chứ còn sao nữa... Lão ta sẽ biến hắn thành con chó... Nhất định thế...

Và vì vậy mọi người hết sức ngạc nhiên khi thấy Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin cũng bị gọi ra trận cùng với những người khác.

Nhưng khác với mọi người, không ai khóc tiễn đưa anh đi. Tạm biệt mẹ, anh đi đến San-ta-ra không phải một mình, mà là với cô con gái của ông giáo già ở San-ta-ra Cu-li-tsen-cô, tên là A-na-xta-xi-a. Cô rất gầy, mảnh dẻ, cặp mắt to tròn như hai đồng xu lớn, đôi bím tóc dài nặng.

— Mẹ ơi, đây là A-na-xta-xi-a, — anh nói với mẹ. — Nếu như con còn sống trở về, chúng con sẽ tổ chức cưới ngay. Bố mẹ của A-na-xta-xi-a là những người tốt và cũng đã đồng ý. Còn A-na-xta-xi-a sẽ chờ đợi con. Em có đợi không?

— Anh Pô-li-các-pơ, em sẽ đợi anh cho đến già, — cô gái nói, rơm rớm nước mắt.

— Nào! — Pô-li-các-pơ nhăn mặt lại. — Đừng thế. Ta đã nói với nhau rồi mà.

Buổi chiều ngày hôm đó, Cru-gi-lin và cô con gái người

giáo viên già Cu-li-tsen-cô đi khỏi làng Mi-khai-lốp-ca, và bây giờ bà A-ri-na thường đến nhà cô ở San-ta-ra để đọc thư con trai.

Nhưng rồi nửa năm nay cả Pô-li-các-pơ cũng không viết thư về nữa. A-ri-na hầu như tuần nào cũng đi đến San-ta-ra, nhưng trở về với dáng điệu mệt mỏi, rầu rĩ. Như vậy là cả cô con gái mắt to của ông giáo già Cu-li-tsen-cô cũng không nhận được thư của Pô-li-các-pơ.

Rồi bỗng nhiên một hôm Pô-li-các-pơ xuất hiện ở Mi-khai-lốp-ca.

Anh về vào lúc quá trưa, đi nhờ một chiếc xe cùng đường. Người gầy, đen, tóc cắt ngắn, mặc chiếc áo ca-pốt đã mòn rách hết các mép, một cánh tay bó băng đến tận khuỷu treo lên cổ bằng chiếc khăn hoa đội đầu. Khăn có lẽ là của A-na-xta-xi-a Cu-li-tsen-cô và chính cô cũng về theo anh, đỡ anh xuống xe, rồi chạy bổ vào nhà đón A-ri-na Cru-gi-li-na. Bà vừa chạy vừa vấp từ trong nhà ra, chân như sắp khuỵu xuống, ngã lăn ra đất, nhưng A-na-xta-xi-a đã kịp đỡ lấy.

— Con ơi! Con... Con đã về... — A-ri-na nức nở.

— Anh ấy đã về đây, mẹ! Anh ấy đã về đây... Không sao đâu mẹ ạ, tay chỉ bị nhẹ, sẽ khỏi ngay! — A-na-xta-xi-a kêu lên qua những giọt nước mắt sung sướng.

Nửa giờ sau, căn nhà chật hẹp của Cru-gi-lin đã chật cứng người. Các ông già trịnh trọng ngồi trên các tấm phản kê làm ghế, lũ trẻ chen chúc đứng trước cửa, từ ngoài đường, người vẫn tiếp tục vào — anh lính đầu tiên ở ngoài mặt trận về làng Mi-khai-lốp-ca mà! Mọi người vào nhà, làm dấu trước bức tượng thánh ám khói đặt trong góc nhà, chào hỏi, rồi vừa tò mò, vừa nể sợ nhìn Pô-li-các-pơ...

* * *

Từ rừng tai-ga trở về nhà theo lời nhắn gọi của Đê-mi-an I-nhi-u-chin, nửa đêm Phê-đô mới tắm rửa sạch sẽ xong, anh uống gần hết cả chai rượu ngang, nằm xuống giường và ngủ một mạch cho đến tận trưa ngày hôm sau.

Ngủ dậy, Phê-đô uống nốt chỗ rượu còn lại ngày hôm qua, đến bên cửa sổ và trông thấy An-na Cáp-ta-nô-va đang từ

cuối đường đi lại. An-na dắt tay đứa em Ma-ca ba tuổi. Đứa bé làm nũng, khóc thút thít, cô gái dừng lại và nói với em một câu gì đó.

Tay vân vê mấy sợi ria thưa trên mép, Phê-đô nhìn An-na đang đi đến và nhớ lại trước đây, đã lâu lắm, khi còn làm người trông trại ở mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki, trong đầu anh đã bắt đầu quanh quẩn một ý nghĩ hãy còn chưa rõ nét lắm: giá được Mi-khai-in Lu-kích Cáp-ta-nốp đem cô con gái An-na gả cho anh. Sau chuyện An-tôn, những ý nghĩ đó tan biến như làn khói và không bao giờ trở lại, không làm cho anh bận tâm nữa; hơn nữa An-na có triển vọng lớn lên thành một cô gái không cân đối, ngực lép. «Thực là phí của giời, ăn tốn bao nhiêu cơm gạo, — Phê-đô mỉa mai nghĩ thầm trong bụng mỗi lúc tình cờ gặp cô ngoài phố. — Có thể đặt cô ta vào hàng rào thay mấy tấm ván được...»

Trong mấy năm gần đây, Phê-đô cũng chú ý tới tình bạn khăng khít giữa I-van, em trai của mình, với An-na. Thỉnh thoảng anh lại trêu:

— Người ta bảo trong làng này xuất hiện mấy cây si — mày và Ki-ri-an I-nhi-u-chin — phải không? Thằng kia cũng lăng xăng quanh con An-phi-xa như gà trống choai.

I-van đỏ mặt, sừng sộ:

— Anh đi đi... Cứ nói nhảm.

Nhưng khi Cáp-ta-nốp lấy I-van về làm người coi ngựa, trong lòng Phê-đô bắt đầu lo lắng, anh cảm thấy cáu kỉnh với cả chính mình. Thỉnh thoảng, ngoài cả ý muốn, anh lại nghĩ: «Không thể có chuyện gì giữa An-na và I-van được... Nhưng dù sao, biết đâu đấy? Lão Cáp-ta-nốp này điên lắm. Biết đâu bỗng lại... Mà An-na có xấu xí đi nữa... thì sắc đẹp để làm gì, có mài nó ra ăn được đâu? Vợ của lão Cáp-ta-nốp đấy, cũng có khác gì một que củi khô, mà lão ta có sao đâu... Cái ông tướng An-tôn này làm mình hỏng hết việc, ma quỷ nào lúc đó dẫn ông tướng đến trại không biết...»

Mùa xuân năm nay Phê-đô bỗng quyết định: «Cần phải thử với An-na. Nếu như xong, thì Cáp-ta-nốp có gặm nát cùi tay của mình cũng phải chịu, lúc đó làm gì được nữa? Còn nếu như không được gì, lúc đó mình sẽ tung tin bêu xấu. Mình

14-652

đâu có quên việc con rắn độc này bóp cổ mình... Mình sẽ không bao giờ quên cả».

Quyết định của Phê-đô về việc An-na không phải nảy sinh ra một cách bỗng nhiên và không có cơ sở. Anh lớn lên thành một thanh niên đẹp trai, cân đối, và anh biết rõ điều này. Đã từ lâu, những cô gái làng liếc nhìn anh với vẻ vừa tò mò, vừa sợ hãi. Và cô con gái của ông Cáp-ta-nốp cũng đã bắt đầu ném sang anh những cái nhìn vừa ngượng nghịu, vừa tò mò như thế. Anh nhận thấy ngay điều đó và những lúc tình cờ gặp nhau, anh nheo mắt, im lặng nhìn cô từ đầu đến chân. An-na vội vã chạy trốn khỏi cặp mắt của anh.

Vừa nhớ lại tất cả những điều đó, Phê-đô vừa nhìn An-na đang đi đến gần. Rồi anh đứng dậy, bước ra sân, nép vào bóng râm cạnh tường để An-na không trông thấy anh ngay. An-na chậm chạp đi theo con đường làng, thỉnh thoảng lại vô tình nhìn về phía ngôi nhà của gia đình Xa-vê-li-ép. «Tìm I-van à?» — Phê-đô khó chịu nghĩ.

— I-van đi vào rừng từ sáng rồi, — anh lên tiếng và bước ra khỏi chỗ khuất.

Trông thấy Phê-đô, An-na ép chặt đôi cùi tay nhọn lên trước ngực, cặp lông mày khẽ rướn cong lên. Cô đứng bất động, nghiêm khắc nhìn Phê-đô.

— Còn em, An-na ạ, đừng héo hon nhiều vì hắn thế, — Phê-đô mỉm cười, nói. — Ở trong rừng tai-ga, anh cũng nghĩ về em suốt... Em có một mình, hai anh em làm sao mà chia bây giờ?..

Đôi tay cô buông thõng xuống dọc thân, cô vội vàng hít mạnh không khí, như sắp khóc nức lên, bế xốc lấy thằng bé Ma-ca, rồi chạy biến vào một ngõ nhỏ bên cạnh.

Cô chạy rất nhanh, không ngoái lại, vạt váy dài màu xanh quấn tròn quanh bắp chân.

Vừa đưa mắt nhìn theo An-na, Phê-đô vừa nghĩ cách làm thế nào và ở đâu để gặp được An-na, chỉ riêng hai người với nhau.

Chiều đến, trên đường đi tới nhà hương trưởng, anh bỗng nghe có tiếng gọi:

— Phê-đô Xa-vê-li-ép đấy à?

Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin đang đứng sau hàng rào bằng



cọc gỗ thấp. Phê-đô đã nghe mẹ nói rằng Pô-li-các-pơ vừa mới từ ngoài mặt trận về hôm trước, nhưng mấy giây đầu không nhận ra anh ta ngay. Mái tóc đen bướng bỉnh bị cắt ngắn, mắt trũng sâu, đôi lưỡng quyền nhô cao. Người anh vốn không cao lắm, nhưng giờ sạm đen, gầy xọp đi, mặc chiếc áo lính màu xanh bạc thếch, trông dài ngoẵng, xa lạ.

Pô-li-các-pơ nhìn Phê-đô không chớp mắt, và không hiểu sao, Phê-đô nhớ lại lời của Cáp-ta-nốp nói một lần đã khá lâu: «Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin tấm hơi nóng khá lắm... Đuổi nó đi cũng tiếc, nhưng trong mắt nó bắt đầu xuất hiện một cái gì như dao cứa. Bình thường thì không sao, nhưng đôi lúc hắn nhìn — và người mình cảm thấy như bị cắt làm đôi...» Anh nhớ một cách rõ ràng, rành rọt, dường như mới nghe hôm qua. Bỗng nhiên, Phê-đô tưởng như mình cũng cảm thấy cái ánh mắt sắc như dao cứa ấy. Và anh còn cảm thấy Pô-li-các-pơ rất giống một người nào đó cũng có cái ánh mắt nhìn chăm chú, sỗ sàng xuyên sâu, xoi mói trong lòng người khác. Anh nghĩ một lúc và đoán ra — giống người anh cả của mình, An-tôn.

— Vào đây chơi, Phê-đô, — Pô-li-các-pơ mở rộng cổng vườn, mời.

Phê-đô bước vào. Một chiếc bàn gỗ đặt dưới gốc cây bạch dương già. Trên bàn, chiếc ấm xa-mô-va đánh bóng loáng; một cô gái mắt to, bím tóc dài, đang thu dọn cốc chén.

— Em A-na-xta-xi-a, đây là Phê-đô Xa-vê-li-ép, — Cru-gi-lin nói với cô gái. — Anh ta cũng suốt đời còng lưng làm cho lão Cáp-ta-nốp. Bây giờ ai làm chức «quản trại» cho lão ta ở trong đó?

— Tôi không biết. Tôi mới ở trong rừng tai-ga về hôm qua.

Cô gái mỉm cười với Phê-đô, rồi mang ấm xa-mô-va đi.

— Thế các anh ở trong rừng tai-ga như thế nào?

— Bình thường. Vẫn làm.

— Các tay mu-gích ra sao?

— Cái gì ra sao?

— Họ nghĩ gì?

— Làm sao mà tôi biết được họ nghĩ gì? Nếu phải ăn bánh

tối, họ chửi rủa đủ thứ. Chửi Cáp-ta-nốp. Nhưng mu-gích nào? Ở đây chỉ toàn ông già và đàn bà.

—Mọi người nghĩ về chiến tranh như thế nào?

—Thế nào à? Không thế nào cả. Nhà ai có người bị bắt đi lính, thời gian đầu thường hay kêu khóc, sau rồi cũng thôi. Bây giờ chỉ cầu nguyện.

—Thế thôi?

—Thì còn gì nữa?

Pô-li-các-pơ im lặng, mắt nhìn về hướng khác, dáng tư lự. Những ngón tay gõ gõ nhẹ lên bàn.

—Thế đấy, Phê-đô ạ... Cuộc sống ở đây cứ như một bãi lầy nước đọng, không lối thoát. Ở đây chỉ có Cáp-ta-nốp là sướng.

—Ông ta thì ở đâu cũng chẳng khổ. Lắm tiền mà.

—Thế à?—Pô-li-các-pơ vụt quay sang nhìn Phê-đô.—Biết nói thế nào...

Phê-đô muốn hỏi tại sao ở chỗ chỗ khác Cáp-ta-nốp lại có thể không sung sướng, nhưng anh không dám.

—Có tin gì về ông anh cả An-tôn không?—Pô-li-các-pơ hỏi.

—Không.

Mặt trời đã xuống khuất sau dãy Dve-nhi-gô-ra, như chui tọt vào một lỗ hổng trong lòng đất ở ngay sát chân núi, những tia nắng giờ lại từ sau núi đá chiếu ngược lên trời. Một ngọn gió nhẹ thổi về, trời chiều hơi lành lạnh, cây bạch dương già xạc xào tán lá héo khô, đầy bụi.

—Anh lại làm cho Cáp-ta-nốp à?—Phê-đô hỏi.

—Chẳng lẽ bây giờ hắn lại cho tôi làm à?—Pô-li-các-pơ cười khẩy. Và im lặng một lát, anh tiếp:—Mà tôi cũng không thiết lắm. Thế nào rồi cũng có việc làm.

—Thế còn ở ngoài đó, ở ngoài mặt trận ấy, ra sao?

—Quan tâm à?

—Người ta bảo, có thể sắp tới tôi cũng bị gọi đi.

—Cậu ấy à?—Pô-li-các-pơ nheo nheo mắt, im lặng một lát.—Chắc gì người ta đã gọi cậu bây giờ. Không kịp.

— Tại sao? Sắp kết thúc rồi à?

—Sắp kết thúc rồi. Xem tình hình thì biết,—Cru-gi-lin gật đầu.

Phê-đô bước ra khỏi nhà Cru-gi-lin, người như co rúm lại, cảm thấy ánh mắt sắc nhọn của anh ta đang nhìn theo. Anh vừa đi vừa nghĩ, rằng cái «như dao cứa» quả thật là có trong cặp mắt của Pô-li-các-pơ, rằng trong suốt thời gian anh ngồi bên bàn, Cru-gi-lin cứ nhìn anh như muốn lột trần, muốn nhìn xuyên qua người anh.

... Sau đó, đáng lẽ phải đến nhà hương trưởng, Phê-đô ngồi rất lâu, cho tận lúc trời tối hẳn, trong bãi rừng thưa dưới gốc một cây thông già xơ xác, nhìn những ngọn núi đá trên dãy Dve-nhi-gô-ra mỗi lúc một trở nên đen thẫm, chìm dần vào bóng tối đang tràn đến.

Một ngọn gió nhẹ bay lang thang đâu trên cao, khẽ lay động cây thông già gần như đã khô chết hẳn và ngọn cây thông xào xạc khe khẽ, buồn bã, dường như đang than thở về bóng đêm, về sự già nua và cô đơn của mình. Mấy con quạ, không hiểu sao, cứ bay vòng mãi trên ngọn thông.

Cái ý nghĩ rằng bây giờ phải đi đến gặp Đê-mi-an I-nhi-u-chin, phải thấy bộ râu cáo, cặp mắt tròn không màu, lỗ miệng lông lá, và cũng tròn như vành móng ngựa của hắn, làm cho Phê-đô khó chịu, kinh tởm. Nhưng cuối cùng anh cũng đứng dậy, bước đi. Trên đầu, gió thổi tan những đám mây nhẹ ra bốn phía, và bầu trời hiện ra từng mảng sao lung linh như những bãi cỏ nhỏ với những chấm hoa vàng trên đồng nội.

Trong làng không đâu có ánh lửa, — từ khi chiến tranh bắt đầu, dầu hỏa trở nên rất hiếm. Chỉ có trong cửa hiệu và trong nhà Cáp-ta-nốp, sau một cửa sổ ở tầng hai, là có ánh đèn. «Phòng của ai đấy nhỉ? Của An-na à?» — Phê-đô nghĩ, để khỏi phải nhớ đến lão Đê-mi-an I-nhi-u-chin cụt chân.

Và anh đi về phía ánh đèn, mặc dù đáng ra cần phải đi theo hướng ngược lại.

Chừng mười phút Phê-đô đi lang thang quanh khu nhà Cáp-ta-nốp, đứng cạnh hàng rào gỗ, nhìn lên cửa sổ có ánh đèn. Bây giờ anh biết rằng đấy là cửa sổ phòng An-na: đã hai, ba lần anh thấy bóng cô in trên tường, rồi sau đó chính cô đi đến bên cửa sổ, kéo tấm màn che bằng vải hoa sang một bên. Phê-đô, tự mình cũng không ý thức được mình đang làm gì, nhảy qua hàng rào gỗ, chạy đến tận chân tường, nhặt một hòn đất pha cát, bẻ đôi, ném lên cửa sổ. Tiếng mặt kính rung lên

khe khẽ, bóng người lướt qua cửa sổ, và ánh đèn tắt phụt. Phê-đô lại ném thêm một nắm cát nữa. Rồi anh đứng yên lắng nghe, chờ đợi một cái gì đó. Nhưng anh không nghe thấy gì cả, hoàn toàn không nghe thấy gì cả, chỉ có tiếng chó sủa rộ lên ở cuối làng. Rồi, chậm chạp, anh qua sân nhà Cáp-ta-nốp.

Vườn rất rộng. Ngôi nhà đứng ở một chỗ xa, tận sát bìa làng, cửa sổ nhìn thẳng vào làng. Hai bên phải và bên trái trước đây là những bãi đất hoang, nhưng sau những người trong làng cày lên để trồng rau, còn phía sau nhà, cách chừng trăm rưởi xa-gien, trong khoảng rừng thưa, là chuồng bò, chuồng ngựa, kho lúa, và nói chung, các thứ nhà kho, chuồng trại khác. Chỗ này để xây chuồng trại, quả là rất tiện. Ngay phía sau chuồng bò và chuồng ngựa là rừng, tuy không dày lắm. Những con đường nhỏ xuyên qua rừng chạy thẳng đến khu vườn nhà Cáp-ta-nốp. Khoảng giữa chuồng trại và nhà là vườn rau, vườn cây lưu niên, vườn cây quả dại. Mụ vợ đã quá cố của Cáp-ta-nốp rất thích các loại mứt quả, mùa hè năm nào cũng bắt người làm phát sạch những khoảng đất mọc đầy cây dại, đào hố trồng dã anh, phúc bồn tử, thanh lương trà, táo dại... Qua mấy năm đã có được một vườn cây tươi tốt. Sau khi vợ Cáp-ta-nốp chết đi, các vườn cây bắt đầu bị bỏ quên, trở nên hoang dại. Ít lâu sau Cáp-ta-nốp ra lệnh chặt trụi một phần vườn cây hai bên nhà để dựng mấy dãy nhà kho dài. Trong khi làm nhà kho, hầu như cả phần vườn còn lại cũng bị giẫm nát, bây giờ chỉ trơ trọi mấy bụi cây đứng cô đơn côi cút.

«Thế cũng đòi là ông chủ! — Phê-đô giận dữ nghĩ về Cáp-ta-nốp. — Trước đây chỗ này đẹp biết bao nhiêu, và cái chính là nó mang lại bao nhiêu của! Người ta bảo chỉ riêng mứt đã nấu được hàng mấy chục pút, nào đũm hương, nào dã anh... Nếu không ăn hết thì đem bán đi. Còn nhà kho thì có thể xây ở sau dãy chuồng bò kia cũng được. Chỗ có phải thiếu đâu...»

Phê-đô tiếc cái vườn bị phá như của chính mình, nhưng anh không nhận thấy điều đó.

Phê-đô lại đứng bên thềm nhà. Trăng đã lên, chiếu sáng bậc thềm cao với hai hàng tay vịn, những cánh cửa gỗ dày với

vòng khóa sắt. Đột nhiên vòng khóa sắt khẽ động đậy. Phê-đô lập tức nhảy sang bên, nép sau bụi dã anh. Tim anh đập mạnh, và không hiểu sao, anh tin rằng An-na sẽ đi ra...

Quả nhiên, cánh cửa hé mở, và An-na bước ra. Cô vẫn mặc áo khoác ngoài và chiếc váy xanh như lúc ban chiều, chỉ có tóc để xõa, dường như cô vừa mới ngủ dậy, chỉ mặc áo, còn tóc chưa kịp chải.

Cử chỉ của cô hơi kỳ quặc. Đầu tiên, cô ló đầu ra khỏi cửa, lắng nghe một cái gì đó. Rồi cô bước ra thềm, đứng tựa lưng vào tường, người thẳng căng như một sợi dây đàn. Cô thở gấp, dường như trong ngực không đủ không khí.

Ngập ngừng một lát, cô bước ra cửa vườn, dừng lại, nhìn dọc theo hàng rào gỗ về phía con đường vắng khuất trong bóng tối. Khi Phê-đô nhón chân, thận trọng bước lại gần, anh nghe thấy cô đang hát, rất khẽ:

Cành anh đào lắc lư
Suốt đêm ngoài cửa sổ,
Còn em, lòng tương tư
Đang đợi chờ ai đó...

Phê-đô thì thầm hỏi:

— Có phải đợi anh không?

— Ôi!

Giá như bị người nào lấy roi quất ngang lưng, chắc An-na cũng không quay lại nhanh như vậy.

— Gì mà em sợ thế? Đừng sợ.

— Đi đi... — cô khẽ thốt lên, trượt lưng theo hàng rào gỗ, dường như muốn ngã nghiêng xuống đất.

Phê-đô không để cho cô ngã. Anh túm chặt lấy người cô, ép sát vào hàng rào, cảm thấy đôi đầu gối cô đang run lên bần bật. Rồi bàn tay anh từ vai cô luồn xuống dưới: và khi cảm thấy gò vú nhỏ của cô trong lòng bàn tay mình, anh liền bóp mạnh, còn tay kia ôm lấy cổ An-na, kéo đầu cô lại gần, hôn vào giữa đôi môi khô, nóng hổi. Trong lúc anh hôn, cô vùng vẫy, rên rỉ, nhưng rồi người bỗng trở nên mềm nhũn, im bặt. «Thế là xong», — Phê-đô thầm cười khẩy, bế xốc cô lên, mang qua thềm, qua mấy dãy nhà kho, đến một chỗ vắng vẻ, rậm rạp, trong lùm cây. Anh bế cô đi, mớ tóc dày nặng quấn lấy

đầu gối anh. Hai tay An-na ôm lấy cổ anh, và không hiểu sao, cô cứ nhắc đi nhắc lại:

—Thế mà em nghĩ anh đi rồi... Em cứ nghĩ là anh đi rồi...

Khi Phê-đô đặt cô xuống đất, cô nằm yên, không chống cự lại, chỉ nói bằng một giọng khe khẽ và hơi trầm ngâm:

—Anh muốn biến tôi thành đàn bà à? Nào, cứ làm đi. Nhưng nên nhớ rằng ngay đêm nay tôi sẽ thắt cổ tự tử. Như mẹ tôi ấy...

Và, lật nghiêng người lại, cô òa ra khóc nức nở, úp mặt xuống bãi cỏ ẩm, cay cay.

Cô nằm khóc, tóc sổ vương ra trên mặt đất, và những lời của cô làm Phê-đô hoảng sợ thật sự; anh liền nguội đi, nhìn cô và nghĩ: «Thắt cổ... Đúng, hệt như mẹ... Còn mình sau đó giơ đầu ra mà chịu. Rồi Cáp-ta-nốp không cần xét xử gì cả, sẽ rút ruột mình ra ngay. Không được...»

Trong ngực anh, tim đập thình thịch như người nhờ một phép lạ nào đó vừa qua được một cơn nguy hiểm chết người. «Không được, mình sẽ không làm thế... Không cần thế, bây giờ cũng không chạy đi đâu được nữa rồi. Đấy, nếu như mọi việc sẽ xong xuôi theo ý nguyện của cả hai, lúc đó thì ông thử làm gì tôi xem, ông Mi-khai-in Lu-kích ạ...»

An-na ngồi nhỏm dậy, bò sang một bên, ra xa, vào sau bụi cây.

—Anh đi đi!—cô hét lên, đôi mắt ướt lấp lánh.—Anh đến đây để làm gì? Muốn làm nhục tôi à?

—Không đâu, An-na ạ. Anh đến với ý định tốt đẹp.

—Nói láo! Nói láo!

—Nếu với dụng ý xấu, thì anh nghe những lời của em để làm gì? Anh đã...—Phê-đô dừng lại, ngồi im một lúc, tay ôm gối, đầu cúi xuống.—Thôi được, anh đi đây.—Và anh đứng dậy.—Có thể chúng ta lại gặp nhau ở một nơi nào đó nữa? Bao giờ? Nào, em nói đi... Quyền của em đấy, An-na...

Anh đứng đợi một lúc. An-na vẫn im lặng. Phê-đô bèn chậm chạp bỏ đi.

—Khoan đã...—cô khẽ thì thầm. Anh dừng lại. An-na lại thì thầm, còn khẽ hơn, như làn gió thoảng:—Anh ngồi xuống...

Và khi Phê-đô đã ngồi xuống chỗ cũ, cô nấc lên nghẹn ngào

như bị người nào bóp lấy ngang cổ, lảo đảo bước đến bên Phê-đô, ngã vào lòng anh, nức nở:

—Tôi là con ngu, con ngu! Trời ơi, tôi là con ngu ngốc trơ trẽn!

Phê-đô đưa bàn tay vuốt ve lên đôi vai nhọn của cô và mỉm cười.

An-na và Phê-đô ngồi rất lâu, gần một tiếng đồng hồ, trong góc vắng vẻ của khu vườn cũ giờ mọc đầy những cây ngưu bàng và loài tầm ma đụng vào bỏng rộp da. Họ ngồi, không nói gì thêm. Phê-đô vẫn vuốt ve đôi vai gầy của An-na, cô dần dần bình tĩnh lại, nằm im như một đứa bé.

—Em không tin rằng anh... đến với em với ý định tốt. Đấy, xung quanh bao nhiêu là con gái... đẹp, —cô lên tiếng.

—Con gái thì nhiều. Nhưng anh chỉ muốn đến với em... Còn I-van với em thì sao? Làm thế nào bây giờ? Anh không chịu nhường đâu...

—I-van thì sao? I-van là cái gì?—An-na thốt lên hai lần.

Trăng đã lên cao, Phê-đô chợt nhớ ra là Đê-mi-an I-nhi-u-chin đang chờ anh.

—Không phải em, mà là anh không tin, An-na ạ,—Phê-đô nói.

—Không tin cái gì?

—Không tin vào... những chuyện sau này. Chúng ta thì tìm đến với nhau, nhưng đâu có được môn đăng hộ đối. Đời nào cha em lại chịu gả con gái cho... thằng đi làm thuê của mình?

—Em sẽ chẳng cần sự đồng ý của cha lắm đâu... nếu như...

Phê-đô không thích câu trả lời của cô. Hoàn toàn không thích. Anh nói:

—Không, như vậy không được đâu. Chúng ta chứ có phải cái bọn vô đạo nào mà không cần sự đồng ý và ban phúc của cha mẹ?

—Rồi sẽ đồng ý thôi. Trốn đi đâu được!

Có thế chứ, như vậy là đã khá hơn...

* *

Thấy Phê-đô đến, Đê-mi-an I-nhi-u-chin gầm gừ ra vẻ không bằng lòng.

—Tao đã nghĩ hôm nay mày sẽ không đến. Xem kìa, sắp hết đêm rồi còn gì. Vẫn chạy theo lũ con gái đấy à?

—Thì tôi còn làm gì nữa? Chẳng lẽ cấm à?

—Hê-hê, đúng đấy. Ở đây có một con bé khớ lắm... con gái mụ góa A-na-xta-xi-a...

—Con An-phi-xa ấy à?

—Nó đấy.

—Còn non lắm.

—Ấy—ấy, cái bọn non ấy mà ngọt, sướng hơn bọn đã chín đấy. Mày không biết à?

—Chưa thử,—Phê-đô ngồi xuống cạnh bàn.

—Thì thử đi.

—Tự ông đi mà thử lấy.

—Tự tao thì đã có râu rồi. Mà râu càng dài thì cái thử càng ngắn...

Hai người nói bằng một giọng đùa cợt, và Phê-đô không hề để ý đến ý của Đê-mi-an trong câu chuyện. Chiếc chân gỗ của I-nhi-u-chin nằm lăn lóc cạnh giường, hắn nhảy lò cò trên đôi nạng gỗ, chiếc ống quần không lủng lẳng kéo lê trên sàn. Hắn nhảy đến bên chiếc áo treo trên tường, rút ra một chiếc ví, lục tìm một lúc.

—Cầm lấy,—I-nhi-u-chin nói, ném bốn tờ giấy bạc mười rúp lên bàn.—Cho mày đấy.

—Cái... cái gì thế này?—Phê-đô ngơ ngác hết đưa mắt nhìn mấy tờ giấy bạc trên bàn đến hố miệng vàng khè lông lá của Đê-mi-an I-nhi-u-chin, rồi lại nhìn xuống bàn.—Cái gì mà nhiều thế này?

—Vì cái việc mà hôm nay tao gọi mày từ trong rừng về ấy. Đây mới chỉ một phần. Làm xong, tao sẽ cho chừng ấy nữa.

Những ngón tay của Phê-đô run run. Anh đã thò tay định cầm lấy tiền, nhưng vội rụt lại. Trong đầu anh có một cái gì—không hẳn nóng mà cũng không hẳn lạnh—quay cuồng.

—Nhưng tôi cần phải làm cái gì đây?—anh khàn khàn hỏi.

—Cái thằng!—I-nhi-u-chin cau có, cáu kỉnh, lắc đầu.—Tao đã nói với mày rồi đấy. Về chuyện con An-phi-xa...

—An-phi-xa sao?—Phê-đô ngơ ngác, đờ đẫn nhìn I-nhi-u-chin chằm chằm.

— Tao đã bảo là phải thử nó, cho nó hỏng đi. Cái đồ đầu gỗ ngu ngốc này, — I-nhi-u-chin đã bình tĩnh lại nói, hắn ngồi xuống bàn phía đầu đằng kia.

Phê-đô bắt đầu chậm chạp đứng dậy. Anh đứng lên một cách nặng nề, hai tay chống lên bàn, cảm thấy từng đợt sóng dâng lên trong ngực — không hẳn là máu nóng, cũng không hẳn là một cái gì đó không rõ.

— Ông... ông có điên không đấy? Con bé ấy... nó... còn trẻ con, không... — Phê-đô không chỉ cảm thấy hoảng sợ — một sự phẫn nộ và kinh tởm đối với lão I-nhi-u-chin một chân chợt dâng lên trong người anh.

— Nó còn trẻ con, mà vú đã chật căng cả áo ra rồi.

— Dù sao... nó vẫn chưa đầy mười bốn ruổi.

— Vào tuổi mười lăm từ lâu rồi. Mẹ nó bảo thế.

— Dù sao cũng không thể, — Phê-đô bướng bỉnh nhắc lại. — Cứ để cho nó lớn lên đã. Lúc đó...

— Không phải lúc đó, mà ngay bây giờ... Ngay bây giờ, hiểu chưa? — I-nhi-u-chin rít lên. Đôi nạng hắn để cạnh đầu gối gõ lọc cọc lên sàn nhà. — Ngồi xuống! Ngồi xuống, tao bảo mày! — Hắn hét lên, cặp mắt tròn nhưng nhỏ tí, như hạt đậu, long lên...

Đôi chân của Phê-đô như tự mình khuỵu xuống, anh ngồi xuống và cảm thấy mồ hôi túa ra trên trán, bèn đưa lòng bàn tay lên lau.

— Đồ ngu, — I-nhi-u-chin nói và nhặt mấy tờ giấy bạc trên bàn lên, nhảy một chân đi quanh bàn đến bên Phê-đô, nhét những đồng rúp đã nhàu nát vào ngực áo anh. — Tao trả công cho mày để làm gì? Ba rúp một tháng để làm gì?

— Nhưng không phải làm việc này.

— Tao biết rồi. Vì vậy mới trả thêm đặc biệt cho mày đây.

Phê-đô cúi đầu im lặng. Và Đê-mi-an I-nhi-u-chin cũng im lặng, lạnh lùng và khinh bỉ nhìn Phê-đô, mím chặt đôi môi khô, mỏng dính.

— Không, tôi không thể... Ông để cho tôi thôi việc này, — Phê-đô khẽ nói.

Nhưng I-nhi-u-chin chỉ cười nhạt.

— Chúng ta đừng cãi nhau làm gì, Phê-đô ạ. Tao đối với mày như vậy là còn hơn cha ruột. Nếu chửi nhau rồi mỗi

người mỗi ngả — hỏi được ích gì? Nếu tao ở một nơi nào đó nói lộ ra với mọi người rằng vì sao mày nhận ba rúp một tháng của tao, thì lúc đó sẽ ra sao nào?

Trong ngực, trong đầu Phê-đô lại nghe như có một luồng sóng nóng chạy qua. Anh đỏ bừng mặt lên, dường như bốc lửa thật sự, đứng vụt dậy khỏi chỗ ngồi, bước đến bên I-nhi-u-chin, giơ đôi cánh tay run run lên phía trước:

— Lúc đó? — anh nặng nhọc, giận dữ thốt lên từng lời. — Lúc đó tôi sẽ bóp cái cổ nhão nhệu của ông bằng những ngón tay này này... Tôi sẽ túm lấy bằng hai tay này và xé đôi ra làm hai mảnh. Tôi sẽ vặt đầu ông ra như vặt một bông hoa hướng dương ra khỏi cây!

— Khe-khe-khe... — I-nhi-u-chin khẽ cười, hệt như tiếng chó sủa. — Mày làm tao sợ đấy.

Và tiếng cười đó, và bộ râu rung rung của lão hương trưởng làm cho Phê-đô nhụt hết khí thế, dập tắt con giận của anh. Hai cánh tay Phê-đô buông thõng xuống.

— Mày làm tao sợ quá! — I-nhi-u-chin nhắc lại. — Thì mày cứ việc bóp cổ đi — mày được lợi gì? Tao, nhờ Chúa, trên đời này sống thế cũng đã đủ rồi, thấy hết mọi chuyện rồi. Còn mày thì đi đày khổ sai. Gặp thằng anh cả của mày ở đó...

Phê-đô buông người xuống ghế, hiểu rằng không còn cách nào thoát khỏi tay lão già này cả.

— Hay là còn cuộc chiến tranh này nữa, — I-nhi-u-chin lại nói tiếp, như không có chuyện gì xảy ra. — Đấy, người ta sắp lấy mày ra trận — như thế mày được lợi gì? Cần phải nghĩ cách cho mày hoãn, nếu mày là người cần, có ích cho tao. Tao cũng đã nghe ngóng được ít nhiều ở trên quận, và còn đang nghĩ cách xem.

— Tôi phải làm gì, hiếp con An-phi-xa hay sao? Lúc đó các bà sẽ nguyền rủa tôi, các ông già sẽ đón đường đánh chết tôi ngay.

— Lạy Chúa, không thể như thế được, — I-nhi-u-chin nghiêm khắc nói. — Cái con bé ngu ngốc ấy sẽ tự mình nằm ra cho mày, tao biết. Tao đã có lần nghe nó nói về mày. Nó nói với thằng Ki-ri-an nhà tao. Chỉ có nó không thích bộ ria của mày.

Và lão già kể lại tất cả những gì nghe trộm được hôm đứng bên bờ giậu.

— Tôi hiểu là ông định bằng cách như vậy tách thằng Ki-ri-an nhà ông ra khỏi An-phi-xa chứ gì? — Phê-đô hỏi với nụ cười tuyệt vọng.

— Tao thích những thằng thông minh, sáng ý.

— Thế ông nhằm con bé nào cho Ki-ri-an?

— Đó là việc của tao, cậu hai ạ...

...Phê-đô lảo đảo bước ra khỏi nhà lão hương trưởng. Đêm sáng trời, những đám mây đen che kín bầu trời đầu hôm giờ không còn để lại một dấu vết nào. Từ trên bầu trời cao rắc đầy những ngôi sao lóng lánh dường như có một tiếng vang mơ hồ, rất khẽ vọng xuống. Mà cũng có thể, tiếng vang đó ở ngay trong đầu anh.

Về tới nhà, Phê-đô đi đến cạnh đống gỗ còn lại sau mùa đông. Hôm qua anh mua của một bà già nấu rượu ngang nổi tiếng khắp làng hai chai, một chai giấu vào trong đống củi để dành. Bây giờ anh lôi chai rượu ra, dùng răng mở nút chai bằng giẻ, ngước đầu ra sau, nhắm mắt, hút một lúc lâu. Hút đến một nửa, Phê-đô nặng nề ngã vật xuống, đống củi. Nằm nghỉ một lúc, anh vừa thở ngắt quãng, vừa uống nốt chỗ còn lại, rồi ném chai đi...

Anh nằm rất lâu, không dám mở mắt, nghe tiếng vang trong đầu, thấy những vòng đen, xanh quay tròn trước mặt, như những xoáy nước nặng nề quay, đào những phễu tròn khủng khiếp trong các đầm sâu không đáy trên sông Grô-mô-tu-kha. Nếu như quăng một mẩu gỗ vào xoáy nước đó, nó sẽ bị quay tròn, rồi hoặc là bị văng ra bên rìa xoáy nước, được dòng nước cuốn xuôi theo dòng, hoặc là nó sẽ bị cuốn ngay vào trung tâm phễu nước, và mẩu gỗ sẽ chìm xuống, biến mất trong lòng sâu tối tăm, lạnh lẽo, vô định. Phê-đô bỗng có cảm tưởng rằng chính mình là mẩu gỗ nhỏ đó, và anh đang bị một sức mạnh nào đó cuốn mang theo vào vòng nước xoáy.

Anh rên rỉ và khó nhọc, dồn hết sức lực, mở cặp mắt nặng trịch ra. Nhưng trước mắt vẫn những vòng tròn đen xanh ấy quay tít. Bây giờ chúng lại được bao quanh trong những tia sáng rực rỡ. Và anh vẫn cảm thấy mình như một mẩu gỗ bị ném, đang bay vào xoáy nước khủng khiếp trên vực sâu,

và ngay bây giờ, anh sẽ chạm mặt nước, sẽ bị một sức mạnh khó hiểu, vô hình quay tít. «Chỉ có điều, không biết mình sẽ rơi vào xoáy nước, vào cái hố sâu đen ngòm ấy, hay bị văng ra ngoài?» — một ý nghĩ thoáng qua trong đầu.

Rồi trong đầu anh như có một cái gì chảy loang ra, hơi rượu làm mờ cả ý thức, và anh thiếp ngủ...

* * *

Vào những ngày cuối cùng của năm 1941, ở San-ta-ra trời lạnh khủng khiếp, nhưng sang đầu tháng Giêng, thời tiết bắt đầu ấm hơn.

Anh công an A-nhi-cây Ê-li-da-rốp cùng với chuyến tàu hàng đêm đang trên đường về thị trấn từ làng An-đrây-ép-ca, ở tận nơi cuối cùng hẻo lánh nhất của huyện, nơi có cửa hàng bách hóa vừa bị mất trộm. Anh bị lạnh cóng cả người, nên tàu vừa mới dừng lại, đã vội chạy vào nhà ga.

Gian phòng đợi nhỏ bé hầu như không có người. Trong góc phòng, một chiếc lò sưởi tròn, cao đang cháy rừng rực, khét lẹt. Một cô gái mặc áo bành-tô mỏng đã cũ sờn nằm khoanh người ngủ trên chiếc ghế dài đặt cạnh lò sưởi. Mái tóc dài của cô từ trên ghế buông xuống gần chạm sàn đất, đôi má ửng hồng lên vì hơi ấm, nước miếng chảy ra từ trong khóe miệng của đôi môi khô nẻ của cô. Có lẽ cô ngủ đã lâu và rất say.

Khi đã sưởi ấm người lại, Ê-li-da-rốp bước đến cạnh cô gái, túm lấy vai lắc. Cô không tỉnh dậy ngay, nhưng khi mở mắt, vội vã đứng lên, nhét tóc vào dưới khăn, rồi sợ hãi ngồi ép sát vào tận góc chiếc ghế dài, kéo vạt áo bành-tô che kín đôi chân đi tất đã rách mấy chỗ.

— Đề nghị cho xem giấy tờ, — Ê-li-da-rốp nghiêm giọng nói.

— Tôi không có giấy tờ nào cả. Bị cháy hết rồi... ở trong toa ấy.

— Trong toa nào? Cô là ai? Đi đâu?

— Chẳng đi đâu cả. Hãy để cho tôi yên!

Cô gái còn trẻ và xinh đẹp. Đôi mắt to, cũng đen như mái tóc, rưng rưng nước mắt, ánh lên những tia hằn học.

— Gì mà tôi suốt ngày cứ phải giải thích tôi là ai và đi đâu?!

Tôi đã phải nói ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ. Lại ở một đồn công an mới đây... Mà có ai tin tôi đâu! Tôi đang đi xin việc. Mà không có giấy tờ, người ta không nhận...

Ê-li-da-rốp chớp chớp hàng mi dài, đưa tay xoa chiếc mũi to tướng còn đỏ hồng vì lạnh.

— Hừm... Còn tôi, có thể tôi sẽ giúp. Nếu tôi tin thì tôi sẽ giúp.

Những lời này làm cho cô gái dịu lại, những tia hằn học trong mắt cô liền tắt đi, và cô bỗng khóc lên nức nở, lấy tay quệt nước mắt trên má như trẻ con.

— Chú giúp cháu với, chú ơi, giúp cháu với! Cháu là Na-ta-sa... Na-ta-sa Mi-rô-nô-va... Cháu cùng với mẹ tản cư từ Mát-xcơ-va. Đi được một ngày, đoàn tàu của chúng cháu bị ném bom. Chú không thể hiểu nó khủng khiếp như thế nào đâu...

— Thế cô là dân tản cư?

— Nó khủng khiếp lắm!.. Nó... — nước mắt làm cô nghẹn ngào không nói được. — Ở một ga nhỏ, cháu chạy xuống toa cuối cùng, nơi những người già yếu, ốm đau nằm, rồi tàu chạy, cháu chưa kịp quay lại toa của mình. Thế rồi... rồi...

Cô gái thôi khóc, đôi mắt khô đi rất nhanh. Bây giờ trong mắt cô không còn gì cả — không còn cả sự thất vọng lẫn hằn học. Đôi mắt đen to của cô chỉ lạnh lùng, đờ đẫn, trông như hai hòn than đã nguội lạnh.

— Rồi sau đó... Đầu tiên là những tiếng nổ khủng khiếp, rồi sau đó không còn phân biệt được gì nữa. Tiếng nổ, khói lửa. Mặt đất như ngả nghiêng... Khi máy bay đi khỏi, cháu liền chạy về toa của mình ở sát ngay đầu máy, chỗ của cháu và mẹ cháu. Nhưng...

Cô gái lại khóc nấc lên. Hai ba người đàn bà hành khách đi tàu và một nông dân râu quai nón, vừa nằm ngủ trên các ghế trong phòng đợi, ngồi dậy và lo ngại nhìn Ê-li-da-rốp.

— Nhưng nơi trước đây là toa của cháu, bây giờ không còn gì nữa cả... Chỉ có những thanh đường ray bị oằn cong và một hố bom sâu hoắm. Những toa khác ở bên cạnh còn nguyên, chỉ bị hất ra khỏi đường tàu, người ta kéo từ trong đó ra cả người còn sống lẫn người đã chết. Và đầu tàu cũng nằm đổ nghiêng dưới chân nền đường, bốc khói. Còn toa

của cháu không còn nữa. Đó là toa tàu khách duy nhất của đoàn tàu và mọi người vẫn ganh tị với bọn cháu. Thế mà nó không còn nữa, chỉ còn lại một đống sắt cháy đen thui. Cả toa bị cháy trụi!

—Lạy đức Chúa Giê-su!—một người đàn bà thốt lên.

—Thế nghĩa là mẹ bị bom chết,—Ê-li-da-rốp nói.—Thế còn cha ở đâu? Ngoài mặt trận à?

Và lại có một điều gì khó hiểu xảy ra với cô gái. Cô ngẩng phắt đầu lên, đôi môi mím chặt khinh bỉ, trong mắt lại ánh lên vẻ thù địch.

—Tôi không có cha,—cô nói khẽ nhưng rõ ràng.

—Chết rồi à?

—Chết rồi.

Ê-li-da-rốp nhìn cô gái một lần nữa, rồi cài cúc chiếc áo ca-pốt lại.

—Thôi, đi nào. Ê-li-da-rốp tốt bụng lắm. Anh ta sẽ nghĩ ra cách gì đó cho cô.

Đã quá nửa đêm. Trên nhà ga, bầu trời đen kịt, lạnh lẽo. Đây đó, trong làn sương giá buốt, thấp thoáng những ánh lửa màu sữa đục nhợt nhạt. Thỉnh thoảng lại có tiếng tàu vào ga rúc còi buồn bã.

Ê-li-da-rốp và Na-ta-sa Mi-rô-nô-va im lặng đi ngang qua mấy đoàn tàu hàng, về thị trấn San-ta-ra.

—Thế Ê-li-da-rốp là ai?—Na-ta-sa lên tiếng hỏi.

—Ê-li-da-rốp ấy à? Chú đây chính là Ê-li-da-rốp.

* * *

Na-ta-sa không đoán ngay được rằng Ê-li-da-rốp không đưa cô đến đồn công an, mà dẫn về nhà. Một người đàn bà to béo, thấp lùn, mặt hơi sưng phù, mặc chiếc áo ngủ nhàu nát, ra mở cửa, hoảng hốt nhìn cô gái chằm chằm.

—Cô bé mồ côi, dân tản cư,—Ê-li-da-rốp giải thích ngắn gọn.—Còn đây là vợ chú, Nhi-na.

—Anh mang nó về làm gì?—Nhi-na giận dữ hỏi.

—Tôi không cần phải xin phép cô. Cần phải kiếm cho nó một chỗ ở đâu đó. Người ta không nhận vào làm, vì không có giấy tờ gì cả.

— Bây giờ nhiều người không có việc làm, không có giấy tờ.

— Đúng vậy. Còn việc của tôi là phải lo lắng cho mọi người. Cởi áo ngoài ra.

— Không... cháu đi đây, — cô gái nói. — Hoặc là đưa cháu đến đồn công an.

— Thế cháu nghĩ là đến đó tốt hơn à? Không sao, cởi áo ra. Cô Nhi-na này, cũng như chú, tốt bụng lắm. — Và Ê-li-da-rốp gần như dùng sức cởi chiếc áo bành-tô trên người Na-ta-sa ra.

Cởi áo ngoài ra, cô gái nom thật thảm hại. Chiếc áo váy bằng vải len đắt tiền nhàu nát, vạt áo mấy chỗ bị cháy thủng, vai rách, cổ quàng chiếc khăn cũng nhàu nát, cáu bẩn, chân đi đôi ủng hỏng đế, tất dài cũng thủng mấy chỗ.

— Trời ơi, anh nhặt nó ở hố rác nào về vậy? — mụ vợ Ê-li-da-rốp kêu lên. — Người thối hoắc.

— Thối hoắc! — Na-ta-sa cũng giận dữ kêu to. — Tôi đã ba tháng nay không tắm, kể từ khi đi khỏi Mát-xcơ-va. Ông đưa tôi đến đây để làm gì? Thả cho tôi đi!

Cô túm lấy áo bành-tô của mình, chạy ra cửa. Nhưng cửa đã đóng chặt.

— Chúng tôi sẽ để cho cô đi, việc gì mà sợ, — Nhi-na bỗng dịu giọng nói. Mụ bước đến bên cửa, nhưng không mở ra, chỉ đưa mắt nhìn Na-ta-sa chằm chằm từ đầu đến chân. Còn cô gái bỗng nhiên xỉu xuống, đầu choáng váng, chóng mặt. Để khỏi ngã, cô tựa lưng vào tường, dửng dưng với tất cả, đứng nhìn mụ vợ Ê-li-da-rốp dọn thức ăn ra bàn, lục lọi trong hòm lấy ra mấy miếng giẻ nào đó.

— Anh ăn trước đi, — mụ nói với chồng. — Còn tôi đưa nó đi tắm. Nhà bên cạnh hôm nay hình như có đốt lò nhà tắm hơi, có thể còn nóng...

...Một giờ sau, Na-ta-sa lại trở về nhà Ê-li-da-rốp, ngồi xuýt xoa uống chè nóng, nghe ngây ngất vì đã được tắm rửa sạch sẽ, mặt đỏ ửng lên. Sau rất nhiều, rất nhiều ngày đêm, lần đầu tiên cô mới được ăn no, sưởi ấm, và giờ chỉ muốn ngủ, ngủ thật thỏa. Nhưng chủ nhà không chỉ cho cô chỗ nào có thể nằm xuống nghỉ. Cả hai người ngồi ở cuối bàn đằng kia và im lặng nhìn chằm chằm, không rời mắt khỏi người

cô, như nhìn một vật mà họ định mua. Đôi mắt Ê-li-da-rốp đờ đẫn bởi một cốc rượu vốt-ca, còn mụ vợ chốc chốc không hiểu sao lại thở dài. «Thì cứ mặc cho họ nhìn, chỉ đừng có đuổi ra ngoài trời lạnh là được», — Na-ta-sa nghĩ thầm.

— Bây giờ kể đi, — Ê-li-da-rốp nói, khi cô uống xong chén nước.

— Kể gì? — cô gái giật mình. — Cháu đã kể hết rồi.

— Đừng nói dối, không lừa được Ê-li-da-rốp đâu. Tại sao không ở đâu nhận vào làm cả?

— Cháu nói rồi — không có giấy tờ.

— Cô gái xinh xắn ơi, — Ê-li-da-rốp đứng dậy, cười to. — Ở đất nước ta không ai bỏ mặc con người cho số phận một cách vô duyên cớ đâu. Thế tức là ở đây phải có nguyên nhân. — Và nghiêm mặt lại, Ê-li-da-rốp hỏi khô khốc, ngắt quãng: — Trong gia đình... có ai... bị xử là kẻ thù của nhân dân?

Na-ta-sa đứng vụt dậy, màu hồng trên má cô dần dần biến mất.

— Ai? Cha à? — Giọng Ê-li-da-rốp tàn nhẫn, đầy hăm dọa.

— Vâng, cha, cha! — Và cô gái nức nở.

— Ta đã hiểu ngay khi còn ở ngoài ga mà, — Ê-li-da-rốp lau tay, nói.

— Nhưng cha tôi không có tội, hoàn toàn không có tội! — Na-ta-sa ngẩng khuôn mặt đẫm nước mắt, giờ không còn vẻ xinh đẹp nữa, kêu lên.

— Nhưng tất cả những cái đó đều là thứ yếu.

Cô gái như bị một vật gì nặng đánh vào đầu, cô im bặt, người lảo đảo.

— Sao... sao lại thứ yếu?

Nhưng Ê-li-da-rốp không trả lời, ngáp một lần nữa, bỏ ra khỏi phòng. Nhi-na cau mặt lại, im lặng thu dọn bát đĩa

— Đi rửa giúp bát đi, — mụ cau có nói. — Còn sáng mai chúng tôi nghĩ xem phải làm gì với cô. Lên trên lò sưởi mà ngủ.

...Ngày hôm sau là chủ nhật, nhưng Ê-li-da-rốp vẫn đi làm từ lúc trời còn chưa sáng, còn mụ vợ, vẫn cau có như hôm qua, nói:

— Hai vợ chồng tôi đêm qua đã bàn nhau... Bây giờ thế này: cô sẽ ở lại nhà chúng tôi, trông nom nhà cửa sao cho mọi

cái đều sạch sẽ, gọn gàng. Cả hai vợ chồng tôi đều suốt ngày đi làm: A-nhi-cây ở đồn công an, còn tôi làm cấp dưỡng ở nhà trẻ. Nhà không rộng lắm, chỉ một bếp và một phòng ở, trẻ con không có... Đừng trông mong vào tiền công nào, chỉ riêng nuôi ăn và áo quần cũng đã quá lắm rồi. Còn sau đó A-nhi-cây sẽ kiếm cho cô một tờ hộ chiếu.

Mụ đàn bà lôi thôi lếch thếch, đầu bù tóc rối, khiến Na-ta-sa thấy kinh tởm. Cô cắn chặt răng, nghe mụ nói.

—Nghĩa là thuê tôi làm con ở?

—Cô phải cảm ơn số phận nữa đấy,—mụ Nhi-na to béo nói.—Tôi giữ cô trong nhà cũng như để than củi cạnh đống cỏ khô. Lão A-nhi-cây nhà này là một con chó đực không biết chán...

—Sao?—Na-ta-sa không hiểu, chỉ hơi đoán ra và người lạnh toát bởi cái ý nghĩ đó.

—Thế đấy... Tôi nói thẳng với cô, như đàn bà với nhau, để biết trước. Sớm hay muộn gì rồi A-nhi-cây cũng mò đến chỗ cô. Còn tôi hoàn toàn không có ý định chia chung đâu. Nếu có chuyện gì xảy ra, tôi móc mắt ra đấy. Nghe chưa?

—Tôi thà... Tôi sẽ đi ngay bây giờ!—cô gái lắp bắp nói.

—Đi đi!—mụ Nhi-na khoát cánh tay núng nính những thịt.—Chúng tôi có bắt ép cô đâu? Nhưng cô đi đâu bây giờ? Đấy, ngoài đường trời rét như cắt thịt ra,—mụ hất đầu chỉ ra ngoài cửa sổ qua một đêm đã đóng một lớp băng dày cộm.

Na-ta-sa không có nơi nào để đi nữa cả. Ít ra, cô không biết mình phải đi đâu. Cô ngồi xuống ghế, hai tay ôm mặt, đôi vai run lên...

—Thôi, đủ rồi,—mụ vợ Ê-li-da-rốp nói, và điều này Na-ta-sa hoàn toàn không ngờ tới,—lấy tay vuốt lên mái tóc cô.—Đồng ý đi và ở lại đây. Còn chồng... A-nhi-cây ấy... Chẳng dám làm gì đâu, nếu như tự cô không... Hắn ta dơ dáy như mèo, nhưng lại nhát gan như thỏ. Cô hãy nhớ lấy điều đó. Nếu có chuyện gì, cô đập vào mõm, đập vào mõm ấy. Và nói với tôi. Hoặc tốt hơn là dọa sẽ báo cáo với ông phụ trách công an, hắn ta sẽ lủi đi ngay như phải bỏng. Hắn quý cái chỗ làm của mình lắm, sợ phải ra mặt trận hơn sợ chết mà. Cô đồng ý đi.

—Bà thì cần gì sự đồng ý của tôi?—Na-ta-sa hét lên.—

Bà biết rằng tôi không còn biết đi đâu nữa mà! Nhưng bà phải biết rằng — tôi căm ghét các người. Tôi rất căm ghét!

— Thôi được rồi, được rồi, — Nhi-na bỗng đồng ý. — Như thế nghĩa là tôi sẽ yên tâm hơn về chuyện A-nhi-cây.

* * *

Na-ta-sa sống ở nhà Ê-li-da-rốp đã được một tuần và suốt cả tuần qua cô chỉ nói chừng dăm chục từ tất cả. Cô nhanh chóng nắm được nhiệm vụ của mình, dậy sớm, nhóm lò, chuẩn bị bữa sáng. Khi vợ chồng A-nhi-cây đi làm rồi, cô quét dọn nhà cửa, lau sàn, giặt giũ. Chiều đến lại nhóm lò và chuẩn bị bữa tối.

Đêm đêm, nằm trên lò sưởi ấm áp, nghe tiếng vợ chồng nhà chủ ngáy trong phòng, cô nghĩ: sang năm, đến mùa xuân ấm áp, mình sẽ phải làm gì đây? Cô chưa biết mùa xuân đến sẽ làm gì, nhưng biết rằng nhất định cô sẽ không ở lại đây. Càng ngày cô càng cảm thấy kinh tởm lão A-nhi-cây với đôi mắt như mắt cừu khá đẹp — cô biết rằng hắn rất tự hào với đôi mắt của hắn. Và đặc biệt là cô kinh tởm mụ vợ Nhi-na của hắn. Mỗi buổi chiều mụ mang về một túi đầy bánh mì, thức ăn, nhìn Na-ta-sa với vẻ ngờ vực, đôi lông mày sưng phù hấp háy: có xảy ra chuyện gì giữa cô với A-nhi-cây không đấy? «Con mụ ăn trộm! — Na-ta-sa khinh bỉ, căm ghét nghĩ. — Mụ ta ăn trộm cả của trẻ em».

Đôi lúc cô nghĩ: chẳng lẽ trên đời này không còn có ai là người thông minh, tốt bụng để tin cô, để hiểu hết tất cả mọi điều? Để tin rằng cha cô không có tội, để chú ý quan tâm đến cô, cho cô một việc làm nào đó... Dù chỉ là việc như của mụ Nhi-na đáng kinh tởm này. Trời ơi, lúc đó cô sẽ làm việc thật tốt, nấu thật ngon cho lũ trẻ, và sẽ không lấy trộm một tí gì, dù chỉ là một mẩu bánh mì con! Hay là giấu kín, không nói gì về cha, đổi họ tên? Hay là mùa xuân đến tìm cách đi thật xa, sâu vào rừng tai-ga, đến một nông trường nào đó, lấy một họ khác, rồi bắt đầu sống, rồi sau đó ra sao hẵng hay? Và đến đây, lần nào cũng vậy, cô giận dữ gạt bỏ cái ý nghĩ ấy đi: «Không, không, dù thế nào đi chăng nữa, mình vẫn

tự hào về cha... Không bao giờ, không bao giờ mình che giấu mình là con ai...»

Ê-li-da-rốp hoàn toàn không tỏ ra chú ý gì đến Na-ta-sa. Chỉ có một lần, không hiểu để làm gì, hắn hỏi cô:

—Đã học hết lớp mấy ở trường rồi?

—Lớp mười,—Na-ta-sa trả lời cụt lủn.

—À, khá đấy,—hắn dài giọng.

Những nỗi lo sợ mà Nhi-na gợi nên, cũng dần dần qua đi. Hơn nữa, Ê-li-da-rốp bao giờ cũng về nhà rất khuya, khi mụ vợ đã ở nhà từ lâu và đang nằm ngáy khò khè trên giường.

Nhưng một lần hắn trở về lúc sáu giờ chiều, say rượu. Cởi áo ngoài xong, hắn ngồi lên chiếc hòm đặt trong bếp, hai chân doãng rộng:

—Nhi-na chưa về à?

—Chưa.

—Và cũng không cần. Xem có gì ăn được không. Tiễn một người quen ra trận, cái uống thì nhiều mà cái ăn chẳng có gì.

Lúc đầu Na-ta-sa cảm thấy lo lắng việc hắn về sớm hơn mọi ngày, lại say rượu, nhưng nghe hắn nói, cô hơi yên tâm lại, mặc dù vẫn cảnh giác đề phòng. Cô dọn ra bàn bữa tối đã chuẩn bị sẵn. Ê-li-da-rốp đứng dậy, lặp lại một lần nữa:

—Mà cũng không cần Nhi-na...

Và bất ngờ, như một con thú, hắn vồ lấy Na-ta-sa.

—Bỏ ra! Bỏ ra...—Na-ta-sa đấm túi bụi vào mũi, vào mắt hắn. Nhưng hắn chỉ thở phì phò, phả hơi rượu nồng nặc và cố đè cô xuống sàn nhà.—Tôi... tôi sẽ kiện lên đồn công an của ông!—cô chợt nhớ lại lời khuyên của Nhi-na.

Nhưng không hiểu là vì Nhi-na đánh giá quá cao lời đe dọa đó, hay là vì Ê-li-da-rốp không nghe ra những lời của Na-ta-sa, hắn không vội lủi đi như phải bỏng, mà ngược lại, càng thở hổn hển hơn. Trong lúc giằng co với hắn, Na-ta-sa túm tay vào mép bàn, cô cảm thấy chiếc dĩa trong lòng bàn tay, liền cầm lấy. Và không kịp nghĩ ngợi, đâm mạnh vào bộ mặt hôi hám, kinh tởm của hắn.

—A-a!..—Ê-li-da-rốp rên lên, ngã sấp xuống sàn, hai tay ôm lấy má.

Na-ta-sa đứng bất động mấy giây, nhìn Ê-li-da-rốp lăn lộn trên sàn nhà, máu nhỏ giọt qua các kẽ ngón tay: «Trời ơi, nếu như phải mắt hoặc cổ họng thì sao?!» — cô hoảng hốt nghĩ. Và chộp vội chiếc áo bành-tô, khăn choàng, cô chạy bổ ra đường.

— Đứng lại! Đứng lại! — Ê-li-da-rốp nhỏm dậy, hét. Hắn chạy theo cô ra hiên, rồi ra sân, định chạy cả ra đường, nhưng rồi chợt nhớ ra, dừng lại.

— Trước sau gì rồi cũng không đi khỏi! Mày còn đi đâu được nữa? Rồi sẽ phải trở về đây!

Na-ta-sa còn chạy rất lâu, rồi dừng lại, đứng thở dốc. Đường tối, vắng vẻ, những hàng cây phủ băng đứng câm lặng. Cô tựa người vào một gốc cây và lặng lẽ khóc.

Có lẽ đây là những giọt nước mắt cuối cùng, và chúng không nhiều lắm, một lúc đã cạn khô. Cùng với những giọt nước mắt cuối cùng này, trong lòng cô cũng khô cạn, tan biến mất tất cả những cái gì còn lại — cả niềm hy vọng mỏng manh rằng cuộc đời của cô vẫn chưa kết thúc, rằng sẽ có lúc nào đó nó sẽ lại được bắt đầu mới mẻ, cả sự căm ghét đối với Ê-li-da-rốp và mụ vợ to béo của hắn, đối với tất cả những con người không muốn hiểu và giúp đỡ cô. Tâm hồn cô trở nên trống rỗng và dửng dưng đối với tất cả, như mặt trăng đang treo lạnh lẽo trên trời.

Vừa nhìn lên chiếc đĩa vàng lạnh lẽo, buồn bã đó, Na-ta-sa vừa đi dọc theo đường làng và một lúc sau, cô đã ra đến ngoài thị trấn. Đi đâu — đối với cô bây giờ không quan trọng, và cô hoàn toàn không nghĩ gì về điều đó. Cái giá lạnh thấu xương đã làm cho cả người cô cóng hết — bàn tay không găng, chân đi đôi giày rách nát, đầu đội chiếc khăn mỏng dính. «Bây giờ sẽ chết cóng mất thôi», — dường như có người nào thì thầm vào tai cô. «Cóng cũng mặc», — cô thầm trả lời cái «người nào» đó. «Hãy trở về với vợ chồng Ê-li-da-rốp, sống qua ngày đoạn tháng cho đến mùa xuân, khi trời ấm lên, lúc đó sẽ hay». — «Không đời nào!» — cô trả lời. «Nào, hãy gõ vào một nhà bất kỳ nào đó, xin ngủ nhờ, dù chỉ là một đêm nay... Ở đây là con người, chứ có phải thú dữ đâu». — «Không muốn!» — «Cả cuộc đời mày còn phía trước, mày còn sống kia mà... Nếu không, bây giờ mày

sẽ chết cóng, — và tất cả sẽ là hết». — «Mặc! Thế càng dễ chịu!»

Quả nhiên, cô bỗng thấy mình như dễ chịu, ấm áp hơn. Cô nhìn quanh — bên đường có mấy bụi cây đen đen mọc cạnh gò đất thấp phủ tuyết ánh lên màu ngọc bích biêng biếc. Trên cao là mặt trăng, to, tròn và dịu dàng, âu yếm.

Na-ta-sa muốn nằm xuống đống tuyết và thiếp đi...

* * *

Một buổi tối tháng Giêng năm 1942, trong nhà Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va có ba người ngồi quanh bàn: Ma-ca Cáp-ta-nốp, Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép cũng mới vượt ngục với hắn và một gã đàn ông cao lớn hơi gầy với vết sẹo mờ trên má, đôi mắt mệt mỏi, sắc nhọn như mắt mèo. Đó là Pi-ốt Du-bốp, con trai của đại tá Du-bốp, người năm 1919 săn lùng đội du kích của Cru-gi-lin. Tháng Mười năm ngoái, quân Đức đã chiếm thành phố Cuốc-xcơ, thả hắn ra khỏi nhà tù, đề nghị hắn làm ở sở cảnh sát thành phố. Hắn đồng ý, nhưng lấy cớ sức khỏe, xin nghỉ mấy tuần. Và hắn sống hai tuần ở thành phố, tận hưởng tự do, rồi biến mất. Hắn xuất hiện ở San-ta-ra ngay trước Tết, đang đêm gõ vào cửa sổ nhà Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va. Mụ già Ca-sca-rô-va rất lâu làm ra bộ không nhận ra hắn, rồi sau bảo đã từ lâu không có tin tức gì về thằng con nuôi lêu lổng Ma-ca. Chỉ đến khi tin chắc rằng Du-bốp quả không bị ai theo dõi, mụ mới chỉ cho hắn chỗ ở của Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va.

Du-bốp không chịu trả lời những câu hỏi của Cáp-ta-nốp rằng hắn đã thoát ra khỏi tù như thế nào, về San-ta-ra với mục đích gì. Hắn thường cau có, lầm lì, suốt ngày nằm dài trên giường, đọc những cuốn sách tình cờ tìm thấy ở nhà Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va, hoặc mắt nhắm nghiền, nghe đài. Chỉ có một lần hắn hỏi Ma-ca:

— Trong trại của cha cậu ở Ô-gơ-nhép-xki bây giờ ra sao?

— Ra sao nữa? Những khúc gỗ cháy đang mục nát hết. Có dại mọc đầy. Cậu hỏi làm gì?

— Cha tớ bị chém chết ở đó.

— Ra thế đấy! — Ma-ca thốt lên. — Muốn đến đó à? Đã

tìm ra người nào đưa ông cụ nhà cậu lên thiên đàng rồi à?

Du-bốp, như thường lệ, vẫn im lặng.

Tối nay ba đứa ngồi đánh bạc ăn điểm. Một đống tiền giấy nhàu nát, hai chai rượu đã uống dở nằm ngổn ngang trên bàn. Các cửa sổ đóng chặt, bên trong treo màn che kín. Ma-ri-a cũng có mặt ở đây, cô nằm co quắp trên giường, mặt ngoảnh vào tường.

Đến lượt Ma-ca Cáp-ta-nốp đặt cửa. Hắn vừa chia bài vừa khe khẽ hát: «Ngày xưa có một cô Ma-ri-a»...

—«Mang mấy con dao trong túi áo»,—Gvô-dơ-đi-ép hát tiếp.—Mở bài! Đây! Một quân nữa...

—Trời ơi, buồn quá!—Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va thở dài nặng nề nói, rồi ngồi dậy trên giường, buông thõng hai chân xuống đất.

—Buồn vì đầu óc quay cuồng đấy. Và cả vì thua bài nữa,—Gvô-dơ-đi-ép trầm ngâm nói.—«Nằm ngủ, cô Ma-ri-a...» Nào, một quân nữa! «Áo quần trên người đem cởi ráo...» Thắng rồi!

—Đồ quỷ!—Cáp-ta-nốp ném bộ bài xuống bàn.

—Thế nào là «số đen» và làm thế nào để chống lại nó... hê-hê!—Gvô-dơ-đi-ép vơ tiền cho vào túi.—Làm một ván nữa chứ?

Du-bốp rót một cốc vốt-ca, uống cạn, rồi đứng dậy. Trên tường treo một tấm biểu ngữ: «Hôm nay bạn đã làm gì cho tiền tuyến?» Hắn bước đến gần tấm biểu ngữ, chăm chú xem, miệng vẫn rên rỉ bài hát của lũ trộm cướp.

—Đừng có rên rỉ nữa! Tởm lắm,—Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va kêu lên.

—Đánh ván nữa!—Ma-ca hét to.—Tớ đặt cược Ma-ri-a đấy! Nào!

Gvô-dơ-đi-ép vội vã đổ tiền ra bàn.

—Ma-ca! Ma-ca!—Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va hốt hoảng chạy bổ đến bên Cáp-ta-nốp.

—Đừng làm ồn lên!—Ma-ca gạt cô ra và vẫn thản nhiên chia bài, miệng vẫn khe khẽ hát: —«Ba nhát dao vào lưng Ma-ri-a...» Nữa không? «Mang mấy con dao trong túi áo...» Đủ chưa?

—Thôi, đủ rồi.

«Và suốt đêm, dưới ánh trăng mờ — Cáp-ta-nốp thận trọng rút bài ra, — xác Ma-ri-a rập rờn trên suối...» Tiền đâu?

— Cậu lại không gặp may rồi. Tớ những hai mươi cơ! — Và Gvô-dơ-đi-ép đứng dậy. — Ê, Ma-ri-a! Thường thường thì tớ chỉ gặp vận đỏ hoặc là cờ bạc, hoặc là tình. Thế mà hôm nay cả hai. Ta sẽ nhớ lại tình xưa chứ? Nào, xin mời lên giường tân hôn. Để thay đổi, cho khỏi buồn.

— Không, khô-ông! — Ô-gô-rốt-nhi-cô-va lùi lại. — Tôi không thể đâu.

— Tại sao? — Du-bốp đột nhiên hỏi cô.

— Tôi kinh tởm lắm! Cả bức tường này, cả bài hát của các anh... Cả chính các anh nữa!

— Còn gì nữa! — Gvô-dơ-đi-ép cười nhạt. — Luật yêu cầu phải thi hành. Nào, vào đây, vào đây! — Và Gvô-dơ-đi-ép xô cô ra sau cửa.

— Tôi sẽ dẫn đến cho anh một con bé... nếu như cần. Ngay bây giờ...

Pi-ốt Du-bốp đã từ lâu chán không xem biểu ngữ nữa, vừa uống cạn một cốc vốt-ca đầy, đang định rót nữa, nghe Ô-gô-rốt-nhi-cô-va nói, liền ngẩng đầu lên:

— Con bé nào? Nó ở đâu? Khoan đã, Gvô-dơ-đi-ép.

— Một con bé mồ côi, tản cư đến đây. Còn trẻ lắm. Tôi nhặt được ở sau làng cách đây không lâu, nằm trong đống tuyết, sắp chết cóng. Tôi nhờ mụ hàng xóm A-cu-li-na trông coi hộ.

— Nào, dẫn đến đây xem thử.

Ô-gô-rốt-nhi-cô-va bước ra ngoài. Ma-ca Cáp-ta-nốp nhìn theo, vẻ không bằng lòng.

Nói chung Ma-ca có nhiều điều không bằng lòng. Về việc Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép chỉ là một thằng ngu ngốc, thiển cận và khoác lác, đến bây giờ vẫn tự hào với một việc là đánh bạn với những kẻ đã phạm tội. Còn Cáp-ta-nốp, bằng kinh nghiệm dày dạn của mình, biết rằng: nếu như vậy, hắn sẽ là thằng bạn không đáng tin cậy, trong bất cứ phút nào cũng có thể làm hại bạn. Ma-ca còn không bằng lòng với việc Du-bốp xuất hiện ở San-ta-ra. Tất nhiên, hắn cùng Du-bốp là bạn bè, thậm chí gần như là anh em cùng một dòng sữa. Trong

thời gian nội chiến và sau đó khá lâu nữa, cả ba người hắn, Pi-ốt và Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va mà hai người vẫn gọi là mẹ — sống cùng nhau ở trại sâu trong rừng tai-ga vắng vẻ, một thời gian dài không biết thiếu thốn là gì. Rồi sau đó bắt đầu những ngày đói khát, rét mướt. Năm mười tám tuổi, hình như lúc đó vào năm hăm lăm thì phải, Du-bốp bẻ khóa lấy trộm một cửa hàng ở một làng nào đó, và bị xử tù. Mấy năm sau đến lượt Ma-ca cũng đi theo con đường đó. Sau một thời gian dài xa cách, năm ba sáu hắn cùng Du-bốp tình cờ gặp nhau ở trong trại cải tạo. Du-bốp đã trở thành một chuyên gia đào tường, bẻ khóa lớn, tổng cộng có đến bốn mươi hai năm án tù giam. Ở trong trại, Cáp-ta-nốp kể cho hắn nghe rằng mẹ nuôi sống ở San-ta-ra, cho hắn địa chỉ, nhưng không hy vọng rằng có một lúc nào đấy Du-bốp sẽ đến được đó. Thế mà bỗng nhiên hắn xuất hiện ở đây và hành động rất kỳ quặc, khó hiểu. Ma-ca sợ rằng Ma-ri-a chịu không nổi, sẽ đi báo hết về chúng. Hoặc thằng nhãi ranh Vích-to, con đẻ của «mẹ» hắn. Mặc dù Ma-ca đã tìm mọi cách để rủ rê, thu phục, nhưng không có kết quả gì cả. Thằng bé, như con dím con, cứ xù lông ra, thở phì phì trong mũi. Mà cả «mẹ», cách đây không lâu, khi Ma-ca định đưa Vích-to đi theo đến An-đrây-ép-ca, bỗng nói: «Con đừng động đến nó, đừng làm hỏng đời nó đi. Con thấy đấy, nó không muốn, nó không đủ sức làm những việc của con đâu...» Mà hắn thì rất cần Vích-to. An-đrây-ép-ca là một làng nhỏ, hẻo lánh, cửa hàng đặt trong một ngôi nhà xây dựng sơ sài, không được canh giữ cẩn thận. Mụ bán hàng to béo hàng ngày hết giờ làm việc chốt cửa sổ duy nhất bằng một đinh bu-lông dài, cửa ngoài khóa bằng hai khóa ổ lắp vào cửa và thêm một khóa treo to tướng, rồi đi về nhà. Trong hành lang cửa hàng, những hộp gỗ, thùng gỗ không chất thành đống. Ma-ca nghĩ: nếu từ chiều cho thằng bé vào nấp kín trong một chiếc thùng nào đó, đêm đến (cửa giữa hành lang dẫn vào phòng chứa hàng hoàn toàn không có khóa), hắn sẽ rút thanh bu-lông cài cửa ra. Còn việc tháo cánh cửa lúc đó — dễ như trở bàn tay. Nhưng Vích-to dứt khoát từ chối không tham gia vào việc đó. Những móc sắt mở khóa mà trước đây Ma-ca sử dụng với một nghệ thuật không ai vượt nổi, sau khi trốn nhà tù ra, hắn còn chưa kiếm lại được.

Vì vậy, hắn buộc phải cùng Gvô-dơ-đi-ép cưa rất lâu thanh bu-lông đáng nguyền rủa này...

Nhưng «mẹ» và Vích-to thì hãy còn không sao, bây giờ hắn chưa lo lắng gì về họ lắm. Và Ma-ca nói chung cũng đang có thể yên tâm. Nhưng đấy, từ đâu bỗng xuất hiện Du-bốp và bắt đầu ngày nào cũng rượu chè say sưa. Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va cứ than thở «buồn» suốt. Và bây giờ lại sắp có một con bé nào đó nữa đến đây. Rồi sau đó làm gì với nó, đưa nó đi đâu? Hơn nữa, Ma-ca hiểu rằng công an đã đoán được ai là thủ phạm trong vụ An-đrây-ép-ca và đang tìm hắn. Không, phải chuồn khỏi đây ngay, khi còn chưa muộn.

Ma-ca muốn sáng hôm sau sẽ đi sớm. Vì vậy hắn mới «thua» cuộc Ma-ri-a. Gvô-dơ-đi-ép sẽ nằm với con bé, Du-bốp, như thường lệ, sẽ uống say. Cáp-ta-nốp sẽ rút từ dưới gối của hắn ra khẩu súng ngắn kiểu Đức (Ma-ca không có vũ khí, mà có nó chắc cũng không thừa) — và lúc đó tha hồ cho chúng tìm! Nhưng khi Ma-ri-a đi ra khỏi nhà, một linh cảm bên trong nào đó bỗng mách hắn: không phải sáng mai mới đi, mà đi ngay bây giờ, ngay giây phút này. Hơn nữa, lần này món hàng An-đrây-ép-ca không giấu ở nhà Ma-ri-a, mà ở chỗ khác chắc chắn hơn. Nếu sau một giờ — một giờ rưỡi nữa chắc sẽ chậm mất. «Còn Ma-ri-a thế nào? Trung thành đấy chứ! — hắn nghĩ thầm. — Còn súng lục thì thôi, mặc mẹ nó». Hơn nữa, nếu sau này gặp lại Du-bốp ở đâu đó, — quả đất, như Ma-ca đã nhiều lần được tận mắt thấy, quả là tròn, — thằng này sẽ vặt đầu hắn ngay, vì chuyện súng... Và Ma-ca lấy áo lông trên giá xuống, chụp mũ lên đầu.

— Đi đâu? — Du-bốp gay gắt hỏi. Hôm nay hắn uống nhiều hơn mọi ngày, nhưng không hiểu sao lại không say.

— Đi thăm đồng, — Cáp-ta-nốp thản nhiên đáp. — Để đêm khỏi vung vãi cả ra.

— Nhưng Ma-ri-a đã khóa cửa rồi cơ mà? — Du-bốp cười nhạt. — Đợi một tí.

Mỗi lần đi làm hoặc bất kỳ đi đâu ra khỏi nhà, Ma-ri-a đều khóa tất cả mọi người lại trong nhà. Vì hồi hộp vội vàng, Cáp-ta-nốp quên mất điều đó.

— Quý thật... Thôi, gắng chịu một lúc vậy. — Hắn cởi áo, đặt lên bàn một chai mới. — Uống nữa đi. Cha của tớ

rất trọng cái của này. — Và hắn bắt đầu kể: — Cậu, Lê-ô-nhít, không biết cha của tớ đâu. Còn Pi-ốt thì chắc còn nhớ. Còn nhớ không hả? Ở thị trấn San-ta-ra này trước đây có hiệu buôn «Cáp-ta-nốp và các con trai». Cáp-ta-nốp tức là cha tớ — cầu trời cho ông cụ yên giấc ngàn thu. Còn các con trai tức là tớ và Di-nô-vi, anh cả của tớ. I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, bây giờ phụ trách cơ quan nội vụ của huyện này, đã bắt được anh ấy... Rồi chúng xử bắn... Chuyện đã lâu rồi. Cậu còn nhớ cha tớ nữa không?

Cáp-ta-nốp vừa nói, vừa nghĩ: «Chẳng lẽ thằng Du-bốp đáng nguyền rủa này đã đoán ra là mình định chuồn rồi à?»

— Từ nhỏ, tớ đã không thích những lão chủ hiệu bụng phệ, — Du-bốp nói và mở đài nghe.

Phát thanh viên, bằng giọng mệt mỏi, khàn khàn, đang đọc bức công hàm của Bộ dân ủy Ngoại giao Liên Xô «Về những vụ cướp bóc và tàn phá khắp nơi, cùng những tội ác man rợ của các nhà cầm quyền Đức tại các vùng lãnh thổ Liên Xô bị chúng chiếm đóng». Du-bốp đứng nghe, hai cánh tay bắt chéo khoanh trước ngực. Trong mắt hắn vẫn lấp lánh một đốm sáng mờ mờ vô nghĩa và khó hiểu, cái đốm sáng bao giờ cũng làm cho Cáp-ta-nốp cảm thấy lo lắng, sợ hãi.

— Cha cậu, tớ còn nhớ, Ma-ca ạ, — Du-bốp bỗng đột ngột lên tiếng. — Râu của ông ta hung hung đỏ. Tớ còn nhớ cả ông anh Di-nô-vi của cậu nữa. Hình như một mắt thì phải?

— Sao lại một mắt? Cả hai mắt chứ. Nhưng một mắt bị nhài quạt che, — hình như Ma-ca phật ý.

— Và cái tay cần vụ cho cha cậu, I-van ấy mà, tớ chẳng bao giờ quên. Dù sao thì cũng đã cứu tớ thoát chết. — Và Du-bốp quay phắt lại về phía Ma-ca: — Hình như hồi ở trong trại cậu vẫn định giết anh ấy à?

— Tớ sẽ giết chết, nếu như gặp dịp thuận tiện. Thù cha, tớ không thể tha cho hắn được. Người ta bảo giờ hắn đang ở đây, ở làng Mi-khai-lốp-ca.

— Hệt như thằng Tséc-két*! — Du-bốp cười nhạt. —

* Tséc-két — một dân tộc miền núi ở Cáp-ca-dơ, có tục lệ dã man trả nợ máu.

Tớ một thời đã ở Cáp-ca-dơ. Ở đó chuyện lấy máu rửa thù là việc bình thường.

—Thì cậu cũng thế... cũng tìm người nào đã giết cha cậu...

—Cũng thế, vâng!—Du-bốp đỏ tía mặt vì một cơn giận dữ không rõ nguyên cớ. Hắn ngoảnh mặt đi và nói nhỏ hơn:—Con rắn nước trông cũng giống rắn thật. Cũng có răng, nhưng lại không có... nọc độc.

Hồi đó ở trại cải tạo, khi thấy I-van Xa-vê-li-ép bất ngờ xuất hiện, Cáp-ta-nốp đã vui mừng đến tái người đi. Nhưng Du-bốp cấm hắn không được, dù chỉ là một ngón tay, động đến người I-van. Trái lời hắn, Ma-ca không dám và hắn chỉ còn lại một thỏa mãn là dọa cho I-van phải một phen chết khiếp. Ma-ca đã làm như vậy, I-van trốn vào xà-lim cá nhân. Thật là ngu, cứ tưởng xà-lim có thể cứu hắn thoát được, nếu như không có Du-bốp! Đến bây giờ I-van Xa-vê-li-ép vẫn chưa biết ơn ai cứu sống mình...

—Tớ đã bảo rồi, không được động đến I-van,—Du-bốp khẽ nói.—Không được bao giờ động đến!

—Thế đấy...—Cáp-ta-nốp đổ vốt-ca vào miệng, răng va vào cốc thủy tinh lách cách.—Thì ra cậu về đây là vì lo cho hắn ta?

—Đúng vậy,—Du-bốp gật đầu đồng ý.—Và vì tò mò nữa. Tớ muốn nhìn thằng Cru-gi-lin, đội trưởng đội du kích đã đánh nhau với cha tớ. Cả thằng I-a-cốp A-lây-nhi-cốp nào đó, cái lão công an ấy, nhờ hắn mà bọn du kích đã giết chết cha tớ ở trại Ô-gơ-nhép-xki. Và cả thằng anh của I-van Xa-vê-li-ép, thằng Phê-đô ấy... Chính hắn... đã chém chết cha tớ đấy.

—Phê-đô à?!—Ma-ca trợn tròn mắt nhìn Du-bốp.—Làm sao... cậu biết được?

—Biết được cái gì? Trước mắt tớ, thằng Phê-đô... thoạt đầu bắn vào cha tớ, sau đó dùng kiếm chém cho chết hắn... Tớ hồi ấy còn bé, nhưng vẫn nhớ hết cả. Chuyện đó khắc sâu vào tâm trí tớ đến suốt đời.

—Ra thê-ê-ế đấy!

Gvô-dơ-đi-ép lắng nghe câu chuyện của hai đứa, cố hiểu, và làm ra vẻ hiểu, nhưng kỳ thực không hiểu gì cả.

—Thế bây giờ biết rồi cậu sẽ làm gì?—Cáp-ta-nốp hỏi.—

Còn câu «Cũng có răng nhưng lại không có nọc độc» nghĩa là thế nào?

— Bây giờ phải làm gì? Nghĩa là thế nào? — con trai cựu đại tá bạch vệ lặp lại câu hỏi và im lặng.

«Hắn kỳ cục thế nào ấy, — Cáp-ta-nốp nghĩ bụng. — Có trời mới biết được chuyện gì đang xảy ra với hắn, hắn muốn gì... Không, phải chuồn ngay, giấu hết tung tích...»

Trong phòng trở nên im lặng, và trong sự im lặng đó, giọng phát thanh viên càng vang lên rành rọt. Một giọng nữ rất vang đang kể về sự tàn bạo dã man của quân đội phát-xít trong thành phố Ki-ép bị chiếm đóng, nêu lên số người bị bắn, bị treo cổ.

— Tớ cũng đã ngồi tù ở Ki-ép rồi, — Du-bốp bỗng nói. — Ở đó nhà tù tốt lắm.

— Nhà tù nào cũng tốt cả. Chắc chắn, — Gvô-dơ-đi-ép cũng chêm vào.

Có tiếng khóa ở cửa ra vào lách cách, tiếng chân người ngoài hiên, và Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va bước vào, kéo theo cả Na-ta-sa.

— Đừng sợ, không ai ăn thịt đi đâu, — Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va nói. — Họ toàn là những người tốt cả.

— Ôi chà! — Gvô-dơ-đi-ép thốt lên. Đôi mắt ngựa lấp lánh của hắn sáng lên. — Phải thay thế mới đáng chứ! Em muốn ăn kẹo không? — Và hắn đứng dậy.

— Ngồi xuống! — Du-bốp đưa bàn tay nặng trịch ấn hắn ngồi xuống ghế, nhìn kỹ cô gái. Na-ta-sa vẫn mặc chiếc áo bành-tô cũ, nhưng chân đi đôi giày mới, đôi tất dài ấm cũng đang còn mới. Đôi mắt cô sợ sệt hết nhìn người này đến người khác. Gặp ánh mắt của Du-bốp, cô rùng mình.

— Cậu hãy nói cho tớ nghe, Gvô-dơ-đi-ép, — Du-bốp chậm rãi nói từng từ một, mắt vẫn không rời cô gái: — Cậu hãy nói: cậu có phải là người Nga không?

— Phải, — Gvô-dơ-đi-ép gật đầu và lại định đứng dậy. Nhưng Du-bốp lại ấn hắn ngồi xuống. Gvô-dơ-đi-ép liền hét lên tức tối: — Phải, tớ là người Nga, người Nga! Kể hết lý lịch à? Sinh năm hai mươi ba, một lần phải ra tòa, đã vượt ngục...

Nghe đến đó, Na-ta-sa lùi vội ra cửa.

— Đi đâu?! — Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va giận dữ hỏi,

rồi quay về phía Gvô-dơ-đi-ép: — Gì mà anh ba hoa làm cho cô bé sợ thế? Anh ta đùa đấy, đừng sợ.

Du-bốp đứng dậy, tất đài, lại ngồi xuống chỗ cũ.

— Ở Cuốc-xcơ, tớ cũng đã thấy treo cổ người như thế nào rồi.

— Thế thì đã sao? — Gvô-dơ-đi-ép ngồi không yên trên ghế. — Quân Đức đã chiếm được rất nhiều thành phố, và ở đâu cũng có treo cổ cả. Và còn treo nữa. Chúng ta thì việc gì?

— Cái đó còn tùy người, — Du-bốp bình tĩnh đáp. — Tớ thì tớ cám ơn chúng — hạn tù của tớ vừa tròn nửa trăm. Sau lần vượt ngục cuối cùng, tớ bị xử thêm tám năm nữa, — hắn giải thích cho Cáp-ta-nốp. — Đúng, năm mươi năm, tròn nửa thế kỷ. Có lẽ đến chết vẫn còn trong tù. Còn mày, Gvô-dơ-đi-ép ạ, tao không hiểu. — Hắn bỗng lấy hết sức đập mạnh tay xuống bàn. — Tao không hiểu!

— Cậu sao thế? Sao thế? — Gvô-dơ-đi-ép nhảy bật dậy như lò-xo. — Cậu say rồi à, Du-bốp? Đi nằm nghỉ đi, đi nằm đi.

— Ừ, tớ say. Tớ đi ngủ đây, — cũng đột ngột như lúc nổi khùng lên, Du-bốp xẹp xuống, nặng nề đứng dậy, bước đến bên Na-ta-sa Mi-rô-nô-va. — Cô là ai?

Na-ta-sa đứng cạnh tường, hai tay buông thõng. Mặt cô tái nhợt không còn giọt máu, trông chẳng khác gì xác chết. Có lẽ chỉ cần xô nhẹ một cái là cô ngã ngay ra đất.

— Không là ai cả, — cô thì thào.

— Cha mẹ cô là ai?

— Không là ai... Không biết.

— Cha nó là kẻ thù của nhân dân, — Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va nói. — Hình như năm ba sáu bị bỏ tù. Trước đây làm một cấp cao ở Mát-xcơ-va. Có lẽ ăn béo đẫy lên, rồi phản bội.

— Không phải, không phải! — cô gái run lên.

— Còn mẹ chết ở dọc đường, khi đoàn tàu bị ném bom.

— Tớ cũng đã thấy... những trận ném bom, — Du-bốp trầm ngâm chêm vào. — Có sợ không?

— Không biết. Sau đó sợ hơn — đói rét, tối tăm, bọn du côn.

—Đói rét nào? Du côn nào?

—Nó không có nơi nào để ở cả, — Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va lại giải thích. — Tôi đã nói là tìm thấy nó trong đống tuyết.

—Lạy các anh, thả cho em đi... — Và Na-ta-sa bỗng quỳ xuống trước mặt Du-bốp. — Chị Ma-ri-a, thương em với!

—Cô bé ơi, đừng thế! — Gvô-dơ-đi-ép lảo đảo bước đến bên cạnh cô. — Anh sẽ chẳng để ai động đến em đâu. Anh sẽ là cha của em. Tuy nhiên, người ta cũng có thể bỏ tù anh.

—Đúng đấy, đừng khóc nữa! — Du-bốp nói. — Và đi ngủ đi. Thả cô bé này ra.

—Du-bốp! Du-bốp! Cậu không có quyền. Tớ được cuộc cơ mà.

—Cậu được Ma-ri-a.

—Tớ đổi...

—Không đổi gì cả! — Du-bốp dữ tợn gầm lên. Và, thấy Gvô-dơ-đi-ép thò tay vào túi, liền quay cả người lại phía hắn. — Mày làm gì đấy? Đồ nhãi ranh! Bỏ tay ra! Tao bẻ gãy cổ ngay lập tức bây giờ! — Và cúi xuống người Na-ta-sa: — Đứng lên đi!

Trong lúc mọi việc trên đang diễn ra, Ma-ca lặng lẽ mặc áo lông, luồn xuống nhà bếp, mở then, bước ra ngoài. Bỗng nhiên hắn kêu lên thất thanh:

—Công an! Các cậu ơi! Công...

Tiếng kêu bị tắc nghẹn lại. Du-bốp vụt ngẩng đầu lên. Gvô-dơ-đi-ép tái mặt, nhảy vào góc phòng chộp vội con dao găm. Ngay lúc đó, hai người công an cầm súng ngắn nhảy vào phòng. Ê-li-da-rốp trợn mắt, tay lăm lăm khẩu súng, hét:

—Giơ tay lên. Đứng im không được động đậy! A, Gvô-dơ-đi-ép đấy à? Đồng chí Xa-ra-pu-lốp, tước lấy con dao găm của hắn.

Mặc cái dáng dữ tợn và những lời của Ê-li-da-rốp, Du-bốp không vội vã, từ từ quay lưng lại phía anh ta, bước đến bên bàn, ngồi xuống, rót rượu vào cốc và uống cạn.

—Mày... đứng dậy! — Ê-li-da-rốp sửng sốt, quát.

—Đừng làm ồn lên, — Du-bốp vẫn không để ý đến nòng

súng đen ngòm đang vung lên trước mặt, rút từ trong túi quần ra một khẩu súng ngắn, im lặng ném lên bàn.

—Du-bốp, cậu sao thế?!—Gvô-dơ-đi-ép kêu lên.—Chúng chỉ có hai người thôi mà.

Nhưng thực ra tốp công an có bốn người. Hai người khác dẫn Cáp-ta-nốp từ dưới bếp lên, bắt ngồi xuống cạnh Du-bốp. Gvô-dơ-đi-ép, Na-ta-sa và Ô-gô-rốt-nhi-cô-va cũng bị dồn đến cạnh bàn.

—Lục khắp nhà! Đào hết lên!—Ê-li-da-rốp ra lệnh. Chợt trông thấy Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép từ ngoài đường bước vào, hắn hét:—Đi khỏi đây ngay, đã bảo rồi! Đến làm gì?

—Tôi xem một tí,—Xê-mi-ôn mặc áo trượt tuyết, đi ủng da, cổ quấn khăn len.—Không được à?

—Không được! Không có gì để xem cả...—Nhưng Ê-li-da-rốp đang lúc phấn khởi vui mừng vì cuộc vây bắt thành công, liền quên ngay Xê-mi-ôn, quay lại phía những người bị bắt:—Nào, xin chào! Tôi nghĩ chỉ một mình Ma-ca, thế mà hóa ra bao nhiêu là khách! Chào cậu, Ma-ca Mi-khai-lô-vích. Cả cậu nữa, Gvô-dơ-đi-ép. Không nhận ra à?

—Nhận ra chứ,—Gvô-dơ-đi-ép lẩm bẩm.—Được thăng quan rồi à? Sao lại đổi nghề thế?

—Tổ quốc yêu cầu,—Ê-li-da-rốp đáp.—Đối với người cộng sản, đến nơi nào khó hơn là chuyện bình thường.

—Anh đã là cộng sản đấy à? Thế mà tôi không đoán ra.

—Chứ còn sao nữa, mặc dù chưa phải là đảng viên. Bây giờ chắc sẽ được kết nạp. Vì cậu, Ma-ca Mi-khai-lô-vích ạ, tớ đã nhận được quân hàm trung sĩ rồi đấy. Thấy chưa?—Và Ê-li-da-rốp chỉ lên ve áo của mình.—Còn bây giờ thì sao? Cần phải được chuẩn úy, hoặc biết đâu, có thể còn hơn nữa... Hoặc là được đi học một trường nào đó—và thế là sẵn sàng! Còn cậu này là ai?—hắn quay sang hỏi Du-bốp.—Không nói à? Không sao, rồi chúng tớ sẽ biết thôi, sẽ biết cả thôi. Ma-ca, sao cậu cũng im lặng? Tớ chộp các cậu đột ngột quá à? Việc ở An-đrây-ép-ca cũng là do tay của cậu chứ gì? Tớ đoán ra ngay mà. Nếu hắn đã đến đây, tớ nghĩ, chắc cũng còn lâu mới đi khỏi đây, đang ẩn ở một nơi nào đó. Tớ nhìn, tớ ngửi. Và lại còn cô bé này nữa...

Ê-li-da-rốp ba hoa luôn miệng, đi đi lại lại trước bàn với khẩu súng ngắn trong tay.

Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép có mặt ở đây một cách ngẫu nhiên. Trong tháng vừa qua anh làm việc không có ngày nghỉ; hôm nay được nhận hai ngày phép bù, anh từ nhà máy ra về với một tâm trạng phấn khởi. Không đợi ăn cơm tối, anh vớ vội đôi thanh trượt tuyết, rồi chạy ra sau làng. Dưới ánh trăng, anh trượt rất lâu từ trên các ngọn đồi xuống, hít thở bầu không khí lạnh giá và tinh khiết, thưởng thức sự cô đơn, vắng vẻ bốn bề. Trên đường về nhà, anh trông thấy ở ven làng có bốn người công an đang đứng thì thầm trao đổi với nhau về một điều gì đó cạnh nhà của Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va.

—Các anh làm gì ở đây? Bắt bọn cướp à?—Xê-mi-ôn hỏi.

—Bắt cướp,—Ê-li-da-rốp khẽ rít lên.—Đi đi!

—Có cần giúp không?

—Đã bảo đi đi mà! Đừng làm ồn lên!—Ê-li-da-rốp gầm gừ.

Xê-mi-ôn đã bỏ đi một quãng, ngoái nhìn lại thấy cả bốn người đi vào sân nhà Ô-gô-rốt-nhi-cô-va. Anh tò mò, đứng đợi xem, rồi bỗng nghe có tiếng kêu: «Công an!»—anh vội vã chạy đến.

Giờ anh đứng sững sốt nhìn Ma-ca, Gvô-dơ-đi-ép (anh nhận ra chúng ngay khi vừa bước vào nhà), nhìn Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va («Làm sao mà cô ta lại đi đàn đúm với chúng nó thế này?»), nhìn gã đàn ông lạ mặt, người cao gầy với vết sẹo trên má, nhìn cô gái trẻ măng trong chiếc áo bành-tô mỏng đã cũ, mà lúc mới vào trên khuôn mặt cô anh chỉ nhận thấy đôi mắt đờ đẫn vì khiếp sợ. «Nước mũi còn chưa khô mà đã đầu trộm đuôi cướp»—anh khó chịu nghĩ về cô gái. Bây giờ anh mới nhận thấy đôi môi cong sắc nét, cặp lông mày dài thanh mảnh. «Mà kể cũng đẹp đấy chứ,—anh thoáng nghĩ.—Thế mà hư hỏng, mục xương trong tù». Và trong ngực anh bỗng trỗi dậy một cảm giác vừa khó chịu, vừa tò mò nhức nhối đối với số phận của cô gái này.

—À, mà lại còn cô bé Na-ta-sa Mi-rô-nô-va này nữa...—Ê-li-da-rốp nói tiếp. («Xem kìa, họ tên cũng dễ nghe lắm»,—Xê-mi-ôn nhận xét.) Tớ thấy mụ A-cu-li-na mua đôi ủng dạ

con gái ngoài chợ, tớ mới hỏi: «Mụ thì cần gì những thứ này, già rồi...» — «Trời mới cho tôi một đứa con gái. Còn tiền, Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va cho...» — «Con gái nào?» Thế đấy, dần dần tớ biết được cô tìm được Na-ta-sa trong đồng tuyết và mang đến cho mụ A-cu-li-na như thế nào. — Ê-li-da-rốp quay sang phía Ô-gô-rốt-nhi-cô-va. — Và tớ nảy ra một câu hỏi rất đơn giản: tại sao cô không đưa về nhà? Cô chỉ có một mình thôi mà? Thế đấy! Cái khó, hóa ra đôi lúc lại thật đơn giản! Tớ bắt đầu theo dõi nhà... Không thấy gì khả nghi cả. Hôm nay quyết định chỉ kiểm tra bình thường thôi. Thế mà, như người ta nói, con mồi tự tìm đến người đi săn. Còn chưa kịp bước lên thềm, thì đã thấy Ma-ca đi ra...

Ê-li-da-rốp nói, líu cả lưỡi lại vì vui mừng và tất cả mọi người đều hiểu là hắn nói gì, chỉ riêng Xê-mi-ôn là không hiểu, và anh càng tò mò nhìn kỹ Na-ta-sa Mi-rô-nô-va.

— Anh quả đúng là Séc-lốc Hôm-xơ *, — Du-bốp cười khẩy.

— Hôn hít gì ở đây? — Ê-li-da-rốp im bặt, tài hùng biện của anh ta như bị cắt ngang. — Nhảm nhí quen miệng!

Việc lục soát gần như không mang lại một kết quả gì, ngoài khoảng tám trăm đồng rúp trong mấy túi áo vét-tông đàn ông.

— Thôi được, — Ê-li-da-rốp khoát tay. — Như thế nghĩa là hàng đã được giấu ở nơi khác, hoặc là đã đẩy đi rồi. Sẽ tìm được thôi. Nào đi! Để giữ thủ tục, bọn đàn ông phải trói tay lại. Và tớ báo trước — đừng có giở trò ra đấy, không thì Ê-li-da-rốp cho đi thăm ông vải ngay. Từng người một đứng dậy, đưa tay ra sau lưng. Cậu này, — hắn nói với Du-bốp, — đứng dậy trước hết. Đưa tay ra.

— Tôi thấy anh quá cẩn thận đấy, — Du-bốp đưa tay ra, nói.

— Xong rồi, nào đi! — Ê-li-da-rốp ra lệnh sau khi tất cả đã bị trói tay.

— Tôi không đi! Tôi không muốn! — Na-ta-sa Mi-rô-nô-va kêu lên. — Tôi không có lỗi, tôi không biết ai cả... Tôi chỉ vừa

---

* Séc-lốc Hôm-xơ — nhân vật trong các tác phẩm trinh thám nổi tiếng của nhà văn Anh Cô-nan Đôi-lơ.

mới đến đây... Chị này dẫn tôi đến. Chị ấy bảo: «Đến đây, chơi một lúc với các bạn của chị...»

— Biết rồi, biết hết cả rồi, — Ê-li-da-rốp dẩu môi nói. — Rồi chúng tôi sẽ thả. Chỉ xin cô chữ ký, rồi sẽ thả ngay ra. Này, cái gì đấy? — hắn quát Du-bốp khi thấy tên này đang đi ra cửa bỗng dừng lại bên cạnh Na-ta-sa Mi-rô-nô-va.

— Này, cô bé, nghe ta nói đây, — Du-bốp nói, không chú ý đến tiếng quát dữ tợn của Ê-li-đa-rốp. — Hãy nhớ lấy điều này: là người, không bao giờ được quỳ gối. Nếu đã quỳ gối, khi đó sẽ không còn là người nữa. Hiểu không?

— Không hiểu, — cô gái lắc đầu.

— Rồi sau sẽ hiểu. Nhưng hãy nhớ lấy điều đó. Và — vĩnh biệt. Khó lòng mà chúng ta còn gặp lại nhau...

* * *

Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép, không hiểu để làm gì, đi theo những người bị bắt cho đến tận đồn công an. Anh vừa đi vừa suy nghĩ về cô gái có cái tên Na-ta-sa. Cô ta là ai, có thật là cô ta không có lỗi, và cô ta ở đâu đến?

Khi bước ra khỏi phòng, Ma-ca dừng lại cạnh Xê-mi-ôn, nói khẽ nhưng giọng đầy dữ tợn:

— Này, ông cháu họ vô sản, nói hộ với cô chị gái An-na của tớ, là tớ có lời chào. Nói hộ là ông em ruột chẳng quên chị đâu...

Rồi hắn quay lại phía người cao lớn có vết sẹo, nói:

— Phê-đô thì chắc cậu khó lòng gặp được, nhưng cứ thử nhìn con trai hắn một tí xem...

Và quả thật, người có vết sẹo trên má tò mò và nặng nề, chăm chú nhìn Xê-mi-ôn từ dưới đôi lông mày cau có nhíu sát vào nhau.

«Hắn cần cha mình để làm gì? Hắn là ai? Trông đúng là tướng cướp...»

Những ngày ấm trời đã kết thúc, tuyết trở nên khô giòn, kêu cót két dưới chân. Trên đầu, những ngôi sao trắng nhợt lặng lẽ lấp lánh, cái lạnh buốt thấm qua cả lần áo len ấm áp và áo trượt tuyết khoác ngoài.

Na-ta-sa đi giữa đám người, đôi bàn tay giấu vào trong

ống tay áo chiếc bành-tô đã cũ sờn. Thỉnh thoảng, Xê-mi-ôn thấy thấp thoáng mái đầu cúi thấp trùm trong chiếc khăn kẻ ô vuông và đôi vai gầy nhọn của cô. Suốt quãng đường đi, cô chỉ nhìn xuống dưới chân như sợ bị vấp. «Đấy, bây giờ cô ta sẽ quay lại nhìn»,—Xê-mi-ôn bỗng nghĩ, khi họ đi đến cạnh ngôi nhà dài như một cửa hàng của đồn công an. Và quả nhiên, trước khi vào khuất sau cánh cửa bọc vải sơn, Na-ta-sa dừng lại trên bậc cửa thấp và ngoái nhìn về phía sau. Đôi mắt cô lấp lánh dưới ánh trăng mờ, cái nhìn buồn bã, thất vọng và bất lực như đang cầu khẩn một điều gì...

...Mấy phút sau, Xê-mi-ôn gõ vào cánh cửa ván xiêu vẹo của ngôi nhà với bốn bức tường bằng đất trát của bà già A-cu-li-na.

—Đợi tí, đợi tí, con gái ạ,—tiếng bà già A-cu-li-na vừa ho vừa khàn khàn lắp bắp sau cánh cửa, rồi tiếng then cửa lách cách.—Già cứ đợi, không ngủ, lo mãi... Khách nào ở nhà Ma-ri-a thế?

Cuối cùng, khi biết người gõ cửa không phải là Na-ta-sa, bà già im lặng, nhưng không sợ hãi, mà chỉ ngạc nhiên:

—A... Anh là ai, cần gì?

Xê-mi-ôn nói tên, bà già lẩm bẩm: «A-a... con trai cả của Phê-đô Xa-vê-li-ép à?»—rồi đi vào nhà. Nghe Xê-mi-ôn kể lại chuyện xảy ra ở nhà Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va, bà già móm mém đôi môi khô héo, lắc đầu nói bằng một giọng không có tí gì là ngạc nhiên:

—Ra thế... thế đấy... Thế mà già cứ thắc mắc mãi: Ma-ri-a có khách đêm nào thế? Nhưng rồi lại nghĩ: việc của bọn trẻ mà, chắc lại hội họp liên hoan gì đây. Thế mà —thì đấy... Làm sao bây giờ?

—Thế cái cô Na-ta-sa này là ai?—Xê-mi-ôn hỏi thẳng.

—Cô gái mồ côi, tản cư đến, Ma-ri-a dẫn đến cho. già này, nói tìm thấy nằm trong đống tuyết, bảo già chăm sóc hộ, còn cô ta thì bận, phải đi làm ca đêm, rồi sau sẽ tìm hiểu xem là người như thế nào. Già này thì còn gì bằng nữa, vì nhà chỉ có một mình với mấy con dế sau lò sưởi. Trước đây còn có người ở trọ, cả một gia đình lớn, nhưng vừa chuyển đến nhà mới mà nhà máy phân cho. Già đã định đến Ủy ban xã, xin cho người khác đến ở. Vừa lúc đó Ma-ri-a mang cái

cô này, cái cô Na-ta-sa ấy đến. Hai ngày đêm không nói gì, chỉ khóc, sau bắt đầu nguyền rủa già với Ma-ri-a: tại sao lại không để cho cô ta chết trong đồng tuyết ấy?!

— Thế tại sao... cô ta lại muốn chết?

Bà già kể lại cho Xê-mi-ôn nghe về Na-ta-sa tất cả những gì mình biết qua lời của cô. Xê-mi-ôn ra về trong tiếng lầm bầm của bà già: «Lạy Chúa, làm sao bây giờ đây, làm gì bây giờ đây...»

Hình như cả cha, cả mẹ đều không biết về sự có mặt của Ma-ca Cáp-ta-nốp ở San-ta-ra, và Xê-mi-ôn cũng không kể về hắn. Quan hệ giữa cha mẹ đã căng thẳng đến tột độ, họ sống trong nhà như những người xa lạ, suốt cả tuần chỉ nói với nhau được vài lời. Và Xê-mi-ôn cũng biết trước phản ứng của hai người khi anh báo tin về Ma-ca: mẹ chắc sẽ tái mặt đi, cả người căng ra như một sợi dây đàn, còn cha sẽ uốn cong cặp môi mọc đầy râu ria thành dấu ngoặc kép và nói đại loại: «Thế bao giờ người ta mới bẻ đùi cái thằng thổ phỉ này đi?» Những lời đó, Xê-mi-ôn biết, sẽ như dao cứa vào sợi dây đàn căng thẳng trong người mẹ, mẹ sẽ đau đớn kêu thét lên, nhưng không bằng âm thanh của giọng nói, mà chỉ bằng ánh mắt, câm lặng và khủng khiếp. Và Xê-mi-ôn không nói gì. Ăn tối xong, anh vào giường nằm, cầm lấy quyển sách, cố đọc, nhưng không vào; trước mắt anh cứ hiện ra cô gái có đôi mắt to, đen, hoảng hốt, bất lực, trong tai anh vang lên tiếng kêu cầu khẩn: «Tôi không đi đâu! Tôi không có tội!» Nếu quả thật cô ta không có tội — Xê-mi-ôn nghĩ — nếu quả thật tất cả đúng như bà già A-cu-li-na kể, thì cô gái này sẽ ra sao? Và nói chung, tại sao lại như vậy, tại sao lại không ở đâu nhận vào làm việc cả? Cha cô ta thì đã sao, nếu quả thật là như thế... Bởi vì đồng chí Xta-lin đã nói: con cái không phải chịu trách nhiệm cho cha. Và nói chung... chẳng lẽ để con người hư hỏng cả cuộc đời?

Xê-mi-ôn còn nằm rất lâu không ngủ, trăn trở và suy nghĩ. Chỉ đến gần sáng, anh mới hiểu ra là cần phải làm gì. Và cái việc cần làm, hóa ra thật đơn giản, tự nhiên, đến nỗi Xê-mi-ôn phải ngạc nhiên: tại sao mình lại không nghĩ ngay ra được? Anh tự rủa mình là thằng ngốc, úp mặt xuống gối và lập tức thiếp đi.

* * *

Buổi sớm mùa đông màu xanh nhợt chậm chạp và nặng nề kéo về San-ta-ra. Na-ta-sa Mi-rô-nô-va bước ra khỏi căn phòng có cánh cửa bọc vải sơn, hít mạnh làn không khí mát lạnh, vội vã đi xa ngôi nhà của đồn công an, rồi ngồi xuống một chiếc ghế gỗ dài dưới gốc cây đã đóng băng và bắt đầu những ý nghĩ chán chường, buồn bã.

Cô nhớ lại lời của tên cướp có vết sẹo tên là Du-bốp: «Hãy nhớ lấy điều này: là người, không bao giờ được quỳ gối. Nếu đã quỳ gối, khi đó sẽ không còn là người nữa». Lúc đầu cô cho những lời này là trống rỗng, ngu ngốc, không hiểu nói ra để làm gì, nhưng rồi sau chúng bắt đầu khoan vào trong não, mỗi lúc một đau hơn, sâu hơn. Không, trong những lời này có một ý nghĩa, một sức mạnh nào đó mà bây giờ cô còn chưa hiểu được. Cô không hiểu hết ông đồn trưởng công an với hai sao trên ve áo hỏi gì, và không còn nhớ mình đã trả lời như thế nào.

Mải suy nghĩ về những điều đó, Na-ta-sa không nhận thấy Ê-li-da-rốp đã đi đến bên cạnh. Cô đứng phắt dậy, nhưng không bỏ chạy, mà chỉ cau mày khinh bỉ nhìn hắn.

—Chạy chán rồi chứ?—hắn hỏi.—Bây giờ đi về nhà.

—Còn chữ ký? Tôi đã ký là sau hai bốn giờ phải rời khỏi San-ta-ra của các người cơ mà.

—Đấy là tôi cho cô một bài học để mà nhớ... Không sao, tôi bắt cô ký, tôi cũng có thể hủy bỏ được, nếu như cô đồng ý trở lại nhà... Dễ không thôi mà, làm xong ngay. Còn về cái chuyện kia..., tôi có lỗi, đang say mà. Sẽ không bao giờ có chuyện... như thế nữa, mọi cái sẽ tốt đẹp. Sẽ trả tiền công cho cô. Còn cô, thử nghĩ xem, đi đâu bây giờ? Mùa đông rét thế kia, chết cóng ngay.

—Có thể, không phải tên cướp kia, mà anh nói đúng?—Na-ta-sa trầm ngâm nói.—Có thể bây giờ, trước mắt, phải quỳ gối xuống cái đã? Quỳ một ít lâu, rồi đứng dậy?

—Đúng thế!—Ê-li-da-rốp mừng rỡ nói.—Thế mới là biết sống, như người ta nói. Nhà tôi sẽ là nơi cô ở yên tâm nhất. Sau rồi sẽ còn cám ơn nữa.

—Ôi, đồ đểu... đồ đểu giả!

—Thôi, đủ rồi! Đã thế nghe đây: đến sáng mai mà không đi khỏi San-ta-ra, lúc đó đừng trách, --hắn rít lên như ngỗng đực và bỏ đi.

Na-ta-sa lại ngồi xuống ghế và suy nghĩ: mình phải làm gì đây? Từ giờ đến chiều có thể ở nhà bà già A-cu-li-na tốt bụng. Có thể ở đó một tuần—nếu không đi ra ngoài thì ai biết được? Nhưng rồi sau đó? Bà già không thể nuôi không cô mãi được, bà ta cũng chỉ sống bằng một số tiền hưu ít ỏi. Lại còn ngày mai thế nào Ê-li-da-rốp cũng mò đến kiểm tra... Làm gì bây giờ? Làm gì?

Màn sương xám buổi sớm dần dần tan, để lộ con đường làng chạy dài ra phía xa. Na-ta-sa ngồi bất động, mắt đờ đẫn nhìn ra phía trước mặt. Đã bắt đầu có người đi ngang qua, ngạc nhiên nhìn cô. Na-ta-sa hiểu rằng cần phải đứng dậy và đi đến một nơi nào đó, nhưng cô vẫn ngồi yên. Cô muốn òa ra khóc, muốn hét thật to, tuyệt vọng, như một con thú, để tất cả mọi người nghe thấy, dừng lại và hỏi, dù chỉ một câu: cô làm sao thế, tại sao lại ngồi một mình ngoài trời lạnh thế này? Hoặc dù chỉ là cái anh mặc áo khoác lông cổ dựng ngược kia...

Nhưng khi anh thanh niên chạy ngang qua, như nghe được ý nghĩ của cô, bỗng quay lại, đứng trước mặt cô và vui vẻ chào hỏi: «Ô, chào cô!»,—Na-ta-sa vội giạt ra xa như gặp một người bị bệnh hủi:

—Anh cần gì? Đi đi, đi đi!..

—Có thể, đầu tiên ta làm một cuộc họp báo đã?—anh thanh niên vẫn vui vẻ hỏi, chăm chú nhìn cô bằng đôi mắt xanh tinh nghịch.—Tôi còn có ba bốn phút để dự trữ. Cho lần gặp đầu tiên thế là đủ. Tên tôi là I-u-ri. Nhưng có thể gọi tôi là Ghê-oóc-ghi, hoặc Gô-sa, hoặc A-ga-phôn. Hoặc A-ga-phôn-tsích. Thế còn cô?

Anh thanh niên nói nhanh và hóm hỉnh, nhưng cô không cảm thấy buồn cười.

—Xin anh hãy để cho tôi yên,—cô nói và cảm thấy đầu bỗng trở nên nặng trĩu, trong tai có tiếng vang nhức nhối.

—Còn họ của tôi lại còn hay hơn: Xa-vê-li-ép,—anh

thanh niên tiếp tục, co một chân đi ủng gõ vào chân kia. — Đây là họ hay nhất ở nước Nga đấy. Tôi chưa vợ, trong gia đình không có ai bị ra tòa. Tất nhiên là dưới Chính quyền Xô-viết. Còn dưới thời Nga hoàng, cha đã thử hết mọi nhà tù khổ sai, vì vậy bây giờ là giám đốc nhà máy kia kìa, thấy chưa? Mẹ trước đây cũng là anh hùng hoạt động bí mật, còn bây giờ phụ trách nội trợ. Tôi làm việc ở nhà máy của cha. Nhưng than ôi, chỉ là thợ tiện, giai cấp công nhân, như người ta nói. Là chủ nhân ông của đất nước.

— Tôi cũng chưa chồng, — bất ngờ với cả chính mình, Na-ta-sa bỗng thốt lên. — Trong gia đình có người phải ra tòa. Cha bị ngồi tù. Còn tôi không làm việc ở đâu cả, và... nói chung, mới ở đồn công an ra đây.

— Khá lắm! — Xa-vê-li-ép phá ra cười. — Thế cô... thế em có tin vào tình yêu nảy sinh ngay từ phút đầu gặp gỡ không?

— Tin, — cô vội vã gật đầu. Rồi cô hét mỗi lúc một to hơn, hằn học: — Tin, tin! Tin đã từ lâu rồi!

— Cái cô này, tâm thần à? — I-u-ri hơi lùi lại. Cũng vừa lúc đó còi nhà máy rúc lên khàn khàn, kéo dài. — A, quỷ thật, hôm nào cũng muộn! Mà tôi còn phải chạy về nhà thay quần áo. Hôm qua đi nhảy về quá khuya, phần còn lại của đêm, cô hiểu không, nằm ở nhà một người bạn. Chúng ta sẽ tiếp tục buổi họp báo... vào chiều nay, được không? Đến câu lạc bộ, khiêu vũ nhé! — Và anh vội vã chạy đi, ngoái lại kêu to: — Hẹn đến chiều! Em phải biết rằng anh rất thích em đấy...

Anh thanh niên vui vẻ chạy khuất, để lại một cảm giác trống trải. Và anh thanh niên này, và những lời của anh ta — câu lạc bộ, khiêu vũ, nhà máy, thay áo — tất cả những cái đó như từ một thế giới nào đó thuộc về quá khứ, xa xôi, giờ không thể nào đạt tới, và cũng không có ý nghĩa gì đối với cô. Đầu cô choáng váng, mặt nóng bừng, còn toàn thân ớn lạnh. Suốt đêm qua cô không ngủ, và bây giờ mắt như muốn díp lại. Nhưng ngủ ở đây không được, mọi người nhìn thấy. Và cũng không cần đến nhà bà già A-cu-li-na làm gì, cứ đi ra sau làng. Ở đó có những bụi cậy rậm rạp, và sẽ chẳng ai tìm thấy cô, nếu như đi vào thật sâu...

Lại có người nào chạy vội trên đường, hai tay vung vẩy. Cô liền nhận ra ngay — đó là anh thanh niên hôm qua mặc

áo trượt tuyết im lặng đứng cạnh cửa nhà Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va nhìn những người công an dẫn họ đi. Sau đó anh ta, không hiểu để làm gì, đi theo họ đến tận đồn công an.

Na-ta-sa khó chịu với sự xuất hiện của anh, cô không muốn anh nhận ra cô. Cô cúi thấp mái đầu nặng trịch, nóng như lửa xuống, hy vọng rằng anh sẽ chạy ngang qua, không nhận ra cô. Nhưng anh đã chạy tới bên, sỗ sàng túm lấy tay cô.

— A, đây rồi! Tôi biết ngay mà, chưa thể kịp đi xa được, — anh vừa thở hổn hển vừa nói. — Đi thôi, tôi đã thu xếp xong rồi. Nào, đi, đi...

— Đi đâu nữa? Bỏ tay tôi ra!

— Tôi bảo là đi mà! — anh kêu lên giận dữ. — Thế này mà cũng định tự tử đấy!

— Anh có bỏ tôi ra hay không? Tôi căm thù, căm thù tất cả các người!

Nhưng Xê-mi-ôn, không để ý đến những lời của cô, túm chặt tay cô kéo gần như chạy dọc theo con đường làng.

* * *

Một giờ trước đây, chợt giật mình tỉnh giấc sau giấc ngủ ngắn, Xê-mi-ôn đưa mắt nhìn ra cửa sổ và thấy ngoài trời vẫn tối đen, liền thở ra nhẹ nhõm, vội vã mặc quần áo. Cha còn ngủ, mẹ đang nhóm lò. Bắt gặp ánh mắt ngạc nhiên của mẹ, anh chỉ khoát tay:

— Con sẽ về ngay, — và chạy bổ ra đường.

Mấy phút sau anh đã ở cạnh nhà Cru-gi-lin được bao bọc trong một lớp hàng rào bằng gỗ, mạnh dạn đưa tay đẩy mạnh vào hai cánh cổng cao và hẹp, nhưng cổng khóa bên trong. Không nghĩ ngợi gì nhiều, anh nhảy lên bám lấy mép trên của hàng rào, kéo người lên, nhảy vào bên trong, chạy lên thềm và đấm mạnh vào cửa.

Cru-gi-lin, mặt ngái ngủ, ngáp liên tục, mặc chiếc áo ngủ dày, ngạc nhiên nhìn Xê-mi-ôn và nghe anh hấp tấp, lộn xộn nói, mãi vẫn không hiểu nổi là anh muốn gì.

— Đừng vội, kể bình tĩnh lại từ đầu xem nào, — ông khẽ ho, nói. — Về chuyện Cáp-ta-nốp, đêm qua người ta đã gọi

điện cho bác biết rồi. Còn cô Na-ta-sa nào, bác chưa biết gì cả. Đầu đuôi ra sao nào?

—Cháu cũng mới trông thấy cô ta lần đầu vào tối qua. Hình như họ của cô ta là Mi-rô-nô-va. Rồi sẽ ra sao? Cô ta muốn tự tử! Làm thế nào bây giờ?

—Cháu bảo sao? Khoan đã nào, hình như bác đã nghe thấy cái họ này ở đâu rồi... —Đôi mắt ngái ngủ của Cru-gi-lin linh động hẳn lên. —Nào, nào, kể tiếp đi!

Lần này Cru-gi-lin nghe Xê-mi-ôn nói im lặng, không cắt ngang, rồi ông bước đến bên máy điện thoại, xin nối với trực ban công an.

—Có cô gái nào mà hôm qua các anh bắt giữ cùng với Cáp-ta-nốp đấy? Mi-rô-nô-va à? —Cru-gi-lin hỏi. Ông im lặng nghe một lúc lâu. —Thả ra là thế nào? Tại sao? —Và lại nghe thêm chừng nửa phút, cuối cùng ông nói: —Các anh phải tìm ra cô ta ngay.

Bí thư huyện ủy bỏ ống nghe xuống, quay lại phía Xê-mi-ôn:

—Thế đấy... Bác nghĩ là cháu đến quá sớm, nhưng hóa ra vẫn muộn. Họ đã thả cô ta ra hai mươi phút trước đây. Không sao, sẽ tìm thấy.

—A-a... đợi đến khi họ tìm được, —Xê-mi-ôn đứng nhanh dậy. —Cháu sẽ dẫn cô ta đến cho bác ngay bây giờ. Cháu ngay bây giờ... Bao giờ thì bác đi làm?

—Ngay bây giờ... Rửa mặt, rồi uống một cốc chè thôi...

* * *

Khi Cru-gi-lin đến văn phòng huyện ủy, Xê-mi-ôn và Na-ta-sa đã ngồi ở hành lang cạnh phòng tiếp khách. Chị lao công huyện ủy đang dùng giẻ ướt lau các bệ cửa sổ.

—Đây... —Xê-mi-ôn đứng vụt lên. —Người ta đã bắt cô ta ký giấy hai mươi bốn giờ sau phải đi khỏi San-ta-ra.

—Vào đây, —Cru-gi-lin liếc nhanh qua người cô gái.

Xê-mi-ôn túm lấy bàn tay nóng như lửa của Na-ta-sa, kéo đứng dậy, đẩy vào phòng đợi, rồi vào phòng làm việc. Na-ta-sa đứng tựa lưng vào tường, hai tay giấu ra sau lưng,

người căng thẳng như chờ đợi bị tra tấn. Cru-gi-lin vẫn nặng nề giẫm chân ở trong góc phòng, cạnh chỗ treo áo.

—Nào, chào cháu Na-ta-sa Mi-rô-nô-va. Có nhận ra bác không?

—Sao lại không? Nhận ra ngay. Bác là người tốt bụng.

—Đúng đấy, cháu còn nhớ. Kể cho bác nghe xem việc gì đã xảy ra với cháu lúc đó nào?

—Không cần đâu.—Giọng nói của Na-ta-sa vừa buồn, vừa giễu cợt.—Cháu đã kể bao nhiêu lần rồi. Được ích gì đâu?

—Thế à?—Cru-gi-lin dường như tỏ vẻ đồng ý.—Cháu không muốn à?

—Cháu cũng là đoàn viên thanh niên... trước đây. Cháu đã đến thành đoàn ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ để kể hết. Lúc đấy hình như người ta cũng nghe, nhưng sau quay đi hết, có người còn giấu cả mặt nữa. Và bác chắc cũng sẽ quay mặt đi, nếu biết rằng...

I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, không gõ cửa, bước vào. Ông mặc quân phục. Na-ta-sa nhìn lên ve áo đỏ của ông và im lặng.

—Bác sẽ biết gì nào? Rằng cha cháu đang ở tù à?

—Vâng, ở tù! Ở tù!—Na-ta-sa hét lên.—Nhưng việc gì đến tôi? Tôi có tội gì? Tại sao bây giờ tôi không còn chỗ đứng nào trên mặt đất này? Tôi trước đây cũng là một người dân Xô-viết chứ? Hay là, nói chung, không phải là người nữa? Còn Ê-li-da-rốp—hắn là người... Hãy nói cho tôi hiểu... Ông là người lớn tuổi. Và ông,—cô quay sang A-lây-nhi-cốp.—Ông hãy giải thích đi, cái gì đang xảy ra thế này? Hãy giải thích đi!

A-lây-nhi-cốp cởi áo ca-pốt, treo lên móc áo và bước đến bên cạnh Na-ta-sa. Đôi má cô ửng lên một màu đỏ thẫm ốm yếu, nặng nề, cặp mắt bừng bừng một ngọn lửa đen lạnh lùng, làm cho khuôn mặt cô trở nên đanh lại, xấu xí...

Gặp cái nhìn chằm chằm của A-lây-nhi-cốp, ngọn lửa đen trong mắt cô không tắt đi, thậm chí không lay động, mà hình như còn trở nên đen hơn.

—Ông có cần con ở không?—Na-ta-sa bỗng hỏi bình tĩnh hơn, nhưng bằng một giọng làm cho A-lây-nhi-cốp phải rùng mình.—Tôi có thể. Tôi có thể làm con ở, cả làm con

hầu nữa. Tôi có thể! Ông thấy thế nào? — Giọng cô rít lên, đứt quãng.

— Điều đó... hiểu như thế nào? — A-lây-nhi-cốp hỏi. Vết sẹo chéo trên má ông trở nên tái xanh, ông lấy bàn tay xoa lên.

— Hiểu thế đấy. Hoặc các ông cứ hỏi đi — rằng tôi có yêu Tổ quốc không? Hỏi đi! Sao các ông im lặng?

Bây giờ cô đứng khom người xuống như chuẩn bị nhảy bổ vào I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, cắn xé ông ra từng mảnh. Chiếc khăn bịt đầu rơi xuống vai, trán và má ướt đẫm mồ hôi. Cru-gi-lin đứng dậy khỏi bàn mình, bước vội đến bên cô gái như sợ cô ta nhảy vào A-lây-nhi-cốp thật.

— Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích! — Xê-mi-ôn, không hiểu để làm gì, thốt kêu lên.

Cru-gi-lin bước đến bên Na-ta-sa, túm lấy vai cô lắc mạnh.

— Rồi chúng tôi sẽ hỏi về điều đó... Chỉ có không phải ngay bây giờ, — ông nói nhanh. — Còn bây giờ hãy nói đi: cô có tin là cha cô có tội không?

— Cái đó thì có ý nghĩa gì?!

— Có. Đặc biệt là cho chính cô. Có tin không?

Na-ta-sa cố sức nuốt một cục gì nặng nề trào lên cổ. Mấy giây cô còn sợ sệt nhìn vào đôi mắt bình tĩnh của Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích Cru-gi-lin, thậm chí định hất tay ông xuống khỏi vai. Nhưng ông túm rất chặt.

— Nếu như các ông biết cha tôi là người như thế nào! Giá như các ông biết được... — Và cô òa ra nức nở.

— Thôi, thôi đi... — Cru-gi-lin bối rối, bất lực nói. — Khoan đã, cháu ốm phải không? Người như lửa.

— Không, — cô lắc đầu.

Một lúc sau, Na-ta-sa ngồi trong chiếc ghế mềm đối diện với Cru-gi-lin và kể cho ông nghe về chuyện của mình, từ đầu đến cuối. Thỉnh thoảng, cô lại lấy tay xoa thái dương, cố làm dịu bớt cơn đau trong đó (trong đầu cô như có ai lấy búa gõ không ngớt), cô khóc, lấy chiếc khăn tay nhàu nát, ướt đẫm lau khô nước mắt, rồi lại kể tiếp. Cru-gi-lin, Xê-mi-ôn, A-lây-nhi-cốp ngồi nghe im lặng. Xê-mi-ôn liên tục cựa quậy trên ghế, không biết giấu đôi tay của mình đi đâu, còn A-lây-nhi-cốp chống hai tay lên đầu gối, ngồi bất động, mắt nhìn xuống đất.

—Thôi đủ rồi! — Cru-gi-lin đột ngột ngắt lời. — Ôi, Ê-li-da-rốp, đồ đểu cáng! Rồi sẽ xét sau. Còn cháu... — Ông nghiêm khắc nhìn cô gái. — Mới gặp một — hai thằng đểu trong đời mà đã kết luận rằng tất cả mọi người đều như vậy.

—Không phải hai! Chúng rất nhiều.

—Thì cứ cho là hai mươi! Thì cứ cho là hai trăm! — Cru-gi-lin nói to, dữ tợn nhìn A-lây-nhi-cốp, rồi cúi đầu nhìn xuống, khẽ tiếp: — Mặc dù đôi khi chỉ cần một thằng cũng đủ làm cho hỏng cả đời người. Bởi vì còn tùy theo thằng đểu đó có sức mạnh nào. Có chỗ ở chưa?

—Có, — Xê-mi-ôn vội đáp. — Bây giờ có thể ở tạm nhà bà già A-cu-li-na.

—Thế thì tốt rồi. Còn công việc sẽ tìm ra thôi, ở ta có cả một nhà máy kia mà. Cháu muốn làm ở nhà máy không?

—Ở đâu cũng được... Ở đâu cũng được và làm gì cũng được! — Na-ta-sa vội vã nói. — Và các bác sẽ thấy cháu làm việc như thế nào! Cháu...

—Được rồi, được rồi... Còn bây giờ về nghỉ đi, cho bình tĩnh lại. Xê-mi-ôn, đưa tiễn Na-ta-sa đi.

Na-ta-sa đứng lên, bước ra cửa, ngoảnh lại nói:

—Cảm ơn các bác...

* * *

Na-ta-sa và Xê-mi-ôn đi khỏi, Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp vẫn còn ngồi nguyên tại chỗ rất lâu và im lặng.

—Bao giờ thì đi đấy, I-a-cốp? — cuối cùng, Cru-gi-lin lên tiếng.

—Bây giờ việc này không còn phụ thuộc vào tôi nữa, mà vào phòng quân vụ. — A-lây-nhi-cốp nặng nhọc ưỡn thẳng người ra. — Công việc đã bàn giao gần xong. Người thay thế tôi có vẻ được việc lắm, chắc sẽ làm việc hợp với anh.

—Cái gì thế? Để trả thù cho những quan hệ trước đây của chúng ta à?

—Trả thù nào, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích! — A-lây-nhi-cốp thở dài và như thường lệ, ông lại đứng dậy, nhìn qua cửa sổ, đầu vẫn như đang nghĩ ngợi về một điều gì đó. — Vâng, tôi sẵn sàng đổi rất nhiều thứ để không có cái thời kỳ...

khi mà... khi mà tôi không thể làm việc được với anh. Và để bây giờ không phải nghe tiếng kêu như lúc nãy: «Hãy giải thích cho tôi nghe, cái gì đang xảy ra thế này?!»

Phía dưới vết sẹo trên má A-lây-nhi-cốp nổi lên một cục u lớn. Cru-gi-lin vẫn ngồi trong chiếc ghế đệm cạnh bàn, tay đặt trên thành ghế mềm, mắt nhìn I-a-cốp, nhìn đôi thái dương đã bạc trắng, tấm lưng chắc chắn chật căng trong chiếc áo quân phục của ông.

—Chân lý—quả là một điều kỳ lạ,—trong giọng nói của A-lây-nhi-cốp vang lên một sự cay đắng thật sự.—Tưởng như bao giờ tôi cũng đã hiểu được chân lý. Thế mà hóa ra...—Ông quay sang phía Cru-gi-lin:—Không biết rồi những người sống sau chúng ta có hiểu được rằng chúng ta... dù có phạm phải những sai lầm như thế nào chăng nữa, vẫn không phải là những kẻ đều giả? Rằng chúng ta nghĩ là đã hành động theo chân lý và vì chân lý...

Cru-gi-lin không vội nói ngay. Ông im lặng một lúc lâu.

—Có hiểu không à? Thứ nhất là anh đừng nói gộp, khái quát như thế. Chữ «chúng ta» không dùng ở đây được đâu. Vì rằng trong số những «chúng ta» đó đã có và đang có những người rất chân thật với bản thân mình, đã có và đang có những kẻ không chân thật, tức là bọn đều giả, hám danh. Và ngoài ra, đã có và đang có những kẻ thù thực sự, có ý thức, của chân lý, của sự nghiệp chúng ta.

—Chẳng hạn như Pô-li-pốp?—A-lây-nhi-cốp bỗng hỏi thẳng.

—Tôi không biết!—Cru-gi-lin cáu kỉnh nói to và đứng dậy.—Anh thử đi mà tìm hiểu xem cái gì đang xảy ra trong lòng hắn ta! Bây giờ hắn cũng đang tìm cách xin ra mặt trận. Cái gì xảy ra trong lòng anh—tôi thấy, tôi hiểu, và cái chính—tôi tin. Còn trong lòng hắn ta—bây giờ tôi chưa biết, chưa hiểu... Còn thứ hai là... Vâng, hậu sinh sẽ hiểu... Nhất định sẽ hiểu những ai đã chân thực với chính mình. Và sẽ tha lỗi. Thế hệ hậu sinh bao giờ cũng rộng lượng. Và nói gì đến hậu sinh, ngay cả những người đương thời cũng sẽ thứ lỗi, nếu như...—Cặp mắt Cru-gi-lin bỗng lóe lên tia chớp tàn nhẫn sắc nhọn như thời còn trẻ, và cũng tàn nhẫn như vậy, ông nói tiếp, không chọn từ, không dịu giọng xuống:—Nếu như

những kẻ «chân thực với chính mình» này chứng tỏ được sự chân thực đó bằng quãng đời còn lại của mình, chứ không hèn nhát và không tìm cách tự tử bằng cái chết ra vẻ anh hùng ngoài mặt trận, như những kẻ làm bậy...

— Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích!

— Thế nào, không thích à?! — Cru-gi-lin cũng quát to, đôi môi của ông run bần bật. — Không, chúng ta sẽ nói thẳng, không xã giao một tí nào cả. Đấy, anh đã làm bậy trong đời mình... Đừng có nhăn mặt như thế, dù có ra sao thì anh cũng đã làm bậy rồi, — và bây giờ định lủi vào bụi? Lại còn rộng lượng để cho chúng tôi cái khả năng giải thích cho cô bé kia rằng tại sao trong cuộc đời lại xảy ra những việc như vậy? Mà cần phải giải thích cho cô ta hiểu, vì cô ta còn phải sống trên mảnh đất này. Và cô ta sẽ sống như thế nào, sống và sinh con đẻ cái vì mục đích gì? Vì cái gì mà nuôi chúng lớn, đem cái lý tưởng đạo đức nào mà gieo vào lòng chúng nó?

— Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích! — A-lây-nhi-cốp lại thu hết sức kêu lên cầu khẩn.

— Không đâu, đồng chí thân mến của tôi ạ! Việc đã vậy, bây giờ ta hãy cùng nhau giải thích cho cô ta rõ chuyện gì đã xảy ra. Không thì, tôi thấy, anh tìm ra cho mình lối thoát quá dễ dàng đấy...

Cru-gi-lin dừng lại, nhìn đồng hồ, ngồi vào bàn của mình, cau mày giận dữ gạt mấy tờ giấy trên mặt kính sang một bên. I-a-cốp chậm chạp bước đến bên móc áo, bắt đầu khoác áo ca-pốt lên người. Cru-gi-lin im lặng nhìn theo ông.

— Anh chờ câu trả lời của tôi chứ gì? — Khi đã ra đến cửa, A-lây-nhi-cốp hỏi, Cru-gi-lin chỉ nhún vai. — Còn tôi trả lời như thế này: lúc đầu tôi không hiểu tại sao anh lại mời tôi đến gặp cô bé này, còn bây giờ thì đã rõ rồi.

— Thế thì sao? — Cru-gi-lin lạnh lùng mím chặt môi, hỏi.

— Chiến tranh vẫn là chiến tranh, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ. Và tôi, như anh biết đấy, không phải là thằng nhát gan. Nếu tôi còn sống trở về — tôi sẽ nghĩ rằng đấy là nhờ anh. Còn nếu tôi không trở về nữa — anh cũng đừng nghĩ rằng tôi hèn nhát. Đấy, tất cả những gì tôi có thể trả lời anh.

Đôi môi Cru-gi-lin nứt nẻ vì lạnh (trong thời gian gần đây

ông đi xuống huyện rất nhiều) khẽ giật nảy lên, những nếp nhăn nghiêm khắc trên trán giãn ra. Nhưng ông vẫn không nói gì cả.

* * *

Bước từ ngôi nhà văn phòng huyện ủy ra ngoài sân tuyết kêu lạo xạo dưới chân, Xê-mi-ôn vui mừng nói:

— Thế đấy! Tất cả đều bình thường rồi. Thế mà — tôi căm thù... Khoan đã, hình như cô đang bị sốt thì phải? — anh muốn sờ tay lên trán cô.

— Đừng! — Na-ta-sa kêu lên và hất tay anh ra.

— Thôi, đi nhanh lên, tôi dẫn cô đến nhà bà A-cu-li-na.

— Không có anh, tôi cũng đi được.

— Thật ư?- Thế nhà bà ta ở đâu, hướng nào? Thế đấy. Đi theo tôi.

Anh bước đi trước, Na-ta-sa ngập ngừng, rồi cũng bước theo sau. Cô vừa đi vừa nghĩ rằng mình ăn nói sỗ sàng với anh thanh niên này thật không phải, anh ta đã... Ý nghĩ đó vừa hiện ra đã tan đi ngay, vì một cơn nóng từ bên trong đã bốc lên đầu, nổ tung, nhức buốt, mọi vật trước mắt quay cuồng. Anh thanh niên mà bí thư huyện ủy gọi là Xê-mi-ôn lúc ẩn lúc hiện, hỏi một câu gì đó cô nghe không rõ. Và anh bỗng nhiên nhỏ dần, nhỏ dần lại, rồi như chui tọt xuống đất. Anh đã biến mất hẳn, và xung quanh cô cũng không còn cái gì nữa, cả Na-ta-sa cũng không còn...

...Cô tỉnh lại trong một căn phòng có những bức tường bằng gỗ. Cô trông thấy cửa sổ với lớp kính đóng băng dày, lò sưởi trắng toát — chắc vừa mới quét vôi lại. Bên cạnh lò sưởi cháy hừng hực, một bà già có bộ mặt đen sạm, miệng móm mém, đang ngồi gọt khoai tây. Sau chiếc bàn con cạnh cửa sổ, một cô bé chừng mười ba tuổi, tóc tết thành bím vểnh ra như đôi sừng non, đang ngồi viết hoặc vẽ một cái gì đó, đầu lưỡi hồng thè ra vì tập trung căng thẳng. Giữa nhà, một chiếc nôi treo trên móc sắt buông từ trần xuống.

«Mình đang ở đâu thế này?» — Na-ta-sa hỏi thầm và thở dài.

Bà già với khuôn mặt sạm đen, ngẩng đầu, bước đến bên cạnh, cúi xuống, mớ tóc bạc gần như chạm vào mặt cô, hỏi:

— Cháu có thấy gì không?

— Có thấy. Bà là ai?

— Tỉnh rồi, lạy Chúa... Gan-na, đưa cốc sữa đây.

Cô bé tóc tết bím, đáng lẽ phải mang sữa đến, lại chạy đến bên giường, ngạc nhiên và dò hỏi nhìn Na-ta-sa. Rồi trong đôi mắt của cô bé hiện lên một tia vui mừng, cô chạy đến bên bếp lò và quay lại giường với cốc sữa trong tay.

— Này, cháu uống đi, — bà già nói.

— Cháu không muốn.

— Không muốn cái gì?! Uống đi!

Và bà luồn bàn tay khô cứng như thanh củi xuống dưới gáy Na-ta-sa, đỡ đầu cô dậy, đưa cốc sữa đến bên miệng. Mùi sữa nóng xộc vào mũi, làm cho đầu cô ngây ngất, choáng váng. Trong lúc uống, đầu vẫn còn quay, Na-ta-sa cảm thấy mình như say... Sau đó bà già lại ngồi gọt khoai tây, còn cô bé tóc tết bím đến ngồi bên giường và nói luôn mồm, khi líu lưỡi, lắp bắp vì quá vui, khi sợ sệt hạ thấp giọng xuống thì thầm:

— Đấy, thế mà bác Phê-đô bảo rằng chị sẽ không khỏi... «Sẽ chết mất ở đây thôi», — bác ấy nói. Bác ấy mắng anh Xê-mi-ôn mới khiếp chứ, vì rằng anh ấy mang chị về đây. Anh Xê-mi-ôn bế chị trên tay về đây mà, mang vào nhà như thế này này... Mọi người sợ quá. Cô An-na bảo: «Đặt cô ấy lên giường trong phòng này này, mau lên». Cô An-na tốt lắm. Anh Xê-mi-ôn cũng vậy. Và tất cả đều tốt. Chỉ có bác Phê-đô là không tốt thôi, bác ấy suốt ngày tức giận, em sợ bác ấy lắm. Còn tên em là Gan-na. Đúng ra là Ga-li-na, nhưng mọi người đều gọi là Gan-na, Gan-na. Chúng em tản cư đến đây, trước chiến tranh sống ở U-cra-i-na. Nhà em có một khu vườn, táo mọc to-o-o như thế này này. Vườn của ông em và bố em trồng đấy. Rồi sau em thấy một quả đạn của quân phát-xít nổ trong vườn, nhà bốc cháy — mái lợp bằng rạ mà. Chúng em chạy ra ga, còn nhà thế là cháy hết. Cha em giờ đang ở ngoài mặt trận, còn chúng em ở đây, cha em cũng không biết rằng chúng em đang ở đây, rằng ông nội của em vừa mới chết. Ông nội em xây cái lò này — ông em là thợ xây lò giỏi lắm — và chết. Mẹ em mỗi khi nhóm lò lại khóc. Mẹ em bảo người xây lò thì đã chết, mà lò do tay người xây để lại, vẫn cháy... Đây là gian nhà kho của nhà chủ ở đây, bác Phê-đô Xa-vê-li-ép, ông em và mẹ em chữa thành nhà ở.

Không thì chật lắm. Cô An-na nói: «Đem trát vách lại là sẽ tốt thôi». Thế chị sẽ sống ở đâu? Ở với chúng em nhé? Chị cứ ở đây, bây giờ thì tha hồ chỗ. Cô An-na cho nhà chúng em hai phòng, anh Xê-mi-ôn, Đi-ma và An-đrây ở phòng thứ ba, còn cô An-na và bác Phê-đô thì ngủ ở dưới bếp...

Na-ta-sa không hiểu được gì qua những lời hấp tấp lộn xộn của Gan-na, chỉ đoán ra rằng cô đang ở trong nhà của chính anh thanh niên đã bất ngờ xuất hiện ở nhà Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va, rồi sau đó đưa cô đến gặp bí thư huyện ủy.

— Chị ở đây đã lâu chưa? — Na-ta-sa hỏi.

— Đã bốn ngày rồi. Anh Xê-mi-ôn chắc phải mừng lắm khi thấy chị khỏe lên. Anh ấy buổi sáng, buổi chiều nào cũng ghé vào hỏi chị ra sao rồi. Bây giờ anh ấy đang đi làm việc, mẹ em cũng đang đi làm việc, ai cũng đi vắng cả. An-đrây đi học, Đi-ma đi trượt băng. Và chú I-u-ri cũng sẽ rất vui. Hôm qua chú ấy đến, nhìn chị rất lâu, rồi nói: «Thế mà mình lại đợi mãi cô ta ở câu lạc bộ...»

Gan-na kể hết tên này, tên nọ, và tất cả rồi tung cả lên, Na-ta-sa không thể hiểu được cô An-na, bác Phê-đô, Đi-ma, An-đrây là ai. Trong đầu cô nghe như búa gõ, bất cứ một cử động nào cũng dội lên hai bên thái dương nhức buốt.

— Khoan đã, chú I-u-ri nào?

— Chú ấy là anh họ của anh Xê-mi-ôn nhà này. Chú ấy buồn cười lắm.

— Họ chú ấy là gì?

— Cũng là Xa-vê-li-ép. Bố của chú ấy là giám đốc to nhất của nhà máy mẹ em làm việc.

Na-ta-sa nhớ lại anh thanh niên vui tính mặc áo lông đi ủng và những lời buồn cười của anh ta. «Có thể gọi tôi là Ghê-oóc-ghi hoặc Gô-sa. Hoặc A-ga-phôn, hoặc A-ga-phôn-tsích». Lúc đó những lời của anh không làm cho cô buồn cười, còn bây giờ cô lại mỉm cười. Nụ cười của cô ngượng nghịu, chỉ hơi thoáng qua trên đôi môi khô gầy của cô. Và bỗng nhiên cô cảm thấy như bên cạnh mình không có cô bé Gan-na nào cả, không có và chưa hề có trên đời này cả I-u-ri, cả Xê-mi-ôn, cả bí thư huyện ủy Cru-gi-lin, tất cả những cái đó chỉ là chiêm bao, và bây giờ cô sẽ tỉnh dậy, sẽ thấy chỉ có Ê-li-da-rốp và những người công an cùng với Ô-gô-rốt-nhi-cô-va, mấy tên cướp

Du-bốp, Gvô-dơ-đi-ép, Cáp-ta-nốp. Đấy, chúng đang từ bốn phía đi đến vây lấy cô, tiếng ùng giẫm thình thịch. Đôi mắt cô mỗi lúc một mở to. Na-ta-sa nhỏm người dậy, hốt hoảng nhìn ra cửa. Cánh cửa bỗng mở tung, Xê-mi-ôn bước nhanh vào, theo sau là anh thanh niên mắt xanh hôm nọ.

— A-a, đúng là tỉnh lại rồi, — Xê-mi-ôn nói to. — Chào Na-ta-sa.

— Xin chào, Na-ta-sa, — I-u-ri mỉm cười. — Xin chào và cũng xin hỏi ngay: cô có quyền gì mà ốm thế này? Thế mà có một anh chàng A-ga-phôn, cô hiểu không, cứ đợi mãi cô ở câu lạc bộ, phải bỏ cả buổi họp báo.

— Khoan đã nào, — Xê-mi-ôn lấy vai hích anh ra. — Trong người ra sao, Na-ta-sa?

— Cậu không thấy à, tất cả đều bình thường, — I-u-ri trả lời thay cô. — Sau vài ngày nữa là chúng ta sẽ quay một điệu phốc-xtơ-rốt đến chóng mặt ở câu lạc bộ rồi!

— Tôi chẳng muốn quay gì với anh cả, — Na-ta-sa nói. Cô không thích những lời của anh, không thích thái độ suồng sã, và không hiểu sao, cả giọng nói của anh.

Bà già xách chiếc xô không bước vào phòng.

— Đi ra đi, đi ra khỏi đây ngay, lũ quỷ này! Nó còn chưa tỉnh lại, chúng mày đã vào làm ồn lên cả đây rồi.

— Bà ơi, đâu có thế, — I-u-ri để lộ hàm răng trắng lóa. — Xem kìa, cô ta đang mỉm cười đấy.

— Thì chỉ cần trông thấy anh là tim đứa nào mà chẳng cuống lên, — bà già lẩm bẩm một cách ác ý và xô hai người ra khỏi cửa.

Xê-mi-ôn ngoan ngoãn bước ra, đến cửa vẫy tay chào Na-ta-sa, còn I-u-ri giả vờ chống cự lại, miệng không ngớt đùa tếu. Khi ra khỏi cửa, anh còn hét to:

— Cô hãy nhớ là tôi được lệnh đặc biệt nghiêm khắc của chính đồng chí giám đốc nhà máy là phải đưa cô càng sớm càng tốt đến nhà máy trong tình trạng tuyệt đối khỏe mạnh, phấn khởi để bố trí công tác đấy!

— Hừ, cái đồ quỷ sứ này, Chúa tha tội cho con, — bà già lẩm bẩm, rồi đóng chặt cửa lại.

Còn Na-ta-sa nằm mỉm cười mà tự mình không biết vì sao. Xê-mi-ôn và I-u-ri mặc áo quần lao động, từ người họ

thoảng ra mùi tuyết lạnh, mùi dầu mỡ và sắt thép. Hai người đi rồi, nhưng những mùi đó vẫn quanh quẩn quanh giường Na-ta-sa, cô hít mạnh chúng vào ngực — và mỉm cười.

* * *

Từ ngày hai mươi tháng Giêng trở đi, ở San-ta-ra ngày nào cũng có tuyết rơi dày đặc nhưng lặng lẽ, những bông tuyết lớn tướng quay tròn trong không khí, rồi nặng nề, chậm chạp và không tiếng động đậu xuống mặt đất, lên mái nhà, cây cối. Trong các vườn rau, tuyết chất thành từng đống; mỗi khi mặt trời hiện ra, tuyết trắng tinh khiết cháy lên rực rỡ, chói chang đến chảy nước mắt. Bốn phía đâu cũng tuyết, tinh khiết, yên lặng và ngọt ngào.

Trong lòng Na-ta-sa cũng tinh khiết, yên lặng và ngọt ngào. Tất cả những gì vừa mới xảy ra với cô cách đây không lâu, dường như chỉ là một giấc mơ lạ lùng, khủng khiếp, và thỉnh thoảng cô có cảm giác như chúng hoàn toàn không có, và về tất cả những cái đó cô đọc ở trong một cuốn sách nặng nề đáng sợ nào đó mà thôi...

Đã mấy ngày nay Na-ta-sa làm người phục vụ trong nhà ăn của nhà máy, ở phòng ăn (nếu như có thể gọi cái ngăn con được quây lại bằng những tấm ván dựng vội này là phòng) dành riêng cho các nhân viên kỹ thuật và kỹ sư.

Hôm đầu tiên, Xê-mi-ôn và I-u-ri đưa cô đến nhà máy. Thực ra không phải đến nhà máy, mà đến phòng quản lý của nhà máy nằm trong một ngôi nhà nhỏ hai tầng cũng được cấu trúc theo kiểu nhà lán. Họ đi lên tầng hai và dừng lại trước cửa phòng có treo tấm biển «Giám đốc nhà máy».

— Ôi, đến gặp giám đốc cơ à? — Na-ta-sa hốt hoảng kêu lên.

— Đúng thế, — I-u-ri xác nhận. — Và ông ta sẽ ăn thịt cô ngay. — Rồi anh biến vào sau cánh cửa.

Na-ta-sa nhìn ra cửa sổ. Từ đây có thể trông thấy hầu hết khu vực của nhà máy — ba hay bốn dãy nhà gạch vừa mới xây xong cách đây không lâu, những tấm kính cửa sổ bị đóng băng ánh lên lấp lánh, mấy dãy nhà khác đang xây dở — cái thì được một nửa, cái thì mới một hai mét nổi cao

trên mặt đất. Nhưng cả bên trong những bức tường xây dở này, máy móc đã đứng thành từng hàng thẳng tắp và mọi người đang làm việc bên máy.

—Họ... công nhân... đang làm việc đấy à?—Na-ta-sa ngạc nhiên hỏi Xê-mi-ôn.

—Thì cô thấy đấy,—anh cau mày đáp.

—Ngay... ngay ngoài trời thế à? Rét chết.

—Cũng không nóng.

Trên khắp khu vực nhà máy ngổn ngang những túp lều gỗ xây tạm, đây đó một vài ống khói đang nhả khói, những đám hơi nước cuộn thành từng cục bốc lên từ một ngôi nhà nào đó. Khắp nơi, những đám lửa hàn rải rác lóe lên, bắn tia tung tóe. Xung quanh các ngôi nhà xây dở, người đông đặc, họ đào lớp đất đóng băng rắn như đá, chở đi bằng xe tay, bốc dỡ các chuyến xe tải chạy đến, rồi chạy đi không ngớt.

—Thôi, tôi đi đây. Mọi việc I-u-ri sẽ làm nốt,—Xê-mi-ôn, không hiểu sao, cáu kỉnh nói và bỏ đi thật.

—Anh Xê-mi-ôn! Xê-mi-ôn!—Na-ta-sa khẩn khoản kêu lên, nhưng anh không dừng lại.

Giám đốc nhà máy, một người không to lắm, mặc quân phục còn mới, trán rộng, im lặng nhìn Na-ta-sa mấy giây, khi I-u-ri đẩy cô vào phòng làm việc của ông.

Na-ta-sa không thích cặp mắt của ông, màu xám và lạnh lùng.

—Cháu muốn làm gì ở nhà máy bây giờ, Na-ta-sa?

Và thật là kỳ lạ: giám đốc nhà máy vẫn ngồi với tư thế cũ, vẫn nhìn cô bằng cái nhìn chăm chú như thế, nhưng Na-ta-sa không còn cảm thấy đôi mắt xám của ông là trống rỗng, lạnh lùng nữa, bây giờ Na-ta-sa thấy rất rõ rằng đó là một đôi mắt rất hiền và rất thông minh.

—Cháu không biết nữa... Làm gì cũng được... Cháu chưa làm việc bao giờ.

—Có thể cho vào xưởng của con. Học nghề thợ nguội, —I-u-ri nói.

—Với ai? Với mày à?—giám đốc nhà máy cau mày hỏi.

—Với con cũng được chứ sao?

—Cũng được thôi, nghề thợ nguội không phải là nghề

tối. Nếu cháu muốn, cũng có thể trở thành thợ nguội.— Giám đốc bấm nút điện ở bàn.—Còn bây giờ, Na-ta-sa ạ... Ở nhà máy chưa có xưởng nào có lò sưởi cả, lò sưởi chỉ mới có ở đây và nhà ăn thôi...

Một ông già nhanh nhẹn, bộ ria cứng ám khói thuốc lá, cặp kính ngất ngưởng trên sống mũi nhăn nheo, bước vào phòng.

—Thế này, bác Phi-líp Phi-li-pô-vích ạ, đây là Na-ta-sa Mi-rô-nô-va, tản cư từ Mát-xcơ-va đến. Dọc đường bị ném bom, mẹ chết, giấy tờ cháy sạch («Bác ấy biết hết, biết hết!—Na-ta-sa nhẹ nhõm nghĩ thầm.—Ai kể cho bác ấy? I-u-ri? Hay bí thư huyện ủy?») Bác làm thủ tục cho cô ta, không được để giấy tờ phiền phức, dây dưa, chỉ theo lời khai của cô ấy, vào làm nhân viên phục vụ ở nhà ăn, cấp cho cô ta giấy ra vào và những thứ khác... Cả giấy chứng nhận là cô ta làm việc ở nhà máy chúng ta,—để sau này làm hộ chiếu. Thế, từ sáng mai cháu sẽ đi làm,—ông quay sang phía Na-ta-sa và lần đầu tiên hơi mỉm cười...

...Bây giờ Na-ta-sa thức dậy cùng với tiếng còi nhà máy buổi sáng, cô không làm kinh động đến Gan-na (cô bé cùng nằm ngủ với cô trên một giường), mặc quần áo, rửa mặt, chào bà già Phê-nhi-a và bác Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na đang chuẩn bị bữa sáng cho gia đình mình bên bếp lò, rồi chạy đến nhà máy.

«Phòng ăn dành riêng cho các kỹ sư và nhân viên kỹ thuật» được ngăn cách với phòng ăn chung bằng một bức vách mỏng, phía bên kia suốt ngày tiếng ồn ào, huyên náo, tiếng bát đĩa bằng sắt chạm nhau loảng xoảng. Trong «phòng ăn» chỉ có hai dãy bàn mộc dài, phủ vải gai thô thay cho khăn trải bàn, hai dãy ghế băng dài, cũng bằng gỗ mộc đóng rất vụng, từ lâu không lau chùi, cáu bẩn. Phụ trách nhà ăn Ru-phi-na I-va-nốp-na, một người đàn bà có khuôn mặt rộng, lưng gù, giảng giải cho Na-ta-sa biết cô không chỉ mang thức ăn cho «khách», mà còn phải quét dọn phòng, giặt vải phủ bàn và màn treo trên cửa sổ.

—Vì rằng cả nhà ăn chỉ có hai người lao động, họ không thể làm cả ở đây được nữa,—bà ta nhìn Na-ta-sa, cáu kỉnh nói. Im một lát, sỗ sàng tiếp:—Ăn ở đây cho chán thì thôi,

nhưng nếu mang gì về nhà coi chừng đấy, tôi báo trước.

— Ôi, cô nói gì thế? – Na-ta-sa phật ý kêu lên.

— Thôi, chúng tôi biết rồi, lúc đầu ai cũng làm ra vẻ... thật thà cả.

Trong ngày đầu tiên, Na-ta-sa giặt hết tất cả vải phủ bàn, màn che cửa sổ, dùng con dao nhà bếp nạo kỹ mặt bàn, mặt ghế băng, lấy nước nóng và xà-phòng rửa sạch, lau những tấm kính bám đầy bụi và bệ cửa sổ. Hàng ngày, trước lúc về, cô lau sàn rất lâu, rất kỹ.

Phụ trách nhà ăn chăm chú theo dõi những việc làm của Na-ta-sa, nhưng không nói gì, đôi lông mày cau lại dường như không bằng lòng với những cố gắng của cô. Nhưng một lần bà nhấc tấm vải phủ bàn lên, đưa bàn tay xoa xoa mặt gỗ sạch lì, ngồi xuống ghế, khép đầu gối lại, hỏi:

— Vất vả lắm à?

— Bình thường thôi ạ...

— Cô có nghe hình như mẹ của cháu bị bom chết?

— Vâng, mẹ cháu chết bom.

— Cháu gầy lắm, — bà thở dài. — Cháu ăn thêm vào cho có sức.

Và thật là kỳ lạ, bây giờ tất cả mọi người cô gặp, cô phục vụ ở đây, ở nhà ăn này, đều gợi lên trong cô những mối cảm tình, những niềm vui trong sáng.

Công việc rất nhiều. Suốt ngày cô phải chạy đi chạy lại từ bàn đến chỗ phân phát thức ăn, mang những đĩa sành đựng thức ăn đến cho mọi người, thu dọn bát đĩa bẩn, lau bàn, còn chiều về lại làm vệ sinh toàn bộ «phòng». Nhưng cô không cảm thấy mệt, chỉ có sau mỗi ngày làm việc, hai cánh tay hơi mỏi ở nơi khuỷu.

Dần dần cô biết hết tất cả ban lãnh đạo nhà máy, tất cả các xưởng trưởng, kỹ sư, thậm chí cả đốc công. Người đủ các loại: vui tính, cau có, sôi nổi, lầm lì... Kỹ sư I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp chẳng hạn, người lùn, tròn như quả bóng, vào cửa chiếc bụng đi trước, sau đó đến bộ mặt luôn luôn bằng lòng, tươi cười và vui vẻ hỏi: «Nào, hôm nay bữa trưa chúng ta có gì đây hở Na-ta-sa?», — mặc dù ở nhà ăn ngoài món thịt ninh và xúp cải chua không bao giờ có gì khác. Bí thư đảng ủy nhà máy người U-cra-i-na Xáp-tsúc

lặng lẽ đi vào gật đầu chào Na-ta-sa, rửa tay rất lâu ở chiếc chậu đặt trong góc sau tấm màn che, ngồi xuống chỗ của mình ở cuối bàn — nơi những người khác không bao giờ ngồi — và ngay lập tức rút báo ra. Đôi lúc ông đọc chúng rất lâu, quên cả bữa ăn đã nguội lạnh, rồi như sực tỉnh, vội vội vàng vàng húp bát xúp, ăn món thịt ninh và hấp tấp đi ra ngay. Kỹ sư trưởng Phê-đô Phê-đô-rô-vích Nhê-tsa-ép không bao giờ cười và cũng không bao giờ đọc báo sau bàn ăn. Người cao, gầy, hơi giống Đdéc-gin-xki, trong lúc đợi Na-ta-sa mang suất ăn đến, ông ngồi thẳng người sau bàn, những ngón tay gầy và dài quay tròn chiếc thìa đặt ngửa trước mặt, đầu mải nghĩ về một điều gì đó. Na-ta-sa có cảm tưởng rằng nếu cô không mang bữa trưa đến cho ông, có lẽ ông cứ ngồi như vậy một giờ, hai giờ và không nhớ là mình đến nhà ăn để làm gì.

Thường thường ba người này đến nhà ăn vào những lúc khác nhau, nhưng một lần họ cùng đến một lúc. Vừa cởi chiếc áo bành-tô rất dài treo lên móc, Nhê-tsa-ép vừa nói to, giận dữ:

— Còn tôi nói là không! Không và không! Pô-li-pốp đi ra mặt trận thì có việc gì đến tôi? Cứ mặc cho ông ta đi, cứ mặc cho họ tìm chủ tịch ủy ban huyện mới ở nơi khác. Còn Khô-khơ-lốp rất cần cho nhà máy.

— Còn tôi, anh Phê-đô Phê-đô-rô-vích ạ, sẽ rất mừng... sẽ rất mừng nếu như anh giữ được tôi lại, — Khô-khơ-lốp thấp béo quay tròn quanh Nhê-tsa-ép dài lêu đêu như cây sào. — Tôi không biết, tôi không hình dung ra là tôi sẽ làm được gì ở đó, ở cái công tác này. Suốt đời tôi làm việc ở nhà máy...

— Nhưng hình như Cru-gi-lin đã làm việc xong với tỉnh rồi, — Xáp-tsúc vừa khua chậu rửa mặt loảng xoảng vừa nói.

— Thì việc gì đến tôi? Thì việc gì đến tôi?! — Nhê-tsa-ép đã nổi giận thật sự. — Từ mùa xuân tới, chúng ta sẽ phải sản xuất súng cối. Và lập tức cả ba cỡ. Lúc đó sẽ ra sao? Trong điều kiện của chúng ta hiện nay...

Anh đừng nóng, Phê-đô Phê-đô-rô-vích, — Xáp-tsúc can.

—A-a, thế ra anh cũng? Anh cũng theo Cru-gi-lin à? Và cả Xa-vê-li-ép, như tôi hiểu, cũng theo Cru-gi-lin.

—Không phải chúng tôi theo, mà đây là việc rất quan trọng!—Xáp-tsúc cũng cao giọng. Và Na-ta-sa ngạc nhiên là ông cũng có thể tức giận.—Anh chỉ nghĩ về một mình nhà máy, còn Cru-gi-lin—vừa về nhà máy và còn vừa về cả huyện nữa! Cần phải hiểu anh ấy.

—Còn tôi không muốn hiểu! Và cũng sẽ không hiểu!

—Rồi sẽ phải hiểu, Phê-đô Phê-đô-rô-vích ạ...

Cuộc tranh luận này của những người lãnh đạo nhà máy đã để lại trong lòng Na-ta-sa một cảm giác sảng khoái. Đó chính là cuộc sống, và cuộc sống này bây giờ, bằng một góc cạnh nào đó, cũng đã chạm vào, cuốn cô theo.

Hai ngày trước đó, lần đầu tiên cô trông thấy Pô-li-pốp, người vừa được nhắc đến. Ông và bí thư huyện ủy đến dự một cuộc họp nào đó ở nhà máy, rồi cùng với giám đốc Xa-vê-li-ép ghé vào nhà ăn. Na-ta-sa mang đến cho ba người món xúp và thịt ninh thường lệ. Cru-gi-lin mỉm cười và hỏi cô tình hình công việc thế nào, mọi chuyện đã ổn cả chưa. Còn Pô-li-pốp thậm chí không nhìn cô, gục đầu vào đĩa ăn và khi nhai, đôi tai của ông khẽ động đậy. Hôm đó, đôi tai động đậy và đôi vai rộng núc ních mỡ gợi lên trong cô một ấn tượng khó chịu, còn bây giờ, khi cô biết Pô-li-pốp sắp sửa đi ra mặt trận, cô lại thấy đôi vai và đôi tai của ông hoàn toàn bình thường, và cô thầm rủa mình về cái cảm giác không tốt đẹp nảy sinh ra ở cô đối với con người này.

Thêm ba ngày nữa Khô-khơ-lốp vẫn đến nhà ăn với những lời chào hỏi thường lệ, nhưng trong suốt bữa ăn, anh hầu như không nói gì. Một lần Na-ta-sa đánh bạo hỏi có phải anh sắp đi khỏi nhà máy không.

—Đúng thế đấy, Na-ta-sa ạ. Nhưng chú không muốn, rất không muốn,—anh đáp một cách hơi khó hiểu.

—Và cháu cũng không muốn,—cô bỗng nhiên nói.

—Thế à?—anh vui mừng hỏi.—Cảm ơn cháu, Na-ta-sa ạ, cảm ơn cháu!

Rồi sau đó không thấy ông đến nhà ăn nữa, và Na-ta-sa biết rằng cuối cùng I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp cũng

được bầu làm chủ tịch ủy ban huyện, còn Pô-li-pốp thì đã đi ra mặt trận.

Trong ngày làm việc đầu tiên của Na-ta-sa, I-u-ri đến «phòng ăn dành cho các kỹ sư và nhân viên kỹ thuật», anh vẫn ồn ào, vui vẻ như mọi khi.

—Thế nào, tình hình của Na-ta-sa ở đây ra sao? Không bị ai trêu chọc chứ? Hãy cho người con trai độc nhất và yêu quý của đồng chí giám đốc nhà máy Xa-vê-li-ép ăn với.

Na-ta-sa không biết có thể cho I-u-ri ăn không, cô vào bếp hỏi trưởng phòng nhà ăn.

—Cứ cho ăn đi,—bà ta nói.

Rồi sau đó I-u-ri đến khá thường xuyên, vẫn đùa cợt như trước, và Na-ta-sa càng ngày càng cảm thấy những lời của anh nông cạn, không đúng chỗ. Thêm vào đó, có lần phụ trách nhà ăn nhìn theo anh, nói:

—Đúng là con dê đực.

—Tại sao? —Na-ta-sa hỏi.

—Đầu nó hệt như con lật đật, rỗng không.

Sự so sánh này quả là chính xác, và Na-ta-sa bất giác mỉm cười.

Đã mấy lần I-u-ri rẽ vào nhà ăn đúng lúc cô vừa kết thúc công việc, và lần nào cũng nói:

—Nào, ta cùng đi, tôi cùng về nhà đây. Xin phép được tiễn cô, không phản đối chứ?

Mỗi lần I-u-ri tiễn cô về, Na-ta-sa cảm thấy khó chịu và như có lỗi với một người nào đó. Dọc đường họ nói đủ thứ chuyện, về công việc, về nhà máy. Chỉ khi dừng lại cạnh nhà Xa-vê-li-ép, I-u-ri hỏi:

—Em định chuyển sang ở nhà bà A-cu-li-na đấy à?

—Có lẽ cũng cần phải chuyển, ở đây chật quá. Nhưng em sợ một cái gì đó...

—Sợ gì, chuyển đi. Bà già kia sống có một mình...

Những lời của I-u-ri luôn luôn làm cho Na-ta-sa cảm thấy ớn lạnh. Cô có cảm giác là cuối cùng cô cũng đã từ xoáy nước khủng khiếp vượt lên được một chỗ ít nhiều khô ráo và vững vàng, như người sắp chết đuối leo lên được một tảng băng trôi trên sông, cô đứng trên tảng băng đó, không

dám cử động, sợ trượt ngã, sợ lại rơi vào làn nước lạnh, còn I-u-ri, tự mình không biết điều đó, lại muốn làm nghiêng tảng băng...

* * *

Tuy vậy, Na-ta-sa càng ngày càng hay nghĩ rằng cần phải đi khỏi nhà Xa-vê-li-ép. Xê-mi-ôn, kể từ ngày cô đi làm, không hiểu sao nét mặt thường cau có, anh cố ý tránh mặt cô, còn mẹ anh, An-na, cứ im lặng như đá, buổi sáng lặng lẽ gật đầu chào Na-ta-sa, khi cô đi làm — và chỉ có thế thôi. Cả Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na trước đây hay nói, bây giờ không hiểu sao cũng im lặng, đấy là chưa nói đến bà Phê-nhi-a từ khi Na-ta-sa khỏi ốm đến giờ hầu như không nói lời nào. Tất cả những người phụ nữ trong nhà đều hay thở dài, dường như họ bị một cái gì đó vô hình đè nặng. Còn giọng nói của Phê-đô Xa-vê-li-ép, cha của Xê-mi-ôn, nói chung Na-ta-sa chưa lần nào nghe thấy. Buổi sáng khi cô đi làm, ông chủ nhà còn ngủ ở trong bếp, khuôn mặt đầy râu úp vào tường. Buổi chiều, khi Na-ta-sa đi làm về, thường thường ông cũng đã nằm ngủ với tư thế như buổi sáng, hoặc nếu không ngủ thì cũng chỉ im lặng, hằn học nhìn cô, khi cô đi qua bếp, bộ ria mép khẽ rung rung với vẻ không bằng lòng.

Nhưng cô không biết đi đâu. Đến nhà bà A-cu-li-na, cô sợ: Ma-ri-a Ô-gô-rốt-ni-cô-va ở ngay bên cạnh. Có lần Na-ta-sa nghe loáng thoáng là Ma-ri-a đã được công an thả về. Lần đấy, mới cách đây không lâu, Xê-mi-ôn và mẹ anh đang nói chuyện với nhau về điều đó, nhưng khi Na-ta-sa bước vào phòng, cô cảm thấy như hai người đều giật mình im lặng. Na-ta-sa hiểu rằng mình phải chịu ơn Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va đã cứu sống cô, nhưng sau những sự việc đã diễn ra ở nhà Ma-ri-a, cô cảm thấy căm ghét và sợ hãi người đàn bà to béo có cặp vú nặng trĩu này, kẻ đã chứa chấp bọn cướp trong nhà, «Tại sao họ lại thả chị ta ra? — Na-ta-sa nghĩ. — Thế còn mấy tên cướp kia, người ta đã làm gì với chúng? Chẳng lẽ cũng đã thả ra à? Không, không, không thể đến nhà bà A-cu-li-na được, không thể đến được! Bỗng nhiên ban đêm Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va lại mò đến và lôi cô đi thì sao? Cần phải tìm một chỗ nào đó ở cuối làng mới được...»

—Bây giờ thì đào đâu ra chỗ!—bà phụ trách nhà ăn bảo cô khi cô nói với bà ta về việc này.—Đâu cũng chật cứng như nêm cối cả rồi. Có thể xin một góc hầm đất nào chăng? Nhưng cần phải nói với giám đốc nhà máy.

Nói với giám đốc nhà máy đối với Na-ta-sa là việc hết sức đơn giản—ông thường đến nhà ăn để ăn. Đã mấy lần ông hỏi cô xem mọi việc có ổn không, cô đã nhận được hộ chiếu chưa?

—Cháu chưa nhận được, nhưng cũng sắp... Cần phải có ảnh... Đến kỳ lương cháu sẽ đi chụp...

Giám đốc nhà máy rút ra mười rúp, đặt lên bàn.

—Đi chụp đi.

—Không cần đâu ạ...

—Cầm lấy,—ông nói, rồi đứng lên bước ra khỏi phòng, để tiền lại trên bàn.

Sau sự việc đó, Na-ta-sa không dám nói với ông về chuyện nhà cửa.

Mấy buổi tối liền, mặc dù sợ gặp phải Ê-li-da-rốp, Na-ta-sa vẫn đi khắp làng hỏi nhà, nhưng không kết quả. Về đến nhà, cả người rét cóng, cô ngồi sưởi rất lâu bên bếp lò. Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na im lặng nhìn cô, nhưng không hỏi gì.

Một lần, khi Na-ta-sa cũng về nhà rất muộn như mọi hôm và đang ngồi sưởi bên bếp lò, thì An-na Mi-khai-lốp-na bước vào, tay cầm một chiếc áo bành-tô cổ lông thỏ hầu như vẫn còn mới.

—Này, cháu mặc thử xem.

—Không, không! Cháu không mặc đâu ạ.

—Cháu đi đâu mà hôm nào cũng đến nửa đêm mới về?

—Không... Cháu hiểu là ở đây quá chật. Cháu cám ơn các cô vì tất cả... Cháu sẽ không quên, sẽ không bao giờ quên ơn...—và Na-ta-sa rơm rớm nước mắt.

—Nào, cứ khóc nữa đi, nếu cảm thấy khóc chưa đủ,—An-na nói.—Cháu ngốc lắm, cứ bày trò vớ vẩn. Cứ ở lại đây và mặc áo bành-tô này vào.

—Cháu quả là ngốc lắm,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na cũng nói, khi An-na Mi-khai-lốp-na ra khỏi phòng.—Chẳng lẽ ở đây mọi người không hiểu hay sao? Cháu nghĩ sao lại như vậy?

—Cháu không biết nữa. Cháu thấy như... Ông chủ, cha của Xê-mi-ôn, luôn luôn nhìn như là... và các cô cũng im lặng, dường như...

—Im lặng...—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na thở dài,—nhưng chẳng lẽ lại là vì cháu đến ở đây, hở đồ ngốc nghếch. Cô An-na là một người bất hạnh. Và cả các con của cô ta.

—Vì sao lại bất hạnh? Cô kể đi.

—Đấy không phải là việc của cô. Mà cô cũng không biết gì cả. Dù có cố nhìn sâu vào cuộc đời người khác đi bao nhiêu chăng nữa, cũng không thể thấy hết, hiểu hết.

Na-ta-sa ngồi im một lúc lâu, những nếp nhăn trên trán khi nhíu lại, khi giãn ra.

—Cháu nghe nói hình như cha của anh Xê-mi-ôn và giám đốc nhà máy là anh em.

—Theo gốc gác gia đình là anh em, nhưng thực ra là hai người xa lạ...

—Tại sao ạ?

—Làm sao mà cô biết được? Cuộc đời có những chỗ lắt léo, đến nỗi... Chính họ, người trong cuộc, cũng không lần gỡ ra được, huống hồ người ngoài... Họ nhà Xa-vê-li-ép còn có một người em út, I-van, giờ đang sống ở nông trang. Hình như là người tốt, nhưng cũng bất hòa với người anh ruột Phê-đô. Cứ thử đi mà tìm hiểu xem, tại sao, vì cái gì?! Cuộc đời của I-van cũng thật là cay đắng. Phải ngồi tù khá lâu vì một chuyện gì đó.

Trong đôi mắt to của Na-ta-sa thoáng lên một tia sợ hãi.

—Sao lại thế, nếu như là một người tốt, như cô bảo. Vì sao?

—Ôi, cái cô bé này,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na chỉ lắc đầu thốt lên thay cho câu trả lời, rồi bắt đầu trải giường.

Bà Phê-nhi-a đã lên nằm trên lò sưởi từ lâu, thỉnh thoảng lại thì thầm một điều gì đó. Từ phòng bên cạnh vọng sang tiếng trẻ con kêu hét ầm ĩ.

—Bây giờ Đi-ma, bây giờ để cho anh Đi-ma làm phát-xít!—An-đrây hét lên lanh lảnh.—Nào, anh Đi-ma, anh giống lắm!

—Tại sao tao lại giống?

—Anh cao lêu nghêu, mặt lại trắng nhợt.

— Tao cắt cổ mày, mày dám nói như vậy.

— Đi-ma, Đi-ma. — Gan-na hét lên. — Nhưng cậu có phải phát-xít thật đâu. Đây là trò chơi mà...

— Anh cắt cổ à? — An-đrây kêu lên như gà trống choai. — Em cho... một miếng võ này... Hôm qua anh Xê-mi-ôn bày cho em một miếng võ... Nào, đánh đi!

Trong câu chuyện trẻ con này có một cái gì đó làm cho Na-ta-sa tò mò. Nhưng cái gì — chính cô cũng chưa hiểu rõ, vì đầu đang mải nghĩ về một chuyện khác.

— Thế nhưng làm sao chú I-van lại phải ngồi tù? — cô hỏi.

— Cô không biết, — Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nhún vai. — Cô An-na nói rằng hình như chú ấy không có lỗi.

Na-ta-sa ngồi im lặng rất lâu, hai bàn tay mệt mỏi đặt trên bàn. Những nếp nhăn trên trán vẫn hết nhíu lại rồi giãn ra. Bỗng nhiên, môi cô khẽ run run.

— Càng ngày cháu càng thấy rối bời... Cháu không còn hiểu ra sao nữa cả! Đấy cả cha cháu... cả cha cháu...

— Cô cũng đã có nghe nói về cha cháu. Xê-mi-ôn kể. Không sao, cháu ạ, tất cả rồi sẽ được rõ ràng, công bằng...

— Nhưng bao giờ? Bao giờ?!

— Rồi sẽ đến lúc, — Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na trầm ngâm nói. — Cô chỉ là một người đàn bà bình thường, gần như không biết chữ, nhưng cô biết: cuộc đời nhất định sẽ phân chia mọi thứ rạch ròi — tốt ra tốt, xấu ra xấu. Cuộc đời rất chuộng sự công bằng.

— Rồi sẽ đến lúc...

Na-ta-sa đưa tay gạt những giọt nước mắt đã trào ra trên mi, ngồi trầm ngâm im lặng. Rồi cô thở dài khe khẽ:

— Cô Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na ạ, có lẽ cháu tin vào điều đó, — cô gần như nói thầm. — Nếu như không tin làm sao mà sống được? Và sống để làm gì?

— Tất nhiên, cháu ạ, tất nhiên là thế.

— Nhưng cháu lại nghĩ: tại sao trên đời vẫn còn nhiều cái xấu như vậy? Nó do đâu? Chiến tranh — điều đó đã đành — quân phát-xít muốn chiếm đất đai, thành phố của chúng ta, bắt tất cả các dân tộc phải quỳ hàng làm nô lệ, để chúng thống trị, hưởng những thứ chúng chiếm được...

16-652

Nhưng trong cuộc sống của chúng ta tại sao vẫn còn nhiều những cái ác? Đấy, cha của cháu, rồi chú I-van này, như cô nói... và chính cháu cũng suýt nữa thì chết. Mặc dù là tại cháu hèn nhát, nhưng quả thật là không còn sức lực nữa. Tại sao? Do đâu?

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na ngồi xuống ghế đẩu, đặt chiếc gối bông lên đầu gối, đưa bàn tay gầy, gân guốc khẽ xoa đi xoa lại.

—Cô có hiểu cháu muốn nói gì không ạ?

—Sao lại không hiểu? Hiểu thì dễ, nhưng trả lời mới khó. Cái ác là do đâu? Do sự ngu ngốc của con người. Với cái đầu óc kém cỏi của mình, cô vẫn nghĩ: nếu như nói gộp lại, con người là cái gì? Chỉ là một lũ trẻ chưa biết nghĩ. Mà một đứa trẻ chưa biết nghĩ thì việc dại dột gì mà chả làm, nếu như nó nghĩ ra được...

Hơi nheo mắt lại, Na-ta-sa nhìn Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na chằm chằm:

—Tức là cô muốn nói rằng xã hội loài người còn chưa hoàn thiện?

—Cũng có thể nói như vậy. Thế đấy,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na khẽ gật đầu.—Con người còn chưa đủ thông minh.

—Về cả loài người thì không nói đến, nhưng ở nước ta thì sao? Đấy, thế hệ cha cháu... đã làm cách mạng, bao nhiêu máu đã đổ vì cái thiện, cái tốt đẹp, cái công bằng. Nhưng chúng ở đâu?

—Chẳng lẽ chúng bây giờ hoàn toàn không có hay sao?—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na ngừng tay xoa gối, hỏi, đôi mắt chăm chú nhìn thẳng vào mặt Na-ta-sa:—Đúng, chính cháu cũng suýt nữa thì chết. Bởi vì cũng có thể một đám kiến bị bánh xe đè phải. Hoặc bị một dòng nước mưa cuốn đi. Và lúc đó chúng, lũ kiến ấy, tưởng rằng thế giới đã đến ngày tận số. Nhưng thực ra xung quanh mặt trời vẫn chiếu sáng rực rỡ và mặt đất vẫn nở hoa. Cuộc đời rộng lắm.

—Cô nói gì vậy, cô Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na? Chẳng lẽ người cũng như con kiến à? Chẳng lẽ cháu là kiến à?

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na lại thở dài, đưa tay xoa lên mặt gối.

—Không, không, cô không muốn nói như vậy. Và với

đầu óc như của cô, không thể giải thích nổi những câu hỏi của cháu... Nhưng đấy, mọi người đã không để cho cháu chết...

— Nhưng đấy chính là do một sự hoàn toàn ngẫu nhiên. Tình cờ Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va vấp phải cháu trong đống tuyết, tình cờ...

— Bằng lời, có thể nói thế này thế nọ, Na-ta-sa ạ. Và lời nào cũng có vẻ như là đúng. Và điều này nữa cũng đúng: cái tốt thường khó nhận ra, niềm vui có thể không được lâu. Còn cái ác thì khó mà quên được, nó cứ gặm mòn, gặm mòn cả cuộc sống. Và vì vậy người ta mới tưởng rằng cái ác trên trái đất này rất nhiều, nhiều hơn cái tốt. Và con người xấu trên đời cũng nhiều hơn. Nhưng không phải thế đâu, cháu ạ. Trên đời này rất nhiều những con người tốt, hiền lành, và cái tốt vì vậy cũng nhiều hơn. — Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na đứng dậy, vỗ mạnh tay lên gối! — Còn về chuyện cách mạng, cháu kết luận quá sớm đấy. Cháu đã thấy những tên phú hào thật sự chưa? Chắc là chỉ thấy trên phim hoặc đọc trong sách mà thôi. Làm sao mà cháu biết được hồi đó có bao nhiêu là cái ác, cái tàn bạo? Vì vậy cháu không thể so sánh lúc đó với bây giờ. Còn cô, cô có thể so sánh được.

— Tất nhiên là ít hơn, cháu hiểu. Nhưng với cháu thì cũng đủ.

— Còn với cô thì còn thừa. Nhưng với các con cô thì đã ít hơn nhiều. Con của cháu — lại càng ít hơn.

Nghe những lời này, Na-ta-sa cảm thấy mặt mình đỏ bừng dậy, cô ngẩng đầu lên kêu to:

— Cô Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, cô nói gì thế? Cháu lấy đâu ra con?! — Và càng đỏ mặt hơn, cô quay ngoắt người đi, để lộ chiếc cổ gầy mảnh khảnh.

— Đồ ngốc, — Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nói, lấy bàn tay xoa nhẹ lên mái tóc cô. — Làm sao lại không có con khi cháu xinh đẹp, khỏe mạnh thế này? Xê-mi-ôn nhà này đã chấm rồi...

— Chấm... cái gì? — Na-ta-sa đứng phắt dậy, đôi má cô như bốc lửa, trong đôi mắt có một cái gì đó khó hiểu bùng lên — vừa ngạc nhiên, vừa sợ hãi, vừa giận dữ, căm ghét. — Tức là đã chấm?!

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na đứng bối rối, khuôn mặt hiền hậu lộ vẻ hối hận, biết lỗi.

—Ấy cháu... Đúng là như người ta nói, phải cắt lưỡi đàn bà ngay từ khi mới đẻ ra. Lạy Chúa...

Na-ta-sa lảo đảo bước đến bên móc áo, nơi vẫn thường treo chiếc áo bành-tô cũ của cô, nhưng bây giờ nó không còn ở đây nữa. Cô liền chạy ra đường, mình chỉ mặc áo sơ-mi mỏng. Cái giá lạnh lập tức bao trùm lấy người cô, Na-ta-sa dừng lại trên thềm nhà. Tim đập mạnh như bị ai đuổi. Cô cảm thấy kinh tởm, xấu xa, gớm ghiếc, muốn chạy đến một nơi nào đó thật xa, nhảy vào trong đống tuyết, tự chôn vùi trong đó để không còn trông thấy ai, để không ai bao giờ có thể tìm thấy cô.

—Coi chừng cảm lạnh đấy, rồi lại bắt người ta mất công lo lắng... Cháu sao thế?—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na khoác chiếc áo bành-tô ấm lên vai cô, nói.

—Hãy để cho tôi yên! Anh ta chấm rồi à? Và cha của anh ta, cái người có đôi mắt quàu quạu ấy, cũng chấm rồi à? Phải không?

—Ông ta thì có liên quan gì đến đây?

—Có liên quan! Người ta đã chấm tôi rồi mà! Lão công an Ê-li-da-rốp đã muốn... Rồi ở nhà Ô-gô-rốt-nhi-cô-va... Bảo con bé mồ côi mà, còn chạy đi đâu?!

—Khoan đã, khoan... Ra thê-ê-ế đấy!—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na kéo dài giọng kinh ngạc.—Nhưng cháu có điên không đấy? Cháu nghĩ gì vậy? Đấy là cô nói về Xê-mi-ôn... Mà Xê-mi-ôn... Hoàn toàn ngược lại...

Người đàn bà đã đứng tuổi diễn đạt rất khó khăn, các từ dùng không đúng ý mình, nhưng những từ khác, cần thiết thì lại không tìm ra. Nhưng Na-ta-sa bỗng bắt đầu hiểu ý nghĩa những lời nói đó, và trong đầu cô gái như có cái gì ngân lên, nổ tung ra.

—Không thể... người ta đối với cháu... ngược lại. Không thể!

—Thế mà có thể đấy. Na-ta-sa ạ, bằng trái tim của phụ nữ, cô nhìn thấy và hiểu hết những gì đang xảy ra với cậu ta. Mặc dù chính cậu ta cũng chưa hiểu được điều đó. Và cậu ta sợ vì thấy mọi việc xảy ra quá nhanh và bất ngờ. Vì thế mà

bối rối, vụng về như vậy. Chính cậu ta đã mang cháu dở sống dở chết về đây, còn bây giờ... Và cũng vì vậy mà cậu ta tránh gặp cháu. Rồi lại còn I-u-ri quấn lấy cháu... Cháu ơi, cháu ngốc ơi, sao cháu lại có thể hiểu những lời của cô như vậy?

Na-ta-sa đứng nghe và cảm thấy trong ngực có một cái gì đó nóng ấm trào lên, chảy khắp toàn thân, làm cho cô ngây ngất, ngăn không cho cô hiểu hết những lời nói không có gì là khó hiểu của Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na. Mà sao cô ấy cứ nói mãi thế. Cô ấy thì có liên quan gì đến mình, Na-ta-sa, đến Xê-mi-ôn, đến việc mình hiểu những lời của cô ấy như thế nào?

—Cậu ấy muốn xin tình nguyện ra mặt trận, cứ chạy mãi đến phòng quân vụ...—một vài mẩu ngắt quãng lọt vào tai Na-ta-sa.—Cậu ta nén lại trong mình cái tình cảm mới trỗi dậy... Khác hẳn I-u-ri... Xê-mi-ôn trong cuộc sống lặng lẽ, khiêm nhường, vụng về, nhưng tâm hồn vững vàng, thẳng thắn. Còn cháu, bỏ quá những lời của cô...

—Ôi, cháu không biết gì hết... Cháu không hiểu gì cả. Cô để cho cháu đứng đây một mình một lúc...

Khi Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na đã vào nhà, Na-ta-sa vẫn còn đứng rất lâu, tựa lưng vào cánh cửa ra vào, nhìn lên vầng trăng tròn, nặng đã lên cao, hít mạnh làn không khí lạnh giá, để làm dịu ngọn lửa trong ngực. Cô không nghĩ gì cả, chỉ đứng vậy...

Cô không nhận thấy Xê-mi-ôn đi làm về bước đến bên cạnh từ lúc nào, chỉ nghe tiếng anh chào:

—Chào Na-ta-sa.

Na-ta-sa rùng mình, lùi lại, rồi chạy xuống thềm.

—Na-ta-sa?—Anh định bước đến gần cô.

—Đừng! Đừng!.. Anh đi đi!—cô kêu to, chân vẫn tiếp tục lùi lại phía sau.

Anh ngập ngừng một thoáng, không nói gì, lặng lẽ đi vào nhà. Na-ta-sa ngồi xuống bậc thềm, và không hiểu vì sao, gục đầu xuống khóc. Những giọt nước mắt lặng lẽ, không cay đắng, làm dịu lòng...

...Đêm hôm đó, cô lại một lần nữa khóc, những giọt nước mắt nhẹ nhàng, ngọt ngào.

Nằm trên giường, cô bỗng nhớ lại câu chuyện của mấy đứa trẻ chơi ở phòng bên cạnh, và hiểu ra cái gì đã gợi nên sự tò mò của cô. Thứ nhất, Đi-ma Xa-vê-li-ép — cái cậu bé lầm lì, cau có mà cô vốn không có cảm tình vì cho cậu ta ranh mãnh, độc ác, sau này sẽ lớn lên thành một người giống như cha cậu, — bỗng tự ái vì An-đrây bảo cậu giống phát-xít. Thứ hai, là chuyện Xê-mi-ôn học võ xăm-bô — võ tự vệ. Điều này thì quả là cô không bao giờ nghĩ đến. Và Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nói về anh toàn những lời tốt đẹp. Cô ta nói như thế nào nhỉ? «Xê-mi-ôn trong cuộc sống lặng lẽ, khiêm nhường, vụng về, nhưng tâm hồn vững vàng, thẳng thắn». Đúng, lặng lẽ. Còn I-u-ri lại khác, anh này hoàn toàn không lặng lẽ. Phụ trách nhà ăn nói về anh ta... Thế nhưng Xê-mi-ôn thẳng thắn và vững vàng ở chỗ nào? Mà thôi, mặc kệ họ, cả I-u-ri lẫn Xê-mi-ôn, việc gì đến mình! Những người trong họ Xa-vê-li-ép này ai cũng có tính cách thật khó hiểu, quan hệ của họ thật phức tạp, rối rắm, cuộc đời của họ thật lạ lùng, có lẽ cô không bao giờ hiểu nổi. Mà cũng không ai yêu cầu cô phải hiểu, sớm muộn gì rồi cô cũng tìm được nhà và sẽ đi khỏi nơi đây. Cô sẽ cảm ơn tất cả — Xê-mi-ôn, An-na, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, bà Phê-nhi-a — và đi...

Cô nằm mãi vẫn không ngủ được. Bên cạnh, Gan-na thở phì phò, trăn trở, ép sát người vào người cô, hơi thở phả ấm cả vai cô.

— Chị Na-ta-sa không ngủ à? — Gan-na bỗng thì thào hỏi.

— Không. Sao em cũng không ngủ đi?

— Em nằm nghĩ.

Na-ta-sa vui mừng là cô bé bắt chuyện với cô, làm cho cô quên đi. Cô choàng tay ôm lấy đôi vai gầy của Gan-na ghì sát vào mình.

— Em nghĩ gì thế?

— Không... Về tất cả... Chị ơi, chị thấy Đi-ma có tốt không?

— Chị không biết, — Na-ta-sa ngập ngừng nói. — Có thể...

— Tốt, tốt lắm, — cô bé thì thào một cách chắc chắn. — Hôm nay Đi-ma... — Không nói hết, cô bé rúc rích cười, úp mặt vào ngực Na-ta-sa.

Cũng có thể Đi-ma quả thật là người tốt — Na-ta-sa nghĩ — chứ không phải như cô tưởng trước đây.

— Chị Na-ta-sa ơi, chị Na-ta-sa ơi, — Gan-na lại thì thào bên tai. — Chị đã bao giờ... hôn chưa?

— Cái gì? Em... em bảo gì?

— Không, em không bảo gì cả, — Gan-na vội vã đáp. — Chỉ có em tò mò... muốn biết... có thích không?

Cô bé ngượng nghịu rúc rích cười, xấu hổ rúc đầu vào trong chăn. Một lát sau, Gan-na lại thò đầu ra.

— Em hỏi thế là không... không tốt hả chị?

— Không, không sao đâu. Chỉ có chị không biết nó có thích hay không. Chị còn chưa hôn với ai cả.

Nghe những lời của chính mình, tim Na-ta-sa bỗng nhói lên, rất đau, lạnh toát trong lồng ngực, nước mắt trào ra. Nhưng cũng liền ngay đó, tim bình thường trở lại, cơn đau biến mất, chỉ có nước mắt là trào ra mạnh hơn. Những giọt nước mắt to và ấm cứ chảy, chảy mãi, nhỏ giọt ướt đẫm cả gối.

— Chị Na-ta-sa, sao thế? Chị Na-ta-sa? — Gan-na lo lắng thì thào hỏi. — Sao chị lại khóc?

Nhưng không đợi Na-ta-sa trả lời, và có lẽ đã đoán hiểu được một điều gì đó, cô bé se sẽ lùi ra xa và nằm im.

Na-ta-sa ngủ thiếp đi với những giọt nước mắt trên gối.

* * *

Sáng hôm sau cả ba người — Na-ta-sa, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na và Gan-na — đều cảm thấy ngượng nghịu, như thể họ biết được những điều bí mật không tốt đẹp của nhau. Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na dậy khua xoong nồi rất sớm, im lặng chuẩn bị bữa sáng. Gan-na cũng im lặng sửa soạn đi học, thỉnh thoảng lại ném sang phía Na-ta-sa những cái nhìn sợ sệt. «Chẳng lẽ nó mới mười bốn tuổi mà đã có chuyện gì với Đi-ma! — Na-ta-sa nghĩ thầm. — Còn trẻ con mà».

Nhưng khó xử, ngượng nghịu hơn cả là Na-ta-sa. Bây giờ cô không còn hiểu tại sao tối qua mình lại hiểu một cách ngu ngốc những lời của Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na về Xê-mi-

ôn và xử sự một cách cũng ngu ngốc như vậy, với cả Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, với cả Xê-mi-ôn.

Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na hình như hiểu được tâm trạng của Na-ta-sa. Trước lúc ra khỏi nhà đi làm, thím dừng lại ở cửa, nhìn Na-ta-sa và nói: «Không sao, không sao...» Trước đây họ thường cùng nhau đi đến nhà máy, nhưng hôm nay Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na không gọi cô cùng đi. Và Na-ta-sa cảm thấy biết ơn thím về điều đó.

Sau mười phút nữa cô cũng đi làm. Trời hãy còn tối, gió lạnh thổi mạnh từng đợt, đẩy vào lưng cô. Na-ta-sa dựng chiếc cổ lông thỏ của áo bành-tô lên, bước đi chầm chậm, nhìn những hạt bụi tuyết quay cuồng trong các vệt sáng chiếu từ trên các ô cửa sổ xuống đường và nghĩ về Xê-mi-ôn, vẫn với một sự khó chịu: «Ra thế, anh ta đã chấm mình! Anh ta... tất nhiên anh ta đã làm nhiều điều tốt cho mình. Đã đưa mình đến gặp bác Cru-gi-lin. Lúc đó mình sẽ đi đâu, nếu như không có Xê-mi-ôn? Nhưng điều đó không có nghĩa là mình sẽ nhảy bổ đến ôm chầm lấy anh ta. Cứ để cho anh ta đừng có chờ đợi và hy vọng. Mình hoàn toàn không thích anh ta. Hoặc có thể, anh ta làm như vậy để mà... Và anh ta mang mình về nhà để làm gì, khi mình bị ngất đi? Đáng lẽ nên mang đến nhà bà A-cu-li-na...»

Nhưng nghĩ như vậy, cô vẫn mơ hồ hiểu rằng trong ý nghĩ của mình có cái gì không đúng, và thậm chí hoàn toàn không đúng. Thứ nhất, đến nhà bà A-cu-li-na còn xa, bà ta sống ở đâu tận cuối làng. Thứ hai, anh hoàn toàn không đợi, mà tránh gặp cô. Chỉ có I-u-ri, anh này... anh này không tránh, mà cứ tìm cách gặp cô, và nói chung làm ra vẻ cô đã nợ anh ta một cái gì đó. Thứ ba... ừ, thì cô hờ hững với Xê-mi-ôn, mặc dù biết ơn anh, nhưng... nhưng anh ta cũng không đến nỗi, mắt xám, sâu thăm thẳm và hiền lành, tóc mềm và sáng, mặt trắng trẻo, da mịn như con gái. Vai rộng, tay khỏe, cổ chắc chắn, bướng bỉnh. Và cả người anh toát ra vẻ khỏe mạnh, rắn chắc, có lẽ lần đó anh mang cô về đến nhà nhẹ nhàng, không mệt chút nào...

Tự nhiên, suốt ngày Na-ta-sa chỉ nghĩ đến Xê-mi-ôn, phân tích anh cặn kẽ từng tí một và khi I-u-ri chạy vào nhà ăn, cô vừa mang bữa trưa cho anh ta, vừa bất giác so sánh anh

ta với Xê-mi-ôn, cô nghĩ: không, Xê-mi-ôn hơn, mũi của I-u-ri hơi quặp, dữ tợn như của loài thú ăn thịt.

— Có một sáng kiến rất vĩ đại, — sau khi ăn xong, I-u-ri nói với cô.

— Sáng kiến nào? Đi nhảy ở câu lạc bộ chứ gì? Em không đi được.

— Lại còn vĩ đại hơn nữa kia! Sông Grô-mô-tu-kha đã đóng băng.

— Thì sao? — Na-ta-sa không hiểu.

— Sao à? Ngày mai băng sẽ phẳng như mặt gương. Xin mời đi trượt băng.

— Anh nói gì? Em làm gì có giày trượt băng.

— Mọi việc đã tính hết rồi. Anh sẽ cho em...

— Em bận không đi được, — cô ngắt lời lạnh nhạt nói.

— Ôi, em làm cho đồng chí A-ga-phôn phải thất vọng đấy, — I-u-ri nói nhanh và bước ra khỏi phòng. Anh nói một cách vô tâm và vui vẻ, nhưng giọng có vẻ buồn rầu.

Sau bữa trưa, ngoài đường trời ấm lại, băng đọng trên cửa sổ bắt đầu tan nhanh, Na-ta-sa luôn tay lau nước đọng trên bệ cửa sổ, mắt nhìn ra sân nhà máy, mong trông thấy Xê-mi-ôn. Những chiếc máy kéo và xe tải thường hay chạy ngang qua cửa sổ nhà ăn; mỗi lần nghe tiếng động cơ, cô lại đưa mắt nhìn ra ngoài...

Đến chiều, khi đi làm về, cô mới gặp Xê-mi-ôn. Chiếc máy kéo của anh cùng rơ-moóc chất đầy những thùng gỗ màu da cam đứng cách một gian nhà xây bằng gỗ súc — mà mọi người đều gọi là «kho số 8» — chừng hai chục mét.

Căn nhà kho được bọc trong lớp hàng rào dây thép gai, một nhân viên bảo bệ mang súng trường luôn luôn đứng canh ở cổng. Na-ta-sa biết rằng đấy là kho thuốc nổ.

Một toán người đang dỡ các thùng nặng từ rơ-moóc xuống trong ánh đèn điện sáng rực và thận trọng mang chúng vào kho. Xê-mi-ôn mặc chiếc áo khoác đã cũ lắm dầu ma-dút đang lúi húi đào bới trong ổ máy của chiếc máy kéo, tay cầm đèn pin soi kỹ từng bộ phận. Rồi, không trông thấy Na-ta-sa, anh leo vào ca-bin, nhấc đệm ngồi lên, tìm gì đó trong đống sắt thép kêu loảng xoảng.

Khi trông thấy Xê-mi-ôn, tim Na-ta-sa bỗng dưng đập

mạnh. Cô ngạc nhiên, bực bội với cả chính mình và bỗng nhiên vô cớ nhớ lại câu hỏi của Gan-na tối hôm qua, cô hoàn toàn bối rối, dừng lại ngay bên cạnh ca-bin.

—A-a,—Xê-mi-ôn kêu lên, nhảy xuống đất. Một tay anh cầm cờ-lê, tay kia cầm miếng giẻ lấm dầu.—Đã về rồi cơ à? Tôi còn phải ra ga một lần nữa.

—Không sao,—cô buột miệng, và lập tức hiểu rằng mình nói một câu ngớ ngẩn. Nhưng không hiểu sao anh lại mỉm cười.—Anh chở gì đấy?

—Chở... đủ thứ. Tôi cũng không biết nữa.

«Anh ấy biết, nhưng không muốn nói... Mà cũng có thể, anh ấy không được phép nói»,—Na-ta-sa nghĩ hoàn toàn không có tí gì tự ái, và càng bối rối hơn, nói:

—Em xin lỗi anh.

—Về chuyện gì?

—Về tất cả. Về chuyện tối qua.

—Nhưng tối qua có chuyện gì mà phải xin lỗi?

Nghe những lời của anh, cô cảm thấy người lâng lâng, nhẹ nhàng. Quả thật, anh ta rất hiền, không để bụng tự ái—cô thoáng nghĩ. Cô mỉm cười và bước đi, không hiểu sao, cứ sợ trạng thái nhẹ nhàng lâng lâng đó sẽ biến mất ngay bây giờ. Nhưng nó không biến mất cho đến khi cô về đến tận nhà, nó cũng không rời cô cả khi giữa đường cô vấp phải cô gái sống ở nhà bên cạnh, hình như tên là Vê-ra I-nhi-u-chi-na thì phải.

—Mù à?—Vê-ra kêu lên, đôi mắt long lên như mắt mèo.

—Xin lỗi, tôi đang mải nghĩ.

—Nghĩ thì nghĩ, nhưng mắt phải mở to ra mà nhìn chứ.

Trước đây Na-ta-sa đã hai-ba lần trông thấy I-nhi-u-chi-na, cô ta nhìn cô rất kỳ quặc, dường như muốn định giá cô. Và có lẽ cô ta định giá không cao lắm, vì rằng mỗi lần gặp nhau, I-nhi-u-chi-na khinh bỉ mím chặt đôi môi mọng ướt và nheo nheo cặp mắt hơi dài.

Lũ trẻ—Đi-ma, An-đrây, Gan-na, cậu em của Vê-ra I-nhi-u-chi-na là Nhi-cô-lai—đang đùa nghịch, la hét ầm ĩ cạnh nhà. Khi Na-ta-sa còn ốm, mấy lần Nhi-cô-lai xuất hiện ở nhà Xa-vê-li-ép, tò mò nhìn cô đang nằm im trên giường, khịt khịt chiếc mũi quặp bị lạnh và lấy ngón tay bê bết mực



quệt ngang. Một lần, khi Na-ta-sa đã đỡ, cô hỏi tên cậu là gì.

—Tên em ấy à? Các-ca—Xô-côn,—cậu trả lời.

—Gì? Gì?

—Không gì, mà khỏe mau lên.

Na-ta-sa ngượng nghịu, và cậu bé cũng đỏ mặt, khịt mũi, biến mất, rồi từ đó không thấy sang nữa.

Bây giờ lũ trẻ đang bò lê trong tuyết, cố thắng một con chó lông xồm vào xe trượt tuyết.

—Đừng nên thế, Đi-ma, An-đrây... Nhi-cô-lai!—Gan-na the thé.—Nó đau đấy.

—Đau gì? Nó quen rồi, hiểu chưa?—Nhi-cô-lai hét to.—Hôm qua nó kéo tớ đi trượt băng đấy...

—Đúng đấy, sao các em lại làm tội nó thế?—Na-ta-sa đi đến bên, nói.

Bọn trẻ im lặng. Nhi-cô-lai, đầu gối quỳ lấp trong tuyết, ngước nhìn Na-ta-sa:

—Việc gì đến chị? Chó của chị à?

—Đừng nên thế.

—Thì tớ đã bảo rồi, đã bảo rồi mà,—Gan-na lại kêu lên the thé.

—Im đi!—Nhi-cô-lai lầu bầu, nhưng cũng thả chó ra. Con chó vui mừng vẫy đuôi bỏ chạy và mất hút vào cánh cổng vườn để ngỏ của nhà I-nhi-u-chin.

—Đừng thế, Nhi-cô-lai ạ, đừng làm tội nó nữa nhé. Em hứa đi,—Na-ta-sa nói.

—Chị đi đi!—cậu bé lầu bầu và bắt đầu quấn dây lại.

Cái trạng thái lâng lâng đến với cô ở nhà máy, suốt cả buổi tối cũng không mất đi. Nhớ lại lần gặp và những lời thô lỗ của Vê-ra, Na-ta-sa cau mày lại: «Tại sao cô ta lại luôn luôn nhìn mình như vậy nhỉ?» Nhưng rồi liền đó cô quên ngay Vê-ra và không bao giờ nhớ lại nữa.

Chiều hôm đó, An-na đang giặt áo quần. Na-ta-sa bước vào nhà, nhìn thoáng qua Phê-đô đã nằm ngủ trên giường, cám ơn An-na về chuyện áo bành-tô và nói sẽ trả tiền dần, nếu như An-na đồng ý bán.

—Đừng nói nhảm nữa,—An-na bảo.—Nếu như không mệt, cháu đem phơi giúp áo quần này lên.

Hai người đi ra sân và phơi rất lâu, lần mò trong bóng

tối, mớ áo quần ướt, lạnh như băng, tay cóng đờ lại. —Rồi Na-ta-sa giúp Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na cho đứa bé nhất ăn cháo và đặt nó vào nôi. Làm những việc này, cô càng thấy mình thêm nhẹ nhõm, và có cảm giác như cô đang đợi chờ một điều gì đó rất vui, cái niềm vui đó sẽ sắp sửa xảy ra ngay bây giờ.

Chỉ đến lúc lên giường đi ngủ, cái cảm giác trong sáng nhẹ nhàng đó mới bắt đầu bị pha trộn một sự lo lắng mơ hồ và khó hiểu. Sự lo lắng này do đâu mà có và về chuyện gì — cô không biết, nhưng Na-ta-sa mãi vẫn không ngủ được, cô nằm lắng nghe những tiếng động đang tắt dần trong ngôi nhà. Và cô càng lắng nghe bao nhiêu, sự lo lắng càng rõ, càng lớn dần bấy nhiêu. Bỗng nhiên cô nhớ lại lần gặp gỡ hôm nay của cô với Xê-mi-ôn, và cô nghĩ, tất nhiên là anh ấy biết mình đang chở «hàng» gì từ sân ga về nhà máy. Đấy, các công nhân hết sức thận trọng dỡ từng hòm màu da cam từ rơ-moóc xuống, còn anh, Xê-mi-ôn, ngày nào cũng phải chở thứ hàng đó từ nhà ga về, đường không bằng phẳng, nhiều ổ gà, xe xóc, các hòm xô vào nhau... Chở chúng có nguy hiểm không? Hai bên thành hòm... đúng, trên thành hòm người ta vẽ những hình đầu lâu đen trông thật đáng sợ!

Tim cô bỗng nhói lên, lạnh buốt. Cô lấy bàn tay xoa nhẹ lên ngực, nhưng cái cảm giác đau nhói vẫn không mất đi. «Cái gì thế này, mình làm sao thế này? Nếu người ta để anh ấy chở, thì chắc là không nguy hiểm...»

Cuối cùng, có tiếng cửa phòng ngoài kẹt mở, tiếng sàn nhà kêu cót két dưới bước chân người, tiếng Xê-mi-ôn khe khẽ:

—Hôm nay mệt quá, đứng không vững nữa. Mà máy kéo lại còn trục trặc thế nào ấy.

—Con có ăn tối không?—mẹ anh hỏi.

—Nếu có gì nóng, cho con một tí.

Chỉ vừa nghe thấy giọng nói của Xê-mi-ôn, cảm giác đau nhói ở trong tim Na-ta-sa lập tức biến mất, sự lo lắng cũng tan ngay, và người cô trở nên nhẹ nhõm, lâng lâng. Nhưng tất cả những cái đó bỗng làm cho cô giật mình hoảng hốt, cô ngồi phắt dậy trên giường. Trong ngực nghe nóng ran, như không đủ không khí. «Cái gì với mình thế này? Anh

ấy là gì với mình?» — mấy từ này không hiểu từ đâu hiện ra cứ vang lên một cách vô nghĩa trong đầu. Cô từ từ ngả người nằm xuống, — đúng hơn, cô muốn nằm xuống, nhưng chiếc giường dưới lưng cô bỗng biến đâu mất, và cô bắt đầu rơi, rơi mãi, rơi mãi vào một nơi nào đó không cùng...

* * *

Có những giấc mơ giống như sự thật, và có những sự thật chẳng khác gì trong chiêm bao...

Và Na-ta-sa không hiểu điều đó bắt đầu từ bao giờ. Vào cái đêm khi cô ngồi trên giường và nghe những tiếng vang ngân mãi trong đầu: «Anh ấy là gì với mình?» Hay là vào một ngày trước đây, khi Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na nói với cô: «Xê-mi-ôn của nhà này đã chấm rồi đấy...» Hay là khi bên tai cô vang lên giọng thì thầm bí mật và xấu hổ của Gan-na: «Chị Na-ta-sa, chị đã bao giờ... hôn chưa?»

Mà cũng có thể, điều đó bắt đầu từ mấy ngày sau đó, khi Na-ta-sa đón nhận quyển hộ chiếu được đưa ra cho cô từ một cửa sổ hẹp, nhìn lướt qua ba chữ được viết bằng mực đen rất đẹp, rõ ràng: «Mi-rô-nô-va Na-ta-li-a A-lếch-xan-đrốp-na», ngửi thấy mùi giấy mới thơm ngọt, bước ra khỏi đồn công an, người lảo đảo như say rượu?

Không ai, không ai trên đời này có thể nói cho cô biết được điều đó bắt đầu từ bao giờ. Mà như thế cũng chẳng sao...

* * *

Trên đường đi nhận hộ chiếu, cô vừa đi vừa sợ rằng ở đồn công an, ngay trong phút cuối cùng, lại có người nào đó nghĩ lại, thay đổi ý định và không cấp hộ chiếu cho cô nữa. Nhưng một người phụ nữ trẻ đẹp mặc áo quần công an im lặng chìa sổ cho cô ký nhận, rồi cũng im lặng trao cho cô một quyển hộ chiếu nhỏ màu xám nhạt. «Tất cả những cái này đều do bác ấy, bí thư huyện ủy Cru-gi-lin... Bác ấy lo cho mình được nhận vào làm việc, cho nên ở đây không ai hỏi gì mình, cấp ngay hộ chiếu chỉ dựa theo lời khai của mình! Nếu như

không có bác ấy...» – trên đường về, cô vừa đi vừa cảm động nghĩ.

Bỗng nhiên cô thấy dưới hàng cây chiếc ghế dài, nơi cô đã ngồi một tháng trước đây trong buổi sáng ảm đạm, lạnh lẽo. Cô đã ngồi ở đây mà không biết sẽ phải làm gì. Rồi lão Ê-li-da-rốp đáng căm ghét đi đến, sau đó I-u-ri xuất hiện, nói ba hoa một lúc rồi chạy đi, và cô bỗng hiểu rõ là cần phải đi ra cuối làng, nơi có những bụi cây rậm, chui vào thật sâu, để không ai có thể tìm thấy cô. Có lẽ cho đến tận mùa xuân sẽ không ai tìm thấy cô, mà có thể qua cả mùa hè nữa cũng không ai đến đấy, và thế là không ai trên đời này biết cô biến đi đâu mất, không ai còn nhớ là cô, Na-ta-sa, đã từng sống, trên trái đất này... Nhưng rồi *anh ấy* xuất hiện... Anh ấy xuất hiện, đầu tiên là ở nhà Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va, rồi sau đó ở đây, cạnh chiếc ghế dài này...

Đôi chân bỗng không chịu theo sự điều khiển của Na-ta-sa nữa, trở nên nặng trịch, mắt tối sầm lại. Không còn trông thấy gì trước mắt nữa, cô lảo đảo, ngã ngồi xuống ghế...

Xung quanh là bóng đen, nhưng ý thức vẫn làm việc rất rõ ràng, và bây giờ Na-ta-sa biết rằng đầu tiên là anh ấy, Xê-mi-ôn, rồi sau đó mới xuất hiện Cru-gi-lin và những người khác. Và nếu như không có anh ấy xuất hiện đầu tiên, thì sẽ không có chuyện Cru-gi-lin và tất cả những người khác — cả giám đốc nhà máy An-tôn Xa-vê-li-ép, cả Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, cả An-na, cả phu trách nhà ăn Ru-phi-na I-va-nốp-na — sẽ không có ai cả.

Xung quanh là bóng đêm. Nhưng Na-ta-sa biết rằng đó chỉ là vì cô đang ngồi nhắm mắt. Chỉ cần bây giờ cô mở mắt — là bóng tối lập tức biến mất, ánh mặt trời chói chang và màu tuyết trắng tinh khiết sẽ đập vào mắt. Và có lẽ... và có lẽ cô sẽ trông thấy anh ấy, Xê-mi-ôn...

Xê-mi-ôn thì cô không trông thấy, chỉ có bóng tối thì quả nhiên biến mất.

Buổi sáng êm ả, trời không mây, hơi lành lạnh, tuyết vui vẻ lạo xạo dưới chân của lũ trẻ mang xắc, mang cặp chạy đến trường. Cả người lớn cũng đi ngang qua, nhưng bây giờ không ai để ý đến Na-ta-sa. Trên đầu cô, những cành cây trụi lá phủ đầy tuyết, từ ống khói của ngôi nhà đứng đối diện,

một cột khói, cũng trắng muốt và tinh khiết như tuyết trên mái nhà, bốc thẳng đứng lên trời. Phía sau cột khói, phía sau những mái nhà, là những đỉnh núi đá trắng bạc màu tuyết phủ của dãy Dve-nhi-gô-ra chọc thẳng vào bầu trời trong vắt. Na-ta-sa nhìn lên tất cả những cái đó và cảm thấy nước mắt ứa ra vì cái màu tuyết chói chang, cảm thấy từng giọt nước mắt âm ấm chảy xuôi theo đôi má lạnh cóng. Và cô còn cảm thấy rằng bây giờ, khi cô mở mắt ra, không chỉ xảy ra cái quá trình chuyển từ bóng tối sang ánh sáng rất quen thuộc đối với mỗi con người, mà đã xảy ra một cái gì đó phi thường, bí ẩn, không thể khám phá ra được, nó xảy ra không phải ở xung quanh, bên ngoài cô, mà ở chính ngay trong người cô. Nhưng đó là cái gì — cô không bao giờ và không bằng từ ngữ nào có thể giải thích được. «Đấy chính là anh ấy, Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn», — cô nghĩ không ngớt trong đầu...

Na-ta-sa không nhớ mình về đến nhà ăn như thế nào. Trên đường, nhiều người gặp cô, ngạc nhiên ngoái lại nhìn theo cô, nhưng Na-ta-sa không nhận thấy gì cả.

— Sao thế? Cháu sao thế? — Ru-phi-na I-va-nốp-na, đang làm thay cho Na-ta-sa khi cô đi nhận hộ chiếu, trông thấy cô liền lo lắng hỏi: — Trông cháu như người mất hồn. Họ không cấp cho à?

— Đấy chính là anh ấy, Xê-mi-ôn, — Na-ta-sa nói một câu vô nghĩa.

— Cái gì? Xê-mi-ôn nào?

— Đây này, — cô thốt lên và chìa quyển hộ chiếu ra.

— Nhờ trời thế là tốt rồi, thế là tốt rồi, — Ru-phi-na I-va-nốp-na lặp đi lặp lại mấy lần.

... Một lúc lâu, Na-ta-sa im lặng mang thức ăn đến bàn mà không phân biệt được là cho ai. Mấy lần cô đặt xuống bàn một người nào đó hai bát xúp thay cho món thịt ninh, và thường xuyên quên bánh mì. Cuối cùng, cô vấp ngay ở chỗ bằng phẳng, đánh rơi hai đĩa thức ăn đầy...

Ru-phi-na I-va-nốp-na đưa Na-ta-sa vào bếp, vào phòng làm việc của bà được ngăn ra bằng một bức vách nhỏ. Ở đó có một chiếc giường sắt phủ bằng tấm chăn xám.

— Cháu sao thế, Na-ta-sa? Ốm à?

— Cháu không biết nữa.

—Nằm xuống đây, nghỉ đi. Bác sẽ thay cháu mang thức ăn cho họ.

Na-ta-sa nằm sau bức vách cho đến tận chiều, nghe tiếng ồn ào ngoài gian nhà bếp, tiếng bát đĩa chạm nhau lách cách, tiếng cười đùa vô tư của các cô cấp dưỡng trẻ. Chỉ sau ba—bốn tiếng đồng hồ qua mà trông cô thay đổi hẳn: đôi mắt đen như than trũng sâu xuống, long lanh như trong cơn sốt, với những quầng xanh xung quanh, mũi nhọn ra, má tóp xuống, cả khuôn mặt hốc hác. Phụ trách nhà ăn bước vào và ngạc nhiên vung tay lên trời:

—Cháu đúng là ốm thật rồi!

—Không đâu ạ,—Na-ta-sa lắc mái đầu rối bù. Và cô khẽ hỏi:—Bác Ru-phi-na ơi, bác có biết anh Xê-mi-ôn Xa-vê-li-ép không?

—Xê-mi-ôn? Hượm nào, có phải cái cậu tóc màu bạch kim không? Con của Phê-đô, thợ máy gặt liên hợp chứ gì?

—Vâng, anh ấy. Cháu không biết từ đâu và tại sao anh ấy xuất hiện trong đời cháu... Nhưng cháu yêu anh ấy.

Cô nói, vẫn nằm trên giường, mắt nhìn lên trần nhà không chớp. Ru-phi-na I-va-nốp-na đứng cạnh giường, ngạc nhiên trước những lời thú nhận của Na-ta-sa.

—Và anh ấy, bác Ru-phi-na I-va-nốp-na ạ, cũng yêu cháu.

—Thì ra như vậy đấy. Nhưng sao lại thế được? Bác nghe nói hình như cậu ta đã chuẩn bị cưới Vê-ra I-nhi-u-chi-na kia mà...

Na-ta-sa nghe rất chăm chú và hiểu ngay ra tất cả. Nhưng điều này hoàn toàn không làm cho cô thất vọng, lo lắng tí nào.

—Có thể trước đây anh ấy đã muốn thế, còn bây giờ thì yêu cháu. Cháu biết,—cô nói khẽ nhưng tự tin. Và trong sự tự tin này có một sức mạnh và sự thật kỳ lạ nào đó mà người đàn bà đứng tuổi này không hiểu nổi.

—Nhưng sự việc nó ra sao? Các cháu kịp như vậy bao giờ thế?

—Chúng cháu đã kịp cái gì đâu. Chúng cháu còn chưa gặp nhau lần nào.

Ru-phi-na I-va-nốp-na hoàn toàn ngơ ngác, sợ hãi nhìn Na-ta-sa.

—Hượm nào, hượm nào... Thế thì làm sao cháu khẳng định được như vậy? Cháu thì không nói nữa, nhưng còn cậu ấy?

—Cháu không khẳng định, nhưng cháu biết điều này qua đôi mắt anh ấy... Nếu được, bác Ru-phi-na I-va-nốp-na, cháu sẽ đến gặp anh ấy ngay bây giờ. Cháu cần phải đi, cháu không thể không đi gặp anh ấy được. Bác cho phép cháu đi ngay giờ nhé, anh ấy đang đợi...

—Cháu có còn bình thường nữa không đấy?! Anh ấy đợi cháu ở đâu?

—Ở ngay đây, trong nhà máy này. Anh ấy đã đến đây, cháu biết, cháu cảm thấy thế...

Và không nói một lời nào thêm, cô đứng dậy, mặc quần áo và đi ra cửa.

Na-ta-sa chậm chạp đi qua sân nhà máy, đầu cúi thấp, không để ý đến mọi người đang chạy đi chạy lại xung quanh những dãy nhà xây dở, đến tiếng la hét ồn ào, đến tiếng động cơ của những cỗ máy đang làm việc giữa bốn bức tường nhà còn chưa lợp mái, đến tiếng sắt thép loảng xoảng, tiếng những thanh gỗ ván ném từ trên cao xuống ầm ầm, tiếng còi ô-tô vận tải đủ giọng. Cô đi vòng qua những đống sắt thép bị uốn cong queo, những núi xỉ còn bốc khói, những bãi cát vàng còn chưa bị tuyết phủ hết, những đống gạch vỡ ngổn ngang. Cô bước đi theo tiếng gọi của một sức mạnh vô hình, khó hiểu nào đó. Ru-phi-na I-va-nốp-na, trong bụng hết sức lo lắng, đi theo sau, cách cô chừng mười hai—mười lăm bước, khi thì dừng lại, khi rảo bước nhanh hơn để khỏi mất hút bóng cô gái.

Na-ta-sa dừng lại lần đầu tiên ở cạnh cổng kho số 8. Sau hàng rào dây thép gai vắng lặng, chỉ có một người mặc áo lông cừu vàng, súng trường khoác ngang vai đang đi lại. Na-ta-sa khẽ nhíu lông mày, cúi đầu bước đi tiếp.

...Cô tìm thấy Xê-mi-ôn ở góc xa nhất của địa phận nhà máy, nơi một đám đàn ông và phụ nữ đang dùng cuốc chim đào đống đất đã đóng băng cứng như đá, ném những cục nặng lên thùng một chiếc xe tải đứng cạnh đó. Xê-mi-ôn ngồi trong buồng lái, đầu gục xuống vô-lăng, không hiểu đang ngủ hay đang suy nghĩ điều gì. Rồi anh bỗng ngẩng nhanh đầu lên, nhìn thấy Na-ta-sa đang đi đến, nhảy xuống xe.

— Em biết thế nào anh cũng đang ở đây... là em sẽ tìm thấy, — Na-ta-sa nói và nhìn thẳng vào mắt anh.

— Anh đã ba ngày nay phải lái xe tải này — Xê-mi-ôn nói, như thanh minh điều gì. — Máy kéo đang còn phải sửa chữa.

— Xe nào mà chịu nổi cái việc khổ sai này! — một người đàn bà mặc áo bông vá, đi ủng lao động đã vẹt gót, cau có càu nhàu. — Xe nó có phải người đâu. Đấy rồi đấy, đi đi.

— Na-ta-sa đấy à? — từ sau xe, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na bước ra, hai tay cầm một chiếc xẻng to tướng. — Cháu làm gì ở đây, Na-ta-sa?

— Vì rằng cháu biết... — Na-ta-sa nhìn người đàn bà mặc áo bông vá, nhìn Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, nhìn đống lửa bên cạnh nhóm bằng những mẩu ván thừa và thùng gỗ hỏng.

Một đám người đi đến bên đống lửa, chìa tay ra sưởi, trong đó có cả Ru-phi-na I-va-nốp-na, Na-ta-sa, không hiểu để làm gì, gật đầu như chào bà, rồi bước lên cửa buồng lái, ngồi vào ca-bin. Qua tấm kính dày, cô nhìn lại một lần nữa đám người bên đống lửa. Mọi người đứng bất động và đều nhìn về phía cô. Na-ta-sa mỉm cười với họ và họ dường như cũng chỉ chờ có vậy, vì rằng tất cả bỗng nhiên biến đi đâu mất. Cả đống lửa cũng biến mất, trước mắt Na-ta-sa bây giờ thấp thoáng những bức tường gạch màu vàng, tuyết hai bên đường lẫn bùn đất, một hàng rào bằng dây thép gai, rồi sau đó là những mái nhà phủ đầy tuyết trắng, những cành cây trụi lá mang màu xanh thẫm của hoàng hôn đang kéo về, những bức tường bằng gỗ ghép, những cánh cửa sổ — màu xanh lam, màu hồng, màu lục... Tất cả bay ngược trở lại, như đe dọa sẽ xô ngã, đè bẹp, lấp kín cô dưới một đống những mảnh vỡ, nhưng chúng không xô ngã, mà chỉ bay ngang qua, làm cho hoa mắt, chóng mặt.

— Dừng lại, dừng lại! — cô kêu to, túm lấy người Xê-mi-ôn. Nhưng chỉ vừa chạm tay đến vai anh, cô rụt lại như bị điện giật, ngồi lùi tít vào trong góc ca-bin.

Xê-mi-ôn dừng xe lại, quay về phía cô:

— Na-ta-sa...

— Anh... có biết là em bây giờ đến không? — đôi môi khô bóng của cô hầu như không mấp máy.

— Không... Nhưng anh muốn là em sẽ đến. — Đôi mắt

anh ánh lên những tia sáng khô, hai tay bóp chặt vô-lăng như muốn bẻ gãy nó ném ra ngoài ca-bin.

Những lời của anh như gõ trống vào tai cô, làm cho cô không hiểu được nghĩa của chúng. Nhưng rồi cô vẫn đoán ra.

—Anh Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn... —cô thì thào, úp khuôn mặt nóng hổi vào vai anh. Nhưng rồi cô lại lùi ra tận góc, hét to, gần như với một giọng thù địch: —Để cho em xuống! Mở cửa ra...

Xê-mi-ôn, cố không chạm phải người cô, vươn tay ra mở cửa xe. Na-ta-sa liền nhảy ngay xuống tuyết, bỏ đi thẳng. Xê-mi-ôn cũng bước xuống xe. Cô bỗng dừng bước, rồi quay trở lại, lúc đầu còn chậm chạp, nhưng sau mỗi lúc một nhanh hơn, nhanh hơn. Chạy đến, cô im lặng, gục đầu vào ngực anh, ghì chặt, vẻ yếu đuối, bất lực. Cô không nói gì, và Xê-mi-ôn cũng vậy...

Rồi Na-ta-sa ngẩng đầu, nhìn thẳng vào mắt anh. Có lẽ, cô đã nhìn thấy trong anh đúng điều cô muốn thấy. Na-ta-sa mỉm cười và lặng lẽ bước đi, khuất vào ngõ nhỏ bên cạnh.

* * *

Giấc mơ đó bắt đầu vào những ngày cuối tháng Giêng, kéo dài suốt tháng Hai, đã trở nên ấm áp và nhiều bão tuyết; cuối tháng đó đã xảy ra một chuyện bi thảm.

Đối với Na-ta-sa, mỗi ngày mới bắt đầu và kết thúc bằng một tên gọi, bằng một âm thanh tinh khiết như tuyết đầu mùa — Xê-mi-ôn. Sáng ngủ dậy, đó là từ đầu tiên cô nghe thấy. Và cũng trong tiếng ngân vang của từ đó, cô mỉm cười, thiếp đi; trong giấc ngủ nụ cười đó vẫn đọng trên đôi môi đẹp mọng ướt, chưa một lần hôn của cô.

Mối tình đầu đến với cô một cách bất ngờ, không báo trước, như trận mưa rào đột ngột ập đến cánh đồng khô héo, nứt nẻ vì gió nóng và lửa mặt trời thiêu đốt. Tâm hồn Na-ta-sa đã bị giày vò đến tột độ, đã hóa đá, giờ đây sảng khoái, khao khát và tin cậy mở tung ra đón nhận những điều tốt lành, ấm áp.

Vào một đêm trăng bàng bạc giữa tháng Hai, họ xem phim về, bước chầm chậm dọc theo con đường làng phủ đầy tuyết

mịn. Một đoàn con gái cũng đi xem về đuổi kịp họ, rồi đi vượt lên. Từ bốn phía lúc đầu vang lên tiếng cười nói đủ giọng, sau tất cả im lặng, và trên đường chỉ còn lại hai người.

Hôm nay ở câu lạc bộ chiếu hai bộ phim tài liệu: «Cuộc diễu binh tại Quảng trường Đỏ ở Mát-xcơ-va ngày mồng 7 tháng 11 năm 1941» và «Các bạn gái, ra mặt trận!» Trên đường đến câu lạc bộ, Xê-mi-ôn luôn miệng cười đùa. Khi đèn tắt, anh liền tìm tay cô trong bóng tối, nắm chặt, rồi bỗng bỏ ra. Sau mỗi cuốn phim, đèn lại bật sáng, nhưng Xê-mi-ôn vẫn cau có nhìn lên màn ảnh. Cho đến cuối buổi chiếu, anh không nói lời nào, và bây giờ vẫn im lặng.

Hai người im lặng đi ngang qua nhà. Trời bỗng đột nhiên đổ tuyết.

—Xê-mi-ôn, anh sao thế?—cuối cùng, cô dừng lại hỏi. Ánh sáng từ cửa sổ của ngôi nhà bên cạnh chiếu thẳng vào mặt Na-ta-sa, và anh thấy trong mắt cô những tia lo lắng đang lấp lánh, tuyết bám vào đôi lông mày rướn cao.

Chưa bao giờ anh chạm tới mặt cô, còn lần này anh bỗng đưa cả hai tay ra ôm lấy má cô. Cô nắm lấy tay anh nhưng không hất ra. Những tia sáng trong mắt cô càng cháy to hơn.

—Anh yêu em,—Xê-mi-ôn thì thầm nói.—Nhưng anh lại sắp đi. Ra mặt trận. Anh không thể... Ở phòng quân vụ người ta đã hứa với anh. Có lẽ mùa xuân tới...

—Thế thì đã sao!—Na-ta-sa kêu lên.—Em biết rồi. Em sẽ đợi anh, anh muốn bao nhiêu cũng được! Dù suốt đời! Còn từ giờ đến mùa xuân còn lâu, còn lâu...

Khi hai người chậm chạp quay trở lại nhà, họ vẫn im lặng. Xê-mi-ôn có cảm tưởng như Na-ta-sa đang day dứt nghĩ về một điều gì lung lắm và hình như đang có điều gì phê phán anh.

—Thế anh đã... yêu bao giờ chưa?—khi họ dừng lại bên thềm, cô bỗng hỏi.

—Anh không biết nữa,—anh đáp.—Đấy, trong nhà này có cô gái tên là Vê-ra I-nhi-u-chi-na. Anh với cô ta đã có... quan hệ với nhau. Và trước đây anh tưởng rằng anh yêu cô ta, nhưng sau hiểu ra rằng không phải. Cô ta không có cái gì để yêu cả.

—Chẳng lẽ người ta yêu nhau vì cái gì à?

—Chứ còn sao nữa?

— Thế anh yêu em vì cái gì?

Anh im lặng, không biết trả lời ra sao.

— Đấy là nói chung... Điều này khó có thể trả lời ngay lập tức được.

— Tại sao anh không bao giờ hôn em cả? — cô nói nhanh bằng một giọng xa lạ hẳn đi. Đôi mắt cô mở to, tròn xoe, đẫm nước. Cô ngẩng đầu mỗi lúc một cao, ngả ra phía sau, bước đến sát bên anh, thở hắt ra: — Anh Xê-mi-ôn!

Anh kịp đỡ lấy cô trước khi cô ngã xuống. Anh hôn cô, lúc đầu vào cạnh tai, sau đó vào cạnh mũi, và cuối cùng vụng về tìm đôi môi khô mím chặt của cô. Nhưng khi anh vừa chạm tới chúng, cô khẽ rên lên, xô anh ra, chạy lên thềm nhà, gõ mạnh vào cửa.

— Na-ta-sa... đợi anh một tí...

— Anh đi đi! Anh im đi! Anh đi đi, im đi!... — cô nhắc đi nhắc lại mãi không ngớt, tay đấm ầm ầm vào cửa.

— Mở ngay bây giờ đây... Ai ngoài đó? — An-na hỏi ra.

— Na-ta-sa! — Xê-mi-ôn lại nói, khi cửa mở ra. — Mẹ vào đi, để...

— Anh... anh đi đi! — Na-ta-sa kêu to lên với anh.

— Có chuyện gì vậy? — An-na lo lắng hỏi. — Đi vào nhà đi.

Xê-mi-ôn, không nói thêm lời nào, bước vào nhà. Còn Na-ta-sa, đứng ngay ở hiên nhà, gục đầu vào bờ vai ấm của mẹ anh, nặng nề khóc nấc lên như bị ai làm nhục khủng khiếp.

— Cháu sẽ không đợi chờ anh ấy đâu! Cháu không chờ đâu, cháu không thể! Cháu sẽ cùng anh ấy ra mặt trận, vào lửa đạn, vào cái chết — muốn đi đâu cũng được! Cô An-na ơi...

— Nào, nào... — An-na bối rối nói, một tay đỡ lấy người cô. — Vào nhà đi, cô không mặc áo.

An-na dẫn cô vào nhà bếp tối đen. Phê-đô trở mình trên chiếc giường của mình, gầm gừ trong cổ.

— Có chuyện gì thế? — ông khẽ ho, lên tiếng hỏi, bật đèn lên. — Gì mà ồn lên thế, tôi hỏi.

— Anh ngủ đi, không có gì đâu, — An-na nói và dẫn Na-ta-sa ra khỏi bếp vào phòng cô.

Vào đến phòng, không bật đèn lên, An-na im lặng cởi áo ngoài cho Na-ta-sa đang thút thít khóc, im lặng giúp cô nằm

xuống giường cạnh cô bé Gan-na đã ngủ say, lấy một chiếc ghế đẩu đến ngồi bên cạnh. Từ phòng bên, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na ngó đầu vào hỏi có cần gì không. Trên lò sưởi, bà Phê-nhi-a lẩm bẩm một câu gì đó.

— Không cần gì cả đâu, tất cả đi ngủ đi, — An-na nói, tay vuốt ve lên đôi vai gầy khẽ run run của Na-ta-sa. — Và cháu cũng ngủ đi, ngủ đi.

Na-ta-sa cầm lấy tay An-na, áp chúng vào má mình.

— Con yêu anh ấy, con yêu!..

— Con đã nói rồi, mẹ biết, — An-na thở dài, không rút tay về.

Quả thật Na-ta-sa đã nói rõ điều đó với tất cả mọi người ngay vào cái ngày tháng Giêng hôm đó, khi cô nhận hộ chiếu về, khi cô tìm Xê-mi-ôn ở nhà máy và cùng đi với anh. Chia tay với Xê-mi-ôn, rất lâu, có lẽ phải đến mấy tiếng đồng hồ, cô đi lang thang khắp thị trấn San-ta-ra, đầu không nghĩ về chuyện gì cả, về đến nhà lúc đã rất khuya. Phê-đô, An-na, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na lúc đó đang ở trong nhà bếp, nói với nhau một điều gì đó, thấy cô về, họ liền im lặng, ngoảnh lại nhìn cô. Trong một giây nào đó, cô bỗng nổi cáu, mất hết bình tĩnh, nhưng cô liền lắc mạnh đầu và nói to:

— Gì mà các bác nhìn thế? Vâng, vâng, cháu yêu anh ấy!

Và trong sự im lặng tuyệt đối, cô đi qua bếp như đi qua hàng quân. Cô nhìn thấy đôi mắt lo lắng sợ hãi của An-na, cái nhìn giễu cợt của Phê-đô, vẻ mặt như người có lỗi của Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na. Cô còn nhận thấy rằng không hiểu vì sao Phê-đô lấy tay giật giật bộ ria mép, và có lẽ vì cậy mà mặt ông đỏ ửng lên.

Sau lần đó, bao giờ ông ta cũng nhìn cô bằng cặp mắt nheo nheo giễu cợt, vẻ tò mò và thường hay giật giật bộ ria mép. Còn An-na như trở nên nghiêm khắc hơn, có vẻ như không bằng lòng một điều gì đó, thường im lặng và chăm chú nhìn Na-ta-sa từ đầu đến chân, nhưng cho đến hôm nay vẫn không nói một lời nào.

Và bây giờ bà ngồi cạnh giường cô, thỉnh thoảng lại thở dài.

— Sao mẹ lại thở dài như thế? — Na-ta-sa hỏi. — Chẳng lẽ con không nên... Và anh ấy cũng...

—Không, con người yêu nhau là tốt thôi,—An-na nói trầm ngâm.—Nhưng bây giờ lại còn đang chiến tranh.

—Thì việc gì đến con? Thì việc gì đến chúng con?!

—Thế đấy. Tình yêu không biết đến chiến tranh... hay nói chung, đến cả thế giới xung quanh đang đảo lộn lên... Tình yêu đến—và chỉ thế thôi. Chỉ có điều sau đó là đau khổ. Ôi, sau đó thường bao nhiêu là đau khổ!

Na-ta-sa không hiểu mẹ Xê-mi-ôn nói với cô như vậy là để làm gì, với mục đích nào.

—Thế mẹ không muốn để con và Xê-mi-ôn...

—Không phải thế đâu,—An-na nói và nhẹ nhàng khẽ rút tay về.—Mẹ vẫn nghĩ, Na-ta-sa ạ... Thỉnh thoảng mẹ tưởng tượng ra hạnh phúc của con người là một khu vườn buổi sáng, hay đúng hơn là tiếng chim ở trong khu vườn đó. Tiếng chim hót khắp nơi, rất nhiều, trên cành cây nào cũng có. Nhưng vừa đi đến nơi—con chim liền im tiếng. Vừa mới có đấy—và bây giờ không. Không bắt được nó. Xung quanh, rất gần, cái hạnh phúc đó vẫn ngân vang khắp nơi, nhưng trước mặt chỉ là một cành cây trống không đang đung đưa trước gió.

Na-ta-sa nằm im lặng.

—Con không hiểu, tại sao lại không, khi mà nó có? Nó có!

—Trời ơi, sao tôi ngu ngốc đến thế!—An-na như chợt tỉnh, đứng lên.—Thôi, ngủ đi. Sau ta sẽ nói chuyện nữa.

Rất lâu Na-ta-sa không thể ngủ được, cô nằm nghĩ về một điều gì đó chưa rõ ràng. Rồi sau cô mơ thấy cái khu vườn tràn trề ánh nắng ban mai với tiếng chim ca đủ giọng, cô nhìn thấy trên cành cây trước mặt một con chim lạ, rất đẹp, lông cánh sặc sỡ màu ngọc bích. Nhưng khi Na-ta-sa đi đến bên cạnh, chìa tay ra, con chim liền quay chiếc đầu nhỏ có mỏ hồng hồng lại, nheo nheo đôi mắt giống hệt như mắt của cha Xê-mi-ôn và vụt bay mất, để lại cành cây trống đung đưa...

...Buổi sáng, cô đi làm việc với vẻ mặt cau có, nặng nề, đôi môi thỉnh thoảng lại mím chặt cáu kỉnh. Ở cổng ra vào nhà máy cô như chợt tỉnh bởi tiếng động cơ gầm rú, trông thấy máy kéo của Xê-mi-ôn từ trong cổng đi ra. Cô liền chạy bổ tới, suýt nữa thì ngã ngay xuống dưới xích xe.

—Em điên à?—Xê-mi-ôn hét to nhảy từ ca-bin xuống đất.—Em làm cái gì thế?

Giờ đi làm, ở cửa ra vào nhà máy cả một đám đông. Na-ta-sa chạy đến, ôm chầm lấy anh.

—Tại sao lại không, khi nó có ở đây?—cô thì thầm những lời chỉ đủ cho anh nghe thấy, rồi lùi lại, rẽ vội đám người, chạy khuất vào sau cổng.

Tất cả sự việc chỉ diễn ra trong vòng mấy giây. Xung quanh vang lên những tiếng kêu ngạc nhiên, có người phá ra cười, còn một thanh niên nào đó cho hai ngón tay vào miệng huýt gió váng tai, đây đó có cả những câu đùa cợt nhả. Xê-mi-ôn quay người, bước đến bên máy kéo.

—Xê-mi-ôn!

—Cái gì?—Xê-mi-ôn thấy I-u-ri đứng trước mặt mình, mắt nhìn có vẻ lo lắng.

—Khoan đã nào... Vừa rồi tớ nhìn thấy cái gì đấy?

—Anh nhìn thấy cái mà anh nhìn thấy.

Xê-mi-ôn nhảy lên buồng lái. Chiếc máy kéo rú lên, chuyển bánh. I-u-ri đứng ngơ ngác nhìn theo cỗ máy đang đi xa dần.

—Này, con ngựa đực San-ta-ra, đấy là cậu khoe về con bé này đấy à?—một anh thanh niên mặt rỗ, mũi tẹt hỏi I-u-ri, gật đầu chỉ về phía cổng, nơi Na-ta-sa vừa đi khuất.

—Con ngựa kia chắc còn cứng vó hơn nên mới thắng,—một giọng nói khàn khàn rít lên.—Đáng lẽ phải ra mặt trận đánh nhau với thằng Đức, chúng lại giỡn nhau với đàn bà ở đây.

—Đây chính là tớ, A-ga-phôn!—I-u-ri thốt lên ngạc nhiên, như thể tất cả những gì anh trông thấy, đến giờ anh mới hiểu ra...

Còn Na-ta-sa bây giờ như sống trong một giấc chiêm bao, trong một làn sương mù dày đặc, lung linh, ở nhà, ngoài đường, ở nhà máy, những khuôn mặt cứ thấp thoáng trước mắt cô như ẩn như hiện.

Một lần, giám đốc nhà máy, Cru-gi-lin và Khô-khơ-lốp cùng đến nhà ăn ăn trưa.

—A, chào cô, chào cô Na-ta-sa!—Khô-khơ-lốp vui mừng kêu to.—Thế nào, nghe nói hình như mọi việc đều tốt đẹp cả phải không?

— Ôi, mọi việc, mọi việc đều tốt cả ạ, — Na-ta-sa bối rối đáp.

— Tôi rất vui, rất vui, — anh đưa cả hai tay ra lắc tay cô. Qua vai anh, Na-ta-sa trông thấy mái đầu bạc của Cru-gi-lin, khuôn mặt mệt mỏi của Xa-vê-li-ép. Cru-gi-lin đang trầm ngâm giở cuốn sổ tay, còn Xa-vê-li-ép ngồi nhìn Khô-khơ-lốp và Na-ta-sa, ánh mắt ông hiền hậu, mặc dù nét mặt ông có vẻ nghiêm khắc, cau có, dường như ông không bằng lòng với những điều trông thấy.

Khô-khơ-lốp hệt như một quả cầu tròn nặng nề lăn đến bên bàn, nói :

— Vâng, vâng... Rất ít, đôi khi chỉ cần rất ít để cứu sống một con người. Cả một con người!

— Với một điều kiện không thể thiếu được: nếu như con người đó cũng muốn được cứu sống, — Xa-vê-li-ép nói.

Cru-gi-lin ngẩng đầu, gấp quyển sổ tay lại. Ông như lắng nghe một điều gì đó, rồi nói :

— Để muốn được, trước hết con người phải hiểu rằng mình sẽ chết. Và vì sao chết, chết vì bệnh gì? Và điều này thường là khó nhất, hết sức khó. Đôi lúc đến không thể làm được.

Và dù cho Na-ta-sa có hồi hộp đến mấy, những lời trên vẫn cứ in sâu vào đầu óc cô — có lẽ vì rằng, trong khi nhận xúp và thịt ninh mang đến cho mọi người, cô vẫn lắng nghe xem những người này nói gì về cô. Nhưng họ không nói về cô nữa, mà về I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, cái người có vết sẹo trên má mà cô trông thấy ở phòng làm việc của Cru-gi-lin, về cựu chủ tịch ủy ban Pô-li-pốp vừa xin ra trận. Trong câu chuyện của họ, cô bỗng nghe nhắc tới tên «Phê-đô», «I-u-ri», «I-van», và cô càng cố lắng tai nghe hơn.. «I-u-ri làm sao? I-van và Phê-đô nào? Anh em với giám đốc nhà máy ấy à?» Nhưng liền lúc đó, một toán người bước vào, và cả phòng ăn lập tức ồn ào, đầy tiếng người.

Một lần, Na-ta-sa gặp Ê-li-da-rốp trên đường.

— A-a, — hắn kêu to, đôi mắt đẹp nhìn cô hằn học. — Vì cô mà người ta giáng Ê-li-da-rốp làm lính trơn đấy, suýt nữa thì phải ra mặt trận. Nhưng, cuộc đời thường lúc rộng, lúc hẹp. Nhớ lấy.

Na-ta-sa đi ngang qua. Cô không hề sợ những lời của hắn,

cũng không sợ chính hắn. Lần gặp hắn chỉ làm cho Na-ta-sa nhớ đến Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va, đến Gvô-dơ-đi-ép, đến gã Du-bốp cao lớn, đến Ma-ca Cáp-ta-nốp. «Không biết bây giờ chúng ở đâu? Việc gì đã xảy ra với chúng?»

Chiều hôm đó, Na-ta-sa đem chuyện này ra hỏi Xê-mi-ôn. Họ cùng nhau đi từ nhà máy về, không hẹn trước, cùng rẽ vào góc sân nhà mình, đến bên vựa cỏ khô có mái che đứng cạnh gian nhà ngang để dụng cụ gia đình. Xê-mi-ôn im lặng ôm lấy Na-ta-sa, vội vã và khao khát tìm đôi môi cô.

Rồi Xê-mi-ôn dùng nạng dọn một khoảng trống cạnh bức tường gian nhà ngang, và họ ngồi xuống chiếc hố lạnh bốc mùi cỏ thơm thơm. Vì hương cỏ đồng khô ngây ngất, vì những chiếc hôn của Xê-mi-ôn, đầu Na-ta-sa nghe choáng váng, trong ngực tim đập gấp, mạnh.

— Chúng đang ở đâu à? Đang ngồi tù, — anh đáp. — Sắp tới người ta sẽ xử. — Anh im lặng một lúc, rồi bỗng nói khẽ: — Cái gã... Ma-ca Cáp-ta-nốp này... là cậu của anh đấy.

— Anh bảo sao? — Na-ta-sa cười hỏi.

— Hắn là em trai của mẹ anh.

— Sao lại em trai? Em trai nào?

— Em trai bình thường... Như người khác.

— Tại sao lại thế? Hắn ta là kẻ cướp mà?

Xê-mi-ôn nghe rõ Na-ta-sa đang thở ngắt quãng.

— Thế đấy, — Xê-mi-ôn lạnh lùng nói. Và một giây sau, anh nói tiếp, vẫn bằng cái giọng khô khan, lạnh lùng như cũ. — Còn mẹ của anh là con gái cu-lắc. Trước đây ở vùng này có một cu-lắc nổi tiếng — Mi-khai-in Cáp-ta-nốp. Thế rồi... Và mẹ anh là con gái của lão ta, còn Ma-ca là con trai. Và anh, thế nghĩa là...

— Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn... — Na-ta-sa kêu to như nghẹt thở. — Anh nói gì vậy. Không phải như vậy đâu.

— Đúng như thế đấy.

Hai người im lặng một lúc lâu.

— Đấy là cuộc sống, — cuối cùng Xê-mi-ôn nói. — Chính đấy là nguồn gốc xuất thân của anh.

— Thế anh kể đi. Anh kể hết đi! — cô yêu cầu.

— Anh biết kể gì với em nữa? Anh không biết gì hơn ngoài những điều anh đã nói. Em hỏi mẹ ấy. Mẹ... mẹ yêu em lắm,

có thể mẹ sẽ kể hết với em. Với anh thì không, nhưng với em, anh cảm thấy mẹ sẽ kể hết...

—Em sẽ hỏi. Em sẽ hỏi...—Na-ta-sa hoàn toàn bối rối, đứng dậy.

Mấy ngày sau Na-ta-sa cứ ngơ ngác, nét mặt nặng nề. Cô không gặp Xê-mi-ôn, và anh cũng cố ý tránh mặt cô. Trong lòng Na-ta-sa như đang diễn ra một sự giằng co nặng nề, căng thẳng.

—Trời ơi, quỷ bắt tôi đi đâu thế này!—đã mấy lần Ru-phi-na I-va-nốp-na kêu lên với cô.—Khi thì cả người rạng rỡ lên đến cách ba ki-lô-mét cũng biết, bây giờ thì mặt như bị giội nước sôi. Cháu có chuyện gì vậy? Giận nhau với Xê-mi-ôn à?

—Không, với anh ấy mọi việc đều tốt cả. Chỉ có điều cháu đang suy nghĩ.

—Về chuyện gì?

—Nói chung, về cuộc đời,—cô đáp. Ngoài ra không thể cậy thêm của cô được một lời nào nữa.

Trong cái ngày xảy ra sự kiện bi thảm ở nhà máy, Na-ta-sa đi ra khỏi nhà lúc trời đã khuya. Gió nhẹ, ấm, không khí ẩm ướt, đêm rất tối và buồn. Những cành cây trụi lá khẽ lắc lư trong bóng tối, mỗi đợt gió thổi lại kêu lên răng rắc, rầu rĩ.

Phía trước, trong màn đêm, thấp thoáng một bóng người.

—Đi chơi à?—cô nghe giọng của I-u-ri.

—Em không đi chơi, em muốn đón anh Xê-mi-ôn đi làm về,—cô đáp.

—Vâng, vâng, anh biết,—I-u-ri hấp tấp nói, giọng buồn buồn.—Thậm chí, nếu suy nghĩ kỹ, anh còn mừng, nếu như... —và anh lại nói bằng giọng vô tư như ngày thường:—Nhưng dù sao, Na-ta-sa ạ, đừng quên rằng trên đời này còn có một chàng trai tên là A-ga-phôn...

Và không chào, anh bỏ đi. Na-ta-sa chợt nhớ ra là trong mấy ngày gần đây anh thôi không đến ăn ở «phòng ăn dành cho các kỹ sư và nhân viên kỹ thuật» nữa. Cô ngoái nhìn lại, I-u-ri rẽ về phía nhà I-nhi-u-chin, loay hoay một lát với chiếc cánh cổng vườn, rồi biến mất vào sân. «Thế cũng tốt»,—không hiểu cô đang nghĩ về chuyện gì.

Na-ta-sa gặp Xê-mi-ôn ở ngay cạnh cổng ra vào nhà máy,

dưới ngọn đèn điện chiếu rất sáng, im lặng, gục đầu vào bộ áo lao động nồng nặc mùi xăng và dầu mỡ của anh.

— Không cần nói gì hết. Ta đi thôi.

Cầm tay nhau, họ đi về nhà và cũng như lần trước, không hẹn nhau, họ cùng rẽ vào góc sân, chui vào hồ cỏ thơm thơm.

— Anh cần phải thay áo đã, — Xê-mi-ôn nói khi cô giấu mặt vào ngực anh. — Không thì người anh bốc mùi...

— Còn em lại yêu cái mùi ấy. — Cô càng nép sát người anh hơn. — Đó là mùi của anh...

— Em nói chuyện với mẹ chưa? — sau một phút im lặng, Xê-mi-ôn hỏi.

— Em nói rồi. Nói nhiều lần lắm... Em thật khó tin rằng mẹ trước đây đã đi du kích, cưỡi ngựa, bắn súng. Và cha anh cũng là một du kích... ngang tàng đến thế. Cru-gi-lin, bí thư huyện ủy, — điều đó dễ hiểu thôi, nhưng còn cha anh... Anh đừng giận nhé...

— Thì sao... Chính anh cũng không thật tin lắm. Có thể vì rằng anh không yêu cha anh. Trong nhà, ông vừa là cha, vừa là người dưng xa lạ...

— Thế cái làng Mi-khai-lốp-ca ấy ở đâu? — Na-ta-sa hỏi.

— Không xa lắm. Ở ngay sau dãy Dve-nhi-gô-ra này.

— Thế còn người em... của cha anh, chú I-van đang ở đấy à?

— Hiện nay đang ở đấy.

— Giá được gặp chú ấy, xem người như thế nào?

— Thế nào à? Giống như bác An-tôn. Chỉ có hơi gù và gầy. Còn tóc và mắt giống hệt. Rồi có lúc em sẽ gặp.

— Mẹ nói nhiều, nhưng em hiểu được ít lắm, — Na-ta-sa nói. — Cáp-ta-nốp này, I-van này... Có phải chú I-van bắn chết lão Cáp-ta-nốp hồi nội chiến không?

— Anh không biết, Na-ta-sa ạ. Có nghe nói hình như thế.

— Và em có cảm tưởng rằng trước đây mẹ đã có lúc yêu chú I-van. Hoặc là chú I-van yêu mẹ.

— Anh không biết. Cha anh căm thù chú ấy vì một điều gì đó, còn mẹ... Mẹ luôn luôn nói tốt về chú I-van, thương chú ấy. Có thể, giữa hai người thời trẻ đã có một cái gì đó...

— Có lần mẹ nói về hạnh phúc: nó như một khu vườn buổi sáng, như tiếng chim hót trong khu vườn đó. Đứng nghe

và thấy — xung quanh tiếng chim hót rộn, nhưng bước đến nơi — chim bay mất. Em cứ nghĩ là mẹ nói về em, về em với anh. Nhưng bây giờ em hiểu ra — mẹ nói về mình.

— Đúng là mẹ không có hạnh phúc... Chưa có được...

Ngọn gió nhẹ vẫn từ một nơi nào đó thổi lại, trên đầu họ, tiếng cỏ khô khe khẽ xạc xào, còn nơi họ ngồi kín gió, và cả hai đều nghe phía sau bức tường mỏng bằng gỗ, tiếng con bò cái thở phì phì và tiếng lũ gà mái chen chúc nhau trong chuồng.

— Trời ơi, sao cuộc đời lắm lúc phức tạp đến vậy! — Na-ta-sa thốt lên. — Em trước đây không thể nghĩ rằng nó lại phức tạp, rối rắm đến thế. — Cô hấp tấp ngồi dịch sát vào bên cạnh Xê-mi-ôn, ôm chặt lấy người anh. — Em đã trải qua bao nhiêu, đã thấy bao nhiêu... Em đã nghĩ rằng, em đã thấy hết, biết hết, và bây giờ không còn gì có thể làm cho em ngạc nhiên. Thế mà hóa ra em không biết gì cả, không hiểu gì cả! — Cô bỗng lắc mạnh vai anh. — Nói cho em nghe đi! Nói cho em hiểu đi!

— Anh sẽ nói cho em hiểu... — Xê-mi-ôn cầm lấy tay cô. — Anh sẽ nói cho em nghe, nếu như anh có thể. Em tưởng rằng anh hiểu được những gì đã và đang có hay sao? Nhưng chúng ta sống là để hiểu cái thế giới mà trong đó chúng ta đang sống này...

Một âm thanh trầm trầm, đầy lo âu, không hiểu phát sinh ra từ đâu, bỗng vang lên trên bầu trời thị trấn San-ta-ra. Nó mỗi lúc một trở nên đáng sợ, lan khắp bầu trời tối đen, ẩm ướt, rồi bỗng tắt lịm đi ở một nơi nào đó rất cao. Nhưng liền đó, nó lại vang lên, dập dồn như từng đợt sóng nặng nề cuốn đi tất cả. Âm thanh thứ nhất còn chưa chấm dứt, âm thanh thứ hai đã lại vang lên — kêu đến chói tai, mỗi lúc một to hơn, vô tận, không dứt...

— Cái gì thế? Cái gì thế? — Na-ta-sa kêu to.

— Ở nhà máy... Có chuyện gì xảy ra rồi!

Xê-mi-ôn đứng vụt dậy.

— Anh Xê-mi-ôn! Xê-mi-ôn!

Nhưng anh không ngoảnh lại, không dừng lại. Cô bò ra khỏi hố cỏ, chạy theo anh.

— Xê-mi-ôn...

Na-ta-sa chạy ra đường. Xê-mi-ôn đã mất hút đằng xa.

Anh quay lại, kêu lên một câu gì đó và biến vào bóng tối. I-u-ri chạy vụt ngang qua người cô.

—Xin lỗi, anh sẽ lại ngay... Anh chỉ đến xem...—I-u-ri nói to với một người nào đó, và Na-ta-sa trông thấy Vê-ra I-nhi-u-chi-na.

Vê-ra bước vội đến bên cạnh Na-ta-sa, cặp lông mày rướn lên lo lắng.

—Cái gì thế? Cái gì thế?—cô kêu lên rất to.

Tiếng còi nhà máy báo động rúc liên hồi vẫn vang mãi trên trời San-ta-ra, làm cho mọi trái tim như thắt lại.

—Tai nạn, cô không hiểu à? Tai nạn!

Và Na-ta-sa chạy vội về hướng Xê-mi-ôn và I-u-ri vừa biến mất. Mọi người từ các ngôi nhà đổ xô ra cũng chạy về hướng đó.

* * *

Từ xa Na-ta-sa đã thấy trên khu vực nhà máy ánh điện hắt lên trời thành một vầng sáng. Bình thường vầng sáng này chiếu yên lành, êm ả, nhưng hôm nay nó bỗng đỏ thẫm, vàng rực lên một cách dữ dội, ở phía bắc vầng sáng, những cuộn khói nặng nề bốc lên cao. «Cháy! Cháy ở nhà máy!—Cô choáng váng nghĩ.—Nhưng cháy gì?»

Cháy kho số 8 hoặc một cái gì ở ngay bên cạnh kho. Na-ta-sa hiểu ra điều đó khi cô chạy đến cổng, thấy những cột khói đỏ thẫm phụt lên đúng về hướng nhà kho này. Trong ngực cô nghe nhói lên lạnh toát: bây giờ sẽ nổ tung, sẽ thổi bay đi tất cả. Còn anh Xê-mi-ôn, anh Xê-mi-ôn đâu?!

Một đám đông la hét ồn ào đang xô đẩy nhau ở cửa ra vào.

—Lùi ra! Lùi ra! Giải tán! Tránh đường mau!—một người nào đó hét to, át cả tiếng ồn ào, giọng đã khản lại.

Na-ta-sa, người ướt đẫm mồ hôi, tóc tai sổ tung, cố xô đẩy mọi người chen đến bên cánh cổng phụ bằng gỗ dày, rất chắc chắn, cửa đóng kín. Cô xô cả người vào cánh cửa. Vừa lúc đó cô thấy ngay bên cạnh cánh cổng chính mở toang ra, mấy người trong đội tự vệ xuất hiện, súng trường cầm ngang trong tay như thể sắp sửa bắn vào đám đông đang xô đến. Một người trong bọn họ vung tay, hét lớn:

— Tránh đường ra! Tránh đường ra! Các anh có phải là người nữa không đấy? Xe chữa cháy đến ngay bây giờ. Tránh ra để lấy đường!

Đám người hơi lùi lại. Giám đốc nhà máy Xa-vê-li-ép từ ngoài chen vào, mặt hốc hác, đẫm mồ hôi, chiếc áo ca-pốt nhà binh không cài cúc. Ông quay lại phía mọi người, giật chiếc mũ lông trên đầu xuống lau khuôn mặt đẫm mồ hôi.

— Các đồng chí! Các đồng chí! — ông hét rất to, tay cầm chiếc mũ vung trên đầu. — Không được nhốn nháo! Ở trong kia đã đủ người rồi... Tôi đề nghị tất cả đi xa ra!

— Bác An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích! Bác An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích! — Na-ta-sa chen vội đến túm lấy tay ông. Tay ông run run, ông nhìn lướt qua mặt cô, nhưng có lẽ không nhận ra, rút tay về, để lại chiếc mũ lông trong tay Na-ta-sa. Và, không nhận thấy điều đó, ông chạy vội vào cổng, sau khi ra lệnh cho bảo vệ:

— Không được cho ai vào cả. Đuổi mọi người lùi ra xa.

— Lùi lại hết! Lùi lại hết! Đè chết cả các người bây giờ.

Mặc bảo vệ quát tháo, đám đông vẫn cứ xô vào, tiếng ồn ào mỗi lúc một lớn hơn, cố xông vào cổng. Một số người chạy dọc theo bờ rào cao bằng gỗ, tìm cách trèo qua. Nhưng bờ rào rất cao, chỉ một số rất ít người leo qua được.

Có tiếng còi xe cứu hỏa, đám đông vội giạt ra. Không hề giảm tốc độ, ba — bốn chiếc xe sơn màu đỏ chạy vụt qua, và cùng với xe, không kể nguy hiểm có thể bị bánh xe chẹt chết, mọi người cũng ùa vào theo. Đám đông cuốn theo Na-ta-sa, như dòng nước cuốn một chiếc lá, vào trong cổng.

Trên toàn bộ khu vực nhà máy, tình trạng hỗn loạn đến không thể tưởng được. Tất cả các xưởng ca đêm đều bỏ việc. Những đám người nhốn nháo đứng khắp nơi, giữa những ngôi nhà đang xây dở và các đống vật liệu xây dựng. Người chạy đi, chạy lại, quát tháo la hét — nhưng la hét cái gì, không thể nào có thể hiểu được. Tiếng còi báo động vẫn rúc lên chói tai, rền rĩ không ngớt. «Còi làm gì nữa? Còi làm gì nữa? Đủ rồi...» — Na-ta-sa nghĩ, vấp vào một vật gì mềm mềm, ngã văng ra tuyết.

Không cần thang đâu, không cần! Câu liêm đâu? Chỉ

cần câu liêm thôi! — cô nghe tiếng kêu và cảm thấy có tiếng người thở nặng nhọc ở ngay bên cạnh.

Cạnh cô, một người đàn ông đã đứng tuổi, đang giẫm chân quát tháo, khó khăn lắm cô mới nhận ra đó là Xáp-tsúc. Những ánh lửa từ xa phản chiếu đến nhảy múa trên gò má ướt đẫm của ông, trông như con mắt phải của ông đang nhấp nháy liên hồi.

— Gì mà quanh quẩn dưới chân, như... Người ta giẫm nát rồi không kêu ai được bây giờ! — ông quát to. — Đi ra khỏi đây ngay!

— Cái gì thế bác? Gì cháy thế?

— Xưởng mộc. Bên cạnh đó là kho số tám. Tàn bay sang đó.

— Tàn nào? Tại sao lại cháy?

— May là không có gió lớn. Chỉ cần giữ được kho số tám, không thì... — Xáp-tsúc lẩm bẩm như nói với chính mình, rồi ông bỗng nhảy chồm lên, quát to. — Câu liêm! Tôi bảo chỉ cần câu liêm!

Tiếng còi cuối cùng cũng đã dứt. Mọi người mang câu liêm chạy ngang qua Na-ta-sa. Cô vẫn ngồi trên tuyết, tiếng gõ trong đầu đã dịu bớt: «Thế mà mình nghĩ nhà kho... cái kho khủng khiếp này... Mặc dù nó ở bên cạnh, sát ngay bên cạnh cái xưởng mộc này. Nhưng nếu như nó bén lửa...» Cô lại nghe lạnh toát người.

Cô không biết mình phải làm gì, cố xông vào khu vực nhà máy để làm gì. Cô có thể làm gì, giúp đỡ gì ở đây được? Cô không còn nghĩ về Xê-mi-ôn nữa, cô quên cả anh. Na-ta-sa chợt nhận thấy chiếc mũ lông đàn ông trong tay mình và mãi không thể nào hiểu được nó từ đâu ra.

Tất cả những gì xảy ra sau đó, Na-ta-sa, không thể nào nhớ lại hết các chi tiết. Cô chỉ nhớ một đám người bất lực nhốn nháo đứng thành một vòng tròn lớn xung quanh xưởng mộc đang bốc cháy như một bó đuốc nhựa khổng lồ. Thực ra xưởng mộc — một ngôi nhà gỗ lớn — đã cháy hết. Khi Na-ta-sa chạy đến gần đám cháy, trên đầu đám người dựng lên một cột lửa lớn — mái nhà vừa đổ sập xuống. Chen xuyên qua bức tường người, Na-ta-sa thấy những bức tường gỗ, những chồng thùng đạn cao ngất đang cháy ngùn ngụt. Đặc biệt các thùng rỗng

cháy rất khỏe, tỏa ra hơi nóng hừng hực. Mấy người trong đội chữa cháy đội mũ sắt sáng loáng dùng vòi phun nước lên tường và các chồng thùng gỗ, nhưng hình như họ chỉ làm cho lửa cháy to thêm. Và cô còn nhớ, giám đốc nhà máy và Xê-mi-ôn, áo quần ướt sũng bốc khói ngùn ngụt chạy từ chính giữa đám cháy ra, kéo lê theo tấm thân dài ngoẵng, không còn sức sống của kỹ sư trưởng Nhê-tsa-ép trong bộ quần áo bị cháy sém.

— Đúng là điên! — giám đốc nhà máy kêu lên khi mọi người đặt Nhê-tsa-ép xuống đất. — Chỉ cần một giây nữa là mái nhà sụp lên người! — tóc ông rối bù, ướt đẫm, những giọt nước bẩn lăn theo mặt rơi xuống đất.

— Kho số tám, ngừng phun nước kho số tám ngay! — Nhê-tsa-ép thở dốc, rít lên nặng nhọc. Ông cố sức đứng dậy, nhưng khẽ bật lên một tiếng rên, rồi ngã sấp xuống đất.

— Nhê-tsa-ép! Nhê-tsa-ép! — Xa-vê-li-ép lắc mạnh vai ông. — Nếu không phun nước, kho sẽ bén lửa cháy ngay...

Xưởng mộc và kho số tám đứng sát kề nhau, hai bức tường ngang gần như nối vào nhau. Mấy người trong đội chữa cháy liên tục dùng vòi phun nước lên mái kho bằng gỗ mỏng đã uốn cong lại vì nóng và lên bức tường đen ghép bằng gỗ súc, những tia nước phun đến tận những góc xa nhất của kho. Và Na-ta-sa cũng hiểu rằng: nếu không phun nước, nhà kho nhất định sẽ bén lửa cháy, mà trước hết là mái và góc tường phía trong.

— Thế thì... hãy cắt ngay đường cáp thứ ba! — kỹ sư trưởng kêu lên yếu ớt, bằng một cố gắng quá sức ông bắt mình phải nhỏm dậy. — Phải cắt ngay...

Na-ta-sa nhìn thấy cả mặt Nhê-tsa-ép bị bỏng cháy rộp lên, da trên má bong ra từng mảng.

— Đường cáp nào? Để làm gì? — Giám đốc nhà máy quỳ xuống trước mặt Nhê-tsa-ép. — Nhê-tsa-ép, nói xem nào!

Xê-mi-ôn đứng bên cạnh họ, hai tay ôm lấy má, mặt nhăn lại như đang bị đau răng.

— Tôi đã xác định là cháy đường dây dẫn điện. Tường bị đóng băng, trở nên ẩm... — Nhê-tsa-ép nặng nhọc thở, nói từng tiếng thều thào. — Vì ẩm mà bị chập mạch. Đường dây dẫn ở nhà kho số tám cũng rất kém, làm vội cả. Nước qua mái sẽ nhỏ lên dây dẫn, và lúc đó... Còn nếu như dây dẫn chập cháy...

Cần phải cắt ngay đường cáp thứ ba! Thứ ba! Đấy, ở trạm biến thế kia kìa. Tôi ngay bây giờ, ngay bây giờ...

Nhê-tsa-ép quỳ lên, cố ưỡn thẳng người ra. Nhưng khẽ kêu lên một tiếng, ông lại ngã úp mặt xuống tuyết.

Ngay lúc đó, có tiếng vang lên trong đám đông:

— Kho số tám cha-áy!

Đám người, nơi Na-ta-sa đứng, bất giác rùng mình và giạt sang một bên. Na-ta-sa còn lại một mình đứng đối diện với Xa-vê-li-ép, Xê-mi-ôn và Nhê-tsa-ép, không hiểu sao lại mỉm cười một cách ngớ ngẩn, chiếc mũ lông chìa cho giám đốc nhà máy. Nhưng ông không nhìn thấy cả mũ lẫn cả chính Na-ta-sa, ông đứng trân trân nhìn về phía nhà kho số tám. Na-ta-sa cũng quay đầu nhìn theo và thấy vẫn những người chữa cháy ấy đang phun nước lên mái, lên tường nhà kho. Cả tường lẫn mái đều bốc khói, nhưng Na-ta-sa hiểu rằng đấy không phải khói cháy, mà là hơi nước. «Cháy ở đâu? Nó có cháy ở đâu...» — cô nghĩ và nghe có tiếng kêu:

— Cháy bên trong!

Đến bây giờ cô mới nhận thấy những luồng khói đen ngòm đang phụt qua khe cửa bằng sắt tấm đóng kín của nhà kho như hơi nước phụt qua khe hở của chiếc vung đậy trên nồi nước sôi sùng sục. Ở cạnh cửa, trong ánh lửa nhảy múa, thấp thoáng hiện ra bóng gù gù của Xáp-tsúc và bóng một người nào đó rất quen thuộc.

— Tránh ra! Nổ tung cả bây giờ! — giọng một người nào đó lại kêu lên thất thanh.

Na-ta-sa muốn chạy đi, nhưng đôi chân như bị chôn xuống đất, không tuân theo ý cô, vì rằng cô đã nhận ra Xê-mi-ôn qua bóng người thứ hai ở cửa kho. Không hiểu nổi làm sao anh có thể đến đó nhanh như vậy. Anh vung chiếc xà-beng nặng nện mạnh vào cửa, hình như để phá khóa. Và anh phá được, hai tấm cánh cửa nặng dường như tự động mở ra, một đám mây đen đặc cuồn cuộn từ trong kho bốc ra. Cả hai người — đầu tiên là Xáp-tsúc, rồi sau đến Xê-mi-ôn — nhảy lùi lại. Nhưng chỉ một giây sau, cũng lần lượt như vậy, đầu tiên là Xáp-tsúc, rồi sau đến Xê-mi-ôn, họ lại chạy bổ vào nhà kho đặc khói đen, rồi vừa ôm ngực ho sặc sụa, họ chạy ra, ngã lăn xuống tuyết. Nhưng Xê-mi-ôn lập tức nhỏm dậy, chộp lấy

thanh xà beng nằm trên mặt đất, chạy vội đi một phía nào đó.

Tất cả những việc trên chỉ xảy ra trong vòng mấy giây. Tiếng thét «Kho số tám cháy!» làm cho Nhê-tsa-ép tỉnh lại. Ông chống tay lên mặt đất, bắt đầu nhỏm dậy.

— Đấy chính là điều tôi sợ, — ông thếu thào nói, và thấy bí thư đảng ủy nhà máy và Xê-mi-ôn chạy vào kho, rồi lại vừa ho vừa chạy ra, ông đứng thẳng người lên trên đầu gối, kêu to: — Họ làm cái gì thế? Chết ngạt mất! Chỉ cần ngắt đường cáp... An-tôn! Phải quyết định từng giây...

Nhưng giám đốc nhà máy hoàn toàn không tỏ ra phản ứng gì trước những lời nói đó. Ông vẫn đứng bất động, vẫn nhìn trân trân về kho số tám. «Sao bác ấy cứ đứng thế? — Na-ta-sa thoáng nghĩ. — Cần phải làm một cái gì chứ...»

— A, cậu ta chạy đến trạm biến thế... Cậu cháu họ của anh khá lắm, đã đoán ra. Nếu kịp... — Nhưng ông bỗng đột ngột dừng lại, rồi hét to. — Nhưng cậu ta không có bảo hộ điện! Và không biết cầu dao nào! Mà ở đó đến sáu nghìn vôn! Sáu nghìn!.. — Và ông lại ngã sấp xuống tuyết.

Chỉ những lời cuối cùng này mới làm cho giám đốc nhà máy tỉnh lại.

— Cái đường cáp ấy ở đâu?! — ông lay người Nhê-tsa-ép. — Cầu dao nào?

— Ở đằng kia... — Nhê-tsa-ép cố thốt lên, va như ngất đi, mà cũng có thể là chết hẳn. — Nhanh lên! Từng giây một... Tất cả sẽ nổ tung hết...

Rồi ông im bặt.

...Và Na-ta-sa còn nhớ mình chạy đi đâu đó theo sau giám đốc nhà máy, trong đầu như có tiếng gõ liên tục: «Nếu kịp... Tất cả sẽ nổ tung... Sáu nghìn vôn! Không có bảo hộ điện!» Đó là những lời của Nhê-tsa-ép giờ đang nằm bất động bên đống thùng gỗ cháy rừng rực. Những lời này hình như không đe dọa ai hết, cả cô, cả những người đang chạy theo cô, và vượt cô, cả giám đốc nhà máy, cả Xáp-tsúc — trong tích tắc cuối cùng Na-ta-sa còn kịp nhận thấy ông lại xông vào kho, vào đám khói được những ngọn lửa lay động ở phía sau chiếu sáng như trong góc đen ngòm của nhà kho có người nào đó đang hàn điện. Những lời đó như một điều không thể tránh khỏi và rất khủng khiếp, chỉ đe dọa một mình Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn

của cô! Nhưng cụ thể như thế nào, cô không hiểu, không nghĩ cho đến ngọn ngành được, vì không có thời giờ. Nhưng cô cảm thấy, bằng toàn bộ con người mình, rằng hiện nay cô đang có Xê-mi-ôn, nhưng chỉ sau một giây nữa, anh sẽ không còn, sẽ không còn!

—Xê-mi-ôn! —Cô kêu thét lên lanh lảnh, điên dại, vượt qua những người đang lún chân trong tuyết xốp, chạy đến bên trạm biến thế có bóng điện sáng đang lắc lư trước gió ở trên cao. Trong ánh đèn ngả nghiêng, đầu tiên cô thấy chiếc đầu lâu dữ tợn vẽ bằng sơn trắng trên cánh cửa sắt và sau đó là Xê-mi-ôn vừa quay phắt lại phía cô — Xê-mi-ôn!

—Hét cái gì thế? Im đi! —anh quát to, đôi mắt dữ tợn và xa lạ, hoàn toàn xa lạ, long lên. Rồi quay lại, anh dùng xà beng đánh vào cửa sắt. Má phải của anh cháy đen và bỏng rộp lên.

Chiếc đầu lâu người bằng sơn trắng, cái nhìn nảy lửa của Xê-mi-ôn, và cuối cùng là những lời của anh — tất cả những cái đó như những ngọn roi không thương tiếc liên tiếp quất xuống người cô. Na-ta-sa ba lần rùng mình, lảo đảo lùi lại và bắt đầu ngã xuống. Một người nào đó túm lấy cô, hất sang bên cạnh, đứng chắn giữa cô và Xê-mi-ôn. «Còn mặt... mặt anh ấy bị bỏng rộp lên hết rồi!» — cô thoáng nghĩ.

—Đi ra! Đi ra!

Đó là tiếng của giám đốc nhà máy quát ngay ở đâu đây bên cạnh. Rồi lại những tiếng xà beng nện vào cửa sắt. Tiếp đó là tiếng bản lề thép rít lên và tiếng kêu của Xê-mi-ôn, hốt hoảng và cầu khẩn:

—Bác An-tôn! Bác ơi!

Na-ta-sa mất trí đâm bổ về phía tiếng kêu. Từ trong cánh cửa mở rộng của trạm biến thế, một luồng tia lửa chói mắt hình rẻ quạt bắn ra. Trong một tích tắc, luồng tia lửa chói chang soi rõ những cầu dao của trạm biến thế hệt như hàm răng của một con quái vật đang nhe ra. Và một sự im lặng âm vang đột ngột bao trùm lấy Na-ta-sa....

—Bác An-tô-ôn!.. — tiếng kêu vẫn cứ đau đớn xoáy mãi, xoáy mãi vào óc Na-ta-sa, và cô không thể nào hiểu được mình lại nghe Xê-mi-ôn kêu lên liền lần nữa, hay đó chỉ là tiếng vang của tiếng kêu cũ vẫn đọng lại trong đầu cô.

«Nếu lần nữa, tức là anh ấy còn sống?» — cô nghĩ về Xê-mi-

ôn như nghĩ về một người nào hoàn toàn xa lạ, thậm chí có đôi chút ngạc nhiên và nhận thấy mình đang ngồi trên tuyết.

Ngọn đèn điện trên trạm biến thế bây giờ không còn cháy nữa, và nói chung xung quanh bỗng tối đen. Bên cạnh cô, mọi người đứng bất động. Có tiếng phụ nữ khóc nấc lên, giọng một người đàn ông khuyên bảo:

— Không sao, có lẽ còn không sao. Thôi im đi!

Mọi người đứng xung quanh bỗng cử động, chạy bổ đến bên cửa trạm biến thế.

— Đứng lui ra! Để tôi mang ra, — Na-ta-sa nghe rõ ràng tiếng của Xê-mi-ôn.

«Không phải... Anh ấy hy sinh rồi mà...» — cô nghĩ và đứng lên.

Rồi cô trông thấy chính Xê-mi-ôn trong luồng ánh sáng mờ mờ của chiếc đèn pin. Anh mang một người nào đó từ trong trạm biến thế ra và đặt xuống đất. Thế nghĩa là Xê-mi-ôn còn nguyên vẹn, còn sống, nhưng cô không thể nào hiểu được điều đó. Và cô cũng không nghĩ ra được người nào đang nằm trên mặt tuyết trong luồng ánh sáng của chiếc đèn pin, mặc áo ca-pốt, đầu không mũ, mặt bỏng rộp, hai cánh tay cháy đến tận vai.

— Cha ơi... Cha-a-a!

I-u-ri mặc áo khoác cháy sém xô mọi người chạy đến và lập tức đứng sững lại như bị chôn chặt xuống đất. Từ trong bóng tối, bí thư huyện ủy Cru-gi-lin thở hổn hển chạy đến, áo bành-tô không cài cúc, phía sau thấp thoáng bộ mặt kinh hoàng của Khô-khơ-lốp.

— Kho số tám an toàn! — Khô-khơ-lốp hấp tấp nói. — Còn cái gì ở đây thế này?... An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích?! An-tôn...

Cru-gi-lin và Khô-khơ-lốp cùng một lúc cúi xuống người An-tôn Xa-vê-li-ép, nhưng liền đó họ bắt đầu đứng thẳng người lên. Họ đã đứng thẳng người lên, còn I-u-ri, ngược lại, bỗng ngồi sụp xuống như bị ai chặt phạt ngang chân, ngã úp mặt bên cạnh xác cha.

— Mẹ ơi... mẹ... Mẹ sẽ không chịu nổi, — anh kêu thốt lên và lưng anh run lên từng đợt.

Từ người An-tôn Xa-vê-li-ép bốc lên một mùi khen khét,

ngòn ngọt. Na-ta-sa nhớ lại — khi chôn những người bị chết sau trận đoàn tàu tản cư bị ném bom, những tử thi bị cháy sém cũng bốc mùi như thế. Và, nhớ lại điều đó, cô bỗng hiểu ra một cách rõ ràng điều gì vừa xảy ra. Có lẽ cô sắp ngất đi, nhưng từ một nơi nào đó rất sâu kín trong đáy lòng, một niềm vui bỗng trào lên, một niềm vui làm nhẹ nhõm, tỉnh táo cả người: «Không phải Xê-mi-ôn, không phải Xê-mi-ôn! Anh ấy còn sống, còn sống!..»

Na-ta-sa hiểu rằng niềm vui đó là bất kính, là xúc phạm đối với tất cả mọi người đứng ở đây, và đối với cả chính cô. Nhưng niềm vui vẫn cứ trào lên, và cô không thể làm thế nào với nó được.

— Sao lại thế? Cái gì thế này? — cô ngơ ngác thốt lên, bước đến bên Xê-mi-ôn, ôm chầm lấy vai anh. — Anh còn sống, còn sống!

Cô nói và òa ra khóc nức nở. Cô có cảm giác rằng bây giờ tất cả mọi người đều thấy và đều hiểu niềm vui của cô, mọi người đều đang nguyền rủa cô và sẽ nguyền rủa cô mãi mãi.

Nhưng mọi người không ai thấy và hiểu gì cả. Họ chỉ nghe có người nào đó khóc, nhưng không hiểu là ai.

Mọi người đứng quanh xác giám đốc nhà máy, im lặng...

* * *

Đêm hôm đó, đêm hôm sau và suốt cả ngày hôm sau nữa, Na-ta-sa không ngủ, và có lẽ không ai trong gia đình Phê-đô Xa-vê-li-ép ngủ được, ngoài ông chủ. Ông ta, đi làm về, như thường lệ, nằm quay mặt vào tường, và sáng hôm sau dậy, mặt sưng đỏ, râu ria rối bù. Không ăn sáng, không nói một lời nào với ai, ông đi đến trạm máy kéo. An-na hầu như không có mặt ở nhà, suốt cả ngày đêm chăm sóc vợ An-tôn — Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na. Ngay trong giây đầu tiên khi biết tin chồng hy sinh, bà ngất đi. Lo lắng cho tính mạng của bà, các bác sĩ suốt ngày đêm túc trực bên giường bệnh.

Na-ta-sa không đi làm việc. Sáng hôm sau ngày xảy ra tai nạn, phụ trách nhà ăn Ru-phi-na I-va-nốp-na đuổi thẳng cô khi cô vừa xuất hiện ở nhà bếp: «Về đi, về đi! Cô làm gì được bây giờ? Trông chẳng ra người nữa...» Cả Xê-mi-ôn, cả Ma-

ri-a Phi-rơ-xốp-na cũng không đến nhà máy. Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na im lặng lo bữa trưa, bữa sáng và bữa tối cho cả hai gia đình, cho mấy đứa trẻ trở nên lầm lì, sợ sệt ăn uống và giục chúng đi học. Xê-mi-ôn, má dán băng trắng toát, hai ngày đêm gần như nằm suốt trên giường, đôi mắt mở to nhìn trân trân lên trần nhà và suy nghĩ về một điều gì đó. Mất hết cả cảm giác thời gian, Na-ta-sa đi lang thang khắp các phòng, từ góc này sang góc nọ. Trong nhà thỉnh thoảng xuất hiện những người lạ mặt, họ nói chuyện gì đó với Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, rồi lại đi. Một lần I-u-ri đến. Anh bước vào, đứng ở cửa một lát, người hốc hác, gầy đen, rồi ngồi xuống giường.

—Tôi không thể ở nhà được... Không chịu nổi!—anh nói, gục đầu xuống thành giường, giấu mặt khóc.

—Cháu nằm xuống nghỉ đi, nằm xuống đi,—Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na bảo anh.

—I-u-ri, anh nằm xuống nghỉ đi,—Na-ta-sa cũng bảo.

Anh ngẩng bộ mặt ướt đẫm, lắc đầu. Vê-ra I-nhi-u-chi-na chạy vội vào, bắt đầu nói gì đó rất nhanh, cầm tay dìu anh đi như một đứa trẻ.

Hình như cũng vào ngày hôm sau, Na-ta-sa thấy một người hơi gù, tay dài, mặc áo lông cừu, tay cầm roi, vẻ người có một cái gì đó giống giám đốc nhà máy vừa hy sinh, đứng ở giữa bếp.

—Cô là ai?—chào xong, anh cau có hỏi.

—Chào chú, chú I-van,—Xê-mi-ôn bước vào bếp, nói.—Đây là Na-ta-sa.

—A, chú có nghe nói,—I-van vẫn không vồn vã nói và ngồi xuống.

—Và cháu... và cháu cũng biết về chú, nghe kể...—Na-ta-sa nói.

I-van Xa-vê-li-ép nhếch cặp môi đã lâu không cạo cười nhạt không vui. Na-ta-sa cảm thấy I-van Xa-vê-li-ép không thích những lời của cô, hiểu chúng không phải như cô muốn nói, vội vã tiếp:

—Nghe kể về cuộc đời của chú.—Và cô hoàn toàn luống cuống.

Rồi tất cả im lặng. I-van ngồi trên chiếc ghế đẩu, gập người xuống, cúi thấp đầu với mái tóc bạch kim đã bắt đầu trở nên thưa thớt.

— Mọi việc sao lại như vậy? — anh hỏi khẽ.

— Làm sao bây giờ có thể giải thích được? — Xê-mi-ôn đáp. — Cần phải ngắt một đường cáp thứ ba nào đó ở trong trạm biến thế. Mà bác An-tôn hình như không biết đường nào. Bác cầm xà beng đè một lúc tất cả cầu dao ở trên bảng phân phối xuống. Và bị chập...

— Chẳng lẽ không có cách nào khác sao? Để ngắt những cầu dao ấy mà?

Xê-mi-ôn sờ tay lên má dán băng, nhăn mặt.

— Cháu đã bảo, làm sao bây giờ có thể giải thích được tất cả? Chỉ phải làm thật nhanh, rất nhanh. Trong kho thuốc nổ, dây dẫn có thể chập mạch. Chỉ cần một giây — và tất cả sẽ nổ tung lên trời. Còn trạm biến thế, điện thế rất cao, không được vào đó, nếu không có bảo hộ điện. Mà cả người bác lại ướt sũng nước... Và bác ấy... bác ấy... có lẽ bác ấy nghĩ rằng trước sau gì rồi cũng phải thế...

— Còn anh? Còn anh? — Na-ta-sa bỗng kêu to. — Anh không ướt à? Anh biết đường cáp nào, cầu dao nào à?

— Cô ấy sao thế?

— Cô ấy cần phải nghỉ ngơi. — Xê-mi-ôn bước đến bên Na-ta-sa, cầm lấy bàn tay nóng như lửa của cô. — Em đã hai đêm không ngủ rồi...

Anh kéo cô ra khỏi bếp, dẫn đến bên giường, đặt cô nằm xuống. Na-ta-sa ngoan ngoãn để Xê-mi-ôn giúp cởi áo ngoài, ngoan ngoãn nằm xuống giường.

— Chính anh cũng muốn... dùng xà beng đè cầu dao xuống! — Na-ta-sa túm lấy tay Xê-mi-ôn khi anh định bước đi. — Và nếu như bác giám đốc nhà máy không xô anh ra, không giành lấy xà beng...

— Không, anh không muốn...

— Không phải thế! Chính anh là người đầu tiên chạy đến trạm biến thế! Và anh cũng ướt... Và anh cũng không biết phải ngắt đường cáp đó như thế nào...

Đôi mắt cô cháy rực lên như đang cơn sốt và yêu cầu phải trả lời.

— Anh nói thật đấy, Na-ta-sa ạ, anh không muốn... — Xê-mi-ôn dùng chân kéo chiếc ghế lại gần giường và ngồi xuống.

— Không, anh không biết, không biết phải ngắt đường

dây cáp đó như thế nào, — cô bướng bỉnh nhắc lại. — Và em rất lâu mãi vẫn không hiểu được, tại sao... bác ấy cháy, chứ không phải anh. Đến bây giờ, em vẫn còn tưởng... chưa hoàn toàn tin được...

Na-ta-sa không thể nói thêm được nữa, nước mắt làm cho cô nghẹn lời lại. Cả cô, cả Xê-mi-ôn đều không trông thấy I-van đang đứng ở cửa phòng và im lặng nhìn họ.

Na-ta-sa khóc khoảng nửa phút, mà cũng có thể ít hơn. Nấc lên mấy lần, cô cố hít vào thật sâu, rồi nín lặng. Một giấc ngủ rất sâu cuối cùng cũng đã kéo đến với cô, ngay lập tức.

— Thôi, chú đi đây, không cha cháu lại bắt gặp chú ở đây, — I-van nói. — Ngày mai chú sẽ cùng với thím A-ga-ta đến đám tang.

Xê-mi-ôn đi theo tiễn I-van.

Khi đã ngồi vào xe ngựa, I-van ngước cặp lông mày màu sáng, hơi nhíu lại nhìn cháu.

— Thế quả thật, cháu có biết phải ngắt đường cáp như thế nào không?

— Không ạ.

— Thế nếu như bác An-tôn không chạy đến, không xô cháu ra thì sao?

— Cháu không biết, chú I-van ạ, — Xê-mi-ôn ngập ngừng một lát, đáp. — Có thể chú không tin, nhưng là như thế đấy...

— Thế cháu chạy đến trạm biến thế để làm gì? Để làm gì?

Xê-mi-ôn nhún vai:

— Mọi việc nhớ lại như trong một giấc mơ thoáng qua. Không hiểu là có hay là không nữa...

I-van chậm chạp cầm lấy dây cương.

— Thế cháu định làm gì với cô bé Na-ta-sa này? Định cưới cô ta à?

Trong lòng Xê-mi-ôn như có cái gì trỗi dậy chống lại những lời của I-van.

— Cháu chưa hề nghĩ đến chuyện cưới xin nào cả! Và giờ cũng không nghĩ. Cháu với cô ta quen nhau còn quá ít. Hơn nữa... Na-ta-sa là một cô bé tốt, lại mồ côi, không gì cũng đã phải chịu bao nhiêu đau khổ rồi.

— Tại sao? — I-van lại ngước mắt lên nhìn cháu.

—Cháu trước sau gì rồi cũng ra mặt trận. Còn ở ngoài đó... nếu như... Làm tan nát cuộc đời của cô ta để làm gì?

—A-a... Phần cháu chắc cháu rõ hơn,—I-van khô khan nói.—Đàn bà họ cũng nhiều loại, có người cuộc đời tan nát vì rằng sẽ phải góa bụa, có người lại vì chuyện khác... vì thất vọng rằng người ta không tin vào tình yêu của mình, vì rằng người ta không hiểu trái tim đàn bà cao thượng, hào hiệp, mở rộng ra để đón niềm tin đó.

—Thế, chú I-van, chú khuyên cháu cưới cô ấy đấy à? Nhưng chú đã biết gì về cô ấy đâu?

—Chú không khuyên, Xê-mi-ôn ạ. Chú nói như vậy cũng không biết để làm gì.—I-van im lặng một lúc rồi tiếp.—Còn cô ta yêu cháu đấy, Xê-mi-ôn ạ, chú thấy, yêu đến kỳ lạ đấy...

—Đừng thế, chú I-van. Chúng ta đang nói chuyện gì đây? Vào thời gian như thế này!

—Ừ, quả là không phải lúc,—I-van đồng ý.—Nhưng, thời gian là cái gì? Trong giây phút này có người nào đó chết đi, nhưng cũng có người nào đó sinh ra. Bao giờ cũng vậy. Chính vì thế mà cuộc sống không bao giờ kết thúc.

I-van đi khỏi, để lại trong lòng Xê-mi-ôn một cảm giác ngượng nghịu, có lỗi vì câu chuyện vừa rồi, như anh nghĩ, nó kỳ quặc, vụng về và không phù hợp trong hoàn cảnh hiện nay. Và nếu như lúc đó có ai nói với anh rằng ngày mai, trong ngày làm lễ an táng An-tôn Xa-vê-li-ép, sẽ xảy ra một việc còn không phù hợp, đúng lúc hơn—anh, Xê-mi-ôn, sẽ đi khỏi nhà và trở thành chồng của Na-ta-sa Mi-rô-nô-va—chắc anh sẽ cho người đó là không bình thường.

Nhưng cuộc đời lại được xếp đặt đúng như vậy...

* * *

An-tôn Xa-vê-li-ép được mai táng ở Công viên các liệt sĩ cách mạng vào ngày chủ nhật, mồng hai tháng Ba. Quảng trường nhỏ bao quanh công viên đầy người, đám đông nhấp nhô, tiếng người nói chuyện nén lại, khe khẽ.

Ngày hôm đó rất đẹp, mặt trời vui vẻ chiếu rọi trên thị trấn San-ta-ra. trên các cành cây trong công viên, lũ sơn ca hót lảnh lót đón chào ngày tháng Ba ấm áp, tuyết lấp lánh, và không

hiểu là mọi người tập trung lại ở đây để làm gì, và với mục đích nào người ta đào một cái hố sâu cạnh đài kỷ niệm cao bằng gỗ, đổ những xẻng đất đen đóng băng lên mặt tuyết mịn trắng, tinh khiết.

Xê-mi-ôn và Na-ta-sa đứng ở bờ rào công viên và nhìn những hòn đất đen đó.

Từ xa, phía câu lạc bộ, nơi đặt quan tài người đã hy sinh, vẳng lại tiếng nhạc tang. Đám người ở công viên liền đứng yên, im lặng.

Quan tài do Cru-gi-lin, Xáp-tsúc và mấy người nào nữa khiêng. «Không thấy Nhê-tsa-ép, ông ta có sống được không?» — Na-ta-sa thoáng nghĩ. Kỹ sư trưởng đang nằm ở bệnh viện, đến giờ vẫn chưa tỉnh lại vì những vết bỏng nặng.

Na-ta-sa vẫn đứng cạnh hàng rào công viên cho đến tận cuối buổi tang lễ. Quan tài được đặt lên một chiếc ghế dài cạnh huyệt, mọi người đứng thành một hình vòng cung xung quanh, Na-ta-sa thấy thấp thoáng I-u-ri, chú I-van, người đã đến nhà hôm qua, — và — điều này làm cô rất ngạc nhiên — cha của Xê-mi-ôn. Tiếp đó là chính Xê-mi-ôn. Anh đi đến bên huyệt từ bao giờ, Na-ta-sa cũng không biết nữa.

Cru-gi-lin, đầu để trần, bắt đầu nói. Lúc đầu Na-ta-sa không nghe thấy lời của ông, chỉ có từng đoạn bay đến tai cô, khắc sâu, sâu đến nhức nhối, vào vỏ não:

— Đồng chí An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích Xa-vê-li-ép rất yêu cuộc sống, yêu con người... Nhà tù, khổ sai, đày ải chỉ củng cố, bồi đắp thêm tình yêu đó, bởi vì anh biết anh sống để làm gì, vì mục đích gì... Nếu như cho anh thêm một cuộc đời nữa, anh vẫn sẽ sống như vậy... Và anh cũng sẽ tự nguyện đón cái chết để cứu mọi người... vì mọi người và vì cuộc sống...

Mặt trời mùa đông chiếu sáng rực rỡ. Những đỉnh núi dãy Dve-nhi-gô-ra cũng lấp lánh rực rỡ dưới ánh mặt trời. Trong các cành cây công viên, không để ý đến mọi người, những con chim sơn tước vẫn véo von hót. Tiếng chim, ánh mặt trời và tuyết rực rỡ làm cho Na-ta-sa chóng mặt. Để khỏi ngã, cô bám chặt tay vào những tấm ván lạnh của hàng rào. «Còn mình, mình có yêu cuộc sống không? — cô bất giác tự hỏi mình. — Tất nhiên, tất nhiên... Bất chấp tất cả! Sau khi ba bị bắt, mẹ bị bom chết và tất cả, tất cả những gì ập xuống đầu mình... Không,

cả lúc đó mình vẫn yêu cuộc sống. Chỉ có thất vọng, chỉ có không hiểu tại sao cái cuộc đời này lại tàn nhẫn với mình như vậy... Không hiểu đến nỗi, thất vọng đến nỗi, mình đã...»

Những ý nghĩ của Na-ta-sa đến đây bị ngắt quãng và tiếp đó chỉ là một sự trống rỗng.

—Thay mặt tỉnh ủy, đồng chí Xu-bô-tin I-van Mi-khai-lô-vích có mấy lời, — giọng của Cru-gi-lin vẳng đến tai cô.

Xu-bô-tin, một người đàn ông đã già, bị thời gian làm cho gân guốc, đầu bạc trắng, bắt đầu nói giọng khe khẽ và buồn. Na-ta-sa cố lắng nghe, hy vọng rằng sự trống rỗng trong lòng cô sẽ biến mất. Nhưng không, nó vẫn không mất đi.

—...Cuộc sống được xếp đặt hết sức phức tạp, khó khăn, và đôi lúc còn rất tàn nhẫn... Anh, An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích ạ, đã được phú cho cái khả năng giữa những phức tạp và khó khăn đó, thấy và hiểu được cái nguồn gốc chân lý của cuộc đời cùng với vầng hào quang vĩnh cửu của công bằng, hạnh phúc và niềm vui...

Vâng, cuộc sống quả là khó khăn và tàn nhẫn, điều này cô cũng đã biết,—Na-ta-sa nghĩ. Nhưng ở đâu là nguồn gốc chân lý của cuộc đời cùng với vầng hào quang vĩnh cửu của công bằng, hạnh phúc và niềm vui? Những lời rất đẹp, và cô tin chúng. Cô tin, nhưng cô không thấy những nguồn gốc chân lý đó ở đâu. Và không phải một lần cô đặt ra cho mình câu hỏi không có trả lời này: nếu thế thì con người sống để làm gì?!

Còn Xu-bô-tin, dường như đoán được những ý nghĩ của cô, hỏi:

—Thế những nguồn gốc ấy ở đâu? Thật đáng tiếc là có nhiều người, rất nhiều người, không thấy được chúng. Những nguồn gốc ấy ở đâu?

Na-ta-sa rùng mình và bám chặt hơn vào hàng rào bằng gỗ.

—Chúng ở ngay trong bản thân con người! Những nguồn gốc chân lý ấy ở ngay trong mỗi một con người. Nhưng rất nhiều người không hiểu được điều này, hoặc rất lâu, rất lâu không hiểu được. Chắc có lẽ vì bộ óc của con người còn chưa hoàn thiện. Từ đó mà sinh ra bao nhiêu là bi kịch, bất hạnh, bao nhiêu là đau khổ...

Những lời của Xu-bô-tin rơi vào khoảng trống trước mặt Na-ta-sa, làm cho nó đầy lên như một vật thể có thể sờ nắn và trông thấy được.

— ...Và khi mọi người nói rằng anh, An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích, biết sống vì cái gì, thì điều này hết sức đơn giản: anh sống để giúp người khác sống, để giúp mọi người tìm thấy trong mình những nguồn gốc chân lý của cuộc đời...

Na-ta-sa lảo đảo, đứng thêm một chốc cạnh hàng rào, rồi bước đi, đầu cúi thấp.

Mọi người nghĩ rằng cô đang khóc và im lặng tránh đường cho cô đi.

Na-ta-sa không còn nhớ mình đã đi về đến nhà như thế nào. Cha của Xê-mi-ôn cũng đã từ đám tang về từ trước. Ông ngồi trong bếp, phía sau chiếc bàn trống và cau có nhìn Na-ta-sa vừa bước vào. Cô vội đi nhanh về phòng mình. Bà Phê-nhi-a hỏi cô một câu gì đó, nhưng cô không trả lời, cởi áo bành-tô rồi nằm vật xuống giường.

Quả thật, điều này đơn giản biết mấy — sống để giúp mọi người sống! Thật là đơn giản... Và cũng thật khó hiểu! Mà cô cần phải hiểu! Bởi vì nhiều người, rất nhiều người — mỗi người một cách — đã giúp cô sống. Cả giám đốc nhà máy An-tôn Xa-vê-li-ép đã hy sinh, cả An-na, cả Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na... Tại sao để hiểu được điều này, phải cần một tai nạn, một bi kịch như vậy? Thật khó hiểu và cũng thật đơn giản... Vì sao cô lại ngu ngốc đến nỗi lúc đó, khi nghe Xu-bô-tin nói, cô nghĩ rằng cô tin vào những lời đẹp đẽ của ông, nhưng đến giờ vẫn chưa thấy những nguồn gốc chân lý, công bằng của cuộc đời, chưa thấy niềm vui cuộc sống. Thế còn số phận của bản thân cô? Thế còn Xê-mi-ôn, còn tình yêu của cô đối với anh? Làm sao cô lại có thể quên được điều đó? Chẳng lẽ đó không phải là nguồn gốc? Và nói chung, nói chung... Mặc dù cô đi tìm những nguồn gốc đó không phải ở trong chính bản thân mình. Và Xu-bô-tin đã chỉ cho cô thấy là cần phải tìm ở chính trong bản thân mình... Nhưng dù sao... nguồn gốc chân lý của cuộc đời là cái gì? Những nguồn gốc nào nằm ở trong chính bản thân con người? Điều này cô hãy còn chưa hiểu hết được đến tận cùng. Những ý nghĩ của cô mỗi lúc một rời rạc, rối rắm hơn, nhảy từ việc này sang việc khác. Và cuối cùng

chúng làm cô nghẹt thở, như những cơn sóng nặng xô đến nhấn chìm con người trong biển cả...

Cô bỗng nhiên muốn đi ra ngoài trời, muốn hít thở làn không khí mát lạnh, muốn ngay lập tức trông thấy Xê-mi-ôn. Tại sao cô lại bỏ anh một mình ở ngoài ấy, bên mộ? Na-ta-sa vội khoác áo bành-tô, chạy ra bếp. Vấp phải ánh mắt nặng nề, cau có của chủ nhà, cô dừng lại.

—Sao ông bao giờ cũng nhìn tôi như thế?!—cô giận dữ hét lên. Có lẽ đây là lần đầu tiên cô nói với ông.

Nhưng ông không trả lời—mà cũng có thể là chưa kịp, vì rằng vừa lúc đó cửa mở và Xê-mi-ôn bước vào. Hôm nay anh đã tháo băng, má anh cháy đen, đắp một miếng thuốc cao.

—Có chuyện gì ở đây thế?—anh hỏi và chăm chú nhìn hai người.

—Luẩn quẩn, luẩn quẩn,—bộ ria của Phê-đô run run.—Không ăn uống đúng bữa, không được nghỉ ngơi gì cả. Mẹ mày ở đâu?

—Thì cha cũng biết đấy, bác Ê-li-da-vê-ta ốm gần chết... Con vừa mới ở đấy về.—Xê-mi-ôn bắt đầu cởi áo.

—Luẩn quẩn, đúng là luẩn quẩn,—Phê-đô rời bàn đứng dậy, sàn nhà kêu lên ken két dưới chân ông.

—Ông nói cái gì thế? Ông nói cái gì thế?

—Xem kìa,—Phê-đô cười nhạt, nhướn cặp lông mày lên.—Gì mà cứ chiêm chiếp lên thế, cái đồ dễ mào kia?—Và ông lại ngồi xuống bàn.

Cái từ «dễ mào» này thậm chí không làm cho Na-ta-sa tự ái—cái điều khủng khiếp hơn là ở chỗ khác.

—Nhưng anh ruột của ông vừa mới hy sinh... vừa mới chết!

—Thế thì đã sao nào?

Nghe những lời này, Na-ta-sa lùi lại, bất lực đứng nhìn Xê-mi-ôn.

Xê-mi-ôn cầm chiếc áo khoác trong tay, ngập ngừng như suy nghĩ nên treo nó lên móc hay lại mặc vào. Anh treo lên và chậm chạp bước đến bên cha. Phê-đô tò mò nhìn con trai. Và Xê-mi-ôn càng đến gần, cặp mắt ông càng nheo lại.

—Cha phải xin lỗi Na-ta-sa ngay bây giờ,—Xê-mi-ôn

nói. Giọng của anh bình tĩnh, khe khẽ, nhưng hai bàn tay bỗng run lên.

—Có phải quỳ xuống không đấy?

—Không à?—Xê-mi-ôn nắm chặt bàn tay lại.

—Thế nào? Định đánh cha mày đấy à?

—Khô-ông,—Xê-mi-ôn lắc đầu.—Không...—Anh bước ra cửa, giật chiếc áo treo trên móc xuống, hấp tấp mặc vào, túm lấy tay Na-ta-sa, kéo cô ra khỏi cửa, bước ra ngoài.

Mặt trời vẫn cháy rực rỡ trên bầu trời trong vắt, dù đã xuống thấp sau thị trấn San-ta-ra. Những bóng đen trải dài trên tuyết trắng. Cạnh nhà, Gan-na đang đứng nghe Đi-ma kể một chuyện gì đó, thỉnh thoảng cô lại phá ra cười khanh khách. Thấy Xê-mi-ôn và Na-ta-sa, cô bé im bặt, lẩn ra đầu nhà, kéo theo cả Đi-ma.

Đi gần như chạy ra đến đường, Xê-mi-ôn dừng lại. Hình như anh cảm thấy thiếu không khí, cố căng ngực ra thở thật mạnh, thật sâu. Thường ngày dịu dàng, bình tĩnh, hôm nay trông anh khác hẳn—khuôn mặt như bạnh ra, đầy góc cạnh, lưỡng quyền nhô cao. Đôi mắt bao giờ cũng tỏa ra một luồng ánh sáng ấm áp trầm tư, giờ cháy lên hằn học, dữ dội.

—Thôi được... Mẹ sẽ hiểu, sẽ hiểu hết,—anh lẩm bẩm nói.—Thôi ta đi.

—Đi đâu?

—Không biết. Đi thôi.—Và anh rảo bước.

Sau mười lăm phút, hai người dừng lại cạnh một ngôi nhà xiêu vẹo tuyết lấp đến tận mái, có một cái gì đó quen quen với Na-ta-sa. Xê-mi-ôn gõ vào cánh cửa ván.

—Ai đó? Đợi tí, đợi tí,—có tiếng bà già đáp vọng ra. Na-ta-sa nhận ngay ra giọng nói và hiểu họ đã đi đến đâu. Chỉ có điều không biết để làm gì.

Sau một phút nữa, Na-ta-sa đã đứng giữa căn phòng khá rộng rãi, và bà già A-cu-li-na sống độc thân rối rít quanh người cô, lần những ngón tay xương xẩu giúp cô cởi cúc áo ngoài, miệng nói không ngớt:

—Lạy Chúa! Già cứ nghĩ—Chúa đưa ai đến cho con thế này? Già mừng lắm! Già tự hỏi, không biết tại sao cô bé này lại không đến nhà già hôm đó? Già nghe nói cháu ở nhà Xa-vê-li-ép... Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va nói thế... Ma-ri-a, Chúa

tha tội cho con, lại rơi vào cái đám ấy! Nó bảo, nó không muốn, nhưng phải đi với chúng. Nó cứ khóc suốt... Người ta sắp sửa xử mấy thằng kia và nghe nói sẽ bắt Ma-ri-a đi làm chứng. Nó còn bảo sẽ xử cả nó nữa. Hàng hóa thằng Ma-ca nhà anh ăn trộm về đem giấu ở chỗ nó, — bà già quay về phía Xê-mi-ôn, — Ma-ri-a bảo không ai biết về chuyện đó, nhưng tự nó sẽ nói ra. Già bảo nó — đừng có nói...

— Họ của Ma-ca là Cáp-ta-nốp, bà ạ, — Xê-mi-ôn nói. — Còn nhà cháu họ Xa-vê-li-ép.

— Vâng, vâng, — bà già gật đầu lia lịa. — Biết rồi... Lạy Chúa bắt hết chúng đi! Còn nó, nó cứ khăng khăng: cháu sẽ nói, cháu sẽ nói... Ôi, những người khách của già quý hóa quá. Già vẫn cứ ốm suốt, Na-ta-sa ạ, đến không thể ra nổi ngoài đường nữa. Các cháu uống chè nhé, để già bắc ấm xa-mô-va...

— Chúng cháu không đến làm khách đâu, bà ạ. Chúng cháu đến xin ở trọ, bà có nhận không? — Xê-mi-ôn hỏi.

— Sao lại thế? — bà già ngạc nhiên. — A-a, cưới nhau rồi à?

— Không... Chỉ là vì cháu đã bỏ nhà đi...

— Sao? — bây giờ đến lượt Na-ta-sa thốt lên kinh ngạc...

— Thế... Anh không thể sống ở đây nữa. Và anh cũng không thể để em ở đây. — Anh đặt tay lên đôi vai gầy của cô, nhìn thẳng vào mắt Na-ta-sa, nói.

— Anh Xê-mi-ôn, khoan đã, sao lại thế? Mọi người sẽ nghĩ như thế nào? Em không hiểu gì cả...

— Có thể là cả anh cũng không hiểu. Nhưng cần phải thế. Anh sẽ về nói với mẹ ngay bây giờ, lấy một ít đồ đạc mang đến. Thế nào, bà nhận chúng cháu chứ? Chúng cháu sẽ trả tiền trọ.

— Tiền trọ nào? Già này sẽ được vui hơn, đó là tiền trọ rồi đấy. — Bà nhấp nháy cặp mắt nhăn nheo, hơi đo đỏ. — Chỉ có già không hiểu — các cháu là gì với nhau?

— Điều đó đến sáng mai chúng cháu sẽ giải quyết, — Xê-mi-ôn nói.

* * *

Không phải chỉ một mình Na-ta-sa sau cái chết của An-tôn Xa-vê-li-ép bị những câu hỏi nhức nhối về ý nghĩa của cuộc đời và sự tồn tại của con người giày vò.

Đã mấy tuần qua đi, kể từ ngày làm lễ mai táng. Trong suốt thời gian đó không có bão tuyết, nhưng thường xuyên có những trận tuyết rơi dày đặc, lặng lẽ. Khoảng đất xung quanh Công viên các liệt sĩ cách mạng và trong chính công viên, bị nén chặt bởi hàng nghìn bàn chân trong ngày tang lễ, nay đã lại phủ đầy tuyết xốp.

Tuyết đọng lại thành những chiếc mũ trên các cọc gỗ hàng rào bao quanh công viên, treo nặng từng chùm lớn trên cành bạch dương, cây phong, cây phượng. Trong những ngày nắng đẹp, không mây, tuyết ánh lên chói mắt, cây cối như được bao phủ trong một lớp bụi mặt trời, trên các cành cây, lũ chim sơn tước hót lại càng vui vẻ hơn.

Trong công viên im lặng, vắng vẻ và sạch sẽ. Chiếc tháp nhỏ bằng sắt trên mộ của An-tôn Xa-vê-li-ép đứng cạnh đài kỷ niệm to lớn bằng gỗ với ngôi sao ở trên đỉnh, một con đường nhỏ dẫn tới mộ bao giờ cũng có những vết chân mới, chạy giữa những đống tuyết xốp.

Phê-đô biết rằng đó là vì Ê-li-da-vê-ta Nhi-can-đrốp-na, vợ của anh trai mình, buổi chiều nào cũng đến thăm mộ. Đã mấy lần khi đi làm về, ông trông thấy bóng dáng cô đơn của bà bên mộ. Mặc chiếc áo bành-tô lông thỏ cũ, hai bên sườn đã sờn hết lông, bà đứng bất động, hai tay giấu trong găng, đôi môi nghiêm khắc mím chặt, mặt nhìn lên gò đất nhỏ phủ tuyết và ngôi sao đóng băng lấp lánh trên đỉnh bia kỷ niệm nhỏ đặt trên mộ.

Đến giữa tháng Ba, ban ngày trời ấm, buổi sáng những đám sương mù xanh hồng — dấu hiệu của các trận mưa xuân đầu tiên — đã bắt đầu trôi trên dòng sông Grô-mô-tu-kha. Nhưng đến chiều trời lại trở giá và đêm đến rét như cắt chẳng khác gì giữa tháng Một, tháng Chạp. Trong làn không khí buổi chiều lạnh lẽo, tiếng loa phóng thanh vang lên khắp thị trấn San-ta-ra. Thường thường, trên các mái nhà tuyết phủ, dọc theo các đường làng ngõ ngách San-ta-ra, vang lên mãi một bài hát quen thuộc:

Vì thành Mát-xcơ-va cổ kính thiêng liêng,
Vì thủ đô ta nghìn năm yêu dấu
Ta sẵn sàng đổ máu
Quyết chiến đấu hy sinh!

Đưa ngực ra, ta dựng bức thành đồng,
Sức mạnh lòng dân vô địch
Diệt quân phát-xít hung tàn!

Tiếng nhạc hào hùng trang nghiêm, lời bài hát nặng như những hòn đá lát đường. Phê-đô có cảm tưởng như chúng lăn ầm ầm trên thị trấn San-ta-ra, và thật kỳ lạ là không một mái nhà nào bị sập, bị gãy dưới sức nặng của chúng.

Nhưng nói chung tất cả những cái đó đối với Phê-đô đều vô nghĩa. Đã từ bao giờ — không biết có phải từ cái ngày ông bị An-phi-xa thẳng thắn mời ra khỏi nhà, hay muộn hơn một ít, từ cái ngày Xê-mi-ôn bỏ nhà đi cùng cái con bé mồ côi Na-ta-sa Mi-rô-nô-va, hoặc cũng có thể sớm hơn nhiều, sau cái buổi tối duy nhất ông đến uống rượu ở nhà ông anh cả An-tôn — đã từ bao giờ Phê-đô như sống trong một sự trống trải. Ông ăn, ngủ, đi làm việc, nói chuyện với người khác, nhưng tất cả những việc đó dường như không phải là ông, mà là một người nào khác làm, và chúng có vẻ như không liên quan gì đến ông cả. Không có gì làm cho ông xúc động, hồi hộp. Những người đàn ông cùng tuổi với Phê-đô đã ra trận từ lâu, chỉ có một số thợ máy, trong đó có Phê-đô, được tạm miễn. Ông không sợ bị gọi ra trận, nhưng cũng không mừng khi được ở lại. Thậm chí cả cái chết của người anh cả cũng không gợi lên trong Phê-đô một cảm xúc nào. Trong buổi lễ an táng, ông bước đến bên mộ, dửng dưng nhìn khuôn mặt bị dòng điện đốt cháy đen của An-tôn. Những bông tuyết mịn rơi lên khuôn mặt nguội lạnh đó và không tan đi.

«Đồng chí An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích Xa-vê-li-ép rất yêu cuộc sống, yêu con người, — Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin buồn rầu nói bên linh cữu, khó nhọc thốt ra từng từ. — Anh biết anh sống để làm gì, vì mục đích gì...»

Phê-đô có cảm giác như ông đã nghe những lời này từ bao giờ, ở một nơi nào đó. Nơi nào — ông không thể nhớ lại được, có thể là vì tiếng kèn đồng của đội nhạc bỗng nổi lên rầu rĩ, và sau đó là tiếng đất đóng băng cứng như đá đổ rào rào lên quan tài.

Ông đã nhớ lại được buổi sáng hôm sau khi trông thấy An-na. Ông nhìn vợ vừa bước vào nhà — người bà cũng sạm đen như vừa bị dòng điện chạy qua — và trong tai ông tự nhiên

vang lên những lời của bà: «I-van nói rất đúng về anh, anh không yêu ai cả — cả tôi, cả các con, cả cuộc đời, cả chính quyền này — không yêu ai cả... Như thế, anh sống để làm gì? Để làm gì?»

Rồi từ đó những lời của Cru-gi-lin và An-na thường xuyên thay nhau ngân vang trong đầu ông, không ngớt.

«Anh biết anh sống để làm gì?..» — «Như thế, anh sống để làm gì?..»

Chẳng lẽ họ, Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin và An-na, đã thỏa thuận, nói trước với nhau?! Hai giọng nói — một đàn ông, một đàn bà — liên tục thay nhau gõ vào đầu ông như búa bổ, đòi hỏi một điều gì đó. Nhưng điều gì, phải trả lời như thế nào?

Không có câu trả lời. Chỉ có sự trống trải. Chỉ có sự dửng dưng đối với tất cả xung quanh. Những sự việc xảy ra như từ một nơi xa xôi, từ một thế giới nào khác vọng tới với ông: bài hát ông đã nghe không biết bao nhiêu lần này, tin tức về sự thất bại của quân đội Đức ở ngoại ô Mát-xcơ-va, đám cháy ở nhà máy cùng cái chết của người anh cả, việc Xê-mi-ôn bỏ nhà đi, lời tuyên bố xin gia nhập nông trang của An-na, câu chuyện của một người nào đó về việc chủ tịch ủy ban huyện xin ra trận và thay vào chỗ ông bây giờ là I-van I-va-nô-vích Khô-khơ-lốp, một người sơ tán đến đây cùng nhà máy, tin đồn rằng thợ máy kéo và máy gặt đập chỉ được hoãn nghĩa vụ đến hết mùa gieo hạt sau, vì hiện nay trong các lớp thợ máy của trạm máy kéo có đến gần trăm rưởi nữ thanh niên đang theo học...

Tất cả những sự việc trên rối tung lên, việc gì xảy ra bao giờ — ông không còn nhớ nữa.

Một lần, An-na báo tin rằng Xê-mi-ôn và Na-ta-sa đã đi đăng ký kết hôn, Phê-đô phản ứng bằng một tuyên bố khá kỳ quặc:

— Mặc. Dù sao người ta cũng gọi ra trận. — Và ông hỏi với một sự khinh bỉ. — Không hiểu tại sao I-van của cô người ta lại chưa gọi? Cùng tuổi với hắn đã bị gọi lâu rồi.

Trong mắt An-na bừng lên những tia lửa lạnh. Bà cố kìm mình lại, nói:

— Khi nào cần thì người ta sẽ gọi.

— Tôi nghe nói hắn đang nằm ở bệnh viện, vì sao thế?
— Chở cỏ và bị cảm. Viêm một lúc cả hai bên phổi.
— Khéo lắm! — Phê-đô cười nhạt.
Một tuần sau câu chuyện đó, I-van ra viện.
Phê-đô, sau bữa ăn trưa đi đến nơi làm việc, giữa đường gặp người em út. I-van gầy gò, xanh xao, như thể vừa ở trong quan·tài chui ra.
— Chiến tranh còn chưa kết thúc đâu, — Phê-đô mỉa mai nói. — Cho nên mày phải lo tìm cách mà vào lại bệnh viện đi.
I-van mỉm cười, nheo nheo đôi mắt lại vì nắng, đáp:
— Ra thế đấy... Chưa bị một con chó nào sủa, lại gặp ngay anh.
Và mỗi người đi mỗi ngả.

* * *

Mặt trời đã tắt, những dải bóng màu xanh thẫm của khu nhà và xưởng sửa chữa trong trạm máy kéo trải dài trên mặt tuyết đã bị giẫm nát, nhưng chưa kịp đen lại.
Trong hội trường đang diễn ra cuộc họp của các thợ máy về vấn đề «đẩy mạnh tiến độ sửa chữa và chuẩn bị toàn bộ máy móc thiết bị cho vụ gieo hạt» — như đã viết trong thông báo đập vào mắt Phê-đô sáng nay.
Đến dự cuộc họp có Cru-gi-lin, nhưng giờ ông chưa nói về công việc của trạm máy kéo, mà đang kể về tình hình ngoài mặt trận. Ông nói rằng quân Đức đã bị đuổi xa khỏi Mát-xcơ-va tám mươi — một trăm ki-lô-mét, có chỗ đến hai trăm hoặc hơn, và vẫn đang tiếp tục bị đuổi, rằng vào đầu tháng Ba, Chính phủ đã ra chỉ thị về công tác chuẩn bị gieo hạt vụ xuân năm 1942 cho các trạm máy kéo các tỉnh Mát-xcơ-va, Lê-nin-grát, Ca-li-nin, Tu-la, Ô-ri-ôn và Cuốc-xcơ, rằng có thể đến đầu mùa gieo, tất cả các tỉnh này sẽ được giải phóng hoàn toàn. Tuy nhiên, Cru-gi-lin nói, tình hình vẫn rất nặng nề, Lê-nin-grát đang bị bao vây bốn phía, quân Đức đang cố tiến về sông Vôn-ga và vùng Cáp-ca-dơ...
Phê-đô ngồi bên cửa sổ, nhìn ra những dải bóng dài màu

xanh trên mặt tuyết. Những lời của Cru-gi-lin như từ xa vọng tới, khó khăn lắm mới lọt vào tai ông, dường như chúng bị bông nút chặt. Thế nhưng trong đầu ông vẫn vang lên rất rõ ràng, như tiếng búa gõ không dứt: «Anh biết anh sống để làm gì...» — «Như thế, anh sống để làm gì?»

«Mà quả thật, để làm gì? — Phê-đô bỗng nghĩ. — Và sống như thế nào?!»

Ông cau mặt, nghiến chặt răng đến đau nhức trong chân lợi, căng trí nhớ đến nghe có tiếng vang trong đầu, dường như muốn bằng một sự cố gắng tột cùng của ý chí để nhớ lại toàn bộ cuộc đời mình, đến những chi tiết nhỏ nhặt nhất, để nhìn lại nó như từ một điểm cao, như từ một nơi nào đó bên cạnh. Nhưng ông không thể nhớ được gì cả, ngoài cái đêm cách đây không lâu, khi ông đến An-phi-xa lần cuối cùng, khi trở về gặp I-van đang ở trong nhà của mình. Và ở đây ông cũng không nhớ về An-phi-xa và I-van, mà về câu chuyện của mình với vợ sau khi người em trai đi khỏi. Ông nhớ hầu như đến từng lời, đến từng thay đổi nhỏ nhất trong giọng nói của vợ.

«— Thế cô định bỏ tôi đi đấy à? Tôi thấy cô cả gan lắm, dám mời I-van ở lại ngủ đêm.

— Tôi sẽ đi khỏi đây. Không còn sức chịu đựng nữa.

— Thôi đi. Cô sẽ không đi đâu hết. Và chấm dứt tại đây.

— Tôi sẽ đi! Sẽ đi! Sẽ đi! Anh đã hút cạn hết máu của tôi, hết cả sức lực của tôi... I-van nói đúng, rất đúng về anh: anh không hề yêu ai cả, không yêu vợ, không yêu con, không yêu cả chính quyền, cả cái cuộc sống này, không yêu ai cả. Và có lẽ chính bản thân mình anh cũng không yêu. Như thế, anh sống để làm gì? Để làm gì?

— Hay đấy! Thế rồi sao nữa? Hay hết cả rồi?

— Và anh muốn lấy tôi cũng chỉ vì lòng ham muốn cái tài sản giàu có của cha tôi... để... để rồi cũng sống trụy lạc trong trại như cha tôi...

— Hay thật đấy, kha-kha!.. Tôi lấy cô năm mười chín, khi ở trong đội du kích. Lúc đó gia tài của cha cô chỉ còn lại mỗi khói đen...

— Đấy chẳng qua là trùng vào năm mười chín... Còn tôi nói là anh muốn trước kia. Anh yêu An-phi-xa, lúc đó đã sống với An-phi-xa, nhưng lại muốn cưới tôi làm vợ... Còn việc toàn bộ

gia tài của cha tôi chỉ còn lại khói đen — chính việc này suốt đời đã gặm mòn anh như sâu đục thân cây.

— Im đi! Việc gì không biết thì đừng...

— Tôi biết! Và anh cũng tiếc cha tôi đã bị I-van bắn chết. Và anh căm thù em ruột của mình là vì vậy... Vì rằng I-van đã tỉnh ngộ, lúc đó đã hiểu đâu là chân lý và đến với đội du kích. Vì cái đó mà anh suốt đời trả thù I-van, vì rằng anh không thể trả thù ai khác được nữa, hoặc vì sợ những người khác... Thế đấy! Không một ai biết anh là người như vậy, nhưng tôi biết. Bây giờ... bây giờ cả anh ấy, cả I-van, cũng đã nhìn vào tận ruột anh... Bây giờ anh ấy đã trở thành kẻ tử thù của anh.

— Câm ngay! Ma-ày!»

Cạnh chiếc bàn phủ vải đỏ, Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin vừa đi lại, vừa nói gì đó, đầu lắc mạnh như húc vào không khí: «Thế đấy, thế đấy, cô ta nói đúng... Không phải tất cả mọi điều cô ta nói đều đúng, nhưng trong đó có phần nào sự thật. Về An-phi-xa chẳng hạn... — Trong đầu Phê-đô, những ý nghĩ rối rắm, quay cuồng đứt quãng. — Cô ta nói như thế nào nhỉ?

«Anh yêu An-phi-xa, lúc đó đã sống với An-phi-xa, nhưng lại muốn cưới tôi làm vợ...»

Tất cả đều đúng. Một tháng rưỡi hoặc hai tháng gì đó sau khi nhận của I-nhi-u-chin bốn tờ bạc một chục — lúc đó việc gặt lúa mạch đen của nhà Cáp-ta-nốp dưới chân núi Dve-nhi-gô-ra sắp kết thúc, — Phê-đô làm xong cái việc mà anh đã nhận tiền trước. Suốt mùa gặt, An-phi-xa cũng gặt và bó lúa cùng với những người đàn bà lớn tuổi khác, còn Phê-đô chở bánh mì, nước cho thợ gặt, theo dõi xem gặt có bỏ sót không, lúa bó có chặt không, có ai lười biếng lúc làm việc không, tóm lại, được cho đi chỉ huy bọn đàn bà.

— Thế nào? — trong thời gian đó đã mấy lần lão Đê-mi-an I-nhi-u-chin một chân xoi mói nhìn anh bằng đôi mắt ướt, có vẻ hiền lành. — Tao phí công đặt cho mày cái chức vụ lười biếng thế đấy hả?

— Tôi làm thế nào được? — Phê-đô ngoảnh mặt tránh cái nhìn thẳng vào mắt của I-nhi-u-chin. — Mẹ nó luôn luôn ở bên cạnh, không chịu rời mắt khỏi con gái.

Ngoảnh mặt đi, nhưng Phê-đô vẫn nhận thấy đôi mắt của Đê-mi-an I-nhi-u-chin đang khô dần, mỗi lúc một trở nên hẹp

hơn, nhọn hơn. Khi Đê-mi-an chuyển mẹ An-phi-xa sang làm việc khác, tách ra xa con gái, thì Phê-đô lại viện cớ khác:

— Con bé nhát lắm. Tôi đã nói rồi, không thể dùng sức để... Ông hãy đợi ít lâu đã...

Nhưng nguyên nhân không phải là vì mẹ của An-phi-xa, cũng không phải vì cô nhát. Ngược lại, cô không hề sợ Phê-đô. Tuy thực ra, trong lần đầu tiên gặp nhau khi anh từ rừng tai-ga mới trở về làng, An-phi-xa bối rối, mặt đỏ bừng như bốc lửa, nhưng cô không bỏ chạy, mà đứng sững lại, như thể muốn cháy rụi ngay tại chỗ.

— Thế nào, anh lạ lùng lắm hay sao? — Phê-đô hỏi.

— Quả có thế. Hệt như một con ngoáo ộp ria xồm, — An-phi-xa lanh lảnh nói. Và bất ngờ, cô thè đầu lưỡi hồng hồng ra, rồi bỏ chạy.

Phê-đô cạo hết bộ ria. Lần sau gặp lại anh, — An-phi-xa chớp chớp đôi hàng mi dày, mặt đỏ lựng. Cô quay ngoắt người vội vã bỏ đi. Mấy ngày sau nữa, khi trông thấy Phê-đô đến chỗ gặt lúa, cô hơi đỏ mặt và thì thầm, để người khác không nghe thấy:

— Hóa ra anh để ria trông đẹp hơn đấy... — Và, thổi phù phù vào lòng bàn tay, cô chạy vụt đi, chân nhảy cẫng như trẻ con.

Sau đó, An-phi-xa hoàn toàn không ngượng ngùng gì với Phê-đô nữa, thường hay tìm cách chọc anh. Khi thì nhét hạt lúa vào cổ áo anh, khi thì rón rén đi đến bên cạnh Phê-đô đang nằm ngủ dưới bóng râm mát của một bụi cây nào đó, ngồi xổm xuống trên gót chân và dùng cọng cỏ cù vào mặt anh... Cô vẫn hay cười khanh khách, giòn tan và vô tư. Khi cô cười, những nếp nhăn nhỏ li ti chụm lại trên sống mũi, đôi mắt tròn lấp lánh tinh nghịch.

Tình cảm của Phê-đô đối với cô bé An-phi-xa bỗng bột nảy sinh một cách bất ngờ, anh không chờ đợi và cũng không cần có nó. Nó hơi kỳ quặc, có lẽ phần nào giống như tình cảm cha con. Và anh cảm thấy rằng anh sẽ dứt bỏ được nó, nếu như làm xong cái việc mà I-nhi-u-chin đã trả tiền thuê anh. Thế là anh quyết định, sau khi dặn lão hương trưởng thêm một lần nữa:

— Nếu như có chuyện gì xảy ra,.. thì ông phải lo cách mà

bảo vệ tôi đấy. Nếu không, tôi cũng chẳng im lặng đâu — tôi sẽ nói rằng đấy là do lão I-nhi-u-chin thuê...

— Tất cả đều sẽ có, Phê-đô! — Lão già hứa. — Bằng cái gậy gỗ này tao sẽ bịt miệng bất cứ đứa nào lại. Đấy mày thấy không, nó giống như cái chai, sẽ bịt rất chặt. Đừng lo.

Nhưng không có chuyện gì xảy ra cả. An-phi-xa lập tức hiểu ngay Phê-đô muốn làm gì với cô, nhưng cô không kêu lên, cũng không chống cự, chỉ khẩn khoản một cách rầu rĩ, thảm thiết:

— Đừng, anh Phê-đô... Hãy thương em đi! Nào, hãy tha cho em, với em còn sớm quá...

Xong rồi cô nằm rất lâu trên bãi cỏ héo, những sợi tóc ướt sổ tung ra. Từ cặp mắt nhắm chặt, hai dòng nước chảy dài theo đôi má nóng hổi, cặp môi mọng ướt, còn trẻ con, mím chặt giận hờn, đau đớn.

— Em đừng nói với ai nhé? — Phê-đô bảo cô.

— Vâng, — cô khẽ trả lời, nấc lên, rồi bỗng hét to: — Thế bao giờ... bao giờ cưới?

— Cưới à? Sẽ cưới... Đợi em lớn thêm một ít. Còn bây giờ em đừng nói với ai nhé...

— Vâng, — An-phi-xa lại nấc lên, ghì chặt lấy người anh, tin cẩn, như một con mèo con. — Nhưng anh hãy yêu em đi. Còn em sẽ yêu anh, yêu đến sợi tóc cuối cùng.

Phê-đô cảm thấy kinh tởm đối với chính mình, bởi vì anh biết rằng sẽ chẳng bao giờ có đám cưới mà cô mong đợi.

Cách đây không lâu, sau khi nhận của I-nhi-u-chin bốn chục đồng và uống hết cả một chai rượu ngang, Phê-đô cảm thấy mình là một mẩu gỗ bị ném vào dòng nước xoáy sôi sục của con sông Grô-mô-tu-kha. Và đấy, hôm nay, vừa ngay bây giờ — những ý nghĩ vội vã, kinh hoàng quay cuồng trong đầu Phê-đô, — anh đã bị cuốn sâu vào dòng nước lạnh buốt, bắt đầu quay tít. Bây giờ anh phải làm gì với An-phi-xa? Và với An-na? Còn thằng bé Ki-ri-an còi cọc? Còn đứa em ruột I-van? Hình như I-van đã đoán ra một điều gì đó, nhìn An-na bằng đôi mắt cầu khẩn, buồn rầu, còn nhìn anh, Phê-đô, một cách cau có, hằn học, đầy đe dọa...

Và quả vậy, Phê-đô đã bị xoáy nước cuốn lấy, xoay tròn, quay cuồng. Tự anh cũng không còn biết cái việc anh làm với

An-phi-xa trong một đêm tối trời đầy sao trên đồng cỏ có giúp anh từ bỏ được cái mối tình đã bắt đầu nảy sinh ra trong anh đối với cô, hay ngược lại, làm cho nó phát triển, gắn bó hơn. Còn An-phi-xa bỗng nhiên thay đổi hẳn, dường như ngay lập tức trở thành người lớn, cô đi lang thang khắp làng với những quầng xanh lớn quanh mắt, còn trong mắt lấp lánh những tia chớp hạnh phúc. Cô nhìn những ngôi nhà nhỏ buồn bã của làng Mi-khai-lốp-ca với một nụ cười trầm ngâm, lặng lẽ và nụ cười này, mái đầu kiêu hãnh ngẩng cao, toàn bộ vẻ mặt, con người cô như nói rằng cô đã khám phá ra được một cái gì đó vô cùng sung sướng, hạnh phúc, mà những người khác không bao giờ biết được. Phê-đô hiểu rõ tâm trạng của cô, bí mật, bằng tất cả mọi sự thận trọng, gặp cô hàng tuần vào tối thứ tư, bao giờ cũng tự hứa rằng lần này là lần cuối cùng, rằng hôm nay anh sẽ không chạm đến người cô, còn thứ tư tuần sau anh sẽ không đến nữa. «Hình như An-phi-xa chưa có mang, như thế còn may lắm...» Nhưng chỉ cần An-phi-xa áp chặt vào người anh tấm thân khỏe mạnh, mềm mại, chỉ cần anh cảm thấy đôi môi nóng hổi ngọt ngào và nghe tiếng rên khe khẽ, gọi mời là Phê-đô quên đi tất cả... Và thứ tư tuần sau anh lại như một người bị mê hoặc, tìm đến chỗ hẹn hò.

Anh gặp An-phi-xa vào thứ tư, còn An-na vào thứ năm. Anh đến gặp An-na người mệt mỏi, trống rỗng bởi đêm hôm trước, vì rằng An-phi-xa, cái cô bé còn chưa hết tuổi thiếu niên này, lại rất ham muốn những trò âu yếm thô tục, cô quen rất nhanh, và sự thèm khát không biết chán của An-phi-xa làm cho Phê-đô kinh ngạc, sợ hãi. Anh vẫn gặp An-na ở trong cánh rừng nhỏ sau làng; sau đó, khi cỏ đã khô rũ xuống, cây cối rụng hết lá, họ lại hẹn gặp nhau trên vựa cỏ cạnh chuồng gia súc của cha cô. Mùa thu năm đó kéo dài và ấm chưa từng có. An-na, người ngây ngất vì những chiếc hôn, cứ luôn miệng hỏi hoài, không ngớt:

—Anh có yêu em không, Phê-đô? Chẳng lẽ anh lại yêu em à?!

—Chứ còn sao nữa?

—Ôi!

Đôi lúc, một ý nghĩ không hiểu từ đâu, đến trong đầu Phê-đô, thôi bỏ quách cái que củi khô An-na này đi... Cưới luôn

An-phi-xa làm vợ... Nhưng liền đó anh lại cau mặt, giận dữ thầm rủa mình. An-phi-xa, với sự thèm muốn vô hạn của mình, sẽ cho con ra sòn sòn như nhả hạt hướng dương. Rồi làm sao với chúng, lấy gì cho chúng ăn, cho chúng mặc? Lúc đó tha hồ mà ngồi khóc.

«Và anh muốn lấy tôi cũng chỉ vì lòng ham muốn cái tài sản giàu có của cha tôi...»

...Phê-đô ngẩng đầu lên và thấy Cru-gi-lin đã thôi nói, đang ngồi sau bàn, người hơi quay nghiêng xuống. Bây giờ đến lượt giám đốc trạm máy kéo phát biểu, Phê-đô nghe giọng của ông ta, nhưng không thể hiểu được ông ta đang nói gì.

...Và điều này An-na cũng nói đúng. Đã đoán ra. Có lẽ lúc đó Phê-đô đã bỏ cô, bỏ vì cô quá xấu xí, khó coi — không có cái gì có thể so sánh với An-phi-xa! Nhưng có một cái gì đó lạ lùng, khó hiểu, đã xảy ra với An-na. Cô bỗng lớn phổng lên, người trở nên tròn trặn, cân đối, như con bê con sau mùa đông dài đói rét giờ được thả ra đồng cỏ tốt tươi, đôi gò vú trước đây bé tí bắt đầu nở nang ra rất nhanh, dáng người uốn thẳng lại. Đôi má ngày càng ửng hồng, cặp mắt to màu xám kéo dài ra hai bên, sâu thêm, lung linh những ngọn lửa hân hoan sung sướng. Chúng chiếu sáng, làm cho khuôn mặt cô biến đổi khắc hẳn, và Phê-đô thấy rằng bây giờ nó quyến rũ không kém gì khuôn mặt của An-phi-xa. Chiếc cổ của An-na, trước đây gầy gò, yếu ớt, giờ tròn trịa mang nét cong cong kiêu hãnh, cặp đùi cũng nở đầy ra đầy đặn. Và một lần — lúc đó đã vào tháng Mười, một ngày mùa thu ấm áp hiếm có, có lẽ là một trong những ngày ấm cuối cùng trong năm, — Phê-đô trông thấy An-na từ đằng xa và thốt lên ngạc nhiên: dọc đường làng, dưới ánh nắng mặt trời rực rỡ, một người đàn bà dong dỏng cao, đẹp chưa từng thấy, kiêu hãnh mang trên chiếc cổ khỏe mạnh, đẹp như tượng, mái đầu tóc tết thành những bím nặng hơi tẽ ra ở phía dưới. Và dường như đấy không phải là bím tóc, mà là những con suối bằng ánh nắng mặt trời nóng bỏng chảy từ đầu xuống lấp lánh gợn sóng trên chiếc lưng mềm mại của cô.

Hôm đó là ngày thứ tư, Phê-đô, như thường lệ, đến gặp An-phi-xa. Anh đi đến chỗ hẹn lần này là theo thói quen, anh đi và nghĩ, thậm chí không phải về An-na, mà về người đẹp mà

anh thấy, như một ảo ảnh trong giấc mơ, đi trên đường làng giữa trưa nắng đẹp. Anh không nhận thấy trong buổi tối hôm đó An-phi-xa có vẻ mệt mỏi, lo lắng, thảng thốt. Rồi cô khóc, rầu rĩ nói:

— Đã sang tháng thứ hai, em không hành kinh... Còn hôm qua em lại bị buồn nôn...

— Chúng ta quá chơi liều rồi đấy, — Phê-đô nhăn mặt nói.

— Vâng, — An-phi-xa nuốt nước mắt. — Em đã nghĩ từ lâu: «Cái gì thế này?» Hôm nay em hỏi mẹ. Mẹ chửi em một trận: «Mày đi với thằng nào thế, đồ chó cái?»

— Thế nào? Em nói ra rồi à?!

— Không... Anh chưa cho em nói mà. Mẹ em cứ nghi cho Ki-ri-an. Làm sao bây giờ, anh Phê-đô?

— Cứ mặc cho mẹ nghi. Còn em đừng nói. Hiểu chưa? Đừng nói!

— Anh nói sao? Em sẽ không... Sẽ không nói.

— Thế đấy, — Phê-đô thở ra nhẹ nhõm, — còn cái này không lo. Mẹ sẽ cho đi dễ dàng.

— Nhưng... để làm gì? Hay là...

— Em nghĩ xem: chúng ta có con bây giờ sao được, trong lúc này? Và người ta lại sẽ cười em... Rồi sau đó...

Phê-đô, mặc dầu vẫn nghĩ về An-na, lại muốn nói với An-phi-xa: «Rồi sau đó chúng ta đừng gặp nhau nữa, chúng ta kết thúc ở đây, nếu không lại chơi liều, đi quá xa». Những lời đó sắp buột ra khỏi lưỡi, nhưng Phê-đô cảm thấy chúng sẽ giết chết cô gái ngay — cô ta sẽ tự tử hoặc còn làm một cái gì đó khủng khiếp hơn. Anh nghĩ rằng cắt đứt với cô sau khi giải quyết xong chuyện kia sẽ dễ dàng, tiện lợi hơn, và anh nói, vừa nói vừa tìm từ:

— Và thêm vào đó — bây giờ chúng ta không nên gặp nhau... cho đến khi chưa giải quyết xong chuyện kia... Mà bây giờ cũng gặp nhau ở đâu được? Tuyết sắp xuống rồi!

An-phi-xa ngồi khóc, úp mặt xuống đầu gối, đôi vai run lên.

— Em đừng khóc nữa. Ki-ri-an I-nhi-u-chin ra sao?

— Ra sao? Cứ đi theo như một cái đuôi. Em đuổi, hắn vẫn theo. Hắn đã biết, đã đoán ra là em với anh... Chỉ có không nói ra lời thôi.

Phê-đô cũng đã hiểu rằng Ki-ri-an biết hết mọi chuyện. Khi gặp anh, hắn sầm mặt lại, nhưng không hỏi thẳng về việc đó.

Và bốn ngày sau, ngay trước lúc tuyết rơi, đã xảy ra một chuyện như sau.

Buổi chiều ngày thứ hai, sau một thời gian vắng mặt khá lâu, Cáp-ta-nốp bỗng xuất hiện trong trang trại của mình. Phê-đô cùng Đê-mi-an I-nhi-u-chin đang ngồi dưới mái hiên bằng gỗ, uống trà và trông coi một toán ông già, phụ nữ đổ lúa mạch đen đã đập xong vào kho. Cáp-ta-nốp đi xe ngựa, I-van cầm cương. Xe còn chưa dừng, I-van đã nhảy xuống đất, chạy lên phía trước, treo người ghì chặt mõm mấy con ngựa đầm đìa mồ hôi. Cáp-ta-nốp mặt đỏ như mặt trời sắp lặn, giận dữ chạy bổ đến bên Đê-mi-an I-nhi-u-chin, túm lấy bộ râu cáo của hắn.

— Ma-ày, đồ quỷ tóc hung! — Và xô mạnh. Lão già ngã ngửa ra đất. — Đứng dâ-ậy! — Cáp-ta-nốp ra sức lấy chân đá vào sườn lão hương trưởng, đồng thời là người quản lý của mình.

— Lạy Chúa... Ông Mi-khai-in Lu-kích... Lạy ông... — Lão già hoảng hốt lắp bắp, nhưng mặc dù một chân bằng gỗ, hắn vẫn nhanh nhẹn đứng dậy. — Lạy Chúa, ông tha cho con...

— Mày lấy ai làm thằng giúp việc cho mày đấy hả?! — Cáp-ta-nốp hung hãn gầm lên. — Mày cho ai cái việc nhàn nhã như vậy hả? Tao đã ra lệnh cho ai không được để nó ra khỏi xưởng nấu nhựa, cho nó mục thây trong rừng tai-ga, cái đồ bất trị lếu láo ấy?

Ngay từ khi Đê-mi-an I-nhi-u-chin giao cho anh trông coi đám đàn bà thợ gặt, Phê-đô đã lo lắng nghĩ: Cáp-ta-nốp không thích việc này đâu. Nhưng anh không nghĩ là ông chủ lại tức giận đến tột cùng như vậy.

— I-van! — Cáp-ta-nốp quát, đôi đế giày giẫm bụi đất tung mù. — Đưa roi đây!

I-van đưa roi, mắt không nhìn ai cả. Phê-đô còn chưa kịp hiểu ra, đôi vai anh đã nghe bỏng rát, như bị chém ra làm đôi.

— Đây, tao trả công cho mày! Đây...

Phê-đô chạy loanh quanh giữa mấy bức tường kho, cố tránh đòn, nhưng ngọn roi, như rắn, cứ đuổi kịp anh và mổ rát vào người.

— Còn đây là về việc An-na này! Đồ hèn mạt! Mày dám giơ bàn tay bẩn thỉu kia động đến ai hả?! Tao sẽ bẻ đùi mày ra! Sẽ giẫm bẹp mày như con giun!

Phê-đô không tránh ngọn roi nữa, mỗi lần bị đánh, người anh lại giật nảy lên, trong đầu chỉ một ý nghĩ: «Ra thế đấy! I-van... I-van mách với hắn... về việc mình với An-na! Lại còn đưa roi cho lão ta, đồ rắn độc!» Và lảo đảo, đưa hai tay ra phía trước, Phê-đô bước đến bên I-van, định túm lấy cổ đứa em ruột. Nhưng vừa mới đến gần, I-van đã đưa nắm tay cứng như sắt đấm mạnh vào hàm dưới, Phê-đô ngã xoài xuống nền đất đã bị giẫm nát, như Đê-mi-an I-nhi-u-chin, chỉ khác là mặt úp xuống dưới. Anh cảm thấy trong miệng mùi máu mằn mặn.

— Cha ơi! — anh nghe một tiếng thét thất thanh. Qua cặp mắt sưng vù, anh thấy An-na từ trên thềm chạy bổ xuống. — Không được động đến anh ấy, đồ ác ôn!

An-na chạy đến bên Phê-đô, xô Cáp-ta-nốp và I-nhi-u-chin ra, cúi xuống định đỡ anh dậy.

— Phê-đô! Anh...

Mặt tái mét, Cáp-ta-nốp túm lấy tóc An-na, đập mạnh, không thương tiếc, đầu cô vào bức tường kho mốc đen. Rồi hắn lấy roi quật túi bụi vào người cô, đuổi vào nhà. Hắn đuổi cô như đuổi một con cừu cái, còn cô, không kêu thêm một tiếng nào nữa, chỉ mỗi lần bị roi quất phải, lại ngã xuống, bò bốn chân tay, kéo lê mấy bím tóc dài trên mặt đất, đứng lên, rồi lại ngã chúi xuống. Trong đầu Phê-đô một đám cháy bốc lên hừng hực, anh muốn đứng dậy, nhảy vào giúp An-na, nhưng không còn sức lực nữa.

Phê-đô còn thấy Cáp-ta-nốp từ trên thềm quay xuống, đưa ống tay áo lau trán đẫm mồ hôi, nghe hắn vừa thở hổn hển, vừa bảo I-nhi-u-chin:

— Tao để thằng I-van lại giúp việc cho mày. Để hắn lâu dài đấy. Hãy bày vẽ cho nó, nó coi ngựa và đánh xe thế cũng đã đủ rồi. Còn thằng này — vứt ra khỏi cổng.

Và Phê-đô ngất đi.

Anh tỉnh lại vì có người nào đó đang sờ nắn lên người anh. Cố mở đôi mí mắt nặng trịch, anh thấy Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin đang ngồi xổm trước mặt:

— Làm việc cho nhà Cáp-ta-nốp được trả công đầy đủ

rồi chứ? Hay là hắn ta còn nợ gì nữa? — Pô-li-các-pơ hỏi, chiếc miệng đã lâu không cạo, cười khẩy. — Nào, để tớ đưa cậu về nhà...

«Và anh cũng tiếc cha tôi đã bị I-van bắn chết...»

...Không, cái này thì cô nói bậy rồi, An-na ạ! Phê-đô không bao giờ thương tiếc Cáp-ta-nốp đâu, — Phê-đô nghĩ về mình như về một người nào khác, mắt vẫn nhìn bí thư huyện ủy Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin đang ngồi bên mép bàn. Không, ở đây lại là chuyện khác, hoàn toàn khác. Lúc đó, anh dằn vặt suy nghĩ, anh tiếc về chuyện khác: tại sao lại như vậy, tất cả những kế hoạch và mơ ước của đời anh, bắt đầu xuất hiện trong đầu anh vào cái mùa hè khi anh làm «quản trại» của Cáp-ta-nốp, bỗng sụp đổ; và cái chỗ bên cạnh Cáp-ta-nốp mà anh đã nhầm chọn cho mình, bỗng bị I-van chiếm mất?

...Cuộc họp trong hội trường trạm máy kéo vẫn tiếp tục. Nó bắt đầu từ lâu hay chỉ mới bắt đầu — Phê-đô không còn nhớ ra nữa. Hình như thời gian trôi qua cũng đã nhiều: những dải bóng dài màu xanh của các xưởng trên mặt tuyết trắng đã biến mất, và chính các xưởng cũng biến mất, chúng chìm ngập trong màn đêm đen lạnh lẽo, chỉ có một cửa sổ duy nhất ở đằng xa hắt ra thứ ánh sáng vàng vọt. Còn giám đốc trạm máy kéo vẫn đứng sau chiếc bục gỗ đã cũ và nói mãi, nói mãi về một chuyện gì đó...

...Đúng, tất cả là như thế đó, Phê-đô quay trở lại với những suy nghĩ của mình. Nhưng tại sao lại như thế, tại sao anh lại tham gia vào đội du kích?

Không thể nào nhớ chi tiết được tất cả những sự kiện xảy ra vào mùa hè nóng nực của năm 1916, vào mùa đông ấm áp hiếm có của năm 1917, và sau đó là thời kỳ sôi sục hỗn loạn năm 1918 và 1919. Khi cách mạng nổ ra, tình hình ở làng Mi-khai-lốp-ca rất lâu vẫn không thay đổi, lão Cáp-ta-nốp vẫn làm vua làm chúa như trước. Nhưng rồi hắn bỗng nằm im, bắt đầu thu hẹp việc buôn bán. Chính quyền Xô-viết được thành lập ở Mi-khai-lốp-ca một cách rất đơn giản — Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp từ San-ta-ra về triệu tập dân làng lại họp, quyết định thành lập Xô-viết làng, bầu Pan-crát Na-da-rốp làm chủ tịch. Cáp-ta-nốp sống lì một chỗ ở trại Ô-gơ-nhép-xki, suốt ngày chè chén, say rượu ở đấy...

Đúng, nhiều chuyện đã quên đi, sự việc xảy ra cũng đã lâu rồi, đã trở nên bàng bạc như sắc trời tháng Chín đầu thu. Nhưng cái chính thì vẫn chưa quên. Thêm vào nữa, cái chính đó cũng chẳng có gì làm nhiều lắm. Nó, cái chính đối với anh ấy, bắt đầu vào một buổi tối mùa hè năm 1918.

Buổi chiều ngày hôm đó trời nổi cơn dông, bầu trời bị những tia chớp xé rách ra thành từng mảnh vụn. Những luồng sáng đỏ thẫm liên tục trùm lên những ngọn núi đá dãy Dve-nhi-gô-ra. Gió giật từng cơn, rừng tai-ga chuyển mình, rít gào dữ tợn.

Chỗ hẹn của Phê-đô và An-phi-xa cách làng không xa, ở một khe núi vắng vẻ trong rừng tai-ga. Ở đó, Phê-đô dựng lên một túp lều con bằng gỗ, trải những mảnh dạ cũ lên mặt đất, phía trên lều che bằng những cành thông rậm lá.

Hôm đó, An-phi-xa không có mặt ở làng Mi-khai-lốp-ca, cô vừa cùng với mẹ ngày hôm trước đi sang làng Ca-da-nhi-kha bên cạnh, đến một người đàn bà sắp đẻ — mẹ An-phi-xa đang truyền nghề cho con gái. Nhưng Phê-đô mang thẻo tấm áo mưa, vẫn đi đến chỗ hẹn. Anh vừa đi vừa nghĩ: «Hôm nay là thứ tư. An-phi-xa cứ thử không đến xem! Cứ thử không đến xem!..»

Phê-đô biết rằng anh nổi nóng như vậy là vô ích, rằng An-phi-xa nhất định sẽ đến, dù cho có chuyện gì xảy ra. Nhưng vừa đến cạnh lều, Phê-đô đứng sững lại: Ki-ri-an I-nhi-u-chin đang vội vã phá chỗ trú của anh và An-phi-xa, giận dữ kéo đổ những thanh gỗ dài, những cành thông lợp mái xuống và ném vung ra tứ phía.

— A, mày, đồ khốn nạn! — Phê-đô nhảy hai bước đến bên cạnh Ki-ri-an, một tay túm lấy cổ áo, tay kia vung mạnh đấm vào hàm dưới.

Ki-ri-an không bỏ chạy, chỉ ngã ngồi xuống, rồi quỳ lên hai đầu gối.

— Mày... mày theo chúng tao từ bao giờ thế này? Sao mày dám?!

— Phê-đô! Phê-đô! Anh bỏ An-phi-xa đi! Anh đừng động đến nó nữa đi! — Ki-ri-an ôm chặt lấy chân Phê-đô, miệng kêu ăng ẳng như chó con.

Phê-đô nổi điên lên giơ chân đạp mạnh. Anh còn định

18-652

đạp lần nữa, nhưng từ trong bụi cây An-phi-xa chạy vụt ra, đầu tóc sổ tung, người đẫm đìa mồ hôi cáu bẩn, như vừa ở trong nhà tắm ra đã lăn ngay xuống mặt đường đầy bụi.

—Phê-đô! Phê-đô!—cô kêu to và kiệt sức ngã lăn xuống cỏ.—Ở bên ấy, ở Ca-da-nhi-kha... Chính lão Cáp-ta-nốp... Và thằng Di-nô-vi! Ở Ca-da-nhi-kha ấy! Còn ở làng ta—Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp! Và Pan-crát Na-da-rốp... Pan-crát Na-da-rốp ấy!..—Cô thở dốc, há miệng ra hớp không khí. Phê-đô và Ki-ri-an không thể hiểu ra chuyện gì, sợ hãi vây lấy cô.

—Chuyện gì ở Ca-da-nhi-kha? Nói đầu đuôi xem sao?

—Lão Cáp-ta-nốp ở đó... cả một đội kỵ binh đến năm chục người, hoặc hơn... Chúng đến làng Ca-da-nhi-kha, lôi ông chủ tịch Xô-viết thôn từ trong nhà ra và ngay ở thềm... Trời ơi, chúng dùng gươm chém chết ngay ở thềm. Còn vợ của ông ta, có mang, đã bắt đầu chuyển dạ đẻ, cũng bị chúng túm tóc lôi đi với mẹ em... «Mày giúp đẻ ra thằng chủ tịch Xô-viết mới à?» Em đang đun nước trong bếp. May mà kịp lao qua cửa sổ...

Và An-phi-xa nằm lăn ra cỏ khóc ngất đi. Phê-đô và Ki-ri-an đứng cạnh, sửng sốt, không biết phải hiểu những lời của An-phi-xa như thế nào, phải làm gì. Trên đầu họ, sấm mỗi lúc một dữ dội hơn, chớp nhằng nhịt, nhưng gió hình như đã ngớt và vẫn chưa có mưa.

Mi-khai-in Lu-kích Cáp-ta-nốp đã nửa năm nay biến mất khỏi trại Ô-gơ-nhép-xki, và cùng với hắn là I-van. Không hề có tin tức gì về hai người cả, và đấy, nay lại xuất hiện.

—An-phi-xa, An-phi-xa,—Ki-ri-an cúi xuống người cô gái, vuốt nhẹ lên vai.—Đừng khóc nào, đừng khóc...

—Nào, kể đầu đuôi lại xem nào,—Phê-đô cũng ngồi xuống phía bên kia.—Chúng... làm gì với mẹ rồi?

—Mẹ ơi, mẹ ơi, mẹ-ẹ!—An-phi-xa khóc rống lên, lắc đầu, đập trán xuống đất, những túm tóc dài vướng vào cỏ. Rồi cô nhỏm dậy, quỳ trên hai đầu gối, đôi mắt cô vốn đã cháy lên man rợ, mỗi lúc chớp lóe lên, trông chúng càng khủng khiếp.—Sao các anh lại ngồi như thế?! Chúng, lão Cáp-ta-nốp và Di-nô-vi cùng bọn kỵ binh, chắc sắp tới làng Mi-khai-lốp-ca của ta rồi. Chúng bảo phải moi ruột Na-da-rốp ra.

Cả Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp nữa... Có ai nói với chúng rằng họ đang ở Mi-khai-lốp-ca.

Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp quả là chiều qua mới về Mi-khai-lốp-ca để giải quyết việc gì đó liên quan đến lúa mì, cãi nhau một trận rất lâu với chủ tịch Xô-viết Pan-crát Na-da-rốp, định chiều nay triệu tập hội nghị toàn thôn, nhưng Phê-đô nghe nói phải hoãn đến ngày mai, vì thời tiết xấu.

—Có thể... có thể chúng đã ở Mi-khai-lốp-ca rồi?—Ki-ri-an nói.

—Thế thằng I-van có đi với bọn chúng không? Em có thấy không?

—Nếu như... nếu như các anh không báo kịp, họ cũng sẽ bị chém chết! Như mẹ của em, như... Lúc đó em sẽ nguyền rủa tất cả các anh!..

Rồi An-phi-xa đứng lên, lảo đảo đi về phía làng. Ki-ri-an và Phê-đô đi theo sau. Khi An-phi-xa bắt đầu chạy, họ cũng bất giác chạy theo.

Trong buổi chiều dông bão hôm đó, cả anh, Phê-đô, cả An-phi-xa, cả Ki-ri-an I-nhi-u-chin đều không hiểu việc gì đang xảy ra, vì sao lão Cáp-ta-nốp mấy lâu nay trốn biệt ở một nơi nào đó bỗng bất ngờ xuất hiện, và không phải một mình, mà với cả một toán phỉ. Chỉ có sau này, khi tỉnh lại trong bệnh viện San-ta-ra, anh mới biết rằng cuối tháng Năm, bọn bạch vệ Tiệp Khắc đã nổi loạn trên khắp lãnh thổ Xi-bi-ri, rằng, Chính quyền Xô-viết trong khắp các thành phố lớn dọc tuyến đường sắt đã bị lật đổ.

Còn trong buổi chiều hôm đó, cuối cùng họ cũng đã báo kịp cho Cru-gi-lin, A-lây-nhi-cốp, Na-da-rốp cùng gia đình. Nhưng chỉ kịp vào giây phút cuối cùng, khi không còn khả năng nào để trốn ra khỏi làng Mi-khai-lốp-ca được nữa. Toán phỉ của Cáp-ta-nốp đồng thời một lúc từ hai phía ập vào làng, vừa la hét, vừa nổ súng bắn bừa bãi. Cru-gi-lin, A-lây-nhi-cốp, Na-da-rốp, vợ ông với đứa con trai bảy tuổi Mắc-xim, cùng Phê-đô, An-phi-xa, Ki-ri-an và An-na không biết từ đâu đến—chạy hốt hoảng, xô đẩy vấp cả vào nhau trong các ngõ xóm chật hẹp. Vợ Na-da-rốp liên tục làm dấu thánh, Mắc-xim khóc thét lên vì hoảng sợ, Na-da-rốp kẹp con vào nách như kẹp bị bông. Tiếng súng, tiếng vó ngựa đôi

lúc nghe như sát ngay bên cạnh, tất cả nằm bẹp xuống, ép người vào hàng rào. Mọi người đều hiểu rằng tất cả đều không thoát chết, nếu không xảy ra một điều kỳ lạ nào đó. Cáp-ta-nốp một khi đã say máu sẽ không thương tiếc một ai — cả Phê-đô, cả Ki-ri-an I-nhi-u-chin, cả con gái của mình An-na, nếu như hắn trông thấy cô cùng với mọi người.

— Sao em lại đến đây? — Phê-đô quát bảo cô. — Đi đi, nếu không chết oan đấy.

— Anh đi đi thì có! — An-na vặc lại. — Chú Pan-crát ơi, chú cùng với cô và đứa bé... thử đi lối sau... đến nhà cháu đi. Cháu sẽ giấu các chú vào gian xép của cháu, may ra họ không đoán ra. Ba người cùng đi, đủ chỗ cho cả ba người...

— Đúng đấy, Pan-crát cứ đi đi! — Cru-gi-lin kêu to và túm lấy vai An-na, quay mặt cô về phía mình. — Cám ơn cô. Thế mà tôi không biết cô đấy. Nếu qua được, chúng tôi sẽ đền ơn cô. Các anh hãy đi theo con đường này, may ra...

An-na, Pan-crát Na-da-rốp với đứa con cắp dưới nách, cùng vợ của ông chạy đi. Lúc đó, An-phi-xa kêu to:

— Ki-ri-an! Nhà anh ở kia kìa! Xuống trốn dưới hầm ấy, được không?.. Hay là một nơi nào đó? Không ai đoán ra đâu.

— Không biết... — Ki-ri-an lắc đầu. — Nhưng cha ở nhà, sau khi mẹ chết, cha vẫn đang ốm.

— Ki-ri-an! — An-phi-xa gục đầu vào ngực Ki-ri-an I-nhi-u-chin. — Anh tốt lắm, hãy tốt hơn nữa đi! Em sẽ làm vợ anh, nếu anh...

— Nhưng cha anh thì làm sao? Mọi người biết đấy, cha anh là người thế nào...

— Không thì chúng cũng sẽ giết cả em... nếu như chúng bắt được! Ở Ca-da-nhi-kha, khi thấy em nhảy qua cửa sổ, Cáp-ta-nốp hét: «Bắt lấy con bé kia, chặt hết tay chân nó đi, nó định đỡ cho con thằng chủ tịch Xô-viết đấy!» — Và thấy Ki-ri-an vẫn còn lưỡng lự, cô hét lên một cách khủng khiếp: — Ki-ri-a-an!

— Thôi được... Nhưng cũng phải... đưa cả cha xuống hầm nhà. Không thì ông ấy sẽ làm lộ hết.

An-phi-xa, Ki-ri-an, Cru-gi-lin, A-lây-nhi-cốp men theo các vườn rau chạy về phía nhà I-nhi-u-chin. Phê-đô không chạy theo họ. Cảm thấy một sự nhẹ nhõm, anh ngồi xuống

bờ rào, nhìn về đám cháy phía nhà Na-da-rốp. Anh ngồi và suy nghĩ: mấy người này gần, sẽ kịp, còn An-na có đưa được họ về đến nơi không? Đường hơi xa...

Sáng hôm sau, Phê-đô biết tin họ đã đến kịp. Họ thoát có lẽ cũng nhờ bóng tối ập đến rất nhanh và trận mưa rào cuối cùng cũng đã trút xuống, nếu không thì họ khó lòng đến nơi được mà không bị phát hiện. Anh biết tin qua I-van, khi người em ghé qua nhà một lúc. I-van không có gươm, chỉ có chiếc roi ngựa cầm trong tay.

—Anh hùng lắm, tao thấy... Đi đâu cũng mang roi ngựa theo. Thằng rể khá đấy,—Phê-đô nói. I-van khẽ nhếch môi trên bắt đầu để ria, bước ra sân.

Nửa giờ sau, cánh cửa bỗng mở tung, Cáp-ta-nốp chạy xộc vào, hất ông già Xi-lan-chi định đứng dậy đón hắn sang một bên, túm lấy ngực áo Phê-đô lắc mạnh.

—Nói ngay, chúng trốn đi đâu? Nếu không tao đánh cho hộc máu! Chúng nó đang ở đâu đây, hôm qua có người trông thấy mày đi với chúng.

—Tôi không biết. Ai trông thấy tôi?

—Bây giờ chúng tao sẽ biết mày có biết hay không.

Hắn ném Phê-đô cho mấy gã đàn ông râu ria xồm xoàm đứng ở cửa. Chúng liền túm lấy tay chân Phê-đô, khiêng ra ngoài sân, lột sạch áo quần, trói úp bụng xuống, vào một tấm ván và ném xuống đất. «Thế là hết, bây giờ chúng sẽ bắn, chúng sẽ bắn...»—Khi bị lôi qua sân, lột hết quần áo, trong đầu Phê-đô như có tiếng gõ. Thậm chí, anh không còn biết là mình có sợ hay không—mọi việc xảy ra quá nhanh. Không hiểu sao anh lại không thể đoán ra là chúng đang chuẩn bị đánh anh. Đến khi ngọn roi rít lên và quất rát trên lưng, anh mới hiểu ra tất cả và hét to:

—Chúng mày làm gì thế, lũ khốn nạn?! Chúng mày làm gì thế?..

Anh hét lên không phải vì đau, mà vì căm phẫn, vì giận dữ bất lực. Có lẽ chính cơn giận đó đã giúp anh không khai ra. Và còn một lý do nữa là cách đấy không xa I-van đứng ôm lấy mõm một con ngựa và cau có nhìn anh. Tính cách của Phê-đô lần này lại giúp anh một cách đắc lực, vô giá.

Chúng đánh anh rất lâu, cật lực, băm nát lưng, đít và hai

chân cho đến tận gót. Anh chỉ cảm thấy đau đớn một lúc, sau nghe trong đầu ù lên như thể bị một cái gì đó cứng và nóng ép chặt, ép cho đến lúc nó bị vỡ vụn ra, cho đến lúc bất tỉnh.

Khi tỉnh lại, cái đầu tiên anh nghe là giọng của Cáp-ta-nốp:

—Lần cuối cùng tao hỏi: chúng trốn ở đâu? Chúng trốn ở đâu, nói ngay!

· Đôi mí mắt của Phê-đô sưng vù lên—không biết vì bị roi quất phải hay chỉ là vì đau đớn,—anh trông không rõ. Nhưng anh vẫn thấy I-van đang đứng ở chỗ cũ, tay ôm lấy mõm ngựa, một đám đông đàn bà, đàn ông, trẻ em đứng bên kia hàng rào, anh vẫn nghe tiếng phụ nữ và trẻ con khóc thút thít, tiếng đàn ông lo lắng thì thầm: «Bây giờ... bây giờ thì phải im lặng,—Phê-đô thoáng nghĩ.—Nếu không, sau này đi đâu cho khỏi xấu hổ, nhục nhã? Mọi người sẽ nói: hắn không chịu được, hèn nhát... Họ sẽ cười nhạo anh. Còn với thằng I-van này, nếu tao sống, tao sẽ tính sổ với mày. Tao sẽ không quên đâu. Không biết giờ An-na đang ở đâu? Cô ta có thấy mình thế này không?»

Anh tỉnh dậy, lần thứ hai trong sự im lặng hoàn toàn, trong một khoảng trống bàng bạc nào đó. Anh vẫn nằm úp bụng, lưng bỏng như lửa đốt, những cọc sắt lô nhô trước mắt.

Một lúc sau anh đoán ra là mình đang nằm trên giường. Hơi nghiêng đầu sang bên, anh trông thấy An-na đang ngồi thẳng trên chiếc ghế đẩu, người hốc hác, xa lạ.

—Anh đang ở đâu thế này?—Phê-đô hỏi.

—Ở San-ta-ra, trong bệnh viện. Đã bốn ngày nay rồi.

—A-a... Sao lại đến đây được?

—Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp đưa đến.

—Nghĩa là họ đã thoát được rồi?.. Không bị chúng tìm thấy?

—Không. Họ trốn trong hầm nhà I-nhi-u-chin. Bắt cả Đê-mi-an I-nhi-u-chin xuống hầm, trong nhà chỉ có một mình Ki-ri-an. Anh ta kể: được một mẻ sợ... Cha của em mấy lần đến nhà, tra hỏi: Đê-mi-an I-nhi-u-chin đi đâu? Ngồi trên ghế và hỏi...

—Thế còn... Pan-crát Na-da-rốp?

—Mấy người này trốn dễ hơn. Không ai đến gần phòng

em cả. Làm sao mà đoán được! Bây giờ Na-da-rốp cùng gia đình cũng ở San-ta-ra này.

—Tại sao lại ở đây?

—Bây giờ còn ở đâu? Chính quyền Xô-viết ở các làng quanh đây không còn nữa. Chỉ còn ở San-ta-ra này nữa thôi. Ở các làng đội kỵ binh của cha em đang hoành hành. Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp cũng ở đây, đang tổ chức bộ đội, suốt ngày đêm canh gác các ngả đường, sợ cha em có thể kéo đến... Cả Ki-ri-an cũng đã trốn khỏi Mi-khai-lốp-ca rồi.

—Thế đấy!

—Vâng, cha em và bọn kỵ binh đến chiều thì đi khỏi Mi-khai-lốp-ca. Còn Đê-mi-an I-nhi-u-chin, vừa mới được thả ra khỏi hầm nhà, đã bí mật thắng ngựa đuổi theo. Sáng ngày hôm sau tất cả lại kéo về. Đê-mi-an cầm súng lục trong tay, chạy khắp sân nhà, lục lọi tìm Ki-ri-an, rồi tìm An-phi-xa. Nhưng hai người từ chiều hôm trước đã biết mà trốn vào rừng tai-ga. Họ gọi cả em theo.

—Ra thế đấy!—Phê-đô lại thốt lên.—Thế sao em không đi?

—Em cần phải đến đây...—An-na nói khẽ. Rồi cô đưa khăn tay lên chấm nước mắt đang trào ra, khóc nấc lên nặng nề:—Anh Phê-đô... Bọn chúng làm gì với anh thế?

...Còn việc gì tương đối chi tiết mà Phê-đô nhớ được trong số những sự kiện rối rắm của những năm ấy? Đám cưới du kích của anh với An-na à? Vâng, có lẽ... Tất cả những cái khác trong trí nhớ bây giờ đều bị xáo trộn giữa ngày và đêm, giữa khói và súng đạn, giữa lửa và máu...

Phong trào du kích ở San-ta-ra và xã bên cạnh bắt đầu từ lâu trước khi xảy ra loạn Côn-tsắc. Toán phỉ của Cáp-ta-nốp sau một thời gian ngắn đã phát triển lên một cách đáng sợ, và trong khi Phê-đô còn đang nằm ở bệnh viện, chúng đã hai lần tấn công vào San-ta-ra, suýt nữa thì chiếm được. Cảm thấy sẽ không giữ nổi lần thứ ba, Cru-gi-lin đưa đội du kích được trang bị rất kém của mình đầu tiên trốn vào những hang núi dãy Dve-nhi-gô-ra, và sau khi trải qua được một trận đánh rất ác liệt, họ lại tiếp tục đi xa hơn, sang quá bên kia làng Mi-khai-lốp-ca, đến vùng thượng lưu nằm trong rừng rậm rạp của con sông Grô-mô-tu-kha. Phê-đô, lúc đó hãy còn rất yếu—

da lưng bị roi băm nát bắt đầu lên sẹo, — cũng đi cùng đội. An-na, dứt khoát không rời Phê-đô, cũng đi theo.

Dần dần, Phê-đô bắt đầu bình phục, khỏe mạnh như xưa. Đầu tiên Cru-gi-lin cho anh phụ trách một nhóm năm du kích, sau đó mười, và cuối cùng là cả một phân đội kỵ binh. An-na luôn luôn ở bên cạnh anh, giặt giũ, chăm sóc anh. Mấy lần Phê-đô cố tìm cách ngủ với cô, nhưng An-na kiên quyết không cho, nhắc đi nhắc lại như một cái máy vẫn một câu:

— Không đâu... Dù anh có chém chết. Còn nếu anh muốn, thì làm lễ cưới đi.

Nhưng, Phê-đô, không hiểu sao, lại không muốn cưới. Mà thực ra cũng không có lúc nào nữa — suốt mùa thu năm 1918, đội du kích của Cru-gi-lin khi thì đuổi theo bọn phỉ Cáp-ta-nốp, khi thì ngược lại, ẩn trong rừng trốn chúng. Mùa đông đến, họ mới được nghỉ ngơi một ít, vì rằng bọn cướp Cáp-ta-nốp bỗng ít hoạt động, sau đó trốn đi đâu mất; nhiều người trong đội du kích trở về nhà mình. Chẳng bao lâu sau, họ lại phải vào rừng tai-ga, vì rằng trong các làng bắt đầu xuất hiện các đội tiễu phạt của tên tướng Côn-tsắc.

Sau này Phê-đô mới hiểu tại sao lúc đó anh không muốn tổ chức lễ cưới với An-na. Từ hồi mùa thu, Ki-ri-an I-nhi-u-chin đã đến nhập vào đội du kích, người anh càng uốn cong lại như một chiếc lưỡi câu, đôi vai càng buông thõng xuống.

— Kìa, cậu còn sống đấy à? — trông thấy anh, Phê-đô kêu lên ngạc nhiên.

— Còn sống. An-phi-xa đã kịp đem đi trốn.

— Các cậu trốn ở đâu?

— Trong rừng... khắp nơi. Rồi An-phi-xa nói: «Anh Ki-ri-an, anh đến đội du kích đi». Thế là tôi đến. Cru-gi-lin không nói gì, nhận ngay.

— Thế An-phi-xa ở đâu? Sao cậu không đưa đi theo?

— Chẳng sao cả. Cô ta đi bây giờ còn chưa tiện.

— Chưa tiện? Có thai à? Với cậu chắc, đồ nhãi ranh còn thò lò mũi?

— Cái ấy thì còn chưa biết, với tôi hay với anh... Cái chính là ở chỗ đó.

Chính cái «còn chưa biết» này đã làm cho Phê-đô chưa muốn tổ chức cưới An-na.

Đến mùa xuân có tin báo vào đội, rằng An-phi-xa hồi mùa đông đã sinh con ở một làng nào đó. Đứa bé chết từ trong bụng mẹ, còn An-phi-xa thiếu chút nữa cũng không sống nổi. Khi biết An-phi-xa qua khỏi, mặt Ki-ri-an rạng rỡ hẳn ra, còn Phê-đô quyết định sẽ cưới An-na. Nhưng vừa lúc đó lại bắt đầu thời kỳ mà không thể nào nghĩ đến chuyện cưới xin được. Từ Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, một trung đoàn bạch vệ của đại tá Du-bốp được phái đến với nhiệm vụ đặc biệt: tiêu diệt đội du kích của Cru-gi-lin.

Mãi đến tháng Mười Một năm 1919, khi tuyết đã bắt đầu rơi, đám cưới mới được tổ chức ở trong một làng tai-ga lớn Mắc-xi-u-tô-vô. Nếu không phải là đàng hoàng, sang trọng thì nó cũng khá ồn ào, vui nhộn, nhưng kéo dài không lâu, tất cả chỉ trong vòng một ngày. Toán phỉ của Cáp-ta-nốp đã bị đánh tan, nhưng thị trấn San-ta-ra vẫn còn nằm trong tay bọn Côn-tsắc. Tàn quân của các toán phỉ bạch vệ đều tụ tập về đấy, và theo tin tức của I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, người mà chuyện gì cũng biết, ở đó chúng đang gấp rút thành lập một đội quân tiễu phạt mới. Bất kỳ giờ phút nào cũng phải đề phòng chúng ập đến.

Đám cưới rất vui nhộn — có cả xe ngựa tam mã, đàn gió, hò hát, nhảy múa. Cả Cru-gi-lin cũng nhớ lại thời trẻ, nhảy một điệu «Nga — Di-gan» — như anh giới thiệu — đến nỗi sàn nhà bằng gỗ thiếu chút nữa thì gãy kêu răng rắc. Nhưng dù sao, Phê-đô vẫn cảm thấy lờ mờ rằng trong đám cưới này vẫn có một cái gì khang khác, không ổn: hay là không đủ vui, hay là ngược lại, có hơi quá đà một ít, hay là đám cưới này anh tổ chức quá sớm, nghĩ còn chưa kỹ, hay là ngược lại, đã quá muộn. Trong đám cưới của anh với An-na như có một cái gì vừa thừa, vừa thiếu, dường như toàn bộ sự vui vẻ đã bị tước mất phần linh hồn, chỉ còn lại những âm thanh, rượu vang và rượu ngang bị lấy mất niềm vui ngây ngất, chỉ còn lại cái men cay nồng nặc. Có thể, tất cả sẽ khác đi nếu người ngồi bên cạnh anh không phải An-na mà là An-phi-xa? Không, không phải như thế. Đã từ lâu anh không gặp An-phi-xa, và anh cảm thấy thản nhiên trước việc đã có một thời gian nào đó An-phi-xa sống với Ki-ri-an, và gặp dịp, họ thường gửi lời thăm hỏi cho nhau.

Phê-đô rùng mình, rồi cả người anh nóng bừng lên khi tình cờ nghe tiếng thì thào của hai bà già nào đó nói với nhau:

— Lạy Chúa, cái gì thế này? Đúng là loạn, là loạn... Cha thì bị thằng em bắn chết, còn con gái lại đi lấy anh kẻ đã giết cha mình...

— Đúng là loạn, bà láng giềng ạ, loạn!

— Đấy, xem kìa, không dám ngẩng mặt lên. Chắc phải xấu hổ lắm.

— Đúng là xấu hổ, làm sao lại không xấu hổ được, hả bà?..

Anh nghe thấy tiếng thì thào đó, và đầu bốc lên như một thùng nước sôi. Ôi, tất cả sẽ bình thường, đầy đủ — sẽ có cả niềm vui ngây ngất trong cốc rượu cưới, sẽ có cả linh hồn trong tiếng nhạc, nếu Cáp-ta-nốp gả con gái cho anh như trước đây anh hằng mơ ước, nếu như ông ta, cha của An-na, vẫn ngồi bên cạnh anh đây, mặt đỏ bừng, say sưa và sung sướng... Nhưng Cáp-ta-nốp Mi-khai-in Lu-kích không còn và sẽ không bao giờ còn nữa... Và gia tài giàu có của ông ta cũng đã mất. Thế thì anh, Phê-đô, đã đạt được cái gì? Thế thì sự vui vẻ này, cái đám cưới này là để làm gì? Anh rùng mình, vì anh sợ những ý nghĩ đó, sợ cả chính bản thân mình. «Mình còn nghĩ về chuyện gì nữa?! Sau tất cả... tất cả những gì đã và đang xảy ra trên thế giới này?!» Anh liên tiếp uống cạn liền hai cốc rượu ngang cực mạnh, để vĩnh viễn xua đuổi, dập tắt những ý nghĩ trên, để quên đi tất cả.

Và anh đã quên. Anh tỉnh lại khi hiểu ra rằng An-na sau bao nhiêu năm không cho phép anh động đến, hóa ra đã mất trinh.

— Ai đã... thử cô? I-van à?

— Không, không! Anh Phê-đô thân yêu, không!

— Thế thì ai?

— Em không có tội, anh Phê-đô. Em không thể nói được. Nhưng em trung thành với anh. Nghìn lần anh sẽ thấy là em trung thành. Em sẽ xứng đáng với sự tha thứ của anh, em nguyện là miếng vải lót giày cho anh, em sẽ sẵn sàng chết vì dù là một sợi tóc của anh! Anh còn chưa biết em yêu anh đến chừng nào đâu! Nhưng anh đừng hỏi, anh Phê-đô, anh hãy quên đi nhé?

...Xa-vê-li-ép Phê-đô! Anh ngủ đấy à? Phê-đô Xi-lan-chi-ê-vích?

Người gọi ông là Gô-lô-va-nốp, trưởng phòng công tác chính trị vừa mới được thành lập mùa thu năm ngoái của trạm máy kéo. Ông là thương binh mới từ ngoài mặt trận về, hãy còn phải chống nạng. Tính tình vui vẻ, cởi mở, mặc dù bề ngoài, ông có một cái gì đó giống A-lây-nhi-cốp. Cặp nạng của ông dựa vào tường chiếc bục gỗ cạnh đoàn chủ tịch.

— Không, không ngủ. Chỉ có hơi mệt.

— Đấy, mọi người không tin rằng anh có thể gặt được hai nghìn rưởi héc-ta lúa.

— Mặc họ. Còn tôi sẽ gặt được, nếu như cho tôi bộ hái loại nhãn hiệu «Xta-lin». Trong báo viết rằng mùa thu năm ngoái ở trạm máy kéo bên cạnh một người, bằng bộ hái như vậy, đã gặt được hai nghìn hai trăm héc-ta. Còn tôi sẽ gặt đủ hai nghìn năm trăm, nếu như cỗ máy liên hợp không phải đồ vứt đi như của tôi năm ngoái...

Phê-đô nói, nhưng những lời của An-na vẫn gõ trống nhức nhối trong đầu:

«Còn việc toàn bộ gia tài của cha tôi chỉ còn lại khói đen — chính việc này suốt đời đã gặm mòn anh».

Gặm mòn à? Không đâu, cô nói láo rồi, An-na ạ! Cô thông minh lắm, có thể trước đó tất cả đều nói đúng, nhưng ở đây cô nói láo rồi. Thực ra, lúc đầu chính vì cái đó mà tôi muốn lấy cô. Và trong đám cưới cũng có thoáng tiếc rằng mọi việc lại không được như vậy, như mong muốn trước kia. Nhưng sau này, tiếc những cái đó phỏng còn được ích lợi gì? Sự nuối tiếc không thể đảo ngược lại được, không thể mang lại cái gì cả. Cô nói láo, nói láo, nói láo!

Phê-đô có cảm tưởng như những lời cuối cùng ông hét to lên thành tiếng. Ông hoảng hốt nhảy chồm dậy, lấy bàn tay lau trán đẫm mồ hôi.

— Anh sao thế, Phê-đô Xi-lan-chi-ê-vích? — Gô-lô-va-nốp liền lên tiếng hỏi. — Anh ốm thật đấy à?

Phê-đô trông thấy đôi mắt lo lắng của ông và của Cru-gi-lin.

— Không, không sao... Chỉ có hơi chóng mặt. Tôi muốn về nhà... nếu các anh cho phép.

Và không đợi trả lời, ông bước ra cửa.

Cạnh thềm, mọi người đi theo ra vây lấy ông. Cru-gi-lin ra lệnh chở Phê-đô về nhà trên chiếc xe ngựa của mình. Một người nào đó cũng lên tiếng nhận đưa ông về. Phê-đô từ chối tất cả, nói rằng sẽ tự mình đi về nhà. Rồi, tách khỏi đám đông, ông bước ra cổng trạm máy kéo.

* * *

Phê-đô chậm chạp bước dọc theo con đường làng tối đen, vắng vẻ, thỉnh thoảng lấy bàn tay lau mồ hôi rịn ra trên trán nóng bỏng, và không vui nghĩ rằng cả ở đây An-na, cái con mụ phù thủy ấy, cũng nói đúng. Đúng, đúng, ông tiếc tất cả! Tiếc rằng Cáp-ta-nốp chết quá sớm, rằng cả gia tài của hắn ta chỉ còn lại một đám khói đen. Đúng, cái đó đã gặm nhấm cả đời ông như sâu gặm đục thân cây, như giọt nước bào mòn tảng đá. Gặm nhấm, bào mòn những chỗ nhức nhối nhất trong lòng ông...

Trong những năm đầu tiên sau khi cưới nhau, Phê-đô không thú nhận điều này với cả chính mình. Thì đã sao — anh nghĩ — việc không thành và không thể thành được như anh mơ ước, vì rằng cả cuộc đời, cả thế giới đã đảo điên, lộn nhào từ trên xuống dưới.

Sau nội chiến, anh về làm ruộng chừng một năm ở làng Mi-khai-lốp-ca. Mùa xuân năm 1921 gieo một ít lúa mạch đen, hè đến anh thường hay ra thăm mảnh ruộng bé tí xíu của mình, ngồi lên mép gốc bạch dương đầu bờ, nhìn những bông lúa ngả nghiêng trước gió, mải mê theo đuổi những ý nghĩ nào đó, cảm thấy trong lòng se lại như bị ai túm chặt lấy tim bóp mạnh. Anh nhớ lại những cánh đồng lúa mạch bát ngát của Cáp-ta-nốp, những nhà kho, chuồng trại ở Ô-gơ-nhép-xki. Bây giờ ở đó, trên bờ hồ, chỉ còn lại một đống thanh củi cháy đen...

Tất cả đã cháy rụi — cả chuồng trại, cả nhà kho, và cả chính lão Cáp-ta-nốp. Tất cả đã biến thành một đống tro bụi. Thế thì còn gì để mà tiếc? Và chính anh, Phê-đô, chỉ thiếu chút nữa thì cũng cháy thành than trong cơn lốc máu lửa này, may sao, nhờ một sự diệu kỳ nào đó mà sống sót...

Một lần, khi anh đang ngồi như thế cạnh mảnh ruộng nhà

mình, An-phi-xa đi đến bên không một tiếng động. Cô đã lấy Ki-ri-an một năm sau đám cưới của Phê-đô, sống cùng chồng trong ngôi nhà của gia đình I-nhi-u-chin còn sót lại. Hai vợ chồng Ki-ri-an cũng gieo một ít lúa mạch ở cạnh ruộng Phê-đô. Hai nhà cày và gieo cùng một lúc, hàng ngày trông thấy nhau, nhưng chỉ chào hỏi nhau một cách lạnh nhạt, như những người xa lạ.

An-phi-xa đến cạnh Phê-đô và dừng lại im lặng.

—Cô cần gì?—Phê-đô hỏi, vẻ không bằng lòng.

—Không cần gì cả. Chỉ muốn đứng gần nhìn anh một tí.

—Chán nhìn chồng rồi à?

—Chồng không phải thỏ rừng, chẳng chạy đi đâu mất.

Phê-đô đứng lên. An-phi-xa, người cân đối, khỏe mạnh, đứng khoanh đôi cánh tay tròn trặn trước ngực. Trong đôi mắt đen thẫm của cô, ánh lên một tia cầu khẩn, dường như cô hiểu Phê-đô đang nghĩ gì. Ánh mắt của An-phi-xa làm cho Phê-đô động lòng. Anh cáu kỉnh hỏi:

—Cô cần gì, tôi hỏi?

—Em đến nhìn xem anh có hạnh phúc không? Anh có yêu cô ta... An-na không?

—Không yêu thì đã không cưới làm vợ.

—Không đâu,—cô lắc đầu.—Không...—An-phi-xa đứng bẻ những ngón tay của mình như muốn dứt đứt chúng ra. Và, lảo đảo ngả vào ngực Phê-đô, cô thì thào qua nước mắt:—Chúng ta đã làm nên chuyện gì! Sao chúng ta lại làm như vậy!

Tiếng thì thầm của An-phi-xa, cặp mắt đầy nước mắt và đôi vai run run của cô đã làm cho Phê-đô xúc động. Anh vuốt vai cô và nói, giọng trầm hẳn xuống:

—Không sao, không sao...

Rồi, không nói thêm một lời nào, hai người cùng đi vào cánh rừng bạch dương.

Họ trở ra khi trời đã về chiều. Mặt trời, lặn khuất xuống sau núi, nhuốm màu đỏ thẫm lên những đám mây lơ lửng cuối chân trời.

—Số phận chúng ta như thế đấy, biết làm sao,—An-phi-xa buồn rầu nói với anh.—Có lẽ đến chết em vẫn còn yêu anh... Dù hiếm hoi những phút gặp nhau, anh vẫn là của em. Chỉ có điều... em sẽ đẻ con với chồng em, với Ki-ri-an.

Trong việc này thì em sẽ không lừa dối anh ấy. Em không thể, mà cũng không nên...

...Vừa nhớ lại tất cả những cái đó, Phê-đô vừa đi dọc theo con đường làng tối tăm, lạnh lẽo và vắng vẻ, tiếng tuyết kêu rít ken két dưới chân, làm ông khó chịu nhăn mặt lại. Trời rét hanh, nên tuyết càng kêu to.

Cảm tưởng chóng mặt thật sự, Phê-đô dừng lại, vịn tay vào cột điện bên đường. Tiếng tuyết dưới chân lập tức im bặt. Nhưng Phê-đô cảm thấy đấy không phải tiếng tuyết kêu rít, mà là tiếng An-na, vợ ông, đang rít lên hỏi ông một điều gì đó, yêu cầu phải trả lời ngay. Ông bỏ tay ra khỏi cột, bước đi tiếp. Và theo nhịp chân, ông nghe rõ từng từ một: «Như thế thì—anh sống—để làm gì? Như thế thì—anh sống—để làm gì?»

Tiếng rít đó thật kinh khủng, nó xoáy vào tai, làm cho đầu nóng bừng lên. Để khỏi phải nghe thấy nó, Phê-đô đứng dừng lại. Nhưng vô hiệu. Tiếng rít đó vẫn xoáy vào hai bên thái dương một cách không thương tiếc: «Sống-để-làm-gì? Sống-để-làm-gì?»

Bỗng nhiên Phê-đô kinh hoàng nghĩ rằng cái tiếng rít, cái giọng nói này sẽ không bao giờ chấm dứt. Ông, Phê-đô, cho đến ngày hôm nay, vẫn dửng dưng đối với tất cả, vẫn như sống trong một giấc mơ trống rỗng nào đó. Nhưng hình như ông vừa tỉnh dậy, An-na đã đánh thức ông bằng câu hỏi của mình. Lúc đầu ông cho đó là câu hỏi vô nghĩa, nhưng bây giờ nó không để cho ông yên, thậm chí nó vang lên cả trong tiếng lạo xạo của tuyết dưới bước chân...

Phê-đô nhắm mắt, rảo bước nhanh, gần như chạy, về nhà. Nhưng chỉ được mấy bước, sợ vấp phải cột điện hay cành cây, ông lại mở mắt ra. Nhưng ông vẫn không trông thấy gì cả, xung quanh ông là bóng tối, đen như mực...

* * *

Mặt trời tháng Sáu như đổ lửa, những bông dương hoa bay lấp loáng trong nắng khô, oi bức, kết thành từng túm trôi trên con đường cái chạy từ làng ra nhà ga, những bông

hoa ngưu bàng bám đầy bụi bẩn cũng phủ đầy các mương rãnh hai ven đường.

Nhưng Na-ta-sa không cảm thấy sự ngột ngạt của nắng hè, không trông thấy những bông dương hoa bay trắng trời như tuyết, cô đi dọc theo con đường trải nhựa nóng bỏng, mắt đờ đẫn nhìn xuống dưới chân. An-na đi bên cạnh, thỉnh thoảng lại đưa khăn tay lên chấm nước mắt.

— Mẹ ơi, đừng khóc nữa, — Na-ta-sa khuyên An-na, nhưng chính mình lại thút thít. Lời một bài hát cô nghe được cách đây không lâu trong một đêm liên hoan văn nghệ tại câu lạc bộ cứ vang mãi bên tai, như cứa vào lòng:

...Khi quân thù động đến đất nước ta,
Một ngọn gió nước Nga cũng thành sức mạnh,
Và những chàng trai tuổi hai mươi ra trận
Sôi sục quyết tâm diệt hết quân thù.
Và hôm nay trong buổi tiễn đưa.
Sẽ nói gì với anh, người vợ trẻ?
Người vợ trẻ gục vai anh nức nở;
Em chờ anh, em sẽ chờ anh...

Na-ta-sa hiểu và bao giờ cũng nhớ rất rõ rằng mùa xuân hay mùa hè tới, Xê-mi-ôn sẽ đi ra trận, nhưng cô bao giờ cũng hình dung ra việc đó còn xa xôi lắm, hầu như không thể xảy ra được. Điều này có lẽ là vì ngay trong cái đêm ấy, khi cô trở thành đàn bà và vợ của Xê-mi-ôn, cái khái niệm về thế giới và về những gì xảy ra trong thế giới đó đã bị đảo lộn — không biết là lần thứ mấy. Trong đêm hôm đó, cô chỉ còn nhớ lại một vài khoảnh khắc. Câu hỏi của bà A-cu-li-na: «Giải giường cho các cháu thế nào đây? Chung hay riêng?», câu trả lời của Xê-mi-ôn: «Chung». Rồi lại giọng nói của bà già: «Lạy Chúa, lạy Chúa...» Sau đó là bước chân của Xê-mi-ôn đi lại trong phòng khi cô đã lên giường nằm, xấu hổ rúc sâu đầu vào trong chăn, nghe khắp người ngây ngất một cảm giác chờ đợi ngọt ngào, nhẫn nhục. Và cuối cùng là bàn tay của anh, cặp đùi của anh, cả tấm thân của anh — nóng hổi, khỏe mạnh, mới lạ, mà cô vừa cảm thấy sờ sợ, vừa ghì chặt ôm ấp, một sự lâng lâng ngây ngất đầy hạnh phúc bao trùm toàn thân...

Và sau đó mấy ngày đêm liên tiếp cũng vẫn sự lâng lâng

ngây ngất đến tột cùng, sự ngơ ngác, ngạc nhiên và xấu hổ. Trước mặt cô thỉnh thoảng, như ở một nơi nào xa lắm, thấp thoáng, những khuôn mặt của bà già A-cu-li-na, Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va, mẹ của Xê-mi-ôn. Mọi người nói với cô những câu gì đó, nhưng cô không thể nào phân biệt được các từ nữa.

—Mẹ muốn con trai của mẹ lấy vợ không phải như thế này. Cần phải tổ chức đám cưới... dù nhỏ,—cuối cùng cô nghe rõ ràng giọng nói của An-na.

—Ôi, đừng, không cần đâu...

—Và cũng không nên. Vừa rồi gia đình bác ruột lại có tai nạn như vậy! Rồi Ma-ca cũng sắp bị đưa ra tòa. Tất cả cứ quay cuồng.

Những lời đó làm cho Na-ta-sa thêm bối rối, cô càng thấy mình có lỗi vì cái đêm hôm đó, vì cái hạnh phúc của mình mà cô bỗng cảm thấy ngay trong phút giây ấy, khi như có một cánh cửa vô hình mở ra ở một nơi nào đó rất sâu trong tâm hồn cô, và từ đó dâng lên một dòng men say ngây ngất, cô chưa hề biết đến, nó tràn ngập khắp người cô, che mờ cả ý thức.

—Con hiểu,—cô nói một cách rời rạc, không suy nghĩ.—Con đã nói với mẹ là con yêu anh ấy... Cứ mặc cho tất cả quay cuồng, cứ mặc cho mọi người xét xử... Và bác An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích mất đi... Nhưng con không thể! Đấy, muốn làm gì con thì làm...

—Con chưa hiểu mẹ, Na-ta-sa ạ,—An-na ghì chặt đầu cô vào bộ ngực nóng hổi của mình.—Mẹ có trách các con đâu? Mẹ rất mừng rằng các con... Mẹ chỉ nói rằng lúc này không tổ chức đám cưới được, không nên...

—Điều đó thì có ý nghĩa gì? Có ý nghĩa gì?

Tất cả trên đời này đối với cô lại một lần nữa bị đảo lộn, và tất cả đều vô nghĩa—một đám cưới nào đó, một gã Ma-ca nào đó, cả cái sự kiện bi thảm ở nhà máy mà dường như xảy ra đã lâu, lâu lắm, cả cuộc chiến tranh đang diễn ra ở một nơi nào đó, cả việc Xê-mi-ôn sắp phải đi ra trận cũng đều vô nghĩa. Anh cần phải đi, nhưng anh không đi, vì rằng bây giờ cô vẫn đang cảm thấy đây là tay của anh, đây là cả người anh...

—Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn!—đêm đêm cô thì thào, ghì chặt lấy người anh.

—Gì thế em?

—Em là của anh! Anh có cảm thấy rằng em là của anh không?

—Em hỏi sao kỳ vậy... Tất nhiên là có.

Có Xê-mi-ôn, có mặt trời rực rỡ và tuyết trắng tinh lấp lánh. Rồi sau đó — có những con suối mùa xuân và những hố nước nhỏ cũng lấp lánh ánh mặt trời, có mặt đất ẩm ướt với mùi hương hăng hắc, và cuối cùng là sông nước Grô-mô-tu-kha trong vắt, còn buốt lạnh khi họ cùng nhau xuống tắm lần đầu tiên.

Cuối tháng Năm, nước sông đã bắt đầu ấm. Ngày chủ nhật mồng một tháng Sáu, hai người đi ra sau làng, bơi sang hòn đảo nhỏ. Nằm trên bờ cát nóng, Na-ta-sa bỗng cảm thấy buồn nôn.

Đã mấy ngày nay Na-ta-sa cảm thấy có một cái gì bí ẩn, không giải thích nổi đang xảy ra với mình. Cô ngạc nhiên, lắng nghe. Bà A-cu-li-na là người đầu tiên nhận thấy trạng thái đó của cô. Sau khi hỏi vài câu, bà mỉm cười:

—Lạy Chúa tôi. Già sẽ làm bảo mẫu cho. Đấy là trời mang lại cho già niềm vui trước khi nằm xuống mộ.

—Không, không đâu... Có thể không phải đâu... — Na-ta-sa nói. Và không hiểu sao, cô tiếp: — Nhưng bà khoan nói với anh Xê-mi-ôn nhé.

—Cũng có thể không phải, — bà già nói với cô. — Nhưng nếu cháu buồn nôn thì đích thị đúng rồi, lạy Chúa. Cháu chờ xem.

Cô chờ, và đấy. Hơi thở của cô bỗng như dừng lại, mặt tái mét, vì rằng trong đầu, không hiểu từ đâu, vang lên rành rọt: «Nhưng anh ấy sắp đi ra mặt trận! Anh ấy sắp bỏ mình đi!»

Đúng vào hôm trước ngày hôm đó, Xê-mi-ôn lại đến phòng quân vụ; anh trở về với vẻ mặt tập trung căng thẳng, nói rằng sau hai tuần nữa người ta sẽ gọi anh. Nhưng dù sao việc anh ra trận đối với Na-ta-sa vẫn còn rất xa, chưa hiện thực. Và chỉ vào đúng cái lúc cô buồn nôn, tấm màn đen trước đây che phủ mắt cô, giờ bỗng biến mất, ý thức được rọi sáng, và cô lập tức hiểu một cách hết sức rõ ràng rằng chỉ sau mấy ngày nữa Xê-mi-ôn sẽ không còn bên cạnh, rằng một sức mạnh nghiệt ngã nào đó sẽ tước mất chồng của cô đem đi.

—Không, không! — cô ôm lấy vai anh, hét vang khắp hòn đảo nhỏ.

—Em làm sao thế? — Xê-mi-ôn ngồi nhỏm dậy trên cát.

—Em không muốn cho anh đi! Em không thể! Không cần... — Hai tay cô, cả người cô run lên. Những hạt cát dính vào ngực, vào bụng, vào đôi chân đầy đặn đã bắt đầu rám nắng, lả tả rơi xuống đất. — Đấy, anh I-u-ri không đi...

Xê-mi-ôn nhìn Na-ta-sa bằng đôi mắt dịu dàng như ngày thường, chỉ có trong ánh mắt của anh thoáng lộ ra một vẻ không hẳn là tò mò, không hẳn là ngạc nhiên, dường như anh vừa thấy ở Na-ta-sa có một cái gì đó mà trước đây chưa thấy. Và cô, bằng linh cảm, hiểu ý nghĩa của cái nhìn đó, rùng mình, né người sang bên.

—Em ngu ngốc lắm, phải không? Mặc! — cô bướng bỉnh nói. — Nhưng em không muốn!

—Đừng nói thế, — Xê-mi-ôn bảo khẽ.

—Nhưng em... em yêu anh. Và em sợ.

—Và anh cũng sợ, — anh nói, dường như đang thú nhận một điều gì đó sâu kín. — Và I-u-ri không đi... Nhưng anh — cần phải đi.

Giọng nói và lời của anh làm cho Na-ta-sa kinh ngạc, bởi cái ý nghĩa sâu sắc bên trong của nó, nhưng đó là cái gì — cô còn chưa kịp hiểu.

—Tại sao? — cô hỏi, mắt nhìn anh không chớp. — Tại sao anh lại cần phải đi? Anh nói đi.

—Em hỏi gì vậy? Đấy, anh muốn tự tay mình đánh bọn phát-xít, đuổi chúng ra khỏi đất nước chúng ta. Chẳng lẽ em không hiểu à?

—Em hiểu. Nhưng đó... nói như vậy quá đơn giản. Còn có một cái gì... cơ bản nhất kia.

Anh im lặng một lát, trán nhăn lại như thể không bằng lòng.

—Có lẽ có, nhưng anh không thể nói ra được, anh không biết.

Na-ta-sa bỗng nhớ lại, anh nhiều lần đã nói với cô rằng anh không biết tại sao lúc đó lại chạy đến bên trạm biến thế. Và đột nhiên — điều này xảy ra đúng là rất bất ngờ — như có một luồng ánh sáng rực rỡ rọi sáng ý thức cô, và cuối cùng cô

đã thấy, một cách hết sức rõ ràng, câu trả lời cho câu hỏi: những nguồn gốc chân lý của cuộc sống trong mỗi một con người mà Xu-bô-tin đã nói đến hôm ở bên mộ của giám đốc nhà máy là cái gì. Cô đã thấy được câu trả lời mà bao lâu nay cô dằn vặt đi tìm. Đó chính là cái sức mạnh, Na-ta-sa nghĩ, mà lúc đó đã thúc đẩy Xê-mi-ôn và giám đốc nhà máy xông vào lửa cứu Nhê-tsa-ép, và sau đó — xông đến trạm biến thế, là cái sức mạnh giờ lại đang kêu gọi Xê-mi-ôn ra mặt trận... Vâng, đúng, vâng, đúng, đấy chính là cái sức mạnh vĩ đại và bí ẩn, vĩnh cửu và vô địch sống trong con người, cái sức mạnh đó trong những phút giây khó khăn, nguy kịch nhất bắt con người phải hướng cái mặt mạnh mẽ nhất, cao thượng nhất, công bằng nhất của mình đến với cuộc sống.

Tất cả những cái đó vụt thoáng lên trong đầu cô trong một khoảnh khắc, và Na-ta-sa nói khe khẽ, nhưng tự tin:

— Không, anh biết.

Anh phá ra cười, xô cô ngã xuống cát, và cả hai cùng lăn xuống nước.

Rồi họ lại nằm trên bờ, dưới ánh mặt trời ấm nóng. Xê-mi-ôn nhìn ra giữa sông. Ở đó, trên một bãi nông, những luồng nước mạnh uốn cong, réo sôi, lấp lánh dưới ánh mặt trời, rồi trôi xuôi về một nơi nào đó; còn ở đây, gần bờ, mặt nước lặng lẽ, những con sóng màu xanh trong vắt khẽ róc rách trườn lên bờ cát ấm.

— Anh biết cái gì, Na-ta-sa? Anh chẳng biết gì cả, — anh trầm ngâm nói. — Anh chỉ biết rõ một điều là anh phải có mặt ở ngoài đó.

Anh im lặng, đôi mắt anh sáng lên lấp lánh, dường như anh thấy trước mặt mình một cái gì đó mới lạ, vừa gây nên nỗi lo ngại, vừa gợi nên sự tò mò.

Một con chim dẽ giun bay đến đậu xuống bờ cát ấm ngay cạnh mép nước và thong thả đi đi lại lại trên đôi chân cao kều. Trên trời, mấy đám mây nhỏ bất động, nhưng bóng của chúng vẫn trườn trên mặt đất. Và khi bóng đen của một đám mây nào đó bò đến cạnh con chim dẽ giun, nó tránh ra xa, nhưng bóng mây lại đuổi kịp, và dường như không muốn để bóng đen trườn lên mình, con chim liền nhảy lên và bay sang chỗ nắng sáng sủa khác. Xê-mi-ôn thoáng mỉm cười.

—Em thử nghĩ về điều này mà xem,—Xê-mi-ôn nói khẽ.—Ông của anh, Mi-khai-in Lu-kích Cáp-ta-nốp, là ai? Mọi người còn nhớ... Cũng có thể có người đã quên, nhưng con trai ông ta, Ma-ca, vẫn còn sống... Và cha của anh, em thấy đấy, là người như thế nào? Em hãy thử nghĩ và em hiểu, vì sao anh phải đi. Mẹ đã hiểu, mẹ khóc nhưng bảo: «Con đi đi, cần phải thế, con ạ...»

—Nhưng không phải vì thế,—Na-ta-sa khẽ lắc mái đầu ướt. Nghĩ một lát, cô chữa lại:—Không chỉ vì có thế.

Ánh mắt Xê-mi-ôn giờ đang nhìn lên những sườn núi xanh ngắt dốc đứng của dãy Dve-nhi-gô-ra, những tảng đá hoa cương lấp lánh. Một bóng mây bay tới, vấp vào chúng, bị xé toạc ra và từng mảnh, từng mảnh một theo nhau trườn xuống thấp.

—Đúng, không chỉ vì...—Xê-mi-ôn lặp lại, bốc một nắm cát lên lắc lắc trong tay. Rồi anh nằm ngửa người ra trên cát. Mặt trời bị lấp sau một đám mây trắng không dày lắm, những tia nắng vẫn đủ sức xuyên qua. Ở giữa đám mây là màu hồng thanh thiên, xung quanh mép nóng chảy thành màu lửa đỏ thẫm, và từ đám mây phóng ra bốn phía những tia màu hổ phách.—Hay còn vì đám mây kia rực rỡ trên bầu trời? Hay còn vì bác An-tôn đã hy sinh như vậy? Hay còn vì anh đã gặp em và yêu em? Vì thế, phải không? Đó chính là những lời giải thích hoa mĩ...

Lời của anh mỗi lúc một gay gắt hơn. Anh ngồi nhỏm dậy và nhíu đôi lông mày màu sáng nhạt nhìn cô.

—Anh nói gì... lạ vậy,—cô nói, cố sức để hiểu anh.—Sao anh lại cáu thế?

—Anh xin lỗi em,—anh nói vẻ hối hận.—Nhưng em đừng hỏi anh những gì anh không giải thích nổi. Thế cũng đã hiểu rồi.

—Em sẽ không thế nữa. Giờ em sẽ không thế nữa,—cô nói, nhưng đầu vẫn theo đuổi những ý nghĩ của mình.

Và như thế trong ngày hôm đó cô vẫn chưa nói với anh về một cuộc sống mới đã nảy sinh ra trong cô. Cả những ngày hôm sau cô cũng không nói, sợ làm cho Xê-mi-ôn phải thêm lo lắng và đau khổ, vì rằng không có nó Xê-mi-ôn cũng đang ở trong một trạng thái thần kinh căng thẳng. Ngày lên đường

đã rõ — 14 tháng Sáu. Xê-mi-ôn khi thì chạy đến nhà máy — mặc dù anh đã thôi việc, khi thì về nhà với mẹ, khi thì, không biết có việc gì, lại đến phòng quân vụ. Nhưng phần lớn thời gian anh ở bên cạnh Na-ta-sa, nhìn cô khi âu yếm, khi trầm ngâm, khi buồn buồn. Đêm đêm, cho đến tận sáng, hai người đi lang thang trên các đường làng, giữa các gò đống, bụi cây quanh làng, dọc theo bờ con sông Grô-mô-tu-kha đẫm ánh trăng.

— Mọi việc của chúng ta như vậy đấy... Anh biết rằng cái ngày đó sẽ đến rất nhanh, và anh không muốn... Anh muốn để em được tự do. Bởi vì tất cả... đều có thể xảy ra với anh ngoài mặt trận... Nhưng anh yêu em, — Xê-mi-ôn nói với cô một cách ấp úng, lộn xộn vào những đêm cuối cùng ngắn ngủi của tháng Sáu.

— Anh không muốn... Nhưng lúc đó ai sẽ cho em tất cả những cái này... tất cả những gì chúng ta có? Và sẽ không có chuyện gì xảy ra cả... Không gì có thể... — đôi môi cô nóng hổi, khẽ thì thào giữa những chiếc hôn. Người cô bị đôi tay anh vò nát, đau nhức, nhưng cô vẫn còn muốn được anh ôm, được anh ghì thật chặt.

— Bây giờ em sẽ ở lại một mình, — anh nói, như chờ đợi một cái gì.

«Không, em có hai mẹ con!» — cô đã suýt kêu lên, nhưng kìm lại được. Cô muốn nói với anh điều này lúc từ biệt, trong phút cuối cùng, để anh ra đi chỉ với một suy nghĩ về điều đó.

Đêm 14 tháng Sáu, những người tình nguyện ra trận tập trung ở phòng quân vụ huyện, khi thì tập hợp thành hàng trong sân, khi thì được chở đi đâu đó. Na-ta-sa và An-na suốt đêm đứng đợi ở hàng rào cạnh cổng phòng quân vụ, đến sáng mới đi về nhà. Na-ta-sa nằm xuống giường cũ của mình, cạnh Gan-na. Trời vừa sáng, An-đrây đã chạy về lay cô dậy:

— Đi ra ga rồi. Đi thành hàng! Đi đầu là một ông thiếu tá! Anh Xê-mi-ôn bảo về gọi mọi người ra ga. Anh ấy bảo đi nhanh lên...

Và giờ cô đang đi ra ga, đôi mắt đờ đẫn nhìn xuống chân. Bài hát về những ngọn gió nước Nga vẫn vang lên không ngớt, An-na bên cạnh vừa đi vừa khóc thút thít. Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, Đi-ma, An-đrây, Gan-na và cha của Xê-mi-ôn im lặng đi

phía sau. Na-ta-sa đã nghĩ rằng ông sẽ không đi tiễn con, bởi vì lúc nãy nghe những lời của An-đrây về báo tin, ông quát: «Biết rồi, im đi!» Nhưng rồi ông cũng đi cùng mọi người, lưng còng xuống, chân kéo lê, mắt không nhìn ra hai bên đường...

Một đám, không hiểu là mây xám hay là khói đầu máy tụ lại, treo lơ lửng trên nhà ga. Càng gần đến ga, đường càng chật: người đi bộ, xe ngựa chen nhau. Cạnh con đường sắt ngoài cùng, mọi người tụ tập lại đông như một cái chợ: khăn áo sặc sỡ đủ màu, mũ, nón đủ kiểu. Từ đám đông đứng kéo dài dọc đoàn tàu gồm những toa hàng được sưởi ấm để chở người vọng đến tiếng ồn ào huyên náo, rồi sau bắt đầu nghe rõ tiếng phụ nữ kêu khóc, tiếng cười, tiếng đàn gió rè rè, vội vã.

—Nhanh lên, không kịp bây giờ!—Na-ta-sa kêu lên và định chạy đi, nhưng An-na bỗng thở dốc lên, dừng lại.

—Không sao, không sao, mẹ đi ngay bây giờ...—và An-na lại đi tiếp, bước nhanh hơn.

Còn một trăm mét nữa thì đến đường tàu, con đường nhựa rẽ ngoặt sang trái, về phía kho ga và khu tập thể công nhân. Ê-li-da-rốp mặc áo quần công an đứng ở chỗ ngoặt, và không hiểu để làm gì, quát:

—Sang phải, đi sang phải! Các ông các bà không thấy đoàn tàu đỗ ở đâu à?

—Chúng tôi muốn vào cửa hàng,—có người nào đó nài nỉ.

—Cửa hàng hôm nay đóng cửa! Hàng hóa vét hết từ lâu, còn trơ lại cái vỏ không!

Tiếng đàn gió vang lên ngay đâu đây bên cạnh Na-ta-sa, một giọng say rượu hét lên, át cả tiếng đàn:

Mẹ thân yêu tiễn con ra trận...

Na-ta-sa trông thấy ba thanh niên tóc cắt ngắn—một người cầm đàn gió, hai người kia mang ba-lô đồ đạc.

—Cô-ông a-an!—một người trong bọn họ dài giọng say rượu kêu to, nhảy tới ôm chầm lấy Ê-li-da-rốp.—Bạn thân mến của tôi, tạm biệt nhé!

— Vê-nhi-a-min đi ra trận đấy, hiểu chưa? — một anh khác túm lấy vai Ê-li-da-rốp lắc lắc, giải thích.

Còn anh thanh niên thứ ba vẫn gân cổ lên hát, tay bấm mạnh lên những phím đàn màu hồng nhạt.

Nếu mọi người đều hăng hái như con...

— Bỏ ra! Bỏ ra! — Ê-li-da-rốp giằng ra, quát. Chiếc mũ đội trên đầu hắn rơi xuống đất. — Các anh muốn gì nào?

— Sao thế? — một anh thanh niên hỏi. — Khô-ông, anh hãy nói cho mọi người biết rằng Vê-nhi-a-min đã đi ra trận đấy!

— Tôi sẽ nói, tôi sẽ nói, — Ê-li-da-rốp giận dữ hét, mặt đỏ bừng, đẫm mồ hôi. Hắn nhặt chiếc mũ từ dưới đất lên, giũ mạnh. — Đi ra chỗ xếp tàu đi!

Anh thanh niên kéo đàn gió bỗng đột ngột cắt ngang bài hát của mình, quay về phía các bạn, quát lớn:

— Im lặng! — và bước đến bên Ê-li-da-rốp. — Nói cho đúng ra... Súc vật người ta mới đuổi ra chỗ xếp tàu, còn chúng tôi là người! Chúng tôi ra chỗ lên tàu! Hiểu chưa? Đồ mặt thớt! — Và anh ấn mạnh chiếc mũ lưỡi trai xuống che cả mắt Ê-li-da-rốp.

— Đồ du côn! — Hắn hét lên, hai tay múa may. — Ê-li-da-rốp nhớ mặt mày... nếu như mày còn trở về đây!

Anh thanh niên, không để ý đến tiếng kêu của hắn, thong thả bước đến bên đoàn tàu.

— Thế cũng đòi làm bộ đội! — Ê-li-da-rốp giận dữ nói đuổi theo. — Với loại này thì có mà thắng Hít-le!

— Anh nói phải đấy, A-nhi-cây ạ, — một giọng nói khàn khàn vang lên ngay bên cạnh. Đó là một ông già như được tạc vội ra từ một gốc cây khô: lưng gù, vai nhọn, tay sần sùi, ngón cong queo, cổ dài, gầy, màu đồng hun. — Tôi còn nhớ, hai mươi năm về trước cũng không làm thế nào thắng được bọn Tiệp Khắc trắng và Côn-tsắc...

— A-a, Pan-crát Gri-gô-ri-ê-vích Na-da-rốp! — Ê-li-da-rốp rướn đôi lông mi dài đen lên. — Ông đi tiễn ai hay chỉ tò mò đến xem?

— Và đến bây giờ vẫn phải sống dưới ách của chúng, — ông già không trả lời câu hỏi, nói tiếp.

— Hê-hê... ông nói đùa đấy chứ?

— Đùa gì? Bộ đội lúc bấy giờ, vào thời kỳ ấy, cũng những kẻ vứt đi như vậy. Nhưng đã làm nên cả một cuộc cách mạng đấy.

— Ra thế! Ông cho Ê-li-da-rốp này là thằng ngu à?

Câu này Ê-li-da-rốp nói với theo, khi ông già với hai cánh tay sần sùi cong queo đã đi khuất. Trông thấy Na-ta-sa, hắn hoảng hốt nhìn quanh, bước sang một bên tránh đường cho cô. Đi qua được mấy bước, Na-ta-sa nghe hắn nói:

— A, anh Phê-đô đấy à? Chào anh. Anh vừa đi tiễn con, vừa đi tiễn em đấy à? Vâng, chiến tranh chứ đâu phải trò chơi, nó đòi phải...

— Còn em nào nữa? — cha của Xê-mi-ôn cáu kỉnh trả lời Ê-li-da-rốp, và giọng nói của ông bị chìm ngập trong tiếng kêu la, tiếng khóc của mọi người như một làn sóng nặng bỗng rộn lên chạy suốt từ đầu đến cuối đoàn tàu.

«Đã đi rồi! Đi rồi!» — Na-ta-sa giật mình như phải bỏng, cô vội vã chạy lách qua đám đông, kéo theo cả An-na.

— Đấy chỉ là đầu tàu thôi, chị Na-ta-sa ơi, đấy là người ta nối đầu tàu thôi! — An-đrây chạy bên cạnh lanh lảnh kêu to.

Đoàn tàu quả nhiên vẫn đang đứng yên tại chỗ, bên mỗi toa tàu, bên mỗi cánh cửa vuông màu đen giống như những chiếc hố sâu không đáy, người đứng ken đặc thành bức tường không thể len qua được. Na-ta-sa có cảm tưởng rằng cô không thể nào tìm thấy Xê-mi-ôn trong cái đám đông ồn ào hỗn độn này, rằng cô không kịp từ biệt anh, mà cô còn bao nhiêu điều cần nói.

— Anh ấy ở đâu? Anh ấy ở đâu? — cô hét to, tay vẫn không buông An-na.

— Ở đằng kia, ở cuối đoàn tàu, — Đi-ma từ phía cuối đoàn tàu chạy lại, nói. — Cả anh Xê-mi-ôn, cả chú I-van.

Đầu tiên Na-ta-sa trông thấy I-van Xa-vê-li-ép đang đứng cạnh cánh cửa đen của toa tàu và vuốt ve đôi vai một người đàn bà thấp, gầy; đứng cạnh họ là ông già Pan-crát Na-da-rốp cô vừa gặp lúc nãy, sau đó cô mới thấy Xê-mi-ôn. Thấy họ, Xê-mi-ôn chìa hai tay ra phía trước, bước đến mấy bước.

Cả hai người đàn bà, Na-ta-sa và An-na, ôm chầm lấy anh và cùng một lúc òa lên khóc.

— Thôi, đừng khóc nữa, nín đi! — Xê-mi-ôn ôm cả mẹ và vợ trong vòng tay, nói.

— Xê-mi-ôn... con trai, con!.. — An-na khóc mỗi lúc một to, còn Na-ta-sa chỉ nhắc đi nhắc lại một câu:

— Em sẽ chờ, anh Xê-mi-ôn... Em sẽ chờ anh.

Cô không nhận thấy là đang nói bằng lời của một bài hát bỗng từ đâu vang lên bên tai.

Người cha đi đến, dừng lại cách họ hai bước, tay bỏ thõng. Xê-mi-ôn khẽ gỡ mẹ và vợ ra:

— Con không nghĩ là cha sẽ đến, — anh nói.

— Tao cũng biết thế, — ông trả lời, đôi lông mày mọc khít nhau nhíu lại gãy góc, nằm bất động. — Vì vậy mà không muốn...

— Thế thì cha đến làm gì? Con chẳng trách đâu.

— Tao cũng không biết nữa. Có thể là vì lòng ganh tị...

— Cái gì?!

Mọi người im lặng đứng nghe. Câu chuyện rất khó hiểu đối với người ngoài và đối với cả Na-ta-sa. I-van khẽ gỡ vợ đang níu chặt lấy anh, bước đến gần.

— Khoan đã, khoan đã, — anh nói, mắt nhìn vào đôi lông mày gấp khúc của người anh ruột. — Lòng ganh tị nào? Rằng anh không được gọi ra trận?

— Không phải, — Phê-đô cười khẩy, dường như ông vừa nuốt xong một hòn đá nặng. — Việc đó tao cũng có thể, nếu như muốn. Cùng lắm thì như Ki-ri-an I-nhi-u-chin... Nói chung... Nhưng các người đâu hiểu được điều này....

— Đúng vậy! — I-van ngạc nhiên thốt lên.

A-ga-ta túm lấy áo anh kéo sang bên, anh vừa bước đi vừa ngoái lại nhìn.

— Và cũng chẳng để làm gì, — Phê-đô nói tiếp. — Còn con, Xê-mi-ôn, tạm biệt...

Và ông quay người bước đi, lưng hơi gù xuống.

Mọi người đứng nhìn theo ông ngơ ngác, dường như ông vừa đến và mang đi một cái gì đó, nhưng cái gì — không ai hiểu.

— Lên tà-àu! — từ một nơi nào đó phía đầu đoàn tàu vẳng lại tiếng hô khẩu lệnh kéo dài. Tiếng kèn đồng vang lên gay

gắt, thúc giục trong bầu không khí nóng nực, đầy bụi, đám người bỗng nhốn nháo, nhưng không ai vội lên tàu cả. Mẹ, các em, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na vây lấy Xê-mi-ôn, vừa khóc vừa ôm lấy anh. Còn Na-ta-sa đứng ở bên cạnh, mọi người dường như quên cô đi. «Và mình không kịp mất... Không kịp nói gì với anh ấy cả», — trong đầu cô như có một ngọn lửa bốc lên, quay cuồng.

— Còn em, An-đrây, liệu đấy, không được bày trò dại dột, nghịch ngợm, — Xê-mi-ôn nói nhanh với đứa em út, tay xoa lên đầu cậu. — Chăm sóc giữ gìn lấy mẹ, hiểu chưa?

— Em hiểu rồi, — mắt liếc nhìn sang bên, An-đrây trả lời. — Nhưng anh ra đến nơi phải viết thư về ngay cho em đấy, kể chuyện ngoài đó...

— Tạm biệt nhé, An-na, — Na-ta-sa nghe tiếng nói và thấy I-van đang ôm hôn mẹ Xê-mi-ôn. Rồi Xê-mi-ôn cuối cùng cũng đã đến bên cạnh cô, cầm tay kéo sang bên.

— Thế đấy, Na-ta-sa ạ... — anh nói nhanh. — Tạm biệt em nhé.

— Xê-mi-ôn, anh Xê-mi-ôn... Em sẽ chờ anh...

Sau những lời đó, cô muốn nói hết tất cả những gì mà cô đã chuẩn bị từ trước, nhưng chúng bỗng biến đi đâu hết và cô cứ lặp đi lặp lại mãi một câu:

— Em sẽ chờ anh, em sẽ chờ...

Tiếng kêu khóc của những người đàn bà, tiếng kèn đồng vang không ngớt, tiếng quát tháo của các sĩ quan chạy dọc theo đoàn tàu đã cản trở, không cho cô nói hết tất cả. Và từ đâu, Vê-ra I-nhi-u-chi-na bỗng chạy đến.

— Chúc anh may mắn, Xê-mi-ôn! Dù sao thì em vẫn yêu anh! — cô kêu to, ôm chầm lấy Xê-mi-ôn, hôn anh.

— Ít ra thì bây giờ cũng đừng giả vờ nữa, — Xê-mi-ôn gỡ cô ra, nói.

— Thật vậy... Anh muốn nghĩ gì tùy anh... — Và nước mắt trào ra trong mắt cô.

— Thế còn A-lây-nhi-cốp? Còn I-u-ri bây giờ?

— I-u-ri nào?..

Và cô biến đi cũng nhanh như khi xuất hiện. Na-ta-sa có cảm tưởng rằng cô ta biến đi là vì I-u-ri đang lách qua đám đông chạy đến.



—Phù! Chút nữa thì chậm! Xin mãi mới được nghỉ một chốc, — anh nói, thở hổn hển. — Thế nghĩa là đi nện phát-xít đấy à? Tớ ghen với cậu đấy.

— Ở đây cũng vừa đã có một người ghen rồi.

— Cái gì? Ai? — I-u-ri không hiểu. — Nào, như trong bài hát: «Nếu chết — chết nhẹ nhàng thanh thản, nếu bị thương — chỉ sướt ngoài da». Hoặc tốt nhất là không có cả cái này, cả cái nọ. Mẹ tớ gửi lời chúc cậu trở về may mắn.

— Hôm qua tôi đã đến chào bác. Còn anh với Vê-ra ra sao rồi?

— Không sao cả... Một cô gái khá lạ lùng, nhưng gan lì. Cắt đứt rồi.

— Lâu chưa?

— Từ hồi mùa đông kia. Sau... vụ cháy ở nhà máy.

— Đúng rồi. Bây giờ anh đâu còn là con trai giám đốc nữa!

— Như thế thì sao? Khoan, cậu nói về chuyện gì vậy?

— Để sau, để sau, hết chiến tranh tôi nói cho nghe. Còn bây giờ cho tôi tạm biệt vợ một tí.

Xê-mi-ôn lại cầm lấy tay Na-ta-sa. Nhưng vừa lúc đó, tiếng còi tàu bỗng rúc lên, các toa tàu rùng mình, chuyển động.

— Xa-vê-li-ép, lên tàu! — một sĩ quan mặc quân phục nhàu nát chạy ngang qua, quát.

Mẹ, Ma-ri-a Phi-rơ-xốp-na, An-đrây, Đi-ma, Gan-na lại vây lấy Xê-mi-ôn. Nhưng bây giờ anh không chú ý đến họ nữa, anh vừa bước giật lùi, vừa ghì chặt Na-ta-sa vào người, gần như nhấc bổng cô lên khỏi mặt đất, mang đi, dường như muốn ném cô vào toa, đưa đi theo mình.

— Tạm biệt, tạm biệt, tạm biệt, em thân yêu... Em chờ anh nhé... — bàn tay anh run rẩy vuốt ve mái tóc ẩm sổ tung của vợ. — Anh vẫn có cảm giác như anh đã làm cho em giận, khi chúng ta nằm trên bờ cát ở đảo cách đây không lâu. Xin lỗi em nhé... Tạm biệt!

– Xê-mi-ôn, anh Xê-mi-ôn! Em không muốn, em không thể... Không cần! — cô thét lên như hôm nào ở trên đảo. Và cô bỗng nhớ đến cái quan trọng nhất mà cô định nói với anh: — Em cũng muốn đi ra trận cùng anh... Nhưng bây giờ em không thể, vì em... chúng ta sắp có con!

Lúc đó Xê-mi-ôn đã gỡ vợ ra, nhảy lên toa tàu chạy ngang

qua, túm lấy những bàn tay từ cửa toa chìa ra. Nhưng nghe Na-ta-sa nói, anh lập tức nhảy xuống, chạy bổ đến, túm chặt lấy vai vợ, lắc mạnh:

—Na-ta-sa! —Đôi mắt anh rực lên vừa giận dữ, vừa vui mừng. —Em nói gì? Em vừa nói gì?!

—Chúng ta sẽ... chúng ta sẽ có...

Đoàn tàu chạy chậm. Những người đàn bà vừa kêu khóc, vừa bám lấy các toa tàu chạy dọc theo nền đường sắt không cao lắm, xô cả vào Xê-mi-ôn và Na-ta-sa.

—Tại sao em không nói? Tại sao? Tại sao?! —Xê-mi-ôn, một tay ôm ngang lưng vợ, tay kia vuốt lên đôi má cô — dường như muốn bằng bàn tay ghi nhớ khuôn mặt cô, và sững sốt nhìn mãi vào đôi mắt cô tối sầm lại vì đau buồn.

—Em không biết nữa... Em ngốc lắm. Em muốn nói với anh vào phút cuối cùng. Để anh đi với ý nghĩ đó... và để anh giữ mình.

Cô nói, giọng yếu ớt nhưng tràn trề hạnh phúc, đôi môi khô nẻ hầu như không mấp máy. Anh hôn vào đôi môi nóng hổi, mằn mặn vì nước mắt của cô. Cô nhắm mắt lại...

Rồi cô cảm thấy rằng Xê-mi-ôn không còn ở bên cạnh mình nữa...

Đoàn tàu, bị những chùm người bám đặc, chậm chạp bò, như thể khó khăn lắm mới đi xuyên qua được tấm màn dày đặc dệt bằng tiếng người kêu khóc, la hét. Phía sau đoàn tàu, Xê-mi-ôn cố chạy đuổi theo toa cuối cùng.

«Không kịp, không kịp... —Na-ta-sa vui mừng nghĩ thầm: —Không kịp, và anh ấy sẽ ở lại... Điều đó dễ dàng và đơn giản biết bao. Và chúng mình sẽ đi về nhà, và tất cả lại như trước kia...»

Nhưng Xê-mi-ôn cuối cùng cũng đã đuổi kịp toa tàu. Những bàn tay chìa ra, đón lấy anh, nhấc bổng anh lên, kéo vào cái cửa hang đen ngòm, không đáy...

Na-ta-sa lảo đảo và ngã vật xuống mặt đất nóng hổi vừa bị hàng trăm ngàn bước chân giẫm nát ra thành bụi.

MỤC LỤC

BẠN ĐỌC THÂN MẾN!

Với lòng biết ơn sâu sắc, chúng tôi mong muốn bạn nêu lên những đề nghị và nhận xét mà bạn thấy cần thiết về cuốn sách này.

Chúng tôi hy vọng rằng các tác phẩm văn học Nga và văn học Xô-viết được xuất bản bằng tiếng mẹ đẻ của bạn sẽ giúp bạn hiểu biết sâu hơn văn hóa và lối sống của nhân dân chúng tôi.

Địa chỉ của chúng tôi: 119859, Москва, Зубовский бульвар, 17, издательство «Радуга»

А. Иванов, Вечный зов, роман, книга первая в двух томах, том 2, на вьетнамском языке. Перевод сделан по изданию: Иванов А., Собрание сочинений в пяти томах, т. 3, изд-во „Молодая гвардия“, 1980.